

LỖ TẤN

LỊCH SỬ TIỂU THUYẾT TRUNG QUỐC

LƯƠNG DUY TÂM (DỊCH)
LƯƠNG DUY THỨ (HIỆU ĐÍNH)



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỖ TẤN

LỊCH SỬ TIỂU THUYẾT TRUNG QUỐC

Dịch giả

LƯƠNG DUY TÂM & LƯƠNG DUY THỨ

Biệu đính

LƯƠNG DUY THỨ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI GIỚI THIỆU

Lỗ Tấn là một trong các danh nhân văn hóa thế giới thời hiện đại (được tổ chức Văn hóa Giáo dục Liên hiệp quốc UNESCO tôn vinh năm 1981, nhân 100 năm ngày sinh của ông). Lỗ Tấn cũng là nhà văn cách mạng Trung Quốc được Bác Hồ kính yêu, quý trọng⁽¹⁾ và rất gần gũi với bạn đọc Việt Nam.

Bạn đọc khắp thế giới biết Lỗ Tấn qua nhân vật điển hình “siêu dân tộc, siêu giai cấp, siêu thời đại”⁽²⁾ - AQ trong truyện vừa nổi tiếng *AQ chính truyện*. Bạn đọc cũng biết Lỗ Tấn qua hàng loạt truyện ngắn của ông như *Nhật ký người điên, Thuốc, Cầu phúc, Cố hương* v.v...

Nhưng Lỗ Tấn còn là một học giả. Các sách *Lịch sử văn hóa Trung Quốc* đều coi ông là nhà văn hóa thời cận đại - một nhà văn hóa theo khuynh hướng cách tân, chủ trương cách mạng giải phóng dân tộc. Ông nghiên cứu sâu sắc Nho học, Đạo học, so sánh nó với *Upanishad* Ấn Độ cũng như *Shinto* Nhật Bản. Phải chăng, đó chính là “phần chìm” của “tảng băng trôi” - theo cách nói của Hemingway? Bởi vì có hiểu sâu sắc văn hóa dân tộc mình, có hiểu cận kề văn hóa dân tộc khác để hiểu mình hơn, để tránh thiên lệch “ở nhà nhất mẹ nhì con”, thì mới có thể phát hiện và phê phán những thói hư tật xấu không nên có của dân tộc mình. Các biểu hiện “quốc dân tính Trung Hoa” được thể hiện qua *AQ chính truyện* và hàng loạt

⁽¹⁾ Xin xem thêm: *Bác Hồ với Lỗ Tấn*, Lương Duy Thứ., Tập san *Kiến thức ngày nay*, số tháng 10-1996.

⁽²⁾ Từ điển văn học hiện đại Trung Quốc, H. 1989.

truyện ngắn, tạp văn... chính là “phần nổi” được thăng hóa từ phần chìm vững chắc là một hành trang văn hóa đầy đặn.

Các bộ sách nghiên cứu của ông như *Trung Quốc tiểu thuyết sử học*⁽³⁾, *Hán văn học sử cương yếu*, các bài tạp văn như *Thầy Khổng ở Trung Quốc ngày nay*, *Phong độ Ngụy Tấn và mối quan hệ giữa rượu, thuốc và văn chương* v.v... sẽ giúp chúng ta hiểu thêm tư tưởng, tài năng và nhân cách Lỗ Tấn.

Hán văn học sử cương yếu (Đại cương lịch sử văn học Hán), là tập bài giảng về Lịch sử văn học Trung Quốc, từ khởi thủy qua *Kinh thi*, *Sổ từ* đến văn học đời Tần, Hán. Ông giảng các chuyên đề này ở Đại học Hạ Môn từ năm 1926 rồi sau đó ở Đại học Trung Sơn từ 1927. Chuyên đề gồm 10 chương, bắt đầu từ định nghĩa Văn là gì? Văn chương là gì? Thơ bắt đầu từ đâu? Ông nói đến sáu điển của *Kinh thư* và sáu nghĩa của *Kinh thi*. Ông bàn về chữ “vô vi” của Lão Tử, cái “phong phú hoa mỹ” của Trang Tử và cho rằng, văn Trang Tử “các tác giả cuối Chu không ai hơn ai được”. Ông dành những lời lẽ xúc động nhất cho Khuất Nguyên và đánh giá cao tác dụng của *Ly tao*: “*Ly tao* ra đời tưới tắm rừng văn hết sức xa rộng”. Ông cho rằng, Lý Tư với bài phú *Can việc đuổi khách* (Gián trực khách phú) chính là tái gia văn học đời Tần. Ông đồng cảm sâu sắc với bi kịch của Tư Mã Thiên và khen *Sử ký* là “một thiên *Ly tao* không vần” (Vô vận chi *Ly tao*).

Những kiến giải về lịch sử văn học Trung Quốc của ông không những có giá trị mở đường cho việc soạn thảo lịch sử văn học mới bắt đầu thời bấy giờ (trước kia, người ta chỉ sưu tập, bình luận hoặc thẩm văn mà thôi) mà hơn nữa thế kỷ qua vẫn được coi là chuẩn mực. Ông vốn dự định viết một bộ Lịch sử văn học hoàn chỉnh, nhưng do hoàn cảnh đành bỏ dở. Song nếu chúng ta kết nối *Hán văn học sử cương yếu* với *Phong độ Ngụy Tấn...*, *Đường truyền kỳ khảo* và nhất là *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược...* thì cũng có thể hiểu được quan điểm của ông về sự phát triển của văn học Trung Quốc 2500 năm.

⁽³⁾ Xem *Sơ lược lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc*, Lương Duy Tâm dịch, NXB Văn hóa, H. 1996.

Có thể thấy, ông đánh giá cao tác dụng của tư tưởng Đạo gia, đặc biệt là Trang Tử đối với sự phát triển tư duy thẩm mỹ và sáng tạo văn chương. Trước kia, người ta thường nói đến “Văn tải đạo” “Thi ngôn chí” của Nho gia và quên đi sự trói buộc của các chuẩn tắc đạo đức đối với cá tính sáng tạo. Với tư cách một nhà văn - một cá tính sáng tạo, Lỗ Tấn đã thấy rõ điều đó. Không chỉ một lần ông nói tính khuôn sáo kinh viện xa rời cuộc sống của Nho giáo. Đọc kỹ các chương II, III, IV của sách này, cùng với các bài nói về phong độ Ngụy Tấn, về Lưu Linh, Kê Khang v.v... chúng ta sẽ hiểu ông hơn.

Cũng với tư cách một nghệ sĩ ông có sự đồng cảm sâu sắc với các nhân cách cao cả, tuy có lúc cô đơn không hợp với đời, nhưng họ đã hát ca bằng tất cả trái tim chân thành và nhạy cảm. Những dòng ông viết về nỗi cô trung của Khuất Nguyên, về cái chết của Giả Nghị, về Tư Mã Tương Như và Tư Mã Thiên... đã toát lên điều đó.

Một điều nữa cần đề cập, đó là sách viết bằng cổ văn - một loại cổ văn cũng điêu luyện như Sái Nguyên Bồi, Dương Hạnh Phật cùng thời ấy. Phải chăng đây là một nghịch lý, bởi vì thời này Lỗ Tấn đang cùng với Trần Độc Tú, Hồ Thích... nhiệt liệt đề xướng dùng bạch thoại thay thế cổ văn? Là nghịch lý nhưng cũng thuận lý, bởi vì đây là sách nghiên cứu dưới dạng đề cương, đòi hỏi tính cô đọng, hàm súc cao, dùng cổ văn để thể hiện là thuận tay với các học giả Trung Quốc thời ấy. Có điều, biết được sự uyên thâm cổ văn của Lỗ Tấn chúng ta sẽ càng trân trọng chủ trương dùng bạch thoại thay cổ văn của ông; cũng giống như vậy, biết được sự nghiên cứu công phu về Nho giáo của ông thì cũng sẽ có thái độ trân trọng hơn đối với sự phê phán có phần gay gắt của ông đối với Khổng Tử.

Lỗ Tấn là nhà văn hiện đại Trung Quốc mà sáng tác (bao gồm truyện ngắn, tạp văn, thơ v.v...) hầu như đã được dịch toàn bộ ra Việt văn. Sách nghiên cứu của ông cũng đã dịch một số. Cuốn *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược* và *Hán văn học sử cương yếu* được in lần này, sẽ giúp chúng ta hiểu thêm tài năng và tâm huyết của một văn hào nhân loại.

GS. LƯƠNG DUY THỨ

Phần thứ nhất

TRUNG QUỐC TIỂU THUYẾT SỬ LƯỢC

TÓM TẮT TÁC PHẨM

Lời đề

Lời tựa

Chương 1. Những trước tác cùng bình luận về tiểu thuyết của nhà viết sử.

Nghệ văn chí trong *Hán thư*, *Kinh tịch chí* trong *Tùy thư* nói thế nào - *Kinh tịch chí* trong *Đường thư* bắt đầu không có lời tựa; *Nghệ văn chí* trong *Tân Đường thư* bắt đầu đưa lui truyện quỷ thần vào tiểu thuyết. Hồ Ứng Lâm - đời Minh - chia tiểu thuyết làm sáu loại; Tứ khố thư mục đời Thanh chia tiểu thuyết làm ba loại; Tứ khố thư mục còn đưa lui Cổ sử vào tiểu thuyết - Biến lệ của thư mục.

Chương 2. Thần thoại với tiểu thuyết.

Nguồn gốc của tiểu thuyết: Thần thoại.

Trung Quốc khuyết mất thần thoại nguyên thủy; Việc thần thoại chuyển hóa thành tiểu thuyết - Những sách chứa nhiều thần thoại cùng tiểu thuyết: *Sơn Hải kinh*, *Mục thiên tử truyện*, *Sở từ*, *Thiên vấn*, v.v... Nguyên nhân việc thần thoại Trung Quốc mất mát đi.

Chương 3. Những tiểu thuyết mà *Nghệ văn chí* trong *Hán thư* ghi chép - Những tiểu thuyết có ghi trong *Hán chí* nay đều thất lạc: *Y đoan thuyết*, *Chư tử thuyết*, *Thanh sử tử*, *Sư khoán*, *Ngu sơ Chu thuyết*, *Bách gia*, *Vụ thành tử* với *Tống tử*.

Chương 4. Những tiểu thuyết của người đời Hán mà nay còn thấy. Tiểu thuyết của người đời Hán mà nay còn thấy thì đều là sách làm giả *Thần dị kinh* và *Thập châu ký* của Đông Phương Sóc. *Hán võ cổ sự*, *Hán vô nội truyện* của Ban Cố. *Hán vô động minh ký* của Quách Hiến, *Tây kinh tạp ký* của Lưu Hâm, *Phi Yến ngoại truyện* của Linh Huyền với *Tập sự bí tâm* của người đời Hán.

Chương 5. Sách quỷ thần chí quái đời Lục triều (Thượng). Việc các nhà văn truyền bá chuyện thần quái, *Liệt dị truyện* của Ngụy Văn Đế, *Bác vật chí* của Trương Hoa, *Sưu thần ký* của Can Bảo, *Sưu thần hậu ký* của Đào Tiềm, *Dị uyển* của Lưu Kính Thúc, *U minh lục* của Lưu Nghĩa Khánh, *Tục tề hải ký* của Ngô Quân, ảnh hưởng của Ấn Độ trong các sách chí quái.

Chương 6. Sách quỷ thần chí quái đời Lục triều (Hạ) - Việc nhà Phật thuyết về kết quả như loại *Minh tương ký* của Vương Viêm và lời giáo khuyến dụ dỗ của các phương sĩ như *Thần dị ký* của Vương Phù, *Thập dị ký* của Vương gia.

Chương 7. Sách *Thế thuyết tân ngữ* với khoảng trước và sau nó - Việc nhà Phật tranh luận kích động nhau mà sau biến thành phái Thanh Đàm (nói suông). *Ngữ lâm* của Bùi Khải, *Quách tử* của Quách Trung Chi, *Thế thuyết* của Lưu Nghĩa Khánh với lời chú của Lưu Tuấn, *Tục thuyết* của Trầm Ước, *Tiểu thuyết* của An Vân. Một loại nữa của Thế thuyết: như *Tiểu lâm* của Hàm Đăng Thuần, *Khải nhan lục* của Hầu Bạch - Từ xưa đến nay, *Thế thuyết* được mô phỏng khá nhiều.

Chương 8. Văn chương truyền kỳ đời Đường (Thượng).

Đến đời Đường người ta mới bắt đầu có ý thức viết tiểu thuyết. Tiểu thuyết của người đời Đường có ảnh hưởng rộng lớn. Vương Độ với truyện *Guang Xua*, Vô Danh Tử với truyện *Bạch Viên* (Vượn trắng), Trương Văn

Thanh với *Chơi động tiên*. Từ sau hai niên hiệu Khai Nguyên Thiên Bảo thì tác giả xuất hiện rất đông, Trầm Kỳ Tế với truyện *Chiếc gối*, Trầm Á Chi với *Hận sông Tương*, Trần Hồng với truyện *Trường hận ca*, Bạch Hành Giản với truyện *Lý giai*, v.v... và v.v...

Chương 9. Văn chương truyền kỳ đời Đường (Hạ).

Hai tác giả lớn nhất: Nguyên Chấn với truyện *Oanh Oanh* cùng những trước thuật tiếp theo sau đó, Lý Công Tá với truyện *Thái thú Nam Kha*, truyện *Tạ Tiểu Nga*, *Cổ ngục mạng kinh*.

Chương 10. Tuyển tập truyền kỳ đời Đường với các tập cùng loại linh tinh khác.

Huyền quái lục của Ngưu Tăng Nhữ với những tập truyện mô phỏng nó, *Dậu dương tạp trở* của Đoàn Thành Thúc với Tập tục biên *Tạp toán* của Lý Nghĩa Sơn, và tục biên của người đời Tống Minh.

CHƯƠNG 11. Sách chí quái và văn chương truyền kỳ đời Tống.

Triều Tống khoảng đầu làm sách *Thái bình quảng ký* là bộ sách tập hợp chứa đựng các tiểu thuyết - Việc sách chí quái đời Tống muốn làm cho người ta tin: Từ Huyền với *Kê thần lục*, Ngô Thục với *Giang Hoài dị nhân truyện*. Việc sách chí quái đời Tống với dụng ý viết cho nhiều như Hồng Mai với *Di Kiên chí*. Truyền kỳ đời Tống lúc đầu hay răn dạy như Nhạc sử với *Lục chân truyện*, Dương Thái Chân ngoại truyện, Tấu Thuần với *Triệu Phi Yến biệt truyện* v.v... - Việc truyền kỳ đời Tống dựa vào truyện xưa, như *Đại nghiệp thập di ký* v.v... Chuyện *Mai phi*.

Chương 12. Thoại bản đời Tống.

Đời Đường đã có truyện cũ bằng văn thông tục, tiểu thuyết thông tục đời Tống là từ đó mà ra. Chuyện kể về các nghề vật. Chuyện kể giảng sử cùng tiểu thuyết trong 4 khoa. Thoại bản. Những chuyện loại thoại bản hiện còn thấy: *Ngũ đại sử bình thoại*, *Kinh bản thông tục tiểu thuyết*.

Chương 13. Phỏng thoại bản đời Tống Nguyên.

Thoại bản ảnh hưởng đến việc trước tác. Lưu Phủ với Thanh tởn cao nghị cùng Chích Di (Nhật lược những điều bỏ sót). Truyện về Đại Đường *Tam Tạng Pháp sư đi lấy Kinh* - Những sự kiện bỏ sót của đời Tuyên Hòa, Đại Tống.

Chương 14. Chuyện giảng sử đời Nguyên Minh còn truyền lại (Thượng).

Toàn tướng bình thoại, bản khắc đời Nguyên, La Quán Trung và trước tác của ông: *Tam quốc chí diễn nghĩa*, *Tùy Đường chí truyện*, *Tàn Đường ngũ đại sử diễn nghĩa*, *Bắc Tống tam toại bình yêu truyện*.

Chương 15. Chuyện giảng sử đời Nguyên Minh còn truyền lại (Hạ).

Thi Nại Am với La Quán Trung. Bốn bản truyện *Thủy hử*, bản một trăm mười lăm hồi, bản một trăm hai mươi hồi, bản bảy mươi hồi - chuyện đẹp yên bốn bọn cướp lớn. *Hậu Thủy hử truyện* của Trần Thẩm đời Minh với *Kết Thủy hử* - truyện của Du Văn Xuân đời Thanh. Bình thoại sử sự đời Minh từ khi mở đầu cho đến đời Lương Tống. Bản tổng quát và sửa chữa bổ sung của đời Thanh.

Chương 16. Tiểu thuyết ma quỷ đời Minh (Thượng).

Ảnh hưởng của việc tôn sùng dòng phái Đạo Gia khoảng giữa đời Minh. *Tứ du ký* (hay là Ký về 4 cuộc đi chơi): chuyện đời Minh, *Lên động tiên* của Ngô Minh Thái, chuyện *Hoa quan Thiên vương* cùng chuyện *Xuất thân của Huyền thiên thượng đế* của Dư Tượng Đầu, *Tây du ký truyện* của Dương Chí Hòa.

Chương 17. Tiểu thuyết ma quỷ... (Trung).

Tây du ký của Ngô Thừa Ân, *Hậu Tây du ký* và *Tục Tây du ký*.

Chương 18. Tiểu thuyết ma quỷ... (Hạ).

Phong thần truyện của Hứa Trọng Lâm, *Tam bảo thái giám Tây dương ký* của La Mộng Đẳng, *Tây du bố* của Đồng Thuyết.

Chương 19. Tiểu thuyết nhân tình thế thái của đời Minh (Thượng).

Chuyện *Kim Bình Mai*. Việc đời Minh (vào khoảng giữa) các văn thần đạo sĩ nhờ dùng các phương thuốc mà được vua tin yêu, đã ảnh hưởng đến tiểu thuyết như thế nào - Chuyện *Ngọc Kiều Lý*. Chuyện *Tục Kim Bình Mai* của Đinh Diệu Cảnh chuyển vào lối nói về nhân quả. *Chuyện bóng hoa cách rèm*. (Cách liềm hoa ảnh) đời Minh.

Chương 20. Tiểu thuyết nhân tình đời Minh... (Hạ).

Môn phái tiểu thuyết giai nhân tài tử: Chuyện *Ngọc Kiều Lê*; Dịch ngạn sơn nhân với chuyện *Bình Sơn Lãnh Yến*; Danh giáo trung nhân với *Hảo cầu truyện*, Văn phong sơn nhân với *Thiết hoa tiên truyện*.

Chương 21. Tiểu thuyết thị dân đời Minh theo kiểu Tống cùng những bản chọn lọc sau đó.

Cổ kim tiểu thuyết của Phùng Mộng Long, Dự thế minh ngôn, Cảnh thế thông ngôn, Tinh thế hằng ngôn (Tam ngôn). Phách án kinh kỳ (bản in lần 2) của Lăng Mông Sơ, Tây Hồ nhị tạp của Chu Thanh Nguyên, Túy tình thạch của Đông Lỗ cổ cường si, Cổ kim kỳ quan của Báo ủng lão nhân bản chọn lọc đời Minh Thanh, Kim cổ kỳ văn của Đông bích sơn phóng chủ nhân, Túc kim cổ kỳ quan của Vô danh.

Chương 22. Tiểu thuyết đời Thanh theo kiểu tiểu thuyết Tấn Đường cùng các môn phái của nó.

Sự phục hưng mạnh mẽ và sự cấm đoán văn chương truyền kỳ phỏng theo người đời Đường vào đầu đời Minh. Bồ Tùng Linh lại mô phỏng văn truyền kỳ nói chuyện hồ tinh hay ma quái: Liêu Trai chí dị. Kỳ quán, theo lối chí quái đời Tấn Tống mà viết sách: Duyệt vi thảo đường bút ký, 5 loại. Vương Thao viết chí dị mà việc ma quỷ ít dần đi: Độn quật lan ngôn v.v... . Dòng cuối chí quái lại rơi vào lối nói chuyện nhân quả.

Chương 23. Tiểu thuyết châm biếm đời Thanh.

Ngô Kinh Tử với Nho lâm ngoại sử. Nho lâm ngoại sử không có chép thêm sách. Sách châm biếm không có tiếp nối.

Chương 24. Tiểu thuyết nhân tình thế thái đời Thanh.

Hồng Lâu Mộng – nguyên tên là Thạch đầu ký, bản đầu tiên và bản đã xong hoàn toàn. Những thuyết khác nhau về sự việc trong Hồng Lâu Mộng: Thuyết gia sự của Minh Châu, Thuyết cổ sự (hay chuyện đời xưa) của Đồng Ngạc Phi, Thuyết ám thị triều đình đời Khang Hi, việc đoán định về tác giả cùng người viết tiếp chuyện Hồng Lâu Mộng. Sách tiếp tục chuyện Hồng Lâu Mộng có nhiều.

Chương 25. Việc đời Thanh dùng tiểu thuyết để thấy tài học ra thế nào.

Văn chương tỏ rõ tài kinh bang tế thế. Hạ Kính Từ với *Dã tẩu bộc ngôn* (Lời thẳng thần của ông lão nhà quê); Văn chương để tỏ ra tài văn từ: Đồ Thân với *Đàm sử*, Trần Cầu với *Yên sơn ngoại sử*. Văn chương để tỏ rõ học rộng biết nhiều: Lý Nhữ Trân với *Kính hoa duyên* (*Duyên hoa gương*).

Chương 26. Tiểu thuyết hiệp tà đời Thanh.

Từ đời Đường trở xuống các nhà văn đã hay ghi chép những việc nhỏ nhặt trong lòng. Trần Sâm với *Phẩm hoa bửu giám*. Ngụy Tú nhân với *Hoa nguyệt hân*, Du Đạt với *Thanh lâu mộng*. Việc cái ơn thừa của Hồng Lâu Mộng còn lại trong tiểu thuyết hiệp tà đến việc nó tiêu tan đi. Hàn Tử Văn với *Hải thượng hoa liệt truyện*.

Chương 27. Tiểu thuyết nghĩa hiệp đời Thanh cùng tiểu thuyết công án.

Văn Khang với *Nhi nữ anh hùng truyện*, Thạch Ngọc Côn với chuyện *Tam hiệp ngũ nghĩa* cùng với chuyện *Thất hiệp ngũ nghĩa trùng biên* của Duy Việt. Chuyện *Tiểu ngũ nghĩa*, Tục tiểu ngũ nghĩa, Chính tiểu ngũ nghĩa toàn truyện. *Thi công án* cùng với *Bành công án* các chuyện viết phỏng theo, viết tục nối thêm có nhiều. Việc tinh thần *Thủy hử* bị tiêu diệt trong dân gian.

Chương 28. Tiểu thuyết khiển trách cuối đời Thanh.

Ghi chép về hiện trạng của chốn quan trường của Lý Bửu Gia. *Hiện trạng quá khứ mất thấy trong 20 năm* của Ngô Ốc Nghiêu và nhiều tác

phẩm khác nữa. *Lão tàn du ký* của Lưu Ngạc, *Nghiệt hải hoa* của Tăng Phát
- Tiểu thuyết khiển trách thoái hoá thành sách phỉ báng và tiểu thuyết màn
đêm.

- Hậu ký;

- Diễn biến lịch sử của tiểu thuyết Trung Quốc.

LỜI ĐỀ

Nhớ lại thời gian giảng về tiểu thuyết, cách đây cũng đã ngót mười năm, ngay việc in ra tập sách sơ lược này cũng đã cách đây bảy năm rồi. Từ bấy đến nay, phong khí tìm tòi, nghiên cứu đã lớn mạnh lên, điều còn tối được rõ ra, chỗ bí ẩn được soi sáng. Như việc giáo sư Diêm Cốc Tiết Sơn, phát hiện bản khắc in đời Nguyên, *Toan hướng bình thoại*, lại gia công tìm tòi, khảo xét, đối với vấn đề lịch sử của tiểu thuyết đúng là một việc lớn. Đến như Trung Quốc thường có người nói, nên có một bộ lịch sử của tiểu thuyết chia theo ranh giới các triều đại, thì đó cũng quyết không phải là một lời bàn nông cạn, phù phiếm không đâu. Còn tập lịch sử sơ lược này đã sớm thành lời sáo cũ chỉ do không có sách mới nào khác nên người đọc vẫn còn đọc mà thôi, nay đem in lại, lẽ ra phải có sự đổi thay. Song từ khi lưu lạc đến giờ, nghề cũ bỏ lâu rồi, cái trước làm ra đã như mây khói, cho nên chỉ có ba thiên 14, 15 với 21 là có sửa đổi lại chút ít, còn thì do không có ý mới gì khác, nói chung là cứ để như xưa. Bình lớn làm xong thì đã quá muộn, vội sành để đã lâu ngày, cho dù còn lay lắt dùng tạm cũng nghe vắng lạnh, sửa rồi lòng ảm đạm, chân thành mong có trước tác kiệt xuất ở những kẻ tài tuấn ngày mai.

Đêm 25 - 11 - 1930

LỖ TẤN

LỜI TỰA

Tiểu thuyết Trung Quốc đến nay không có sử, có chăng thì trước tiên là thấy trong văn học sử Trung Quốc của người nước ngoài làm, rồi sau thì của người Trung Quốc làm cũng có đấy, song đều rất ít, không đến một phần mười của cuốn sách. Do đó mà về tiểu thuyết vẫn không rõ ràng.

Bản thảo này tuy là chuyện lịch sử, nhưng cũng là sơ lược thôi. Song, ba năm trước đây, tác giả tình cờ phải giảng dạy môn này, tự nghĩ mình nói năng không giỏi, thính giả hoặc có nhiều người không rõ thì đã bỏ bớt những điều khoản lớn đi, rồi viết in để phát cho mọi người, rồi lại lo người chép khó nhọc, bèn rút gọn lại thành văn ngôn, giảm các ví dụ đi để biến thành một bản yếu lược, đến nay vẫn dùng. Song cuối cùng đem xếp in là vì viết in đã nhiều lần rồi, những ai làm việc đó thực ra cũng đã khó nhọc lâu rồi, nay xếp chữ so với trước có phần bớt phiền phức đi, cho nên đem in.

Từ khi biên tập viết in đến nay; bốn, năm người bạn hoặc đưa sách vở cho mượn, hoặc dò lại và sửa chữa giúp, nhã ý sẵn sàng, 3 năm như một. Than ôi, xin cảm tạ ở đây.

Đêm 7 - 1 - 1923

Lỗ Tấn ghi tại Bắc Kinh

Chú: Trong bản in gộp lại xuất bản tháng 9/1925 sau lời tựa trên, có

lời tựa phụ ghi thêm cho lần tái bản, nội dung như sau:

Lời phụ ghi thêm cho lần tái bản sách Sơ lược lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc.

Sách này sau khi in ra, nhiều lần các bạn tương tri thấy được những chỗ lầm lẫn, khiến nó được sửa đổi như hiện nay; hai ngài Độn Chuyết và Đàm Chính Bích chưa hề biết người biết mặt cũng gửi thư uốn nắn sửa chữa, tình cao ý nhã, càng cảm trong lòng. Ngài Đàm còn đưa cho xem lời của ngài Ngô Vũ An trong tập Cô khúc Trần Đàm rằng: U khuê ký là sách của Thi Quân Mỹ làm, Quân Mỹ tên là Huệ tức là cư sĩ Thi Nại Am, tác giả chuyện Thủy hử. Đó là một điều rất mới, song vì không biết sách Trần Đàm là sách nào nên chưa đem bổ sung vào, chỉ ghi lại đây, để cung cấp cho độc giả tham khảo.

10 - 9 - 1925

Lỗ Tấn ghi

Chương 1

NHỮNG TRƯỚC TÁC, SAO LỤC CÙNG NHỮNG BÌNH LUẬN, LƯỢC THUẬT CỦA SỬ GIA NÓI VỀ TIỂU THUYẾT

Tên gọi tiểu thuyết, xưa thấy trong câu của Trang Chu nói rằng: trau dồi tiểu thuyết để cầu cạnh viên quan huyện (Thiên Ngoại vật, sách *Trang Tử*), nhưng xét đúng thực tế thì danh từ đó là chỉ những lời nói vụn vặt, tầm thường, không phải có đạo lý gì ở trong, cùng với danh từ tiểu thuyết dùng về sau vốn không đồng nghĩa. Hoàn Đàm nói: “Nhà tiểu thuyết gom góp những câu nói vụn vặt, những mẩu chuyện vụn vặt, lấy thí dụ để làm ra những cuốn sách ngắn, gọn, tuy vậy cũng có thể lấy đó để răn mình, sắp xếp việc nhà”.

(Lý Thiệt chú sách *Văn tuyển* 31 trong lời dẫn sách Tân luận) thì danh từ tiểu thuyết mới bắt đầu có phần giống với nghĩa dùng về sau. Nhưng sách *Trang Tử* nói vua Nghiêu hỏi Khổng Tử, sách *Hoài nam tử* nói Cung công giành ngôi vua, đây chẳng đất dứt mà thời bấy giờ cũng nhiều người cho là hai cuốn sách “vấn tất không dùng được”, thế thì loại tiểu thuyết đó cứ nên gọi là ngụ ngôn dị ký, nó không căn cứ vào kinh truyện, trái ngược với sách vở của Nho gia rồi. Các thuyết của đời sau càng rồi ren hơn, nay không đủ bàn mà chỉ nên tìm chứng cứ trong sách sử thực sự vì xưa nay việc bàn luận, đoán định văn học nghệ thuật cũng vẫn là chức trách của sử quan.

Nhà Tần thiêu hủy văn chương để làm cho dân đen ngu muội, nhà Hán thì thu nhặt sách vở, đặt chức quan sao chép, Thành đế và Ai đế cả hai vua lại còn nối nhau sai Lưu Hưởng với con là Lưu Hâm chữa sách trong mật phủ, Lưu Hâm tóm tắt mọi sách, làm sách thất lược (bảy bản tóm tắt sơ lược) mà tâu lên. Sách thất lược nay không còn, Ban Cố làm *Hán thư*, dọn bớt lại làm *Nghệ văn chí*, phần ba trong chương đó gọi là *Chu tử lược*, chép đến mười nhà mà cho rằng chỉ có chín nhà là khả quan, nhà tiểu thuyết thì không được kể trong đó, song ở phần cuối, còn ghi lại được chín mươi lăm nhà. Về chí, Ban Cố có tự mình chú thêm, còn những lời chú linh tinh nói thế này thế nọ là của Nhan Sư Cổ đời Đường.

Y đoán thuyết, gồm hai mươi bảy chương - Lời văn nông cạn khinh bạc, hình như giả mạo.

Chu tử thuyết, gồm mười chín chương - Của đời sau thêm vào.

Chu khảo, gồm bảy mươi sáu chương - Khảo chép việc nhà Chu.

Thanh sử tử, gồm năm mươi bảy chương - Ghi chép của sử quan xưa.

Sư khoáng, gồm sáu chương - có trong kinh *Xuân thu*, hình như cũng nhân đó mà giả mạo thêm.

Vụ Thành tử gồm mười một chương - Xung là Đế Nghiêu hái, vẫn không phải văn xưa.

Tống tử, gồm mười tám chương - Tôn Khanh Đạo cho rằng lời Tống Tử nói ra ý của Hoàng Lão.

Thiên Át, gồm ba chương - *Thiên Át* là chỉ vua Thang - Những lời nói về thời Ân đều là dựa dẫm, giả mạo.

Hoàng đế thuyết, gồm bốn mươi chương - Hoang đường giả mạo.

Phong thiện phương thuyết, gồm mười tám chương - Thời Võ đế.

Đãi chiếu thần Nhiều tâm thuật, gồm hai mươi lăm chương - Thời Võ đế. Sử cổ nói: *Biệt lục* của Lưu Hưởng có nói: Nhiều là người nước Tề, không biết họ là gì, làm chức đãi chiếu thời Võ đế, có làm sách nhan đề là

Tâm thuật. Đãi chiếu thời An Thành vi ương thuật: một chương, Ứng Thiệu nói đó là một đạo gia, ham thuật dưỡng sinh, làm ra *Thuật vi ương*.

Thần thọ Chu ký, gồm bốn chương - Quan coi ngựa và gia súc nước Hạng.

Ngu Sở Chu thuyết, gồm chín trăm bốn ba chương - Người Hà Nam, do tư cách là phương sĩ, làm chức thị lang thời Võ đế, hiệu là Hoàng xa sứ giả, Ứng Thiệu nói: Thuyết của Ngu Sơ lấy sách Chu thư làm gốc. Sư cổ nói: sách sử ký có nói Ngu Sơ là người Lạc Dương, tức là người mà trong bài phú Tây kinh của Trương Hành nói: Tiểu thuyết 900, gốc vốn từ Ngu Sơ.

Bách gia, gồm một trăm ba mươi chín quyển.

Mười lăm loại tiểu thuyết nói trên, sách chép đến 1380 chương.

Dòng phái các nhà tiểu thuyết là sinh ra từ các chức quan nhỏ (bài quan)¹, sách họ làm là do câu chuyện đường phố, lời nói ngõ làng, vào lỗ tai ra lỗ miệng mà tạo ra. Khổng Tử nói “Tuy là cái đạo nhỏ, nhưng chắc chắn cũng có chỗ khả quan, có điều là đi đến xa thì sợ sự ứ đọng”. Ấy vì lẽ đó mà kẻ quân tử không làm nhưng cũng không diệt đi, những kẻ có hiểu biết chút ít làng xóm nông thôn mà có khả năng làm được, viết được thì cũng bảo họ cứ tiếp tục mà làm, đừng bỏ quên, rồi hoặc có một câu, một lời chọn được thì cũng coi đó là điều nghị luận của kẻ cuồng phu, của nạng người thảo dã.

Trong số mười lăm nhà chép trên, đến thời Lương đã còn có một cuốn *Thanh sử tử* mà đến đời Tuy thì cũng mất luôn, chỉ căn cứ theo lời chú của Ban Cố thì tất cả các sách đại để đều hoặc là dựa vào người xưa mà làm giả ra, hoặc ghi chép việc xưa, sách giả thì giống các “Tử” mà nông cạn khinh bạc, chép việc thì gần với *sử* mà sai lầm.

Giữa niên hiệu Trinh quán, đời Đường, bọn Trưởng Tôn Vô Kỵ làm Tuy thư, phần *Kinh tịch chí* soạn từ Ngụy Trưng phỏng theo *Trung Kính bạ* mà thay đổi chút ít, làm thành bốn bộ kinh, sử, tử, tập mà Tiểu thuyết vẫn

¹ *Bài quan*, theo Từ Hải là *quan nhỏ* (tiểu quan).

để vào bộ *tử*. Nội dung thì ngoài *Yên Đan tử* ra không có sách từ Tấn về trước mà lại chép thêm những chuyện ứng đối, kể các nghệ thuật, các vật cùng chơi vui, trình bày sắp xếp thì vẫn theo thứ tự cũ của *Nghệ văn chí* trong *Hán thư*, sau gọi tắt là *Hán chí*:

“Tiểu thuyết tức các mẩu chuyện đầu đường, các câu nói trong ngõ. Truyện thì chép lời của đông đảo người thường, thơ thì hỏi ở hạng người thảo dã. Đời xưa thánh nhân ở trên, sử quan làm sách, người mù làm thơ, đọc các bài *châm* khuyên can, quan đại phu lấy làm khuôn mẫu để dạy dỗ, kẻ sĩ truyền bá, còn dân thường thì đàm tiếu. Tháng đầu xuân vừa đi gõ mõ để sưu tầm ca dao tuần tra thăm hỏi, xem thơ người ta làm để biết phong tục, có lỗi thì sửa đi, sai thì đổi lại, đầu đường cuối ngõ, không gì không chép hết, các chức quan nhà Chu thì đọc lời giáo huấn, giữ đạo, lập chí đúng đắn để chỉ vẽ cho người ta hiểu mà kiêng tránh, các quan *phương thị* chỉ đạo việc chính sự ở bốn phương theo ý chí của trên và nguyện vọng của dưới, truyền đạo cho bốn phương và xem xét cách ăn mặc và đồ dùng mọi nơi. Khổng Tử nói: “Tuy là tiểu đạo nhưng hẳn cũng có chỗ khả quan, chỉ một điều là tiến đến xa thì sợ ách tắc không thông suốt”.

Thời Thạch Tấn bọn Lưu Hu nhân thuật sử cũ mà làm *Kinh tịch chí* cho *Đường thư* (sau gọi tắt là *Đường chí*) thì lấy *Cổ kim thư lục* do Võ Cảnh soạn mà làm gốc, có dụng ý bỏ bớt những điều giải thích lời tựa của sách gốc, do đó những ý kiến bàn luận thuật kể của sử quan không thấy được nữa. Tiểu thuyết mà họ chép so với *Kinh tịch chí* của *Tuỳ thư* cũng không khác lắm, chỉ bỏ bớt những sách đã mất mà thêm vào sách *Bác vật chí* 10 quyển của Trương Hoa. Trong *Tuỳ chí* vốn thuộc tạp gia đến đây mới đưa vào tiểu thuyết.

Khoảng giữa niên hiệu Hoàng Hựu nhà Tống, bọn Tăng công Lương được vua giao san định lại sử cũ, người biên soạn các loại chí là Âu Dương Tu. Trong *Nghệ văn chí* (sau gọi tắt là *Tân Đường chí*) thì về tiểu thuyết thêm nhiều các trước tác từ Tấn đến Tùy, từ *Liệt dị truyện* của Trương Hoa, *Yên dị truyện* của Đái Tộ đến *Tục tề hài ký* của Ngô Quân, loại sách *chí* thần quái đó có đến mười lăm tác giả, một trăm mười lăm quyển, *Cảm Ứng*

truyện của Vương Diên Tư rồi *Sinh dị ký* của Hầu Quân Tổ, loại chuyện nói nhân quả có chín nhà, bảy mươi quyển. Tất cả sách đó, trong *chí* của các sách trước vốn có rồi và đều xếp vào loại tạp truyện của sử, ngang hàng với chuyện các liệt nữ, lương lại, hiếu tử, cao ẩn; đến đây những chuyện đó mới đưa lui vào tiểu thuyết mà bộ sử do đó mới không có chuyện quỷ thần nữa; lại thêm vào trước tác của người đời Đường, như loại sách răn dạy *Giới tử thập di* của Lý Thử, loại sách kể diễn cố sự thủy của Lưu Hiếu Tôn, loại sách chỉnh mọi sai lầm giả ngụy *San ngộ* của Lý Phẫu, loại sách kể những đồ ăn thức dùng *Trà kinh* của Lục Vũ; thêm mọi loại vào, thể lệ sách cũng rối bời. Đời Nguyên tu sửa sử đời Tống cũng không thay đổi gì, chỉ làm cho thêm rậm rì, phức tạp mà thôi.

Hồ Ứng Lân đời Minh, với sách *Thiếu thất sơn phòng bút tùng* 28 cho rằng tiểu thuyết thì nhiều, dòng phái lại lắm, bèn khảo xét lại những nét lớn, chia làm sáu loại.

- Là chí quái - Loại sách như *Sưu thần*, *Thuật dị*, *Tuyên thất*, *Dậu dương*...

- Là truyền kỳ - Loại sách như *Phi Yến*, *Thái Chân*, *Thôi Oanh*, *Hoắc Ngọc*...

- Là tạp lục - Loại sách như *Thế thuyết*, *Ngữ lâm*, *Toản ngôn*, *Nhân thoại*...

- Là Tùng đàm - Loại sách như *Dung trai*, *Mộng Khê*, *Đông cốc*, *Đạo sơn*...

- Là biện đính - Loại sách như *Thủ phác*, *Kê lặc*, *Tư hạ*, *Biện nghị*...

- Là châm qui - Loại sách như *Gia huấn*, *Thế phạm*, *Khuyến thiện*, *Tình tâm*...

Giữa niên hiệu Càn Long đời Thanh, nhà vua sai soạn *Tứ khố toàn thư* tổng mục đề yếu, và để chép tổng quát sự việc, về tiểu thuyết thì chia làm ba phái, mà xếp bảy bàn luận thì theo như trong sách *chí* cũ.

... Theo những chỗ khác nhau thì đại khái có ba phái: một phái tự

thuật các tạp sự, một phái ghi chép những điều hiếm lạ, một phái tập hợp diễn dịch những lời, những câu rời rạc, lặt vặt. Từ Đường Tống trở đi, tác giả càng đông, trong đó hạng bày đặt dựng đứng, thất thiệt phi lý, đưa ra những chuyện cần quấy yêu ma, làm huyền hoặc người ta vốn không phải ít, song sách có ngụ ý khuyên răn, mở rộng kiến thức, thêm tư liệu nghiên cứu cũng có lẫn lộn ở trong. Ban Cố cho rằng dòng phái tiểu thuyết có thể từ các chức quan nhỏ mà ra. Như Thuần chú thích nói: Các vương giả muốn biết phong tục dưới làng xóm cho nên lập ra những chức quan nhỏ (tỳ quan), khiến họ kể lại để nghe. Như vậy thì việc tìm khắp chọn rộng cũng là chế độ đời xưa, vốn không hẳn nên bỏ đi vì quá nhiều và lộn xộn. Nay khảo xét sao chép lấy những sách bình thường, quen thuộc để mở rộng kiến văn, còn những loại bỉ ổi hoang đường, chỉ làm rối loạn tai mắt mà thôi thì gạt bỏ đi không chép.

Tây kinh tạp ký sáu quyển - *Thế thuyết tân ngữ* ba quyển...

Trên là loại tiểu thuyết tạp sự...

Sơn hải kinh mười tám quyển - *Mục thiên tử truyện* 6 quyển - *Thần dị kinh* một quyển...

Sưu thần ký hai mươi quyển... *Tục tề hải ký* một quyển

Bác vật chí mười quyển - *Thuật dị ký* hai quyển - *Dậu dương tạp trở* hai mươi quyển - *Tục tập* mười quyển...

Trên là loại tiểu thuyết dị văn.

Bác vật ký mười quyển, *Thuật dị ký* hai quyển, *Dậu dương tạp trở* hai mươi quyển, *Tục tập* mười quyển.

Trên là loại tiểu thuyết tỏa ngữ hay lời, vụn câu vặt...

Ba phái nói trên, một loại trước là tạp lục, hai loại sau là chí quái, song sắp xếp, tự thuật có thứ lớp mạch lạc thì gọi là dị văn, còn sao chép tẩn mẩn, vụn vặt thì gọi là tỏa ngữ mà thôi. Truyền kỳ thì không chép vào ba loại tùng đàm; biên đình, châm qui thì đưa vào tạp gia, phạm vi tiểu thuyết nhờ đó mới tạm rõ ràng đúng đắn. Song *Sơn hải kinh* cùng *Mục*

thiên tử truyện lại từ đó mà bắt đầu đưa trở lui vào tiểu thuyết, Ấn Ngữ Cổ nói: “Mục thiên tử truyện, các sách cũ đều đưa vào loại ghi chú việc sinh sống hàng ngày... Thực ra thì quàng xiên không cần cứ, lại không thể ví với sách Dật chu thư được... Nếu cho là tín sử mà chép vào thì sử trở thành phức tạp, khuôn mẫu sử bị phá vỡ mất. Nay lui trở lại, đặt vào tiểu thuyết gia là cầu cho ý nghĩa được thích đáng, không nên ái ngại vì thay đổi lối xưa”. Như thế là trong loại chí quái của tiểu thuyết lại chen lẫn vào loại sử vốn không phải dựa dẫm giả thác, mà sử thường sẽ không cho phép kể ngang hàng cùng nó những sách có chứa nhiều truyền thuyết.

Đến bình thoại đời Tống, diễn nghĩa đời Minh, xưa nay thịnh hành trong dân gian, sách hẳn phải nhiều mà các phần *chú* của sử lại đều không ghi chép, chỉ có Vương Kỳ đời Minh làm sách *Tục văn hiến khảo*, Cao Nho làm sách *Bách xuyên thư chí* là có đưa vào *Tam quốc chí diễn nghĩa* và *Thủy hử truyện*. Đầu đời Thanh, Tiền Tăng làm sách *Dã thị viên thư mục*, cũng có đưa vào những tiểu thuyết thông tục như loại *Tam quốc chí* 3 thứ, những từ thoại của người đời Tống như loại *Đăng hoa bà bà*, 16 thứ. Song *Tam quốc chí*, *Thủy hử*, trong niên hiệu Gia Tĩnh có bản khắc in của viện đô sát, người ta cho chúng là quan thư (hay sách nhà nước) nên mới được đưa vào, các thư mục lập ra sau đó thì liền bỏ đi không ghi chép nữa. Tiền Tăng là người chuyên việc tìm kiếm tàng trữ, chỉ riêng trong cuốn sách, do theo bản cũ nên mới đưa vào, không phải có hiểu biết thực sự về nghề văn, vì vậy mà xa rời, trái ngược với thể thức trước. Theo thành kiến của sử gia, từ đời Hán đến ngày nay đại để giống nhau, mục lục cũng là chỉ lưu của sử, vốn khó có ai vượt lên trên ranh giới được.

Chương 2

THẦN THOẠI VỚI TRUYỀN THUYẾT

Trong sách *Chí quái*, Trang Tử bảo là có sách *Tề hài*, Liệt tử thì gọi là *Di Kiên*, song đều là sách ngụ ngôn, không đủ căn cứ tin được - Sách *Hán chí* lại nói là từ các chức bài quan (tức các quan nhỏ) mà ra. Song bài quan chỉ có trách nhiệm tìm kiếm tập hợp mà không phải sáng tác, chuyện đầu đường cuối ngõ tự sinh ra trong dân gian, vốn không phải do một ai làm ra một mình, xét đến gốc rễ thì cũng như các dân tộc khác, nằm trong thần thoại và truyền thuyết.

Xưa kia người dân nguyên thủy, thấy trời đất muôn vật biến hóa khác thường, mà mọi hiện tượng đó lại trên sức người hiểu biết được, nên họ tự tạo ra nhiều thuyết để giải thích: Những điều giải thích đó, nay gọi là thần thoại. Thần thoại đại để lấy một “thần cách” hay một người tính cách như thần làm trung tâm, lại suy diễn ra mà kể lại, và đối với vị thần, việc thần, mình mô tả, tự thuật, lại đem lòng tin tưởng kính sợ, rồi ca ngợi là uy linh, tôn thờ ở đền miếu, càng lâu càng hơn lên mà thành phức tạp thêm. Cho nên thần thoại không những là mầm mống của tôn giáo, của mỹ thuật mà còn là ngọn nguồn của văn chương nữa. Có điều thần thoại sinh ra văn chương mà nhà thơ lại là kẻ thù của thần thoại, vì lẽ trong khi ca tụng tự thuật không khỏi có điều tô vẽ trau dồi thêm, đến mất cái gốc gác cũ, như vậy là thần thoại tuy nhờ thơ ca mà ngời sáng thêm, mà lưu truyền được, nhưng cũng vì thế mà đổi khác đi, mà tiêu tan mất. Chẳng hạn thuyết khai thiên lập địa mà ở Trung Quốc còn sót lại bây giờ, thiết tưởng cũng đã cao

siêu nhưng cái bộ mặt thật của người dân nguyên sơ thì không thấy được nữa, đó là một thí dụ.

Trời đất lòng bùng hỗn độn như trứng gà, ông Bàn Cổ sinh ra trong đó, một vạn tám ngàn tuổi. Trời đất mở ra, dương trong làm trời, âm đục làm đất, Bàn Cổ ở trong đó, một ngày biến đổi chín lần, thành thần trên trời, thành thánh dưới đất. Trời ngày cao thêm một trượng, đất ngày dày thêm một trượng, như vậy một vạn tám nghìn năm, số trời cực cao, số đất cực sâu, Bàn Cổ cực lớn. Sau mới có tam hoàng (Sách *Nghệ vấn loại tự* dẫn sách *Tam ngũ lịch ký* của Từ Chính).

Trời đất cũng là vật, vật có chỗ không đủ. Cho nên xưa bà Nữ Oa luyện đá năm màu để vá chỗ thiếu, làm dứt chân con ngao để dựng lên bốn cực - Sau đó Cung Công thị cùng Chuyên Húc tranh nhau làm đế, giận mà húc núi Bất chu, cột trời gãy, dây đất đứt, cho nên trời nghiêng ở phía Tây Bắc, mặt trời mặt trăng, các sao đến đó, đất không dày ở phía Đông Nam, cho nên trăm sông nước lụt chảy về (Thiên *Thang vấn sách Liệt tử*).

Thần thoại cứ diễn tiến, đến một lúc thì cái trung tâm đã dần dần gần với tính người, những điều tự thuật, nay gọi là truyền thuyết. Truyền thuyết nói đến hoặc là người mà có tính thần, hoặc là bậc anh hùng xưa tài năng kỳ lạ, sức mạnh như thần, người thường không thể có được, phải do có trời cho, hoặc là có cái gọi là tướng trời hay trời giúp. Giản Định nuốt cái trứng yến mà sinh ra nhà Thương, bà Lưu được rồng cùng nằm mà có mang cậu Quý, đó là hai ví dụ, ngoài ra còn nhiều.

Thời vua Nghiêu, mười cái mặt trời mọc một lúc, cháy lúa má, giết cỏ cây, dân không có gì ăn. Khiết luân, tạc xỉ, cửu anh, đại phong, phong hi, tu xà con vật nào cũng đều làm hại dân. Vua Nghiêu bèn sai Nghệ... trên thì bắn mười cái mặt trời, mà dưới thì giết con Khúc luân... Muôn dân đều mừng, đặt Nghiêu làm con trời hay Thiên tử (*Bản kinh huấn sách Hoài nam tử*).

Nghệ xin thuốc bất tử của Tây vương mẫu, Hằng Nga ăn cắp để chạy lên mặt trăng (*Lâm minh huấn sách Hoài nam tử*) Cao Dụ chú thích rằng: Hằng Nga là vợ Nghệ. Nghệ xin thuốc bất tử của Tây vương mẫu, chưa kịp

dùng, Hằng Nga ăn vụng đi, thành tiên, mới trốn vào Mặt trăng làm Nguyệt tinh hay tinh trăng. Xưa vua Nghiêu giết ông Cỗ ở núi Vũ sơn, thần ông Cỗ hóa làm con gấu vàng để vào trong vạc Vũ uyên (*Tả thị truyện*, sách *Xuân thu*).

Cổ Tẩu sai ông Thuấn lên trát nhà kho, từ dưới tung lửa đốt kho. Thuấn bèn lấy hai cái nón đỡ mà nhảy xuống, khỏi chết. Cổ Tẩu lại sai Thuấn xoi giếng, Thuấn xoi giếng làm chỗ hồng giấu đi, thoát ra một bên (*Thuấn bản kỷ*, sách *Sử ký*). Thần thoại với truyền thuyết của Trung Quốc nay vẫn không. Có sách chép thành chuyện thư, chỉ thấy tản mát trong sách xưa mà trong *Sơn hải kinh* là đặc biệt nhiều. Sách *Sơn hải kinh* lưu truyền ngày nay có mười tám quyển, ghi chép về núi sông thần kỳ, vật lạ cho đến việc tế tự sở nghi trong và ngoài nước, cho rằng do ông Vũ ông Ích làm vốn không phải, mà bảo nhân *Sở từ* mà làm ra cũng chưa đúng, sách chép về lễ vật dâng cúng hay dùng chữ tư (tức là gạo tinh), hợp với thuật đồng bóng, có thể là sách đồng bóng xưa, song người đời Tần đời Hán cũng có thể thêm thắt vào. Chuyện mà người ta biết đến nhất, thường dẫn làm chuyện xưa có thực là chuyện núi *Côn Lôn* cùng với Tây vương mẫu.

Gò Côn Lôn, thì đúng là kinh đô dưới trần của thượng đế, thần Lục ngũ trông coi. Thần đó thân giống thân hổ mà chín đuôi, mặt người mà vuốt hổ. Thần trông coi chín bộ của trời đến vườn thảo thú từng mùa của Thượng đế (*Tây sơn kinh*).

Ngọc sơn là nơi Tây vương mẫu ở, Tây vương mẫu, hình dáng như người, đuôi gấu, răng hổ mà kêu hú nghe rất hay, tóc bông lên mà như chim “đôi trắng”. Đó là vị thần trông coi mọi việc nghiêm bộ của trời và giữ sao ngũ tàn (*Tây Sơn kinh*).

Gò Côn Lôn vuông tám trăm dặm, cao vạn nhẫn, trên có lúa, thân cây mọc dài năm tầm, to năm ôm, lại có chín cái giếng, dùng ngọc làm lan can chung quanh, phía mặt gò có chín cửa, cửa có con thú “khai minh” giữ. Đó là nơi bách thần ở. Ở chỗ lên đá tám góc, khoảng sông nước đó, ngoài Nhân Ngộ ra không ai lên được (*Hải nội Tây kinh*).

Tây vương mẫu dựa ghế, đầu đội mũ tùy mùa, phía Nam có ba con

chim xanh, tìm chọn thức ăn cho mẫu, tại phía Bắc gò Côn lân (*Hải nội Bắc kinh*).

Giữa miền đại hoang có núi, tên là Phong thư ngọc môn, nơi mặt trời, mặt trăng lặn, có núi Linh sơn, Vu huân, Vu tức, Vu phân, Vu bành, Vu cô, Vu chân, Vu lễ, Vu đế, Vu hạ, Vu la, mười vu từ núi ấy mà kêu xuống, một trăm thứ thuốc sinh ra. (*Đại hoang Tây kinh*).

Phía Nam biển Tây hải, giữa bãi cát trôi, sau sông nước đỏ, trước sông nước đen, có ngọn núi lớn, tên là gò Côn Lôn, có vị thần mặt người, răng hổ, thân có đuôi toàn trắng. Ở dưới chân núi có cái vực của sông nước yếu (Nhược thủy) bao quanh, phía ngoài có núi lửa rực, ném vật gì vào cũng không động đậy, có người đầu trang sức tùy mùa, răng hổ, đuôi gấu, ở hang, tên là Tây vương mẫu. Núi ấy vạn vật đều có đủ (Nt).

Năm thứ năm, niên hiệu Hàm Ninh nhà Tấn, người huyện Hấp tên là Bất Chuẩn, đào trộm mã vua Tương Ương nhà Ngụy được bộ trúc thư (sách tre) *Mục thiên tử* trung du năm chương, lại *tạp thư* mười chín chương. *Mục thiên tử* truyện nay còn, có sáu quyển năm quyển đầu ghi việc vua Mục vương nhà Chu đi xe tám ngựa về phương Tây, quyển sau ghi việc bà Thịnh Cơ mất dọc đường cho đến khi đưa về chôn cất, đó có lẽ là một thiên của *tạp thư*. Truyện cũng có nói gặp Tây vương mẫu, mà không kể đến các dị tướng, hình dáng đã gần với vua người.

Ngày lành Giáp Tí, thiên tử đi thăm Tây vương mẫu, cầm ngọc khuê trắng, ngọc bích màu huyền mà ra mắt, rồi tặng hàng dệt gồm một trăm cuộn, hàng dệt (?) 300 cuộn. Tây vương mẫu lấy hai lấy mà nhận lấy. Ất Sửu, Thiên tử mời rượu Tây vương mẫu trên hồ Dao Trì. Tây vương mẫu hát cho Thiên tử nghe, hát rằng: “Mây trắng trên trời, lách qua được núi, đường sá xa vời, núi sông ngăn cách, chúa ngài không chết, trở lại có ngày. Thiên tử hát lại rằng: Tôi về cõi Đông, thương trông mọi nước, muôn dân ngang đều, ta mong thấy bà, lâu là ba năm, quê bà lại đến”. Hát xong, Thiên tử ruổi xe lên núi Yểm sơn, dấu lên đá núi và trồng cây hoa, đề lên trên là núi của Tây vương mẫu (9.3).

Có hổ ở trong đám lau. Thiên tử sắp đến, có kẻ sĩ ở Thất Tụy là Cao

Bôn Nhung xin bắt sống hổ, thế là an toàn, rồi bắt sống hổ mà dâng, Thiên tử cho làm cũi mà nuôi ở Đông ngu, đó thành chuồng hổ, Thiên tử ban cho Bôn Nhung ngựa sắt, đủ mười cỗ xe bốn ngựa, cho hưởng lễ thái lao. Bôn Nhung dập đầu lạy hai lạy (quyển 5).

Ứng Thiệu đời Hán nói: *Chu Thư* là sách mà tiểu thuyết đầu đời Ngu Thuấn đều gốc ở đó mà ra, mà bản Dật Chu thư này ngày nay chỉ có bốn chương Khắc An, Thế Phù, Vương Hội, Thái tử Tấn ghi chép khá dài dòng tô vẽ, giống với truyền thuyết, còn các chương khác thì không thể. Đến như trong trúc thư lấy ở ngôi mộ huyện Cấp ra, vốn có 11 chương loại “toa ngữ”, là sách bói mộng nói chuyện yêu quái và xem tướng thì nay không thấy, chỉ sách *Thái bình ngự lâm* lác đác có dẫn một ít, lại ở huyện Cấp có tấm biểu Lã vọng cũng có dẫn sách *Chu chí*, đều là văn ghi những điều mộng, rất giống tiểu thuyết, hoặc giả đó là những điều mà buổi đầu thời Ngu Thuấn dựa làm gốc cũng nên, song không có khảo chứng rõ ràng nào khác nên cũng khó mà đoán định được.

Cảnh công nước Tề đánh nước Tống, đến Khúc Lăng, mộng thấy có quan đại phu ngắn chùn lùn châu chực trước mặt. Ân tử nói: Điều vua mộng ra thế nào? Cảnh công nói: người châu chực rất ngắn, to trên nhỏ dưới, lời nói rất giận dữ, thích cúi xuống. Ân tử nói: “Như vậy là ông Y Doãn rồi. Y Doãn rất to mà ngắn, to trên nhỏ dưới, mặt đỏ mà có râu quai nón, khi nói thì thích cúi xuống và hạ giọng”. Cảnh công bảo: “Đúng thế”. Ân tử nói:

Chi bằng làm trái đi. Cảnh công không đánh Tống nữa (*Thái Bình ngự lâm*, 378).

Vua Văn vương mộng thấy thiên đế mặc áo màu huyền mà ra đứng ở bên Linh hề - Đế nói: “Xương này, cho may vọng”. Văn vương dập đầu lạy hai lạy, Thái công đứng phía sau cũng dập đầu lạy hai lạy. Cái đêm Văn vương mộng thấy, Thái công cũng mộng thấy như thế. Sau đó, Văn vương ra mắt Thái công mà hỏi rằng: Ông tên là Vọng à? Trả lời rằng: dạ, là Vọng. Văn vương nói: Tôi như có thấy ông rồi. Thái công nói ra cái năm tháng cùng cái ngày, lại kể lại hết những điều đã nói hôm đó và bảo Thần nhờ thế

mà được ra mắt ngài. Văn vương bảo: Có đấy, có đấy, rồi cùng Thái công đi về, lấy làm bậc khanh sĩ (Biểu Thái công Lã Vọng, dựng đời Tấn, khắc đá; dùng Lã Vọng biểu, dựng đời Đông Ngụy để bổ sung những chữ khuyết mất).

Ngoài ra, các sách trước đời Hán như *Yên Đan tử*, *Thục vương bản kỷ* của Dương Hùng đời Hán, *Ngô Việt xuân thu* của Viên Khang, Ngô Bình... Tuy là sách sử thực, nhưng đều có chép những điều dị văn cả. Còn tìm trong thơ ca thì của Khuất Nguyên làm, nhất trong thiên *Thiên vấn*, thường thấy thần thoại cùng truyền thuyết như “Trăng có đức gì, Chết rồi sinh lại, Có lợi thế nào, Lòng ôm thơ mãi”, “Cổn lo làm việc gì, Công Vũ sao thành kia, Khang Hôi theo tức giận, Đất Đông Nam có gì lại nghiêng đi” - Vườn huyền Côn Lôn, Đít nó đầu núi, Thêm thành chín trùng, thành cao mấy dặm”, “Cá lặn chỗ nào, Chim kỳ ở đâu, Nghê sao bắn Mặt trời, Chim quạ sao lông trĩ?”... Vương Dật nói: “Khuất Nguyên bị xua đuổi, bịn rịn giữa vùng núi Chằm, thấy đất nước Sở có miếu các tiên vương, nhà thờ các quan công khanh, trong đó có đồ họa trời đất sông núi thần linh kỳ dị quái lạ, cùng thánh hiền quái vật xưa hành động thế nào... dùng chữ viết lên sách, có sao mà hỏi” (Sách này chú). Cho hay loại truyện xưa đó, đương thời không những chỉ lưu truyền bằng lối kể miệng mà thôi mà còn dùng làm trang trí cho các đền miếu nữa. Tục đó lưu truyền, đến đời Hán vẫn còn, nay ở các cồn mả còn thấy những tấm đá khắc hình các kỳ thần, quái vật, các bậc thánh hiền, những kẻ trí thức, phụ nữ này khác. Nhà Tần sau khi được pho sách trong ngôi mộ ở huyện Cáp thì Quách Phác làm bản chú thích cho sách *Mục thiên tử truyện*, lại chú thích cho *Sơn hải kinh*, vẽ đồ và làm lời tán, về sau Giang Quán cũng vẽ đồ và làm lời tán như vậy, ấy cái thuyết thần dị, từ đời Tấn về sau, còn được các nhà sĩ yêu thích nhiều. Tuy nhiên xưa nay rốt cuộc chưa hề nghe có một trước tác lớn nào gom góp đúc kết lại như Sử thi của Hy Lạp mà chỉ dùng làm điển cố tô sức cho thơ văn, nhờ thế mà trong tiểu thuyết thường thấy được dấu tích hình tượng mà thôi.

Thần thoại Trung Quốc sở dĩ chỉ còn những mẫu linh tinh, các thuyết cho là vì hai lẽ: lẽ thứ nhất là nhân dân Trung Hoa, đầu tiên sống ở trong

lưu vực sông Hoàng Hà, thiên nhiên tương đối thiếu thuận lợi, sinh sống đòi hỏi phải cần cù, thành ra trọng thực tế mà truat bỏ tư tưởng huyền bí, đi đến chỗ không có khả năng tập hợp chuyên cổ để làm thành một áng văn lớn. Lễ thứ hai là Khổng Tử ra đời, lấy những vấn đề thực dụng sửa mình, yên nhà, trị nước, bình thiên hạ làm giáo lý, không muốn nói việc quỷ thần, những thuyết hoang đường đời Thái cổ đều là những điều nhà Nho không nói, cho nên về sau chẳng những không làm được gì cho sáng sửa lớn lao thêm mà còn để cho tản mát, mất mát đi nữa.

Nhưng xét cho rõ, thì lý do phải nhấn mạnh hơn là ở chỗ thần với quỷ không phân biệt rạch ròi. Người xưa nói, thiên thần, địa kỳ, nhân quỷ, nghe như phân biệt rõ ràng, song nhân quỷ cũng được làm thần kỳ. Người thần lẫn lộn thì cái tín ngưỡng nguyên thủy không sao lột xác hết, tín ngưỡng nguyên thủy còn thì những điều giống với truyền thuyết mỗi ngày xuất hiện không ngừng, những điều cũ đã có chết cứng đi mà cái mới có cuối cùng cũng không sáng bùng lên được. Ví dụ sau đây, hai chuyện trước là nói thần mới có thể tùy lúc mà sinh ra, ba chuyện sau nói thần cũ có thay đổi nhưng không có diễn tiến.

Tưởng Tử Văn là người Quảng Lăng, nghiện rượu, thích gái, gian dối dữ ác quá mức, thường nói xương cốt mình xanh, chết tất làm thần. Cuối đời Hán làm chức úy ở Mạc Lăng, đuổi giặc đến chân núi Chung Sơn, giặc đánh bị thương ở trán, tự cỡi dây, buộc lại, được một lát thì chết - Đến khoảng đầu Ngô tiên chúa, người nha lại cũ của Văn gặp trên đường, Văn bảo rằng: Ta phải làm thần ở đất này để làm phúc cho bọn dân chúng mày, mày có thể nói ra với trăm họ, vì ta mà lập miếu thờ, nếu không thì sẽ có lỗi nặng. Mùa hè năm ấy có dịch lớn, trăm họ dọa nhau, lắm kẻ thờ trộm Văn. (*Thái bình Quảng ký*, 29, dẫn *Sưu thần ký*).

Đời có thần Tử cô, xưa nay tương truyền là vợ lẽ của người ta, vì vợ lớn ghen thường giao làm những công việc dơ bẩn, ngày rằm tháng giêng tủi thân mà chết, người đời lấy ngày đó làm hình cô ta, đem rượu ra đặt trong nhà xí hoặc bên chuồng lợn. Người cầm cái hình nghe nàng là thần nhập vào, bày rượu quả ra cúng, cũng thấy ráng ngời ngời có màu sắc, lập tức nhảy múa không thôi, có tài đoán mọi việc, bói mùa tằm tơ ra sao, lại

câu, bắn giỏi, thích thơ múa mạnh, ghét thì ngựa mặt lên ngử (Sách *Dị uyển*, 5).

Giữa biển Thương Hải, có núi Đô Sóc, trên có cây đào lớn,... phía đông bắc giữa khoảng các cảnh gọi là quỷ môn, đó là chỗ muôn quỷ ra vào. Ở trên có hai vị thần, một tên là thần Đề, một tên là Úc Lũy, chủ việc xét xem chỉ huy muôn quỷ, nhưng quỷ ác hại thì rung thùng cây lách mà bắt và để cho ăn hổ. Khi ấy vua Hoàng đế mới ban ra lễ, tùy lúc mà xua đuổi đi, lập ra đại đào nhân, cửa ngõ họa thần Đồ Úc lũy và hổ, treo thùng cây lách, để phòng chống loài quỷ hung ác (Sách *Luận hành*, 22, dẫn sách *Sơn hải kinh*, xét ra trong bản hiện nay không có).

Phía Đông Nam có núi Đào đô... ở dưới có hai vị thần, vị bên trái tên là Long, vị bên phải tên là Bật, cả hai đều cầm thùng lách, rinh những quỷ không mang lại điều lành, bắt mà giết đi. Người đời nay làm ra hai đào nhân đứng hai bên cửa trông lại nhau, đó là hình tượng hai thần còn sót lại (Sách *Thái Bình ngự lãm*, 29 và 918 dẫn sách *Huyền trung ký*, lấy sách *Ngọc châu bảo điển*, chú thích bổ sung vào).

Thần cửa chính là hai vị tướng quân đời Đường là Tần Thúc Bảo và Hồ Kính Đức. Xét chuyện thì vua Đường Thái Tôn trong người không khỏe, ngoài cửa buồng cứ thấy gạch ném tung, loài quỷ kêu gào... Thái Tông sợ, nói với quần thần, Tần Thúc Bảo ra khỏi chỗ tâu rằng: "Thần bình sinh giết người như bỏ dưa, chất thây như xác kiến, sợ gì loài quỷ Vồng lương, nguyện cùng với Hồ Kính Đức mặc nhung trang đứng ngoài cửa để rình, Thái Tông đồng ý cho, đêm quả không có gì đáng đề phòng. Thái Tông khen, sai thợ vẽ hình hai người treo ở cửa tả hữu nhà cầu hai bên trong cung, tà ma hết, đời sau theo lễ, rồi thành thần cửa mãi mãi. (Sách *Tam giáo sưu tầm đại toàn* 7).

Chương 3

TIỂU THUYẾT ĐƯỢC GHI LẠI TRONG NGHỆ VĂN CHÍ SÁCH HÁN THƯ

Hán chí kể thuật về tiểu thuyết gia cho là xuất từ các bại quan. Như Thiên nói: "Gạo nhỏ gọi là bụi. Chuyện đường lời ngõ là những lời nói rất nhỏ nhoi vụn vặt, các vương giả muốn biết phong tục trong thôn xóm nên đặt ra bại quan, sai kể thuật lại (Chú của chính sách đó) nói những tiểu thuyết mà nó sao chép nay đều không còn, cho nên không xét kỹ được, song cứ xem xét danh mục thì tuyệt không giúp những gì nhặt tìm từ dân gian ra như Quốc phong trong Kinh thi chẳng hạn. Trong các sách có sao chép thì loại dựa theo mà làm giấu người xưa có 7 là Y Doãn thuyết, Chữ tử thuyết, Sư khoáng, Vụ Thành tử, Tống tử, Thiên Ất, Hoàng đế. Loại ghi việc xưa có hai là Chu Khảo, Thanh sử tử. Cả hai đều không nói làm ra thời nào. Sách đời Minh nói bốn nhà đời Hán: Phong thiện phương thuyết, Thần thọ chu ký, Ngũ Sơ chu thuyết, Đãi chiếu thần nhiều tâm thuật. Đãi chiếu thần An thành vị ương thuật và Bách gia, tuy cũng không nói làm ra thời nào song cứ theo thứ tự thì cũng đều là người đời Hán cả.

Trong Hán chí, đạo gia có năm mươi mốt thiên Y Doãn thuyết, nay thất lạc, tiểu thuyết gia có hai mươi bảy thiên cũng không khảo xét được: Tư mã Tương Như truyện trong sử ký chú dẫn Y Doãn thư nói: Phía Đông Cơ sơn, chỗ ở của chim xanh có cây ngu quất quả chín mùa hè. Khớp với lời văn còn sót lại chừng đó, thiên bản vị sách Lã Thị Xuân thu thuật việc Y Doãn dùng món ăn ngon để thuyết vua Thang cũng nói chỗ chim xanh ở có

cây can lư và nói cực tường tận nhưng vẫn rườm rà nhiều mà ý nông cạn, có thể cũng gốc ở Y Doãn thư, Y Doãn lấy việc cất thái nấu nướng mà được vua Thang đón mời, chuyện đó Mạnh Tử từng biện luận rõ, thì những sách nói đây chỉ là sách mà kẻ sĩ thời Chiến quốc làm mà thôi.

Hán chí lục chép đạo gia có hai mươi một chương Chủ tử, nay chỉ còn một quyển, có kể nghi lễ văn nông cạn khinh bạc, không phải của Đạo gia. Người Đường Tống sau dẫn những dặt văn lại không giống văn của bản Chủ tử ngày nay, thế thì quả thật không phải sách đạo gia.

Võ vương chỉ huy binh ra đánh Trụ. Quân hàm hồ của Trụ đến trăm vạn, chạy như gió bão, tiếng như sét đánh. Binh lính ba quân, ai cũng xanh mặt. Võ vương bèn khiến Thái Tông cầm cờ bạch mao vẫy để chỉ huy, quân Trụ bỏ chạy (Sách văn tuyển do Lý Thiệu chú cước, cùng sách Thái Bình ngự lãm 301).

Thanh sử tử là sử quan đời cổ, song không rõ thời nào. Sách ông chép về đời Tùy đã mất, Lưu tri Kỷ trong sách Sử thông nói sách Thanh sử là chấp nhặt chuyện kể đầu đường mà làm ra, nói thế là căn cứ ở Hán chí, không phải đến đời Đường sách lại có. Ba việc nay còn trong sách đó đều nói về lễ, cũng không biết đem nhập vào tiểu thuyết lúc nào.

Phép thai giáo (hay giáo dục từ trong thai) đời cổ như sau: Hoàng hậu có thai được bảy tháng thì ra ở nhà nghỉ, quan thái sử cầm ấn bằng vàng để đứng chặn ở bên trái cổng vào, quan thái tể cầm cái đầu để đóng lương đứng chặn ở bên phải, quan thái bốc bung mai rùa đứng chặn ở dưới nhà, các quan khác đều tùy chức vụ đứng chặn ở phía trong cửa. Từ lúc mới ba tháng, hoàng hậu muốn nghe âm nhạc mà không phải nhạc theo lễ thì quan thái sử giấu đàn đi để ngỏ ý không đánh. Muốn món ăn mà không phải chính vị thì quan thái tể tựa vào cái đầu mà không phải nếm nấu và tâu rằng không dám dâng thái tử món ăn như vậy, thái tử sinh ra mà khóc thì quan thái sử thổi vào cái ấn đồng mà nói: tiếng khóc nghe đúng luật nọ hay luật kia, quan thái tể thì nói sẽ dâng món ăn nọ hay món ăn kia, quan thái bốc thì nói Thái tử có số mệnh thế này hay thế nọ. Sau đó thì làm lễ treo cung cho cho Thái tử (Đại đài kể ký thiên Bảo phó. Sách giả nghị tâm thư,

mười điều thai giáo).

Đời xưa tám tuổi thì ra ở nhà ngoài, học những nghề nhỏ, thực hành những điều tiểu tiết, đến tuổi tết tóc thì vào Đại học, học những nghề lớn, thực hành những điều đại tiết. Lúc thường thì tập lễ văn, khi đi thì làm cho rung ngọc đeo quanh mình thành tiếng, lên xe thì lắng nghe tiếng lạc ngựa hòa nhau, do đó mà cái tâm trái chướng lệch lạc không tự vào được... Đời xưa làm cái xe lộ xa mũi tròn hình lòng để tượng trời, rui mái hai mươi tám chiếc để tượng các sao, cái đòn gỗ đằng sau vuông để tượng đất, ba mươi cái tấm để tượng Mặt trăng. Cho nên ngựa mặt lên thì xem thiên văn, cúi đầu xuống thì xét địa lý, nhìn ra trước thì thấy tiếng lạc ngựa hòa, nghe lắng hậu thì xem bốn mùa chuyển vận, đó là cái đạo giáo dục của chiếc xe cận xa trang trí như nói trên vậy (Sách Đại Đái lễ ký, Thái Bảo phó).

Gà là gia súc ở phương Đông. Năm hết lại bắt đầu, vạch thứ tự làm mùa xuân, muốn vật húc của mà ra, vì thế dùng gà để cúng lễ (Sách phong tục thông nghĩa 8).

Hán chí lục chép binh âm dương gia có tám chương Sư khoán, đó là cách bói toán vật, về tiểu thuyết gia thì không khảo xét được, chỉ căn cứ vào chú cước của Hán chí thì biết phần nhiều các tiểu thuyết từ gốc là sách Xuân thu ra mà thôi. Sách Dật Chu thư, Thiên thái tử Tấn ghi việc Sư khoán ra mắt Thái tử, nghe tiếng nói mà biết là không sống lâu, Thái tử cũng tự biết là mình ba năm nữa phải lên châu trời, thì chuyện kể khá giống tiểu thuyết gia.

Việc khoảng đầu đời Ngụ Thuấn, Hán chí chú cước cũng nói rõ lại thường kể cùng với việc bọn Đinh phu nhân dùng các nhà thơ địa phương rửa hoa. Hung Nô và Đại uyển, những việc đó sách Giao tự chí chép chu thuyết gần đến gần thiên nhưng đến nay không còn, người đời Tấn Đường dẫn Chu thư có ba như Sơn hải kinh và Mục Thiên tử truyện thì không giống với Dật Chu thư, Chu hữu Tăng trong Dật chu Thư tập huấn hiệu thích mười một một nghi là Ngụ sơ thuyết.

Núi Giới sơn có thần Nậu thu ở. Núi ấy mặt Tây trông về chỗ mặt trời lặn, bùng khí của nó tròn, do Thần Kinh quang trông coi. (Sách Thái Bình

ngự lâm 3).

Chỗ sao Thiên câu dừng lại thì đất nghiêng hết. Ánh sáng thừa của nó soi sáng trời thanh sao sa, dài mười hai trượng, đi mau như gió, tiếng kêu như sấm, ánh sáng như chớp (Sách sơn hải kinh chú 16).

Vua Mục vương đi săn, có con chim đen như chim Cưu, vụt đập xuống đậu vào thanh gỗ ngang đầu xe, người đánh xe giờ roi ngựa quất chết, ngựa lồng, kéo cương dừng lại không được, nó vướng chân vào xe ngựa, làm vua bị thương ở đùi bên trái (Sách Văn tuyển, Lý Thiệu chú 14).

Bách gia, theo Lưu Hưởng lục chép trong sách Thuyết uyển nói, thì là loại sách Thuyết uyển tạp sự... sự việc kể thuộc nhiều loại, bỏ ngoài những điều trùng lặp với sách Tân tự, còn nữa thì nông cạn khinh bạc không đúng nghĩa lý tập hợp lại làm sách Bách gia, sách Thuyết uyển nay còn, những điều ghi chép đều là dấu tích những việc người xưa làm, đáng làm khuôn phép răn dạy, nay lấy đó mà suy thì sách Bách gia cho thấy chuyện xưa tuyệt không xứng đáng với người đạo trị.

Ngoài ra các nhà khác đều không thể khảo xét được. Nay cứ tên sách mà nói người thì là Y Doãn, Chử Hùng, Sư Khoáng, Hoàng Đế; kể việc thì là việc chép phong thiện dương sinh; cho nên phần nhiều là của các phương sĩ, thầy phù thủy giả khác làm ra. Chỉ có sách Thanh sử tử là không phải thế. Lại nữa Vụ Thành tử tên là Chiêu thấy sách Tuân Tử, Thi Tử thường ghi các giáo lý Trách nghịch theo thuận của ông. Tống Tử thì tên là Bình, sách Mạnh Tử chép là Tống Khánh, sách Hàn phi tử chép là Tống Vinh tử. Sách Tuân Tử dẫn lời Tử Tống tử nói rõ là hễ người ta khinh nhờn mình mà mình không lấy làm nhục thì người đời sẽ không đấu đánh nhau, thì là ý Hoàng Lão, song đều không phải là lời của phương sĩ.

Chương 4

TIỂU THUYẾT NAY CÒN THẤY ĐƯỢC CỦA NGƯỜI ĐỜI HÁN

Những tiểu thuyết hiện còn mà gọi là của người đời Hán, có thể không một cuốn nào thực sự từ người đời Hán làm ra, từ đời Tấn mà đi, văn nhân phương sĩ đều có làm sách giả cả, mãi đến đời Tống Minh cũng chưa dứt. Văn nhân sinh ranh mãnh, hoặc thích khoe sách lạ, phương sĩ thì cốt làm cho giáo lý của mình có vẻ thần kỳ, cho nên bên nào thời nào cũng có giả sách xưa để huyễn hoặc người ta, người đời Tấn về sau giả thác người Hán thì cũng giống người đời Hán trước giả thác Hoàng đế, Y Doãn. Trong mớ sách đó có khi chung lên rằng Đông Phương Sóc, Ban Cố mỗi người soạn hai cuốn, Quách Hiếu, Lưu Hâm soạn mỗi người một cuốn, đại để là nói việc hoang đường, không có thì gán cho Đông Phương Sóc, Quách Hiếu, có liên quan đến sự việc nhà Hán thì gán cho Lưu Hâm, Ban Cố, song đại ý không rời việc nói về Thần tiên. Sách chung lên là sách của Đông Phương Sóc soạn có *Thần dị kinh*, một quyển, bắt chước *Sơn hải kinh* nhưng nói về núi sông đường sá thì sơ lược mà nói về vật quái lạ thì tận tường, thỉnh thoảng có xen lời bông đùa trào phúng. *Sách Sơn hải kinh* ít tiếng tăm ở đời Hán mà lưu hành mạnh ở đời Tống, thế thì sách trên đúng là người đời Tấn về sau làm, nội dung nhiều chỗ trùng lặp, có lẽ cũng lại đã có mất mát đi, người sau sao chép dựa vào lời dẫn trong các loại sách đời Đường Tống mà làm lại, có chú thích là của Trương Hoa cũng là giả ngụy.

Phương Nam có rừng mía, cây cao trăm trượng, vòng 3 thước 8 tấc,

mắt dày, nhiều nước, ngọt như mật, ăn nước đó, người được thuần nhả ra, lại lấy được sản đũa ra. Sản đũa trong bụng người ta, giống con giun đất, đó là giống trùng làm tiêu cơm, nhiều thì có hại đến người, ít thì cơm không tiêu. Thứ mía ngọt có tác dụng diệt nhiều thêm ít, mía thường cũng thế (Sách *Nam hoang kinh*).

Trong miền Tây Nam hoang đại có loại thú nói dối, giống con thỏ, mặt người biết nói, thường lừa dối người ta, nói là Đông mà là Tây, nói thiện mà là ác. Thịt ngon, người ăn vào thì nói không thật nữa (Nguyên chú: nói ăn thịt nó thì người đó nói không thành thật). Con thú ấy có tên là con đản (*Tây Nam hoang kinh*).

Núi Côn Lôn có cái cột đồng, cao chọc trời, nên gọi là cột trời, vòng lưng ba ngàn dặm, tròn trặn như đeo gọt dưới cột có nhà mái uốn quanh vừa trăm trượng, người tiên cưỡi phũ trông coi nhà đó. Trên chóp cột có con chim lớn, tên là Hi hữu (hiếm có), nó hướng về phương Nam, xòe cánh trái che cho Đông vương Công, cánh phải che cho Tây vương mẫu, trên lưng có một chóp nhỏ không có lông, cánh rộng một vạn chín nghìn dặm. Tây vương mẫu hàng năm lên trên cánh nó để đi gặp Đông vương công (*Trung hoang kinh*).

Sách *Thập châu ký*, quyển một cũng đề là *Đông Phương Sóc* soạn, chép việc Hán Võ đế nghe Tây vương mẫu kể có Tổ châu, Doanh châu, Huyền châu, Viêm châu, Trường châu, Nguyên châu, Lưu châu, Sinh châu, Phương lưu châu, Tu quật châu, cả thảy mười châu, thì mời Sóc đến hỏi tên những vật có ở mỗi châu. Sách ấy cũng là bắt chước *Sơn hải kinh* nhiều.

Huyền châu ở giữa biển Bắc Hải, là miền đất Tuất hội (đất cuối cùng) vuông bảy ngàn hai trăm dặm, lắm gò núi. Lại có núi Gió, tiếng vang như sấm sét, núi đối mặt với cửa Tây Bắc của trời. Trên có nhiều cung điện của các quan tiền thái huyền, cung điện nhiều kiểu khác lạ. Có nhiều cây kim chi ngọc thảo. Đó là nơi vua Tam thiên quân xuống làm việc cai trị, trông hết sức nghiêm trang.

Năm thứ ba niên hiệu Trịnh Hòa, vua Võ đế ngự đến cung An định, Rợ Hồ Nhục Chi miền Tây vào dâng hương 4 lạng, to như trứng sẻ, đen như

quả dâu, vua cho rằng thứ hương đó không phải hương Trung Quốc có nên giao cho kho ngoại kho... Đến năm đầu niên hiệu Hậu nguyên, trong thành Trường An người ốm có đến vài trăm, tử vong đến quá nửa, vua thử lấy hương thần của Nhục Chi đốt lên trong thành, những người ốm chết chưa đến ba tháng đều sống lại, mùi hương thơm ba tháng không hết, bấy giờ vua mới tin là của thần linh, nên sai cất giấu kín số còn lại, một buổi sáng sau đó lại mất đi... Năm sau vua mất tại cung Ngũ tạo thì đã mất các thứ hương điều sơn, chẩn đàn, khước tử của người nước Nhục Chi rồi. Giả sử trước kia mà đón tiếp sứ giả có hậu tình thì khi có việc lại không được nhờ cái công dụng của thứ hương thiêng? Thế cũng coi như tự sát vậy.

Đông Phương Sóc tuy nhờ khôi hài hoạt kê mà nổi tiếng nhưng cũng không quá dẫn hoang đường đến mức đó. Chuyện Đông Phương Sóc trong sách *Hán thư* có lời rằng: tài khôi hài, ứng khẩu, đoán chữ đoán thơ của Sóc, nghe ra phù phiếm nông cạn, đưa ra trong quần chúng dân đen, bọn trẻ nhỏ chần dặt đều bị lờ bịp, rồi những kẻ hay bày chuyện đời sau nhân đó đưa các điều kỳ chuyện quái gở thêm cho Sóc. Thế mới biết rằng đời Hán đối với Sóc đã có lắm chuyện thêm thắt. Hai sách nói đây tuy là sách giả, mà *Tùy chí* cũng đã lục chép vào, rồi vì ý lời mới mẻ khác lạ mà các văn nhân đời Tề Lương cũng dần dần diễn cổ có thực. Sách *Thần dị ký* vốn cũng là lời lẽ của dòng phái thần tiên, song văn từ sâu sắc tươi đẹp hơn, chắc là do văn nhân viết ra. Sách *Thập châu ký* đặc biệt nông cạn, xem đoạn chép truyện nước Nhục Chi trả lại hương cùng đoạn đầu chương nói: Phương Sóc nói rằng: “Thần là kẻ học phép tiên, nhưng không phải là người đã đắc đạo, gặp được lúc nước nhà thịnh giàu tươi đẹp, muốn tìm danh vọng Nho Mặc trong làng văn giáo, dùng lối hư không đối trá mà bắt bỏ thói phạm tục, nay thần giấu cái chí ẩn dật mà đến sân rồng, ôm ấp cái phép dương sinh mà chực cửa khuyết”. Xem ra thì đó chỉ là những kẻ phương sĩ lo mình nản chí, mượn cơ viết ra để lờ bịp người thường, cũng vừa để tự giải khuây cho mình mà thôi.

Sách mà cho là do *Ban Cố* làm thì một là cuốn *Vô đế cố sự*, nay còn một quyển chép việc vật từ khi Vô đế sinh ở điện Ý Lan cho đến khi chết chôn ở điện Mậu Lăng, có chép xuống đến đời Thành đế. Nội dung tuy có

nhiều điều về thần tiên quái lạ, nhưng lại không tin phương sĩ, vẫn cũng giản dị trang nhã, hẳn là do văn nhân Hán làm. *Tùy chí lục* chép hai cuốn, không đề tên tác giả, đến Triệu Công Vô đời Tống làm sách *Quận trai thư chí* mới nói là người ta cho là của Ban Cố làm, lại nói Trương Giản Chi đời Đường có viết vào sau sách *Đông Minh ký* rằng sách *Hán Vô Cố sự* là của Vương Kiệm làm. Song người sau cứ gán cho người họ Ban.

Vua (Vô đế) sinh ngày mồng 7 tháng 7 năm Ất Dậu trong điện Ý Lan, bốn tuổi thì lập làm Giao đông vương. Khi mới hai, ba tuổi bà trưởng công chúa bế đặt ngồi trên đầu gối mình, hỏi rằng bé muốn có vợ không? Giao đông vương trả lời muốn có vợ. Công chúa chỉ bọn cung nữ thường trực hầu hạ hai bên tả hữu đến hơn trăm người, vương đều nói là không được. Cuối cùng chỉ con gái mình mà hỏi A Kiều được không? - Khi đó vương mới cười mà thưa rằng: Được, nếu được A Kiều thì phải làm nhà bằng vàng để cho ở. Công chúa hết sức vui, bèn khẩn khoản xin vua, và việc hôn nhân thành.

Vua thường đi kiệu đến dinh quan lang, thấy một ông già, râu tóc bạc phơ, áo quần hơi luộm thuộm, hỏi rằng: “Ông làm lang lúc nào, sao mà già vậy?” - Quan lang trả lời: Thần họ Nhan tên Tứ, người Giang Đô, làm lang từ thời vua Văn đế. Vua hỏi: Sao già rồi mà không được tri ngộ cất nhắc lên? Tứ trả lời: Vua Văn đế thích văn mà thần thì thích võ, Vua Cảnh đế thích người già mà thần lại còn trẻ, nay bệ hạ thích trẻ thì thần đã già rồi. Thế cho nên ba đời mà vẫn không được tri ngộ. Vua cảm lời nói, cất nhắc lên chức đô úy Cối Kê.

Ngày mồng 7 tháng 7, vua ở cung Thừa Hoa ăn chay. Trưa đúng Ngọ bỗng thấy có con chim xanh từ phương Tây đến. Vua hỏi, Đông Phương Sóc thưa: đến tới Tây vương mẫu ắt xuống trên người nhà vua... Đêm ấy đồng hồ vừa bảy khắc, trên trời không mây, nghe mang máng như tiếng sấm, rồi khắp trời có khí màu tía. Chốc lát thì Vương mẫu đến đi xe màu tía, các ngọc nữ kèm và đánh xe, đầu đội mũ trắng, màu xanh như mây, có hai chim xanh trực sát bên người. Mẫu xuống xe, Vua lạy đón, mời mẫu ngồi, lòng dục còn lắm, thuốc bắt tử chưa thể cho được. Rồi lấy ra bảy quả đào, mình ăn hai quả, trao cho vua bảy quả: Vua giữ hột lại để trước mặt. Vương mẫu hỏi để rồi làm gì, vua thưa: đào này ngon, tôi muốn trồng, Mẫu cười

mà nói rằng đào ấy ba nghìn năm ra quả một lúa, không phải giống dưới trần trồng. Ở lại đến canh năm, chuyện trò về thế sự mà không chịu nói đến quỷ thần, rồi nghiêm trang ra đi. Đông Phương Sóc ở trong cửa sổ châu đèn dờm mầu, mầu nói: bé nay thích làm điều tội lỗi, người thổ lộ cần quấy ra đồ vô lại, bị dây xuống đã lâu, không được trở về trời nhưng lòng vốn không ác, sắp được về thôi, hoàng đế đãi ngộ cho tốt. Mầu đi rồi, Vua bùi ngùi hồi lâu.

Một cuốn nữa gọi là *Hán vô đế nội truyện* cũng một quyển và cũng chép việc vua Hiếu vô từ khi sơ sinh cho đến việc chôn cất khi mất, mà việc Vương mầu xuống thì đặc biệt tường tận. Văn rườm rà hoa lệ nhưng xấp nổi nông cạn hay đánh cắp lời nhà chùa, lại dùng nhiều từ ngữ của *Thập châu ký* và *Hán vô cố sự*, đủ biết so với hai cuốn kia thì cuốn này ra sao. Thời Tống sách còn chưa đề tên ai soạn, đến thời Minh mới gộp lại với *Hán vô cố sự* và đều cho là Ban Cố làm, đó là do tên tuổi Ban Cố được coi trọng lại nhân sách cùng loại nên dựa vào đó mà giả thác ra.

Đêm đến quá canh hai, bỗng thấy phía Tây Nam như mây trắng nổi lên, rõ ràng thẳng đến, tắt qua cung đình, phút chốc lại gần. Trong mây nghe có tiếng sáo, tiếng người ngựa ồn ào, chỉ khoảng nửa bữa ăn là Vương mầu tới. Lững lờ vào trước điện, như chim bầy đậu, hoặc đi xe rồng hổ kéo, hoặc cưỡi lân trắng, hoặc cưỡi hạc trắng, hoặc ngồi xe kiệu xa, hoặc cưỡi ngựa thiên mã, đám tiên đến vài nghìn, rạng ngời cả cung điện. Đến nơi xong thì đón quan tùy tòng không còn thấy ở đâu cả, chỉ thấy Vương mầu ngồi xe mây tía, thẳng rồng, thân có chín màu. Riêng có năm chục thiên tiên... đều trú ở dưới điện. Vương mầu chỉ có hai thị nữ diu lên trên, các thị nữ tuổi chừng mười sáu, mười bảy, mình mặc áo cánh bằng lục mỏng màu xanh, mặt mày lạnh lợi, dáng dấp tư thế trong sáng tươi tỉnh, thật là những cô gái đẹp. Vương mầu lên điện, ngồi ngoảnh mặt hướng đông, choàng tấm áo choàng bằng vàng hoa thêu tươi sáng, dáng người ngời sáng hiền hòa, thất cái dải lớn linh phi, lưng đeo thanh gươm phân cảnh, trên đầu tóc búi kiểu thái hoa, đội chiếc mũ thái chân thần anh, chân đi giày huyền quỳnh thêu phượng, xem ra tuổi khoảng ba mươi, cao vừa tầm, phong tư kín đáo dịu dàng, mặt mày đáng điệu tuyệt trần, quả là người thiêng liêng.

Vua quì tạ ơn... Thượng nguyên phu nhân bảo vua về chỗ ngồi. Vương mẫu bảo phu nhân rằng: Nhà ngươi răn dạy, nói nghe cấp thiết quá, rồi cuộc làm cho kẻ chưa hiểu, sợ về ý chí của mình. Phu nhân thưa: là kẻ có chí về đạo, sắp đem thân vứt cho hổ đói, quên thể xác bị hủy diệt, đạp lên lửa, đi trên nước, chỉ bèn một chí thôi, kẻ đó hẳn không lo sợ... Nói ra cấp thiết, là giúp nên cái chí cho người ta, mẹ đã có ý lo, thì hẳn nên ban cho phép giải. Mẫu nói: nhà ngươi siêng năng lâu rồi, mà không gặp được thầy giỏi, nay muốn hủy hoại cái chí chính đáng của mình, nên biết ngờ rằng thiên hạ hẳn không có người tiên, vì thế ta mới mở cửa lăng uyên ra, nay cứ tạm bỏ cái lòng cần đục đi, giữ bèn cái chí tiên của mình đã, lại muốn làm cho kẻ khác cảm hóa không lầm nữa. Hôm nay gặp nhau, việc đó khiến người ta ghi nhớ, đến như cái phép giải, đó là hạ sách, ta thật không tiếc. Ba năm sau, ta nhất định đồng ý, ban cho một ít lễ đã làm thành hoàn với một ít tán thạch tượng. Đem cho đủ là dứt khoát không được dừng lại nữa. Còn năm nay nạn Hung nô chưa dứt, biên cương lăm chuyện, việc gì lại bỏ ngôi chí tôn trong thiên hạ, mà vào hang động núi rừng? Chỉ nên hỏi là đốc chí thế nào: nếu nghĩ mà sửa đổi đi ta sẽ đến nhiều lần nữa; Nói rồi mẫu vỗ lưng vua mà bảo: Ngươi đừng làm theo lời nói chí lý của Thượng nguyên phu nhân, thì nhất định được trường sinh tử; há không nên cố gắng sao? Vua quì lên mà nói: sẽ chép hết lên thẻ vàng, để đeo luôn trong mình.

Lại có cuốn *Hán vô động minh ký* bốn quyển đề là Quách Hiếu đời Hậu Hán soạn, toàn bộ có năm mươi tấc (chuẩn tấc), tấc nào cũng nói về đạo thuật thần tiên cùng những sự việc quái lạ ở các phương xa; Còn sao lại đặt tên Đông minh ký thì lời tựa nói: Hán vô đế là một vị vua thông minh tuấn tú đặc biệt khác thường, Đông Phương Sóc nhân thế nói khôi hài hoạt kê để uốn nắn can ngăn, mong động lòng ông, thông suốt đạo giáo, để cho những lễ u minh, tằm tối được sáng sửa rõ ràng ra, nay dựa theo những điều sử cũ không chép để thêm Kiến văn, soạn ra *Đông minh ký* bốn quyển, thành sách của một nhà; Thế là những tên tự là Tứ Hoàn, người Nhữ Nam đời Tống, đời Quang vũ, được mời làm chức bác sỹ... làm người cương trực dám nói, sách có mục Quan đông Quách Tử Hoàn, trong đó chỉ có một chuyện rượu chứa cháy, thế mà bọn phương sĩ cũng vội nhắc đến, rồi

Phạm Hoa làm sách *Hậu Hán thư* cũng không xem kỹ, đem vào trong *Phương thuật liệt truyện*. Song *Động minh ký* mà nói Quách Hiếu làm, thực ra là bắt đầu từ *Đường thư* của Lưu Hu, còn *Tùy thư* thì chỉ nói là Quách thị, không có tên. Người đời Lục triều cứ hư tạo ra lời thần tiên, và mỗi lần như vậy lại thích nói là của Quách Thị, hơn nữa để chỉ Quách Phác, cho nên có *Quách Thị huyền trung ký*. *Huyền Trung ký* nay không có, xem văn còn sót lại thì giống với *Thiều dị kinh*. *Đông Minh ký* thì còn nguyên văn như sau:

Hoàn An, người Đại quận, làm lính Đại quận... thường uống chè sao, cả người đều đỏ, mùa đông không dùng áo da, ngồi trên một con rùa thần rộng hai thước; Người ta hỏi thầy ngồi rùa đó bao năm rồi, An trả lời: Xưa vua Phục Hy bắt đầu tạo ra lưỡi vó, bắt được con rùa đó đem cho ta, ta ngồi nó lưng đã bằng di. Loài vật đó sợ ánh sáng mặt trời, mặt trăng, hai nghìn năm mới thò đầu ra một lần, ta ngồi trên nó, đã thấy nó thò ra năm lần (Quyển hai).

Năm thiên Hán thứ hai, vua lên gác Thượng Long, nghĩ đến tiên thuật, triệu mọi phương sĩ đến nói chuyện các nước lạ phương xa. Chỉ có Đông phương dậy khỏi chiếu cầm bút quỉ mà dâng. Vua nói: Quan đại phu vì trăm mà nói chuyện à? Sóc thưa: Thần đi chơi Bắc cực, đến núi Chúng hóa, mặt trời mặt trăng không hề chiếu đến núi đó, có con rồng xanh ngâm đuốc lửa chiếu bốn cực của núi; Cũng có vườn tược ao hồ, đều trồng cây lạ cỏ lạ, có cỏ minh hình đêm như đèn vàng, bẻ làm cành được, soi thấy được hình quỷ vật. Người tiên là Ninh Phong thường uống cỏ ấy, lúc đêm tối thì thấy bùng sáng tỏa ra ngoài. Cỏ còn có tên là Động minh thảo; Vua sai già cỏ ấy ra làm thành bột nhào, quét lên quán Văn minh, đêm ngồi quán đó, không cần đèn đuốc. Cỏ cũng gọi là cỏ chiếu vị hay soi quỷ, bôi vào chân, lội nước không chìm (Quyển ba).

Đến như sách chép chuyện của nhân gian thì có *Tây kinh tạp ký*, vốn hai quyển, nay sáu quyển là do người đời Tống chia ra. Cuối sách có lời bạt của Cát Hồng, nói văn phái này có Lưu Hâm làm sách Hán thư 100 quyển, đem so lại với sách Ban Cố làm, thì gần như lấy của họ Lưu cả những dị đồng nhỏ, vốn không kể thì sách không quá hai vạn chữ. Nay sao lại làm hai

quyển, để bổ sung vào chỗ sách Hán thư thiếu. Song trong *Tùy chí* thì không ghi tên người soạn, *Đường chí* thì ghi là Cát Hồng soạn, mới biết rằng ngay thời ấy người ta đã không tin là của Lưu Hâm. Sách *Dậu dương tạp trở* của Đoàn Thành Thúc, thiên ngữ tư có đoạn: “Đêm như đèn vàng, thiên ngữ tư có nói: Dấu Tín làm thơ, dùng điển trong *Tây kinh tạp ký*, sau tự cải chính nói: đó là lời của Ngô Quân e không đáng dùng, thế người sau cho là Quân làm. Song nói là lời của Ngô Quân, có lẽ là chỉ câu văn mà nói, nói của Khổng Tử là bọn Tử Do Tử Hạ chép, cốt để giải thích lục nghệ mà thôi. Quân tôi cho rằng sách *Ngoại thích truyện* nói Sử Dật dùng sách Nhĩ Nhã mà dạy con, thế thì Nhĩ Nhã là sách tiểu học. Lại trong ký có nói: Khổng Tử dạy Lỗ Ai công học Nhĩ Nhã, thế thì Nhĩ Nhã ra đời đã lâu, các học giả lớp cựu truyền đều nói của Chu Công làm, còn loại truyện Trương Trọng là của người đời sau thêm vào mà thôi (Quyển 3).

Tư Mã Thiên phần uất mà làm ra sách *Sử ký* 130 chương. Những kẻ thành đạt trước đều khen là có tài, một sử gia tốt. Sử dĩ đem chuyện Bá Di lên đầu các liệt truyện là vì cho rằng làm điều lành mà không báo đáp, chuyện Hạng Vũ cùng chép thành bản kỷ là vì cho rằng việc ở cương vị cao không phải liên quan gì đến việc có đạo đức. Đến các tự truyện Khuất Nguyên, Giả Nghị, lời ý ức dương, bi mà không thương, cũng là thiên tài của thời đại (Quyển 4).

Quảng xuyên vương Khử Tật tự họp bọn vô lại, quật mả Quan lên, quan quách cùng những đồ môn khí đều mục nát, không còn gì. Có một con cáo trắng, thấy người thì sợ bỏ chạy, những kẻ tả hữu đánh nó, mà không bắt được, làm nó bị thương ở chân trái. Chiều hôm đó, vương mộng thấy mặt người đàn ông đáng kính râu mày bạc phơ, đến hỏi Vương: “Cớ chi lại làm bị thương chân trái ta?”. Nói vậy rồi lấy gậy gõ chân trái của Vương. Vương tỉnh dậy, chân sưng đau thành mụn loét, đến lúc chết vẫn thế (Quyển 6).

Cát Hồng tên là Trĩ Xuyên, người Cú Dung Đan dương, lúc trẻ học nho có tiếng, nghiên cứu các sách vở xưa, mà thích phép đạo dưỡng của phái thần tiên hơn, giữa niên hiệu Thái An, làm chức Phục ba tướng quân, có công dẹp giặc, được phong quan nội hầu. Can Bửu rất thân với Hồng,

tiến cử Hồng, nói là tài làm được quốc sử. Song Hồng nghe nói Giao Chỉ sản ra thuốc quý, nên tự xin làm chức lệnh Câu lậu, đi đến Quảng Châu, thì quan thứ sử mời ở lại, nên dừng lại ở La Phù, tuổi 81, đột ngột bệnh chết. *Tây kinh tạp ký*: Vua Lương vô đế sai An Văn soạn sách tiểu thuyết. Văn đều tóm sao sách cũ, dẫn *Tây kinh tạp ký* rất nhiều, như vậy thì khoảng gần nhà Lương sách đó đã lưu hành trong dân gian, và vốn cho là của Cát Hồng làm là gần đúng. Có kẻ lại cho rằng trong sách có chỗ gọi Lưu Hưởng là Gia quân, mà nghi không phải Cát Hồng làm, nhưng đã giả thác tên Hâm, tất phải mô phỏng giọng Hâm nói, đó cũng là lẽ tất nhiên mà thôi. Những sự việc sách ghi chép thì đúng như lời tựa của Hoàng Tĩnh Lăng nói: Đại khái có bốn: vụn vặt thô鄙 đáng lược đi, tản mạn không có một ý chính trung tâm nào lại còn mơ hồ tối tăm khó có bằng chứng, xúc phạm đến những điều kiêng kỵ cần tránh. Nhưng đó là nhận xét về xử sự, còn nói về văn chương thì trong các tiểu thuyết cổ, sách ấy ý tứ cũng hay và độc đáo, lời văn cũng khá đầy thôi.

Tư Mã Tương Như hồi cùng Trác Văn Quân về thành đô, nghèo túng lo buồn, đem tấm áo khoác tiêu sương tự dệt lấy đến nhà người hàng buôn là Dương Vương cầm đi mà mua rượu về cùng Văn Quân uống làm vui. Thế rồi Văn Quân ôm cổ mà khóc, nói rằng: em bình sinh giàu có, mà nay phải đem áo đi cầm để mua rượu. Rồi vợ chồng cùng nhau bàn tính, sẽ làm nghề bán rượu tại Thành đô. Tương Như đóng cái khổ mũi nghề chùi rửa đồ đạc, có ý làm xấu mặt Vương Tôn. Vương Tôn quả nhiên lấy làm đau khổ, bèn cho Văn Quân nhiều tiền và Văn Quân thành nhà giàu. Văn Quân người đẹp, lông mày như rặng núi trông xa, hai má thường như hai đoá phù dung, da thịt trơn như mỡ, tính tình lại phóng khoáng phong lưu, cho nên thích tài của Trường Khanh và vượt qua lễ giáo... (Quyển 2).

Quách Uy, tên tự là Văn Vĩ, người Mậu Lăng, ham đọc sách, nhân đó bảo sách Nhĩ Nhã là của Chu Công làm, song trong Nhĩ Nhã có truyện Trương Trọng có hiếu với cha mẹ, tốt với anh em. Trương Trọng người thời Tuyên vương thế thì việc sách phải là của Chu Công làm là rõ. Tôi thường đùa hỏi Dương Tử Văn, Tử Văn nói: sách do môn đồ Khổng Tử làm. Sách *Báo phác tử* của ông (Nội chương ba nói chúc tướng Thái Khư là Trần

Trọng Cung người Đình Xuyên có làm sách *Dị văn ký*, lại dẫn văn của sách đó, nói sơ lược rằng người trong quận tên là Trương Quảng Định chạy loạn, để đứa con gái bốn tuổi gửi lại trong ngôi mộ xưa, ba năm trở lại, thấy đứa con gái nhờ bắt chước cách quy túc hay rùa thờ tức, thờ như người, theo sách xưa, có cái tướng nằm ngủ hơi ra lỗ tai, mà được khỏi chết. Song *Dị văn ký* của Trần Trọng Cung đó, trong sử ký không ghi đã rồi, lại rất giống những chuyện thường đàm của phương sĩ, cho nên nghi là sách giả thác. Cát Hồng tuy sống cách đời Hán không xa nhưng mê say đạo thần tiên, nên lời ông nói cũng không đáng căn cứ.

Lại có sách *Phi Yến ngoại truyện*, một quyển, chép truyện đời xưa về hai chị em Triệu Phi Yến đề là của Huyền Tử Vu, nhạc công của quan Đô úy Hà Đông đời Hán. Tư Mã Quang có lấy chuyện “Họa nước diệt lửa” đưa vào sách Thông giám của mình, lại cho là của người đời Hán làm, song e là của người Đường Tống thì phải hơn. Lại có sách *Tạp sự bí tâm* một quyển, chép việc đời Hậu Hán tuyển lựa và sách lập em gái của Lương Ký; Dương Thận đề tựa nói tìm được ở nhà họ Vạn, thổ tri châu An ninh, Thẩm Đức Phù trong sách *Dã hoạch biên* 23 cho *Tạp sự bí tâm* là trước tác vui đùa của Thận.

Chương 5

SÁCH QUỶ THẦN CHÍ QUÁI ĐỜI LỤC TRIỀU (THƯỢNG)

Trung Quốc vốn tin đồng cốt, từ đời Tần đời Hán về sau, thuyết thần tiên thịnh hành, cuối Hán nổi mạnh lên tục đồng cốt và đạo thần quỷ do đó càng thịnh. Lại gặp lúc đạo Phật tiểu thừa cũng du nhập vào đất ta và lưu truyền dần. Tình hình ấy làm ai cũng đề cao thần quỷ, ca ngợi sự linh thiêng, cho nên từ Tấn đến Tùy đã viết nhiều sách quỷ thần chí quái. Loại sách đó có cuốn do văn nhân làm, có cuốn do giáo đồ làm. Văn nhân làm, tuy không phải như người trong đạo Thích ca và Đạo giáo, cố ý làm cho đạo mình ra thần nhưng cũng không phải cốt làm tiểu thuyết, vì lẽ đương thời cho rằng sáng tối tuy hai đường song người và quỷ đều có thực, cho nên tự thuật việc linh dị và ghi chép việc thường của người ta, tự xem là không khác về sự có thực và sự bịa đặt gì hết.

Tùy chí có *Liệt dị truyện* ba quyển, của Ngụy Văn đế làm, nay thất lạc, có điều là xưa nay văn chương dẫn dụng sách đó khá nhiều, nên còn được thấy dị văn của nó, xem thì quả như *Tùy chí* nói sách làm là để thuật những chuyện ma quỷ kỳ quái. Trong sách có việc khoảng niên hiệu Cam lộ, sau đời Văn đế, việc đó hoặc do người đời sau thêm vào, hoặc do người soạn sách giả thác ra thì đều không biết được. Cả hai bộ *Đường chí* đều nói Trương Hoa làm, song cũng không có bằng chứng gì khác, mãi sau có kẻ thấy là trái ngược mà thay đổi lại. Duy theo *Tam quốc chí* chú của Bùi Tùng Chi đời Tống, *Thủy kinh chú* của Ly Đạo Nguyên đời Hán Ngụy đã có dẫn

làm chứng thì sách là của người đời Ngụy Tấn làm, không nghi ngờ gì nữa.

Người đất Nam Dương là Tống Định Ba lúc còn trẻ đi đêm gặp ma, hỏi ai? Ma rằng: Ma đây. Ma lại hỏi lại: còn người thì là ai? Định Bá nói đối: ta cũng là ma. Ma hỏi muốn đi đến chỗ nào, trả lời là muốn đến Uyển Thị, ma bảo y cũng muốn đến Uyển Thị. Cùng đi được vài dặm, mà nói đi bộ còn nhiều, có thể thay phiên công nhau mà đi. Định Bá bảo là hay lắm. Ma liền làm trước, công Bá đi, được vài dặm thì bảo: người nặng lắm, e không phải là ma. Bá nói ta mới chết nên còn nặng đấy thôi. Ma thì hầu như không có nặng gì cả. Đối nhau được hai ba lần, Định Bá lại nói: ta mới chết, không rõ ma rốt cục kiêng sợ gì. Ma rằng: Chỉ không thích người ta nhổ nước bọt.

Đi sắp đến Uyển Thị, Định Bá công ma lên ngang đầu rồi cấp tốc nắm lấy. Ma kêu to, tiếng nghe khàn khàn nhỏ dần, rồi không nghe thấy nữa. Bá đi tắt vào giữa Uyển Thị, đặt xuống đất, thì ra ma đã biến thành một con dê. Bá bán đi, sợ nó lại biến khác đi nữa, thì nhổ nước bọt vào nó, bán lấy được tiền là 1500 (Sách *Thái bình ngự lãm* 884, *Thiên Thập uyển chân lâm* 6).

Thần tiên Ma cô giáng xuống nhà Thái kinh ở Đông dương, móng tay dài bốn tấc. Kinh nghi bưng: cô gái này quả là một người đẹp lại đúng ý mình, mong được có cô gái để gả lưng. Ma cô cả giận, thành linh thấy ngã sắp xuống đất, hai mắt chảy máu. (Sách *Thái bình ngự lãm* 370).

Trên núi Bắc Sơn huyện Tân Võ Xương có đá vọng phu dáng như người đứng. Chuyện kể xưa có người trinh phụ, chồng đi làm việc quan chết vì nạn nước ở nơi xa, người vợ bế con nhỏ, tiến đến chân núi đó, đứng trông rồi hóa thành đá. (Sách *Thái bình ngự lãm* 888).

Từ đời Tấn về sau, người ta làm ra sách giả, hề ghi chú sự vật kỳ quái ở nơi xa lạ thì cứ bảo là sách của Trương Hoa làm, cũng như cứ nói về cõi thần người tiên thì cứ bảo là của Đông Phương Sóc, Trương Hoa tên tự là Mậu Tiên, người Phương Thành thuộc Phạm Lương, đầu đời Ngụy đỗ Thái thường bác sĩ, vào Tấn làm quan đến chức Tư không, lãnh chức trước tác, phong Tráng Võ quận công năm đầu niên hiệu Vĩnh Khang, trong vụ biến loạn của Triệu Vương Luân, Hoa bị hại, tru di ba họ, lúc ấy sáu mươi chín

tuổi (230-300), chuyện chép trong Tấn thư. Hoa thông thuật Đồ Vi lại xem nhiều sách phép thuật khác, đoán biết được những sự vật dữ lành nọ kia nên có tiếng là uyên bác kiến thức nhiều, nhưng tựu trung cũng làm điều thêm thắt. Lương Tiêu Ý lục chép sách *Thập đị ký* (9) của Vương Gia nói Hoa thường góp nhặt những điều bỏ sót trong thiên hạ, từ thuở đầu đều dùng lối như thế, khảo nghiệm những việc thần quái, góp nhặt đến cả những điều kể trong dân gian, trong xóm ngõ, làm ra sách *Bác vật chí* bốn trăm quyển, dâng lên Võ đế, đế sai cắt xén những chỗ phù phiếm, nghi ngờ, chia làm mười quyển. Sách nay còn, đó là loại sách ghi chép các cảnh kỳ vật lạ, cho đến các việc vật chuyện nhỏ thời xưa, nhưng đều trích lấy trong sách cũ ra, không có gì mới lạ, không xứng với tên sách, hoặc giả đó là do người đời sau chép nhặt lại mà làm ra, không phải là nguyên bản của Trương Hoa chăng? Nay những tiểu thuyết từ Hán đến Tùy mà đang còn, đại để là thế cả.

Sách Chu thư chép: Đất Tây vực dâng vải giặt bằng lửa, thị tộc Côn Ngô dâng dao cắt ngọc, vải đó bẩn mà đem đốt thì sạch, dao đó cắt ngọc như cắt sáp. Vải thì đời Hán có được dâng, dao thì chưa nghe đến. (Quyển 2, mục Sản vật lạ).

Bắt con ba ba, cắt thịt từng miếng như con cò, giã rau hien đỏ lấy nước trộn vào, lấy tranh gói lại dây dầy, năm, sáu tháng lên men, thì bỏ xuống ao, khoảng mười ngày thì miếng thịt thành con ba ba cả (Quyển 4 - mục Trò chơi).

Thái tử Đan nước Yên qua làm con tin ở nước Tần. Muốn về, xin với Tần vương - Vương không cho, lừa rằng: Làm sao cho quạ đầu trắng ra, ngựa mọc sừng được thì sẽ cho. Đan ngựa mặt lên mà than, quạ liền trắng đầu ra, cúi xuống mà khóc, ngựa liền mọc sừng. Tần vương bắt đắc dĩ phải cho về, sai làm cầu có máy, muốn hại Đan. Đan rong ruổi đi qua mà máy không bật. Trốn đến cửa ải, cửa không mở, Đan giả gà gáy, gà xung quanh gáy lên cả, thế là về (Quyển 8, Sử bộ).

Lão tử nói: Muôn dân đều thuộc Tây vương mẫu, chỉ có bậc vương, bậc thánh, bậc chân nhân, bậc tiên nhân, bậc đạo nhân là mạng thuộc cửa

thiên quân ở trên (Quyển 9, mục *Tạp thuyết*).

Can Bửu người Tân Thái, tên tự là Linh Thăng. Nhà Tấn sau khi Trung hưng đặt chức sứ quán. Bửu ban đầu làm trước tác lang, lãnh việc soạn quốc sử, nhân nhà nghèo xin được bổ làm hữu trưởng sử của quan tư đồ, rồi đổi lên làm chức Tấn kỵ thường thị (sách *Tứ thế kỷ trung*). Bửu làm *Tấn kỷ* hai mươi quyển, đương thời khen là nhà viết sử tốt, nhưng tính thích thuật số âm dương, vì mê hoặc theo chuyện người vợ hầu của bố chết rồi lại tái sinh, chuyện người anh đã tắt hơi rồi lại sống lại, và kể chuyện gặp thiên thần, mà làm ra sách *Sưu thần ký* hai mươi quyển, nói là để làm sáng tỏ thêm rằng thần đạo không nói không, theo lời Tự chép trong chuyện bán thân ở *Tấn thư*. *Sưu thần ký* mà nay còn đúng là hai mươi quyển nhưng cũng không phải là sách nguyên tác, nội dung ngoài những chuyện thần kỳ, linh dị, nhân vật biến hóa, còn nói đến thần tiên, ngũ hành, lại tình cờ cũng có thuyết Thích ca.

Chu Thúc người Hạ Bì đời Hán, thường đến Đông Hải, giữa đường gặp một người làm chức lại, tay cầm một cuốn sách, xin đi nhờ thuyền, đi được hơn mười dặm thì bảo Thúc tôi có việc tạm ghé, để sách lại gửi trong thuyền ông, xin chờ giờ ra. Người lạ đi rồi thì Thúc giờ ra xem trộm, thấy sách toàn chép việc những người chết rồi, dưới hết có tên của Thúc. Chốc lát trở về thì Thúc còn xem. Người lạ giận nói: cũng định mách nhau nhưng không dè đã xem đi rồi. Thúc dập đầu lạy đến chảy máu, hồi lâu, người lạ mới nói cảm lòng ông đã cho nhau đi một đoạn đường dài, song sách này bỏ tên ông ra không được, ngày hôm nay đã qua, ông về nhà trong ba năm chờ ra khỏi cửa, may có thể được khỏi. Lại chờ nói là đã thấy sách tôi. Thúc về, không ra khỏi cửa đã hơn hai năm, trong nhà ai cũng lấy làm lạ. Hàng xóm có người chết, người cha giận bảo sang viếng. Thúc bắt đực đi phải đi, vừa ra khỏi cửa đã thấy người lạ ngày trước. Người lạ nói: tôi bảo ông trong ba năm đừng có đi ra, nay ông đã ra ngoài cửa, biết làm thế nào. Tôi mong không thấy ông, khỏi phải liên lụy dùng roi vọt, nay đã thấy ông, lại biết làm thế nào, sau ba ngày đúng trưa, tôi phải đến bắt thôi... Đến đúng trưa ngày thứ ba, quả thấy người lạ đến bắt, thế là chết (Quyển 5).

Nguyễn Chiêm, tên tự là Thiên Ký, vốn theo thuyết không có quỷ,

không ai cãi được, thường tự bảo điều đó đủ chứng minh thực cái lẽ u minh. Bỗng có khách đến đưa danh thiếp thăm Chiêm, hàn huyên xong, bèn nói sang chuyện danh lý² khách rất có tài biện luận, Chiêm cũng nói chuyện. Khá lâu, mãi đến khi nói đến chuyện quỷ thần, bàn đi cãi lại rất khổ, sau khách phải chịu, làm ra bộ giận mà nói: Quỷ thần là điều thánh hiền xưa nay đều có nói, sao ông lại dám một mình bảo không. Thí dụ tôi đây vốn là quỷ - Nói rồi biến thành hình khác, phút chốc thì tiêu tan, Chiêm lặng thinh, da dẻ tinh thần rất xấu, hơn năm thì chết (Quyển mười sáu).

Miếu Tiêu Hồ có một chiếc gối ngọc, gối có chỗ nẻ nhỏ. Bấy giờ người huyện Đơn phủ tên là Dương Tâm làm nghề buôn, đến miếu cầu xin người, con đồng trong miếu hỏi: anh muốn lấy vợ được tốt không? Tâm trả lời: Được vậy thì may lắm. Con đồng liền bảo Tâm lại bên gối, rồi cho vào trong lỗ nẻ, vào thì thấy lâu son, nhà ngọc, có quan Thái úy họ Triệu ở, quan gả ngay con gái mình cho Tâm, sinh được sáu con, cả sáu sau làm bí thư lang cả, trải vài chục năm, Tâm không có ý nghĩ gì đến việc về, thỉnh linh như nằm mơ dậy, thì ra còn nằm bên chiếc gối, Tâm ngậm ngùi hồi lâu (Bản sách ngày nay không có điều này, thấy trong sách *Thái bình hoàn vũ ký*, lời dẫn 126).

Làm tiếp thêm sách của Can Bửu có *Sưu thần ký* mười quyển đề là Đào Tiềm soạn, sách còn đủ cả, cũng chép những chuyện linh thiêng biến hóa như sách trước, song Đào Tiềm người khoáng đạt, chưa chắc đã bỏ vào chuyện quỷ thần, có lẽ là giả mạo thôi.

Can Bửu tên tự là Linh Thăng, cha ông trước là người ở Tân Thái. Cha tên là Oánh, có cô hầu yêu. Mẹ rất hay ghen, lúc cha mất chôn, đẩy người vợ hầu vào trong huyết mộ. Anh em Bửu còn bé, không hiểu gì. Mười năm sau, mẹ mất, mở mộ ra, thấy nằm phủ phục trên qua tài, quần áo y như là người sống, lại xem thì người còn nóng, khênh về nhà, hết ngày thì sống lại, kể rằng bố của Bửu thường đưa cơm nước cho, lại cùng nhau ăn nằm, ân ái như lúc sống. Việc lành dữ trong nhà đem nói ra, so lại thì đều đúng cả, bình phục lại được vài năm thì mất. Anh của Bửu ốm luôn, tất thử

² Lý, là lý học; danh, là chính danh.

nhiều ngày mà người không lạnh đi. Sau tỉnh lại, nói là thấy được việc quỷ thần trong khoảng trời đất, rồi như nằm mơ tỉnh dậy, không biết là mình đã có chết (Quyển bốn).

Thời gian sau nhà Tấn trung hưng, có Chu Tử Văn người Tiến quận nhà ở Tấn Lăng, lúc trẻ thích săn bắn, thường vào núi, thỉnh linh giữa hang núi có một người cao đến năm sáu trượng, tay cầm cung tên, đầu mũi tên rộng đến hai thước, người trắng như sương tuyết, lại thỉnh linh lên tiếng gọi: A Thử (tên gọi lúc bé của Tử Văn). Tử Văn bất giác đáp: Ừ. Người đó liền trương cung lấp mũi nhắm Tử Văn. Tử Văn mất hồn nằm rạp xuống (Quyển bảy).

Thời Tấn lại có người họ Tuân làm sách *Linh quỹ chí*, người họ Lục làm sách *Dị lâm*, chức chủ bộ Tây nhưng là Đái Tô làm sách *Dị truyện*, rồi sách *Thuật dị ký* của Tổ Xung Chi, sách *Chí quái* của Tổ Đài Chỉ, ngoài ra những người làm sách *Chí quái* còn nhiều như bọn người họ Khổng, người họ Thực và Tào Tử, sách nay đều thất lạc, thỉnh thoảng có thấy dị văn. Còn sách *Thuật dị ký* hai quyển lưu hành hiện nay, nói là của Dương Nhiệm Chuồng làm thì chính là của người khoảng Đường Tống làm mà cho đội tên sách của Tổ Xung Chi, cho nên trong sách người đời Đường chưa hề dẫn đến.

Lưu Kính Thúc tên tự là Kính Thúc người Bàn Thành lúc nhỏ thông minh lanh lẹ, có tài lạ, cuối đời Tấn được làm lang trung lệnh nước Nam Bình, sang nhà Tống làm cấp sự hoàng môn lang, được vài năm thì miễn chức vì ốm, giữa niên hiệu Thái Thụy thì mất ở nhà (khoảng 390-470), sách làm ra *Dị uyển* hơn mười quyển được lưu hành (Muốn rõ hơn, xem tiểu truyện của Hồ Châu Hanh đời Minh làm, quyển đầu của *Dị uyển*, bản của Cáp Cổ Các). *Dị uyển* nay còn là mười quyển song cũng không phải sách nguyên bản như cũ.

Thời nhà Ngụy, quả chuông lớn trước điện tự nhiên kêu to, mọi người kinh lạ đem hỏi Trương Hoa, Hoa nói: Đó là do núi Đồng Sơn lở, chuông kêu là ứng lại tiếng núi lở đó thôi. Liền sau đó, Thục quân tiêu diệt sự việc lên thì đúng như Hoa nói (Quyển 2).

Giữa niên hiệu Nghĩa Hy, người con gái hầu nhà họ Từ ở Đông Hải thỉnh linh mắc bệnh luy hoàng mà gãi cào rất dữ, nhà đưa nhau rình xem thì thấy cái chổi dựng ở góc tường dưới giường cô ta nằm đảo qua đảo lại, họ lấy đốt đi, người con gái lành ngay và khỏe lại như thường (Quyển tám).

Năm thứ mười chín niên hiệu Thái Nguyên nhà Tấn. Hoàng Xiển giết chó tể núi Tuy Sơn trong làng, nấu thịt không chín, Thần giận, bảo người lên đồng rằng: Hoàng Xiển đưa thịt sống cúng ta, phải phạt bắt tự ăn đi. Trong năm đó, Xiển thỉnh linh hóa ra con hổ, lúc đầu mới làm hổ, gặp ai thì đưa da có vằn mà choàng cho, lập tức người đó biết nhảy vọt lại biết cắn đuôi (Quyển tám).

Lưu Ung người Đông Hoàn tính thích ăn vấy mụn nhọt, cho rằng vị ngon như cá “phục”, thường đến nhà Mạnh Linh Hựu, Linh Hựu trước bị dấu châm cứu sưng loét, vấy chưa rụng cũng gỡ ra cho Ung ăn. Quan lại nước Nam Khang đến 200 người, chẳng hỏi han có tội hay không có tội, cứ thay nhau cầm roi đánh, vấy rụng ra cả, lấy đem cho ăn. (Quyển mười).

Lâm Xuyên Vương là Lưu Nghĩa Khánh (463 - 444) tính tình giản dị, yêu thích văn học, soạn thảo rất nhiều (Chép kỹ ở *Tổng thất truyện* trong *Tống thư*), có *U minh lục* 30 quyển, thấy *Tùy chí* chép xếp vào loại tạp truyện trong sử bộ, *Tân Đường chí* xếp vào loại tiểu thuyết. Sách nay tuy không còn nhưng các sách khác trung dẫn rất nhiều, xem đại để như loại sách *Sưu thần liệt dị*, song giống như sao lục tập hợp các sách người trước, chứ không phải tự tạo ra. Đời Đường sách đó thịnh hành. Lưu Tri Kỷ làm sách *Sử thông* có nói sách *U minh lục*, Tấn thư lấy dùng trong đó rất nhiều.

Dương Vô Nghi người Đông Dương làm chức Tấn Kỵ thị lang đời Tống có làm sách *Tề hài ký* bảy quyển, sách cũng có chép trong *Tùy chí*, nay thất lạc. Ngô Quân đời Lương làm *Tục Tề hài ký* một quyển, nay hãy còn song cũng không phải là nguyên bản. Ngô Quân Tân tự là Thúc Tường, người Cổ chương thuộc Ngô Hưng, đầu niên hiệu Thiên giám làm chủ bộ. Ngô Hưng lại kiêm chức ký thất của Kiến An Vương Vi, cuối cùng thăng chức phụng triều thỉnh, do việc soạn sách *Tề xuân thu*, không hẳn là miễn chức nhưng cũng là miễn, sau lại được triệu lại, giao soạn sách *Thông sử*,

thơ 52 tuổi (469-520), sự việc chép rõ trong *Văn học truyện* của Lương Thu. Quân sớm có tiếng về thơ, văn cũng trong sáng bay bổng, những kẻ hay bày chuyện có khi bắt chước, bảo là theo thể Ngũ Quân, tiểu thuyết của ông do văn hay mà cũng trác tuyệt, các văn nhân Đường Tống thường dẫn biên niên cổ, bài ký *Dương Tiễn Nga lung* là một ví dụ về chuyện kỳ lạ hiếm thấy.

Hứa Ngạn người Dương Tiễn đi trong núi Tuy An, gặp một thư sinh mười bảy, mười tám tuổi nằm bên đường, bảo là chân đau. Xin vào nhờ trong lòng ngỗng. Ngạn cho là nói đùa, chàng thư sinh liền vào thật, lòng cũng chẳng thay đổi rộng ra, chàng thư sinh cũng chẳng thay đổi nhỏ lại, cứ ngồi với hai con ngỗng một cách tự nhiên, ngỗng cũng chẳng kinh hãi gì. Ngạn đội lòng mà đi, cũng chẳng thấy nặng thêm. Đến hàng cây đằng trước nghỉ lại, thư sinh chui trong lòng ra, bảo Ngạn rằng: Tôi muốn thết ông chén rượu nhạt, Ngạn bảo tốt. Thư sinh từ trong mồm nôn ra một cái âu đồng trong âu có đủ mọi món... Rượu vài tuần xong, bảo trước tôi định đem theo một người đàn bà, nay muốn đem tạm cô ta, Ngạn bảo tốt. Thư sinh lại từ trong mồm nôn ra một cô gái, cỡ 15-16 tuổi, áo quần lộng lẫy, dáng điệu tuyệt vời, cùng ngồi ăn, phút chốc Thư sinh say nằm, cô gái nói với Ngạn rằng: tuy tôi với chàng thư sinh đã lấy nhau thành vợ thành chồng song trong lòng vẫn oán giận, trước cũng muốn trộm được một chàng trai khác cùng đi, nay thư sinh ngủ rồi, muốn tạm đổi, mong ông đừng nói; Ngạn bảo tốt, cô gái từ trong mồm nôn ra một người con trai, tuổi chừng hai mươi ba, hai mươi bốn, người cũng dính ngô đáng yêu. Chàng cùng Ngạn hàn huyên. Chàng thư sinh ngủ sắp tỉnh, cô con gái lại từ trong mồm nôn ra một bức bình phong bằng gấm che chàng đi, chàng lại giữ cô gái lại cùng nằm. Chàng trai bảo Ngạn: cô ta tuy có tình, nhưng lòng chưa vừa, trước tôi cũng muốn trộm được một người con gái cùng đi nay muốn tạm gắp cô ta, mong ông đừng tiết lộ ra. Ngạn bảo tốt. Chàng trai lại từ trong mồm nôn ra một người đàn bà, tuổi cỡ hai mươi, cùng ngồi uống rượu, chuyện trò đùa cợt rất lâu, nghe chàng thư sinh có tiếng động, chàng trai bảo, hai người đã dậy, rồi lấy người con gái chỗ chàng thư sinh ra và bảo Ngạn rằng: chàng thư sinh sắp dậy, rồi nuốt người con trai trước đó đi, một mình ngồi đối diện với

Ngạn. Xong xuôi đầu đó, thì người thư sinh dậy thật và bảo Ngạn rằng: Ngủ một chút mà ra lâu, ông ngồi một mình chắc có bồn khoăn buồn bã phải không? Ngày lại muộn rồi, đồ đạc gì cũng bỏ vào mồm tuốt, chỉ để lại cái mâm đồng rộng có thể đến hai thước, từ biệt Ngạn mà nói rằng: không có gì để trả ơn ông, gọi là một chút để sau này nhớ nhau vậy. Ngạn khoảng niên hiệu Đại nguyên làm lâu đài lịch sự, dùng cái mâm để đãi tiệc quan Thị trung là Trương Tấn. Tấn xem bài minh khắc đề ở mâm, nói rằng mâm đó làm năm thứ ba niên hiệu Vĩnh Bình.

Tuy nhiên loại tư tưởng như chuyện trên, không phải là loại tư tưởng Trung Quốc vốn có, Đoàn Thành Thúc đã có nói là nó sinh ra ở Thiên Trúc, các sách *Dậu dương tạp trở*, *Tục tập*, *Biếm ngộ thiên* nói: *Thí dụ kinh* của họ Thích nói: Xưa Phan Chi làm thuật, nôn ra một cái bình, trong bình có một người con gái với tấm bình phong ở với nhau làm vợ chồng. Coi là nhà để ở. Phan Chi đi nghỉ một chút, lại người con gái làm thuật, nôn ra một cái bình, trong bình lại có người con trai, lại cùng nhau ăn nằm. Phan Chi thức dậy lần lượt nuốt cả hai người đó, rồi chống gậy bỏ đi. Tôi cho rằng Ngô Quán đã từng xem chuyện Đế Thích rồi rước lấy làm sách chí quái. Nói kinh của họ Thích tức là kinh *Cựu tạp chí thí dụ*, do Khang Tăng thời Ngô dịch nay đang còn. Vả chuyện trên, chỉ chuyện trên đó thôi, còn có kinh gốc nữa, như *Quan Phật tam muội Hải kinh* (Quyển một) nói khi xem Phật tu khổ hạnh. Bạch Hảo Mao coi tướng bảo: “Trời thấy trong sợi lông có trăm ức tia sáng, ánh sáng đó tinh vi thần diệu, không nói ra đủ hết được, trong ánh sáng đó, bỏ tất hiện hóa ra, vị nào cũng tu khổ hạnh, như thế không đáng lạ. Bỏ tất không nhỏ, lông cũng không to”. Chuyện đó chắc là nguồn gốc của chuyện Phan Chi nôn ra cái bình. Từ đời Ngụy Tấn trở xuống, Kinh điển đạo Phật được dịch ra dần, chuyện xưa Thiên trúc cũng lưu truyền trong nhân dân Trung Quốc, các văn nhân xem thấy lạ lùng ngộ nghĩnh, rồi hoặc vô ý hoặc hữu ý đem dùng và chuyện như lột xác thành chuyện dân tộc. Chẳng hạn như họ Tuân người đời Tấn làm sách *Linh quỷ chí* cũng ghi việc thầy phù thủy vào lông song còn nói là chuyện kể ở nước ngoài, đến trong chuyện ký của Ngô Quán mới thành người học trò thư sinh của Trung Quốc.

Năm thứ mười hai niên hiệu Thái Nguyên, có người thầy phù thủy từ

nước ngoài đến, có tài nuốt dao múa lửa, nôn ra châu ngọc bạc vàng, tự kể rằng thầy mình theo học thuộc phái áo trắng hay bạch y chứ không phải sa môn đạo Phật. Có lần đi đường, thấy một người gánh cái gánh, trên có một cái lồng nhỏ, chừng đựng được hơn một thặng, thì nói với người gánh rằng: tôi đi bộ mỏi quá rồi, muốn nhờ ông gánh giúp. Người gánh lấy làm quái, lo là người điên, bèn bảo: ông thấy làm được thì được thôi... Thế là người phù thủy vào trong cái lồng, lồng không thay đổi to thêm, người phù thủy cũng không thay đổi nhỏ lại, người gánh cũng không thấy nặng thêm hơn trước. Đi được vài chục dặm, dừng lại trước gốc cây để ăn, người gánh gọi lại cùng ăn, phù thủy nói: Tôi có đồ ăn đây rồi, nhưng nói thế chứ không chịu đưa ra... Ăn được nửa bữa, thì nói với người rằng: Tôi muốn có vợ tôi cùng ăn, tức thì lại từ trong mồm nôn ra một cô gái, cỡ hai mươi tuổi, áo xiêm dáng điệu hết sức đẹp, hai người liền ăn với nhau. Ăn sắp xong, người chồng liền nằm, người vợ bảo người gánh rằng: "Tôi có người chồng ngoại tình, muốn anh ta đến cùng ăn, chồng tôi dậy, ông chớ nói". Thế là người vợ liền từ trong mồm nôn ra một người đàn ông tuổi trẻ cùng ăn với nhau. Trong lồng thế là có ba người, những việc khoan thai hay gấp vội, cũng lại không khác gì trước. Được một lát, người chồng động dậy như sắp tỉnh ngủ, người vợ liền đem người chồng ngoại tình bỏ vào mồm. Người chồng ngủ dậy, nói với người gánh rằng đi được rồi, rồi đem người vợ bỏ vào mồm, rồi bỏ luôn cả những đồ dùng để ăn... (Sách *Pháp uyên Chân lâm* 61, sách *Thái bình ngự lãm*, 359).

Chương 6

SÁCH QUỶ THẦN CHÍ QUÁI ĐỜI LỤC TRIỀU (HẠ)

Sách có nội dung giúp vào đạo của họ Thích. *Tùy chí lục* chép chín nhà, xếp vào bộ sử và bộ tử, nay chỉ còn *Oan hồn chí* của Nhan Chi Suy làm, dẫn kinh sử để chứng minh việc báo ứng, đó là cuốn sách mở đầu cái đầu mối hỗn hợp Nho và Thích, còn các sách khác thì đều thất lạc. Nhưng đi vẫn còn khảo xét tìm thấy được có *Tuyên nghiệm ký* của Lưu Nghĩa Khánh đời Tống, *Minh tường ký* của Hầu Bạch, cả hai đều đời Tùy, cả thấy có bốn loại, đại để đều ghi việc cái tượng ảnh trong kính hiển hiện ra và làm những điều có hiệu nghiệm chứng minh rằng việc ứng nghiệm là có thực, dụng ý để cổ vũ chấn chỉnh thế tục, làm cho người ta sinh lòng tin, vì lẽ đó đời sau có kẻ cho là tiểu thuyết. Đây nói Vương Việ, Việ người Thái Nguyên, lúc bé ở Giao Chỉ, chịu phép ngũ giới, khoảng hai niên hiệu Đại minh và Kiến nguyên nhà Tống (giữa thế kỷ 5) hai lần cảm thấy sự linh dị của pho tượng vàng, mà viết ký, tập hợp những chuyện về tượng, tiếp theo là chuyện về kinh tháp, đến mười quyển, đặt tên là *Minh tường*, tự đề tựa nói về sự việc rất rõ (Thấy trong sách *Pháp uyển châu lâm*, quyển 17) *Minh tường ký* trong châu lâm và *Thái bình quảng ký* còn rất nhiều, văn tự thuật rất khúc chiết, tường tận, nay lược dẫn ba chuyện để biết đại khái.

Vua Hán Minh đế mộng thấy người thần, thân gầy hai trượng, da màu hoàng kim, cổ đeo ánh sáng mặt trời. Vua đem hỏi các quan, có người thưa: phương Tây có thần, hiệu gọi là Phật, hình dáng như bệ hạ thấy trong

mộng. Như vậy mà lại có thể không đúng sao? Thế là sai sứ sang Thiên Trúc, từ thiên tử vương hầu mà xuống, ai cũng kính thờ, nghe giảng người chết nhưng tinh thần bất diệt, thì không ai không sợ sệt, nghe con người mình như mất mát thế nào. Buổi đầu sứ giả là Thái Am đưa bọn Già dịch ma đẳng là sa môn ở Tây vực mang biểu bức tượng của Vua Vu điền về Phật Thích ca, vua rất lấy làm trọng, thấy đúng như mình đã thấy trong mộng, bèn sai thợ vẽ ra hai ba bản, đặt ở đài Thanh lương tại cung Nam cung và trên lăng Hiếu tiết thợ vẽ ở cửa Cao dương môn mà thờ cúng, lại sai vẽ ở chùa Bách mã bức bách họa vẽ nghìn xe muôn ngựa vòng quanh thấp ba vòng theo như các truyện đã ghi chép (Sách *Châu lâm* 3).

Tạ phu đời Tấn tên tự là Khánh Tự, người phía bắc núi Cối Hổ, lúc trẻ có tiết tháo cao, ẩn ở Đông Sơn, dốc tin pháp lớn, tinh tế siêng năng không mệt mỏi, tự tay chép kinh *Thủ lăng nghiêm*, đang lúc ở trong chùa Đô Bạch mã, chùa bị một đám cháy lan đến, đồ vật cùng kinh sách đều ra tro mà cuốn kinh đó chỉ cháy đầu giấy ngoài lề thôi, chữ còn, không mất chỗ nào. Lúc Phu chết, bạn hữu đã có ý cho là đắc đạo, đến khi nghe chuyện cuốn kinh càng thêm kính lạ. (Sách *Châu lâm* (8)).

Triệu Thái đời Tấn, tên tự là Văn Hòa, người Bối khuư Thanh hà... lúc tuổi ba mươi lăm, thường ngất vì đau tim, rồi một hôm chốc lát thì chết. Xác hạ xuống đất, tim cứ ấm mãi, co duỗi tùy người, để đã mười ngày, hôm ấy, trong huyệt có tiếng như mưa, một lát thì sống lại, kể rằng lúc đầu mới chết, mộng thấy có một người đến gần dưới tim, lại có hai người cưỡi ngựa sắc vàng, có hai người theo hầu, điu nách kéo đi sang đông, không rõ được mấy dặm rồi, đến một tòa thành, to cao hiểm trở màu thạch xanh đen, đưa Thái đi vào trong cửa thành, qua hai lớp cửa đến một nhà ngói để đến vài nghìn gian, trai gái lớn nhỏ cũng đến vài nghìn người, xếp hàng dọc ngang mà đứng. Cai dịch mặc áo đen, có năm sáu người, ghi chép họ tên, bảo là phải đem trình phủ quân. Thái tên đứng thứ ba mươi, đứng một chốc thì đưa Thái cùng vài nghìn cả nam lẫn nữ cùng tiến lên một loạt. Phủ quân ngồi ngóảnh mặt hướng Tây, xem qua bản tên xong, lại bảo Thái đi về phía Nam vào trong cửa đen. Có người mặc áo đỏ ngồi dưới nhà lớn, theo thứ tự mà gọi tên, hỏi: lúc sống làm việc gì, có làm tội nghiệt gì, phúc thiện gì, hỏi

xét anh mấy điều đó, anh nói thực ra. Đó là việc thường sai sứ giả ở thường xuyên trong nhân gian, ghi chép điều thiện, điều ác, đã có đủ giấy tờ, không được bịa đặt ra. Thái trả lời: cha anh đều làm quan cả và đều ăn lương hai nghìn thạch. Tôi lúc nhỏ ở nhà, đi học thôi không làm việc gì hết, cũng không phạm điều ác gì. Xong, sai Thái làm chức Thủy quan tướng... Sau chuyển lên chức Thủy quan đô đốc kiểm trông coi các nhà ngục, cấp cho Thái binh lính ngựa lúa, giao đi xét các địa ngục. Đến mỗi ngục, cách tra khảo độc ác một khác, hoặc dùng kim khâu qua, lưỡi máu chảy khắp người, hoặc tiêm đầu xoa tóc, ở trường đi chân không, lỏi nhau mà đi, có kẻ cầm gậy to, theo sau mà thúc giục, giường sắt cột đồng, đốt cháy suốt cả, xua ép người này người nọ nằm lên trên mà ôm lấy, nằm lên tức thì cháy chín, nhưng lại sống lại liền... Hoặc rừng gươm cao rộng, không biết số lượng bao nhiêu, rẽ thân cành lá đều lấy gươm mà làm cả. Đám người bối mớ nói xấu nhau tự treo lên, tự vối lên như có ý đua nhau vui nhộn, mà đầu mình bị cắt chặt đứt rời từng thước, từng tấc. Thái thấy ông bà bố mẹ cùng hai em ở trong ngục đó, thấy nhau thì khóc lóc giàn dụa. Thái đi ra cửa ngục thấy có hai người mang văn thư, lại nói chuyện với ngục lại, bảo rằng có ba người, cả nhà do treo phướn đốt hương trong chùa Tháp, được cứu giải hết tội, có thể ra ở phúc xá. Chốc lát thấy ba người ở trong ngục ra, đã có áo quần tự nhiên, đầy đủ trên người, theo hướng Nam đến một cái cửa, đề là khai quang đại xá... Thái xét xem xong về chỗ Thủy quan... Người chủ nói: nhà người không có tội lỗi, cho nên cho người lên chức Thủy quan đô đốc, không thể thì so với người trong ngục, nào có khác gì. Thái hỏi người chủ: con người có làm gì thì khi chết mới được báo ứng vui vẻ? Người chủ chỉ nói: kẻ đệ tử vâng theo phép, tinh tiến giữ các điều răn, thì được báo ứng vui vẻ, không bị quả phạt. Thái lại hỏi: Tội lỗi lúc chưa thờ phép sau thờ phép rồi, có được trừ bỏ đi không? Chủ đáp: được trừ bỏ cả. Chuyện xong, người chủ bỏ cái cặp đen, xem lại tuổi của Thái, thấy còn đến ba mươi năm nữa, bèn cho Thái về... Lúc đó là ngày 13 tháng 7 năm thứ 5 niên hiệu Thái Thủy nhà Tấn (Sách *Châu lâm* 7 sách *Quảng ký* 377).

Phật giáo đã lưu hành truyền bá thì kinh luận ngày một nhiều, người nghe hoặc có kẻ giác ngộ thấy lẽ vô thường mà quy y, nhưng cũng có kẻ sợ

sự vô thường mà bỏ chạy. Đối lại tình hình phản động đó, thì có những phương sĩ cũng tự tạo ra những nguy kinh, làm ra nhiều dị kỳ, dùng cái đạo sống mãi xem lâu, để bủa bắt những kẻ bỏ trốn sự khổ ải hư không trong thiên hạ, đến nay tiểu thuyết đời Hán mà đang còn, ngoài một, hai trước thuật của văn nhân thì còn lại đại để đều là thế. Các phương sĩ soạn sách nói chung là giả danh người xưa, cho nên sách đề là người đời Tấn Tống làm cũng có nhiều, song sách *Thần dị ký* mà các loại thư có dẫn thì là của đạo sĩ Vương Phù làm. Phù người đời Tấn, có tiếng là con người nông cạn gần đờ, chính là người thời Huệ đế (từ cuối thế kỷ 3 đến đầu thế kỷ 4) cùng với Bạch Viễn bàn cãi chống đối mà thường chịu khuất, nên mới đổi sách *Tây vực truyện*, làm ra sách Minh uy hóa Hồ truyện đề là của Lão tử (thấy trong biện chính luận của Thích pháp lâm đời Đường 6). Chuyện chép giống như cũng nói việc thần tiên quý thần như loại sách Đông Minh, Liệt dị.

Trần Mẫn, đời Tôn Hạo làm Thái thú giang hạ, từ Kiến nghiệp ra đi nhậm chức, nghe nói ngôi miếu cung đình linh nghiệm (nguyên chú nói linh nghiệm), đến xin phù hộ cho làm quan được yên ổn, thì sẽ cúng một chiếc gậy bạc. Quan hết hạn, Hạo làm gậy để đưa cúng, nhưng lại đập sắt làm cán rồi chỉ dùng bạc mạ ngoài mà thôi. Liền đó được vời làm Tấn kỵ thường thị. Hạo qua cung đình, đưa chiếc gậy vào trong miếu xong là lên đường. Chiều lại, con đồng giáng thân tuyên bố: Trần Mẫn hứa với ta chiếc gậy bạc, nay đem gậy thép đến cúng, muốn vút xuống sông nhưng thôi, đưa trả lại, cái tội dối trá khinh khi, không dung tha được. Thế rồi lấy gậy ra xem, bỏ ra thấy cán sắt ở trong, bèn đem bỏ trong hồ, gậy nổi trên mặt nước, chạy nhanh như bay, đến trước thuyền Mẫn, đi đã xa, thuyền Mẫn úp chìm (*Thái Bình ngự lãm* 710).

Gò Đan Khuu, mọc cây chè lớn, uống vào sinh lông cánh như chim (*Sách Sự loại phú*, chú 16).

Sách *Thập dị ký* mười quyển, đề là của Vương gia, người Lũng Tây đời Tấn làm, do Lương Tiêu Ý lược chép lại. Trong *Nghệ thuật liệt truyện* của Tấn thư có Vương gia, chép sơ lược rằng: Gia tên tự là Tử niên, người An Dương Lũng Tây, ban đầu ở ẩn trong hang Đông dương, sau vào Trường An,

Phủ Kiên vờ nhiều lần mà không ra, thường nói những việc chưa có, lời như sấm ký, đương thời ít ai hiểu, Diêu Trường vào Trường An, ép Trường theo mình sau vì Trường hỏi, trả lời trái ý, bị Trường giết (khoảng 390). Gia có làm sách *Khiêm tam ca sấm*, cùng sách *Thập đị lục nguyên*, sự việc lắm điều quái gở không đáng tin, nay còn lưu hành. Truyện chép mà gọi là Thập đị lục chẳng hạn, tức là ký ngày nay, đều có tựa của Tiêu Ý, nói sách nguyên có mười chín quyển, hai trăm chương, vào cuối đời Phù Tần, sách vở tản mát hư hỏng, sách đó cũng mất đi phần nhiều, Ý đem san bỏ chỗ rườm, giữ lại chỗ thực, hợp lại làm một bộ, có mười quyển. Nay sách chín quyển đầu chép từ Phục Hy đến Đông Tấn, một quyển cuối thì ghi chép về chín núi tiên ở Côn Lôn, song so lại với lời tựa nói sách chép đến cuối đời Tây Tấn thì có hơi khác nhau. Văn viết cũng tươi sáng, nhưng sự việc quái đản lãng mạn không thực, Tiêu Ý lục chép cũng phụ họa theo, cho nên Hồ Ứng Lâm trong *Bát tụng* cho rằng: Ý soạn mà gán cho Vương Gia, là thế.

Vua Thiệu Hạo làm vua cho là Kim đức vương, mẹ là Hoàng Nga ở tuyển cung, ban đêm thi dệt, hoặc cửi cây gỗ phù mà đi chơi ban ngày, khắp mọi bến bãi mệnh mang, ruộng dâu cùng tận. Thời đó có một thần đồng, dáng điệu tuyệt trần, xưng là con của Bạch đế, tức là tinh Thái Bạch, giáng xuống nơi sông nước, cùng Hoàng Nga vui đùa, tấu nhạc biên quyền, lệnh dênh quên về. Ruộng dâu cùng tận, ở bãi biển Tây, có dâu Hồ tang, mọc thẳng nghìn tầm, lá hồng quả tía, vụn năm ra quả một lần, ăn vào thì thọ hơn trời... Đế tử với Hoàng Nga ngồi chung, vỗ chiếc đầu sắt bằng gỗ tử trên núi Đồng phong, Hoàng Nga tựa đàn, cất giọng trong mà ca rằng: “Trời trong đất rộng lớn thênh thang, muôn tượng vờn xoay hóa không phương. Liền trời lồng lộng ngô mệnh mang. Cạnh mặt trời cao bè ta đáng, bãi dâu dâu dấy để ta sang, bạn lòng hòa nhạc vui khôn cùng”. Tục gọi chỗ vui chơi đó là trong dâu, thơ Vệ phong *Kinh thi* nói hẹn ta ở trong dâu là theo tích đó... Đến khi Hoàng Nga sinh ra Thiệu Hạo, lấy hiệu là Cùng tang thị, cũng nói Tang Ngưu thị. Đến thời Lục quốc, Tang Khưu tử làm sách *Âm dương*, là dòng dõi Thiệu Hạo (Quyển 1).

Lưu Hưởng khoảng cuối đời Thành đế, làm hiệu thư ở gác Thiên lộc, chuyên chú nghiền ngẫm, đêm có ông lão áo màu vàng, chống chiếc gậy

thanh lê lên gác rồi vào thấy Hướng ngồi trong tối, một mình xem sách mà ngâm đọc, ông lão thối vào đầu gậy, lửa sáng lên. Ông bảo muốn gặp Hướng, rồi nói về thuở đất trời khai tịch. Hướng nhận sách *Ngũ hành hồng phạm* của ông cho, sợ sách nói rộng, rườm rà, ông lại xé lụa áo, đem chép lại, đến rạng sáng thì đi. Hướng xin hỏi họ tên thì bảo: ta là tinh của Thái nhất, thiên đế nghe nói con cái của Mão kim có người học rộng, bảo xuống xem. Nói rồi rút tập thẻ trúc trong bụng ra, có sách thiên văn địa đồ mà bảo: ta tạm trao cho người vậy. Đến đời con Hướng là Hâm, do Hướng dạy lại cho. Hướng cuối cùng vẫn không biết ra được ông lão ấy là ai (Quyển 6).

Núi Động đình bập bềnh trên mặt nước, dưới chân núi có nhà bằng vàng vài trăm gian, các ngọc nữ ở đó, bốn mùa nghe tiếng kim thạch, tiếng ti trúc, thấu lên tận đỉnh núi. Thời vua Hoài Vương nước Sở, cử các người hiền tài đến tại bến nước, ở đó mà làm thơ... Sau vua Hoài Vương muốn dùng bọn gian hùng, người hiền tài bỏ trốn đi. Khuất Nguyên vì trung vua mà bị ruồng bỏ, ẩn ở vùng sông Nguyên, sông Tương, che thân bằng cỏ trăn, ăn nhai cỏ lá, sống giữa cầm thú, không giao thiệp về việc đời, hái hạt bách hòa vào đầu quế để dưỡng lấy tâm thần, bị vua ép đuổi, bèn nhảy xuống nước sông trong lạnh, người Sở nhớ thương mến tiếc, cho ông là thủy tiên. Hồn ông ngao du trên sông thiên hà, tinh linh ông có lúc xuống bến Tương phố, người nước Sở lập đền thờ, cuối đời Hán đền này còn (Quyển 10).

Chương 7

SÁCH THẾ THUYẾT TÂN NGŨ VÀ CÁC SÁCH MỞ ĐƯỜNG KẾ TIẾP NÓ

Dòng phái nho sĩ cuối đời Hán đã lấy tư cách, phẩm giá con người làm trọng, tiếng tăm danh dự thành bại được mất, do nửa câu nói, nửa lời bàn quyết định. Từ đời Ngụy Tấn trở xuống càng lấy phong cách ăn nói mà tôn chuộng lẫn nhau, chỉ một điều là nói năng thì theo lối huyền bí hư ảo, cử chỉ thì cố làm cho ra phóng khoáng vô tâm, kiên định trác việt, rất không cân nhau. Ấy vì thời đó Phật giáo đã lan rộng, thường nêu cái phong cách thoát tục, mà thuyết Trang Lão cũng thịnh hành, nên cá nhân theo Phật thờ Lão mà bị coi là phản động thì chán đời, xa rời cuộc sống lại nhất trí với nhau, chống nhau mà thực ra là cổ vũ lẫn nhau, rốt cục là nói huyên hoang thành ra lối bàn suông, thanh đàm. Từ khi qua sông Giang về sau, lối đó càng rất mực, có nói trái lại, thì chỉ một, hai tay kiêu hùng mà thôi. Nhân đời mền chuộng, nên có sách soạn ra, hoặc góp nhặt chuyện cũ, hoặc ghi chép chuyện mới, tuy chẳng qua là chuyện toàn lời vặt song đều là của con người nói ra, làm ra, thế là thoát được sự ràng buộc lao lung của sách chí quái.

Chép việc con người làm xa xưa, Liệt Ngự Khấu, Hàn Phi đều có làm cả, song chép để làm gì thì họ Liệt là để nói về đạo, còn họ Hàn là tích lại để bàn chính trị, còn như để thưởng thức cho vui thì thực vừa mới có. Mầm mống từ đời Ngụy mà lớn mạnh lên trong đời Tấn, tuy không tránh khỏi đeo đuổi thời thượng, hoặc để cho người ta ngắm nghĩ mô phỏng mà chơi

nhưng cốt yếu là để tránh xa thực dụng mà gần lại với vui chơi tiêu khiển mà thôi. Niên hiệu Long Hòa nhà Tấn (362), có người sử sĩ là Bùi Khái người Hà Đông, soạn một cuốn chép những lời trò chuyện ứng đối hay từ đời Hán Ngụy cho đến thời mình đặt tên là *Ngũ Lâm*, đương thời lưu hành khá rộng, nhưng cho chép lời nói của Tạ An không thực, bị An chê, sách phải bỏ (Xem rõ hơn ở thiên *Khinh đế* sách *Thế Thuyết tân ngữ*). Sau đó vẫn thỉnh thoảng có đến mười quyển, đến đời Tùy thì không có nữa, chỉ trong các sách thường thấy có dị văn đem vào.

Lâu Hộ tên tự là Quân Khanh, đến chơi nhà ngũ hầu đã nhiều bữa. Bữa nào, sáng sớm nhà ngũ hầu đều sai thiết cơm, Quân Khanh đã chán mọi món, bèn thử đem tất cả các món ngũ hầu dọn ra thiết, trộn lại mà ăn, thấy rất ngon. Món ăn mà người ta gọi là món ngũ hầu là do Quân Khanh mà có (Sách *Thái bình quảng ký* 234).

Vua Ngụy Vô bảo: ta ngủ thì không được đến gần, gần thì ta chặt người đi mà không biết đau. Các người tả hữu nên cẩn thận. Sau bèn giả đồ rét công mà nằm ngủ, đứa bé được vua yêu bèn lấy chăn đắp cho vua, Vua nhân thế chặt chết, từ đó chẳng ai dám đến gần (Sách *Thái bình ngự lãm* 707).

Chung Sĩ Quý hay nói với người ta: ta lúc tuổi còn nhỏ có cuốn sách một tờ, người ta bảo là sách binh thư của Nguyên Bộ, chữ nào chữ nấy đều sinh ra nghĩa, sau biết là ta rồi, thì chữ không nói nữa (Sách *Tục đàm trợ* 4).

Tổ Sĩ Ngôn và Chung Nhã đùa nhau, Chung bảo Tổ: Tôi là kẻ sĩ Như Đĩnh, sắc như cái dùi, anh là kẻ sĩ ở Yên Đại, cùn như cái đục. Đem cái dùi của tôi đánh cái đục của anh. Đã có cái dùi thần thì không được đánh, Tổ nói: đã có dùi thần thì ắt có đục thần. Chung chịu khuất (*Ngự lâm* 466).

Vương Tử Du có lần tạm vào ở trong vườn bỏ không của người ta, sai người nhà trồng trúc. Có người hỏi: ở tạm làm gì cho phiền. Du trầm ngâm hồi lâu rồi chỉ vào cây trúc mà nói: Một ngày không có ông này thì làm sao mà chịu nổi (Sách *Ngự lâm* 389).

Tùy chí lại có sách Quách tử ba quyển, đó là sách của chức Trang

lang đời Đông Tấn Quách Trường làm. Đường chí chép rằng sách *Già tuyên chú* nay không còn. Song xem dị văn của nó thì cũng giống sách *Ngự làm*.

Lâm xuyên vương Lưu Nghĩa Khánh đời Tống có làm sách *Thế thuyết* tám quyển. Lưu Hiếu Tiên đời Lương chú và chia lại làm mười quyển, thấy trong *Tùy chí*. Sách còn hiện nay là ba quyển mà gọi là *Thế thuyết Tân ngữ*, là do Ân Thù đời Tống san bớt và gộp lại, ngay trong chú cước cũng có cắt xén bớt, song không biết ai lại thêm hai chữ Tân tự, thời Đường thì gọi là *Tân thư*, nghi là vì trong Hán chí, sáu mươi bảy chương của Lưu Hưởng đề tựa, lục chép và sắp xếp vào. Sách Nho đã có tên *Thế thuyết*, nên thêm chữ vào để cho phân biệt mà thôi. *Thế thuyết Tân ngữ* bản hiện nay có ba mươi tám chương, từ chương Đức Hạnh đến chương Cửu Khích, xếp theo từng loại, sự việc lấy bắt đầu từ Hậu Hán, đến Đông Tấn thì thôi. Ghi lời nói thì huyền bí xa xôi, lạnh lùng cao ngạo, ghi nét ở thì giản dị kỳ khôi, cho xuống đến những sự lỗi lầm càng giúp cho người ta được một trận cười. Hiếu Tiêu chú cước, trong dẫn chứng lại mở rộng nhiều. Hoặc bác bỏ hoặc nói dài thêm, làm sáng ra và sát với sách, tăng thêm cái ngon lành, cái dài lâu của nó, sách dùng để tìm chứng cứ có đến hơn 400 loại, nay phần lớn không còn, cho nên sách làm ra càng được người đời trân trọng. Tuy thế nhưng *Thế thuyết* dùng chữ đặt câu có chỗ giống với *Tuyên nghiệm ký* mà thôi, đó là sách gộp nhặt trong sách cũ chấp nhặt mà làm ra, không phải là sáng tác tự tạo. Tống thư nói: Nghĩa Khánh tài văn chương không nhiều nhưng mời đón nhóm họp những kẻ sĩ văn học thì xa gần gì cũng đến cả, như vậy thì sách hoặc do nhiều người viết ra, điều đó cũng chưa biết chừng.

Quan quang lộc họ Nguyễn ở đất Viêm từng có xe tốt, không ai mượn mà không cho, có người đưa đám mẹ, muốn mượn mà không dám nói. Ông Nguyễn nghe, than rằng mình có xe mà khiến người ta không dám mượn, thì có xe để làm gì. Rồi đem đốt đi. (Quyển Thượng, chương Đức Hạnh).

Nguyễn Tuyên Tử có tiếng tốt, quan Thái Úy Vương Di phủ gặp mặt mà hỏi rằng: lão Trang với Nho giáo giống hay khác nhau? Tuyên Tử thưa: sắp khác nhau. Quan Thái úy khen câu nói hay, mời làm chúc lại, đời gọi là Lại ba tiếng (Quyển thượng, thiên Văn học).

Tổ Sĩ lúc trẻ ham của, Nguyễn Giao Tập ham guốc, cả hai thường tự kinh doanh, song chưa phân biệt ai hơn ai thua. Có người đến nhà Tổ, Tổ thấy thì xem đồ đạc của cải mà ước chừng; khách đến, che đi chưa hết, còn hai hòm nhỏ. Tổ đem mang vào sau lưng, nghiêng mình để che đi, thế mà vẫn chưa yên tâm. Cũng có kẻ đến nhà Nguyễn, thấy Nguyễn thổi lửa gần guốc, mà than không biết một đời đi đến mấy guốc, thân sắc nhàn nhả khoan khoái. Thế mới rõ hơn thua được mất là thế nào (quyển Trung, chương Nhã lượng).

Đời phẩm bình đánh giá Bính nguyên: cho nên nói hạc trắng trong mây, không phải lưới yển sê mà bắt được (quyển Trung, chương Nhã lượng).

Lưu Linh thường uống rượu lu bù, có lúc cởi áo, để mình trần ở trong nhà. Người ta thấy, chê cười thì Linh nói: ta lấy trời đất làm nhà cửa, nhà cửa làm áo choàng, các vị vào trong áo choàng ta làm gì? (quyển Hạ, chương Nhân dẫn).

Thạch Sùng mỗi lần khách đến yến tiệc, thường sai hầu gái chuốc rượu, hễ khách uống không cạn thì sai bọn giám xúm đến chém cô gái hầu. Quan thừa tướng họ Vương cùng quan đại tướng quân có lần cùng đi với nhau đến nhà Sùng, quan thừa tướng vốn không hay rượu, phải miễn cưỡng uống, đến nổi say mềm. Còn quan đại tướng quân thì lần này cũng cố tình không uống, để xem sự việc xảy ra, chém đã ba cô, mà ngài sắc mặt cứ như thường, vẫn không chịu uống. Quan thừa tướng trách, đại tướng quân nói: nó tự giết người nhà nó, việc gì đến anh (quyển Hạ, chương Thái tử).

Trầm Uớc, đời Lương (441 - 513) làm sách *Lương thư*, người ta nói là cũng có làm sách *Tục thuyết* ba quyển, cũng thuộc loại trên, nhưng nay mất. Lương Võ đế có sai chức hữu trưởng sử Ân Văn (471-529) soạn sách *Lương thư*, người ta nói có soạn sách tiểu thuyết ba mươi quyển, đến đời Tùy thì chỉ còn mười quyển, đầu đời Minh vẫn còn, nay thì chỉ còn thấy trong sách *Tục đàm tự* với sách *Thuyết phụ* bản gốc, sách tiểu thuyết đó cũng là gom góp trong các sách khác lại mà làm thành, theo thứ bậc thời đại mà đặc biệt để chuyện các đế vương lên quyển đầu, kể đến chuyện đời Chu Hán, cuối cùng là chuyện đời Nam Tề.

Khoảng niên hiệu Hàm Khang nhà Tấn, có người Sĩ nhân tên là Chu Vị, chết rồi sống lại, kể rằng mình được Thiên đế triệu lên châu, được dẫn lên điện, ngửa mặt nhìn Đế, Đế mặt vuông một thước. Vị hỏi hai bên tả hữu có phải đó là Trương thiên đế thời xưa không. Hai bên đáp rằng thiên đế thời Thượng Cổ, đã thành thánh, đi lâu rồi, để đây là gần với đời Tào Minh Đế (sách *Cảm châu*, tập 2).

Vua Hiếu vũ chưa hề thấy lừa, quan Thái phó họ Tạ hỏi: bệ hạ hình dung nó giống vật gì? Vua che miệng cười: đúng là giống con lợn (tục đàm trồ). Khổng Tử có lần đi chơi núi, sai Tử Lộ đi lấy nước, Tạ Tử Lộ đi, gặp hổ ở chỗ lấy nước, hai bên đánh nhau. Tử Lộ túm phải đuôi hổ lôi dứt ra, đem giấu vào trong bụng, lấy nước về, hỏi Khổng Tử rằng: hạng thượng sĩ giết hổ bằng cách nào? Khổng Tử trả lời: Hạng thượng sĩ giết hổ bằng cách giữ đầu nó. Lại hỏi: Trung sĩ giết hổ bằng cách nào? Khổng Tử trả lời: Hạng trung sĩ giết hổ bằng cách nắm lấy tai nó. Tử Lộ lại hỏi: Hạng hạ sĩ giết hổ bằng cách nào? Khổng Tử trả lời: Hạng hạ sĩ giết hổ bằng cách tóm lấy đuôi nó. Tử Lộ rút cái đuôi trong bụng giấu đi, rồi nhân việc đó mà giận Khổng Tử, nghĩ bụng thầy biết chỗ lấy nước có hổ, mà sai mình đi lấy nước, là muốn làm cho mình chết. Thế là giấu một cục đá vào bụng định ném Khổng Tử, và hỏi hạng thượng sĩ giết người bằng cách nào? Khổng Tử trả lời: hạng thượng sĩ giết người bằng cách dùng cái ngòi bút. Tử Lộ lại hỏi: hạng trung sĩ giết người bằng cách nào? Khổng Tử trả lời: hạng trung sĩ giết người bằng cách dùng cái đầu lưỡi. Tử Lộ lại hỏi: hạng hạ sĩ giết người bằng cách nào? Khổng Tử trả lời: hạng hạ sĩ giết người bằng cách giấu hòn đá. Tử Lộ lấy hòn đá giấu vút đi. Từ đó thiết lòng phục Khổng Tử (Theo *Thuyết Phu* trong nguyên bản, 25. Nguyên chú nói: chuyện gốc ở “*Xung ba truyện*”).

Quỷ cốc tiên sinh viết thư cho Tô Tần, Trương Nghi nói: Hai ngài công danh lừng lẫy, chỉ ngại hoa xuân đến thu không được tươi lâu, ngày hết sắp đông, thời hết sẽ già, các ngài há không thấy cây ở bên sông. Người đánh xe bỏ cái cành, sóng nước soi cái rễ, cây đó với người thiên hạ chẳng phải thù oán gì, chỉ vì nó ở đó mà ra thế. Các ngài có thấy cây tùng cây bách ở trên núi Cung Nhạc, cây gỗ đàn trên núi Hoa Hoắc không? Lá quét

mây xanh, rễ thông ba suối, trên có khí vượn, dưới có báo đỏ, kỳ lân, nghìn thu muôn tuổi, chẳng gặp búa rìu chặt đèo tí nào, cây đó không phải có tình anh em gì với người thiên hạ, cũng là do nó ở đó mà thôi. Đây hai người ưa cái vinh của giọt mù buổi sáng, quên cái công lâu dài, quý cái chức tước bập bênh một buổi sáng, ôi, gái yêu không quá dùng chân chiếu, trai vui không chạy hết bánh xe. Đau thay, đau thay, hai ngài hai ngài. (Sách *Tục đàm trợ* 4. Nguyên chú: lấy từ sách quý cổ tiên sinh thư ra).

Trong *Tùy chí* lại có sách *Tiểu lâm* ba quyển, đó là của chức cấp sự trung đời Hậu Hán là Hàm Đan Thuần làm. Thuần còn có tên là Trác, và tên tự là Tử Lễ, người Đĩnh Xuyên, hồi tuổi trẻ đã tài ba khác thường, năm đầu niên hiệu Nguyên Gia (151), chức Trưởng Thượng Ngưu là Độ Thương dựng bia cho Tào Nga, Thiên là học trò của Thương, ngay tại chỗ làm bài văn bia, hạ bút là thành không sửa một chữ và từ đó nổi tiếng, đầu niên hiệu Hoàng Sơ (khoảng năm 221) làm cấp sự trung của chức bác sĩ nhà Ngụy, theo chú cước của các sách *Hậu Hán thư*, Tào Nga truyện cùng *Tam quốc*, Ngụy chí, Vương Xán truyện. Sách *Tiểu lâm* nay thất lạc, dị văn còn lại hơn hai mươi truyện, nêu những điều sai trái lầm lạc, đúng là một thể của thể thuyết mà cũng là bước đầu điều cốt bông đùa.

Nước Lỗ có người cầm cây sào dài mà vào cửa thành, ban đầu cầm đứng không vào được, cầm ngang lại cũng không vào được, kể võ sơ xuất, không biết làm thế nào. Chợt có một ông già đi đến bảo: ta không phải là thánh nhân, song từng trải đã nhiều, sao không lấy cửa của đôi ra mà vào? Người ấy nghe theo mà cửa ra (*Thái bình quảng ký* 262). Đào Khưu Thị ở Bình Nguyên lấy con gái Mặc Đài Thị ở Bột Hải. Cô ta người rất đẹp, tính rất lạnh, mà kính trọng chồng, đã sinh được một trai mà bỏ về. Mẹ là Đinh Thị đến gặp chàng rể. Chàng rể đã về nhà và cho vợ đi. Vợ khi cất bước ra đi, tạ tội với chồng. Chồng nói: vừa rồi thấy bà, tuổi tác đức độ đã suy, không được như xưa nữa, sợ cô sau này già cũng thế, nên cho cô về, thực không có lý do gì khác. (sách *Thái bình ngự lãm* 499).

Anh Giáp cha mẹ còn cả, đi học xa ba năm về, người cậu hỏi: học được cái gì mà xa cha lâu, Giáp đáp: Lòng nhớ Vị Dương hơn cả Tần Khang. Thế là bố mắng: Mày học ích gì? Anh đáp: có mất đi chút ít lời dạy qua sân.

nên học không ích gì (sách *Quảng ký* 262).

Giáp và Ất đánh lộn nhau, Giáp cắn mũi Ất sút rơi xuống. Quan định xử. Giáp khai là Ất tự cắn rơi, Quan bẻ: Con người ta mũi cao mà mồm thật thấp, lẽ nào lại tự cắn được? - Giáp nói: Nó leo lên giường mà cắn (sách *Quảng ký* 262).

Sau sách *Tiểu lâm*, không thiếu người làm tiếp. Tuy chỉ có *Giải Di* hai quyển, của Dương Tùng Phân làm, nay một chữ không còn, nhưng theo như các sách dẫn sách *Đàm tẩu* thì cũng là loại Thể thuyết, *Đường chí* có sách *Khải nhan lục*, 10 quyển của Hầu Bạch làm. Bạch tên tự là Quân Tố, người Ngụy quận, ham học, có tài lanh lợi, hoạt bát và biện bạch giỏi, đỗ tú tài làm chức nhỏ lâm lang, thích làm tạp thuyết khôi hài, người ta vừa mến vừa khinh nhờn, chỗ Bạch ở, người xem như chợ, Vua Cao Tổ nhà Tùy nghe tiếng, triệu sai làm quốc sử ở bí thư, rồi cho ăn lương bậc ngũ phẩm, được hơn một tháng thì chết (Khoảng cuối thế kỷ 16). Chuyện Hầu Bạch thấy trong *Lục Sảng truyện*, ở Tùy thư. *Khải di lục* nay cũng mất, song sách *Thái bình Quảng ký* dẫn dụng rất nhiều, vì trên thì lấy văn cũ của sử sử, gần thì ghi câu nói việc làm của bản thân, nhiều điều quá nông cạn phù phiếm, đã thế lại hay dùng lời thô bỉ để đùa cợt người ta, khôi hài thái quá, lắm khi rơi vào lối khinh bạc. Nếu có sự việc đời Đường thì đó là của người đời sau thêm vào, trong sách xưa thường có việc đó, trong tiểu thuyết lại càng nhiều.

Niên hiệu Khai Hoàng, có người họ là Xuất, tên Lục Căn, muốn thăm (Dương) Tố, cầm giấy viết danh thiếp đến cửa tỉnh, gặp Bạch nhờ Bạch đề hộ họ, Bạch viết ra “Lục Căn bán” (nghĩa là sáu căn rưỡi). Danh thiếp đưa rồi, Tố gọi người ấy vào hỏi: nhà ngươi là Lục Căn bán? Người ấy đáp là Xuất Lục Căn. Tố hỏi: Sao lại viết là Lục Căn bán? Trả lời khi nãy nhờ ông tú tài họ Hầu đề cho, chắc là ông ta viết sai. Mời Bạch vào, hỏi sao nhà ngươi đề sai họ tên người ta? Bạch thưa là không sai. Tố nói: không sai, sao họ Xuất, tên Lục Căn, nhờ nhà ngươi đề lại viết thành Lục Căn bán. Bạch thưa: Bạch ở ngoài cửa dinh, vừa lúc lính gác không biết đầu mà tìm, nghe nói là Xuất Lục Căn thì châm chước lại thấy nên Lục Căn bán. Tớ cười vang (*Quảng ký*, 248).

Người Sơn Đông lấy con gái Bồ Châu, lắm cô mắc bệnh bướu. Mẹ cô vợ, bướu cổ lại rất to. Thành hôn được vài tháng, nhà vợ đâm nghi chàng rể là dân, bố vợ bày tiệc mời bà con rất đông, muốn để thử xem. Hỏi chàng rể: anh ở Sơn Đông đọc sách, chắc biết đạo lý. Chim hồng chim hạc biết kêu là vì sao? Trả lời trời sinh ra thế. Lại hỏi cây tùng cây bách mùa đông vẫn xanh là vì sao? Trả lời trời sinh ra thế. Lại hỏi cây bên đường có sọc, là vì sao? Trả lời trời sinh ra thế. Bố vợ nói: anh nói hoàn toàn không biết đạo lý gì hết, nhân việc gì lại du dương ở đất Sơn Đông, rồi luôn thể trêu rằng: Hồng hạc hay kêu tại cổ dài, bách tùng xanh mãi tại ruột dai, bên đường cây ụ do xe quệt. Há phải trời sinh thế hử ai? Rể đáp: Ếnh ương hay kêu, há cổ dài. Trúc cũng đông xanh, há lòng dai. Bà nhà bướu cổ to như thế, há phải vì xe đụng hử ai? Bố vợ thẹn, không biết đáp lại như thế nào? (*Quảng ký*, 248).

Về sau, đời Đường thì có *Tiểu Lâm* của Hà Tự Nhiên, nay cũng mất. Đời Tống thì có Niêm Cừ lục của Lã Cư Nhân, *Hài sử* của Trầm Chính, *Khai nhan tập* của Chu Văn Khi, *Thiện hước tập* của Thiên hòa tử, đời Nguyên Minh thì có đến hơn mười loại, đại để hoặc lấy việc cũ trong sử, hoặc nhặt nhanh việc vặt đương thời, tuyệt không có ý gì mới. Chỉ có *Ngãi Tử tập thuyết*, giả danh của Tô Đông Pha là tương đối trác việt đặc sắc, chuyện nào cũng có dụng ý trào phúng tinh tế, châm chọc xấu xa của thời đại, lại khác với *Tiểu lâm* không nhằm một mục đích gì.

Đến như thế thuyết thì người mô phỏng càng đông, Lưu Hiếu Tiên có làm *Tục thế thuyết* mười quyển, thấy ghi trong *Đường ký*, nhưng căn cứ theo *Tùy chí*, thì chỉ là chú giải sách *Lâm Xuyên*, đời Đường có Vương Phương Khánh làm *Tục thế thuyết tân thư* (thấy ghi trong *Tân Đường chí*, phần tập gia, nay mất); đời Tống có Vương Đẳng làm *Đường Ngũ lâm*, Khổng Bình Trọng làm *Tục thế thuyết*, đời Minh có Hà Lương Tuấn làm *Hà thị ngũ lâm*, Lý Thiệu Văn làm *Minh thế thuyết tân ngữ*, Tiêu Hoàn làm *Loại lâm* và *Ngọc Đường tùng thoại*, Trương Mang làm *Tráp nhất sử chí du*, Trịnh Trọng Quì làm *Thanh ngôn*... Tuy vậy, chép chuyện cũ thì không có gì hay ho khác lạ, thuật thời sự thì mắc cái bệnh uốn nắn bớt thêm, người ta cứ làm đi làm lại mãi không thôi, đến đời Thanh lại có Lương Duy Xu làm *Ngọc Kiếm Tôn Văn*, Ngô Túc Công làm *Minh ngữ lâm*, Chương Phủ Công

làm *Hán thế thuyết*, Lý Thanh làm *Nữ thế thuyết*, Nhan Tùng Kiều làm *Tăng thế thuyết*, Ông Uyển làm *Thuyết linh* mà Huệ đồng bổ sung chú cước giúp, Vương Trác làm *Kim thế thuyết*, hiện tại còn có Dịch Tôn Qui làm *Tân thế thuyết* nữa.

Chương 8

VĂN CHƯƠNG TRUYỀN KỲ ĐỜI ĐƯỜNG (THƯỢNG)

Tiểu thuyết cũng như thơ, đến đời Đường thì có một cuộc biến đổi, tuy còn chưa rời hẳn việc sưu tầm chuyện kỳ lạ, ghi chép lại việc bỏ rơi, song tự thuật uyển chuyển, lời văn hoa mỹ điểm lệ, so với đời Lục triều trình bày thô thiển, đại khái, thì bước diễn tiến đã rất rõ ràng, mà rõ ràng hơn cả là thời đó mới bắt đầu có ý thức làm tiểu thuyết. Hồ Ứng Lâm trong sách *Bút tòng* 36 của mình nói: “Chuyện biến hóa linh dị, thịnh ở đời Lục triều, nhưng phần lớn là chép những điều sai ngoa hỗn loạn, chứ chưa hẳn là tưởng tượng đặt bày ra tất cả, đến Đường mới thật là tự mình suy nghĩ ra một cách hay ho kỳ diệu, mượn tiếng tiểu thuyết để gửi gắm tình ý vào ngòi bút”. Nói rằng suy nghĩ, rằng đặt bày tức là do ý thức sáng tạo ra. Loại văn chương như thế, đương thời hoặc thành từng tập, hoặc chỉ một bài riêng, kể chuyện ủy khúc, có lúc cũng gần như bông đùa, cho nên bình luận thường chê là thấp kém, và gọi là truyền kỳ để phân biệt với văn chương thanh cao của bọn Hàn, Liễu. Song trong nhân dân thì văn chương đó lưu hành rất mạnh, hạng văn nhân mỗi khi làm ra, muốn ra mắt, yết kiến ai để nhờ vả cầu xin này nọ thì hoặc dùng nó làm thứ văn chương gọi là hành quyển, nay trong sách *Thái bình quảng ký* còn thấy ghi chép lại khá nhiều (các sách khác ghi chép thường nhằm lẫn thời đại và tác giả, không đủ tin), thật là loại trước tác đặc biệt, có một không hai của đời Đường. Tuy nhiên, về sau dòng phái lại không phát triển thêm được mà chỉ có diễn thuật hoặc mô

phỏng theo sách cũ mà thôi, mãi đến đời Nguyên Minh, người ta mới hay dựa vào chuyện mà dựng lên tạp kịch hoặc viết ra chuyện truyền kỳ, ảnh hưởng đến chỗ quanh co, viễn vông.

Bây đặt ra mà làm văn, đời Tấn vốn đã thịnh như Nguyễn Tịch *Đại nhân Tiên sinh truyện*, Lưu Linh viết *Tửu đức tụng*, Đào Tiềm viết *Đào hoa nguyên kỷ*, *Ngũ liễu tiên sinh truyện* đều là thể cả, song ai cũng lấy tính chất ngụ ngôn làm gốc, văn chương làm ngọn, cho nên dòng phái về sau thành ra như Vương Tích viết *Túy hương kỷ*, Hàn Dũ viết *Ô gia vương Thừa Phúc truyện*, Liễu Tông Nguyên viết *Chủng thụ Quách Thác Đà truyện*... không dính líu gì đến truyền kỳ. Dòng phái truyền kỳ, vốn bắt nguồn từ chí quái, chỉ khác ở chỗ văn vẻ lan tỏa, cho nên thành tựu đặc biệt lạ kỳ, thẳng hoặc cũng có mượn phúng dụ để tả tình sâu, nói họa phúc để hồng răn dạy, nhưng cứu cánh cũng là văn chương cùng ý tứ, cùng với chuyện nói về quỷ thần, chứng minh nhân quả xưa không khác gì hết, thú vị lạ lùng.

Khoảng Tùy Đường, có người tên là Vương Độ làm *Cổ kính ký* (Thấy trong sách *Quảng ký* 230, đề là *Vương Độ*), chuyện nói mình được chiếc gương thần ở nhà Hầu sinh, gương đó bắt được tinh ma yêu quái xuống, sau em là Tích đi xa, mượn làm cái tùy thân, cũng dùng giết được ma quái, song cuối cùng thì hóa đi mất. Chuyện rất dài nhưng chỉ là góp nhặt mọi chuyện linh dị của chiếc gương xưa, còn có hơi thừa của chuyện chí quái đời Lục triều. Vương Độ người đất kỳ, Thái Nguyên, em của Văn Trung Tử Thông, anh của Đông Cao Tử Thích, sinh khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng, (triều Công vô đời Tống trong sách *Quận Trai* đọc thứ chú 10 nói Thông sinh năm thứ tư Khai Hoàng, giữa niên hiệu Đại Nghiệp làm ngự sử, bị bãi chức về Hà Đông, sau lại vào Trường An làm Trước tán lang, vâng chiếu nhà vua làm trước tác sử, lại ra, kiêm chức lệnh Nhuệ Thành, giữa niên hiệu Võ Đức thì mất (khoảng năm 585-625), quốc sử làm cũng không xong (Theo *Cổ kính ký*), Đường Văn Tụy làm *Tân Đường thư*, Vương tích truyện, chỉ một điều là truyện nói anh tên là Ngung, không rõ sách nào đúng). Dị văn chỉ còn thiên truyện đó mà thôi. Tích sau khi bỏ quan về Long môn, sử không nói là đi đâu, chắc là Độ bày đặt ra.

Đầu đời Đường lại có sách *Bổ Giảng Tống bạch viên truyện*, một quyển, không biết ai làm, đời Tống sách còn lưu hành chỉ một truyện đó, nay thấy trong sách *Quảng ký*. 444 đề là của Âu Dương Hột làm. Truyện kể tướng nhà Lương là Âu Dương Hột đi cướp đất đến Trường Lạc, vào sâu trong khe động, vợ bị con vượn trắng bắt mất, đến khi cứu được về thì đã có chửa, đây một năm sau thì sinh ra một đứa con “hình dáng giống”. Hột sau bị Võ đế nhà Trần giết, con là Tuân do Giang Tống đem về nuôi, vào nhà Đường nổi tiếng nhưng dạng mạo giống loài khỉ, kẻ ghét bỏ nhân thế viết chuyện, nói là để bổ sung cho Giang Tống, thế mới biết là mượn tiểu thuyết để làm cái việc nói dối khinh miệt người ta, cái thói đó cũng đã khá xưa.

Thời Võ Hậu, có người ở Lục Hồn, Thâm Châu tên là Trương Trạc, tự là Văn Thành, đỗ tiến sĩ đầu niên hiệu Diêu Lộ, làm tham quân trong phủ Kỳ Vương, thi nhiều lần đều đỗ đầu, tiếng tăm về văn chương rất lớn, được điều làm chức Trường An úy, nhưng tính gấp vội, phóng khoáng không giữ gìn, Diên Sùng càng ghét. Đầu niên hiệu Khai Nguyên, quan ngự sử là Lý Toàn Giao hoặc Trạc chê trách nói xấu chính trị đương thời, đố đi Lĩnh Nam, rồi lại được về kinh, làm chức Tỳ môn viên ngoại lang rồi chết (khoảng năm 660-740), sự việc chép rõ trong *Trương Tiến truyện*, trong Đường thư; ở Nhật Bản có sách *Du tiên quật* một quyển đề là của Trương Văn Thành, làm huyện úy huyện Tương Lạc, Ninh Châu Lâm. Mạc Hư Phủ nói: Trạc lúc trẻ đi thi, hạ bút thành chương, quan Trung thư thị lang Tiết Nguyên Siêu đặc cách bổ cho làm chức úy Tương Lạc, sách *Quế Lâm phong thổ ký* là sách ông ta làm lúc còn niên thiếu. Sách đó kể chuyện mình vâng mệnh đi sứ Hà Nguyên, đi đường ban đêm vào một sở nhà lớn, gặp hai người con gái gọi là Nàng Mười và chị Năm, ăn uống vui cười, làm thơ đùa nhau, một đêm thì đi, lời văn gần như biền ngẫu nhưng thỉnh thoảng xen vào câu tục, phong cách cùng với các sách khác cũng của người đó làm là *Triệu dã thiêm tán*. *Long Cầm phương tủy phán* giống nhau. Đường thư nói: Trạc hạ bút thành chương, phù hoa điểm lệ nhưng ít ý chí, trước tác đều là chê cười tục tĩu, nhưng được ưa chuộng một thời, kẻ hậu tiến không ai không truyền miệng ghi chép... Sứ Tân La, Nhật Bản đến là đưa vàng ngọc ra mua sách của Trạc, như vậy là việc thực lục, có thật. *Du tiên quật* ở

Trung Quốc thất truyền đã lâu, người đời sau cũng không phỏng theo mà làm lại, nay lược lục ra vài chục câu để xem cho biết đại khái sách *Du tiên quật* là thế nào, đây là đoạn tả tình hình lúc lên trên nhà chính cùng dự tiệc.

... Nàng Mười gọi Hương Nhu bảo bày nhạc đãi khách quý, tiếng kim tiếng thạch nổi lên, tiếng sáo tiếng kèn xen kẽ. Tô Hợp gảy tỳ bà, Lục Trúc thổi tấu lật, trai tiên đánh đàn sắt, gái ngọc thổi ống sanh, hạc huyền cúi mà nghe đàn, cá trắng nhảy mà theo nhịp... Tiếng trống ảo não, xà nhà chốc lát bụi bay, ván nhà rền vang, bỗng chốc bầu trời tuyết rụng. Một thời quên thịt, Khổng Khưu ở lại không thừa, ba ngày quán rượu, Hằng Nga tiếng còn có thực... Cả hai người đều dậy múa, cùng mời các quan dưới. Rồi vừa múa vừa làm bài từ rằng: Lâu nay quanh quẩn bốn bên, thoát gặp lại hai vị thần tiên, mây đông mà lá liễu, má hạc mà nở sen. Nhìn ngó xinh tươi nghìn chỗ. Muôn nghìn tươi tắn muôn phen, đêm nay nếu mà không được, suốt vàng quyết sẽ xuống liền. Lại cười lớn một hồi. Múa xong, cảm tạ rằng: tổ chỉ tài thường, được hầu vui nhộn, cho nghe âm nhạc, xấu hổ không cùng. Nàng Mười làm thơ đáp: Sung sướng giống uyên ương. Tình xa như Hồ Việt, không dắc ra với chàng, thì biết để đâu hết. Nàng lại nói: Bọn nhỏ chúng em không có gì coi được, chừng bắp mây đông lá liễu, má hồng như sen mùa hạ, tất cả chỉ là chê cười nhau đó thôi...

Tuy vậy, các tác giả xuất hiện đông là sau thời Khai Nguyên Thiên Bửu. Khoảng Đại lịch có Trầm Ký Tổ, người Ngô ở Tô Châu, uyên bác các kinh, do Dương Viêm tiến cử được triệu giữ chức Tả thập di, sứ quán tu soạn, thời Trịnh Nguyên Viêm bị tội, Ký Tổ cũng bị giáng đổi làm ty hộ tham quân xứ châu, ít lâu lại được về kinh, làm viên ngoại lang bộ, rồi mất, (khoảng 750-800). Ký Tổ làm sách *Kiến Trung thực lục*, người ta khen là có tài, *Tân Đường thư* có chép truyện, sách *Văn uyển anh hoa* (833), lục chép *Chẩm trung ký* của ông (cũng thấy trong sách Quảng ký 82, đề là Lã Ông, một chương, cho là sách của Tiểu thuyết gia, kể tóm tắt rằng năm Khai Nguyên 7, đạo sĩ Lão Ông đi giữa đường Hàm Đan, vào nghỉ ở quán trọ, thấy ở đó chàng tuổi trẻ Lư sinh ủ rũ than phiền bèn lấy chiếc gối trong đấy ra trao cho. Lư Sinh mộng thấy mình lấy Thôi thị người ở Thanh Hà, thi đỗ

tiến sĩ, làm quan đến chức mục thú ở đất Thiểm, rồi lên chức kinh triệu doãn, đi đánh giặc dẹp được bọn Nhung, chuyển sang chức thị lang bộ lại, lên Thượng thư bộ Hộ kiêm chức Ngự sử đại phu, bị viên Tể tướng đương triều ghét, phao tin làm hại, phải giáng chức và đổi đi thứ sử Đoan Châu, sau ba năm lại được triệu về làm thường thị, không bao lâu lên Đông trung thư môn hạ bình chương sự.

Kế hoạch hay, mệnh lệnh mật, một ngày ba lần tiếp, dâng điều tốt bỏ điều xấu, vua gọi là một tể tướng giỏi, những kẻ ngang hàng ghét bỏ vu cho là giao kết với viên tướng giữ biên giới, mưu đồ làm loạn, bị bỏ ngục, phủ lại dẫn lính tráng tới nhà bắt gấp, chàng sợ hãi khôn cùng, bảo vợ con rằng: nhà mình ở khí đông, có ruộng tốt năm khoảnh, đủ để khỏi đói rét, tôi gì cần lương bổng, nay đến nỗi này, muốn mặc cái áo cộc, cỡi con ngựa con màu xanh mà đi giữa đường Hàm Đan cũng không được nữa. Giờ dao tự vẫn, vợ cứu được khỏi chết. Nhưng ai có liên quan đến sự việc đều chết cả. Chỉ mình chàng nhờ có quan trọng triều bảo đảm cho, giảm tội chết đầy đi Hoan Châu. Vài năm sau, vua biết là oan, khôi phục cho làm trung thư lệnh, phong là Yên quốc công, chiếu chỉ vua ban ơn đặc biệt, sinh được năm con... Dựng vợ gã chồng đều là con nhà danh vọng, sinh cháu hơn mười đứa... Sau tuổi già suy yếu, xin về hưu nhiều lần mà không được. Mỗi lần ốm thì người trong triều đều ra chục hỏi, nối gót nhau giữa đường, thầy thuốc có tiếng, thuốc thang hạng nhất, luôn có trong nhà... rồi mất. Chàng mệt mỗi tỉnh dậy, thấy mình đang nằm giữa trong quán, Lã Ông ngồi một bên nhà hàng nấu nồi cơm nếp chưa chín, động đến gì cũng thấy như lúc này. Chàng kinh sợ ngồi dậy, nói: Lễ nào là một giấc mơ chẳng? Lã Ông bảo ông nhà hàng rằng đời con người ta, cũng như vậy thôi. Chàng chán nản hồi lâu, cảm tạ nói: ôi cái đạo được yêu chuộng, hay bị làm nhục, cái vận khi cùng khi đạt, cái lễ được với mất, cái tình chết và sống, tôi đã biết hết rồi đó, đó là nhờ tiên sinh làm để biết tác lòng ham muốn cho tôi đó, tôi dám đầu không tuân. Nói rồi rập đầu lạy hai lạy mà đi.

Loại ý nghĩ như trên, trong đời Đường hăm mộ công danh, tuy là bày vẽ làm động lòng người song không phải chỉ có một người sáng tác. Trong *Sưu thần ký* của Can Bửu có chuyện người thầy cúng ở miếu Tiêu Hồ dùng

chiếc gối ngọc làm cho Dương Lâm nằm mộng (Thấy trong chương năm), đại ý giống hết chuyện trên, chắc là gốc từ chuyện đó, *Hàm Đan ký* của Thang Hiến Tổ đời Minh lại gốc ở chuyện này. Ký Tế vẫn viết giản dị, điều luyện, lại hay có lời khuyên răn, cho nên chuyện kể tuy không có thể có, song còn được đương thời coi trọng, ví với *Mao Đình truyện* của Hàn Dũ, thỉnh thoảng có ý kiến chê là bông đùa cợt nhả, thì nghĩ rằng tác giả đã từng làm sử quan, bị ràng buộc bởi phương pháp viết sử mà mất ý nghĩa của tiểu thuyết. Ông còn có *Nhâm Thị truyện* (thấy trong sách *Quảng ký* 452) một chương, kể chuyện con cáo ma biến hóa kỳ ảo, cuối cùng giữ chí chết theo người và kết luận: tuy là đàn bà ngày nay, cũng có kẻ không bằng cáo, chuyện đó cũng là một trước tác răn dạy đời.

Người Hưng Tài, đời Ngô, (Lý Hạ ngữ) là Trần Á Chi tên tự là Tạ Hiền, đỗ tiến sĩ năm Nguyên Hòa 10, năm đầu Thái Hòa làm chức phán quan với Đức Châu hành dinh sứ giả là Bá Kỳ, Kỳ có tội bị giáng và đổi đi nơi khác, Á Chi cũng bị giáng và đổi đi làm chức úy Nam Khang, sau làm chức lại ở Sính Châu và mất (Khoảng cuối thế kỷ 8 đến giữa thế kỷ 9) tập hợp lại được thành mười hai quyển, nay còn. Á Chi có tiếng về văn chương, tự bảo là nay trong tập có văn truyền kỳ ba chương, (*Sách Trầm Hạ Hiền tập*) quyển hai, quyển bốn, cũng thấy trong sách *Quảng ký* 282, 298), đều dùng lời văn hoa mỹ điểm lệ, tự thuật những mối tình không thể có, lại thích nói chuyện tiên quỷ chết lại, thật cùng với các văn nhân đồng thời khác xa. Sách *Tương Trung cán* chép việc Trịnh Sinh tình cờ gặp cô gái mồ côi, ăn ở với nhau được vài năm thì một sáng bỏ đi tự bảo là con gái của giao cung, kỳ hạn đầy đã hết, sau hơn mười năm lại từ xa trông thấy trong chiếc thuyền kiểu đương thời, có hình vẽ, đau buồn ca hát rồi “gió sóng ầm ào” và không thấy dấu nữa. Sách *Dị mộng lục* chép việc Hình Phượng mộng thấy người đẹp, cho xem điệu múa “cung loan”, với việc Vương Viêm mộng thấy Ngô Vương đã lâu, bỗng nghe tiếng tù và thổi, thì ra đám tang chôn Tây Thi, nhân thể nâng lời làm bài hát đưa ma, được vua khen thưởng. Sách *Tần Mộng ký* thì tự thuật việc mình đi đường qua Trường An, ở trong quán trọ Thác Tuyền, mộng làm quan nhà Tần có công, bấy giờ chồng của Lộng Ngọc là Tiên Sứ chết trước, nhân thể mình lấy công chúa, tự đề nơi nhà ở là

Thúy Vị cung. Vua Mục Công đãi Á Chi rất hậu, một hôm công chúa thỉnh linh không ốm đau gì mà chết, Mục Công kỳ muốn gặp lại Á Chi bèn cho về.

Sắp ra đi thì Mục Công đặt tiệc rượu mời rất đông, toàn hạng cao sang, dàn nhạc Tấn, người múa đập vào cánh tay vỗ đùi vế, hát hò mà giọng có chỗ không khoái, tiếng nghe rất oán hờn... Rồi lạy hai lạy ra đi, Công lại bảo đến cung Thúy Vị cùng những người hầu, công chúa, từ biệt. Khi vào lại trong điện, thấy trần châu, ngọc ngà rơi rụng dưới thềm xanh, những chấm đỏ của bức rèm sa nơi cửa sổ vẫn y cũ, các cung nhân khóc, đứng trước mặt Á Chi. Á Chi cảm thương nức nở hồi lâu rồi đề vào cửa cung một bài thơ, thơ rằng: Quân vương đau xót đuổi về đông. Từ đây cung tần ngóng trông, cảnh xuân thương Tần mất chủ. Hoa rơi đỏ lệ son hồng. Rồi từ biệt ra đi... Tỉnh dậy thấy nằm trong quán trọ. Hôm sau, Á Chi đem chuyện nói hết với người bạn là Thôi Cửu Vạn. Cửu Vạn người Bắc Lãng, am hiểu chuyện xưa, nói với mình rằng: Sách Hoàng Lãm nói: Tần Mục Công chôn dưới cung kỳ Niên, suối Ung Thác, không phải là nơi thần linh nương tựa sao? Á Chi nghe vậy thì đi tìm và được cuốn địa chí thời Tần, sách chép quả như Cửu Vạn nói. Than ôi! Lộng Ngọc đề là tiên, sao lại chết nữa?

Trần Hồng làm văn thì từ ý khẳng khái, sở trường là diễn cổ, nhớ tiếc việc xưa, như không người được, Hồng lúc nhỏ học viết sử, năm Trinh Nguyên 21 thi đỗ Thái Thường, mới ngồi không, làm cho thỏa chí, soạn sách *Đại thống ký* ba mươi quyển, bảy năm mới xong (Sách Đường văn tụy 95), thời gian ở Trường An, đã từng cùng Bạch Cư Dị kết bạn, vì bài "*Trường hận ca*" mà làm thành truyện (Theo sách *Quảng ký* 486) - Trong *Tần Đường ký*, về loại tiểu thuyết gia có Trần Hồng làm sách *Khai Nguyên thăng bình nguyên*, một quyển, chú bằng "tên tự là Đại Lang, chúc Chu khách lang trung thời Trinh Nguyên, cũng có thể là Trần Hồng trên" (Khoảng nửa sau thế kỷ 8 đến khoảng giữa thế kỷ 9); sách làm ra còn có *Tân Thành lão phụ truyện* (Thấy trong sách *Quảng ký* 485), chép việc Giã Xương sau cơn binh lửa loạn ly, nhớ lại việc lúc tốt đẹp thái bình, hai cảnh vinh hoa, linh lạc đối chiếu với nhau, lời văn rất bi đát. Còn *Trường hận ca truyện* thì làm vào đầu Nguyên Hòa cũng thuật lại đầu đuôi việc Dương Phi

giữa niên hiệu Khai Nguyên và cũng cho đến khi chết ở Thục, lời bạch cũng giống truyện Giã Xương trên. Chuyện Dương Phi, người đời Đường vốn thích kể, song ít có mạch lạc rõ ràng như truyện viết ở đây, lại được Bạch Cư Dị làm bài ca, cho nên người đời đặc biệt biết đến, Hồng Thăng đời Thanh sau làm sách *Trường sinh điện truyện kỳ* là dựa và truyện, và ý bài ca đó. Truyện này có hai, ba bản, sách Quảng ký cùng sách *Văn uyển Anh hoa* 794 lục chép, câu đặt chữ dùng đã lăm dị đồng, mà những bản lấy từ *Lệ trình tập* và Kinh bản đại khúc ra, người đời Minh phụ lục vào, đời sau Văn Uyển Anh Hoa lại càng khác hơn nữa. Đó là do người đời sau (tác giả *Lệ trình tập* là Trương Quân Phòng) thêm bớt vào.

Cuối niên hiệu Thiên Bửu, anh là Quốc Trung cướp chức thừa tướng, ngu muội chơi đùa với quyền hành của quốc gia, cho đến khi An Lộc Sơn đem quân tiến đến cửa khuyết, lấy danh nghĩa là đánh họ Dương, Ái đồng quan không giữ được, cớ Thúc Hoa đi xuống phương Nam, ra khỏi Hàm Dương, giữa đường đóng lại ở Đình Mã Ngồi, sáu quân chần chừ, cầm kích không tiến, các quan lang lại tùy tùng, nắm rạp trước ngựa vua, xin giết Triều Thổ để tạ tội với thiên hạ. Quốc Trung nhận giải cờ mao và bát nước: chết ở vệ đường. Ý kẻ tả hữu chưa lấy làm khoái, vua hỏi: lúc đó kẻ có gan dám nói lên tiếng xin đem Quý Phi ra mà khóa lấp sự oán hờn của thiên hạ, vua biết là không khỏi được, nhưng không nỡ nhìn thấy Phi chết, lật áo che mặt và khiến lồi Phi đưa đi, Phi kinh hoàng nấn ná, rút cuộc lại chết dưới thước dây treo cổ (Theo sách *Văn uyển Anh Hoa chép*).

Bạch Hành Giản, tên tự là Tri Thoái, ông bà trước là người Thái Nguyên sau làm nhà ở Hàn Thành, rồi lại dời đến Hạ Khuê, là em của Bạch Cư Dị, cuối niên hiệu Trinh Nguyên đỗ tiến sĩ, lần lượt làm các chức Ty môn viên Ngoại lang, chủ khách lang trung, mùa đông năm Bửu lịch 2 (826), mắc bệnh mất, tuổi khoảng ngoài năm mươi, hai bản *Đường thư* đều chép phụ vào Cư Dị truyện. Hành Giản có làm sách 12 quyển nay không còn, nhưng sách *Quảng ký* (484) có lục chép truyện truyền kỳ của ông một chương, tên là *Lý Giai truyện*, kể chuyện con một nhà cự tộc ở Vinh Dương say đắm một gái điếm Trường An tên là Lý Giai, đến nỗi nghèo khổ ốm đau khốn đốn, rồi lưu lạc làm phu đưa ma, cuối cùng lại được Lý Giai cứu vớt,

khuyến bảo gắng học, thi đỗ, làm quan tham quân phủ Thành Đô. Hành Giản vốn giỏi văn, chuyện Lý Gai lại cũng ra về tình người, ai cũng thích nghe, nên viết triền miên, xem được. Người đời Nguyên đã lấy đó làm gốc, viết ra Khúc giang từ, Tiết Cạn Duyên đời Minh thì làm ra *Tứ nhự ký*. Hành Giản lại còn có *Tam Mộng ký*, một chương (Thấy nguyên bản trong sách Thuyết Phu 4). *Tam Mộng ký* cử ra ba việc, hoặc là “Kẻ kia nằm mơ thấy mình đi đấu mà kẻ này gặp, hoặc kẻ này làm việc gì mà kẻ kia nằm mơ thấy, hoặc hai người mơ thấy như nhau”. Tự thuật đều giản dị chất thực mà sự việc thì đặc biệt kỳ khôi, chuyện thứ nhất lại hay hơn cả.

Niên hiệu Thiên Hậu, Lưu U Cầu làm chức Thừa triều áp, nhiều lần được sai về đêm, hôm ấy về còn cách nhà hơn mười dặm gặp ngôi chùa Phật, đường đi một bên, nghe trong chùa cười hát vui vẻ. Tường chùa thấp lũng, thấy được cả ở trong, Lưu cúi mình nhìn vào, thấy mười hai người, cả trẻ con đàn bà ngồi lẫn lộn, cổ bàn la liệt, xúm quanh ăn uống với nhau. Thấy vợ mình cũng ở đó và cười nói, ban đầu Lưu lấy làm ngạc nhiên, không hiểu được duyên cớ làm sao, lâu lâu sau, mới nghĩ là không nên vào đó, song cũng không sao bỏ đi được. Sau lại nhìn kỹ, thấy cử chỉ nói cười không khác gì, toan vào xem cho rõ hơn, cửa đóng không vào được. Lưu lấy ngói ném, trúng cái chậu rửa, vỡ văng ra và tán chạy cả, rồi không thấy gì nữa. Lưu vượt tường thẳng vào, cùng người đi theo cùng xem khắp hè chái, đều không có người, cửa chùa vẫn như cũ. Lưu càng lạ lùng, bỏ chạy nhanh về. Đến nhà thì vợ đang nằm ngủ, nghe Lưu về, dậy hàn huyên xong, thì cười mà nói: vừa nằm mơ thấy cùng vài mươi người đi chơi một ngôi chùa, song không ai biết ai cả, cùng ngồi ăn ở sân điện, có người từ ngoài lấy mảnh ngói ném vào, mâm cổ lộn phèo, thế là tỉnh dậy. Lưu cũng kể lại việc mình thấy, đó là chuyện người kia mơ thấy mình đi hay ở chỗ nào mà người này lại gặp được.

Chương 9

VĂN CHƯƠNG TRUYỀN KỲ ĐỜI ĐƯỜNG (HẠ)

Tuy nhiên, trong các tác giả truyền kỳ, mà đặc biệt quan trọng thì có hai người: người thứ nhất, sáng tác không nhiều mà ảnh hưởng thì rất lớn, tên tuổi cũng rất nhiều người biết là *Nguyên Chấn*, người thứ hai, trước tác nhiều ảnh hưởng cũng rất lớn mà tiếng tăm lại không nổi lắm, đó là *Lý Công Tá*.

Nguyên Chấn tên tự là *Vi Chi*, người Hà Nội thuộc Hà Nam, đỗ minh kinh, bổ làm hiệu thư lang, đầu niên hiệu Nguyên Hòa thi chế sách đồ đầu, bổ làm Tả thập di, rồi lên giám sát ngự sử, bị tội giáng chức đổi đi Giang Lăng, sau lại từ, khi chức trưởng sử Quốc Châu triệu vào, thì dần dần lên đến chức trung thư xá nhân thừa chỉ họa sĩ, rồi lên công bộ thị lang đồng bình chương sự, chưa bao lâu thì bị bãi chức tướng, ra làm thứ sử Đồng Châu, rồi lại đổi qua Việt Châu, kiêm chức quan sát sứ Chiết Đông. Đầu niên hiệu Thái Hòa, vào kinh làm thượng thư tả thừa kiểm hộ bộ thượng thư, kiêm thứ sử Ngạc Châu. Võ Xương quân tiết độ sứ, tháng bảy năm thứ năm, bị cơn ốm nặng, chỉ một ngày mà mất tại trấn, tuổi 53 (779-831), cả hai bản Đường thư đều có truyện của ông. Nguyên Chấn từ trẻ xướng họa với Bạch Cư Dị, đương thời nói đến thơ là xưng Nguyên Bạch, và gọi là thể Nguyên Hòa, song tiểu thuyết của Nguyên Chấn làm mà được lưu truyền thì có *Oanh Oanh truyện* một chương (Thấy trong sách Quảng ký 488).

Oanh Oanh truyện là kể chuyện xưa Thôi Trương, cũng có tên là *Hội Chân ký*. Chuyện tóm tắt, nói trong niên hiệu Trinh Nguyên có chàng Trương Sinh, tính tình đáng điệu ôn hòa đẹp đẽ, hễ không đúng lễ thì không đụng đến, tuổi hai mươi ba, chưa hề gần gũi con gái. Bấy giờ chàng đi chơi ở đất Bồ, trọ ở chùa Phổ Cứu, vừa dịp có người đàn bà góa Thôi Thị định về Trường An, đi qua đất Bồ cùng trọ ở chùa đó. Kể về tình thân họ hàng thì đối với Trương Sinh, Thôi Thị là bà thím hay bà bác thuộc chi phái khác. Gặp lễ cầu hôn, quân lính nhân đám tang quấy nhiễu người đất Bồ rất dữ. Thôi Thị sợ quá mà Trương Sinh thì có quen biết với bề đẳng của tên tướng ở đất Bồ, được che chở, sau hơn mười ngày, chúc liêm sứ là Đỗ Xác đến trông coi việc quân mới dẹp yên được. Thôi Thị vì thế rất cảm ơn Trương Sinh, nhân mời Sinh đến uống rượu, cho con gái là Oanh Oanh ra chào, Sinh say đắm, nhờ người hầu gái của họ Thôi là Hồng Nương đưa hai bài Xuân Từ để ngỏ ý. Chiều hôm đó được bức thư màu, trong đó có bài đề là Trăng sáng đêm rằm, lời rằng: Chờ trăng dưới mái Tây, đón gió cửa hé mở. Cách tường hoa bóng lay. Chắc người ngọc sang đó. Trương vừa mừng vừa sợ, một lát thì Thôi Thị đến, ăn mặc đoan trang, đáng điệu nghiêm khắc, trách chàng không đúng lễ, rồi bỏ ra. Trương nghe trong người như trống rỗng hồi lâu, vài hôm sau, bà Thôi lại đến, trời sắp sáng thì đi, suốt buổi không nói một lời.

...Trương Sinh tờ mờ sáng thì dậy, nghi nghi hoặc hoặc nói: không lẽ là một giấc mộng hay sao? Đến lúc trời sáng hẳn ra, thấy phấn sáp trên cánh tay, mùi hương thơm nơi áo, nước mắt trong suốt còn long lanh trên chần chiếu mà thôi, Sau đó hơn mười hôm, mù mịt không biết gì nữa. Trương Sinh làm bài thơ *Hội Chân* ba mươi vắn, làm chưa xong thì Hồng Nương đến nhân trao cho cô ta để đưa cho Thôi Thị. Từ đó lại đi lại với nhau, sáng thì lên mà ra, tối thì lên mà vào cùng nhau yên vui trong cái cho trước gọi là mái Tây gần một tháng. Trương thì cất vấn về mối tình Trinh Thị thì Thôi Thị nói là tôi không thể làm thế nào được. Nhân đó muốn thực sự lấy nhau. Không bao lâu Trương phải đi Trường An, trước khi đi chàng lấy tình nói cho nàng hiểu, Thôi Thị cứ tự nhiên không bàn cãi một lời, tuy vậy cái dáng oán hận sâu buồn đến làm cho người ta xúc động. Hôm sắp đi

không được thấy lại nàng, Trương Sinh xuống miền Tây...

Năm sau đi thi không đỗ, Trương ở lại kinh, gửi thư cho Thôi Thị nói rõ thêm ý mình, Thôi trả lời, chàng đưa thư cho những người quen biết xem, bởi thế câu truyện lan truyền ra Dương Cự Nguyên làm bài Thôi Nương Thị, Nguyên Chấn làm tiếp bài *Hội Chân thi ba mươi vần* của chàng, bạn bè của Trương ai nghe cũng sững sốt kinh lạ, còn Trương thì ý chí đã tuyệt đứt rồi. Nguyên Chấn chơi thân với Trương, hỏi Trương về câu chuyện, Trương nói:

“Đại phàm trời sinh ra vật hiếm lạ, không thành yêu nghiệt cho bản thân tất thành yêu nghiệt cho kẻ khác. Giả sử Thôi Thị gặp và lấy được kẻ phú quý, nắm được sự nâng niu chiều chuộng, không làm mây làm mưa, thì làm con thường luồng, con ly, ta không biết nàng biến hóa ra những gì. Xưa vua Tân nhà Ân, vua U Vương nhà Chu có một nước vạn cỗ xe, thế mạnh đến như thế mà một người con gái làm cho tan nát, dân tàn mác, thân bị mổ thịt, đến nay thiên hạ còn xỉ mắng chê cười. Tôi đức hạnh không đủ để thắng yêu nghiệt, cho nên phải nhẫn nhục làm thế.”

Được hơn một năm, Thôi đã lấy chồng, Trương cũng cưới vợ, có dịp đi qua chỗ nàng ở, xưng là anh bên ngoại xin gặp Thôi, cuối cùng vẫn không ra, vài ngày sau Trương sắp đi thi Thôi làm một bài thơ đưa để tạ tuyệt, thơ rằng: “Bể hoa nói gì nữa. Ngày ấy thật yêu đủ. Nay đem lòng xưa cũ, thương lấy kẻ ngày nay”. Từ đó, không biết gì đến nữa, người đương thời cho Trương là kẻ khóc than để chuộc lỗi lầm.

Nguyên Chấn lấy Trương Sinh để nói mình, thuật lại cái cảnh chính mình đã từng trải qua, tuy văn chương chưa phải là bậc nhất song thường có tình tứ, vốn là hạng khá, chỉ cuối chuyện về tô quá đáng muốn che lấp cái sai nên rơi vào loại hứng thú thấp hèn, mà bọn Lý Thân, Dương Cự Nguyên đều đã làm thơ để khoa trương thêm. Chấn lại sớm có thơ hay và về sau lại có thời làm tướng cầm quân, cho nên người đời vẫn thích nói đến chuyện ông làm. Triệu Đức Lân đời Tống lấy sự việc Tây Sương làm ra *Thương diệu điệp luyến hoa* 10 ca khúc (lấy trong *Hầu tình lục*), đời Kim thì có Đồng Giải Nguyên làm sách *Huyền sách Tây sương*, đời Nguyên thì

có Vương Thực Phủ làm Tây sương ký, Quan Hán Khanh làm *Tục Tây sương ký*, đời Minh thì có Lý Nhật Hoa làm *Nam Tây sương ký*... Ngoài ra chuyện mà gọi là cánh (thay đổi), cuối cùng là phiên (chuyển sang), là hậu (sau), là tục (tiếp theo)... càng nhiều, đến nay còn có kẻ nhắc nhở ngợi khen việc đó. Chuyện truyền kỳ đời Đường kể lại không ít song sau lại có tiếng tăm lừng lẫy như vậy chỉ có truyện Tây sương nói đây với *Liễu Nghị truyện* của Lý Triều Uy mà thôi.

Lý Công Tá, tên tự là Chuyên Nông, người Lũng Tây, đã đỗ tiến sĩ niên hiệu Nguyên Hóa làm chức Giang hoài tông sự, sau bãi chức về Trường An (thấy trong chuyện *Tạ Tiểu Nga* của ông), đầu niên hiệu Hội Xương, lại làm chức Lục sự đương phủ, năm thứ hai niên hiệu Đại Trung, mắc tội bị tước luôn cả hai chức (thấy trong truyện *Tuyên Tông kỷ*, sách *Đường thư*), vậy thì ông sinh trong đời Đại Tông đến đời Tuyên Tông còn sống (khoảng 770-850) những sự tích khác của ông thì chưa biết rõ. Trong *Tông thất thế hệ biểu* của *Tân Đường thư* có chức Thiên ngư bị thân, tên là Công Tá thì là người khác. Trước tác của ông nay còn 4 thiên *Nam kha thái thú truyện* (thấy trong *Quảng ký* 475, đề là của Thuần Vu Phần, nay căn cứ theo *Đường ngữ lâm* cải chính). Truyện Nam kha thái thú rất có tiếng, kể rằng Thuần Vu Phần người Đông Bình, nhà ở phía đông quận Quảng Lăng 10 dặm, phía nam vườn ở có một cây hòe lớn, năm Trinh Nguyên 7, tháng 9, nhân say nhiều sinh bệnh, hai người bạn đem về nhà, bảo nằm dưới chái đông, rồi tự mình cho ngựa ăn, rửa chân để đợi. Vu Phần kê đầu lên gối nằm, nghe mờ tối như trong giấc mơ, thấy hai sứ giả áo tía bảo là vâng mệnh vua đến, ra cửa lên xe, nhằm cái hang nơi gốc hòe cổ mà đi. Sứ giả rong xe vào hang, bỗng thấy sông núi, cuối cùng vào một tòa thành lớn, trên lầu thành có biển vàng đó là *Đại Hòe an quốc*. Sau khi Vu Phần đến thì được ban ngay cho chức phò mã rồi lại ra làm chức thái thú Nam kha, làm quan đến 30 năm, phong hóa lan rộng, trăm họ ngợi ca, dựng bia công đức, xây miếu sinh từ, vua rất trọng, lần lượt đưa lên chức to, sinh được năm trai, hai gái, sau cầm quân đánh với nước Đan La, thua trận, công chúa lại chết. Chàng thôi không làm chức quận nữa, song uy phúc ngày một to, vua sinh nghi và sợ, cấm không để đi theo mình, cho ra ở nhà riêng, rồi đến cho về.

Tỉnh dậy thì thấy đầy tớ, người hầu trong nhà cầm chổi quét sau, hai người bạn rửa chân nơi giường, mặt trời chiều chưa khuất sau tường phía tây, be rượu thừa còn trong suốt nơi cửa sổ phía đông, giấc mơ nhanh chóng, mà như cả một đời người. Chuyện lập ý cùng với *Chấm trung ký* giống nhau, nhưng mô tả rõ ràng thấu đáo hơn. Thang Hiến Tổ đời Minh cũng lấy đó làm gốc mà viết chuyện truyền kỳ đặt tên là *Nam kha ký*. Cuối chuyện này nói sai đầy tớ đào cái hang ra, để xét căn nguyên, thì ra thấy một tổ kiến, phù hợp với tất cả giấc mơ trước, như vậy là mượn thực để chứng ảo, ý vị buồn lo, tuy chưa nói được hết tình tứ, song chỉ thế cũng không phải *Chấm trung ký* theo kịp được rồi.

Có cái hang lớn, rễ cây hòe thấy được rõ ràng sáng sủa có thể đặt được một cái giường. Ở trên có đất đắp hình thành quách điện dài, có kiến nhiều đến vài ba chục hộ, tụ tập ẩn náu ở trong, giữa có cái đài nhỏ màu son, hai con kiến to ở đó, cánh trắng đầu đỏ, dài có thể đến ba tấc, hai bên có vài chục con to nữa phụ tá hai con kia, còn tất cả các con khác thì không dám lại gần, đó là kiến vua và chỗ ở tức là quốc đế nước Hòe An. Lại đi hết một cái hang nữa, thẳng lên cả cảnh phía Nam, có thể cao đến bốn trượng, ở đó có một chỗ vuông vức đường nét uyển chuyển, cũng có thành lầu nhỏ, kiến cũng ở trong đó nhiều, đó là cái quận Nam Kha mà chàng đã làm quen...

Nhớ lại việc trước, trong bụng ngậm ngùi... Không muốn để hai người khách phá đi nên vội che lấp lại như cũ... Lại nhớ lại việc đánh dẹp nước Đan La, nhờ hai người khách hỏi han xem xét phía ngoài, thấy phía đông vườn một dặm có một lạch nước con đã lâu, bên bờ có 1 cây đàn lớn, cây mây và dây leo vắt quanh trùm kín, trên không thấy mặt trời, bên cạnh có một cái hang và kiến bày cũng ẩn náu tụ họp trong đó. Nước Đan La, không phải là đây sao? Than ôi kiến linh dị còn không hiểu được hết, huống hồ sự núi dấu cây biến hóa nữa sao?

Tạ Tiểu Nga truyện (thấy trong Quảng ký 491) nói Tiểu Nga họ Tạ, người Dự Chương, tám tuổi thì mồ côi mẹ, sau gả cho Đoàn Cư Trinh, hiệp sĩ ở Lịch Dương. Cả vợ chồng cả bố đều quen nghề buôn bán, đi lại trong vùng sông hồ, bị giặc cướp giết chết, Tiểu Nga cũng gãy chân rơi xuống

nước, thuyền chúng vớt lên, lang bạt đến huyện Thượng Nguyên, vào nương nhờ các vãi chùa Diệu Quả. Lúc đầu Tiểu Nga nhiều lần mộng thấy bố mách rằng kẻ thù là “con khỉ trong xe cỏ cửa đông” lại mộng thấy chồng mách rằng kẻ thù là “tên phu chạy giữa lúc ban ngày”, Tiểu Nga tìm hỏi nhiều người thông hiểu nhưng không ai giải đáp được, sau đến Công Tá thì ông mới giảng ra rằng: “Chữ xa trên dưới đều bỏ đi một nét thì ra chữ thân, thân là cầm tinh con khỉ, dưới bệ thảo có chữ môn, trong chữ môn có chữ đông, thế là chữ lan. Lại nữa: Chạy giữa lúc là chạy xuyên ruộng, xuyên điền cũng thành chữ thân như trên. Còn phúc một ngày là: trên chữ phu thêm một nét, rồi dưới lại có chữ nhật, thành ra chữ xuân. Như vậy kẻ giết bố cô tên là Thân Lan, kẻ giết chồng cô tên là Thân Xuân. Việc đó đã rõ rồi. Tiểu Nga nghe vậy thì ăn mặc giả trai làm như lính đông, quả gặp hai tên cướp ở Tân Dương, đâm chết và tự báo quan, bắt cả lũ, và Tiểu Nga được miễn tội chết. Vấn đề đoán chữ mà bắt được giặc cướp, rất là mơ hồ, nhưng thời đó vẫn lưu truyền mạnh, họ Lý lại nói là mình đã diễn chuyện đó và đưa vào sách *Tục huyền quái lục*. Người đời Minh thì lấy làm gốc mà làm thành bình thoại (thấy ở *Phách án kinh kỳ* 19). Còn hai chương nữa thì một chương chưa rõ nguyên trước đề là gì, sách quảng ký thì đề là: Lê Giang Phùng uẩn (343) và chép chuyện Đồng Giang chết vợ lấy vợ khác, mà bà Phùng thấy có một người con gái khóc trong một cái nhà ở góc đường, sau mới biết ra nhà đó là mẹ của người vợ chết, họ Đồng nghe thì buộc tội cho bà là nói chuyện yêu ma càn quấy, đuổi bà đi. Chuyện rất đơn giản cho nên vẫn cũng không hoa hòe gì. Một chương nữa đề là *Cổ nhạc độc kinh* (thấy trong quảng ký 467 lại đề là Lý Thang). Có Lý Thang thật, thời Vĩnh Thái làm thứ sử ở Sở Châu, nghe người dân chài nói thấy dưới nước, dưới chân núi Qui Sơn có chiếc khóa sắt lớn, thì cho người với trâu kéo lên, lập tức gió sóng nổi lên “một con thú hình thù giống con vượn đầu trắng bờm dài, răng như tuyết, móng như kim loại, trời lên và vào bờ không có vẻ sợ sệt gì, cao khoảng năm trượng, ngồi chồm hồm như loài khỉ vượn, chỉ hai mắt không mở ra được, xem như đui mù. Lâu rồi mới rướn cổ vượn vai hai mắt thỉnh linh mở ra, sáng như tia chớp, trố mắt nhìn người, muốn giận phát điên lên. Người xem bỏ chạy, con thú cũng thông thả dắt trâu kéo khóa xuống nước biến mất, không thấy lại nữa”. Bấy giờ Thang cùng những kẻ sĩ có tiếng ở

Sở Châu ai cũng thác loạn kinh ngạc không hiểu lý do ra sao. Sau Công Tá đi tìm xem cổ tích ở Đông ngô, đi thuyền lên đênh trên Động Đình, leo núi Bao sơn, vào động tiên, thăm dò sách tiên, giữa các hang đá, được sách *Cổ nhạc độc kinh* quyển 8 mới hiểu ra duyên cớ, xong sách đó chữ viết kiểu lạ, nhiều chỗ mọt nát, không đọc hiểu được, Công Tá cùng đạo sĩ là Tiên Quân cùng nhau cố xem thì ra như sau:

Vua Vũ trị thủy, ba lần đến núi Đồng Bá, kinh hoàng vì gió cuốn, sấm gào, gỗ kêu, thổ bá lấp sông, thiên lão dân quân, công việc không thể bắt đầu được. Vua Vũ giận, triệu tập bách thần dân, trao mệnh lệnh cho Qui Long cung. Quân trưởng các núi như núi Đồng Bá rạp đầu xin mệnh lệnh. Vũ nhân thế giam tù Hồng Mông Thị, Chương Thương Thị, Đâu Lô Thị, Lê Lâu Thị, xong rồi thì bắt được thần chỗ nước xoáy của sông Hoài tên là *Vô Chi Kỳ*, giới nói năng ứng đối, biết rõ sông Giang, sông Hoài sâu cạn làm sao, nơi xa nơi thấp xa gần thế nào, thân hình như khỉ vượn, mũi co, trán cao, mình xanh đầu trắng, mắt như vàng, răng như tuyết, cổ duỗi ra được trăm thước, sức vượt chín voi, đánh, nhảy, chạy nhanh, nhẹ nhàng chóng vánh, nhìn nghe không lâu được. Vua Vũ trao nó cho Đồng Luật, Đồng Luật không khống chế được, giao nó cho Mộc Do, không khống chế được, giao cho Canh Thìn, khống chế được. Lũ suy tì, Hoàn hồ, mộc vị, Thủy linh, sơn yêu, Thạch quái chạy kêu tụ lại vây quanh kể có vài nghìn, Canh Thìn đuổi đánh đánh (có bản chép cầm cái kích) đuổi đi, cổ cột thùng lớn, tra khóa, mũi xâu cái lạch vàng, đầy xuống phía Nam sông Hoài, dưới chân núi Qui sơn để cho nước sông Hoài mãi yên dòng chảy ra biển. Sau Canh Thìn ai cũng về hình như thế, tránh khỏi được nạn gió sóng sông Hoài).

Chu Hy đời Tống đã từng bài xích việc các sư sãi nhà chùa hàng phục được Vô Chi Kỳ, cho là chuyện quê mùa hủ lậu, La Bi cũng đời Tống làm sạch Lộ sử có thiên *Vô Chi Kỳ biến*, Ngô Xương Linh đời Nguyên trong tập kịch Tây du ký của mình có câu: Vô Chi Kỳ là chị em của nó. Tống Liêm đời Minh cũng dẫn việc đó mà biên thành truyện, cho hay từ Tống Nguyên về sau lại rộng khắp trong dân gian, thuyết đó cứ lan truyền mãi không dứt làm cho người nghiên cứu cứ phải phê bình cải chính, mà thực ra chỉ là một trước tác giả thiết của Lý Công Tá mà thôi. Chỉ về sau lâu dần, vua Vũ là

nhà sư hay Tứ châu đại thánh, rồi Ngô Thừa Ân đời Minh diễn *Tây du ký* lại đưa việc biến hóa thần kỳ mau lẹ gán cho Tôn Ngộ Không, chỉ lúc đó chuyện vua Vũ hàng phục được Vô Chi Kỳ mới bị san lấp bịt kín đi, không ai nói nữa.

Chuyện Truyền kỳ, ngoài những truyện trên còn có nhiều và linh tinh, tương đối có tiếng là *Liễu Nghị truyện* (thấy ở Hồng quảng ký 419) của Lý Triều Uy người Lũng Tây. Chuyện chép việc Nghị thi hồng sấp về miền sông Tương, đi đường qua Kinh dương, gặp cô gái chăn dê, nói là long nữ, vì chồng cùng bố mẹ đuổi, nhờ Nghị gửi thư cho cha là vua Động Đình, vua Động Đình có em là vua Tiền Đường có tính bạo ngược giết rể rồi đưa cháu gái về, muốn đem gả cho Nghị, vì Nghị cự tuyệt rồi thôi, sau khi chết vợ dời nhà đến Kim Lăng, lấy con gái họ Lư ở Phạm Dương, thì ra lại là long nữ, sau lại dời đi Nam Hải, rồi lại đến Động Đình, có người em ngoại là Tiết Giả nhiều lần gặp nhau giữa hồ cho thuốc tiên năm mươi viên, sao đó thì không còn bóng dáng tiếng tăm gì nữa. Người đời Kim đã đem chuyện đó làm tạp kịch (thấy trong Huyền sách Tây sương của Đồng Giải Nguyên), Thường Trọng Huyền đời Nguyên thì làm *Liễu Nghị truyện thư*, đổi ra làm chuyện *Trương sinh chủ hải*, Lý Ngự đời Thanh lại chiết trung làm chuyện *Chầu trung lưu*. Lại có Trương Phòng làm *Hoắc Tiểu Ngọc truyện* (thấy trong Quảng ký 487) kể chuyện Lý Ích hai mươi tuổi đỗ tiến sĩ, vào Trường An, ý muốn lấy được một gái điếm có tiếng thì gặp Hoắc Tiểu Ngọc, đến trọ ngay nhà cô ta, theo nhau như vậy đã hai năm, năm sau chàng được bổ chủ bộ Trịnh huyện, thì thề thốt sẽ cưới nhau rồi đi, đến khi chàng về thăm mẹ, mới biết đã đính hôn với Lư, mẹ lại vốn nghiêm, chàng không dám cãi, thành ra phải cắt đứt với Tiểu Ngọc. Tiểu Ngọc lâu không được tin tức của chàng thì sinh bệnh, lần được tung tích gọi Ích, Ích cũng không dám đến, một hôm Ích có mặt ở chùa Sùng Kính thì thành linh có tay hài sĩ áo vàng đến ép đi, đến nhà họ Hoắc, Tiểu Ngọc cố át cả tật bệnh mà dậy gặp, trách chàng phụ tình, khóc thảm thiết hồi lâu rồi chết, Ích mặc đồ trắng để tang cho nàng, sớm hôm khóc lóc rất xót xa, sau về kết hôn với Lư thị, song vì ma oán làm, rút cục vì nghi kỵ mà bỏ vợ, lấy đến ba người mà không người nào không thế. Bài *Thiếu niên hành* của Đỗ Phủ có câu: “Tuổi trẻ áo vàng

số còn rộng thấy đâu trước cửa sông về Đông” là chỉ việc đó. Lại có Hứa Nghiêm Tá làm *Liễu thị truyện* (thấy trong quảng ký 485) kể việc nhà thơ Hàn Hoàng được cô hầu đẹp của Lý Sinh là Liễu Thị, gặp lúc An Lộc Sơn làm phản, gửi Liễu Thị lại ở nhà chùa Pháp linh để tự đi làm thư ký cho chức đô sứ Tri Thanh, loạn dẹp xong trở về thì Liễu Thị đã bị tướng Phiên là Sa Sết Lợi bắt làm vợ rồi, trong các tướng ở Tri Thanh có tay hiệp sĩ tên là Hứa Ngũ Hầu, cướp về trả lại cho Hoằng. Chuyện đó lại thấy trong bản sử thi của Mạnh Khải, chắc cũng là việc có thực. Ngoài ra như *Thương Thanh truyện* của Liễu Trình (quảng ký 275), *Vô song truyện* của Tiết Diên (486), *Dương xương truyện* của Phòng Thiên Lý... cũng đều là những chuyện có công xây dựng cả. Nhưng trong số đó chỉ có chuyện *Cù Nhân* (thấy trong quảng ký 193) của Đỗ Quang Đình làm đại sĩ ở Thục, thờ Vương Diễn, trước thuật nhiều đại đế là hoang đường bày đặt, chuyện này thì chép Dương Tế, gái điểm vào hang cầm phát trần màu hồng, quen biết Lý Tịnh lúc còn là người mang áo vải, hai bên hẹn nhau trốn đi, giữa đường lại gặp khách quá bộ râu rồng, biết là người phi thường bèn chia cho của cải, dạy cho binh pháp, bảo giúp vua Thái Tông dựng nhà Đường, còn mình thì chỉ huy giặc biển vào nước Phù Dữ, giết vua nước đó, tự lập lên làm vua. Đời sau thích chuyện vua đó, đến mức họa thành tranh, gọi là tranh tam hiệp. Về chuyện thì đời Minh có Lãng Sơ, Thanh có Cù Nhân Ông, Trương Phụng Dực, Tướng thái hòa đều có viết *Hồng phát ký*. Ngoài các sách đã kể trên, có *Lý vệ công biệt truyện* *Lý Lâm Phủ ngoại truyện* đều không rõ tác giả là ai, *Cao lực sĩ ngoại truyện* của Quách Thực, *An Lộc Sơn sự tích* của Diên Nhữ Năng... chỉ tự thuật ý mình hay làm rõ ra điều uẩn, không phải là truyền kỳ, tuy vậy vẫn viết dài rườm, sự việc nhạt nhẽo vụn vặt, cho nên người sau cũng thường xem như là tiểu thuyết.

Chương 10

CHUYỆN TRUYỀN KỲ ĐÃ THÀNH TẬP CÙNG CÁC CHUYỆN VẬT GỌI LÀ TẬP TRỞ ĐỜI ĐƯỜNG

Viết chuyện truyền kỳ, tập hợp lại thành tập, trong đời Đường có nhiều, song không tập nào lấy lòng bằng *Huyền quái lục* của Ngưu Tăng Nhữ. Tăng Nhữ tên tự là Âm, vốn người Dịch đạo Lũng Tây, nhà ở Uyển Diệp, đầu niên hiệu Nguyên Hòa, là hiền lương phương chính, thi đối sách đồ đầu. Nhữ chỉ trích các chính sách sai trái, châm chọc nói xấu không tránh cả tể tướng, đến nỗi các khảo quan cũng bị đổi đi, Tăng Nhữ thì đổi làm chức úy Y khuyết, Túc tông lên ngôi, dần dần lên chức ngự sử trung thừa, sau với cấp bậc thị lang bộ hộ được nhận chức đồng trung thư môn hạ bình chương sự, đời Võ Tông bị giáng nhiều lần đổi đi giữ chức trưởng sử Tuần châu. Tuyên Tông lên, triệu về làm chức Thái sử thiên tử, năm Đại trung thứ hai mất, được tặng chức thái úy, tuổi 69 (780 - 848) thụy là Văn Giản, cả hai Đường thư đều có truyện. Tăng Nhữ tính tình kỳ quái thiên lệch thích ghi chép chuyện quái lạ, sách làm ra có *Huyền quái lục* mười quyển, nay đã thất lạc cả, song phần sách mà *Thái bình quảng ký* dẫn còn đến ba mươi một chương, đủ để khảo xét mà biết đại khái toàn bộ, văn tuy so với chuyện khác không có gì khác lạ lắm, nhưng Nhữ hay đưa cho người ta xem để tỏ ra là mình có làm chuyện chứ không cần ai tin. Có lẽ bọn Lý Công Tá, Triệu Ủy khen văn hay, cho nên không nói là chuyện bày đặt, còn Tăng Nhữ thì lại muốn nổi tiếng cả về việc mình tưởng tượng hư ảo, nên

thích đưa cho người ta chuyện bày vẽ của mình làm ra, chuyện *Nguyên Vô Hữu* của ông là một ví dụ.

Trong thời Bửu ứng có chàng Nguyên Vô Hữu thường cuối tháng hai là đi một mình ngoài đồng. Hôm đó trời đã chiều tối, đông bão, chàng vào một cái trại bỏ không bên đường. Chốc lát trời tạnh, trăng tà vừa lên, Vô Hữu ngồi bên cửa sổ phía bắc thình lình nghe bên hành lang phía tây có tiếng chân người đi, chưa bao lâu thì thấy trong bóng trăng có bốn người áo mũ đều khác nhau, cùng nhau chuyện trò hài hước và ngâm vịnh rất vui sướng, rồi nói: Hôm nay như đêm thu, gió trăng dường ấy, bọn chúng ta há lại không làm một bài, để cho thư thái công việc bình minh hay sao?... Họ đã ngâm to lại rõ, Vô Hữu nghe đủ hết. Một người áo mũ bình thường, người cao, ngâm trước rằng: The Tề dũi Lỗ như sương tuyết, tiếng cao trong suốt do ta phát. Người thứ hai áo mũ đen, người thấp ngắn thô kệch làm hai câu: Đêm thanh khách quý hợp vui vầy. Đèn rước sáng trưng tay cầm tay. Người thứ ba áo mũ màu vàng đã cũ nát cũng người ngắn ngùn què lệu thì ngâm: Trong lạnh tuổi kia chờ sáng mức, ra vào giày dẫu kéo trì trệ. Người thứ tư áo mũ đen cũ thì: củi đun nước trữ thổi nấu kia. Ai thì no phởn ta mệt ghê. Vô Hữu không lấy làm lạ về bốn người, bốn người cũng chẳng lạ Vô Hữu ở đó, họ lần lượt khen thưởng nhau xem cái bộ tự phụ thì tuy thơ vịnh hoài của Nguyễn Tự Tông cũng hình như không thể hơn được. Bốn người đến mờ sáng đều về chỗ ở cũ, Vô Hữu tìm xem thì trong nhà chỉ có cái cốc cũ, cây cọc đèn, cái thùng đựng nước và cái ấm vỡ mới biết bốn người là những đồ vật kia hóa ra. (*Quảng ký* 369)

Ngưu Tăng Nhữ ở trong triều cùng với Lý Đức Dự ai lập bè đảng ấy, tranh giành nhau, do Tăng Nhữ ham làm tiểu thuyết nên khách của Lý là một vị quan mới mượn tên của Tăng Nhữ làm sách *Chu tân hành kỷ* để vu vạ cho Tăng Nhữ. Sách kể Nhữ vì thi tiến sĩ không đỗ định về ở Uyển Diệp, đi qua dưới núi Cao sơn ở Ý khuyết, đêm tối lạc đường, bèn ở lại trong miếu thờ Đạo thái hậu, cùng các phi tần Hán Đường tiệc tùng chè chén, Thái hậu hỏi đương kim thiên tử là ai, thì trả lời rằng: Hoàng đế hiện nay là con cả của tiên đế. Thái hậu cười nói: Trần Bá Nhi làm thiên tử, kỳ quá, Tăng Nhữ lại làm thơ và cuối cùng chọn Chiêu Quân hầu mình ngủ, đến sáng mới từ

biệt ra đi. Sau không biết ra sao. (Thấy chép rõ trong quảng ký 489) Đức Dụ nhân sách đó làm một bản luận tội nói: Tăng Nhữ có chữ tên họ ứng với đồ sấm, sách *Huyền quái lục* của Tăng lại tạo ra nhiều câu bí ẩn, ý muốn mê hoặc lòng dân, sách *Chu Tần hành ký* thì Nhữ tự cho mình cùng các phi hậu gặp nhau trong cõi u minh, đó là muốn chứng minh rằng mình không phải có cái tướng làm bề tôi. Đến như đùa gọi vua Đức tông là Trần Bá Nhi, cho hoàng hậu của vua Đại Tông là Trần Bá thì làm cho người ta run sợ đến tận xương cốt, có thể nói là vô lễ với vua, thật là quá đáng. Nếu không phải đời Nhữ phản nghịch thì ắt hẳn là đời con cháu y, cho nên cần phải đưa tất cả bọn già trẻ họ Ngưu ra trước pháp luật, làm như thế thì việc hình phạt mới đúng, nhà nước mới được yên (thấy chép rõ trong *Lý công ngoại* tập 4). Xưa nay mượn tiểu thuyết để ám hại người ta, trường hợp này mới thật quái gở, nhất là vì thế mà đương thời câu chuyện của Đức Dụ và Vi Quân cũng không được lưu hành, chỉ có Tăng Nhữ mới có tài có tiếng lại làm đến chức to, nên những trước tác của ông được đời truyền bá mạnh, mà người mô phỏng cũng không hiếm: Lý Phục Ngôn có *Huyền quái lục* mười quyển chia ra hai môn tiên thuật và cảm ứng. Tiết Ngưu Từ có *Hà Đông ký* ba quyển, cũng chép những việc quỷ quái quái gở... và có lời tựa và nói là tục sách của Ngưu Tăng Nhữ (đều thấy trong sách *Quân trai độc thư chí* 13 của Triều Công Võ đời Tống). Họ Tiết lại có soạn sách *Tuyên thất chí* mười quyển, ghi chép những sự tích tiên quỷ linh thiêng và có nói: Trương Độc tên tự là Thanh Minh, thuộc dòng dõi của Trương Trạc và là cháu ngoại của Ngưu Tăng Nhữ (thấy trong *Trương Tiến truyện*, sách *Đường thư*), về sau người ta cũng nghĩ là “Trẻ những quen đi nên cứ nói, sống đã chảy lâu tạo thành luồng (Sách *Tứ khố đề yếu* đời Thanh, bộ *Tứ loại tiểu thuyết* gia 3) vậy thôi.

Ngoài ra còn có những tác giả khác như Tô Ngọc người Võ Công làm *Đổ dương tạp biên*, chép chuyện xưa đời Đường mà hay khen những vật quý lạ của phương xa, Tham liêu tử Cao Ngạn Hưu làm *Đường khuyết sử*, tuy đó đây có sự thực nhưng cũng nói việc thấy mộng lên tiên, những sách đó đều là truyền kỳ cả, chỉ có đôi khác ít nhiều. Đến như *Kịch Đàm lục* của Khang Biền dần dần đi vào chuyện chính trị, chuyện thời sự. *Bắc lý chí* của Tôn

Khả chuyên kể chuyện mang gái chơi ngông, Văn khê hữu nghị của Phạm Sư nặng về ca vịnh, tuy đều là những chuyện ngày một gần tình người hơn, xa sự linh dị quái đản, song chọn việc thì mới là ngộ nghĩnh, hành văn thì tràn lan dài dòng, vốn vẫn lấy truyền kỳ làm cốt. Đến thời Bùi Hưng làm sách, gọi thẳng là truyền kỳ, thì tha hồ thuật chuyện thần tiên quái đản, lại hay tô vẽ râu ria để lừa dối người xem. Hình làm chức tông sự của Hoài nam tiết độ sứ, phó đạo sứ là Cao Biền. Biền về sau thất trí càng ham việc thần tiên, cuối cùng là làm phản mà chết, cho nên sách của Bùi Hưng hoặc do xu nịnh đương thời chứ không phải tư tưởng của bản thân mà làm ra. Chuyện Nhiếp ẩn nường thắng tay diệu thủ Không như chính từ sách của Hưng mà ra (thấy trong quảng ký 194) người đời Minh lấy đưa vào kiếm hiệp truyện của Đoàn Thành Thúc giả mạo ra, nên lưu truyền được rộng đến nay còn là chuyện mà bảo là văn nhân thích nói đến.

Đoàn Thành Thúc tên tự là Kha Cổ, người Lâm Tri Tô Châu, con của tể tướng Văn Xương, do tập ấm được bổ hiệu thư lang, sau lên đến thứ sử Cát Châu, trong niên hiệu Đại trung về kinh, làm đến Thái thượng thiếu khanh, năm Hàm thông 4 (863) tháng 6 mất. *Tân Đường thư* phụ chép chuyện ông vào cuối chuyện Đoàn Chí Huyền (chi tiết thấy trong *Dậu Dương tạp trở Nam sở tân văn*). Thành Thúc nhà có nhiều hiềm lạ, lại học rộng nhớ lâu, rất giỏi sách Phật, ít ưa săn bắn, có tiếng giỏi văn đã sớm, câu cú từ ngữ lắm khi ẩn ảo uyên bác, đời lấy làm lạ và trân trọng, về tiểu thuyết có *Lưu Lăng quan hạ ký* hai quyển, nay thất lạc, *Dậu Dương tạp trở* hai mươi quyển mà ba mươi chương nay còn cả, lại có tục mười quyển nữa, quyển một các chương hoặc lục chép từ các sách hiếm ra, hoặc kể chuyện lạ, từ Tiên Phật, người, ma cho đến động vật, thật là không chép được hết, xếp theo từng loại, có khi giống các sách *Loại thư* tuy nguồn gốc có thể là từ sách *Bác vật chí* của Trương Hoa mà ra, song ở thời Đường thì còn, như trước tác của một mình làm mà thôi. Mỗi chương có đặt tên riêng, tên rất bí ẩn khó hiểu, chẳng hạn chương chép về đạo thuật thì đặt là *Hồ sử*, thiên sao chép kinh điển Phật thì đặt là *Bối biên*, thiên nói về việc tang ma chôn cất thì đặt là *Thi thuận*, thiên ghi những sự kỳ quái thì đặt là *Nặc cao ký*, lối chọn chi tiết lời văn tự thuật đến nhiều chỗ cổ kính, hay ho và mới lạ, đủ để

xứng đáng được người ta xem.

Vua Khải nhà Ân làm minh công phương Đông, vua Văn Vương làm minh công phương Tây, ông Thiên Công làm minh công phương Nam, ông Quý Trát làm minh công phương Bắc. Người chí trung chí hiếu, chết xuống đến làm chủ dưới đất, 140 năm, được truyền cho cái giáo lý hạ tiên, trao cho cái đạo lớn, người có cái đức thượng thánh, chết xuống thì nhận được sách tam quan làm chủ dưới đất ngàn năm, rồi mới chuyển tam quan đến ngũ đế, lại một ngàn bốn trăm năm nữa mới được du hành ở Thái thanh làm trung tiên trong chín cung (Quyển 2, thiên Ngọc cảnh). Lúc đầu mới sinh trời có năm tướng, một là sáng trùm cả thân hình mà không mặc áo, hai là thấy vật sinh ra ít có quả tim, ba là mặt non trẻ, bốn là ngây ngô, năm là sợ (quyển 3, thiên Bối biên). Lúc đầu mới dựng nước, thầy tu Huyền Trang qua năm nước Ấn Độ lấy kinh, người Tây vực kính trọng thầy. Thành Thúc, thầy tu nước người lùn là Kim cang tam muội, nói mình đã từng đến chùa Trung thiên, trong chùa nhiều chỗ vẽ giấy gai và thìa dưa của Huyền Trang, dùng mây màu để vào, vì Tây vực không có các thứ ấy, những ngày ăn chay thì lễ lạy các đồ đó (Nt.)

Thiên Ông, họ Trương, tên Kiên, tên tự Thích Khát, người Ngưu Dương, lúc nhỏ bất trị, không dè dặt kiêng sợ gì hết. Có lần giăng lưới bắt được một con sẻ trắng, thương nó đem về nuôi, nằm mơ thấy thiên ông họ Lưu giận dữ trách mắng, nhiều lần muốn giết, con sẻ trắng báo cho Kiên biết, Kiên đặt mọi phương kế để đợi, cuối cùng thiên ông không làm hại được, mới xuống xem, Kiên đón tiếp linh đình, rồi lên ngồi trên xe thiên ông, xe trắng rồng trắng, Kiên đưa roi quất lên trời. Thiên ông cỡi rồng còn lại đuổi theo không kịp. Kiên lên đến Huyền cung, đổi trăm quan đi, lấp chèn cửa bắc lại, phong sẻ trắng chức thượng khanh hầu, đổi nòi sẻ trắng không sinh sản ra dưới đất nữa. Lưu ông mất quyền, loanh quanh nơi núi Ngũ nhạc để giáng tai họa, Kiên lo, bỏ ông làm thái thú vùng Thái sơn, giữ sổ khai sinh khai tử (quyển 14 thiên *Nặc cao kỹ*).

Niên hiệu Đại lịch, có người sĩ nhân nhà ở Vi nam, cảm bệnh chết ở kinh, vợ là Liễu Thị ở nhà như trước. Ngày giỗ sĩ nhân, tối đến Liễu Thị ngồi ngoài trời hóng mát có con ong đại cú bay quanh đầu trước mặt, Liễu Thị

giơ quạt đập rơi xuống đất, thì ra là quả hồ đào, Liễu Thị vội nhặt lấy để trong lòng bàn tay xem chơi, quả cứ lớn lên, ban đầu bằng nắm tay, rồi bằng cái bát, đang còn kinh lạ thì đã bằng cái chậu. Rồi bỗng nhiên tách làm hai cái quạt, quay giữa không trung, tiếng bay như ong san bầy, bất thần chập khít lại nơi đầu Liễu Thị, Liễu Thị nát đầu, răng găm vào cây, còn cái vật đó thì bay đi, mãi không biết là cái quái gì (Nt.)

Sách lại có chương tên là Kinh, gom góp những chuyện vẽ hay xăm lên thân thể, chương tên là *Nhục Quốc bộ* kể cách nuôi chim ưng, cuốn tục chương sau thì có chương *Biến ngộ* để thu chép các khảo chứng, có chương *Tự Thập kỷ* chép các chùa chiền, đề cập đã rộng, nên lắm cái quý lạ, được đời thích chơi, cùng với truyện truyền kỳ như chạy đua tranh giải vậy.

Thành Thúc hay thơ, thơ cũng tối nghĩa khó hiểu, rườm rà chẳng chịt như các trước thuật khác của ông, đương thời có người họ Kỳ là Vũ Đình Quân, tên tự là Phi Khanh, người Hà Nội là Lý Thương Ẩn tên tự là Nghĩa Sơn cũng đều lấy lối đó mà khoe với nhau, gọi là ba mươi sáu thể. Ôn Đình Quân cũng có tiểu thuyết ba quyển đề là *Càn tốn tử*, vẫn thấy trong Quảng ký song lục chép sơ lược, giản đơn, không có gì hay, so với thơ phú của ông điểm lệ khác hẳn. Còn Thương Ẩn thì về tiểu thuyết không có tiếng tăm gì, nay có *Nghĩa sơn tạp toãn* một quyển, *Tân đường chí* không ghi vào, Trần Chấn Tôn trong sách *Trực trai thư lục* giữ đề 11, cho là của Thương Ẩn làm. Sách *Nghĩa sơn tạp toãn* toàn góp nhặt những chuyện quê kệch thường kể nơi thôn xóm xếp theo từng loại, tuy chỉ là vật vãnh, song cũng thấy rõ những điều uẩn trong đời không chỉ là giúp mua vui cười cợt mà thôi.

Cảnh tiêu sái:

Dưới thông dẹp đường, xem hoa lệ nhỏ, trên rêu trải chiếu. Chặt mất thùy dương, dưới hóa phơi khô, chơi xuân mang nặng, lưới căng cầm được, đi bộ cầm quân. Dựng lâu lừng vào núi, vườn quả trồng rau, dưới đàn hoa nuôi gà vịt.

Cử chỉ xấu:

Là khách mà chủi mắng lộn với chủ... Làm khách mà đập đổ ghế

bàn... Ngồi trước người lớn bà già mà hát những bài không đúng đắn. Ăn dở thịt cá rồi lại để vào mâm - trước mặt người đông mà nằm lộn ngược không bình thường - gác ngang đũa trên bát canh.

Mười điều răn:

Không được uống rượu đến say - không được làm người ta kinh sợ trong chỗ tối tăm - không được ngầm hãm hại người ta - không được một mình vào buồng người đàn bà góa - không được giở sách người ta - không được qua lại với bọn vô lại - không được mượn đồ dùng người ta tuần này sang tuần khác mà không trả (vốn còn thiếu một điều).

Khoảng niên hiệu Trung hòa có Lý Tự Kim, tự là Cổn Câu, làm chức lệnh Lâm tri, cũng hiệu Nghĩa sơn, hay thơ, lúc mới thi đỗ thường đến chơi những nhà ca hát, thấy sách *Bắc lý chí* của Tôn Khải, thì sách tạp toán hoặc giả do người đó làm, chưa chắc là của Thương Ẩn, song không có chứng cứ gì rõ ràng, chưa có thể nói dứt khoát được, về sau thỉnh thoảng cũng có người nói phỏng tác, đời Tống có người làm tục thêm nói là Vương Quân Ngọc làm, lại có tái tục nói là Tô Đông Pha làm, đời Minh có ba chuyện tục thêm của Hoàng Doãn Giao làm.

Chương 11

CHUYỆN CHÍ QUÁI VÀ CHUYỆN TRUYỀN KỲ ĐỜI TỐNG

Nhà Tống khi đã bình định thống nhất được giang sơn, thu nhận đồ tịch các nước cùng bọn thần tá các hàng vương phần lớn là những danh sĩ, có kẻ tuyên truyền lời oán giận, bèn triệu cả vào quán các, cấp lương thực phẩm hậu, giao cho tu thư, làm sách *Thái bình ngự lãm* và sách truyện ký, tiểu thuyết các loại, làm thành sách năm trăm quyển, mục lục mười quyển, đó là bộ *Thái bình quảng ký*, bộ này tháng 3 năm thứ 2 niên hiệu Thái bình hưng quốc, vâng chiếu vua soạn thảo, năm sau tháng 8 làm xong dâng lên vua, cũng ngay tháng 8 vâng sắc vua đưa vào sử quán, tháng giêng năm thứ 6 vâng chỉ vua khắc bản in (Theo sách *Tống hội điều* và biểu dâng sách) sau do ý kiến nói sách đó không phải là sách cấp thiết cho kẻ hậu học, nên thu bản in lại đem tất vào lầu Thái Thanh, vì lẽ đó người đời Tống lại phần nhiều chưa thấy. Sách *Quảng ký* chọn lựa góp nhặt rộng rãi đời Tần Hán đến đời Ngũ đại, sách này nay đã tản mát mất đi, khi nhớ đến mà khảo xét tìm thấy thì phân loại mà biên tập lại được năm lăm bộ, xem mỗi bộ có bìa đóng từng quyển ít hay nhiều, cũng biết được tiểu thuyết đời Tấn, Đường chép chuyện, chuyện gì là nhiều, đó không phải là chỗ hội tụ các tiểu thuyết xưa nay, mà cũng là bản thống kê cái cốt lõi của văn chương nữa. Sau đây cử ra những bộ tương đối nhiều, phần cuối có tập truyện ký 9 quyển là chuyện truyền kỳ đời Đường.

Thần Tiên năm lăm quyển, *Nữ Tiên* mười lăm quyển - *Dị tǎng* mười hai quyển, *Báo ǔng* ba mươi ba quyển - *Ứng nghiệm* (lãnh dũ) mười một quyển. *Số trời định sẵn* mười lăm quyển. *Mộng* bảy quyển, *Thần* hai mươi lăm quyển. *Quý* bốn mươi quyển, *Yêu quái* chín quyển, *Tinh quái* sáu quyển. *Tái sinh* mười hai quyển, *Rồng* tám quyển, *Hổ* tám quyển, *Hồ ly* chín quyển.

Sách *Thái bình quảng ký* do Lý Phổng giám tu, cộng tác có mười hai người, trong đó có Từ Huyền, Ngô Thực, cả hai đều đã làm tiểu thuyết nay còn lưu truyền. Huyền tên tự là Đình Thần người Quang Lăng, Dương Châu, làm hàn lâm học sĩ đời Nam Đường theo Lý Dục vào Tống làm quan đến chức trực học sĩ viên cấp sự trung tán kỵ thường thị, năm Thuần hóa hai có tội bị giáng làm Tịnh nam hành quân tư mã, cảm hàn bị mất ở nơi bị đốị đến, tuổi 76 (916 - 991) sự việc chép kỹ trong *Văn uyển truyện* của sách Tống sử. Huyền thời Đường trước đã viết chí quái, trải hai mươi năm mới làm xong sách *Kể thần lục* sáu quyển, khoảng gần một trăm năm mươi chuyện, đến khi làm sách Quảng ký, thường ít thu nhặt và không dám tự làm truyện bảo Tống Bạch hỏi Lý Phổng, Phổng nói: Lẽ nào có họ Từ nông nổi nói những điều không căn cứ. Khi đó Từ Huyền mới được lấy vào. Những chí văn của Huyền bình dị thô sơ, đã mất cái chất xưa của chí quái lại muốn lấy cái chất tin được để lớn lên, nhưng đến đây thì ý định đó không phần chẵn lại được nữa.

Đất Quảng lăng có bà già Vương, ốm vài ngày thì thỉnh linh bảo con rằng: Ta chết rồi sẽ sinh vào nhà Hạo Thi ở Tây Khê làm con bò, con nên chuộc lại, dưới bụng ta sẽ có chữ Vương là đúng, nói xong một chốc thì mất. Tây Khê là tên vùng đất phía tây Hải Lăng, người dân là Hạo thi, có con bò đẻ con bê dưới bụng có lông trắng thành hình chữ Vương. Người con đi tìm được, đem lượi tám chuộc đưa về (quyển 2).

Thôn Dưa có người dân chài, vợ mắc bệnh lao gầy nhom lầy sang (qua) kẻ khác, đã chết vài ba người. Có kẻ nói đem người có bệnh đóng sống vào trong quan tài, vớt đi, bệnh hết được. Không bao lâu, con gái nhà đó cũng mắc bệnh, nhà tức thì đem đóng sống vào trong quan tài, thả trôi sông, trôi đến Kim sơn, có người dân chài trông thấy lấy làm lạ, dất quan tài

lên bờ, mở ra xem, thấy người con gái còn sống đem đặt nằm trong nhà để cưới. Người con gái vốn thấy nhiều cá “man” cá “ly”, bắt ăn, lâu rồi lành bệnh, làm vợ người dân chài đến nay vẫn không ốm đau gì (Quyển 3).

Ngô Thục là con rể của Từ Huyền, tên tự là Chính Nghi, người Đan Dương Nhuận châu, lúc nhỏ tài tuần thông minh, viết văn rất nhanh, đời Nam Đường đỗ tiến sĩ, với tư cách là Hiệu thư lang trực nội sử, theo Lý Dục vào Tống, làm quan đến chức Phụng dưỡng viên ngoại lang, năm Hàn Bình thứ 2 mất, tuổi 56 (947-1002), sự việc chép trong *Văn uyển truyện* của Tống Sử, có làm sách *Giang hoài dị nhân lục* ba quyển, nay còn bản theo sách *Vĩnh lạc đại điển* mà chép ra, có chuyện hai mươi lăm người, đều nói là Hiệp khách, thuật sử cùng đạo gia đương thời, việc làm đại để là gian dối quái gở. Đường Thành Thúc đời Đường đã có một chương truyện đạo hiệp, kể việc làm kỳ dị của bọn dân kỳ quái, song chỉ có chín người, đến như đem tập hợp nhiều nhân vật hư vô, quỷ quyết, lạ, làm ra một cuốn chuyên thì thật ra mới bắt đầu từ Ngô Thục, người đời Minh sao chép lại kiếm hiệp chuyện, vốn là trước tạo giả mạo ở trong sách Quảng ký, lại cố sù thêm làn sóng, rồi những chuyện đi trên không thả gươm bay cứ ngày một thịnh, đến nay vẫn chưa suy đi cho.

Thành Ấu Văn làm lục sự tham quân Hồng châu, nhà ở ngõ xuống đường cái mà có cửa sổ, mưa tạnh lấy lợi nhưng thấy đường đi, thấy một đứa bé đi bán dép, dáng rất nghèo đói rách rưới, một thanh niên hung ác cùng đứa bé đụng vào nhau, xâu dép rớt ra giữa bùn. Đứa bé khóc đòi trả tiền, anh thanh niên quát nó mà không trả, đứa bé nói: Nhà tôi chưa có gì ăn, đợi bán dép để mua ăn, nay bán cả. Vừa có một chàng thư sinh đi qua, lấy làm thương trả tiền giá dép cho nó, anh thanh niên giận nói: thằng bé xin ăn với tôi, can dự gì đến anh? Và xỉ mắng chàng. Chàng về mặt rất giận. Họ Thành khen là có nghĩa, mời lại cùng nói chuyện rồi rất lấy làm kỳ nên lưu ở lại nghỉ, đêm đang nói chuyện, Thành tạm vào nhà trong, trở ra thì không thấy chàng đâu nữa, cửa ngoài đều đóng cả, tìm mãi vẫn không thấy. Nhưng phút chốc chàng lại trở lại đến trước mặt mà nói: khi sáng thấy một đứa ác tôi không dung tha được đã chặt đầu nó rồi, rồi quăng ra giữa đất. Thành kinh hoàng nói: người đó quả là sai trái ngộ nghịch với người quân tử

song chặt đầu người ta, máu chảy còn giữa đất, há không phải, tại sao? Chàng thư sinh nói: không hề gì, rồi lấy ra một ít thuốc, bỏ lên cái đầu, nhổ lấy tóc xoa thuốc ra, tất cả đều hóa thành nước, xong bảo ông Thành: không có gì để báo đáp ông, xin trao ông cái phép đó. Thành nói tôi không phải là kẻ sĩ phương ngoại (ngoài đời) không dám vâng theo lời dạy. Thế là chàng thư sinh vái dài rồi bỏ đi, mấy lớp cửa đều còn đóng kín mít mà không thấy chàng đâu nữa.

Đời Tống tuy rằng tôn sùng đạo Nho song dung nạp cả Thích lẫn Đạo và tín ngưỡng căn bản, vốn ở ma quỷ đồng cốt cho nên từ Từ Huyền, Ngô Thục về sau, vẫn còn nhiều chuyện biến quái sấm ứng.

Thặng dị ký của Trương Quan Phòng (tựa đề năm đầu niên hiệu Hàn Bình) *Quái dị chí* của Trương Dư Chính, *Tế dị chí* của Nhiếp Biên (tựa đề năm đầu niên hiệu Khang Định), *Lạc Trung kỳ dị* của Tần Tại Tư, *Mạc phủ yên nhân lục* của Cát Trọng Tuần (làm đầu niên hiệu Nguyên Phong) đều là loại chuyện đó, đến đời vua Huy Tông lâm theo đạo sĩ Lâm Linh Tố, dốc lòng tin thần tiên, tự đặt hiệu cho mình là đạo quân, thì khắp nước đều phụng thờ đạo giáo. Đến lúc xuống Nam, phong khí đó cũng chưa đổi, vua Cao Tông rút lui về Nam, cũng yêu thích sách thần tiên huyền ảo quái đản, thời đó có Dương Quách Thoan tên tự là Thứ Tượng, người Lịch Dương giữ chức tri hưng quốc quân làm sách *Khuê xa chí* năm quyển, Dương Hồng Mai tự là Cảnh Lô người Bà Dương, chức hàn lâm học sĩ, làm *Di kiến chí* bốn trăm hai mươi quyển, hình như thường trình dâng lên để cung cấp cho vua xem. Tất cả các sách nói trên nhìn chung đều nặng về sự việc, còn phô bày tự thuật thì ít, gần giống sách *Kê thần lục*, vì vậy mà sách *Di kiến chí* do tên tuổi tác giả, lại do số quyển nhiều mà một mình được khen thưởng lưu hành ở đời.

Hồng Mai lúc nhỏ nhớ lâu, xem rộng khắp mọi sách, song cùng hai người anh đi thi khoa bác học hồng từ thì một mình rớt, đến tuổi năm mươi mới thi đỗ, làm chức san định quan ở sở Sắc lệnh. Bố là Hạo, nhiều lần làm trái ý Tần Cối, Cối giận lấy cả Mai, đổi ra làm Thiêm sai giáo thụ Phúc châu, sau lên dần bộ lang kiêm lễ bộ, nhiều lần đón tiếp và cùng đi với sứ Kim, thường bắt bẻ họ, lại sai làm sứ giữ việc báo tin thăm hỏi, do tranh cãi về

nghe lễ triều kiến không chịu khuất mà từng bị giữ lại, sau về triều lại bị luận tội đi sứ Kim làm nhục mệnh vua nhà mà bãi chức nhưng liền đó được phục chức làm tri Truyền châu, rồi tri Cát châu, Cống châu, Vụ châu phủ Kiến minh và phủ Thiên hương, năm Thuận Hy Mai về hưu với hàm Đoan Minh điện học sĩ, rồi mất thọ tám mươi (1096 - 1175), tên thụy là Văn Mẫn, có chuyện trong Tống sử, Mai ở trong triều đình dám nói thẳng, lại thấy rộng, nghe khắp, trước thuật nhiều, Khảo đính biện chứng, đều hơn các tay thường. Di kiên chí là sách làm tiêu khiển lúc tuổi già, đến cuối đời mới khắc in, sách ghi chép đến đầu niên hiệu Thuận Hy thời thôi, trong khoảng hơn mười năm đó, làm xong, đánh số hiệu từ giáp đến quý hai trăm quyển... chỉ giáp đến chi quý, tam giáp đến tam quý mỗi số hiệu một trăm quyển, từ giáp từ ất đều mỗi số hiệu mười quyển, số quyển nhiều lần ngang với sách *Thái bình quảng ký*, nay chỉ còn tám mươi quyển từ giáp đến đinh năm mươi quyển từ chi giáp đến chi mậu và ba chi mấy quyển, lại năm mươi quyển trích sao cùng hai mươi quyển khác. Việc trước tác nhiều kỳ lạ đặc biệt như thế vốn cho sách làm ra được sự trân trọng hiếm có, mà tác giả trong lời tựa của mình cũng rất lấy làm thỏa thích đã làm được nhiều, tuổi tám mươi gấp làm cho xong, có khi năm mươi ngày làm mười quyển, có kẻ cần quấy thay đổi đôi chút chuyện cũ để được đưa vào, đến lúc đầy số quyển rồi cũng không có thời gian san bỏ và nhuận sắc lại, cứ đưa thẳng vào bản lục chép (Trần Chấn Tôn trong sách *Trực trai thư lục giải đề* 11 nói vậy). Có thể ý ông là cốt làm cho đầy, chứ không được như trong bản chuyện về ông nói “muốn xét hiểu cho thấu hết sự biến hóa của quỷ thần và sự vật”. Chỉ có điều trong năm mươi một chương tiểu tự của ông, thì mười điều là chín điều có ý mới không trùng lặp nhau. Triệu Dữ Thì đã tóm tắt đại ý của những tiểu tự đó đưa vào *Tân thoái lục* 8 của mình làm và than rằng: “không kịp được”. Tiếng than đó đối với sách *Di kiên chí* mới có thể gọi là một tiếng tri ngôn, biết lời nói, biết sách của người ta. Chuyện truyền kỳ cũng có tác giả của nó, nay *Lục chân truyện* một quyển, *Dương thoái châu ngoại truyện* hai quyển, nói ngoa là của người đời Đường làm, chính là của nhạc sử người đời Tống làm, trong *Tống tri lục* lại có ghi *Đằng Vương ngoại truyện*, *Lý Bạch ngoại truyện*, *Hứa Mai truyện*, mỗi truyện đều một quyển, thì nay đều không thấy. Sử tên tự là Tử Chính, người Nghị Hoàng phủ châu,

từ Nam Đường vào Tống làm trước tác tá lang, sau ra làm chức tri Lăng Châu, nhân dâng bài phú được triệu làm Tam quán biên tu, lại nhiều lần dâng sách mình làm, cộng lại đến hơn bốn trăm hai mươi quyển, đều là ghi chép tự thuật chuyện thi cử đồ hống, việc hiếu đễ, chuyện thần tiên, đổi làm trước tác lang, trực sử quán, chuyển sang Thái thường bác sĩ, ra làm tri Thư châu, tri Hoàng châu, lục tri Thương châu, sau khi được phục chức lại vào văn quán lần thứ hai, trông coi ty khám ma ở Tây kinh được ban thưởng ấn vàng dây đeo màu tía, năm Cảnh Đức mất, tuổi bảy mươi tám (930 - 1007) sự tích chép rõ ở *Nhạc hoàng mục truyện* trong Tống sử. Sử còn giới địa lý, có làm sách *Thái bình hoàn vũ* hai trăm quyển, tham khảo đến hơn một trăm loại sách để lấy chứng cứ trích dẫn, mà có chỗ cũng dùng lời của tiểu thuyết gia. Đến hai chuyện Lục Châu và Thái Châu, vốn là tập hợp các giả sử mà làm ra cũng lại xen vào những câu của các sách địa chí, cuối thiên có lời răn dạy, cũng như người đời Đường mà còn nghiêm nghị lạnh lùng hơn, đó là thói quen lâu đời của người đời Tống, chuyện Lục Châu là một ví dụ rõ nhất.

Triệu Vương Luân loạn luân, Tôn Tú sai người tìm Lục Châu... Sùng thành linh bảo: Nó đừng yêu nữa. Lục Châu không tìm được đâu. Tú từ đó nói với Luân tru di Sùng ba họ. Linh đi bắt, chợt đến, Sùng bảo Lục Châu rằng: ta nay vì người mà mắc tội. Lục Châu khóc mà thưa: xin liều chết trước mặt ông. Nói rồi nhảy từ trần lầu xuống mà chết. Sùng bị giết phơi thây ở chợ phía đông, người đời sau gọi đó là lầu Lục Châu. Lầu ở làng Bộ canh gần suối Dịch tuyền. Suối ở đông thành vua. Lục Châu có con người em là Tống Vi, có nhan sắc, giỏi thổi sáo, sau vào trong cung vua Minh đế đời Tống. Nay ở Bạch châu có một nhánh sông, từ núi Song giác ra, hợp với sông Châu giang gọi là Lục châu giang, cũng như ở Qui châu có Chiêu Quân thôn, Chiêu Quân trường, ở ngô có hang Tây Thi, ao son phấn, là lấy nơi người đẹp ở mà đặt tên. Lại có giếng Lục Châu, dưới chân núi Song giác, nhưng người già cả nói rằng: lấy nước giếng đó mà uống thì sinh con gái phần lớn là đẹp, xóm làng có người hiểu biết cho rằng sắc đẹp vô ích cho đời, nên lấy đá lớn lấp lại, từ đó hễ ai sinh gái đẹp lại đoan trang thì bảy lỗ bốn chân tay thường không đầy đủ vẹn toàn. Lạ thay, núi sông lại sinh ra

thế... Đời sau nhà thơ đề vịnh gái ca múa, đều lấy lục châu làm tên gọi... Duyên cố vì sao vậy? Ấy là vì một cô hầu gái, không học hành gì mà biết cảm ơn chủ, cảm phần rồi không nghĩ gì đến bản thân mình, chỉ khi lắm liệt thật đủ khiến cho người sau ngưỡng mộ ca ngợi mình vậy. Đến như những ai hưởng lộc hậu, ăn trộm được ngôi cao, mà quên đi tính nhân nghĩa, ôm lòng tráo trở phản phúc, chiều bốn mai ba, chỉ biết chuộng lợi, tiết tháo lại không bằng một người đàn bà, há không thấy thẹn sao? Nay làm chuyện này, không phải chỉ thuật suông chuyện đẹp để ngăn lấp nguồn tai họa mà cũng là muốn răn bảo bọn vong ân bội nghĩa nữa đấy...

Về sau có người đất Tiều thuộc Bạc Châu là Tần Thuần, tên tự là Tử Phục (có chỗ nói Tử Lý) cũng viết chuyện truyền kỳ nay còn bốn chương, thấy chép trong *Thanh tảo cao nghị tiền tập* cùng biệt tập của Ngự phủ đời Bắc Tống làm, văn chương có ý theo mẫu mực đời Đường song ý lời đều rối rắm kém cỏi, tình cờ mới thấy một vài câu hay như điểm tô cho một đoạn. Lại đại để là mượn sự tích xưa, không dám đề cập đến việc gần, đó là tập quán của lớp sĩ nhân câu nệ cẩn thận, Nhạc sử cũng thế. Một chuyện tên là *Triệu Phi Yến liệt truyện* lời tựa nói là được trong khung góc tường vỡ của nhà họ Lý, chép chuyện của Hoàng hậu họ Triệu từ khi vào cung cho đến khi tự treo cổ, lại do âm báo hóa là con rùa lớn, trong lời văn có câu: Thanh lang ngồi sáng, Chiêu nghi ngồi ở giữa giếng, ba thước suối lạnh đầm ngọc sang. Thế là người đời Minh la to là sách xưa thực sự, cũng giống như người bây giờ làm về sách *Tập sự bí tân* đời Hán của Dương Thận làm giả ra, chuyện *Phi Yến ngoại truyện*, nói là của Linh Huyền làm cũng loại đó, chỉ khác ở chỗ lời văn hay hơn mà thôi. Chuyện thứ hai *Lý Sơn ký*, chuyện thứ ba *Ôn Truyền ký* nói rằng Trương Du thi không đỗ trở về Thục, đến dưới chân núi Lý Sơn, tìm người cổ lão hỏi những chuyện dật sự về Dương Phi, người cổ lão kể cho nghe tất, sau Du lại đi qua Lý Sơn, gặp Dương Phi sai sứ ra đón, hỏi việc nhân gian, lại ban ơn cho cùng tám, hôm sau sai chân thi lại đưa về. Kinh hoàng dậy như tỉnh giấc mơ, bèn đề thơ ở trạm, rồi rảo bước ngoài đồng, có đứa trẻ chăn trâu bò trao cho bài thơ họa lại, bảo là của một người đàn bà nhờ đưa hôm trước. Chuyện thứ bốn là *Đàm ý ca truyện* thì là truyện đương thời thường kể. Ý Ca vốn con nhà lương thiện, lưu lạc

đến Trường sa làm con gái ca xướng cùng người dân Nhữ Châu là Trương Chính tự do, mẹ ép phải cưới người khác, được hơn ba năm vợ chết, lại vừa có khách từ Trường sa đến, trách Chính phụ tình, và kể việc Ý Ca hiền như thế nào, Chính tự nghe thì đi đón về. Về sau sinh con đỗ tiến sĩ, Ý Ca trọn đời làm mệnh phụ, vợ chồng giai lão, cháu lớn con đàn, ấy vậy chuyện đó là làm theo *Hoắc Tiểu Ngọc truyện* của Tưởng Phòng nhưng kết thúc bằng cảnh đoàn viên sum họp mà thôi.

Chẳng biết các tác giả nào làm *Đại nghiệp thập di ký* hai quyển đề là Nhan Sư Cổ đời Đường soạn, *Thập di ký* còn gọi là *Tùy di lục* nữa. Lời bạt nói là khoảng niên hiệu Hội Xương được trên gác chùa Ngõa Quan Thượng Nguyên, tên cũ là Nam Bộ Yên Hoa Lục, tức là di cảo của Tùy thư, tiếc sách để khuyết mất nhiều chỗ nên bổ sung vào để lưu truyền, cuối cùng không ghi tên, có thể cũng là do một tay người làm ra chuyện này viết. Chuyện viết từ khi Dương Đế định đi tuần hành giang đồ, giao cho Ma Thúc Mưu mở đường sông, tiếp đến chép những việc buồn tuồng trên đường đi, lại việc xây cất lâu mê, biếng nhác hoang dâm trong đó, con người mà người ta ngưỡng vọng lúc đó, lại cho là Đường Công, Vũ Văn, Hoa Cập toan mưu làm loạn, xin thả quan nô ra, chia trực trên dưới, chiếu vua đồng ý cho làm “Thế là có vụ biến đốt bản thảo”. Chuyện tự thuật hơi xáo mé, nhiều điều thất thiệt, song lời văn sáng đẹp, tình ý cũng có lúc mềm mại uyển chuyển khả quan.

... Trường An đem dâng con gái người đánh xe là Viên Bửu Nhi, tuổi mười lăm, lưng eo thắt xuống, lanh lợi duyên dáng dễ yêu, vua quý đặc biệt. Bấy giờ Lạc Dương Tiểu Hoa dâng hoa nghênh liên, nói là hái được trong hốc núi Trung sơn, người ta không biết tên, người hái được thấy lạ đem dâng. Vua sai Bửu Nhi cầm lấy và gọi là ty hoa nữ. Lúc đó Ngũ Thế Nam ở bên vua thảo sặc sai chỉ huy đánh quân. Liễu, Bửu Nhi chăm chú nhìn Thế Nam. Để bảo Nam rằng: Xưa kể chuyện Phi Yến múa được trên lòng bàn tay, thường nghĩ đó là bọn Nho sĩ làm văn tô vẽ thêm, chứ con người ai lại làm được thế. Đến nay được Bửu Nhi mới sáng rõ việc xưa, song còn ngậy ngô mà si tình lắm, nay chăm chú nhìn người, người là người có tài, có thể trêu nàng xem. Thế Nam vâng lệnh làm bốn câu tứ tuyệt rằng: “Học vẽ nhà

vàng dở chưa thành, xuôi vai rũ áo quá si tình. Do si mà được đức vua chuộng. Cầm mãi hoa đi cạnh kiệu khênh, vua rất lấy làm thích.”

Vua hôn mê, nghiện rượu càng nặng, nhiều phen bị tà ma làm cho lâm lỗi, thường chơi chỗ đài đá gà nhà Ngô long, mơ màng thấy Trần hậu chủ gặp nhau... Vũ nữ có đến vài chục xếp hàng châu hai bên tả hữu, trong bọn họ có một người đẹp nhất, đế thường nhìn. Hậu chúa nói: Điện hạ không quen người ấy sao? Đó là Lê Hoa đấy. Mỗi lần nhớ lại lúc trước núi. Đào Diệp cỡi thuyền chuyển lên phương Bắc, lúc đó Lê Hoa rất giận vừa tựa gác Lâm Xuân thử ngòi bút lông thỏ tía của họ Đông Quách, viết lên lụa hồng bóng loáng, làm câu bích nguyệt đáp lại chúc lệnh sông Giang, lời chưa xong thì thấy Hàn Cầm Hồ nhảy lên con ngựa con màu trắng xanh, chỉ huy muôn binh lính xông thẳng vào người ta, không còn ai đi lại nữa, như vậy cho đến ngày nay, nói xong một lát thì lấy chiếc bầu lương biển có hoa văn màu lục rót rượu nếp hồng mới cất mời Vua, Vua uống rất vui, nhân mời Lê Hoa múa điệu Ngọc thu hậu đình hoa, Lê Hoa từ chối nói bỏ đã lâu năm, từ trong giếng mới lên, lưng cổ chân tay còn cứng không còn được cái tư thái trước kia, Vua đòi hỏi hai, ba lần mới dậy, múa trọn một bài, Hậu Chúa hỏi Vua: Triệu Phi so với người này ra sao. Vua trả lời: Xuân Lan Thu Cúc, mỗi thứ mạn mà một thời. Lại có *Khai hà ký* một quyển, kể chuyện Na Thúc Mục vâng chiếu vua Tùy Dương Đế mở sông Hà, tàn ngược với dân, đào mồ mả, nhận hối lộ, ăn thịt trẻ con, việc bị phát hiện và giết chết, *Mê Lâu ký* một quyển, kể chuyện Dương Đế khoảng cuối đời buông tuồng hoang dâm, nhân Vương nghĩa tha thiết can ngăn, ở một mình được hai ngày, cho là không vui nên lại trở vào trong cung, sau nghe lời trẻ em ca hát những lời đồng dao, tự biết là vận mệnh đã đến lúc cùng tàn. *Hải Sơn ký* hai quyển thì quyển đầu kể hết lúc mới giáng sinh, sau kể đến các việc xây cất, thầy ma quỷ đi tuần hành giáng đô, hỏi Vương nghĩa cho đến lúc bị hại, không việc gì không ghi chép đầy đủ. Cả ba cuốn cùng với *Tùy Lục đế* giống nhau, song tự thuật kỹ và rõ hơn, có chỗ xen vào những câu văn, lời nói thôn dã, văn chương khiêm tốn. Sách *Hải Sơn ký* đã thấy trong sách *Thanh tảo cao nghị*, đó là của người thời Bắc Tống làm, phần thêm sau cũng vậy, bản hiện nay có phần đề là Hàn Ác đời Đường làm, đó là do người

đời Minh cho bậy vào. Việc các vua chúa buông tuồng, người đời không muốn gặp phải, nhưng lại thích kể, người đời Đường thích kể chuyện Minh Hoàng, đời Tống thêm vào Tùy Đường, La Quán Trung đời Minh lại làm *Tùy Đường chí truyện*... qua đời Thanh có Giả Nhân Hoạch lại tăng thêm và đổi tên là *Tùy Đường diễn nghĩa*.

Mai Phi truyện một quyển cũng không đề tên người làm, có thể do thấy các bức vẽ đương thời có hình người con gái đẹp cầm cành mai và gọi là Mai Phi, nói phiếm ra là người đời Đường Minh Hoàng, rồi sáng tác ra chuyện này, nói là họ Giang tên Thế Bình vào cung rồi vì Thái Chân ghen mà bị đuổi ra, vừa gặp loạn An Lộc Sơn, chết trong binh hỏa. Có lời bạt, nói sơ qua rồi truyện viết ra năm Đại Trung 2 tại nhà Chu Tuấn Độ ở Vạn Hạng, nay chỉ Diệp Thiếu Uẩn với mình là có, cuối lời bạt không ký tên, chắc cũng là người viết truyện tự cho là đồng thời với Diệp Mộng Đắc, thế thì sách phải làm trước sau lúc qua sông xuống Nam. Bản hiện nay có khi đề là của Tào Nghiệp đời Đường làm, cũng là điều đời Minh thêm bậy vào.

Chương 12

THOẠI BẢN ĐỜI TỔNG

Văn nhân cả một đời Tống viết chuyện chí quái, dã bình dị thật thà lại thiếu văn vẻ, truyện truyền kỳ của họ lại thường là mượn chuyện xưa tránh chuyện gần, bắt chước cổ thì còn xa chưa kịp, rốt cuộc là không có được những sáng tác do chính một mình làm. Tuy vậy ở khắp nơi thành thị cũng như nông thôn lại có một nền văn nghệ khác mới được xây dựng. Nền văn nghệ dùng lời tiếng thông tục mà viết sách, tự thuật truyện cũ, gọi là Bình thoại, tức ngày nay gọi là tiểu thuyết Bạch thoại. Song dùng Bạch thoại mà làm sách, thực không phải đến dân đời Tống mới có. Khoảng giữa đời Quang Tự nhà Thanh, những kinh sách cất giấu trong động Ngàn Phật ở Đôn Hoàng bắt đầu lộ ra, nói chung là đưa về Anh, Pháp, cả Trung Quốc cũng nhất nhạnh của còn lại đưa cất giữ trong Đồ thư quán ở kinh đô. Những kinh sách trong động là của đời đầu Tống cất giấu, kinh Phật là nhiều nhưng cũng có vài ba loại chuyện xưa bằng thể văn thông tục, đó là những sách của người cuối Đường và đời Ngũ đại sao chép lại, như sách *Đường Thái Tông nhập minh ký*, sách *Hiếu tử Đồng Vinh truyện*, sách *Thu Hồ tiểu thuyết*, sách này hiện để trong bác vật quán của Luân Đôn sách Ngũ Viên lập Ngô cổ sự, sách này thì là của nhà trọ ở Trung quốc, tiếc chưa được mắt thấy, không lấy gì mà biết được nó quan hệ với tiểu thuyết đời sau như thế nào. Cứ theo ý mình mà ước đoán thì thể văn thông tục thịnh lên là do hai lẽ: một là để mua vui, hai là để khuyến việc thiện, mà lẽ khuyến thiện nay là chủ yếu, cho nên những sách kể trên, phần lớn là có liên quan đến

việc khuyên răn cả. *Đồ thư quán* ở kinh đô có *Duy ma*, *Pháp hoa*, cho đến sách *Thích ca bát tướng thành đạo ký*, sách *Mục Liên nhập địa ngục cổ sự* bằng văn thông tục.

Sách *Đường Thái Tông nhập minh ký* đầu đuôi khuyết mất cả, chỉ còn phần giữa, là kể chuyện Thái Tông giết Kiến Thành Nguyên cát rồi người đương sống mà hồn bị xét hỏi, do kiêng kỵ việc đương triều nên đến đời Tống mới thịnh hành, tuy dính líu đến Thái Tông song cũng cứ xem như người đời Đường làm, văn trích như sau:

Quan tòa buồn bực không yên, không dám nói tên họ. Để nói “Khanh lại gần đây”. Nói nhẹ nhẹ: “Họ Thôi, tên tự Ngọc” “chắc là trẫm quen biết”. Nói xong, sai người dẫn đến cửa viện, sai người tâu rằng: “Kính mong bệ hạ hăng đứng đó để thần vào báo quan tòa đến mau”. Nói xong, bảo người mới đến, đi đến chỗ tiếp mà lạy, lạy xong. “Thưa quan tòa, vâng ý đại vương, hồn sống của vua Thái Tông đến rồi, xin đưa ra quan tòa xét hỏi, hiện đang ở ngoài cửa, chưa dám dẫn vào”. Quan tòa nghe nói kinh hoàng đứng dậy...

Đời Tống có sách *Lương Công cửu gián* một quyển (trong sách *Cử lễ cư tòng thư*) văn cũng chất phác thô lậu như chuyện trên, kể chuyện Võ hậu phế truất thái tử xuống làm Lư Lăng Vương, muốn truyền ngôi cho cháu là Võ Tam Tư, Địch Nhân Kiệt đến can chín lần Võ Hậu mới cảm và tỉnh ngộ lại, triệu về lập làm thái tử lại. Đầu sách có bài “Văn bia về Lương Công, tướng nhà Đường “của Phạm Trọng Yêm làm lúc bị giáng chức đổi đến *Phiên dương*, như vậy là sách phải ra đời năm Minh Đạo 2 (1033) về sau.

Lời can lần thứ 6

Tắc Thiên ngủ đến canh ba, lại được một giấc mộng nữa thấy mình cùng Đại la thiên nữ đánh cờ, ván cờ có một con cú xoay chiếu tướng, Tắc Thiên thua liền mấy ván, thế rồi tỉnh dậy. Hôm sau ra thị triều, đem hỏi các đại thần mộng như vậy là nghĩa thế nào? Tể tướng Địch Nhân Kiệt tâu: Thần đoán mộng ấy là chẳng lành cho nước - Bệ hạ mộng thấy cùng Đại la thiên nữ đánh cờ, ván cờ có một con cú xoay chiếu tướng, Bệ hạ thua liền

mấy ván: thế nghĩa là trong ván cờ có người con, không được ở cái ngôi của mình, cứ xoay chiều tướng mất cái mình làm chủ. Nay thái tử Lư Lăng Vương bị đày ra Phong Châu xa nghìn dặm, ấy là nói trong ván cờ có người con không được ở cái ngôi của mình, mới xui ra có giấc mộng như thế. Thần xin đưa ngôi thái tử lại, mau chóng lập Lư Lăng Vương lên làm vua dự bị, chứ lập Võ Tam Tư thì rốt cuộc là không xong.

Như cứ xem trong tiểu thuyết thông tục của người đời Tống hiện còn thì cũng với cái ý khuyên răn, cuối đời Đường có hơi khác mà chính là từ trong thuyết thoại trong tạp kịch mà ra. Thuyết thoại là gì? Là kể miệng chuyện xưa nay nghe ra kinh lạ, không bình thường, cách kể miệng đó thời Đường đã có rồi, Đoàn Thành Thúc trong sách *Dậu dương tạp trở* (tập tục thêm 4 thiên Biến ngộ) có nói: “Cuối niên hiệu Thái Hòa, nhân ngày sinh nhật của người em, tôi có xem tạp kịch, có vở tiểu thuyết của người kẻ chợ, gọi Biến Thước là Biến Thác, theo thanh thượng của hai chữ ấy... Lý Thương Ẩn trong *Kiểu nhi thi* tập một cũng có nói: “Hoặc đùa râu Trương Phi, hoặc cười Đặng Ngải nói lấp” thì hình như bấy giờ đã kể chuyện Tam quốc, song chưa rõ. Nhà Tống đóng đô ở Biện. Nhân dân yên vui, của cải phong phú, việc chơi bởi giải trí rất nhiều, ở thành thị cũng như ở nông thôn có những trò văn nghệ lật vặt, trong đó có lối thuyết thoại, người làm nghề đó gọi là người thuyết thoại. Người thuyết thoại cũng có kể chuyên môn, Mạnh Nguyên Lão trong sách “*Đông kinh mộng hoa lục 5*” đã có nêu ra các mục chuyên môn đó là thuyết hợp sinh, thuyết hôn thoại, thuyết tam phân, thuyết ngũ đại sử. Sau khi qua sông xuống Nam rồi, phong cách đó cũng chưa thay đổi, theo sách *Mộng lương* của Ngô Tự Mục chép thì có bốn khoa như sau:

Thuyết thoại, gọi là thiệt biện (dùng lưới mà biện bác, biện luận) tuy có con số bốn nhà song mỗi nhà có môn đỉnh, hay của nhà riêng.

Tiểu thuyết mà tên gọi là Ngân Tự nhi gồm những chuyện biến thái, phát tích, bóng can hay dùi gậy, phác đao hay đánh đao, công án hay việc xét xử, truyền kỳ linh quái yên phẩn... đàm luận xưa nay, như nước chảy.

Đàm kinh tức diễn thuyết về sách Phật, thuyết tham thỉnh tức việc

khách chủ đi tu, giác ngộ theo đạo... Lại còn thuyết hồn kinh nữa.

Giảng sự tức giảng giải sách Thông giám và các việc chiến tranh thịnh suy trong sử, sách các đời Hán Đường.

Hợp sinh với khởi kim, tùy kim đều gần giống nhau, mỗi môn chiêm nghiệm một việc.

Quán Viên Nai Đắc Ông trong sách *Đô thành kỷ thắng*, thuật những việc thịnh sự ở Lâm An cũng nói thuyết thoại có bốn nhà là: tiểu thuyết, thuyết kinh, thuyết tham thỉnh, thuyết sử và hợp sinh nhưng chia tiểu thuyết ra làm ba loại tức: một là ngân tự nhi như yên phần, linh quái và truyền kỳ, thuyết công án đều là chuyện đánh đấm, cầm đao vác gậy đuổi nhau, cùng chuyện phát tích biến thái, thuyết thích kỳ nhi tức chuyện quân lính ngựa bên trống chiêng. Sách của Chu Mật (*Vô lâm cụ sự* 6) nói bốn khoa lại hơi khác: diễn sử, thuyết kinh hồn kinh, tiểu thuyết thuyết hồn thoại, vô hợp sinh, lại nói tiểu thuyết có hùng biện xã (quyển 3) thì lúc đó người thuyết thoại không phải chỉ ở nhà mình mà còn tập hợp nhau lại để rèn luyện kỹ năng nữa.

Công việc thuyết thoại tuy mỗi người thuyết thoại đều phải vận dụng cái khéo léo hay ho của mình, tùy lúc mà sinh ra và phát huy lên nhưng vẫn có sách vở để làm chỗ tựa, sách vở đó gọi là thoại bản. Sách *Mộng lương lục* 20, dưới mục ảnh hý có tên: Thoại sách cùng sách giảng sử gần giống nhau, đại để là nửa thật nửa giả, lại dưới mục tiểu thuyết giảng kinh sử có ghi: tiểu thuyết là giảng được chuyện một triều, một đời trong chốc lát kết hợp lại. Sách *Đô thành kỷ thắng* cũng nói thế, chỉ kết hợp lại nói ra “đề phá” mà thôi. Cho nên biết rằng cái thể giảng sử là lần lượt kể sự thực lịch sử mà xen lộn vào những hư từ, còn thể tiểu thuyết là kể một chuyện cũ mà lập tức biết kết cục, sách *Ngũ đại sử bình thoại* và sách *Thượng phúc tiểu thuyết*, những bản nát tàn còn lại đều là thực dòng ba loại thoại bản đó, thể thức của chúng chính là như thế.

Sách *Tân biên ngũ đại sử bình thoại* cũng là một sách giảng sử. Mạnh Nguyên Lão gọi là thoại bản để thuyết Ngũ đại sử cũng là gần như vậy. Sách nói về mỗi đời Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu đều hai quyển,

quyển nào cũng bắt đầu bằng thơ, tiếp đến là chính văn, song lại cũng kết thúc bằng thơ. Chỉ có *Lương sử bình thoại* là bắt đầu từ buổi khai thiên lập địa, tiếp đến là tóm tắt việc các triều đại dấy lên và mất đi như thế nào, lập luận khá kỳ quặc và cũng có xen vào thuyết nhân quả quá đỗi gần gũi.

Rồng tranh hổ chiến mấy xuân thu, Ngũ đại Lương, Đường, Tần, Hán, Chu; suy thịnh ngọn đèn dần đỏ tắt, đổi vua biển nước tựa đèn cù. Từ thuở hồng hoang đã chia đôi, phong khí bắt đầu mờ, vua Phục Hy bắt đầu vạch ra tám quẻ, rồi văn tự sách vở sinh ra, vua hoàng đế rũ áo xiêm mà thiên hạ thái bình thịnh trị... Thời đó chư hầu đều đã thuận tòng, chỉ có Xuy Vu cùng Viêm đế hung bạo xâm lược các nước, không phục tùng đức hóa của nhà vua. Hoàng đế mới dẫn đầu chư hầu, dấy binh trăm họ giết chết Viêm đế, bắt sống Xuy Vu, muôn nước được bình định. Cái ông Hoàng Đế đó dẫn đầu cho việc giết chóc dạy thiên hạ đời sau sử dụng can qua... Vua Thang đánh vua Kiệt, vua Võ vương đánh vua Trụ đều là bọn tôi mà giết vua, cướp đoạt thiên hạ của nhà Hạ, nhà Ân. Vua Thang, vua Võ làm cách đó là không hợp, sau đến lúc nhà vua suy vi, chư hầu lớn mạnh lên, đời Xuân Thu hai trăm bốn mươi năm, trong khoảng đó tôi giết vua cũng có, con giết cha cũng có, Khổng Tử là thánh nhân thấy ba cương chìm đắm, chín phép nát tan, cầm cây bút thẳng kia, làm ra một cuốn sách gọi là sách *Xuân Thu*, khen ngợi người kia thiện, trách phạt người nọ ác. Bởi vậy Mạnh Tử nói: “Khổng Tử làm sách *Xuân Thu* mà bọn loạn thần tặc tử sợ”. Chỉ có vua Hán Cao Tổ, họ Lưu tên Quý, lấy thiên hạ của vua Tần Thủy Hoàng mà không dùng đến mưu soán nghịch giết người cướp ngôi.

Tay cầm ba thước kiếm long tuyền. Cướp hết trung nguyên bốn trăm châu. Lưu Quý giết xong Hạng Vũ, dựng nước đứng tên là Hán, chỉ vì nghi ngờ các công thần như bọn Hàn Vương Tín, Bành Việt, Trần Hy mà họ không tránh khỏi tru di ba họ. Ba người công thần đó ôm khổ ngậm oan, kiện với thiên đế, thiên đế thương ba người công thần vô tội mà bị giết, bảo họ xuống thác xin làm ba kẻ hào kiệt. Hàn Tín xuống nhà họ Tào, thác sinh làm Tào Tháo, Bành Việt xuống nhà họ Tôn thác sinh ra làm Tôn Quyền, Trần Hy xuống nhà một tôn thất kia thác sinh ra làm Lưu Bị. Ba người đó chia thiên hạ ai có phần nấy... Ba nước đều có sử cả, ấy gọi là *Tam quốc chí*.

Từ đây cho đến nhà Tấn với nhà Đường, đến Hoàng Sào nổi loạn, họ Chu dựng nước, quyển hạ nay không có, tất đến nhà Lương mất. Cả cuốn sách tự thuật, rườm rà giản dị không đều nhau, nói chung những việc lớn, không có phát huy thêm gì, bỏ qua chuyện nhỏ, tô điểm nhiều vào, dùng văn đối biện ngẫu, dân chúng thơ ca, lại xen bông đùa, để rộng cười cợt, như đoạn Hoàng Sào thi hồng cùng với bọn Chu Ôn làm kẻ cướp, toan đi cướp nhà Mã Bình Sư ở Hầu gia trang mà bình phẩm cảnh trên đường đi là một ví dụ:

... Hoàng Sào nói: Nếu đi cướp cha kia mà em không hạ thủ được nó thì anh ta có một lưỡi kiếm tang môn, đó là của Trời cho Sào đây, ta đưa kiếm chỉ một cái, xem nó là người thế nào chắc là nó không chống cự nổi. Nói vậy rồi đi, đi qua một ngọn núi cao, tên gọi là chớp treo dao, đi hết nửa ngày đường mới xuống hết núi. Thật là một tòa núi đẹp chân quanh góc đất, đỉnh sát chân trời, xanh xanh cây cối quét tầng mây, đườn đuột Tùng kia chèn sông Hán, gà núi cùng gà trời cùng đá, sông trời với nước trôi chung, dòng thác cao xối nước đang cùng mưa, đá quái lẫn mây đầu cùng lẫn, làm gì mà thấy núi cao được bao năm xô đẩy một tiêu phu. Đến nay chưa hề xô nó được. Bọn anh em Hoàng Sào bốn người qua được tòa núi cao đó, trông thấy Hầu gia trang kia. Một tòa trang xá đẹp chỉ thấy đá chạy mây bay, núi liền khe nước, bên bờ liễu rủ, gió đùa vương vấn cầu khe, cạnh lối hoa rừng, lấp lánh rậm rì che bến nước. Bốn anh em nhà kia thấy trang xá còn xa khoảng năm dặm, trời đã xế chiều, cùng nhau vào một lùm cây ngủ, đợi mặt trời lặn thật sẽ kéo đến nhà họ Mã.

Sách *Kinh bản thông tục tiểu thuyết* không biết nguyên có mấy quyển, nay chỉ còn quyển mười đến quyển mười sáu, mỗi quyển một chương là: chương Triệu Ngọc quan âm, chương Bồ Tát man, chương Tây sơn nhất quật quỳ, chương Chí thành trương chủ quản, chương ảo tưởng công, chương Thác trẩm Thôi Hình, chương Phùng Ngọc Mai đoàn viên v.v... chương nào cũng đủ cả đầu đuôi, có thể xem trong chốc lát, cùng với của Ngô Tự Mục chép giống nhau, tư liệu dùng phần lớn lấy ở thời gần đây, hoặc chọn từ loại tiểu thuyết khác ra, cốt để mua vui, thỉnh thoảng xen vào lời răn bảo, lối viết thì mười phần đến chín phần là trước tiên nói chuyện

lung tung hay một sự việc gì khác, sau mới kết luận lại đi vào chuyện thật sự. Chẳng hạn chuyện *Tiểu ngọc quan âm*, cốt là muốn thuật việc. Hàm Ân quân vương đi chơi xuân thôi mà bắt đầu là đưa vào đến hơn mười bài thơ xuân đã:

Sắc núi trời trong cảnh đẹp thay, ấm lên rồi, nhận đầy bãi sa: ruộng đồng dần thấy hoa dâng mắt, đường nam lau cỏ tựa nhú mầm ra. Đê rộng liễu, án chưa nhòa, tìm thơm leo núi đến nhà xa, đầu thùng mấy gốc mai hồng rụng, hạnh nở đầu cành chưa nở hoa.

Bài từ *Giá cồ thiên* đó, tả cảnh trí mạnh xuân tháng 3, lại chưa hay bằng bài từ trọng xuân sau đây.

Cả ba bài từ trên, lại không bằng khi Vương Minh Công thấy hoa từng cành từng cành gió thổi rơi xuống đất, nguyên mùa xuân đi về là do gió đông đưa cả, có thơ rằng:

Ngày xuân gió xuân có khi tốt. Ngày xuân gió xuân có khi xấu. Không có gió xuân hoa không nở. Hoa nở lại rơi là vì gió. Tô Đông Pha nói: không phải gió đưa đứt xuân đi mà là mưa xuân đưa xuân đi hay về. Có thơ rằng:

Trước mưa vừa thấy hoa còn nhụy

Mưa tạnh dưới lá nào thấy hoa

Ông bướm rộn bay qua giậu mất

Nghĩ rằng xuân sắc ở nhà kia.

Tần Thiệu Du nói: cũng chẳng tại gió, cũng chẳng tại mưa mà là tại tơ liễu hay đưa xuân sắc đi, có thơ rằng: Tháng ba bông liễu nhẹ bay mất. Lơ lửng phơ phất tiễn xuân đi. Một vật vô hình hoa là thế - Cái hương đông bay cái hướng tây.

Vương Nham Tẩu nói: cũng chẳng phải tại gió, cũng chẳng phải tại mưa, cũng chẳng phải tại tơ liễu, cũng chẳng phải tại bướm, cũng chẳng phải chim đỗ quyên, cũng chẳng phải tại chim én, ấy là vì chục xuân quang đã qua rồi nên xuân nó đi thôi. Có thơ rằng:

Oán gió trách mưa chuyện trái đời
Không mưa không gió cũng xuân thôi
Hồng bên má nhạt mai xanh quất
Vàng khó miệng phai én nhỏ bay
Hồn thực cuộn vào hoa bóng khuất
Tầm Ngô cố gặm lá dâu gầy
Chỉ buồn xuân mất tìm đâu nữa
Giang hồ nữ phụ áo tơ này

Người thuyết thoại sao cứ đưa ra những bài tự nổi xuân đi? Khoảng niên hiệu Thiệu Hưng, ở nơi hành tại của vua, có một người, người phủ Diên An, thuộc Điện châu miền Quan tây, vốn là Hàm An quận vương, làm tam trấn tiết độ sứ lúc đó sợ xuân đi, nên ngài định đem gia quyến khá đông đi chơi xuân...

Lối vào chuyện đó, so với giảng sử bắt đầu kể chuyện khai thiên lập địa có hơi khác, đại để là ngoài thơ từ cũng có dùng chuyện cũ có thực, hoặc lấy chuyện giống nhau, hoặc lấy chuyện không giống mà phần lớn là thời sự. Lấy chuyện không giống thì do phần mà vào chính, lấy chuyện giống nhau thì có cặn có sâu, bỗng hai mặt giảng kéo nhau, chuyển vào chuyện định kể, cho nên chuyện mới bắt đầu kể mà chủ ý của nó đã rõ rồi, lối mà đại đặc ông gọi là đề phá, Ngô Tư Mục gọi là niết hợp, chẳng qua là nói lối ấy thôi. Đại phạm nửa trên của chuyện, gọi là đặc thắng đầu hồi, đầu hồi còn gọi là tiền hồi, tức hồi trước, hồi đầu do đám người nghe thuyết thoại có nhiều quân dân, cho nên mào đầu bằng một lời tốt lành là đặc thắng, không phải vì vào giảng trong cung mà nói thế. Đến như cách thức viết văn thì so với *Ngũ đại sử bình thoại* phô bày chuyện vặt có nhiều chỗ giống nhau trông rõ ràng hơn. Chuyện *Tây Sơn nhất quật quý*, thuật việc tú tài họ Ngô, từ lần đầu bị quý ám đến lúc gặp không một ai là không phải quý, chắc là gốc ở chuyện Phan Sinh trong sách *Quý đồng* (4) mà miêu tả khúc chiết, chi tiết hơn lên mà thôi, như vậy thì các chuyện Diễn nghĩa đời Minh Thanh

cũng không có gì hơn được, chẳng hạn như chuyện *Đính hôn* sau...

... Sau khi mở trường có hơn một năm, tôi nghiệp những nhà ở đường phố đó đều đem bọn trẻ nhỏ nhờ ông ta dạy, có những người chạy cho mau nữa kia. Hôm đó đang chính lúc ông ta ngồi trong trường giảng sách thì chỉ nghe tiếng lác trên chiếc màn che bằng vải xanh rung, để cho một người vào, thầy giáo họ Ngô nhìn xem là ai; thì ra không phải ai khác mà là bà Vương hàng xóm mà cách đây mười năm đã dọn nhà đi rồi, nguyên lai bà ấy là một bà mối, chuyên nghề làm mối để sinh sống. Thầy giáo họ Ngô vái chào xong thì nói: “Lâu lắm không thấy bà, bây giờ bà ở đâu kia ạ?”. Bà trả lời: “Tuồng thầy giáo quên mất bà chị dâu già rồi, nay tôi ở trong cửa Tiên Đường, gần thành ấy”, thầy hỏi: “Bà tuổi thọ đã bao nhiêu?” Bà đáp: “Tôi tuổi chó ngựa đã bảy mươi lăm rồi. Thầy tuổi xanh nhiều ít?” Thầy giáo nói: “Cháu hai mươi hai”. Bà bảo: “Thầy mới hai mươi hai mà giống ba mươi trở lên, hẳn vì hàng ngày dạy dỗ hao phí tâm tư tinh thần nhiều, cứ như ý kiến ngu đại của già thì không nên để thiếu một cô làm bạn với”, thầy nói: “Tôi cũng đã mấy lần hỏi người về, nhưng đều không được như ý bà nói”. Bà nói đó là bọn oan gia lấy người ta để phá nhà người ta. Rồi mách thầy: “Đây có một nhà muốn kén rể, nhà ở thuê nghìn quan, có một cô gả chồng được, là một nhân tài, có cả một giường nhạc cụ, thường họp mặt bạn bè chơi, biết viết biết tính lại ăn nói mực thước, con nhà quan lớn mà ra, chỉ muốn gả cho một người đọc sách, làm quan, thầy giáo có muốn hay không?”. Thầy nghe nói xong, mừng như từ trên trời mà xuống, mặt mày tươi rói, luôn mở miệng cười, nói: “Được người như thế thật thì tốt quá đi rồi, chỉ một điều là hiện nay cô ấy ở đâu?”

Nhà Nam Tống mất, tạp kịch tiêu ma, thuyết thoại không hành nghề nữa, song thoại bản vẫn còn khá nhiều, người sau mất thấy nhìn quen, bắt chước làm sách, tuy không còn kể miệng nữa, mà hãy còn lẽ lối cũ, dòng phái tiểu thuyết có loại chuyện *Phách án kinh kỳ*, *Túy tỉnh thạch*, dòng phái giảng sử có loại *Liệt quốc diễn nghĩa*, *Tùy đường diễn nghĩa*, chỉ một điều là đối với hai khoa ấy, người ta dần dần không biết phân biệt rõ ràng dứt khoát cho nên đều gọi là tiểu thuyết tất.

Chương 13

PHỎNG THOẠI BẢN⁽¹⁾ ĐỜI TỔNG NGUYÊN

Thuyết thoại phát triển mạnh rồi, thì đương thời có bao nhiêu trước tác cũng tự nhiên chịu ảnh hưởng của thoại bản. Thời Bắc Tống một viên tú tài tên là Lưu Phủ, không phân biệt thể loại, cứ tập hợp tất cả các tiểu thuyết cổ cũng như kim lai làm ra hai pho *Thanh toán cao đàm* và *Thanh toán chích di*, vẫn từ tuy vụng về thông tục nhưng chưa đúng là thoại bản và dưới đầu đề mỗi chuyện, đã có chấp vào một câu thất ngôn, chẳng hạn:

Lưu Hồng ký: Lá thăm đề thơ cưới Hàn Thi.

Triệu Phi Yến ngoại truyện: Kể có đầu đuôi chuyện Phi Yến.

Hàn Ngự Công: Không trách người đốt râu đập chén.

Vương Tạ: Gió sóng tạt vào nước Ô y.

Cứ một đầu đề là một câu thơ giải ý, rất giống với đề mục cùng chính danh trong lối kết thúc kịch bản đời Nguyên. Nghi rằng thể tài, tiêu đề của thuyết thoại ở vùng Biện kinh hoặc giả là thế nên tập tục thẩm nhuần dần, đến cả trong văn chương. Đến như toàn thể quyển chuyện biến đổi khác đi thì ngày nay còn có hai bộ *Đại đường Tam Tạng pháp sư thủ kinh ký* và *Đại Tống Tuyên hoà di sự* đang lưu truyền, cả hai đều bắt đầu và kết thúc bằng thơ, giữa chuyện thì có thi và từ tô điểm vào, câu lời đều quê tục, cho

⁽¹⁾ Phỏng là mô phỏng. Nguyên văn: Nghi thoại bản. ND.

nên lại không giống thoại bản, gần với giảng sử mà không phải khẩu đàm, giống tiểu thuyết mà không có lời niết hợp, còn Tiểu tăng trong *Tuyên hòa di sự* thì đưa cả những chuyện *Đăng hoa bà bà*, tất cả có mười lăm loại vào và gọi chung là từ thoại (sách *Dã thi viên thư mục* 10) lấy cớ là có từ lại cớ thoại, song trong đó hai loại như chuyện Thác trâm, Thôi Ninh và chuyện Phùng Ngọc Mai đoàn viên, cũng thấy trong sách kinh bản thông tục tiểu thuyết, hai chuyện đó vốn là một khoa của thuyết thoại, từ các chuyên gia thuyết thoại truyền ra nói phô như nước chảy, cả thiên cân xứng nhau, không là điều mà sách *Tuyên hòa di sự* theo kịp được, lý do là Tuyên hòa di sự tuy cũng có từ có thuyết nhưng không phải tất cả đều từ người thuyết thoại mà ra mà do tác giả nhặt rút trong các sách cũ, thêm vào tiểu thuyết và vúi chấp nối, cố hoàn thành một cuốn sách cho nên hình thức tuy giống mà tinh thần màu sắc kém đi, vẫn lại không phải tự mình nghĩ ra mà viết, không đáng để gọi là sáng tác. Chuyện *Thủ kinh ký tự* càng cầu thả giản đơn, chỉ được một điều là thuyết thoại tiêu ma rồi, mà thoại bản cuối cùng lột xác thành trước tác, là nhờ những việc như vậy làm cái bản lề mà thôi.

Đại Đường Tam Tạng pháp sư thủ kinh ký, ba quyển bản cũ ở Nhật Bản, lại có bản nhỏ là *Đại Đường Tam Tạng pháp sư thủ kinh thi thoại*, nội dung giống y hệt nhau, cuối quyển có một hàng chữ “Trung ngọa tử Trương gia in”. Trương Gia là cửa hàng sách ở Lâm An, thời Tống người đời thấy vậy cho là triều Tống in ra song đến triều Nguyên, Trương Gia hoặc giả vô sự thì sách đó hoặc giả do người đời Nguyên làm, chưa biết được, ba quyển chia thành mười bảy chương, việc tiểu thuyết mà chia thành chương như chúng ta thấy ngày nay là bắt đầu từ đó. *Mỗi chương thế nào cũng có thơ, vì thế gọi là thi thoại...* Chương đầu cả hai bản đều khuyết, chương thứ hai thì kể bọn Huyền Trang gặp Hầu Hành Giả.

Hành trình nơi gặp Hầu Hành Giả ở chương thứ hai. Sư đi sáu người, đến ngày lên đường... tỉnh cờ vào một hôm giờ ngọ, thấy một người ra về vắn nhỏ, mặc áo trắng từ phương chính Đông đi lại, đến nơi thì liền chào hòa thượng “vạn phúc vạn phúc” Hoà thượng bây giờ định đi đến xứ nào, không phải lại trở sang Tây Thiên lần nữa để lấy kinh sao? Pháp sư chấp tay nói: kẻ bần đạo này vãng sắc vua, vì chúng sinh đất phương Đông chưa có

Phật giáo mà đi lấy kinh thật đó. Người văn nho nói: Hòa thượng trước khi sống đã hai lần đi lấy kinh, giữa đường gặp nạn, lần này mà đi nữa thì ngàn chết, muôn chết. Pháp sư hỏi: Chàng sao mà được biết? Người văn nho nói: Tôi không phải ai khác mà là Di Hâu Vương ở động Tử Vân núi Hoa quả, vua của tám vạn bốn nghìn bọn đầu đồng trán sắt, nay tôi lại giúp Hòa thượng lấy kinh. Chuyển đi này trăm vạn đoạn đường, đi qua ba mươi sáu nước, lắm chỗ tai họa hoạn nạn. Pháp sư đáp: quả được như vậy thì là ba đời có duyên, chúng sinh đất phương Đông được nhiều lợi ích. Ngay đó đổi cách xưng hô, gọi là Hâu Hành Giả. Vậy là có bảy người hôm sau cùng đi, bên tả bên hữu lo hầu hạ, Hâu Hành Giả nhân để lại bài thơ:

Trăm vạn cùng đường nhấm nẻo kia

Nay ta đến giúp đại sư ta

Một lòng cầu chúc gặp chân giáo

Cùng đến Tây Thiên núi cẳng gà.

Tam Tạng pháp sư làm thơ đáp:

Chúc duyên kiếp được thấy hôm nay

Gặp đại minh tiên buổi sáng này

Đằng trước nếu gặp chốn ma quái

Mong thần thông giúp Phật ra tay.

Làm thơ qua lại xong, nhờ phép thần thông của Hành Giả, cả đoàn vào cung vua Đại phạn thích vương, pháp sư giảng kinh xong, được ban cho 1 chiếc mào ấn hình, một chiếc gậy kim hoàn tích tượng, một cái bát, ba thứ đầy đủ. Lại trở lại hạ giới, qua chùa Hương Lâm, đi trên mọi chỗ nguy hiểm trong núi Đại xà hồ Cửu long, đâu cũng nhờ có pháp lực của Hành Giả mà đi tới được yên ổn. Lại được cái thần của thần thâm sa hóa làm chiếc cầu vòng, qua sông lớn, ra khỏi nước quỷ tử mẫu, nước nữ nhân rồi đến chỗ hồ vương mẫu, Pháp sư muốn ăn đào, sai Hâu Hành Giả ăn cắp về.

Vào chỗ Hồ Vương Mẫu, chương thứ 11.

Pháp sư nói: Nguyên hôm nay cây bàn đào ra quả, có thể ăn cấp dưỡng ba quả mà ăn - Hậu Hành Giả bảo: Tôi lúc tám trăm tuổi đã ăn cấp ăn mười quả, bị vương mẫu bắt xuống, phán bảo đánh sườn bên trái tám trăm, sườn bên phải ba ngàn dùi sắt, bắt giam trong động Tử Vân, núi Hoa quả, đến nay dưới sườn còn đau, nay tôi nhất định không dám ăn cấp. Khoảng trước mặt trên đường đi, thỉnh linh thấy có vách đá chóp cao muôn trượng, lại thấy một tảng đá bằng phẳng rộng đến bốn, năm dặm, lại có hai cái hồ vuông rộng vài chục dặm, nước đầy ấp lênh láng muôn trượng, chim quạ không bay, bảy người vừa ngồi xuống, trong lúc nghỉ ngẩng đầu nhìn xa thì thấy giữa khoảng muôn trượng vách đá có vài cây đào cao xanh, trên bám trời xanh, cành lá tươi tốt mơn mởn, dưới đầm trong nước hồ... Hành Giả nói: trên cây này có hơn chục quả, vì thần đất chuyên coi chỗ ấy giữ chặt, không có cách nào đi lấy cấp được. Sư bảo: Người thần thông lớn rộng, đi chắc phỏng ngại gì. Nói chưa dứt lời thì ba quả bàn đào rụng xuống, chìm mất trong hồ. Sư kinh hoàng, hỏi là cái gì rụng xuống, Hành Giả trả lời: Sư không nên kinh (đây viết tắt là chữ kinh⁽¹⁾). Chỉ là đào chín mồm rụng xuống nước đầy thôi. Sư nói: Đi tìm lấy lại mà ăn cũng được...

Hành Giả lấy gậy đánh vào đá, trước sau hiện ra hai đồng tiểu, một cậu nói là ba ngàn tuổi, một cậu nói năm ngàn đều gơ tay bảo đi cả đôi.

Lại đánh khẽ vài cái nữa, thỉnh linh hiện ra một đứa bé hỏi: Mày tuổi nhiều ít? Nó trả lời bảy ngàn tuổi, Hành Giả quăng gậy sắt xuống, gọi bắt đứa bé ôm vào trong tay hỏi Hòa thượng rằng: thầy có ăn không? Hòa thượng nghe nói kinh sợ bỏ chạy. Bị Hành Giả lẩn trong tay vài vòng đứa bé hóa thành một canh táo sữa, lúc đó nuốt và trong miệng, sau về đất phương Đông, dưới triều nhà Đường mới nhớ ra ở Tây Xuyên, đến nay miền đất đó sản ra nhân sâm. Giữa tầng không, thấy có một người, bèn ngâm thơ.

Một tài tử ở Hoa quả sơn, hồi nhỏ từng đến đó phá cây vườn. Mà nay nhờ vậy đi Thiên Trúc. Kẻ trộm đào xưa lại quá giang... Rồi đi đến Thiên Trúc... xin được sách kinh ba ngàn bốn trăm quyển nhưng thiếu kinh Đa tâm, về đến chùa Hương Lâm được Phật Định quang đem cho. Bảy người

⁽¹⁾ Nguyên văn là chữ kinh (trọng). Trong ngoặc là Lỗ Tấn giải thích.

về, Hoàng đế ra đến ngoài kinh thành mà đón, các châu đều tuân theo phép đến ngày 15 tháng 7, lúc đang ngọ, trên thiên cung đưa xuống chiếc thuyền Thái liên, Pháp sư lên ngôi, hướng về phương Tây lên tiên. Sau vua Thái Tông lại phong Hầu Hành Giả làm đại thánh gán đồng xương sắt.

Sách *Đại Tống tuyên hòa di sự* nhiều người cho là người đời Tống làm nhưng trong sách có Tuyên Hòa giảng chương của Lữ Tĩnh Nguyên và Vĩnh sử thi của Nam nho, Tĩnh Nguyên Nam nho đều là tiếng đời Nguyên nói, thế là sách do người đời Nguyên làm, hoặc là bản cũ của người đời Tống mà đời Nguyên có thêm vào, điều đó không thể biết được, giọng văn có khi rất giống đời Tống, song đó là do sao chép sách cũ mà nên thế, chứ không phải là văn của người sáng tác làm, sách chia làm hai phần tiền và hậu, bắt đầu nói về Nghiêu Thuấn kết thúc lúc Cao Tông định đô ở Lâm An, theo từng năm mà kể chuyện, cách thức rất giống với giảng sử, song chỉ lục chép từng chương tiết mà làm thành sách, chưa gia công đúc kết lại nên thể văn trước sau so le nhau, thấy khá rõ ràng. Những sách lấy chuyện có đến mười loại. Tập đầu nói trước tiên đến tội lỗi hoang dâm của đế vương các triều đại, đó là loại một, cũng giống như chương mở đầu của sách giảng sử đời Tống, tiếp đến là thuật cái tai họa biến pháp của Vương An Thạch, đó là loại hai, nội dung cũng chỉ là ý kiến sáo mòn của dư luận của các sĩ nhân cuối đời Bắc Tống, tiếp đến là thuật sự của từ khi An Thạch dẫn Thái Kinh vào triều cho đến thời Đồng quán Thái du đi tuần biên cương, đó là loại ba, phần đầu theo ngữ thể, phần thứ hai bằng văn ngôn xen thơ, loại bốn thuật đầu đuôi việc tụ nghĩa ở Lương Sơn Bạc, đầu tiên là việc Dương Chí bán dao giết người, Tiều Cái cướp lễ vật ngày sinh nhật, rồi hẹn nhau hai mươi người cùng vào vùng đồng cỏ Lương Sơn Bạc thuộc Thái Hàng Sơn, rồi Tống Giang cũng vì giết Diêm Bà Tích mà phải chạy, nằm phục trong miếu thờ Cửu Thiên Huyền Nữ đằng sau nhà, thấy quan binh rút lui rồi thì ra tạ Huyền Nữ... thì thấy trên hương cữu một tiếng trong trẻo rõ ràng, lắng nhìn một lúc thì ra có cuốn sách ở trên đó. Tống Giang dỡ ra xem, nhận ra là cuốn sách trời, lại có viết ba mươi lăm họ tên, lại có đề bốn câu rằng:

Phá nước nhân sơn mộ.

Binh đao dùng thủy công.

Một mai làm tướng lĩnh

Cả nước khiếp oai phong.

Tống Giang đọc xong, miệng không nói, lòng suy nghĩ: bốn câu ấy rõ ràng nói họ tên mình, lại cầm giữ cuốn sách trời ra xem đọc kỹ, thì thấy tên họ của ba mươi sáu tướng. Ba mươi sáu người đó là có ý nghĩa thế nào?

Trí đa tinh (Ngôi sao đa trí) Ngô Gia Long, Ngọc Kỳ Lân (con kỳ lân bằng Ngọc) Lý Tiến, Nghĩa Thanh diện thú (con thú mặt xanh) Dương Chí, Hồn Giang Long (con rồng quấy đục sông) Lý Hải, Cửu Văn Long (rồng chín văn) Sử Tiến - nhập văn long (rồng vào mây) Công Tôn Thắng, Lăng Lý Bạch Điều (quạ trắng giữa sóng) Trương Thuận, Tích Lịch hỏa (lửa chớp) Tần Minh, Hoạt diêm la (diêm vương sống) Nguyễn Tiểu Thất, Đoản mệnh nhị lang (chàng hai chết non) Nguyễn Tiến Đại, đạo quan Tất Thắng, Báo Tử đầu (đầu con báo) Lâm Xung, Hắc Toàn Phong (gió sóng đen) Lý Quỳnh, Tiểu thị phong Sài Tiến, Kim Thương Thủ (tay súng vàng) Từ Ninh, Phổ thiên điều (đánh khắp trời) Lý Ứng, Xích phát quý (quy tóc đỏ) Lưu Đường, Nất trực chàng (đám thẳng) Đồng Bình, Tháp xí hổ (Hổ chấp cánh) Lôi Hoàn, Mỹ tu công (ông râu quai nón đẹp) Chu Đồng, Thần hành Thái bảo (thần đi) Đái Tôn, Trại quan sách Vương Hùng, Bệnh uất Trì Tôn Lập, Tiểu Lý Quảng (Lý Quảng bé) Hoa Vinh, Một vũ tiến (cái tên bắn mất lông) Trương Thanh, Mộc gia lan (Miệng lép xép) Mộc Hoàn, Lãng tử (con lông bông hư thân) Yến Thanh, Hoa hòa thượng (Hòa thượng hoa) Lỗ Trí Thâm, Hành giả Vô Tùng, Thiết Tiên Hồ (roi sắt kều) Diên Chúc, Cấp tiên phong Sách Siêu, Biền Mệnh tam lang Thạch Tú, Hỏa thuyền công Trương Sầm, Mô trước Vân (mò vào mây) Đỗ Thiên, Thiết thiên vương (thiên vương sắt) Tiều Cái.

Tống Giang xem xong bảng danh sách, cuối bảng có một hàng chữ nói: Thiên thư giao cho viện thiên cang 36 viên mãnh tướng, gọi báo nghĩa Tống Giang làm chỉ huy, rộng làm việc trung nghĩa, trừ diệt bọn gian tà.

Thế là Giang dẫn bọn Chu Đồng chín người đến sơn trại, vừa lúc Triều Cái chết rồi, Giang bị cử làm thủ lĩnh, chỉ huy mọi người, cướp châu trộm huyện, đốt nhà giết người, đoạt lấy đất Hoài Dương, Kinh tây Hà Bắc.

Tất cả là ba Lộ, hai mươi bốn Châu, hơn tám mươi Huyện, bắt bọn con gái cướp ngọc lụa, bắt bớ rất đông. Tiếp đến bọn Lô Trí Thâm cũng đến gia nhập, làm đủ số ba mươi sáu người.

Một hôm Tống Giang cùng Ngô Gia Lãng thương lượng: bọn ta ba mươi sáu mãnh tướng, đều có tên trong sổ cả rồi, không được quên ơn che chở của Đông Nhạc, phải tìm đi để đốt hương tể và cùng nhau thề nguyện. Khi chọn ngày xong ra đi, Tống Giang làm bốn câu viết lên cờ:

Lúc đến ba mươi sáu, ra đi mười tám đôi. Nếu thiếu chỉ một người, là không về làng nữa.

Tống Giang thống lĩnh 36 tướng đến châu núi Đông Nhạc, đốt lò hương vàng tể và thề nguyện. Triều đình không làm thế nào được, chỉ biết yết thị chiêu dụ bọn Tống Giang. Có quan nguyên soái họ Trương tên Thúc Dạ là con nhà đời đời làm tướng, đến chiêu dụ Tống Giang cùng bọn ba mươi sáu người kia qui thuận triều đình nhà Tống, đều được làm chức Đại Phu, bỏ đi làm tuần kiểm các lộ, nhân thế giặc cướp ở ba Lộ đều dẹp yên hết. Sau triều đình lại sai Tống Giang thu tiền tế lễ tháng chạp các địa phương có công được phong làm tiết độ sứ.

Loại năm nói chuyện vua Huy Tông đến thăm nhà Lý Sư Sư, Tào Phu dâng lời can ngăn, đến chuyện Trương Thiên Giác đi ẩn. Chương sáu kể chuyện đạo sĩ Lâm Linh Tôn được tiến dùng rồi chết, chôn kỳ lạ như thế nào. Chương bảy, kể chuyện tháng chạp được dự xem hội đêm nguyên tiêu và đêm nguyên tiêu đi xem đèn đông vui làm sao, đến thế là bình thoại hết. Thuật tả đêm nguyên tiêu xem đèn như sau:

Năm thứ sáu niên hiệu Tuyên Hòa, tháng giêng đêm 14 cách cửa đại nội một quãng có một cái dây bằng gấm treo thẳng, trên dây bay xuống một con hạc tiên, miệng ngậm một đạo chiếu thư, một viên Trung sứ đón lấy mở ra rồi vãng theo thánh chỉ tuyên bố với trăm họ: có một tên lính tay cầm thẻ bài chữ vàng, quát to lên: Tuyên bố với trăm họ. Một chốc dân Kinh Đô như mây như sóng, ai nấy đều đội hoặc Mai Ngọc hoặc liễu tuyết hoặc bướm bướm, thẳng đến dưới núi Ngao sơn xem đèn. Rồi cách cửa Tuyên Đức, trên cao có bốn vị quan to... Được thánh chỉ rồi vung tiền vàng

tiền bạc xuống, cho trăm họ giành nhau cướp tiền vàng và viên đại sứ giáo phường là viên Đào Tăng làm bài Từ đặt tên là Vung tiền vàng.

Vừa xem lễ, Mừng Thắng bình lại gặp nguyên tiêu đẹp đẽ, núi cao xanh ngạo ngễ. Đối Doan môn Ngọc ngà dùng chế. Giống Hằng Nga, rời cung tiên vừa xuống trần thế.

Mưa móc ơn dầm, tựa lan can Thánh thượng ngự xem, vung tiền vàng rơi tung tóe, muôn họ xô giành xấu ngày hội. Cáo quan nhé, hồng lễ nghi nhưng rồi tha tội.

Đêm ấy, sau buổi vung tiền vàng, muôn binh kéo nhau dạo khắp trong thành, ngoài các cửa ô. Thật là:

Đèn lửa sáng trưng trời chẳng tối

Đàn ca xen lẫn đất thường xuân

Tập sau bắt đầu từ khi người Kim đến chở lương thực cho đến khi kinh thành bị chiếm đóng là loại thứ tám, lại từ khi quân Kim vào thành, Vua và Hoàng Hậu lên phương Bắc chịu nhục cho đến lúc vua Cao Tông đóng đô Lâm An là loại thứ chín, thứ mười, mấy loại đó là lấy từ các sách *Nam Tàn kỹ văn*, *Thiết Phẫu lục* và *Tục lục* mà có dọn bớt đi đôi chút; hai sách này nay còn cả, có khi đề là của Tân Khí Tật làm, song người Tống đã cho là sách giả nguy rồi. Cuối sách lại có kết luận nói rằng:

Các nhà Nho trong đời bảo rằng vua Cao Tông mất cái cơ hội khôi phục lại Trung Nguyên là do hai điều lầm: Buổi đầu niên hiệu Kiến Viêm, bỏ mất cơ hội là do ngài thân thiện với Bá Ngạn để tạm được yên trước mắt. Khoảng sau niên hiệu Thiên Hưng mất cơ hội là do Tần Cối vì giặc, nghe chúng phản gián. Bỏ mất hai cơ hội đó thành ra bờ cõi Trung Nguyên không khôi phục được, mối thù của vua của cha không báo được, nỗi sỉ nhục lớn của nước nhà không rửa đi được. Những kẻ trung thần nghĩa sĩ sở dĩ tức tối, giận không được ăn thịt giặc, lấy da giặc mà không phải vì thế sao. Đó cũng chỉ là lời sáo thường trong dư luận của lớp sĩ phụ sau khi phe cánh Tần Cối đã thất thế.

Chương 14

TIỂU THUYẾT GIẢNG SỬ

TỪ ĐỜI NGUYÊN MINH TRUYỀN LẠI (THƯỢNG)

Người thuyết thoại đời Tống, kể chuyện tiểu thuyết và giảng sử đều có nhiều tay giỏi (tên thấy trong *Mộng lương lục* và *Võ lâm cật truyện*) nhưng không nghe nói có trước tác gì. Đời Nguyên rối loạn, văn hóa chìm đắm thì không nói gì rồi. Kho sách của nội các Nhật Bản có cất giữ năm loại bình thoại in với bản in toàn tướng (cũng như toàn đồ tượng thêu hiện nay) của Ngư Thi ở Tân An, khoảng niên hiệu Chí Trị nhà Nguyên (1321 - 1323). Năm loại là: Võ vương phật Trụ Thụ, Nhạc nghị đồ Tề thất quốc Xuân Thu hậu tập, Tần tính lập quốc, Lữ Hậu trăm Hàn Tín tiền Hán thư tục tập, Tam Quốc Chí, mỗi tập đều ba quyển (sách Tư văn tập 8, hiệu 6; chương Tam ngôn sách Quan vu Minh đích tiểu thuyết của Diêm Cốc Ôn), nay chỉ Tam Quốc Chí là có bản in (Bản in chụp của bác sĩ Diêm Cốc và bản phiên ấn của Thương vụ ấn thư quán) còn bốn loại kia thì chưa thấy được. Bản *Toàn tướng Tam quốc chí bình thoại* chia làm hai tầng, tầng trên là đồ họa, tầng dưới là kể chuyện, lấy tích Đào Viên kết nghĩa làm đầu, tích Khổng Minh chết làm cuối. Chương mở đầu vẫn kể chuyện Hán Cao Tổ giết công thần, Ngọc Hoàng xử án, phán cho Hàn Tín chuyển sinh thành Tào Tháo, Bành Việt làm Lưu Bị, Anh Bố làm Tôn Quyền, còn Cao Tổ thì làm Hiến Đế, lập ý cùng với Ngũ đại sử bình thoại không khác gì, chỉ văn viết thì thua xa, lời không đạt ý, chỉ cốt cho đủ những điều đại cương mà thôi, chẳng hạn đoạn *Xích bích ao bình* sau đây:

Nay kể việc Võ Hầu qua sông đến Hạ Khẩu, Tào Tháo trên thuyền kêu to: Thôi ta chết rồi!

Bọn quân lính nói: Do Tướng Cản cả. Các quan hươ dao chặt Tướng Cản ra muôn đoạn. Tào Tháo lên trên tầng thuyền, hoảng hốt vội vàng cướp lấy đường, chạy ra Giang Khẩu, thấy bốn phía trên thuyền đều là lửa hết. Thấy mười chiếc, trên có Hoàng Cái nói rằng: Chém thẳng giặc Tháo đi, để cho thiên hạ yên như núi Thái Sơn. Tháo cùng trăm quan, không thạo thủy chiến, mọi người nỏ tên bắn nhau. Nay kể Tào Tháo trở tay không kịp, bốn mặt lửa lên cao, trước mắt lại bắn nhau. Tháo muốn chạy, song phía Bắc có Chu Du, phía Nam có Lỗ Túc, phía Tây có Lăng Thống Cam Ninh, phía Đông có Trương Chiêu Ngô Bảo bốn mặt nỏ giết. Sử quan nói: “Nếu nhà Tào Công không có cái phận của Ngũ Đế, thì Mạnh Đức đã không thoát được.” Tào Tháo được mệnh, nhằm Tây Bắc mà chạy; lên được bờ, mọi người ôm ông lên ngựa. Lại nói hoàng hôn lửa phát ra, thì ngày sau vừa ăn chay, Tào Tháo ngoảnh lại nhìn, còn thấy ở Hạ Khẩu, trên thuyền khói lên nghi ngút, quân trong tay không được một vạn. Tướng công họ Tào cứ nhằm Tây Bắc mà chạy, chưa đến năm dặm thì trên bờ sông có năm ngàn quân, nhìn ra là Triệu Vân người Thường Sơn, bị chặn lại, các quan nhất tề đánh giết, tướng công họ Tào xông qua trận địa mà đi...

Đến chiều đến một cái rừng lớn, ông tìm lối trốn rậm mà đi, chưa được hai mươi dặm, thì thấy năm trăm lính tay dao, tướng Quan Công chặn lại. Tướng công họ Tào dùng lời tử tế nói với Vân Trường:

Xem Tào chúc đình hầu là có ơn. Quan Công nói: Quân lệnh phải nghiêm. Tào Công xông qua trận địa mà đi. Trong lúc chuyển trở bỗng sinh ra bụi mù nên Tào Công được thoát. Quan Công đuổi theo vài dặm thì trở lại; đi về phương Đông mười lăm dặm thì gặp Huyền Đức và quân sư. Ấy giặc Tháo chạy mất không phải là lỗi của Quan Công. Nói khiến người ta... (xét câu này không thể hiểu được nguyên văn) Chúng hỏi vì sao? Võ Hầu trả lời:

“Tướng Quan Công là người nhân đức, trước có mang ơn tướng công họ Tào, vì thế mà Tào thoát được”. Quan Công nghe nói thì giận dữ lên

ngựa, nói với Chúa Công là mình lại đuổi theo. Huyền Đức nói: “Em ta là người kiên định, quen gian khổ không hề mỏi mệt.” Quân sư nói: Gia Cát cũng đi (chữ cũng mà viết sai) muôn điều không một điều sai... (Quân trung từ 18 đến từ 19).

Thấy văn đơn giản thô suất thì đã có thể nghĩ là thoại bản, người thuyết thoại dùng thoại bản đó rồi suy diễn ra, thêm thắt vào, là đủ để cho người nghe thích thú nhưng trang tờ lại có họa đồ thì tất là cuốn sách, người ta xem duyệt được nữa. Bốn loại còn lại e cũng đều như thế cả.

Kể chuyện Tam Quốc trong đời Tống đã thịnh lắm. Có thể vì thời đó lắm người anh hùng, võ dũng và mưu trí, kỳ lạ cao quý đến động lòng người mà công việc, sự nghiệp họ làm không có cái đơn giản của thời Sở Hán, lại cũng không có cái phiền phức của thời Liệt Quốc Xuân Thu, cho nên càng thích hợp với lối giảng giải và kể chuyện. Tô Đông Pha trong *Chí lâm lục* 6 nói rằng: Vương Bành từng kể trong ngõ đường bọn trẻ con kém cỏi, trong nhà lấy làm chán chường khổ sở, đem cho chúng tiền, bảo ngồi quây lại để kể chuyện đời xưa cho nghe, nghe chuyện Tam Quốc hề thấy nói Lưu Huyền Đức thua thì chúng cau mày lại, có đứa chảy nước mắt; thấy nói Tào Tháo thua thì chúng liền mừng và kêu là khoái. Ấy mới biết cái tốt của người quân tử, cũng như cái xấu của kẻ tiểu nhân thấm cảm đến người ta trăm đời chưa hết. Ở Ngõa Xá thì Thuyết tam phần là một chuyên khoa trong thuyết thoại, cùng với giảng Ngũ đại sử xếp ngang hàng (Theo Đông kinh mộng hoa lục 5). Tập Kịch đời Kim, đời Nguyên cũng thường dùng các chuyện trong Tam Quốc như Xích Bích ao binh, Gia Cát Lượng thu phong ngũ trượng nguyên, Cách giảng đấu trí, Liên hoàn kế, Phục Đạt thụ thiên đài v.v... Hiện nay những chuyện đó được diễn ra làm văn vui đùa ngày càng nhiều đủ biết chúng được người ta thích kể. Đối với các tiểu thuyết thì nhân có bản của La Quán Trung mà tiếng tăm của chúng càng thêm lớn.

Quán Trung tên là Bản, người Tiền Đường (Sách *Thất tu loại cảo hai mươi ba* của Long Oanh. Sách *Tây Hồ du lâm chí dư* 25 của Điền Như Thành, sách *Thiếu thất sơn phòng bút tùng* 41 của Hồ Ứng Lâm, cả ba đều người đời Minh) lại có nói tên là Quán, Tên tự là Quán Trung, sách tục văn hiếu của Vương Kỳ cũng người Minh lại có nói là người Việt sinh khoảng

đầu niên hiệu Hồng Vũ (Theo sách Thư ảnh của Chu Lạng Công) như vậy là người khoảng giữa đời Nguyên và đời Minh (khoảng 1330 - 1400). Làm tiểu thuyết rất nhiều, thời Minh nói là có vài chục loại, (Theo sách Chí dụ) nay còn, ngoài Tam Quốc Diễn Nghĩa, Tam toại bình yêu chuyện Thủy hử truyện nữa, cũng giỏi từ khúc, và có các tập kịch Phong Hồ Long Vân hội (theo mục kiến: Nguyên nhân tạp kịch tuyển) nhưng những tiểu thuyết lưu hành hiện nay đều đã nhiều lần do người sau thêm bớt, bộ mặt thật của chúng thật không sao lấy lại được nữa.

Tam Quốc Chí diễn nghĩa của La Quán Trung mà chúng ta thấy ngày nay thì bản in năm Giáp Dần niên hiệu Hoằng Trị là xưa nhất (1494). Cả bộ hai mươi bốn quyển, chia ra hai trăm bốn chục hồi, đề là *Tấn Bình Dương Hầu Trần Thọ sử truyện, hậu học Bản Quán Trung biên thứ*. Chuyện bắt đầu Từ Linh Đế nhà Hán, năm đầu niên hiệu Trung Bình, với chuyện tế trời đất kết nghĩa đào viên, và kết thúc vào đời Võ Đế nhà Tấn. Đầu niên hiệu Thái Khang với chuyện Vương Duệ mưu lấy thành Thạch Đầu, cả thấy là chín mươi bảy năm (1841 - 1280) đều là chuyện có thực, chuyện đều có sự bày xếp theo chú giải của Bùi Tùng và Tam Quốc Chí của Trần Thọ, ở giữa thỉnh thoảng cũng có chọn đưa vào bình thoại cũ, lại suy diễn thêm mà làm. Luận đoán thì có lấy của hai họ Trần, Bùi và bắt chước lời của Tạc Xỉ Tôn Thịnh, lại dẫn nhiều thơ của sử quan và người đời sau. Song cứ theo sử cũ thì pha tạp xen lờn văn xuôi vào thì dễ thêm lộn xộn, cho nên Tạ Triệu Chế đời Minh với sách Ngũ tạp tổ mười lăm đã cho là thực quá thì thành ra hủ lậu, Chương Học Thành đời Thanh với sách Bình thỉn tháp ký thì lại ngại rằng bảy thực ba hư thì có khi làm rối loạn người xem. Đến lối tả người thì cũng có chỗ không được, chẳng hạn muốn tả Lưu Bị cho ra người đôn hậu thì lại hóa ra như giả dối, muốn tả Gia Cát cho là kẻ lăm lăm Trí mưu thì lại hóa ra gần giống yêu ma; chỉ có tả Quan Vũ là đặc biệt có nhiều lời nói tốt, có cái khí khái nghĩa dũng thật, cứ làm cho người xem nghe như thấy người vậy, như đoạn nói về xuất thân, phong thái và dũng lược của Vũ sau đây:

... Dưới thềm một người nói lên rất to rằng: Tiểu tướng này xin đi chém đầu Hoa Hùng mang về đây dưới trướng. Mọi người nhìn xem thì thấy con người mình dài chín thước năm tấc, râu quai nón dài một thước tám

tắc, đôi mắt phượng đỏ, lông mày tằm nằm, mặt như quả táo nặng, tiếng giống tiếng chuông to, đứng trước màn. Thiệu hởi là ai? Công Tôn Toàn nói:

- Đó là người họ Quan, em của Lưu Huyền Đức.

Thiệu hởi là làm chức gì?

Toàn nói: Đi theo Lưu Huyền Đức làm tay cỡi ngựa bắn cung. Tên tướng Viên Thuật quát to:

- Mày khinh các chư hầu chúng tao không có tướng to sao? Là một tay cung thủ mà sao chơi leo? Hãy cùng ta đánh côn xem.

Tào Tháo vội ngăn nói rằng:

- Công Lộ hãy nguôi giận, người đó đã nói ra lời nói lớn, tất là có học rộng. Cứ thử sai lên ngựa đi, nếu không thắng, giết cũng chưa muộn...

Người họ Quan nói:

- Nếu không thắng, xin chém đầu tôi đi.

Tháo sai người đem lọc lại một chén rượu hâm nóng đưa cho họ Quan uống rồi lên ngựa.

Họ Quan nói: Rượu cứ rót ra, tôi đi là về ngay.

Thế là trong trường bước ra, tay cầm dao, bay người lên lưng ngựa. Các chư hầu nghe bên ngoài trại tiếng trống vang to, tiếng la hét lớn, như trời long đất lở, núi sục đá bay, ai nấy đều thất kinh, muốn dò xem thử. Lại reo inh ỏi, ngựa đến giữa quân, Văn Trường xách cái đầu Hoa Hùng, vứt xuống giữa đất, rượu còn đang ấm... (Tào Tháo đẩy binh đánh Đổng Trác hồi thứ 7).

Lại như Tào Tháo thua trận Xích Bích rồi, Khổng Minh biết rằng Tháo số chưa phải đã hết, bèn sai Vũ chặn đường Hoa Dung, để cho Tháo chạy được, song lại cố đưa quân phép ra mà ép Vũ, bảo phải làm tở quân lệnh đã rồi mới được đi, thế là kẻ Khổng Minh thì chỉ thấy là tay giáo hoạt, còn Vũ thì tỏ ra người khí khái lớn lao, so với bản bình thoại khắc in thời Nguyên cách xa nhau nhiều lắm.

... Trên đường Hoa Dung, có ba nhóm người ngựa, một nhóm ở lại sau, một nhóm lấp các hầm hào, một nhóm theo gót Tào Tháo qua các chỗ dốc hiểm, đi đường khá yên ổn. Tháo quay đầu nhìn, chỉ có hơn ba trăm kỵ binh theo sau mình, không có ai áo nón tề chỉnh cả. Lại đi chưa được vài dặm nữa, Tháo ngồi trên lưng ngựa ra roi quất và cười to. Các tướng hỏi sao thừa tướng lại cười, Tháo nói: Ai cũng bảo Gia Cát Lượng, Chu Du túc trí đa mưu, ta cười là họ chả làm được gì, nay thua trận này rồi, ta mới thấy khinh kẻ địch sai lầm. Chứ nếu họ biết đặt ở đây một lữ phục binh thì chúng ta tất phải bó tay để họ trói cả. Nói chưa dứt lời thì một tiếng súng nổ, hai bên có năm trăm lính tay giáo xếp hàng, ở giữa là Quan Vân Trường cầm thanh long đao, cưỡi ngựa xích thố, đứng chặn mất đường đi. Quân của Tháo thấy vậy thì đều hồn xiêu phách tán, mắt liếc nhìn nhau mồm không nói được. Tháo ở giữa đám người nói: Đã đến nước này thì chỉ còn cách liều chết đánh một trận. Các tướng nói: Tuy nhiên người không khiếp sợ, thì ngựa cũng không đủ sức, đánh thì nhất định là chết mất thôi. Trình Dục nói: Tôi biết Vân Trường ngạo với kẻ trên mà không nỡ lòng với kẻ dưới. Khinh kẻ mạnh mà không lắng loàn với kẻ yếu, ai mắc hoạn nạn thì nhất định cứu cho, nhân nghĩa rộng khắp thiên hạ. Thừa Tướng trước kia có ơn với ông ta ở nơi kia, sao không tự mình đến nói với ông ấy, chắc là thoát được nạn này thôi. Tháo nghe theo, tức thì phóng ngựa lên trước, cúi mình nói với Vân Trường rằng: Tướng quân lâu nay vẫn khỏe? Vân Trường cũng cúi mình đáp: Họ Quan này theo tướng lệnh của quân sư, đợi Thừa Tướng ở đây đã lâu. Tháo nói: Tháo tôi quân thua thế nguy, nay thật cùng đường mong tướng quân lấy lời năm xưa làm trọng. Vân Trường đáp lại rằng: Ngày xưa họ Quan này tuy có đội ơn Thừa Tướng song họ Quan này đã có dịp giải cái nguy ở Bạch Mã để đền đáp lại Thừa Tướng rồi. Hôm nay làm theo mệnh lệnh, há dám tư tình sao? Tháo nói: cái lúc năm cửa quan chém tướng, tướng quân còn nhớ chứ? Đời xưa kẻ đại trượng phu ở đời, hễ lấy tín nghĩa làm trọng, Tướng quân rất giỏi sách Xuân Thu, há không biết việc Diên Công. Chi Tư đuổi theo Tử Trắc như tử hay sao? Vân Trường nghe vậy thì cúi đầu hồi lâu, không nói gì. Đang khi Tào Tháo nhắc đến sự kiện trên, nói còn chưa dứt thì Vân Trường vốn là kẻ trọng nghĩa như núi, lại thấy quân Tào sợ sệt, tên nào cũng muốn rơi nước mắt, nên nhớ lại cái ơn năm cửa

chém tướng mà lại thả mình ra, sao mà không động lòng được, thế là kéo đầu ngựa lại thét quân: Tản ra bốn bên, rõ ràng là ý muốn thả cho Tào Tháo đi; còn Tháo thấy Vân Trường kéo ngựa quay đầu thì liền cùng các tướng nhất tề xông lên toan đi, Vân Trường quay mình lại thì các tướng tá đã hộ vệ đưa Tháo đi qua mất. Vân Trường quát to một tiếng, chúng đều xuống ngựa khóc lạy tận đất, Vân Trường không nỡ giết, đang còn do dự thì Trương Liêu phóng ngựa đến, Vân Trường thấy cũng động lòng xưa cũ thở dài một tiếng rồi thả hết.

Sau Sử quan có thơ rằng:

*Lòng dạ luôn nhớ nghĩa,
Trọn đời lo báo ơn,
Oai phong ngang nhật nguyệt
Danh dự động càn khôn,
Trung dũng nhất Tam Quốc,
Mưu trí hạ bảy đôn
Đến nay ngàn đời nữa,
Quân lữ lạy anh linh.*

(Hồi thứ 100: Quan Vân Trường vì nghĩa tha Tào Tháo)

Từ sau niên hiệu Hoàng Trị, bản khắc rất nhiều, chỉ nói ngay đời Minh thôi, cũng đã không biết được là đến mấy loại (thấy rõ trong tiểu thuyết nguyệt báo quyển 20, số hiệu 10, sách *Tam Quốc chí diễn nghĩa diễn hóa* của Trịnh Chấn Đạc). Đến thời Khang Hi nhà Thanh (Mao Tôn Cương người Mâu Uyên, tự là Tự Thủy mới theo kiểu Kim Nhân Thụy phê cải *Thủy Hử truyện* và *Tây Vương Ký*, thế là bản cũ bị sửa đổi khắp, bảo là do bản xưa, phê bình và khắc in ra cũng gọi là Thánh Thán ngoại thư, thế là nhất thiết bản cũ không lưu hành lại nữa. Phàm những chỗ cải định đều có thể thấy trong tựa và mục lục, chỉ nhìn những nét lớn, thì một là cải đổi đi, chẳng hạn hồi thứ 159: Bỏ Hiến đế, Tào Phi cướp ngôi Hán, vốn nói Hoàng

hậu họ Tào giúp anh ruộng bỏ Hiến Đế, còn bản của họ Mao thì lại giúp Hán ruộng bỏ Tào Phi. Hai là nói tăng thêm, chẳng hạn hồi 167: Tiên chúa đem chạy đến Bạch Đế Thành, vốn không dả động gì đến Tôn phu nhân, mà bản của họ Mao thì lại nói Phu nhân ở Ngô nghe tin quân ở Hạo Đình thua, và tin lão nói tiên chúa chết, bà liền đưa quân đến bên sông trông về phương tây mà khóc rồi gieo mình xuống nước mà chết. Ba là tước bớt, chẳng hạn hồi thứ 205; Khổng Minh đốt cháy trại Mộc Sách, vốn có chuyện lúc Khổng Minh đốt Tư Mã Ý ở hang Thượng Phương cũng muốn đốt luôn cả Ngụy Diên. Hồi thứ 234: Gia Cát mong đánh Đặng Ngải, rồi Đặng Ngải đưa thư khuyên hàng, xem xong ngỡ vực con là Thương Trách, mới quyết liều chết mà đánh, các chuyện trên có cả mà trong bản của họ Mao lại không.

Ngoài những sự thay đổi trên thì về chi tiết hoặc một là chỉnh đốn các hồi mục, hai là sửa đổi lại hồi văn, ba là bỏ các lời luận bàn, bốn là thêm hoặc bớt chuyện vặt, năm là thay đổi thơ văn khác vào mà thôi.

Sách *Tùy Đường chí truyện* thì nguyên bản chưa thấy. Năm thứ 14 đời Khang Hi nhà Thanh người Trường Châu là Chủ Nhân Hoạch có bản cải chỉnh đổi tên là *Tùy Đường diễn nghĩa*, lời tựa có nói: *Tùy Đường chí* bắt đầu từ họ La, đến họ Lâm thì tập hợp lại mà làm, và có thể nói là làm tốt, song chuyện bắt đầu từ Tùy cung cất dãi lưa thì đoạn trước đó sơ lược thiếu sót quá, sau có bổ sung thêm một, hai chuyện cuối đời Đường thì lại thành ra linh tinh không dính gì với nhau, rồi người xem còn có ý kiến, chỉ nêu ra như vậy thì toàn bộ cuốn sách cũng biết được.

Còn sách *Tùy đường diễn nghĩa* thì kể đến một trăm hồi mở đầu là chuyện vua Tùy đánh nước Trần, tiếp đến là chuyện nhà Chu chuyển sang nhà Tùy, nhà Tùy mất vì nhà Đường, rồi Võ Hậu làm vua, Minh Hoàng vào Thục, Dương Phi thất cổ ở Mã Ngôi, khi thu phục được hai kinh, thì Minh Hoàng lui vào ở Tây nội, sai đạo sĩ cầu hồn Dương Phi, được gặp Trương Quả, nhờ thế mà biết được Minh Hoàng Dương Phi, là kiếp sau của Tùy Đường đế và Chu Quý Phi rồi sách chấm hết. Các anh hùng khoảng giữa Tùy Đường như Tần Quỳnh, Đậu Kiến Đức, Đôn Hùng Tín, Vương Bá Dương, Hoa Mộc Lan...

... Thì sự tích của họ đã được đưa ra trong bảy mươi hồi trước cả. Còn chuyện Minh Hoàng Dương Phi kiếp sau lấy nhau thì lời tựa nói là thấy được trong một cuốn dật sử của Viên Vu Linh cất giữ, thấy mới lạ nên thích thú và đưa vào sách. Đến như các sự tích khác thì phần lớn lấy từ Kỳ truyện của chính sử ra rồi thêm vào những tạp thuyết đời Đường đời Tống, chẳng hạn việc đời Tùy thì như Đại nghiệp Thập di ký, Hải Sơn Ký, Mê Lâu Ký, Khai Hà Ký, việc đời Đường thì như Tùy Đường giai thoại, Minh Hoàng tạp lục, thường thị ngôn chí, Khai thiên truyền tín Ký Đại Liểu thâm văn, Trường hận ca truyện... tự thuật thường có lai lịch đầu đuôi có thể là không kém gì Tam Quốc Chí diễn nghĩa chỉ có điều là lối viết văn thì giống hệt như lối cuối Minh, phù hoa đẹp dễ mà như phớt ngoài da, thiếu tính chất sâu lắng, mực thước của họ La hầu như mất rồi, đã thế lại thích bông đùa và tinh thần của chuyện thành ra tiêu điều xơ xác. Nay cử ra một ví dụ:

... Một hôm vua Huyền Long ngồi chơi trong cung Triều Khánh có Lộc Sơn ngồi châu bên cạnh, vua thấy Lộc Sơn bụng phệ quá gối, thì chỉ bụng nó mà nói đùa:

Bé này bụng to hơn ôm cái vò, không biết trong đó chứa cái gì, Lộc Sơn vòng tay lại thưa: không có gì lạ đâu, chỉ có tấm lòng son mà thôi, thần nguyện đem hết lòng son đó mà thờ bệ hạ. Huyền Tông nghe Lộc Sơn nói vậy thì trong bụng rất thích. Ấy mới biết: Người giấu lòng di, không dò biết được. Nói là lòng son mà lòng như mực. Huyền Tông đãi An Lộc Sơn. Thật là tâm phúc thể mà An Lộc Sơn ăn ở với Huyền Tông lại toàn là lòng giặc lòng sói lòng chó, thế mới thật là phụ lòng, mất hết lương tâm, người đời ai có lòng đều nghiêng răng đau ruột giận không mở ngay được bụng nó ăn lòng nó. Thế mà nó còn đùa người ta, bảo là lòng son. Đáng cười Huyền Tông không biết là lòng lang dạ sói, còn tin nó là thật lòng và không si tình. Thôi bỏ chuyện gẫu, hẵng nói Huyền Tông hôm đó ngồi chơi cả buổi với An Lộc Sơn, ngoảnh nhìn bên tả bên hữu, hỏi nàng phi đâu. Bấy giờ chính lúc giữa xuân, trời đã ấm dần lại, Quý Phi đang còn ngồi ở hậu cung dùng nước thang lan tắm rửa. Cung nhân trở lại nói với Huyền Tông là bà Phi tắm gội vừa xong, Huyền Tông cười mỉm nói: người đẹp mới tắm chính như hoa phù dung trong nước vừa ra, sai cung nhân đi đòi bà Phi lại ngay, không cần

chải chuốt trang điểm lại nữa. Một chốc thì Dương Phi đến. Quý Phi vừa tắm xong thì ra sao? Có khúc ca *Hoàng Oanh* tả rất đúng:

*Trắng ngần như ngọc, nõn nà như búp sen, người cũng tỏa thơm.
Tóc mai thấy đẹp nhờ biếng chải, quần là hơi cao, áo cánh mát sao. Đừng
trước gió tình thần thoải mái. Ngắm kỹ vào, Phù dung nhú khỏi nước, sánh
kịp gái xinh sao? (Hồi thứ 83).*

Sách *Tần Đường ngũ đại sử diễn nghĩa* chưa thấy, thư mục của văn khố nội các Nhật Bản nói là hai quyển, sáu mươi hồi, đề là La Bản soạn, Thang Hiến Tổ phê bình.

Sách *Bắc Tống tam toại bình yêu truyện*, nguyên bản cũng không thấy được, bản tương đối trước hơn cả có bốn quyển hai mươi hồi, lời tựa nói là Vương Thận tu sửa lại và bổ sung thêm, chép truyện Vương Tắc người Bối châu dùng yêu thuật làm loạn. Minh Cảo truyện trong *Tống sử* (292) nói Tắc vốn người Trác Nhân, gặp năm đói lưu lạc đến An Châu (đời Đường là Bối Châu) năm Khánh lịch 7 tiếm hiệu là Đông Bình quận vương, đổi tên hiệu là Đắc Thánh, được 66 ngày thì bị dẹp. Chuyện gốc ở việc đó, chương mở đầu chuyện Hồ Hạo ở Biện Châu được bức tranh tiên, người vợ đem đốt đi, tro quện vào người mà có mang, sinh con gái đặt tên là Vinh Nhi, được con cáo yêu là Thánh Cô Cô dạy cho phép thuật là Đan Tử, hòa thượng Trương Loan, thầy bói Tả Tuất đều đến gặp, bảo Tắc lên làm vua, vừa lúc đó viên tri châu tham lam, có tài làm được người giầy ngựa bằng da. Vương Tắc làm chức quân bài ở Bối Châu, sau cưới Vinh Nhi làm vợ, người có thuật pháp là Đan Tử, hòa thượng Trương Loan, thầy bói Tả Tuất đều đến gặp, bảo Tắc nên làm vua, vừa gặp lúc có viên tri châu tham lam tàn ác, bèn dùng thủ thuật lấy gạo tiền của kho ra thuê quân nổi loạn. Sau rồi Văn Ngạc Bắc đem quân đến đánh, lúc đó mấy người trên thấy Tắc vô đạo đã bỏ đi trước cả rồi, thế mà quân của Văn Ngạc Bắc vẫn không dẹp được, may được Đan Tử cùng hòa thượng hóa thân làm Gia Cát, Toại Trí giúp cho việc văn, trấn áp khuất phục được phép tà ma. Mã Toại giả hàng, đánh Tắc rách môi, làm cho không ngậm được cái chén sừng bò tốt, Lý Toại lại đem quân đào đất làm địa đạo vào thành, thế là bắt được Tắc với Vinh Nhi. Báo công về triều, cả ba người đều tên Toại vì thế mà đặt tên chuyện là *Tam Toại bình yêu*.

Bình yêu truyện bản thông hành hiện nay có mười hai quyển 40 hồi, có tựa của Trương Vô Cữu người Sở Hoàng nói đã có Long Tử Do bổ sung thêm. Sách làm xong năm đầu niên hiệu Thái Xương nhà Minh (1620), trước có thêm vào mười lăm hồi, chép việc Viên Công đạo pháp với Cửu Thiên huyền nữ, bị Đàn tử hòa thượng ăn trộm mất, với việc yêu cáo Thánh Cô Cô luyện pháp. Năm hồi khác thì chép rải rác vào các hồi của bản cũ, phần lớn thuật chép các đạo thuật của những kẻ cuồng dại. Sự tích trong sách ngoài phần suy nghĩ mà đặt ra, cũng có phần lấy từ cuốn tạp thuyết khác, phụ họa đưa vào, như hồi 29 kể chuyện Đỗ Thất Thánh bán phù phép, đồng thời trình diễn ảo thuật, chặt đầu đứa bé xong lấy chân trùm lại, đầu lại liền vào cổ. Song tình cờ nói câu khoác lác, bị Đàn Tử hòa thượng nghe được chụp mất sinh hồn đứa bé, đưa vào Đỗ Thất Thánh đọc phù chú hai, ba lần đứa bé vẫn không sống lại.

Đỗ Thất Thánh hoảng lên, nhìn các khán giả mà nói:

Các ngài ngồi xem trên, tuy so với chúng tôi có khác, xong lo cho gia đình thì ai cũng thế, chỉ vì việc nhà mà sinh ra lăm lăm. Vừa rồi ăn nói không được đúng mong các ngài tha tội đi cho. Lần này để cho tôi chấp được cái đầu lại xuống uống một chén rượu, trong bốn biển đều là quen biết cả.

Đỗ Thất Thánh nhận lỗi nói lại:

- Ấy vì tôi không phải, lần này thì chấp được thôi.

Nói vậy rồi ra sức niệm chú, xong giở chân xem, thì lại chưa chấp. Đỗ Thất Thánh sốt ruột nói:

Anh làm tôi không chấp được cái đầu cho đứa bé, tôi đã đôi lần xin lỗi anh, nhận là tôi không phải, xin anh tha thứ cho, thế mà anh cứ khẳng khẳng thế; Thế rồi đi ra cái cũi đằng sau lấy ra một cái bao giấy, mở lấy ra một quả bầu để trên mặt đất, rồi đào tung đất lên, vùi quả bầu lại, miệng vẫn lẩm bẩm niệm chú, rồi hóp một ngụm nước phun vào và quát:

Nhanh lên! Trời như mưa, thật quái lạ: dưới đất một dây mây mọc lên, dài to dần, đâm cành mọc lá rồi ra hoa, liền đó hoa hé và thấy một quả

bầu nhỏ. Người xem thấy vậy đều la: giỏi!

Đỗ Thất Thánh hái quả bầu xuống, tay trái cầm cái quả, tay phải cầm dao nói:

Anh ở không đúng trước, lấy mất hồn vía đứa bé của tôi, khiến tôi chấp lại đầu cho nó không được, anh đừng tưởng cứ sống được mãi trên đời.

Rồi ngoảnh nhìn quả bầu co lung chém một nhát, đứt ra nửa quả. Nay nói hòa thượng ở trên lầu, thò mặt định lấy ăn thì đầu ông cứ từ từ treo xương cổ, cứ lẩn lộn lốc xuống, người ở trên lầu ai nấy vẻ mặt đều khùng khiếp, kẻ nhát gan thì bỏ xuống lầu chạy mất, kẻ to gan thì đứng lại xem. Chỉ thấy hòa thượng kia vội vã vắt bát dưa, rồi cứ mò mò trên sàn lần mò mãi được cái đầu, hai tay nắm lấy hai cái tai đem để lên trên cổ, để ngay ngắn rồi lui đưa tay xoa một cái và nói:

- Ta chỉ muốn ăn, quên mất hồn vía đứa bé, dang tay đỡ cái chần lên, giờ thì đứa bé của Đỗ Thất Thánh đã nhảy dậy. Người xem đều kêu lên. Đỗ Thất Thánh nói:

- Tôi xưa nay làm cái phép này, hôm nay dụng phải sư phụ (hồi thứ 27: Đỗ Thất Thánh hận hành tặc đầu pháp).

Trên là chuyện cũ tương truyền lại. Uất Trì Ốc trong sách Trung Triều cổ sự nói rằng trong niên hiệu Hàm Thông đời Đường, Tạ Triều Chế trong sách Ngũ tạp tổ 6, lại cho là chuyện đời Gia Tĩnh Long Khánh triều nhà Minh, chỉ khác là người làm thuật không có tên họ gì, hòa thượng cũng chết rồi, sách này thay đổi sơ qua mà dùng lại. Còn chuyện Mã Toại đánh giặc mà bị giết thì là chuyện thực đương thời. Trịnh Giải đời Tống có viết Mã Toại truyện.

Chương 15

TRUYỆN GIẢNG SỬ TỪ ĐỜI NGUYỄN ĐỜI MINH TRUYỀN LẠI (HẠ)

Chuyện Thủy Hử cũng là một chuyện truyền thuyết lưu hành từ đời Nam Tống trở đi, Tống Giang là người có thật. *Tống sử* (22) chép: Năm thứ ba niên hiệu Tuyên Hòa Huy Tông, bọn cướp Tống Giang ở Hoài Nam xúc phạm đến đạo quân Hoài Dương, sai tướng đánh bắt lại, lại phạm đến Kinh Đông, Kinh Bắc, vào địa giới Hải Châu đất Sở, khiến cho tri châu Trương Thúc Dạ chiêu hàng. Sự việc sau khi hàng rồi thì thế nào sử không nói đến, còn Bài sử thì nói: Do bắt Phương Lạp có công, được phong Tiết độ sứ (thiên 13). Bắt Phương Lạp là việc của Hàn Thế Trung (truyện Thế Trung trong *Tống sử*) đối với bọn Tống Giang không can dự gì; chỉ có *Hầu Môn truyện* trong *Tống sử* (351) lại nói: Tống Giang cướp Đông kinh, Mông dâng thư lên triều đình nói Tống Giang cả bọn ba mươi sáu người hoành hành ở đất Tề Ngụy, quan quân vài vạn mà không ai dám kháng cự lại, chỉ bằng tha Giang, sai đánh Phương Lạp để chuộc tội. Hình như bài sử căn cứ theo đó. Chắc đương thời có ý kiến như vậy nhưng chưa làm, và bọn Giang cuối cùng đều bị giết cả. Hồng Mai trong sách *Di Kiến Át chí* 6 nói: Năm Tuyên Hòa 7, chức thị lang bộ Hộ là Thái Cư Hậu bị bãi, đổi đi làm tri phủ Thanh Châu, có bệnh không đến trụ sở được, về Kim Lăng, mắc bệnh ung thư phát ra ở lưng rồi mất. Chưa bao lâu, có người thân là Vương Sinh chết rồi tỉnh lại, thấy Thái bị dưới âm ty khiển trách dặn lên nói với vợ Thái là nay Thái chỉ cùng trông coi công việc ở Vận Châu mà thôi. Vợ khóc thảm thiết nói:

- Quan thị lang năm ngoái chỉ huy ở Vận Châu, có bọn cướp Lương Sơn Bạc năm trăm người ra hàng mà sau giết hết, tôi đã nhiều lần can gián mà ông ta không nghe... Sách Ất Chí làm xong năm Càn Đạo 2, cách sau năm Tuyên Hòa 6 chỉ khoảng hơn bốn mươi năm, tai nghe mắt thấy rất gần việc dưới âm ty khiến trách vốn là điều tiểu thuyết gia hay nói, việc giết kẻ đầu hàng thì không thể đặt bày ra, chung cục của các hảo hán Sơn Bạc chắc chỉ như vậy thôi.

Tuy nhiên thời bọn Tống Giang kêu gọi tụ nghĩa ở Lương Sơn, thế họ rất mạnh. Tống sử 353 cũng nói: Chúng chuyên đi cướp đoạt mười quận, quan quân không ai dám gần chúng. Do đó có những chuyện kỳ lạ sinh ra trong nhân dân, rồi biến hóa rắc rối thêm, đến thành ra như chuyện đời xưa, lại có những kẻ lảm chuyện, viết lách tô vẽ vào, thế là có sách chuyện ra đời. Một ẩn sĩ đời Tống là Cung Thành Dữ làm sách Tống Giang tam thập lục nhân tán, trong lời tựa có nói: Chuyện Tống Giang thấy kể ở ngoài đường trong ngõ, không đâu để nhặt lượm chép việc lại, tuy có bọn Cao Như, Lý Tung viết ra và các bậc sĩ đại phu cũng không truat bỏ đi (sách *Quý tân tạp thức* của Chu Mật, tập tục thượng). Ngày nay sách của họ Cao họ Lý làm tuy thất lạc tản mác, song cũng đã thấy rằng cuối đời Tống đã có sách viết ra. *Tuyên Hòa di sự* do sự sao chép tóm tắt sách cũ mà làm ra, cho nên trong tập đầu nói về đầu đuôi sự việc Lương Sơn Bạc tụ nghĩa hoặc giả cũng là một loại viết ra lúc đó, tiết mục của họ như sau:

Bọn Dương Chí áp tải Hoa Thạch cương bị tuyết ngăn trở mà không đúng kỳ hạn. Dương Chí đi đường nghèo túng, bán đao giết người, bị đày đi Vĩ Châu. Bọn Tôn Lập bắt Dương Chí cùng đi đến chỗ đầm cỏ ở Thái Hoàn Hàng Sơn. Triều Cái thôn Thạch Kệ, cùng bọn bắt Sinlì Thần cương. Tống Giang tin cho Triều Cái chạy trốn - Tống Giang giết Diêm Bà Tích, đề thơ lên vách - Tống Giang được cuốn sách có tên họ ba mươi sáu tướng. Tống Giang chạy đến Lương Sơn Bạc tìm Triều Cái, ba mươi sáu tướng của Tống Giang làm phản, Tống Giang châu Đông Nhạc Tế rồi phát lời tâm nguyện, Trương Thúc Dạ dụ hàng ba mươi sáu tướng của Tống Giang - Tống Giang bắt được bọn Phương Lạp có công được phong làm Tiết độ sứ.

Có điều là những chuyện sách *Tuyên Hòa di sự* chép, cùng với Tán

của Cung Thanh Dữ đã có nhiều chỗ sai nhau: Trong ba mươi sáu người mà Tấn có nói đến là có thì Tống Giang lại không có, kể thêm ngoài. Trong Di sự thì chép Ngô Gia Lạng, Lư Tiến Nghĩa, Lý Hải, Nguyễn Tiến, Quan Tất Thắng, Vương Hùng, Trương Thanh, Trương Sầm; trong Tấn thì lại chép: Ngô Học Cửu, Lư Tiến Nghĩa, Lý Tuấn, Nguyễn Tiểu Nhị, Quan Thắng, Dương Hùng, Trương Thanh, Trương Sầm, Trương Hoàn. Tên đùa cũng có khi khác. Lại trong tạp kịch của người Nguyên cũng nhiều lần lấy chuyện trong *Thủy Hử* làm tư liệu Tống Giang, Yến Thanh, Lý Quỳ là được chọn nhiều nhất. Tính cách thì so với bản *Thủy Hử* hiện nay sai khác đi nhiều, nhưng về điểm nhân nghĩa, đồn hậu thì giống nhau hết, mà Trần Thái (người Trà Lã, tiến sĩ khoa Ất Mão, niên hiệu Diên Hựu đời Nguyên) ghi lời người cầm sào chống thuyền thì nói:

Tống Giang là người dũng hãn, ngông cuồng và hào hiệp (*Sở an đi tập bỏ đi*, sách *Giang Nam khúc tự*).

Lời nhận định đó so với sách khác thì lại trái ngược. Có lẽ các loại chuyện xưa đó, đương thời ghi ở cửa miệng rất nhiều, tuy có khi đã có sách nọ sách kia viết ra rồi nhưng hoặc là giản lược quá, hoặc là suyuyển trái ngược nhau nhiều, thế là lại có người đứng ra tập hợp lại tất cả rồi lựa chọn lấy hay bỏ đi, sắp lại làm pho sách to, để cho tương đối có thứ lớp mạch lạc, người ta xem được, ấy bộ chuyện *Thủy Hử* lớn về sau là như thế. Người làm công việc thu nhặt dần xếp lại đó, người thì bảo là La Quán Trung (Vương Kỳ, Diên Nhữ Thanh, Lương Anh) người thì bảo là Thi Nại Am (Hồ Ứng Lân) người thì bảo Thi tác La biên (Lý Chi), người thì bảo Thi tác La tục (Thi Nại Am làm, La Quán Trung viết thêm) (Kim Nhân Thụy).

Chuyện *Thủy Hử* nguyên bản nay không có, Chu Lạng Công (Sách *Thư ảnh* 1) nói: Theo các bộ lão nói lại thì họ La làm chuyện *Thủy Hử* một trăm hồi, hồi nào cũng lấy những câu nói yêu quái, lạ lùng nêu lên, thời Gia Tĩnh, Quách Vô Định không in lại, tước bỏ những câu dạo đầu đó đi, chỉ để chuyện. Những chỗ tước bỏ đại để như:

“*Các việc Bà dâng hoa, Thủy Hử truyện toàn thư phát phạm*, đó cũng là lời mở đầu của các chương của người Tống (Sách *Dã thị viên thư*

mục 10) mà họ La làm theo, các chỗ tước bỏ khác thì không khảo xét được.

Chuyện Thủy Hử hiện nay còn biết được sáu bản khác nhau mà quan trọng nhất là bốn.

Một là *Trung nghĩa Thủy hử truyện*, một trăm mười lăm hồi, đăng trước đề: Đông nguyên La Quan Trung biên tập, cuối niên hiệu Vĩnh Trinh đời Minh in chung với *Tam Quốc diễn nghĩa*, đặt tên là *Anh Hùng Phổ*, bản in riêng Thủy Hử chưa thấy. Sách bắt đầu khi Hồng Thái Úy làm đuổi ma, tiếp đó là một trăm linh tám người cứ dần dần tụ họp lại ở Sơn Bạc, nhưng rồi nhân đầu hàng, đánh bại Liêu, dẹp bọn Phương Lạp, Điền Hổ, Vương Khánh, lúc đó Tri Thâm mới ngồi hóa ở Lục Hòa, Tống Giang uống thuốc độc chết, thường hiển ứng thiêng liêng sau làm thần. Bản chuyện đó, văn viết vụng và quê quặt, thứ lớp lộn xộn, thơ ca xen vào cũng nhiều chỗ quê kệch tục tằn, giống hệt như mới thảo ra, chưa hề sửa chữa nhuận sắc gì cả, đầu không phải là nguyên bản thì cũng có thể gần giống nó rồi. Đoạn chép việc Lâm Xung trái ý Cao Cầu bị xử đày đi Thương Châu trông coi kho cỏ của Đại quân, trời đang lúc tuyết dữ mà đi ra khỏi cái nhà sắp đổ để đi tìm rượu viết như sau:

... Nay nói chuyện Lâm Xung bỏ hành lý xuống, nhìn bốn bề đều lở nát hết, bụng nghĩ: Nhà này làm sao mà qua được mùa đông, đợi tuyết tạnh gọi thợ nề đến sửa. Ngồi bên lò lửa hơi một chút, thấy mình cứ rét lạnh, liền nghĩ đến người lính vừa rồi, nói: đi ra nắm đấm có phở, sao mình không đi ra mua ít rượu về uống. Nghĩ thế rồi liền cầm chiếc gậy hoa kều cái bầu đựng rượu xuống, thơ thẩn đi về hướng Đông, chùng chua được nửa dặm thì thấy một ngôi miếu cổ, Lâm Xung vái lạy mà khẩn: Xin thần linh hộ trì cho, mai sẽ đến đốt vàng bạc. Xong lại đi một dặm nữa, thấy một quán nhà hàng, Lâm Xung đi tắt đến một nhà. Nhà hàng hỏi:

- Ông khách ở đâu đến?

Lâm Xung nói:

- Ông không nhận ra cái bầu này à?

Nhà hàng nói: Ông là người trong kho để cỏ. Ông anh đã ra đây thì

mời ngồi để tôi đãi một tiệc đã, gọi là để lấy may.

Lâm Xung uống xong một tuần thì mua một đùi thịt bò, một bầu rượu, đưa cái gậy hoa ra gánh về, đến chiều chạy ra xem sân cỏ, thì chỉ biết kêu khổ. Nguyên lai lẽ trời rất rõ, che chở cho những kẻ trung thần nghĩa sĩ, trận tuyết vừa rồi đã cứu cho tính mạng của Lâm Xung: hai gian kho cỏ kia đã bị tuyết đè đổ mất (hồi thứ 9: *Báo đầu đêm Lục Khiêm Phú An*).

Lại có bản Thủy Hử truyện một trăm hồi cùng nằm nhau trong bản anh hùng phổ nội dung cùng với bản một trăm mười lăm hồi gần như nhau (Lời của sách *Hồ Thích Văn tồn* 3).

Riêng có bản một trăm hai mươi bốn hồi, chữ mất, lắm chỗ khó đọc, cũng thuộc loại các bài trên.

Hai là bản *Trung nghĩa Thủy hử truyện một trăm hồi*, đầu sách đề: Bản của Thi Nại Am người Tiền Đường, La Quán Trung biên thứ, xếp đóng (Sách *Bách Xuyên thư chí* 6). Đó là bản lưu truyền trong nhà Võ Định Hầu Quách Huân đời Gia Tĩnh triều Minh, đầu sách có tựa của Uông Thái Hàm, giả hiệu là người bề tôi nghèo ở đó (sách *Dã hoạch biên* 5). Bản đó nay chưa thấy. Riêng có một bản cũng một trăm hồi, có Lý Chi đề tựa và chấm phê; bản này cũng là từ bản của họ Quách ra nhưng đổi đề lại là: Thi Nại Am tập soạn, La Quán Trung toàn tu. Nhưng bản này cũng khó mà tìm được chỉ ở Nhật Bản còn có mười hồi khắc in trước năm Mậu Thân (1728) của Hương Bảo, cùng với bản từ hồi 2 đến hồi 20 khác in tiếp năm Bửu Lịch 9 (1759), các bản này cũng bắt đầu từ chuyện lâm đuổi yêu ma rồi tiếp đến sự tích của Lỗ Đạt, Lâm Xung, cùng với bản một trăm mười lăm hồi giống nhau. Hồi thứ 5 về Lỗ Đạt có hai câu: Làm cho danh tiếng lan ải Bắc ba ngàn dặm. Chúng quả đệ nhất Châu Giang Nam: đó chỉ là chuyện của Lục hòa ngồi hóa, vậy thì kết thúc cũng không khác gì.

Chỉ có về mặt văn từ thì hơi khác, thêm bớt rất nhiều, cơ hồ thay đổi hẳn, trừ bỏ thơ để thêm nhiều biền văn, miêu tả cũ đi và nhiều chỗ nhỏ nhặt tinh vi hơn, như đoạn thuật chuyện Lâm Xung đi mua rượu giữa mưa tuyết, dài hơn trong bản một trăm mười lăm hồi đến hơn gấp đôi.

... Chỉ nói Lâm Xung đến giường bỏ chiếc chăn trong bao ra, rồi ngồi chỗ còn chút lửa. Cạnh nhà có một đồng than củi, cầm mấy cục bỏ vào trong cái lò dưới đất, ngửa mặt xem cái nhà để củi thì thấy bốn bề lở nát hết, lại có gió bắc thổi lay chuyển và thành tiếng kêu, Lâm Xung nói: Nhà này làm sao qua nổi mùa đông, đợi tuyết tạnh sẽ đi vào trong thành gọi một người thợ nề đến sửa. Hơ lửa một hồi thấy trong mình rất lạnh liền nhớ khi này có người lính già nói đi năm dặm thì có chỗ phố kia, sao mình không đi mua một ít rượu về uống. Rồi bỏ trong bao ra một ít tiền nhỏ, lấy gậy xóc cái bầu đựng rượu để khên, vùi than còn đỏ đi lấy chiếc nón lông đội lên, rút lấy chìa khóa ra, kéo cửa nhà cỏ lại, ra đến đầu cửa lớn, lại cầm hai cánh cửa sào cỏ kéo lên, khóa lại, đeo lấy chìa khóa, lưng thưng đi về cửa đông, tuyết giữa đường bị dập nát ra óng ánh như ngọc vụn, lệch thếch ngược gió bắc mà đi, tuyết rơi lại càng dày hơn. Đi chừng chưa đến nửa dặm thì thấy một ngôi miếu cổ. Lâm Xung cúi đầu làm lễ khẩn: Xin thần linh che chở cho, ngày mai sẽ đến đốt tiền giấy. Lại đi một chặng nữa, trông thấy một cụm nhà, Lâm Xung dừng chân lại thì nhìn thấy giữa hàng dậu tre gai một người vác một cái chổi cỏ ở giữa trời. Lâm Xung đi tắt vào hàng, người chủ hỏi:

- Ông nhận ra cái bầu này chứ?

Người chủ xem rồi nói:

- Cái bầu này là lính trong sân cỏ đấy.

Lâm Xung nói: Thế nào mà nhận ra?

Chủ hàng nói:

- Đã là ông anh trông coi sân cỏ, thì xin mời ngồi một chút, khí trời lạnh lẽo để tôi rót ba chén tạm gọi là đón tiếp ông anh.

Nhà hàng thái ra một mâm thịt bò chín, hâm một bình rượu, dọn mời Lâm Xung. Lâm Xung lại mua thêm ít thịt bò chín, hâm một bình rượu, dọn rồi, Lâm Xung uống thêm vài chén nữa, rồi lại mua cả một bầu rượu nữa, gói hai cục thịt bò kia lại, để lại một ít tiền vặt, xong lấy gậy treo bầu rượu vào để khên sớ nắn gói thịt bò trong bụng, nói to: Quấy quả nhau

quá, rồi ra khỏi cổng tre y cũ ngược gió bắc mà về. Tuyết kia về chiều càng xuống dày. Thời trước có một chàng thư sinh, làm một bài từ đề là kẻ nghèo khổ giận tuyết:

Đồng rộng gió to bào đất, tuyết rơi đó không cần gì sắt. Như tấm bông bằng cái khăn to. Thấy ven rừng nhà vẹo tre tranh. Nhanh tay giúp cho không đổ lật. Nào kẻ giàu sang bảo che chắn thế chưa vừa gì sắt. Nhà giàu than lò nóng. Mặc áo rộng, áo chật. Tay cầm hoa mai. Hát chúc nước nhà phát đạt. Nghĩ gì đến dân nghèo chật vật. Nằm khểnh kẻ tránh đời. Gì cũng thơ được tất.

Lại nói Lâm Xung đạp lên tuyết lạnh đó, đi ngược lại gió bắc đó, chạy như bay đến cổng sân cỏ, mở khóa ra, vào bên trong xem rồi chỉ kêu khổ. Nguyên lai lẽ trời rất rõ, hộ trì những kẻ thiện nhân nghĩa sĩ, nhân trận tuyết lớn đó mà cứu được tính mệnh cho Lâm Xung: hai gian nhà cỏ đã bị tuyết vùi sập rồi... (Hồi thứ 10: họ Lâm giữa gió tuyết vào miếu sơn thần).

Ba là bản *Trung Nghĩa Thủy hủ toàn thư* một trăm hai mươi hồi cũng đề: Thi Nại Am tập soạn, La Quán Trung toàn tu; cùng với bản một trăm hồi đó, Lý Chí đề tựa giống nhau. Đầu sách có tựa của Dương Định Kiến người Sở. Tựa đó nói: bản thân thờ Lý Trác Ngô, nhân việc Viên Vô Nha xin mà khắc chuyện này, tiếp đó là đưa ra mười điều phạm lệ của cuốn sách, tiếp đó là kể đầu đuôi chuyện Lương Sơn Bạc chép trong sách *Tuyên hòa di sự* cùng với quê quán, lai lịch xuất thân của 108 người, cả cuốn sách từ đầu cho đến cuối ra hàng đại khái sự việc giống với bản một trăm mười lăm hồi, đoạn đánh Liêu có hơi khác, lại ít thơ từ hơn: con Điền Bình Hồ và Vương Khánh thì ngay sự việc đại khái cũng khác, mà việc bắt bọn Phương Lạp thì lại giống tất cả văn từ so với bản một trăm hồi hầu như không có gì khác, chỉ về cách đặt câu có sửa lại khác đi chút ít mà thôi. Chẳng hạn trong bản một trăm hồi, Lâm Xung nói: A ra thế! Thơ và từ cũng có nhiều hơn, đó là lúc sau khắc đưa thêm vào, cho nên trong Phạm lệ nói: bản cũ bỏ thơ và từ đi để tránh phiền phức rậm rì, chỉ lo một là làm cho câu chuyện khỏi như đứt đoạn, lại một lần nữa là làm cho mắt xem khỏi rối loạn lên, lại cắt bớt đi cho rõ ràng, miễn là có đủ để hình dung được nhân vật, và những câu những đoạn văn có thể ức chế tỏa chiết tình ý người ta, cũng chưa có

thể trừ bỏ hết được.

Nay lại tăng thêm vào làm cho sách được nhất định đi hoặc là vứt bỏ nguyên bản đi nhưng chọn lấy cái nào đã có. Hoặc là làm trái lại ý cũ mà thêm vào cái còn không, tất cả để cho đầy đủ việc khuyên răn, lại vui đùa nữa. Lại những lời bình của Lý Chí cũng không giống trong bản một trăm hồi mà trong cả hai bản đều là rối rắm nghĩa khó hiểu lại là hủ lậu quê kệch, có thể là của bọn Diệp Trú làm giả vào (nói kỹ trong sách *Thư Ảnh I*).

Phạm Lê còn nói: bản cổ có lời nói đầu của họ La nói tương truyền các truyện như Đấng hoa bà bà, đã lâu không có thể lấy lại được nữa, đó là do người sau nhân việc “Bốn tên cướp lớn” bị bắt mà châm chước bớt đi, cũng có do ngại một trăm hai mươi hồi quá rườm rà mà đào thải, nói vậy đều sai cả. Định bản của Quách Võ tức là bản cũ bỏ chuyện Diêm bà đi, như thế là rất tốt, còn như trong bản cướp mà bỏ Vương Điền, thêm vào chuyện nước Liêu thì chỉ là phương pháp chiếu ứng của những tay bình thường, còn những tay bút lớn thì không bao giờ làm thế - cho hay Thủy Hử có một trăm hồi, bây giờ đã không lấy lại được nữa rồi, lại có bản cũ giống một trăm hai mươi hồi, trong đó bốn tên cướp là nói Vương Chánh Điền, Hồ Phương Lạp và Tống Giang, tức là Sài Tiến cho người đưa thư vua cho Bạch Bình Long (thấy trong hồi 67 của bản 115 và trong hồi 72 của *Thủy Hử toàn thư*). Bản của họ Quách mới phá vỡ việc bắt tước bỏ Vương Điền mà thêm vào nước Liêu, thành ra một trăm hồi, *Thủy Hử toàn thư* lại thêm Vương Điền, mà vẫn để nước Liêu lại, trở lại một trăm hai mươi hồi và Tống Giang mới bắt đầu rút lui ra ngoài “Bốn tên cướp”. Song cái sách *Tuyên Hòa di sự* gọi là kẻ cướp ở ba Lộ Hoài Bắc, Kinh Bắc và Hà Bắc, những người mạnh đó đều thuộc Tống Giang, không biết người nào dốt đã rồi đem bọn Vương Khánh Điền Hồ thế vào. Tuy nhiên chuyện đánh bại nước Liêu e cũng không phải sáng tác ra từ đời Minh, đời Tống giặc ngoài tràn lan, việc nước bê trễ, nghĩ đến nơi chàm cỏ, cũng là tình thường, cho nên việc đặt ra ca dao tục ngữ để tự an ủi cho mình, lại có nhiều thuyết khác nhau, không thuyết nào phù hợp với thuyết nào, thế là các tiểu thuyết sau do việc bỏ hay lấy và thành ra mỗi nhà đi một nẻo lung tung, những điều chọn lấy lại do các thoại bản không phải nhất luật như nhau mà thành ra xa lạ trái ngược

nhau, đưa Điền Hồ và Vương Khánh trong một trăm hồi cùng với bản một trăm mười bảy hồi lên thì là một mà văn thì khác xa, cũng chỉ là do vậy mà thôi. Chỉ có sau khi đẹp yên Phương Lạp thì các bản mới giống hệt nhau, điều đó làm cho người ta nghĩ rằng trước bản của họ Quách căn cứ theo bản cũ, còn có bản khác nữa, tức là cho bản làm sau khi đẹp hết các Phương Lạp và nhận chiêu an, như sách Tuyên Hòa di sự ghi chép lại, về sự lý thì thấy sít sao thỏa đáng hơn, nhưng về chứng cứ đáng tin thì còn thiếu, nên chưa khẳng định được.

Gộp năm bản nói trên lại mà xem thì biết hiện nay chuyện Thủy Hử có hai loại, một loại đơn giản sơ lược, một loại rườm rà dài dòng. Hồ Ứng Lâm (sách *Bút tùng* 41) có nói rằng: Tôi, hai mươi năm trước thấy chuyện Thủy Hử xem khá lý thú, mười năm lại đây chuyện do phường buôn ở Mãn Trung khắc in mà bỏ bớt đi, chỉ lục chép sự thực thôi, những chỗ có ý gửi gắm tâm tình, những lời bóng gió bông lông, những vần thơ văn đều nhất thiết bỏ hết, thành ra không đáng để nút hũ, lại vài chục năm nay, không có nguyên bản để so sánh lại nữa, sách chắc là sẽ vĩnh viễn bỏ. Bản mà Hồ Ứng Lâm thấy, không biết được là thế nào, còn như bản đơn giản một trăm mười lăm hồi, thì chắc là làm xong trước bản rườm vì nó dùng chữ đặt câu so với bản rườm có sai khác, đều là khắc in còn để lại, thì cũng không nên sửa đổi làm gì nữa cho thêm phiền. Lại nữa bản đơn giản, chỉ đề là La Quán Trung soạn, Chu Lượng Công nghe các cố lão cũng chỉ nói là họ La, đến khi bản của họ Quách ra mới đề là Nại Am, do đó mà nghĩ rằng họ Thi chỉ là tên mượn của người diễn ra bản rườm, bản này là sau, không phải là bản xưa đã có. Người sau thấy bản rườm đó đề là Thi làm La biên, chưa kịp biết ra là giả thác, hoặc giả là có ý phổ diễn nên nó dứt khoát rằng Nại Am với Quán Trung là cùng quê, người Tiền Đường cả. (Sách *Bách xuyên thư chí* của nhà Minh Cao Nho 6) lại là thầy của Quán Trung nữa. Hồ Ứng Lâm (sách *Bút Tùng* 41) cũng tin vào lời tựa bản Thủy Hử mình thấy, bảo rằng Nại Am nhiều lần vào hàng chợ, tra xem sách cũ, trong mớ giấy loại tìm được một bản gọi là hàng bắt giặc của Trương Thúc Dạ, ghi đầy đủ lý do nổi dậy của một trăm lẻ tám người, rồi nhuận sắc thêm làm thành chuyện. Lại nói: Việc ấy của họ Thi thấy chép trong sách Tây Hồ Chí Dư của Điền Thúc Hòa, song

trong sách Chí Dư đó thực ra không có, có thể là ghi nhầm. Gần đây Ngô Lai làm sách Cổ Khúc Trần Đàm có nói sách *U Khuê ký* là của Thi Quân Mỹ làm. Quân Mỹ tên là Huệ tức là Thi Nại Am, làm chuyện Thủy Hử. Xét ra Huệ cũng người Hàng Châu nhưng nói rằng chính là Nại Am cư sĩ thì không biết căn cứ vào sách nào, cho nên chưa có thể nhẹ dạ tin được.

Bốn là *Thủy Hử truyện* bảy mươi hồi. Chính truyện bảy mươi hồi, thêm vào một hồi phụ, thực ra là bảy mươi một hồi có một thiên nguyên tự đề là Đông Đô Thi Nại Am soạn, do Kim Nhân Thụy, tên tự là Thánh Thán truyền lại, bảo là được bản xưa, chỉ có bảy mươi hồi, sau khi Tống Giang nhận cuốn sách rồi, thì lấy tích Lư Tuấn Nghĩa mộng thấy cả bọn bị Trương Thúc Dạ trói là kết thúc, và chỉ ra rằng tích chiêu an kêu gọi đầu hàng trở đi là của La Quán Trung tục thêm vào, gọi một cách ghét bỏ là *ác trát*. Sách này so bảy mươi hồi đầu trong bản một trăm hai mươi hồi không khác gì lắm, chỉ có bỏ bớt đi, đặc biệt nhiều văn biền ngẫu, bản một trăm hai mươi hồi trong phạm lệ có câu: Bản cũ bỏ đi vì thơ từ quá nhiều, khá giống bản xưa mà Thánh Thán tìm được thật, song do văn bỏ bớt thơ từ đi nhiều nên ngữ khí chỉ hơi xê xích nhau, vậy là cái bản dùng làm căn cứ cũng vẫn là bản 100 hồi mà thôi. Chu Lạng Công (sách *Thư Ảnh I*) chép về Thủy Hử truyện có nói: Mới đây Kim Thánh Thán đoán rằng từ hồi 70 trở đi là của ông La tục vào, rồi nhân đó hết lời chê bai ông, lại mượn tên ông Thi viết tựa, thế là sách thành ra của ông Thi làm. Hai ông sống đồng thời, nói vậy cũng có thể tin được, song chữ dùng cảnh đặt cũng có một ít chỗ hay, chẳng hạn hồi thứ năm, đoạn kể chuyện Lỗ Trí Thâm thách sư chùa Ngõa Quang sau đây: Trí Thâm chạy đến trước mặt, hòa thượng ta kinh sợ hết hồn nhảy một cái đứng dậy nói: Xin mời sư huynh ngồi, uống với nhau một chén đũa. Trí Thâm túm lấy cây gậy nhà sư nói: Hai gã chúng mày, làm sao mà bỏ chùa phế trở như thế. Hòa thượng ta nói: Xin sư huynh ngồi nghe tiểu tăng... Trí Thâm trợn mắt lên nói: “Mày bảo, mày bảo... rồi lại nói: Trước kia chùa chưa hỏng nát, 10 phần tốt đẹp đầy chứ, ruộng vườn rộng, sư ni đông, chỉ vì dưới hành lang kia mấy thằng cha hòa thượng uống rượu vung vãi, đem tiền nuôi gái, người già lớn ngăn chúng không xong, lại còn chê bai thưa kiện để cho họ đi đi, do đâu để chùa đến phế trở...”

Thánh Thán dưới mấy chữ Nghe tiểu tăng... chú: Nói chưa hết. Dưới chú... Nói, lại giải thích dài dòng hơn nhiều, rồi cuối cùng khen là: Chương Pháp kỳ thuyết, từ xưa chưa có. Chúng ta nghĩ rằng cái kỳ thuyết đó của Thánh Thán làm lấy, cách ông ta phê bình sửa đổi Tây Sương Ký cũng như thế. Đoạn văn đó trong bản một trăm hồi là: Hòa thượng ta nói: Mời sư huynh ngồi. Nghe tiểu tăng nói, Trí Thâm trợn mắt nói: Mày nói, mày nói; Hòa thượng ta nói: Trước kia khi chùa chưa hỏng nát, ruộng vườn rộng có, sư ni đồng...

Trong bản một trăm mười lăm hồi thì tuyệt không có câu Trí Thâm trợn mắt mà chỉ nói: Hòa thượng ta nói: Sư huynh nghe tiểu tăng nói: Trước khi chùa chưa hỏng nát, ruộng vườn rộng có, tăng ni cũng đồng... Thế thôi.

Đến cái lý do khắc in mà bỏ bớt thì mười lần đến chín là vì cuộc đời thay đổi. Hồ Thích (Sách *Văn Tôn 3*) nói: Thánh Thán sống trong thời đại bọn giặc lưu động đi khắp đất nước, mắt thấy Trương Hiến Trung, Lý Tự Thành, một lũ cường đạo thả độc ra khắp đất nước, cho nên ông hiểu ra rằng cường đạo là không thể tuyên truyền giải thích được mà phải dùng miệng mà giết, dùng bút mà đánh. Vì vậy đến đời Thanh, tình thế đổi khác, lại có cơ làm được, tuy mới đầu chưa tốt, song biết mạnh dạn hồi cải, thay dây cung đổi cỗ xe đi, để tu sửa tốt, như vậy là ý chí vốn đáng khen mà công lao không thể mất; ông cắt lấy từ hồi 67 cho đến hồi cuối, trong bản một trăm hồi, gọi là *Hậu Thủy hử*, lại gọi là *Đăng bình tứ đại khẩu truyện*, phụ in vào sau bảy mươi hồi để lưu hành, đầu sách có tựa của Thường Tâm cư sĩ, đề năm Nhâm Tí Càn Long (1792).

Buổi đầu đời Thanh, có Hậu Thủy Hử truyện bốn mươi hồi nói là của “người di dân” nhà Tống làm, Sơn Tiểu Nhạn đăng bình mà dám để tọc vào bản một trăm hồi. Sách nói Tống Giang chết rồi, những người còn lại vì Tống mà chống Kim, song không kết quả, Lý Tuấn bèn dẫn đầu chúng vượt biển, sang làm vua Tiêm La, kết thúc khá giống chuyện Cù Nhâm của Đỗ Bình Quang. Còn người di dân nhà Tống xưa thì bài Luận lược ở quyển đầu của sách nói: không biết là ai, căn cứ vào thời đại mà xét thì phải cách họ Thi họ La không sai, hoặc là đồng thời, không chịu thấp kém hơn, cũng

chưa biết được. Song thực ra thì người đó là Trần Thắm. Thắm tên tự là Hà Tâm, người Trinh, Chiết Giang, trước tác của ông mất hết, chỉ còn sách này: làm người di dân thời cuối Minh (sách *Lương Chiết du hiền lục* bỏ đi một, sách Quang Tự Hưng Phủ Chí 53) thành ra tuy là trước tác mua vui, mà cũng thấy được cái ý tránh đất, tránh đời trong đó. Nhưng đến khoảng giữa Đạo Quang, có người Sơn Âm là Du Vạn Xuân làm sách *Kiệt Thủy hủ* truy truyện bảy mươi hồi, một hồi kết thúc cũng đặt tên là *Đăng khẩu chí*, lập ý của sách lại trái ngược hẳn với sách kia, nói người thủ lĩnh của Sơn Bạc không phải chết thì cũng bị giết, cốt chứng minh rằng lúc ấy Tống Giang tuyệt không có chuyện nhận chiêu an đầu hàng vì đi dẹp bọn Phương Lạp, mà chỉ có chuyện bị Trương Thúc Dạ bắt và xử tử, để kết thúc bản bảy mươi hồi. Du Vạn Xuân tên tự là Trọng Hoa, biệt hiệu là Hốt lại đạo nhân, có theo cha làm quan ở đất Việt. Trong việc biến loạn của Châu Dao, đi đánh có công được xét khen thưởng, sau làm thuốc ở Hàng Châu, về già thờ Đạo và Phật, năm Kỷ Dậu Đạo Quang (1849) mất. Hồi Đăng khẩu chí bắt đầu năm Bính Tuất, hết năm Đinh vị, trước sau có hai mươi hai năm “chưa kịp rảnh rang trong người để sửa chữa nhuận sắc thì mất” năm đầu Hàm Phong (1851) con là Long Quang mới làm việc đó rồi khắc in (sách *Bản thư chí ngữ*). Sách dựng chuyện hành văn, có chỗ hầu như hơn nguyên tác; lựa chép lại hình tượng cũng có những điều mà họ Thi họ La chưa thử đến, so với những tiểu thuyết cùng loại, do sửa chữa nguyên tác mà làm ra, sách này cũng có thể cho là tốt lắm.

Ngoài những sách nói trên, loại tiểu thuyết giảng sử còn có nhiều, đời Minh đã có *Khai Tịch Đường Ngự truyện* với *Hữu Hạ chí truyện* của Chung Tín, Đông Tây Chu có *Đông Chu liệt quốc chí*, Tây Chu chí, Tứ hữu truyện, Lương Hán có Viên Hoàng Đạo bình *Lương Hán diễn nghĩa truyện*; Lương Tấn có Tây Tấn diễn nghĩa; Đông Tấn diễn nghĩa; Đường có Hùng Chung Cốc *Đường thư diễn nghĩa*; Tống có Xích Cước Trai bình *Lương Tống chí truyện*, bình thoại các sử sự. Từ đời Thanh đến nay cũng không dứt, hoặc viết về toàn sử như Nhị thập tứ sử thông tục diễn nghĩa, hoặc chữa lại hay bổ sung sách cũ như các sách Lương Tấn, Lương Hán, Tùy Đường... song nói chung so với Tam Quốc Chí diễn nghĩa thì không bằng,

tuy là hạng trên cũng vẫn câu nệ về sự thực lịch sử, quen dùng lời sáo, cho nên đã vụng dốt về di văn, lại ngại ngùng khi kể chuyện; Thái Ngao trong sách Đông Chu Liệt Quốc chỉ độc pháp có nói: Nói là sách chính kinh mà rốt cục lại ra sách tiểu thuyết...

Nhưng nếu nói đó là tiểu thuyết thì lại có từng việc từng việc trong Kinh truyện cả: nói vậy là để khen, nhưng cái bệnh của giảng sử cũng là ở đó.

Nếu như thuật chuyện cũ, chuyện đời xưa của một thời mà chú trọng vào một người hay vài ba người, thì theo sách Mông lược lục 20, dưới mục giảng sử có ghi: Có quan Đại phu Vương Lục, vào khoảng niên hiệu Hàm Thuần phổ diễn phụ họa với Trung Hưng danh tướng truyện, thính giả đông. Như vậy thì cũng nên đặt vào giảng sử. Truyện Thủy Hử là một chuyện loại đó. Về sau loại đó lại càng nhiều. Rõ rệt hơn cả là *Hoàng minh oanh liệt truyện*, còn có tên là *Vân hợp kỳ tông* nữa, sách của nhà Vũ Định Hầu Quách Huân còn giữ được chép vô công đời Minh lúc mới lên mà đặc biệt nêu công lao của ông tổ là Quách Anh, sau có *Chân Anh liệt truyện* thì kể lại sự việc trái ngược để mắng nhiếc. Có Tống võ mục vương diễn nghĩa do Hùng Đại Bản làm, có Nhạc vương truyện... diễn nghĩa do Dư Ứng Ngao làm. Lại có Tính Trung toàn truyện do Trâu Nguyên Tư làm, cả mấy cuốn đều chép lại công trạng của Tống Nhạc Phi cùng với vụ án sau của ông. Sau có *Thuyết Nhạc toàn truyện* thì theo sự việc mà diễn ra. Đời Thanh có Nữ Tiên ngoại sử tác giả là Lã Hùng (Sách tại viện tạp chí của Lưu Đình Kỳ nói), thuật chuyện Đường trại nhi ở Thanh Châu làm loạn, có Đào Ngột Nhân (bình không đề tên tác giả) chép về tội ác của Ngụy Trung Hiền và Môn khách. Về chuyện Võ Duyệt thì có sách thuật lại chuyện nhà họ Tiết đời Đường (*Chính đông Chinh tây*) toàn truyện nhà họ Dương đời Tống (*Dương gia Tướng toàn truyện*) cùng với bọn Địch Thanh (*Ngũ Hồ bình Tây bình Nam truyện*) vẫn cũng như ý đều dốt vụng, song lưu hành mạnh trong các ngõ xóm đường làng, ngoài ra có những chuyện nói là xưa cũ, có thực nhưng chẳng qua mượn tiếng để phỉ báng báo oán, loại trước tác đó cũng nhiều, nay không nói lại nữa.

Chương 16

Tiểu thuyết Thần Ma

Đời Minh (Thượng)

Việc thờ Đạo thờ Tiên long trọng nhất là vào đời Tuyên Hòa nhà Tống. Đời Nguyên tuy theo đạo Phật song cũng rất tôn sùng Đạo, tư tưởng huyền ảo mê hoặc tràn khắp dân gian, đầu đời Minh có giảm sút, nhưng đến giai đoạn giữa lại rất thịnh hành, thời Thành Hóa có các phương sĩ Lý Tư, Thích Kế Hiểu, thời Chính Đức có người mắt có màu (sắc mục) Vu Vinh, đều là người thuộc tạp lưu biết phù phép mà được bổ làm quan, vinh hoa lừng lẫy, ai cũng mong muốn, như vậy thuyết yêu ma cần quấy tự nhiên phải thịnh và ảnh hưởng đến cả văn chương. Vả lại từ trước đến nay, ba giáo tranh nhau đều không giải quyết được, đến phải dung thứ, chịu đựng lẫn nhau, nói đồng nguyên là nói nghĩa và lợi, chính và tà, phải và trái, thật và giả, tất cả đầu mối đó hỗn hợp lại, rồi lại phân tích ra, gộp lại gọi là Nhị Nguyên, tuy không có tên để chuyển gọi, nhưng gọi là Thần Ma là bao quát được cả.

Về mặt tiểu thuyết thì chuyện Bình yêu đầu đời Minh là chuyện mở đầu, kể đó thì chuyện ra đời ngày càng nhiều. Chuyện phổ biến tự thuật lại không phải là những chuyện mà từ đời Tống trở đi, có đạo sĩ bày bùa ra mà chỉ là ý của nhân dân trong các ngõ xóm đường làng, rậm rì lộn xộn, nông cạn quê kệch, tuyệt không có gì là khả quan. Tuy nhiên cái sức mạnh của các chuyện đó đối với lòng người là rất lớn, lại có khi có những văn nhân

đứng lên đúc kết nhuận sắc lại, thì cũng là cái phôi thai của tác phẩm lớn trong văn chương.

Hạng tiểu thuyết đó mà xếp lại thành tập thì hiện nay có tập *Tứ du ký* lưu hành. Sách gồm bốn loại, do ba người làm không biết ai sắp xếp, chỉ xem cách thức của bản khắc thì thấy là làm trong đời Minh mà thôi. Loại thứ nhất là *Thượng động nhật tiên* chuyện, cũng có tên mới là *Bát Tiên xuất sử*, *Đông du ký truyện*, hai quyển năm mươi sáu hồi, đề là Lan Giang Ngô Nguyên Thái làm. Chuyện nói Thiết Quả (họ Lý tên Huyền) tu đắc đạo, độ cho Chung Ly Quyền, Quyền độ cho Lã Động Tân; hai người lại độ chung cho Hàn Tương, Tào Hữu; Trương Quán Lam Thế Hòa, Hà Tiên Cô thì đã thành đạo theo cách khác rồi, thế là Bát Tiên. Một hôm cả tám vị đến dự đại hội bàn đảo trên đường về, vị nào cũng đứng trên bảo vật mà vượt biển có người con rồng thích tấm ván ngọc của Lam Thế Hòa, đứng chụp cướp đi. Thế là xảy ra một trận đại chiến, tám vị tiên “phóng lửa đốt biển Đông”, Long Vương thua trận xin binh trời xuống giúp, cũng thua sau được Quan Âm giải hòa, ai nấy từ tạ đi, và cái thời “trời vừa xa cách, thiên hạ thái bình” bắt đầu từ đó. Sách dùng văn ngôn tục ngữ xen nhau, sự việc cũng lăm lăm không dính nhau, là vì lấy một cách tạp nhạp truyền thuyết dân gian mà làm.

Loại thứ hai có *Ngũ Hiền Linh quan đại đế hoa quan quang thiên vương truyện*, tức là *Nam du ký*, bốn quyển mười tám hồi đề là do Tam Thái Sơn Nhân ngưỡng chỉ di Tượng Đầu làm, Tượng Đầu là một người buôn sách cuối đời Minh, trên bảng khắc Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, còn thấy tên người đó. Sách kể chuyện có thằng bé Diệu Cát Tường vì giết quỷ Độc Hỏa mà trái ý Như Lai, bị giáng làm con của Mã Nhĩ nương nương, thế là làm Linh Quang ba mắt, đủ năm thần thông, trả thù cha, đi chơi cõi linh hư, vì trộm gậy vàng, bị Đế giết: phục sinh vào nhà Viêm Ma Thiên Vương, thế là thành linh diệu, thờ Thiên Tôn làm thầy, lại nói dối lấy dao vàng của thầy, rèn lại làm viên gạch vàng để làm đồ pháp bửu, cuối cùng lên náo Thiên Cung, cõi trời sôi sục như vạc, Huyền Thiên Thượng Đế lấy nước dập đi, bảo chạy xuống nhân gian thoát sinh ra ở nhà họ Tiêu, thế là thành Hoa Quang, vẫn có phép thần thông như cũ, đánh nhau với ma thần, trung giới

cũng sôi lên như vạc, để tha cho Hoa Quang, nhân thế mất tấm gạch vàng, muốn rèn tấm khác, nên đi tìm thú vàng, gặp công chúa Quạt sắt, bắt về làm vợ, lại hàng phục được mọi yêu, đến đâu là vô địch ở đó. Vì nhớ mẹ nên đi thăm hỏi địa phủ, lại nhân tranh chấp mà đại náo âm ti, hạ giới cũng sôi sục như vậy. Xong xuôi đâu đó thì biết ra mẹ đẻ mình là yêu thật, tên hiệu là Cát Chi Đà Thánh Mẫu, đã ăn thịt vợ Tiêu trưởng giả, biến ảo hình dáng mình đi mà để ra Hoa Quang song vẫn cứ ăn người, bị Phật bắt, nay ở địa ngục, chịu ác báo, Hoa Quang cứu đưa đi.

... Nay Hoa Quang ba lần xuống Phong Đô, cứu được mẹ ra, mười phần vui sướng. Cát Chi Đà Thánh Mẫu nói:

“Con ta ơi, con cứu cho mẹ ra được thật là tốt, mẹ muốn đi bắt Kỳ Nga để ăn đây.”

Hoa Quang hỏi: “Kỳ Nga là gì, mẹ con ta đều không hiểu được.” Mẹ nói: “Kỳ Nga là gì, không hiểu được đâu, có thể đi hỏi Mất ngàn dặm và Tai thuận gió.” Hoa Quang lập tức hỏi hai người đó. Hai người trả lời:

- Kỳ Nga là người, nó cũng nghĩ việc ăn người.

Hoa Quang nghe xong, nhìn mẹ nói:

“Mẹ ạ, mẹ ở trong Phong Đô chịu khổ, con là con mẹ, con đã tìm ra trăm phương nghìn kế, cứu được mẹ ra, sao mẹ lại còn đòi ăn người, việc đó vạn lần không được làm.”

Mẹ mắng: “Tao cần ăn, đồ con bất hiếu, mày không có Kỳ Nga đưa cho tao ăn, thì ai bảo mày cứu tao ra?”

Hoa Quang không biết làm thế nào chỉ nói đùa rằng:

- Hãy để cho con hai ngày, con sẽ bắt đưa cho mẹ ăn...

(Hồi thứ 17: Hoa Quang ba lần xuống Phong Đô.)

Thế là treo bảng Yết thị tìm thuốc, có người mách chỉ có đào tiên là chữa được. Hoa Quang lập tức biến thành Tề Thiên Đại Thánh, ăn cắp đào đưa cho mẹ. Cát Chi Đà mới thôi không nghĩ đến chuyện ăn người, xong Tề

Thiên bị nghi, hỏi Phật Mẫu, biết ra là Hoa Quang, đến đánh, bị hỏa đơn đốt cháy, thua trận. Con gái ông là Nguyệt Bột, có cái xương sọ người chết, đánh vào đó là đầu kẻ địch đau ngay, hai ngày thì chết. Hoa Quang bị phép đó, tưởng không dậy được nữa, thì có Hỏa viên vương quang Phật ra dàn hòa, Nguyệt Bột cạo cái vết sọ bị đánh ở cái xương đi, Hoa Quang mới lành, rút cục quy y đạo Phật. Ấy chuyện Hoa Quang là thế.

Tạ Triều Chế đời Minh (sách *Ngũ Tật trở* 15) đem tiểu thuyết Hoa Quang ra so sánh với *Tây du ký* và nói: “Cả hai chuyện đều là cái lý ngũ hành sinh khắc cả, lửa to mạnh, thì trên trời dưới đất đều to mạnh cả, không sao dập tắt được thế mà Chân Võ lấy nước chế ngự, là nó về chính đạo ngay.

Lại nói chuyện Cát Chi Đà ra khỏi ngục là nghi ngay đến việc của người cho chuyện đó là để khiến người ta nghĩ đến việc khó khăn của việc Khả Kháng Khái bỏ ác sang thiện và nhân chuyện này cũng biết ra rằng thời Vạn Lịch, sách này đã có. Tri Đức Phu luận về kịch khúc (sách *Dã hoạch biên* 25) cũng có câu: Chuyện Hoa Quang hiển thánh thì quái đản quá, như vậy là loại chuyện đời xưa nay, thời đó còn diễn ra làm kịch bản nữa.

Loại thứ ba là Bắc phương chấn võ huyền thiên đại đế xuất thân chí truyện, tức *Bắc Du Ký*, bốn quyển, hai mươi bốn hồi cũng có Du Tượng Đấu biên soạn, chép về bản thân Châu Võ thành đạo và hàng phục được các yêu quái. Thuyết cho Thượng Đế là Huyền Thiên đời Hán đã có rồi, (Quách Chu Lễ, Thiên Đại Tông ba, Trịnh Thị chú) song so với Huyền Đế đời sau thì bắt đầu có từ khi đạo sĩ đời Tống nói ra, tức là lời chép trong các sách *Nguyên Động Ngọc Lịch Ký*, tam giáo sư thần đại toàn, I dẫn) nói rằng: Nguyên Thủy thuyết phán Ngọc Thanh, bên dưới thấy gió độc đầy biên ải, liền sai Chu Vô Vương đánh vua Trụ để trị dương. Huyền Đế bắt ma để cai trị âm, trên ban cho Huyền Đế được phép xả tóc đi chân không, lại ban cho giáp vàng áo bào màu huyền, cờ tả đạo trắng, cờ màu huyền, thống lĩnh Đinh Giáp, giáng xuống trần thế, cùng với Lục Thiên Ma Vương đánh nhau ở động nội Đông Âm: khi ấy Ma Vương lấy hai thứ khí Khảm Ly, hóa thành rùa xanh, rắn lớn, biến hóa vừa xong, thì thần lực của Huyền sẽ thu cả lại

dưới chân, khóa chúng quỳ lại trong động lớn Phong Đô, thế là nhân dân được yên ổn, bờ cõi được thanh tĩnh nghiêm túc. Lời đạo sĩ thời Tống nói tức là những lời trong hai sách kia vậy. Huyền Đế thần võ, triều Nguyên có sắc phong: Triều Minh cũng tôn thờ. Chuyện này kể có chỗ phù hợp với thuyết cũ, song cũng có khi lấy cấp chuyện Phật, trộn vào những lời thô鄙, tăng bốc việc cảm ứng đúng như ý nghĩ của bọn đồng bóng ở thôn quê, bọn thầy cúng ở các đền miếu. Ban đầu nói thời Tùy Dương Đế, Ngọc Đế đang yến tiệc, bỗng nghĩ đến chuyện phạm tục, bèn lấy một trong ba hồn làm con của họ Lưu, Như Lai Tam Thanh đều đến khuyến hóa nên vào ở ẩn trong Bồng Lai; rồi lại lấy lòng phạm tục, sinh ra Ca Đế Quốc, tiếp đến sinh Tây Hà, đều là con vua cả hai, đội ơn trời, tôn sùng đạo, bỏ nước xuất gia đi tu, công đức đã tròn, lên yết Ngọc Đế, được phong làm Đẳng ma tiên tôn, sai bắt thiên tướng! Khi ấy lại sinh ra làm con vua nước Tĩnh Lạc, được Đẩu Mẫu nguyên quan giáo hóa, vào tu trong núi Võ Đường thành đạo. Huyền Đế vừa lên Thiên cung thì bỗng thấy có yêu khí nổi lên ở trung giới, biết đó là thiên tướng quấy rối nhân gian, nên lại xuống trần, bắt yêu rùa rắn đầu hàng. Triệu Công Minh quy phục, bắt thần sấm, Nguyệt Bội cùng các thần tướng khác dâng họ lên châu trời. Ngọc Đế tức thì phong các thần kia làm bộ tướng huyền thiên, kể có ba mươi sáu viên; Song hai yêu ở sông Dương Tử là Hữu Oa và Trúc Lâm đều xổng mất cả, không bắt được, Châu Võ trở một yêu bắt hóa thân vào cõi người lại, trấn thủ ở núi Võ Đường. Cuối chương thì chép việc năm Vĩnh Lạc 3, Huyền Thiên giúp nước đánh lui được giặc mà dưới đó lại có mấy chữ. Đến nay đã hơn hai trăm năm, hình như sách này phải lưu hành vào thời cuối Minh, song bản khắc cũ không có câu sau, cho nên biết được rằng bản có là bản mới tăng dính sau.

Loại bốn là *Tây Du Ký truyện*, bốn quyển bốn mươi mốt hồi đề là Dương Chí Hòa người Tề Văn biên soạn, Triệu Cảnh Châu người Thiên Thủy hiệu đính, thuật chuyện Tôn Ngộ Không đắc đạo, Dương Thái Tông vào âm ty, Huyền Trang vấn chiếu đi cầu kinh, giữa đường gặp nạn, cuối cùng đến đất Tây được và lấy được kinh về Đông. Việc Thái Tông thấy mộng, người Đường đã có nói rồi. Trương Trạc làm sách *Triệu dã thiện tải* nói: Vua Thái Tông đến nửa đêm thì tự nhiên nhập định, thấy một người nói: Bệ hạ hãy

tạm nhầm mắt lại, về tức là đi đấy. Để hỏi: Người là người nào? - Thừa rằng: Thần là người sống mà xét hỏi việc âm phủ... Thái Tông vào gặp quan tòa, hỏi việc ngày 4 tháng 6, xong là bảo về, người gặp khi này lại tiến chân dẫn đường ra. Lại có bản tục văn cũng chép việc đó, mà có câu sách hồng nất tìm được trong động Ngàn Phật ở Đôn Hoàng (Thấy chép kỹ hơn ở chương 12). Đến việc Huyền Trang sang Tây Trúc, thực không phải là vãng theo chiếu vua, sự việc có đủ trong *Đường thư* 191.

Phương kỳ truyện, lại có truyện tên là *Đại Từ Ân Tự Tam Tạng pháp sư truyện*. Trong sách Phật tạng ban đầu không có những chuyện kỳ lạ đặt bày, thế mà về sau các tiểu thuyết nói đến chuyện tình quái khá nhiều. Sách *Đại Đường Tam Tạng thủ Kinh thi thoại* đã có Hầu Hành Giả, Thân Sa Thần cung, những côi lạ. Viện bản của người Kim cũng có sách *Đường Tam Tạng* (Theo thuyết canh lục của Đạo Tông Nghi). Tựa kịch đời Nguyên có vở *Đường Tam Tạng Tây Thiên thủ Kinh* (Sách lục quỷ bạ của Chung Tự Thành).

Vở đó cũng có tên là *Tây Du Ký* (Hiện nay có bản Diêm Cốc Ôn người Nhật Bản hiệu đính và in) trong đó bớt Tôn Ngộ Không đi, thêm vào Giới Cô, Sa Tăng, Trư Bát Giới, Hồng Hải Nhi, còn bọn Thiết Phiến Công Chúa thì đều đã thấy cả rồi, như chuyện cũ lấy kinh. Từ cuối Đường cho đến Tống Nguyên cứ dần dần diễn thành chuyện thần dị, là vì chuyện có thứ lớp mạch lạc nên các tác giả tiểu thuyết cũng hay lấy làm *Ký truyện*.

Chín hồi đầu của bộ sách kể chuyện Tôn Ngộ Không từ khi được gặp Tiên cho đến khi bị đày xuống, nói có con khỉ Thạch hầu do trừ được nguồn nước, được quần chúng cử lên làm vua, sau lại ra khỏi núi, tìm được thầy và giác ngộ về đạo, dùng phép đại thần thông, làm rối loạn trời đất, Ngọc Đế bắt đắc dĩ phong là Tề Thiên Đại Thánh. Lại quấy phá đại hội bàn đào, Đế sai Quán Khẩu Nhị Lang Chân Quân đánh, thành Đại chiến. Ngộ Không bị bắt, sách thuật trận chiến đấu đó biến hóa như sau:

Con khỉ nhỏ kia thấy Chân Quân đến thì vội đi báo cho Hầu Vương biết, Hầu Vương tức khắc giật lấy chiếc gậy Kim Cô, bước lên mây đi. Hai người thấy nhau đều xưng họ xưng tên ra, rồi bày thế trận ra đánh, qua hơn

300 hợp, cả hai đều biến thân ra muôn trượng, vào trong mây mà đánh, xa mười cửa động... Đại Thánh đang đánh thì bỗng thấy đám khỉ ở núi mình kinh sợ chạy toán loạn. Đại Thánh tách mình ra chạy, Chân Quân sai bước rượt theo, bên chạy bên đuổi. Đại Thánh hốt hoảng biến thân một cái và nhảy xuống nước. Chân Quân nói: “Cái con khỉ này xuống nước tất là biến làm tôm cá, để ta biến thành con bói cá đuổi theo”. Đại Thánh thấy Chân Quân rượt đến, lại biến thành con chim bay lên ổ trên cây, bị Chân Quân giương cung bắn một phát, rơi xuống trên bờ cỏ, nhưng rồi tìm khắp không có. Chân Quân quay về doanh trại Thiên Vương báo tin Hầu Vương thua trận này nọ cùng việc mình đuổi theo mà không thấy dấu vết gì. Thiên Vương lấy chiếc gương chiếu yêu chiếu vào, vội nói: “Con khỉ yêu đã đi đến vùng Quán Khẩu của ông rồi”. Chân Quân về Quán Khẩu, Hầu Vương né một né, biến lại hình cũ, rồi hai người đều đưa mọi thủ đoạn ra xem ai hơn ai kém, Hầu Vương có ý muốn về núi, song bốn mặt đều có Thiên Vương vây và niệm chú. Bỗng nhiên Chân Quân cùng Bồ Tát ở trên mây nhìn, thấy Hầu Vương tinh lực sắp đuối, Lão Quân vút xuống chiếc vòng kim cương, đập vào trên đầu Hầu Vương một cái. Hầu Vương ngã lộn nhào ra giữa đất, bị chó thần của Chân Quân cắn chặt lấy bụng Hầu Vương vừa kéo vừa đi, nhưng rồi bị anh em Chân Quân lấy gậy thân đâm giữ lấy, đem thừng sắt ra cột lại (Hồi thứ 7: Chân Quân bắt được Hầu Vương).

Song chặt không bị thương, thui không chết, Như Lai mới cho vào dưới núi Ngũ Hành để núi đè lên, bảo đợi người đi lấy kinh. Bốn hồi tiếp theo kể việc Ngự Trung chém rồng, Thái Tông xuống âm phủ, Lưu Toàn dâng dưa, đến việc Huyền Trang đi sang Tây, nói lý do của việc cầu kinh.

Hồi thứ 14 trở đi kể việc Huyền Trang giữa đường lấy thêm đồ đệ và gặp tai nạn như thế nào, và kết thúc là được chứng quả gặp Phật được kinh và trở về Đông. Đồ đệ có ba là Tôn Hành Giả, Trư Bát Giới, Sa Tăng, lại được cả Long mã, tai nạn thì hơn ba mươi, trong đó lớn nhất là ở Ngũ Trang quán, núi Bình Đỉnh, động Hỏa Vân, sông Thông Thiên, núi Động Dịch, con khỉ sáu tai chùa Tiểu Lôi Âm v.v...

Chuyện kể thường là đơn giản sơ lược nhưng cũng có khi xen lẫn những câu hài hước để thêm vui cười như tả trận đánh ở động Hỏa Vân sau:

... Các thổ địa đằng trước núi đằng sau núi đều đến cúi đầu báo danh? Chốn này gọi là suối Khô tùng, bên suối có một tòa Sơn Động tên là Hỏa Vân Động, động có một vị ma vương là con của Ma Vương Trâu, tên gọi là Hồng Hải Nhi, Hải Nhi có tam muội Châu hỏa rất là lợi hại. Hành Giả nghe nói quát bảo thổ thần lui ra... Cùng với Bát Giới tiến vào trong động tìm... Ma Vương dặn yêu nhỏ bảo đẩy ra xe nhỏ năm bánh, bày ở năm phương rồi cầm thương ra, sát khí bùng bùng, cùng Hành Giả đánh nhau đã mấy hợp, có Bát Giới hỗ trợ. Ma Vương chạy ngoặt lại, đâm vào mũi một đấm, trong mũi lửa phụt ra, các xe năm bánh cùng bùng cháy một loạt, Bát Giới nói: ông anh mau mau chạy đi. Suýt nữa thì con lợn già này đã bị thui cả con thêm gia vị nữa cho nó ăn cả. Hành Giả tuy tránh khỏi bị thiêu, nhưng sợ khói, hai người chỉ còn cách chạy trốn... (Hồi thứ 32: Đường Tam Tạng bắt được yêu, qua sông Bắc Hà).

Lại mời Quan Thế Âm đến, hóa đạo làm tòa sen, đỡ mà bắt khi, đã hàng phục được rồi thì lấy năm sợi lạt vàng vòng lại, lấy nước cam lồ mà tưới, mới bắt đầu chấp hai tay lạy về núi Lạc Giả. Trong tạp kịch Tây Du Ký, màn quỷ mẫu quy y bắt đầu với chuyện cũ, dùng cái bát cứu đứa trẻ, trong đó có nói:

Thưa Thế Tôn, xin hãy bằng lòng phát sức từ bi ra. Tôi cùng với Đường Tam Tạng Tây Du rồi về. Loài yêu quái Hải Nhi đã phóng sinh nó. Đến phía trước phải được hai thánh lang cứu Thế Tôn (Quyển 3). Mà đây lại đổi ra là con của Ngưu Ma Vương mà cùng với đứa trẻ có tài lành đã tham gia hiểu biết điều thiện cùng lẫn lộn.

Chương 17

TIỂU THUYẾT THẦN MA ĐỜI MINH (TRUNG)

Lại có *Tây Du Ký* bản một trăm hồi, đó là từ bản bốn mươi mốt hồi, in vào sau *Tây Du Ký* truyện mà ra, mà nay đặc biệt lưu hành mạnh và cho là của Khử Xử Cơ đạo sĩ đầu đời Nguyên làm, Xử Cơ vốn có đi Tây thật, Lý Chí thường ghi chép sự việc của ông làm sách Trường Xuân Chân Nhân *Tây Du Ký*, hai quyển này vẫn còn trong sách Đạo Đàng, chỉ vì cùng tên Chí nên người ta cho là một sách ấy cả. Buổi đầu đời Thanh người khắc in tiểu thuyết *Tây Du Ký* lại lấy bìa tựa sách Trường Xuân Chân Nhân *Tây Du Ký* của Ngu Tập làm mà in lên đầu sách, rồi câu chuyện không có căn cứ lại không thể dẹp bỏ đi được nữa.

Nhưng đến cuối đời Càn Long nhà Thanh, có Tiền Đại Hân viết lời bạt cho Trường Xuân Chân Nhân *Tây Du Ký* (*Tiềm nghiên đường văn tập* 29), đã có nói tiểu thuyết *Tây Du Ký* do người đời Minh làm, Kỷ Quân làm sách Như Thị Ngã Văn 3, lại nhân sách trên có những cảm y vệ của nước Tế Trai, Tư Lễ Giám của nước Chu Tử Đông thành, binh mã ti của nước Diệt Pháp, Đại học Hàn lâm Viện Trung Thư khoa đời Đường Thái Tông đều là của đời Minh cả nên quyết đoán là sách của người Minh giả thác làm ra, chỉ một điều là còn chưa biết tác giả là người nào. Lại nữa, chuyện của quê hương, người ta càng thích nói, cho nên sau đó người Sơn Dương như các ông Đinh Ấn (Sách *Thạch Đình Ký sự tục biên*), Nguyễn Quì Sinh (Sách

Trà Dư Khánh thoại) đều đã lục tìm tài liệu cũ và biết rằng tác giả của *Tây Du Ký* là Ngô Thừa Ân rồi. Ngô Ngọc Tấn (*Sách Sơn Dương chí di*) cũng nói vậy, chỉ còn nghi là Thừa Ân diễn sách của Khưu Xử Cơ ra, cũng như La Quán Trung diễn Tam Quốc Chí của Trần Thọ, chỉ do chưa thấy bản hai quyển nên còn nói là nghi. Lại nói có người bảo có sách *Hậu Tây Du Ký* mà do Xạ Dương tiên sinh làm nói thế chỉ là do tục thuyết mà thôi.

Ngô Thừa Ân tên tự là Nhữ Trung, hiệu là Xạ Dương Sơn nhân tính người lanh lợi khôn ngoan, đọc rộng hết mọi sách, lại giỏi khôi hài, có viết một số tạp ký, nổi tiếng một thời. Là tuế cống sinh năm Giáp Thìn niên hiệu Gia Tĩnh, sau làm thừa lại huyện Trường Hưng. Đầu niên hiệu Long Khánh về Sơn Dương, đầu niên hiệu Vạn Lịch thì mất (Khoảng 1510 - 1580). Một trong những tạp ký của ông là *Tây Du Ký* (Thấy trong sách *Thiên Khải Hoài an phủ chí* 16, 14 và sách *Quang Tự Hoài an phủ chí cống cử biểu*), ngoài ra chưa rõ. Ngô Thừa Ân lại hay thơ. Thơ ông theo lời tựa của Trần Văn Chúc: “Lời tinh mà hiểu được, ý rộng mà sâu”, là nhà thơ hàng đầu vùng Hoài quận trong cả thời gian triều Minh, nhưng một đời nghèo, già rồi không có con nối dõi, bản thảo của ông mất đi nhiều. Khưu Chính Cương có thu thập được một số tàn khuyết làm thành bộ *Xạ Dương tồnảo* bốn quyển, tục một quyển, Ngô Ngọc Tấn đưa cả vào *Sơn Dương kỳ cựu tập* (*Sách Sơn Dương chí di* 4). Song đến khoảng Đồng Trị, những người tu sửa *Sơn Dương huyện Chí*, bỏ câu giới khôi hài, viết tạp ký trong *Nhân vật Chí di*, còn trong *Nghệ Văn chí* thì không xếp mục *Tây Du Ký*, từ đó tính cách và hành trang của họ Ngô mất đi phần chân thật, và những kẻ biết rằng *Tây Du Ký* là do họ Ngô mà ra cũng càng ít đi.

Tây Du Ký về thứ lớp sắp xếp toàn bộ cuốn sách này với bản bốn mươi một hồi của Dương Chí Hòa làm hầu như ngang nhau: 7 hồi đầu nói chuyện Tôn Ngộ Không từ khi đắc đạo cho đến khi bị đày xuống là ngang với chín hồi đầu của bản họ Dương. Hồi 8 chép việc Thích Ca làm ra kinh, so với tập nói chuyện A Nan Kiết trong kinh Phật không khớp nhau. Hồi 9 chép việc bố mẹ Huyền Trang gặp nạn, việc Huyền Trang trả thù cũng không có, chỉ là của họ Ngô thêm vào. Hồi 10 đến hồi 12 tức là phần kể chuyện Ngụy Trưng chém rồng đến chuyện Huyền Trang vâng chiếu đi Tây

là ngang với hồi 10 đến hồi 13 của bản họ Dương. Hồi 14 đến hồi 99 thì đều chép việc đi đường vào Tây Trúc gặp nạn như thế nào, Cửu (chín) tức là cứu (cứu cánh - ND), vạn vật chấm hết ở số 9. Vạn hết, 9 lần 9 là 81 cho nên gặp 81 nạn, mà hồi 100 chuyện trở về Đông thành chân tu là hồi kết thúc.

Chỉ khác nhau ở chỗ bản của Dương Chí Hòa tuy rằng đại thể là tốt nhưng vẫn từ thô lỗ, cũng có thể nói là tạm thành cuốn sách mà thôi. Còn họ Ngô thì là một cây bút tài hoa, người lanh lợi khôn ngoan, uyên bác tao nhã, nói về mặt tài liệu thì tìm kiếm hết sức rộng rãi. Trong sách *Tây Du Ký* thì cũng lấy *Hoa Quang truyện* và *Chân vô truyện*, trong cái tích cũ Tây Du thì cũng lấy sách *Tây Du Ký tạp kịch* cùng sách Tam Tạng thủ kinh thi thoại (?). Trong những truyện đã đổi thay làm lại thì cũng lấy các sách như *Dậu Dương tạp trở*, *Dị văn tập* trong chuyện truyền kỳ đời Đường. Về mặt châm biếm trên cợt thì lấy ở nhân tình thế thái đương thời, rồi gia công miêu tả phô trương, hầu như là thay đổi hẳn, chẳng hạn hai chàng ở Quán Khẩu đánh với Tôn Ngộ Không bản họ Dương chỉ vền vẹn hơn ba trăm chữ mà của họ Ngô thì gấp mười. Trước tiên kể việc hai người hiện ra pháp tượng, tiếp đó kể việc Đại Thánh hóa thành chim sẻ, hóa thành đại tự lão, thành cá, thành rắn nước, Chân Quân thì hóa thành tước ưng, thành đại hải hạc, thành chim bói cá, thành hạc màu tro. Đại Thánh lại hóa thành chim bảo. Châu Quân cho là chim hèn, không thèm đánh với, tức thì hiện lại nguyên hình, dùng hòn đá bắn rơi xuống.

...Đại Thánh ta lợi dụng cơ hội chạy trên sườn núi xuống như lăn, nấp vào một chỗ rồi lại biến, biến thành một ngôi miếu thờ thổ địa: há to mồm ra giống như cái cửa miếu, răng bị biến thành cánh cửa, chót lưỡi biến thành một ông Bồ Tát. Con người mắt biến thành hoa văn tròn cửa sổ, chỉ còn cái đuôi cuốn không kỹ, dựng đứng lên đằng sau, nhưng rồi biến thành một cái cán cờ. Chân Quân đuổi theo đến sườn núi, không thấy con chim bảo mình đang đuổi mà chỉ thấy một gian miếu nhỏ, vội tròn đôi mắt phượng lên, nhìn kỹ, thấy cái cán cờ cắm đằng sau, cười mà nói: Chính là khỉ đây rồi. Bây giờ nó lại trên ta ở đây. Ta đã thấy nhiều miếu đền, mà chưa thấy miếu đền nào lại cắm cờ ở đằng sau. Hẳn là con súc sinh đó trên ta rồi. Nếu nó lại trên ta mà bỏ chạy thì chắc nó lại cắn ta một miếng dã, còn ta, ta

mà lại bỏ chạy? Hãy đợi đó, ta sẽ giơ nắm tay nắm cái hoa văn ở cửa song, rồi đá cái cánh cửa, Đại Thánh nghe được.... Nghe một tiếng quật như hổ nhảy, rồi lên giữa tầng không, bao trùm đi không thấy... Chân Quân chạy đằng trước rồi chạy đằng sau, đuổi lung tung... lên nửa lưng trời thấy Lý Thiên Vương giơ cao gương chiếu yêu, cùng với Na Tra đứng trên đám mây, Chân Quân nói: “Thiên Vương có thấy Hầu Vương kia không?”, Thiên Vương đáp: “Có lên đây đâu, tôi ở đây soi tìm nó đây”. Chân Quân đem tất cả các chuyện thấy nó biến hóa, chơi đùa với phép thần thông, bắt bọn khỉ v.v... nói hết rồi nói: “Nó biến thành ngôi miếu, ngay lúc tôi định đánh thì nó chạy mất”. Lý Thiên Vương nghe vậy thì lại giơ gương chiếu yêu lên soi khắp bốn phương một lượt, cười khà khà mà nói: “Chân Quân, mau đi đi, đi đi, con khỉ kia nó dùng phép ẩn thân chạy ra ngoài vòng vây, đến chỗ cửa khẩu Quán Giang kia của ông rồi...”. Lại nói chuyện Đại Thánh ta đã về đến cửa Quán Giang rồi rừng mình một cái biến thành hình dáng hai anh chàng, trên mây nhằm xuống đi tắt vào trong ngôi miếu. Các quan Quỷ phán không nhận ra, quan nào quan nấy rạp đầu lạy mà đón tiếp. Đại Thánh ngồi vào căn giữa, kiểm tra việc thờ cúng thề nguyện, thấy lễ Tam Sanh của Lý Hồ báỉ trả lại, giấy bảo phúc của Trương Long Hứa đưa xuống, văn thư cầu tự của Triệu Giáp, giấy của Tiểu Bình cáo ốm. Đang còn xem thì có người báo: Có một ông nào đến, các quỷ phán vội nhìn xem thì không ai không kinh hồn. Chân Quân bèn nói: “Có một tay Tề Thiên Đại Thánh nào vừa đến đây phải không?” các quỷ phán trả lời không thấy Đại Thánh nào cả, chỉ có một cái ông ở trong đó kiểm tra mọi việc. Chân Quân xông đến cửa... Đại Thánh thấy, biến lại nguyên hình nói: Ông già này; Đứng ồn, ngôi miếu mang họ Tôn rồi”. Chân Quân tức thì lấy cái giáo thần ba xỉa hai mũi nhằm mặt định đâm cho rách toạc ra. Hầu Vương dùng phép né mình, giáo thần đâm không trúng, lấy ra một tấm thêu, choàng một choàng, đầu Chân Quân giống hệt một cái bát, rồi chạy lên trước, hai bên đối diện nhau. Cả đôi ồn ào lúng túng, ra ngoài cửa miếu, nửa mù nửa mây, vừa đi vừa đánh, cho đến núi hoa quả. Đại Thiên Vương thấy hoảng lên, càng đề phòng kỹ, các chức thái úy Khang Trương rước lấy Chân Quân, đồng lòng ra sức vây vòng lấy Hầu Vương. Chuyện tạm ngừng... (Hồi thứ 6 phần cuối: Tiểu Thánh ra oai hàng phục được Đại Thánh).

Song tác giả cấu tứ huyền ảo là đại để ở trong tám mươi một nạn, như trận đánh ở núi Kim Đầu (Từ hồi 50 đến hồi 52). Sự tranh chấp giữa nhị tâm (Hồi 57 và hồi 58). Trận đánh ở núi Hỏa Diệm Sơn (Từ hồi 59 đến hồi 61), biến hóa ra làm điều này điều nọ, hết sức kỳ lạ phóng túng. Hai chuyện trước trong sách họ Dương đã có rồi, còn chuyện sau thì thấy trong Tây Du Ký của tạp kịch, cùng với chuyện Thiết Phiến Công Chúa trong *Hoa Quang truyện*.

Phối hợp với chuyện Ngưu Ma Vương là vai chỉ thấy cái tên ở trong *Tây Du Ký truyện*, đã cho chuyện của mình càng thêm phần quái lạ như thế. Thuật chuyện Ngưu Ma Vương khi đã làm cho các thần phục mình rồi, thì sai La sát nữ dâng quạt ba tiêu, rồi dùng mà diệt lửa Hỏa Diệm Sơn, giúp vào việc Huyền Trang đi Tây thiên như sau:

... Con trâu già kia lòng kinh gan sợ... Trông lên thấy là chạy, may gặp có Thác tháp Lý Thiên Vương cùng với Na Tra thái tử lĩnh lấy cái kéo thuốc ruột cá và cái màn cự linh thần tướng ở trên không... Ngưu Vương vội vàng, rùng mình biến một cái như trước, biến thành một con trâu bạc to, giờ hai cái sừng sắt ra húc Thiên Vương, Thiên Vương đưa dao ra chặt. Theo sau có Tôn Hành Giả lại đến, nói: Con vật hèn này thần thông không nhỏ, lại biến thành cái thân xác to thế, ta làm sao bây giờ? Thái Tử cười bảo: Đại Thánh dùng nghi ngờ, xem tôi bắt nó đây. Thái Tử ta tức thì quát một tiếng biển, rồi biến thành ba đầu, sáu tay bay người lên, nhảy lên lưng Ngưu Vương, giờ gươm Trảm yêu nhè lên cổ nó vấy một vấy, bắt giắc đầu trâu bị chém đứt ra, Thiên Vương vút dao rồi cùng Hành Giả hai bên gặp mặt nhau. Còn Ngưu Vương kia thì từ trong bụng lại lòi ra một cái đầu, miệng phì ra khí đen, mặt phóng ra ánh sáng ngời vàng. Na Tra lại chặt cho một chặt, chỗ đầu rơi ra, lại thò ra một đầu khác nữa, Na Tra chém liền mười hai nhát, thì mười hai cái đầu lại liền thò dài ra, Na Tra lấy ra cái bánh xe lửa, móc vào sừng trâu, rồi thổi lửa phép lên, lửa hừng hực, đốt cho Ngưu Vương phát diên gào rống, lắc đầu vẩy đuôi. Đang còn muốn biến hóa để thoát thân thì lại bị Thác tháp Thiên Vương tướng giờ gương chiếu yêu lên chiếu vào, hình tượng thế nào cứ nguyên thế đó, nhảy kéo không được. Hết kế trốn đi, chỉ kêu: Đừng làm hại tính mạng tôi, tôi xin thuận theo đạo Phật. Na Tra nói:

“Đã tiếc mạng muốn sống thì mau đem cái quạt ra đây”.

Ngưu Vương nói: “Cái quạt là do vợ tôi ở quê trong núi lấy mà”. Na Tra nghe nói, mở cái thùng yêu ra... Xỏ vào cái lỗ mũi, cầm dắt đi... Về đến động Ba Tiêu, trâu già ta lại bảo: “Phu nhân, đưa cái quạt ra đây, để cứu mạng tôi”. La Sát nghe gọi vội lột bỏ trăm cái, vòng đeo cỡi áo màu đang mặc ra, kéo sợi tơ xanh như dạ đạo cô, mặc đồ tang giống như Tì Khảm, hai tay nâng cái quạt ba tiêu cán dài có đến một trượng hai, chạy ra cửa. Lại thấy cả các thánh Kim Cương cùng cha con Thiên Vương, hoảng hốt quỳ xuống giữa đất, rạp đầu lạy và nói: mong Bồ Tát tha mạng cho vợ chồng chúng tôi, đem quạt này dâng chú Tôn, chúc chú đi thành công... đi gần đến bên núi cầm, lấy hết sức ra quạt một quạt núi Hỏa Diệm Sơn êm êm tắt lửa, lẳng lẳng hết người. Lại quạt một quạt nữa, thì chỉ nghe những tiếng khi mau khi chậm, rồi gió mát thổi nhẹ nhàng, quạt cái thứ ba thì đây trời mây bay man mác, mưa bụi rắc đầy, có thơ sau làm chứng.

Núi này xa lắc tám trăm đường

Núi lửa lừng danh, nổi bốn phương

Lửa nấu năm canh đàn chẳng chín

Lửa soi ba cửa lối còn vương

Móc mута nhờ quạt ba tiêu giúp

Thần công may được tương trời ban...

HỒI 11 - Hạ (Tôn Hành Giả ba lần dùng quạt ba tiêu).

Lại nữa, tác giả tính người hài hước, cho nên tuy thuật biến ảo hoảng hốt mà cũng xen vào những câu dí dỏm, làm cho thần ma cũng có nhân tình, tình yêu cũng rõ thể thái, và cái ý nghĩa khinh đời, không cung kính với ma quỷ cũng rõ hơn, thấy rõ hơn (Thấy rõ hơn trong sách *Tây Du khảo chứng* của Hồ Thích). Chẳng hạn đoạn văn kể chuyện Tôn Ngộ Không bị con quái vật trên rừng động Kim Đầu đánh cho thua to. Mất chiếc gậy Kim Cô, phải lên yết kiến Ngọc Đế, xin ra quân đánh bắt nó sau đây:

... Lúc ấy bốn mươi mốt hiền sư ra lệnh tâu lên linh tiêu, dẫn đến

ngọc bệ. Hành Giả ngẩng mặt lên chào, vái chào và nói: “Bẩm quan lớn, xin làm phiền ngài. Tôi là lão Tôn bảo vệ Đường Tăng sang trời Tây lấy kinh, trên đường lành ít dữ nhiều, điều đó không cần nói. Giờ đây là từ động Kim Lâu trong núi Kim Đầu mà đến. Ở trong động đó có con quái vật trâu rừng, nó bắt Đường Tăng vào trong động, không biết để nấu, để hầm hay để phơi khô. Lão Tôn này tìm đường lên cửa nó, cũng có đánh trận, con quái đó có phép thần thông rộng, nó cướp mất cái gậy Kim Cô của lão, vì thế khó trói được yêu ma. Con quái lại nói có hơi nhận ra được lão, lão nghi nó là hung tinh trên trời vì nhớ phạm trần mà xuống, vì thế mà phải lên tâu bày. Kính xin Thiên Tôn rủ lòng từ bi, đèn trời soi xét, xuống chiếu sai tra khám xét các hung tinh, ra quân bắt yêu ma, lão Tôn này khôn xiết run sợ kính hoàng. Thế rồi lại còn khom lưng nói hai tiếng kính tâu nữa. Bên cạnh có Cát Tiên ông. Ông cười mà nói: Con khỉ sao lại trước thì ngạo nghễ, sau lại cung kính. Hành Giả trả lời: “Dám dẫu, dám dẫu, không phải trước thì ngạo nghễ, sau lại cung kính dẫu, lão Tôn tôi nay có gậy Kim Cô đâu nữa mà đùa...” (Hồi thứ 51 thượng: tâm vượn có ngàn kể).

Bình luận sách này có người đời Thanh là Ngô Nhất Tử, Trần Sĩ Bân ở Sơn Âm viết sách *Tây Du Chân toàn* do Vưu Đông đề tựa năm Bính Tý Khang Hi. Trương Thư Thân ở Tây Hà viết sách *Tây Du chính chỉ* có tựa đề năm Mậu Thìn Căn Long, và Ngô Nguyên Lưu Nhất Minh viết sách *Tây Du nguyên chỉ* có tựa đề năm Gia Khánh 15, người thì bảo đó là sách khuyên người ta chăm học, người thì bảo đó là sách bàn về đạo Phật, người lại bảo đó là sách bàn về đạo giáo. Ai cũng cố đưa lý lẽ và phương pháp để chứng minh, lời văn rất rườm. Nhưng tác giả sách này tuy là nhà Nho, mà sách làm thực ra là chỉ để mua vui, cũng không phải nói về đạo giáo, cho nên trong toàn bộ cuốn sách chỉ thỉnh thoảng gặp một số câu thường đàm về thuyết ngũ hành định khắc mà thôi. Tác giả lại càng chưa biết đến Phật giáo cho nên trong hồi cuối có những tiết mục Kinh Phật thậm chí hoang đường, không căn cứ vào đâu. Sở dĩ như thế chỉ là do nền tôn giáo hỗn đồng, lưu hành đã lâu, cho nên các sách làm ra cũng cho Thích Ca với Lão Quân là cùng dòng phái, thuyết chân tính với thuyết nguyên thần xen lẫn nhau, dẫn đến việc đồ đệ của tôn giáo, bên nào cũng tùy ý phụ họa vào được

mà thôi. Giả sử muốn tìm cho cái đại ý của chủ đề cuốn truyện thì Tạ Triệu Chế trong sách *Ngũ tạp lổ* 15 của mình có nói: Chuyện Tây Du Ký dài dòng, hư không và quái đản, lại biến hóa tung hoành, trên trời dưới đất, không gì cảm đoán được, cuối cùng áo thất thông lọng được một con trâu rừng mà khiến được con vượn lòng thuần phục, đến chết cũng không đổi khác. Đó chỉ là cái ví dụ về thuyết tìm lại cái phóng tâm, không phải là một tác phẩm lãng mạn, nói suông, không có chủ đích.

Mấy câu của Tạ Triệu Chế đó cũng đủ nói hết ý rồi. Còn chính tác giả thì cũng chỉ nói: Các Tăng ni bàn luận về ý định của cửa Phật. Về lý do đi Tây lấy kinh... Tam Tạng ngậm kín miệng không nói, chỉ lấy tay chỉ tìm mình, gật đầu mấy cái, chúng tăng không ai hiểu ý thế nào... Tam Tạng nói: Tâm sinh thì mọi loại ma sinh, tâm diệt thì mọi loại ma diệt, bọn đệ tử ta đã từng ở trong chùa Hòa Sinh thề nguyện trước Phật, nay không phải là do ta không hết cái lòng đó, chuyển đi này nhất định phải đến Tây Thiên châu Phật xin Kinh, làm thế nào để cho bánh xe phép Phật trở lại, cơ đồ của Đức Vua vĩnh viễn vững bền (Hồi thứ 13) mà thôi.

Hậu Tây Du Ký sáu quyển bốn mươi hồi không biết của người nào làm trong đó bảo núi hoa quả lại sinh ra con Thạch Hầu, vẫn được phép thần thông, xưng là tiểu thành, giúp hòa thượng Đại Điền, được ban cho hiệu Bán kê đi Tây Thiên lần nữa để kính cẩn xin sư giải đáp chân thật, dọc đường thu nạp Trư Bát Giới, được Sa Di, cũng gặp các ma, nhiều lần bị nguy nan, song cuối cùng cũng đến được chỗ núi thiêng, được sự giải đáp mà trở về. Còn việc cho Nho Thích là một thì cũng như trong Tây Du, nhưng dựng chuyện viết văn đều khiêm tốn hơn, đem cái trong đẹp của thơ văn Ngô Thừa Ân mà nâng cao chuyện lên, tỏ ý là không phải tự mình sáng tác lấy. Lại có *Tục Tây Du Ký* mô phỏng diễn tả quá thật thành ra câu chuyện không linh hoạt, thêm thất vào sự linh thiêng hư ảo của Tỉ Khưu, càng ra vẻ rần thêm chân mà thôi.

Chương 18

Tiểu thuyết thần ma Đời Minh (Hạ)

Chuyện *Phong thần* một trăm hồi, bản hiện nay không đề tên người soạn. Lương Chương Cự làm sách *Lãng tích tục đàm* 6 có nói: Lâm Việt Đình (xét ra tên là Kiều Ấm) tiên sinh cùng tôi nhiều lần nói chuyện, nói sách *Phong thần truyện* do một túc nho đời Minh trước kia làm ra có ý muốn để cho chuyện của mình cùng với chuyện Tây Du, chuyện Thủy hử cùng đứng vững như một bộ ba, nhưng tình cờ đọc thiên Vô Thành, sách *Thượng thư* thấy có câu: Duy nhi hữu thần thượng khắc tương dữ, rồi diễn ra thành chuyện đó. Sự việc *Phong thần* là căn cứ ngầm ở các sách Lục thao (Lời tựa của *Lễ nghi chí* trong sách Cự Đường thư). Sách Âm mưu (Tựa sách Thanh Bình Ngự Lãm). Sách Sử ký, sách Phong Thiệu thư, sách Đường thư, sách Lễ nghi chí, chuyện phô trương nhưng chứng chặc hay, lạ. Không phải là không có căn bản tất cả. Song tên của vị túc nho nói trên thì chưa nói ra. Bên Nhật Bản có bản khắc đời Minh thì đề là Hứa Trọng Lâm làm (Mục lục sách chữ Hán, bộ thứ: kho sách của nội các, nay chưa thấy được lời tựa không thể định được làm vào thời nào). Song Trương Vô Cử làm tựa cho *Bình yêu truyện* có nói qua về chuyện *Phong thần* thì có thể là làm xong vào khoảng Long Khánh Vạn Lịch (nửa sau thế kỷ 16). Bài thơ của chương mở đầu có câu: Thương Chu diễn nghĩa xưa nay truyền, thế thì hình như sách này cũng cốt nhằm diễn sử nhưng lại nói về chuyện thần quái quá nhiều... mười phần đến chín phần là bày đặt thực ra chỉ là mượn sự Thương

Chu tranh giành để tả lại cái ảo tưởng của mình, so với Thủy hủ thì kém vì không có sự thật. Với Tây Du thì kém về mặt hùng tráng phóng túng, cho nên mãi đến ngày nay chưa có ai cho là bộ ba chân vạc cả.

Phong Thiện thư trong *Sử ký* nói: tám thần tướng là làm ra từ Thái Công về sau này. Trong *Lục Thao* và *Kim quỹ* cũng có chỗ ghi chép về phép thần của Thái Công. Đắc Kỷ là Hồ tinh thì thấy trong chú giải sách *Mông cầu* của Lý Hân đời Đường, đó là chuyện thần dị thời Thương Chu, vốn đã cũ rồi. Song *Phong Thần* cũng là chuyện kể ngoài đường ngõ đời Minh, đã thấy trong *Chân Võ truyện*, chứ đâu phải gốc từ sách *Thượng Thư* mà ra.

Chuyện *Phong Thần* bắt đầu với việc vua nhà Ân là Tân dâng hương ở cung Nữ Oa, làm thơ nói quá nhiều đến thần, thần nhân đó sai ba con yêu làm mê hoặc vua Trụ để giúp cho nhà Chu. Từ hồi thứ 2 đến hồi thứ 30 thì thuật những chuyện vua Trụ bạo ngược, việc Tử Nha bỏ nơi ẩn mà ra, việc Tây Bá thoát khỏi tai họa, việc Võ Công của Võ Vương Thành rồi là phản lại nhà Thương đi đến cuộc chiến giữa Ân và Chu. Sau đó nói nhiều về chiến tranh Thần và Phật hiện ra lẫn lộn, bên giúp nhà Chu là phái Xiển giáo, đây tức là hai đạo Phật và Đạo, bên giúp nhà Ân là phái tiết giáo không hiểu là thế nào. Tiên Tịnh Phương làm sách tiểu thuyết từng khảo (thượng), cho là như trong thiên Khắc Ân của *Chư Thư* nói, Võ Vương bèn đi đánh bốn phương, kể các nước tin theo có 99. Chặt đầu cắt tai ma phỏng chừng mười bảy ngàn bảy trăm bảy mươi chín, bắt sống ba ức vạn, hai trăm ba chục (xét ra là đoạn văn trên là ở trong chương Tề Phù, họ Tiên tình cờ ghép sai) chữ ma và chữ nhân hiểu tách ra, rồi do đó mà cho là tiết giáo. Song hai chữ ma ra là tiếng Phạn, đời Chu chưa phiên ra, đã thế rồi chữ Ma trong thiên Thế phù lại viết chữ mà là Mãi³, đó là chữ chép lầm nhưng thực ra cũng chưa rõ. Còn trong các trận đánh thì bên nào cũng có đua tài phù phép, bên nào cũng có tử thương nhưng tiết giáo rút cuộc thua. Chuyện kết thúc với việc vua Trụ tự đốt chết. Võ Vương nhà Chu vào đất Ân. Tử Nha về nước được *Phong Thần* Võ Vương phân phong các nước. Phong làm vua một nước là để đền ơn công thần, phong thần là để thỏa lòng các quỷ có công, mà việc

³ Âm Hán Việt cũng đọc là ma - ND.

thần người chết đi thì giao cho số kiếp. Trong câu chuyện có khi đưa tên Phật ra, tình cờ cũng nói đến danh giáo, hỗn hợp ba Tôn giáo đại khái cũng như Tây Du, song ở đây về căn bản thì chỉ là kiến thức của các phương sĩ mà thôi. Về chiến sự thì chỉ có thông thiên giáo chủ của Tiệt giáo bày ra trận vạn tiên, các tiên chiếu giáo hợp nhóm lại phá đi, trận đó là ác liệt nhất.

Chuyện kể Lão Tử cùng với Nguyên Thủy xông vào trong trận Bát Vạn Tiên, trùm bọc thông thiên giáo chủ lại. Kim Linh Thánh mẫu thì bị ba đại sư vây lại trong đó... Dùng Ngọc như ý vây ba đại sĩ một chập lâu, không dè làm cho mũ Kim quan trên đầu rơi xuống giữa đất bụi, tóc tung ra, Thánh mẫu để tóc xỏa vậy mà ra sức đánh. Đang lúc đánh như thế thì gặp Nhiên Đăng đạo sĩ, đạo sĩ khấn khứa sai Đinh Hải Châu đánh trả, đánh trúng ngay cái con mắt trên đỉnh đầu. Thương thay thật là:

Phong Thần ngôi chính làm sao đầu,

Của Bắc khôi thơm còn muôn thuở.

Nhiên Đăng tướng Đinh Hải Châu đánh Kim Linh Thánh mẫu chết. Quảng Thành tử khấn khứa sai Lục Tiên Kiến, Đạo Hành Thiện Tôn khấn khứa sai Hâm Tiên Kiến, Ngọc Đình Châu nhân khấn khứa sai Tuyết Tiên Kiếm, thế là hai, ba luồng khí đen xông lên tầng không, trùm kín trận Bát Vạn Tiên lại: Những ai có tiếng tăm trên đài Phong Thần đều bị giết chết, khác nào cửa bị chặt, rau bị thái ra. Tử Nha khấn khứa sai Đả thần tiên tùy ý ra roi quất. Giữa trận Vạn Tiên lại bị Dương Nhâm quạt Ngũ hỏa quạt đưa lên cao nghìn trượng, khói đen ngút trời... Na Tra hiện ra ba đầu, tám tay xung đột đầu đó. Thông Thiên Giáo chủ thấy Bát tiên bị tàn sát như vậy thì trong bụng rất căm, vội hô rằng: Trương Nhĩ Định Quang tiên mau đưa phước lực hồn ra đây! Định Quang tiên nhân tiếp dẫn đạo nhân có sen trắng bọc thân, xá lợi hiện tia sáng. Lại thấy đệ tử hai đời người nhà Huyền Đô ai cũng có chuỗi ngọc đèn vàng hoa sáng chùm người thì biết họ xuất thân trong sạch chính đáng, Tiệt giáo rút cuộc là tầm bậy. Thế là chàng thu lá cờ lạc hồn lại, nhẹ nhàng ra khỏi trận Bát Vạn Tiên, tấp vào dưới đám lau sậy ẩn mình. Chính là:

Căn sâu nguyên vốn khách phương Tây

Ẩn trong lau sậy dằng cờ báu.

Chuyện kể Thông thiên giáo chủ... Không ưa đánh đấm chỉ muốn lui về hậu phương. Lại sợ đồ đệ của mình chê cười, chỉ miễn cưỡng ở đó vậy thôi. Nhưng lại bị Lão Tử phang cho một gậy, nên đâm hoảng, khẩn khứa sai Tử Điện Chùy đến đánh Lão Tử. Lão Tử cười nói: “Cái thứ ấy sao mà đến gần ta được?”. Rồi thấy trên đầu ông hiện lên ngọn tháp bửu lung linh. Chùy kia sao mà xuống được?... Thấy hai mươi tám vị tinh tú quan đã giết gần hết, chỉ có thầy Khuu Dẫn thấy thế mình không lợi, động thổ chạy được. Nhưng bị Lục Áp nhìn thấy, sợ đuổi không kịp nên vội vung mình lên không, mở cái bầu hồ lô thả ra một luồng sáng trắng, bên trên có vật gì bay ra.

Lục Áp cúi mình một cái, ra lệnh: “Bửu bối chuyển mình”. Thương ôi Khuu Dẫn, đầu đã rơi xuống đất... Hãy nói chuyện Tiến dẫn đạo nhân ở trong trận Vạn Tiên mở cái túi hiền khôn ra bắt nhét vào ba ngàn khách hồng khí. Ai có duyên đến nơi cực lạc đều được bắt vào trong túi. Chuẩn Đề Động Không Tước mình vương ở trong trận hiện ra hai mươi bốn đầu, mười tám tay, bốc các vật chuỗi hạt ngọc, lọng tàn chuỗi hoa, gương ruột cú, nõ vàng, lao bạc, búa trắng, phướn, chùy giá trị thần, lò than bằng ngọc, bình bạc tất cả đến đánh Thông thiên giáo chủ. Giáo chủ nhìn thấy Chuẩn Đề liền sai Tam muội Châu hỏa... và mắng to rằng: “Đồ vô lại, sao mày dám coi thường ta đến thế, lại đến làm loạn trận này của ta”. Rồi thả Khiên Ngưu xông ra, mình thì chống gậy đứng mà bắt, Chuẩn Đề đưa cây thất bảo ra đỡ. Thật là:

Tây Phương cực lạc vô cùng phép

Mỗi phép là hoa sen hóa ra.

(Hồi thứ 84)

Sách *Tam Bửu Thái giám Tây Dương Ký* thông tục diễn nghĩa cũng là một trăm hồi đề là Nhị Nam Lý nhân biên thứ.

Dầu sách có ghi Vạn Lịch Đinh Dậu (1579). Ngày lành tháng 9. La Mậu dâng tự. La Mậu là tác giả. Sách kể việc thời niên hiệu Vĩnh Lạc Thái giám Trịnh Hòa Vương Cảnh Hoàng thu phục được ba mươi chín nước man di bên ngoài, nước nào cũng bắt triều cống. Trịnh Hòa theo Minh Sử (304, *Hoàn quan truyện*) nói là người Vân Nam, người mà người ta gọi là Tam Bảo Thái giám ấy. Năm Vĩnh Lạc thứ ba, triều đình sai Hòa cùng bè bạn là bọn Vương Cảnh Hoàng, đi sứ Tây Dương đem theo quân lính hơn hai vạn bảy nghìn tám trăm người, mang nhiều vàng lụa, sắm thuyền lớn... Từ sông Lưu Gia Hà đi biển, đến Phúc Kiến, lại từ Phúc Kiến, tại Ngũ Hồ môn giương buồm trước hết đến Chiêm Thành, sau đó lượt lần đi khắp mọi nước, tuyên chiếu ở cửa thiên tử và ban cấp cho người trưởng quốc nếu không chịu phục thì dùng võ lực mà uy hiếp. Trước sau đi sứ bảy lần, trải qua hơn ba mươi nước, lấy những đồ vật quý giá mà không biết tên gọi là gì, nhiều không kể xiết mà Trung Quốc hao tổn cũng không tính được. Sau Hòa, phàm những kẻ đi ra phía ngoài biển xa, không ai không xưng tụng Trịnh Hòa để khoe khoang với các phiên thuộc. Cho nên tục thường kể chuyện *Tam Bảo Thái Giám Hạ Tây Dương*, cho là một chuyện Thịnh sự.

Vì lẽ Trịnh Hòa ở đời Minh tiếng tăm lừng lẫy, người đời thích nhắc đến, thế mà từ Gia Tĩnh về sau, cái nạn lùn rất nguy, dân gian thương cảm nỗi yếu hèn hiện tại, lại do chuyện cũ tập trung vào, thành ra không nghĩ đến việc tướng soái mà nghĩ đến việc chúc Thái Giám hơn, rồi hái lượm những điều truyền văn quê mùa mà làm ra sách, cho nên lời tựa có nói: Hiện nay việc phía Đông cấp bách, làm sao được như việc Tây nhưng đến ngay, không ví được với việc Tây nhưng đến ngay thì làm sao mà để ông Vương ông Trịnh thấy được. Một điều là sách nói nhiều đến chuyện quái lạ, thích chuộng hoang đường so với lời tựa khẳng khái thì không cân xứng: Hồi thứ nhất đến hồi thứ 7 là chuyện Bích Phong trưởng lão hạ sinh xuống trần, xuất gia đi tu và hàng phục được ma. Hồi thứ 8 đến hồi thứ 14 là chuyện Bích Phong và Trương Thiên Sử đấu phép với nhau, từ hồi thứ 15 trở xuống thì việc Trịnh Hòa treo ấn, chiêu mộ binh lính đi Tây chinh, có Thiên Sử cùng Bích Phong giúp, chém trừ yêu nghiệt, các nước vào triều cống. Trịnh Hòa cất dựng nhà thờ. Thuật chuyện đánh nhau thì lại tạp của

Tây Du Ký và Phong Thần truyện, song văn từ không thông, lại thường thêm chi tiết rườm rà, đặc biệt có nhiều chuyện kể ở các làng quê như Ngũ quỷ náo phán, Ngũ thủ náo Đông kinh, muốn khảo xét thì trong sách này có thể tìm được cả, âu cũng là sở trường của nó. Chuyện Ngũ Thử hình như từ tích việc tranh giành của “hai lòng” trong *Tây Du Ký* mà thoát thai ra. Chuyện Ngũ Quỷ thì chép việc các nước ngoài cùng nhà Minh đánh nhau xong, những kẻ tử trận ở dưới âm ty nhận tội, phần nhiều là bị ác báo, vì vậy mà làm loạn, thăng tay đánh quan tòa. Hai bên cãi cọ như sau:

... Ngũ Quỷ nói: “Đã không phải vì tư tình mà bán luật pháp đi, thì lại là tra xét xử lý không công minh”.

Diêm La Vương nói: “Cái gì là tra xét xử lý không công minh, mà nói ta nghe nào”. Đầu hết là Khương lão tinh nói: “Kẻ nhỏ mọn này là một ông quan Tổng binh của nước Kim Liên Tượng, vì nước quên thân, vì chức trách tội con, sao lại nói tôi đáng đưa sang ty phạt ác? Lấy việc đó mà suy ra lại không phải vì nước nhà mà đưa sức lực ra làm hay sao?” Thôi Phán quan nói:

“Nước nhà không khổ vì nạn lớn thì đưa sức lực ra vì nước nhà làm gì?” Khương lão tinh nói: “Người Nam thuyền quý nghìn hiệu, chiến tướng nghìn viên, hùng binh trăm vạn, thế nguy như trứng chồng, thế mà bảo là nước nhà khổ không gặp nạn lớn à?” Thôi Phán quan nói: “Người Nam đã khi nào diệt xã tắc của người ta, nuốt đất đai của người ta, tham tiền của người ta chưa? Sao lại nói thế nguy như trứng chồng?” Khương lão tinh nói: “Quốc thể không nguy, mà tôi đi giết người không gớm à?” Phán quan nói: “Người Nam có đến thì chỉ một tờ giấy bảo hàng là được, họ đã uy hiếp ai đâu nào, toàn bị các anh một bên ham đánh đó thôi, thế không phải là giết người không chán à?” Giảo Hải Can nói: “Phán quan Đại Vương sai rồi. Nước Qua Oa tôi 500 tên quân ngư nhân bị chặt đôi ra hai khúc, ba ngàn tên quân bộ bị nấu làm một nồi, thế là chúng tôi hăng đánh à?” Phán quan nói: “Bọn các người đều là mình làm mình chịu cả”. Viên nhân thiếp mộc nhi nói: “Bọn tôi cứ một người bị chẻ làm tư, đó là chúng tôi ham đánh nhau à?” Phán quan nói: “Cũng là do các người mình làm, mình chịu cả”. Bàn Long tam thái tử nói: “Tôi lấy đao tự vẫn, không phải vì bị uy bức sao?”

Phán quan nói: “Cũng là do các người mình làm mình chịu cả”. Bách Lý Nhận nói: “Bọn tôi bị đốt thành con quỷ đầu như que củi, há không phải vì họ bức bách phải làm hay sao?” Phán quan nói: “Cũng là mình làm mình chịu cả”. Năm con quỷ nhất tề rống lên nói: “Ông nói mình làm mình chịu cái gì, từ xưa người ta bảo: giết người thì đền mạng, thiếu nợ thì trả tiền, bọn họ cầm giáo giết oan bọn tôi, sao ông còn xử bênh cho họ?” Phán quan nói: “Ta đây nắm pháp luật không riêng tư, sao lại bảo là bênh?” Ngũ quỷ nói: “Bảo là nắm pháp luật, không riêng tư,... sao không xử họ đền mạng cho bọn tôi?” Phán quan bảo: “Luật không xét cho đền mạng các người”. Ngũ quỷ nói: “Ba chữ luật không cho tức là tư tình che lấp rồi”. Năm con quỷ đông người lắm mồm, kêu la loạn xạ, thành một đám inh ỏi lung tung. Phán quan thấy bọn họ quá hung hăng, không biết làm thế nào, chỉ đứng lên quát: “Cút, đứa nào dám ở lại đây nói bậy? Ta có tư tình, thì cái bút của ta để đây cho tư tình à?”. Năm con quỷ một loạt chạy lên nhắm tay Phán quan giạt một cái, cướp lấy cái bút nói: “Bút sắt kia mới vô tư, còn cái bút râu nhện nhà ông, chẳng chịt lấy nhau là tư cả, thế ông dám bảo là nó không dung tư, không để cho tư vị à?” (Hồi thứ 90: Linh diệu phủ Ngũ quỷ nào phán).

Tây Du bố mười sáu hồi Thiên Mục Sơn tiêu đề tựa nói là của Nam Tiềm làm. Nam Tiềm là pháp danh của Đồng Thuyết người Ô Trình sau khi xuất gia đi tu. Thuyết tên tự là Nhược Vũ, sinh năm Canh Thân, niên hiệu Vạn Lịch (1620). Tuổi nhỏ đã thông minh đỉnh ngộ, tự nguyện tụng kinh Viên Giác trước rồi sau mới đọc Tứ thư ngũ kinh, lên 10 đã giỏi văn, 13 tuổi vào trường Quốc Tử Giám, đến khi thấy bọn Lưu khẩu làm loạn Trung Nguyên thì thôi, không có ý tiến thủ nữa. Nhà Minh mất, cắt tóc đi tu, mang pháp danh là Nam Tiềm, hiệu là Nguyệt Hàm, ngoài ra còn rất nhiều biệt hiệu nữa, hơn ba mươi năm không đặt chân đến thành thị, chỉ làm bạn với dân chài phường quỷ, đời gọi là một bậc tôn kính nơi cửa Phật, có làm sách *Thượng đường văn tham xuống thủ ngũ lục*.

Theo sách *Hồ đăng tục biên* của Nữu Tú, sách *Giáp Thân triều sư tiểu ký* của Bảo Dưỡng Sinh người Chi Giang và sách *Phong thảo am tạp trước*, mười loại thi văn tập mấy quyển. Sách *Tây Du bố* làm ra nói để đưa

vào sau hồi ba lần dùng quạt ba tiêu, thuật chuyện Ngộ Không tu chay tịnh thì bị Chỉnh ngư tinh làm cho mê đi, đi dần vào cảnh mộng, định đi tìm Tàn Thủy Hoàng mượn cái chùy Khu Sơn để xua đuổi núi Hỏa Diệm Sơn đi, duy lúc chần chừ thì tiến vào lầu Vạn Kính, và liền choáng váng diên đảo mạnh, hoặc thấy lại quá khứ, hoặc tìm biết vị lai, thoát hóa làm gái đẹp, lại thoát hóa làm diêm vương, được hư không chủ nhân gọi một tiếng, mới lìa cõi mộng biết ra rằng Chỉnh ngư vốn ra đời đồng thời với Ngộ Không, trú ở Ảo Bộ, tự đặt hiệu là Thanh Thanh thế giới, nhất thiết mọi cảnh giới, đều do kẻ kia tạo ra, mà thực ra là không có, đó là Hành Giả tinh, cho nên muốn giác ngộ thông hiểu cái đạo lớn, thì trước hết phải phá cái tình căn cho thành ra hư không, mà muốn phá cái tình căn thì trước hết phải đi vào trong cái tình, đi vào đủ được trong cái tình thì sẽ được thấy cái hư không của cái tình căn của thế giới, khi đó mới đi ra ngoài cái tình và nhìn nhận được cái thực của đạo căn (Quyển đầu bộ sách *Thiên đáp vận*) gọi là Chỉnh Ngư Trinh, là Thanh Thanh thế giới, là Tiểu Nguyệt Vương, đều là nói cái tình cũ. Có kẻ thấy trong sách có những câu, những từ ngữ sát thanh đại tướng quân, đảo trí lịch nhật v.v... thì cho đó là nhân sau này, lúc mới cũ đổi thay, muốn gửi gắm những lời tinh vi kín đáo, song toàn cuốn sách dụng ý chê bai đàn hặc cái không khí cuối Minh nhiều, mà đau thương cho tôn miếu xā tắc thì ít, do đó nghĩ rằng cái ngày làm xong sách là còn vào cuối thời nhà Minh mất, cho nên chỉ có sự lo lắng về biên cương mà chưa đi vào những chỗ sâu sắc kín đáo của nhà Phật, chủ ý trước mắt cũng như trào lưu đương thời là cốt nói Hành Giả có ba sư phụ: một là Tổ sư, hai là Đường Tăng, ba là Mục Vương tức là Nhạc Phi “qui tụ thành toàn thân tam giáo” (Hồi thứ chín) mà thôi, có điều là chuyện cấu tạo, văn diễn đạt đều phong phú, lắt léo lạch, khéo hư ảo lạnh lẽn, có những chỗ kỳ lạ đột ngột, đủ làm kinh người, thỉnh thoảng xen vào những chỗ dí dỏm khôi hài, cũng thường là vui hay tuyệt diệu, tuyệt đối không phải những cây bút đồng thời có thể mong làm được.

Hành Giả (lúc đó hóa làm Ngụ mỹ nhân, cùng bọn Lục Châu yến tiệc xong, cáo từ ra về) tức thì hiện lại nguyên hình, ghé đầu xem xem, thì ra là ở trước cửa Nữ Oa, Hành Giả cả mừng nói:

Chỗ trời nhà tôi bị Tiểu Nguyệt Vương sai một đoàn Đạp không sứ giả đến đào giếng vụn tung ra cả, hôm qua lại gán tội cho tôi nữa chứ... Nghe nói Nữ Oa quen vá trời đã lâu, hôm nay tôi phải yêu cầu Nữ Oa vá hộ lại cho tôi thật tốt, vá xong hẳn khóc mà lên linh tiêu tắm rửa sạch sẽ, đó là một dịp hết sức hay. Thế rồi đi đến bên cửa, xem xét cẩn thận, chỉ thấy hai cánh cửa sơn đen đóng chặt, trên cửa dán một mẫu giấy viết: Ngày 20 đến nhà ông Hiền Viên nói chuyện chơi, mười hôm lại về, có ai khinh nhờn tôn khách, sẽ kể tội trước. Hành Giả xem xong, ngoảnh đầu định đi trong tai chỉ nghe gà gáy ba tiếng, trời đã sắp sáng, đi được vài trăm dặm, Tần Thủy Hoàng chẳng thấy đâu cả (Hồi thứ 5).

Bỗng thấy một người đen ngời trên gác cao, Hành Giả cười nói: Trong thế giới người xưa cũng có bọn giặc, đây mặt bôi than đen ngồi đó để làm cho người ta sợ. Đi mấy bước nữa lại nói: Không phải là giặc làm loạn, nguyên lai đây là miếu thờ Trương Phi. Lại ngẫm nghĩ và nói: Đã là miếu thờ Trương Phi, thì lẽ ra phải đeo một khăn trùm chứ... Deo mũ Hoàng Đế, lại là mũ màu huyền, người này hẳn là Đại Vũ huyền đế. Tiện đây ta lên yết kiến ông ta, xin chút bí quyết trị chân ma, không cần tìm Tần Thủy Hoàng nữa. Vừa nhìn vừa đi đến trước, thấy treo một lá cờ trắng phấp phới, trên cờ viết sáu chữ màu tía: Danh sĩ đời Tiền Hán: Hạng Vũ.

Hành Giả xem xong cười vang một trận, nói: Việc chữa đến thì đừng nghĩ đến, nghĩ rồi rồi cuộc chẳng vừa lòng. Lão Tôn cứ nghỉ đi nghỉ lại... Ai ngờ là không phải, té ra là anh chống xà của Lục Châu ở trên lầu thật. Rồi lại chuyển nghĩ khác đi mà nói: Lão Tôn ta cốt đi tìm Tần Thủy Hoàng, để mượn y cái chùy khu sơn (đục núi), vì thế chui vào thế giới người xưa. Sở Bá Vương ở đằng kia, nay thì đã thấy rồi, thế mà sao y lại không thấy? Ta có một cách là đi tắt lên trên đài gặp Hạng Vũ vậy, hỏi y tin tức của Thủy Hoàng, thế cũng là tin chứ sao. Hành Giả tức thì nhảy lên xem, chỉ thấy bên dưới gác cao, ngồi đó một cô gái đẹp bên tai chỉ nghe gọi Ngu mỹ nhân... Hành Giả lập tức lay mình một cái, như lần trước biến thành một cô gái đẹp, rồi lên gác cao, rút trong tay áo ra một vuông lụa trong sạch như băng, che mắt chỉ để hơi hé ra nửa mặt, nhìn Hạng Vũ như oán như giận. Hạng Vũ cả kinh, hoang mang quỳ xuống, Hành Giả quay lưng lại, Hạng Vũ

lại chạy như bay đến quỳ trước mặt Hành Giả gọi: Giả vẫn không lên tiếng, Hạng Vũ không biết làm thế nào chỉ khóc thêm, Hành Giả lúc đó mới ửng đỏ đôi má hoa đào lên, chỉ Hạng Vũ mà nói: Thằng giặc ngu, mày là một tướng quân lừng lẫy, thế mà không chở che cho được một người con gái, mặt mũi nào mà còn ngồi trên cái đài cao này. Hạng Vũ chỉ khóc, không dám nói gì. Hành Giả để lộ một chút cái thái độ không nỡ, đưa tay lên đỡ dậy mà nói: “Thường nghe đâu: Nam nhi hai đầu gối có vàng. Từ nay về sau không được quỳ lạy bậy nữa” (Hồi thứ 6).

Chương 19

TIỂU THUYẾT NHÂN TÌNH THẾ THÁI ĐỜI MINH (THƯỢNG)

Trong lúc tiểu thuyết thần ma đang thịnh hành, những người ghi chép nhân sự cũng phát triển đột ngột, chuyện họ viết lấy đề tài cũng như tiểu thuyết. “Ngân tự nhĩ” (chữ vàng chữ bạc) của người kẻ chợ đời Tống, nhìn chung là chuyện hợp tan, vui buồn cùng chuyện làm nên công danh phú quý, ăn ở thiếu thủy chung, cố xen vào lễ nhân quả báo ứng mà không nói lắm về việc quái đản thần linh, rồi miêu tả thói đời, thấy lòng ấm lạnh, cho nên cũng gọi là thế tình thư (sách tình đời).

Trong các sách thế tình, có chuyện *Kim Bình Mai* là có tiếng nhất. Ban đầu chỉ có bản chép lưu hành, Viên Hoằng Đạo có thấy được vài quyển, liền đem ghép với *Thủy Hử truyện*, gọi là sách Ngoại điển, (theo sách Thương chính) do đó mà nổi tiếng mau, các đời sau lại ghép thêm *Tây Du Ký* vào nữa, gọi là ba cuốn sách lạ lớn. Năm Canh tuất Vạn Lịch (1610), ở Ngô Trung bắt đầu khắc bản in một trăm hồi, trong đó từ hồi 53 đến 57 đã khuyết mất rồi, lúc khắc mới bổ sung (thấy trong *Dã hoạch biên* 25). Tác giả không biết là ai, Thẩm Đức Phù nói là một đại danh sĩ thời Gia Tĩnh (cũng theo *Đã hoạch biên*) người ta nhân thế mới nói là Vương Thế Trinh, người Thái Thương, cũng có người nói là học trò ông ta (tựa của Tà Di đề năm Ất Hợi Khang Hi). Lại do lời ước đoán đó mà sinh ra sự vu vạ, bảo rằng Thế Trinh làm sách *Kim Bình Mai*, bỏ thuốc độc vào giấy để giết kẻ thù là

Nghiêm Thế Phồn, có người bảo kẻ thù là Đường Thuận Chi, cho nên trong đời Khang Hi triều Mãn Thanh, người Bành Thành là Trương Trúc Pha bình luận về bản khắc in đó mới làm “Khổ hiếu thuyết” và đặt lên đầu bình luận của mình.

Kim Bình Mai, mượn tên Tây Khánh trong Thủy Hử làm thành như sợi dây xuyên khắp toàn chuyện, nói rằng Khánh hiệu là Tứ Truyền, người Thanh Hà không ưa đọc sách, suốt ngày rong chơi lông bông, có một vợ ba hầu, lại chơi thân với bạn lêu lổng cái cọ lung tung, không giữ thể thống gì, kết bè làm mười hai anh em; lại thỉnh Phan Kim Liên, bỏ thuốc độc giết chồng nàng là Võ Đại, rồi lấy nàng làm vợ hầu. Võ Tông báo thù, giết lầm Lý Ngoại Phố, đâm giết Phối Mạnh Châu, Tây Môn Khánh vẫn không can gì, thế là ngày càng buông tuồng, thông dâm cả với người hầu gái của Kim Liên, lại với Lý Bình Nhi và đem vào làm vợ lẽ. Lại được hoạn tài hai ba món, của nhà giàu có. Vừa Lý Bình Nhi sinh con, Khánh thì nhờ hối lộ Thái Kinh mà được chức Kim Ngô vệ phó Thiên hộ, rồi buông tuồng hơn nữa, tìm thuốc để thỏa dâm dục hơn, nhận của đút làm sai pháp luật không việc gì không làm. Nhưng Phan Kim Liên ghen Lý Bình Nhi có con, nhiều lần tìm cách làm cho nàng phải kinh sợ, còn nàng thì cuối cùng sinh bệnh điên cuồng, run tay run chân rồi con chết, mẹ đau xót cũng chết luôn. Kim Liên thì ra sức làm cho được lòng Tây Môn Khánh. Khánh một hôm uống thuốc quá liều cũng chết thình lình. Kim Liên, Xuân Mai lại thông dâm với rể của Khánh là Trần Kinh Tế, việc bị phát giác rồi bị đuổi và đem bán, Kim Liên phải ra ở nhà Vương Bà để đợi bán gả, Võ Tông tình cờ gặp người đàn bà được tha ra đó và giết chết ả, Xuân Mai thì bán làm vợ hầu cho quan thủ bị họ Chu, được chồng yêu lại có con, được làm vợ cả, phong là phu nhân. Vừa gặp Tôn Tuyết Nga, bị bọn mẹ mìn bắt đem bán, Xuân Mai giận cô ta có lần xui Trần Kinh Tế đánh mình, nên mua về để hành hạ làm nhục để trả thù, sau lại đem bán cho nhà hàng rượu làm điếm, Xuân Mai lại giả gọi Kinh Tế là em, tìm cách để cho đến nhà và cũng thông dâm như cũ. Thế rồi quan thủ bị họ Chu đi đánh Tống Giang có công, được đề bạt làm Tế nam binh mã chế trí, Kinh Tế cũng dùng trong quân nên được thăng làm tham mưu. Sau người Kim vào lần cướp, quan thủ bị đi đánh chết trận, Xuân Mai đã

thông dâm với con của vợ trước, nay cũng vì dâm loạn quá mà đột ngột chết. Đến lúc quân Kim sắp đến Hà Nam, vợ của Khánh mang Hiếu Ca, đứa con mình dứt ruột đẻ ra, muốn chạy đến Tế Nam, dọc đường gặp hòa thượng Phổ Tĩnh, hòa thượng dẫn đến chùa Vĩnh Phúc đem lễ nhân quả hiện vào trong mộng mà giáo hóa cho, Hiếu Ca bèn xuất gia đi tu, pháp danh là Minh Ngộ.

Tác giả về thể tình hết sức thông tỏ, những điều mô tả hình dung ra, có khi nói trực thẳng ra, có khi quanh co khúc chiết, có khi bộc lộ mà rõ nét, có khi kín đáo mà hàm ý chế cười, cũng có khi xen lẫn cả hai, khiến cho lối này làm nổi lối kia lên, mà cái tình hình biến ảo do đó như hiện ra trước mắt thật, đồng thời câu chuyện lớp lang, không có ai kể hơn, cho nên người ta nghĩ là không phải Vương Thế Trinh thì không ai làm được, đến như nói sách này làm ra cốt để tả cái *bọn trai dâm gái điếm ở nơi đô hội thì tuyệt không phù hợp với sách này*, vì lẽ Tây Môn Khánh vốn là con nhà gia thế, thuộc hàng thân sĩ, không những giao du trong hàng quyền quý, mà cả trong trí thức nho sĩ nữa, cho nên viết ra chuyện này là chửi mắng hết bất kỳ hạng người nào, chứ không phải chỉ độc miêu tả, độc dùng ngôi bút mà công phạt ngôn ngữ hành vi của một hạng hạ lưu mà thôi.

“Người đàn bà (Phan Kim Liên) nói: “Đồ quý, lại đây, nghĩ ra một việc định nói lại quên mất”. Rồi bảo Xuân Mai: “Mày lấy chiếc giày kia đưa cho ông ta xem”, đồng thời hỏi sang Tây Môn Khánh: “Ông có nhận ra là giày của đứa nào không?” Khánh nói: “Biết của đứa nào”. Người đàn bà nói: “Ông xem nó thế mà còn làm như con gà xù lông lên kia chứ. Nó dối tôi là con mèo vàng đen đuôi, ông thử giả vờ là không biết. Chỉ có giày hôi thối của một con ranh con mà coi như châu ngọc không bằng, đem cất vào cái tráp mồi đựng danh thiếp, lộn phèo cả giấy chữ và hương thơm, của hiếm hoi quý báu thế mà đem đốt quách mẹ nó đi, hay là sợ con đi kia chết phải xuống ngục A tì?” Nói vậy rồi lại chỉ con Thu Cúc mà mắng: “Con ranh này, tao giao cho chiếc giày, lại đem đánh tráo đi đâu, làm tao cứ tìm?” Rồi giao với Xuân Mai: “Đem vứt đi cho tôi sớm sớm”. Xuân Mai cầm giày vứt xuống đất nhìn Thu Cúc nói: “Cho mày giữ lấy mà đi”. Thu Cúc nhặt lên nói: “Chiếc giày này của cô, chỉ vừa đứt đầu một ngón chân của tôi thôi”. Người

dân bà kia mắng: “Con ranh con, mày gọi cô cô cái gì, nó là vợ trước của con chủ nhà mày phỏng? Không thể sao lại đem giày cất một cách nâng niu giữ giá thể? Để đến mai bảo thay đi. Đồ vô liêm sỉ”. Thu Cúc cầm giày đi ra ngoài, bị mẹ ta gọi giật lại bảo: “Lấy cho tao con dao, đợi tao chặt bằm làm mấy miếng, sẽ đưa vắt vào nhà xí lộp tranh kia, để cho con đi đàng sau núi Âm Sơn đừng hòng đời kiếp nào được siêu sinh tịnh độ nữa. Rồi ngoảnh về Tây Môn Khánh mà nói rằng: “Ông xem đau lòng bao nhiêu thì tôi càng bằm ra nhiều mảnh bấy nhiêu để ông xem”. Tây Môn Khánh cười nói: “Thôi đem vứt đi, tôi đâu có thể...” (Hồi thứ 28).

... Đến giờ các người giữ đèn đuốc lên đèn, thì quan Ngự Sử họ Thái liền nói: “Quấy quả một ngày rồi, rượu xong thì thôi vậy”, và đứng dậy đi ra. Những kẻ bên tả bên hữu cứ muốn thấp đèn lên, Tây Môn Khánh: “Hãy thôi đừng thấp. Xin mời Lão tiên sinh ra đàng sau thay áo”. Thế rồi... Nhường bước đi đến hiên Thúy Phi... Tại các cửa góc trên cổng, chỉ thấy hai người xuống hát trang sức lộng lẫy, đứng ở dưới thềm, hướng về trước, y như kiểu chấp thêm vào, lạy bốn lạy... Thái Ngự sử thấy vậy, muốn tiến không tiến được, muốn lùi không lùi xuống được: “Tứ Tuyền, sao anh cứ thích làm ra hậu hĩ thế! E không hay đấy!” Tây Môn Khánh cười mà nói: “Đây so với đạo chơi ở Đông Sơn, có khác gì nhau?”. Ngự Sử nói: “Sợ tôi không được bằng cái tài hoa của An Thạch, mà anh thì lòng đầy cái cao cả của Vương Hữu Quân...”. Rồi đi vào trong hiên, thấy đồ đặc trưng bày y cũ, ông đòi giấy bút định làm một bài thơ để lưu tặng. Tây Môn Khánh lập tức sai Thu Đồng lấy cái nghiên Đoan Khê đưa ra, mài mực thật đặc và vuốt tờ giấy hoa tiên đặt xuống. Thưa ra quan Ngự Sử họ Thái là tay có tài trạng nguyên, ngài cầm bút lên viết, văn không hề sửa, chữ chạy tựa rần rờng, dưới đèn ngóay một ngoáy là xong, làm một bài thơ (Hồi thứ 49).

Tiểu thuyết đời Minh mà nêu lên cái xấu, các nhân vật đều ám chỉ người thực cả, vì là dùng văn chương để báo thù riêng đã sẵn có trong bụng, còn phải hay không thì tuyệt khó dò ra. Trần Đức Phù bảo chuyện *Kim Bình Mai* cũng là chỉ trích thời sự, cha con Thái Kinh là chỉ Phân Nghi, Lâm Linh Tổ là chỉ Đào Trọng Văn, Chu Miếu là chỉ Lục Sinh, các nhân vật khác, nhân vật nào cũng đều có việc chỉ người thực như vậy cả. Thế thì nhân vật

chủ yếu như Tây Môn Khánh nhất định là có ai đó, mà ai đó tức là cái người mà chuyện ngay từ đầu đã nói: có một người, người ở xứ nọ, trước kia phú quý ra thế nào, mà đến sau cảnh nhà lại cực kỳ quạnh quẽ lạnh lùng, quyền mưu thuật trí của ông ta, mấy may đem ra dùng cũng không được, anh em bè bạn, không một ai là có thể tựa nương, có hưởng được vinh hoa mấy năm, thì ngược lại tạo ra bao nhiêu chuyện xì xào bàn tán. Trong chuyện lại có một số đầu yếu tranh mạnh, bản sắc đẹp rước gian dâm, đầu tiên cũng còn biết không làm ra vẻ nâng niu chiều chuộng lắm, sau lại không tránh khỏi chết chóc, xác che bóng đèn, máu dây gối chiếc (Hồi thứ nhất), dần dà đến mối chuyện lại dùng lời nhà Phật, nói đứa con còn để lại trong bụng mẹ là Hiếu Ca đang ngủ trong buồng các sư ở chùa Vinh Phúc thì Phổ Tĩnh cùng các người khác nữa vào, giờ gậy Phật mà chỉ, Hiếu Ca lật mình lại thì ra là Tây Môn Khánh, cổ đeo gông nặng, lưng trói thừng sắt. Phổ Tĩnh lại giờ gậy chỉ lần nữa, thì lại Hiếu Ca ngủ trên giường như trước... Số là Hiếu Ca tức là Tây Môn Khánh sinh ra kiếp khác nữa (Hồi thứ 100). Chuyện nghe như hiếm lạ, xong cũng chỉ để nói một điều là cái nghiệp giống nòi cứ còn lại mấy đời như một, *con đường để thoát ly cái nghiệp đó chỉ ở trong sự "minh ngộ"* mà thôi. Còn nếu nói rằng đứa con hiếu ngâm oan, làm thế để báo thù thì tuy là mưu lạ việc ghê, đủ làm cho sách thêm hay nhưng chứng cứ thì khuyết thiếu, không tin được.

Cho nên đứng về mặt văn tự cùng ý tưởng mà xem xét chuyện *Kim Bình Mai* thì không ngoài việc miêu tả thế tình, nói cho hết cái tình giả hay thật: lại nhân đời suy, muôn việc đều không có kỷ cương, *nên phát ra lời buồn khổ nghe hết sức nghiêm khắc cấp thiết* song cũng pha tạp xen kẽ những lời nhảm nhí, thô鄙 thời thượng. Về sau có kẻ lược bớt văn vẻ, chỉ chuyên chú vào điểm sau, người ta nhân đó mà gán cho cái tên xấu là sách nói chuyện dâm (dâm thư). Song sách đó đương thời đúng là sách thời thượng. Thời Thành Hóa, phương sĩ Lý Tư và nhà sư Kế Hiếu nhờ dăng cái thuật trong buồng mà được làm to nhanh, đến khoảng Gia Tĩnh, Đào Trọng Vân nhờ tiến thứ chì son vẽ môi hồng mà được vua Thế Tông quý trọng, làm đến Đặc tiến Quan Lộc đại phu trụ quốc, thiếu sư thiếu phó thiếu bảo Lễ bộ thượng thư cung thành bá. Thế là cái phong khí đồi bại lây dần ra cả

bọn sĩ phu, quan đô Ngự sử Thịnh Đoan Minh và quan Bố Chính Sứ tham nghị Khả Học đều nhờ đỗ tiến sĩ mà nên gia nghiệp, thế mà vẫn mượn cái “thu thạch phương” để lên chức to. Nháy mắt được sang giàu, trò đời ai cũng mong muốn, cho nên những kẻ cầu may hay đem hết trí tuệ sức lực ra tìm kiếm những phương thuốc, những phép thuật kỳ lạ, rồi dần dần xã hội không còn coi việc bàn chuyện thuốc thang, pháp thuật dùng trong buồng the là xấu hổ nữa. Phong khí đã biến đổi, tràn lan đến cả bọn nhà văn, cho nên từ khi các phương sĩ được tiến dụng, thì bài thuốc đưa ra rất nhiều, lòng yêu tà nổi lên mạnh mà tiểu thuyết cũng nói nhiều về thần ma, lại cũng nói luôn đến cả chuyện chăn gối nữa.

Song *Kim Bình Mai*, được tác giả là người có văn tài, cho nên tuy câu chuyện có xen lẫn những lời bỉ ổi, nhưng những chỗ hay chỗ tốt vẫn có và không bị ảnh hưởng nhiều, đến như hạng văn sĩ mặt lưu chỉ chú ý mô tả việc trai gái ăn nằm, vượt quá thói thường, như mắc bệnh điên cuồng, chỉ có tích Nhục Bồ Đoàn khá giống với Lý Ngư là còn tương đối hơn cả. Hạng tác giả tệ hơn nữa thì muốn dùng những lời tiếng lố lẽ song vì còn kém văn nên chỉ làm ra những tập sách nhỏ, khắc in rồi cho lưu hành, nhưng nửa chừng bị cấm đoán, cho nên không thấy mấy.

Thời Vạn Lịch lại có chuyện tên là *Ngọc Kiều Lê* nữa, cũng nói là từ tay tác giả *Kim Bình Mai* mà ra, Viên Hoành Đạo đã có nghe đại lược, bảo: Sách này với sách trước đều đặt ra chuyện nhân quả báo ứng, Võ Đại kiếp sau hóa làm dâm phu, thông dâm với cả đàn bà ở vai trên mình, và lại bị ác báo một kiếp nữa. Phan Kim Liên cũng làm vợ Hà Gian, bị cực hình mà chết; Tây Môn Khánh thì làm người đàn ông si ngốc, ngồi nhìn vợ và hầu mình theo trai, tất cả đủ để cho thấy sự luân hồi là không sai. Sau Thẩm Đức Phù thấy quyển đầu, cho là “sách trăm mối dơ bẩn tục tằn, trái ngược luân thường, khinh miệt đạo lý”... Hoàng đế của nước mình thì gọi là Hoàn nhan đại tịnh, mà Quý Khê (Hạ ngôn), Phàn Nghi (Nghiêm Trung) cấu kết với nhau cũng là ám chỉ có người. Đến năm Gia Tĩnh Tân Sửu thì các chức vụ thứ thường đều viết thẳng họ tên, càng đáng kinh hãi quái lạ. Song ngồi bút tung hoành thông suốt say sưa, hình như càng hơn *Kim Bình Mai* (đều thấy trong *Dã hoạch biên* 25 cả).

Hiện nay sách đã mất, tuy cũng có kẻ tình cờ thấy, song văn chương cũng như cốt chuyện đều không có gì giống với họ Viên họ Thẩm nói cả, có thể là người sau nghe kể rồi làm ra, không phải là bản thấy thời trước.

Tục Kim Bình Mai, hai tập trước và sau cộng tất cả có 64 hồi, đề là Tử Dương đạo nhân biên. Đạo nhân đó tự nói thời Đông Hán, ở đất Tam Hàn Liêu Đông có người tiên tên là Đinh Linh Uy, năm trăm năm sau (ở Tây Hồ Lâm An) lại có một người tên là Đinh Dã Hạc nữa (sáu người đó là hậu thân) khi sắp hóa, có trời lại nói: năm trăm năm nữa sẽ lại có một người tên Đinh Dã Hạc, người đó là hậu thân kiếp sau của tôi, hãy đến đó thăm nhau. Sau đến đời cuối Minh, quả có một người ở Đông Hải, tên họ như vậy, đến đó rồi thôi quan mà đi, tự xưng là Tử Dương đạo nhân, (Hồi 62) Đầu sách có thiên thái thượng cảm ứng thiên, âm dương vô tự giải, ký tên là Lão Chủ Ấp Định diện cang tham giải, có lời tựa nói: Từ khi cây kỷ gian đốt sách Thiên sử của ta cháy ở Nam Đô, biển dâu đã biến đổi, không giáng lại việc nhân quả nữa; nay thánh thiên tử ban xuống Cảm ứng thiên tự, người viết lấy lời tựa, để răn dạy trăm quan bề tôi. Như vậy thì *sách Tục Kim Bình Mai phải làm xong khoảng đầu đời Thanh và Định Diêu Cang chính là Đinh Diêu Cang đó*.

Diêu Cang tên tự là Tây Sinh, hiệu là Dã Ngọc, người Chư Thành Sơn Đông, hai mươi tuổi là một thư sinh, đi Giang Nam cùng các danh sĩ kết thành văn xã, sau vì tức bực về văn chương lại ra người bất đắc chí, làm sách Thiên tử mười quyển. Năm Thuận Trị thứ bốn đời Thanh vào Kinh, khai quê quán ở Thuận Thiên và được tuyển làm bật cống sinh, sung chức giáo tập Tương Bạch Kỳ, rất có tiếng về thơ. Sau lại làm giáo dụ Dung Thành, đổi đi tri huyện Diên Huệ, không đến trụ sở, sau đến 60 tuổi thì bị đau mắt, tự xưng là Mộc Kê đạo nhân, 72 tuổi thì mất (khoảng 1620 - 1691) trước tác có một tập thơ hơn mười quyển, truyền kỳ bốn loại (sách *Chư thành chí* đời Càn Long 13 và 36). Sách Thiên Sử của ông là xếp loại mọi việc lành dữ của các đời kế tiếp nhau mà thực ra, làm rồi đem đốt ở Nam Đô, việc này chưa tường hư thực thế nào, sách Chư thành chí nói: đem hiến cho Chung Vũ Chính ở Ích Đô. Vũ Chính xem cho là kỳ mà thôi.

Sách *Tục Kim Bình Mai* thì chủ ý rất đơn giản, tập đầu nói chuyện

Phổ Tĩnh là địa tạng bồ tát hóa thân ra, một hôm làm phép thi thực, đưa cuốn sổ luân hồi lớn ra chỉ cho quỳ, khiến chúng biết cái ác báo tương lai của mình, sau quả đúng hết. Tây Môn Khánh làm con một nhà giàu ở Biện Kinh là Thẩm Việt, đứa con đặt là Kim Ca, vợ của Việt có em làm chức chỉ huy, họ Viên, nhà ở ngay trước cửa, có con gái là Thường Thư, là hậu thân của Lý Bình Nhi, Thường Thư hay chơi đu trong vườn họ Thẩm, Lý sư sư trông thấy cho là đẹp, giả chỉ vua, bắt về đổi tên là Ngân Bình. Người Kim vây hãm Biện Kinh, dân chúng lưu ly, Kim Ca phải đi ăn mày, Ngân Bình thì làm gái điếm, lấy Trịnh Ngọc Khanh, sau lại gả cho chức viên ngoại họ Dịch làm vợ hầu, nhưng lại cùng với họ Trịnh trốn đi Dương Châu, bị đem bán cho Miêu Thanh rồi tự thắt cổ chết.

Tập sau kể chuyện con gái của Thiên Hộ họ Khổng ở Đông Kinh là Mai Ngọc, vì đẹp lại ưa giàu sang, cam tâm làm vợ lẽ của người Kim là Kim Cáp Mộc Nhi, bị vợ cả ghen một cách hung ác, cướp đem về chỗ riêng và ngược đãi, Mai Ngọc muốn tự kết liễu đời mình, nhưng nhân nằm mộng thấy mình là hậu thân của Xuân Mai, còn vợ cả là Tôn Tuyết Nga tái sinh, mà lo trường trai niệm Phật, không sinh lòng oán giận nữa, và cuối cùng được thoát ly. Đến như Phan Kim Liên thì lại sinh ra kiếp khác, làm con gái của chức chỉ huy họ Lê ở Sơn Đông, tên là Kim Quế, lấy chồng tên là Lưu Quý Tử mà kiếp trước chính là Trần Kinh Tế, do nghiệp dẫn, thân thể không toàn vẹn, Kim Quế oán giận, mà gọi yêu trùng đến, lại do kinh sợ mà thành ra bị cái tật không chữa được nữa. Ngoài chuyện trên thì cả cuốn sách đều là thuật những chuyện người khác bị nghiệt báo dây mơ rễ má này khác, thỉnh thoảng lại xen vào những việc quốc gia đại sự và dẫn dắt Phật, kinh Đạo, sách Nho lẫn lộn nhau để giải thích thêm, hề động đến là có hàng trăm lời, cho nên chín phần mười cuốn sách là lấy Cảm Ứng thiên làm mối quy tụ đúng với cái ý bảo rằng: Muốn nói về Phật, về đạo, về lý học thì phải bắt đầu từ chỗ nói về nhân quả, nhân quả chưa đủ bằng chứng thì lại bắt đầu từ chỗ nói chuyện *Kim Bình Mai* (Hồi thứ nhất). Tất cả tác giả các sách gọi là dân thi đời Minh đều muốn lấy việc mở rộng, hiểu rõ thuyết nhân quả để tự giải đáp cho mình, nhưng đến sách này thì nhận thấy: chỉ có một luân hồi vợ chồng thôi mà biến cố đã cực nhiều... tạo ra không biết bao

nhiều oan nghiệt, đời này đến đời khác phải đền, rõ thật là tự đắm mình trong sông Ái Hà, tự đem nấu mình trong lửa dục, một bộ chuyện *Kim Bình Mai nói rõ chữ sắc*, một bộ chuyện *Tục Kim Bình Mai nói rõ chữ không*, từ sắc trở về không, tức không cũng là sắc, thế là từ quả báo mà chuyển vào phép Phật vậy (Hồi 43). Tuy nhiên gọi là phép Phật lại rất không thuần nhất mà là hỗn hợp cả đạo Nho, cùng với ý tưởng các tác giả tiểu thuyết mà không khác gì lắm, chỉ khác là đây giống như có coi trọng và ra sức thực hành phép Phật hơn, lại muốn không câu chấp một mặt nào nên cũng chê bai cái tệ đương thời bàn suông vấn đề tam giáo nhất trí và chia cần tam giáo thành thứ bậc khác nhau, như việc thuật chuyện Lý sư sư, vườn nhà cũ bị tịch thu làm của nhà nước, để dựng chùa Đại gia sư, mà nhà nho lại đứng ra tranh cãi lung tung, chuyện đó là một ví dụ:

... Trong chuyện đó, chùa Đại Giác làm cho việc Phật hưng thịnh thêm, thì không nói. Nhưng sau nhân đạo quan Thiên Đàm và sinh viên Hạp Học tranh giành nhau đám đất đó, quan trên xử không xong, bên nào cũng đưa lên đình của Ngột Truật thái tử một lá đơn nói: Chỗ phủ đệ của Lý sư sư đó rộng lớn, nhà sư và gái điếm ở lẫn lộn, mà chỉ lợp chùa cho ni cô mà thôi, thì sợ lâu rồi sinh chuyện, cho nên lấy làm công sở. Nửa cái vườn hoa đằng sau nên chia hai ra, một nửa làm Tam giáo đường, là nơi giảng đường của ba tôn giáo Nho, Thích và Đạo. Đức ông Thái tử chuẩn ý, và việc tranh tụng của ba bên chấm dứt ngay. Song viên đạo quan kia thấy mình không lấy được cả mà lại phải chia năm xẻ bảy ra như thế thì không đến nhận. Bọn học trò ở phủ Khai Phong có Ngô Đạo Lý và Bốc Thủ Phân là hai sinh viên vô sĩ muốn lấy chuyện đó làm cớ, viết thiệp phân bổ thu mỗi người ba tiền, thế mà thu được ba, bốn trăm lạng. Thế là không đầy mấy hôm thì lợp xong, ba gian điện lớn, nguyên trước là Phật Thích Ca ở giữa, Lão Tử bên trái, Khổng Tử bên hữu, nay chỉ vì không chịu thay đổi mặt cửa của nhà mình mà thành ra để Khổng Tử ở gian giữa, Phật lão thì ở bên trái với bên phải, mà đó cũng còn là để tỏ ra cái ý chỉ giảng truat những đạo dị đoan không phải đạo Nho. Lại đem các đài tạ hồ ao trong vườn, hiện tại Ngân Bình còn lấy làm phòng ngủ, cùng với hai gian gác lấy làm nơi trang điểm tất cả đổi ra làm thư phòng. Cái đám học trò phong lưu, nhà văn cao

hứng đó, cùng cái đám con em phù phiếm lêu lổng kia, đạo Phật không giảng bản, đạo Lão cũng không, hàng ngày ở trong Tam giáo đường uống rượu làm thơ, thế mà lại hiểu rõ ra được chữ sắc, và đâm ra ưa cái lối sống vui thích cũ. Họ để chỗ thư phòng đề là thư viện tam không, không ngoài nói cái ý cả ba tôn giáo đều là không hư cả... (Hồi thứ 37 thượng: Lầu xanh của Tam giáo đường, thành ra nơi Tỉnh phủ của Phật).

Lại có chuyện *Cách liêm hoa ảnh* 48 hồi nữa. Người ta cũng cho là bản sao của chuyện *Kim Bình Mai*, song thực ra là thay đổi tên nhân vật cùng hồi mục trong chuyện *Tục Kim Bình Mai* (chẳng hạn đổi Tây Môn Khánh ra Nam Cung Cát) và bỏ bớt những điều nói lằng nhằng không dứt về nhân quả mà làm ra, cuối chuyện chưa xong, có lẽ còn định tiếp tục, song chưa được lưu hành.

Sách còn tên là *Tam Thế Bảo* nữa, chắc là kể cả phần còn định tiếp tục làm, cũng có kể cho rằng Võ Đại bị đầu độc chết cũng là nghiệp sẵn, cho nên kể chung vào cũng là tam thế, ba đời.

Chương 20

TIỂU THUYẾT NHÂN TÌNH THẾ THÁI ĐỜI MINH (HẠ)

Những chuyện như *Kim Bình Mai*, *Ngọc Kiều Lý* đã được đời khen là chuyện hay, kẻ học đòi nổi lên đông, mà một mặt lại sinh ra lưu phái khác, chuyện lấy nhân vật, kể sự trạng đều không giống nhau, chỉ có tên sách là còn theo lối cũ nhiều như *Ngọc Kiều Lê*, *Bình Sơn Lành Yến* v.v... đều thế cả, đến như cốt chuyện thì đại để là chuyện giai nhân tài tử, chấp nối lại bằng những tình tiết văn nhã phong lưu, lấy việc lo công danh, xây dựng đôi lứa làm chủ, ban đầu thì hoặc có dở dang trắc trở cuối cùng phần nhiều đều được như ý muốn buổi đầu, vì vậy mà đương thời cũng gọi là giai thoại. Đi sâu vào ý định thì nhiều khi cùng với chuyện truyền kỳ đời Đường có giống nhau, song lại không phải liên quan gì đến nhau, vì lẽ nhân vật đưa ra phần lớn là những kẻ tài hoa, cho nên thời đại tuy khác xa mà sự tích thì phải giống, tình cờ mà ăn khớp, không phải nhất định bắt chước mà thành. *Ngọc Kiều Lê*, *Bình Sơn Lành Yến* vốn có bản dịch ra *Pháp văn*, và lại có truyện tên là *Hảo Cầu truyện*, (chuyện tốt đôi), bản mang tên này có dịch ra cả tiếng Pháp và tiếng Đức, cho nên ở nước ngoài thì đặc biệt có tiếng hơn ở chính Trung Quốc⁴.

Ngọc Kiều Lê, nay có khi đổi tự là *Song Mỹ kỳ duyên*, không có tên tác giả. Toàn chuyện có hai mươi hồi, kể chuyện niên hiệu Chính thống

⁴ Nguyễn văn: Cố lai ngoại quốc đặc hữu danh, viễn qua ử kỳ tại Trung quốc - ND.

triều Minh có viên Thái thường khanh tên là Bạch Huyền không con mãi khi tuổi già mới sinh được một gái đặt tên là Hồng Ngọc rất có tài văn chương, nhân thay bố làm thơ Hoa Cúc mà khách biết ra, quan ngự sử Dương Đình Chiếu muốn xin cưới làm vợ cho con trai là Dương Phương, ông Huyền mời Phương đến nhà, dặn em vợ là Hàn Lâm Ngô Khuê thử tài.

... Vị Hàn Lâm họ Ngô cùng Dương Phương đứng bên hiên, Dương Phương ngẩng đầu lên, bỗng thấy một bức tranh đề ba chữ Phất Cáo Hiên. Dương Phương biết ba chữ đó rồi nên chỉ dán mắt mà xem, Ngô Hàn Lâm thấy Dương Phương xem kỹ thế thì nói: “Ba chữ đó là của vị học giả đã được triều đình mời ra làm quan, tên là Ngô Dữ Bật viết đấy, nét chữ điêu luyện cứng cáp, thật là chữ có tiếng”. Dương Phương muốn khoe hiểu biết nên đáp: “Quả là chữ có tiếng thật, chữ Hiên còn thường thôi, còn hai chữ Phất Cáo thì thật viết đã nhập thần”, nói rồi đọc to lên mà lại đọc chữ Phất thành Khứ thanh, không biết hai chữ Phất Cáo là chữ *Kinh thi*, cả câu là Phất huyền phất cáo mà chữ cáo đây nên đọc là Cốc thì mới đúng. Ngô Hàn Lâm nghe đọc thì trong bụng rõ rồi, chỉ ồm ờ không nói gì... (Hồi thứ hai).

Thế là Bạch Huyền không đồng ý gả. Họ Dương lấy làm oán và để trả thù, tiến cử Bạch Huyền đi đến doanh của Dã tiên để đón thượng hoàng, Huyền gửi con gái cho Ngô Hàn Lâm mà đi. Ngô Khuê dắt Hồng Ngọc về Kim Lăng, gặp thấy Ngô Hữu Bạch làm thơ đề trên vách, yêu tài muốn đem Hồng Ngọc gả cho. Hữu Bạch xem tướng người vợ mới nhằm, nên cuối cùng không chịu lấy. Khuê giận, dặn học quan cách chúc Tú tài của Hữu Bạch, viên học quan còn chần chừ thì vừa có tin Bạch Huyền trở về triều được thăng quan về làng, thì lập tức đồng ý cách chúc. Hữu Bạch bị cách định vào Kinh gấp chú, dọc đường thấy mấy người tuổi trẻ vất vả làm thơ, thì họ đang họa bài Liễu mới của Bạch Hồng Ngọc, Khuê bảo ai họa được vần thì sẽ gả cho ngay. Hữu Bạch cũng họa hai bài nhưng có Trương Quỹ Như ăn cắp đem dâng Bạch Huyền. Huyền giữ Như ở lại dạy học trong nhà. Ít lâu sau lại có một người là Tô Hữu Đức đổi tên là Hữu Bạch, xin cưới con họ Bạch, đương buổi họp mặt thấy Phương, hai bên công kích bêu xấu nhau nhưng đều thua cả. Hữu Bạch thấy được bài thơ Liễu mới của Hồng Ngọc thì lấy làm mến nàng, qua sông lên Bắc muốn nhờ Ngô Khuê để cầu hôn.

Giữa đường gặp cướp, tạm trọ lại ở nhà họ Lý, tình cờ gặp một người tuổi trẻ tên là Lư Mộng Lê, Lê rất phục tài của Hữu Bạch, đem việc trăm năm của em gái gửi cho Bạch, Bạch vào Kinh lấy chân giám sinh đi thi, đỗ thứ hai, hỏi thăm họ Lư thì đã đi Kim Lăng trước, đến nương nhờ họ Bạch. Bạch Huyền khó lòng không biết chọn ai làm rể, đổi họ đổi tên đi chơi Sơn Âm, đến chùa Vũ Tích thấy một thiếu niên họ Liêu, tài trí phi thường, hôm sau trở lại hỏi thăm và tuyên bố hứa hôn ngay cho cả con gái mình, cả con gái cháu vợ, về nhà nói rõ vì sao mà làm như thế.

... Bỗng gặp một chàng thiếu niên họ Liêu, cùng là người Kim Lăng. Cậu ta là một nhân vật phong lưu, đúng như người ta thường nói, cây ngọc của nhà họ Tạ... Tôi xem thấy cậu tinh thần thanh cao, cốt cách tuấn tú, học rộng tài cao, chỉ khoảng sớm chiều là liệng bay trên bàn uyển... Tôi có ý muốn đem Hồng Ngọc gả cho cậu ta, song lại sợ cô cháu ngoại nói mình thiên vị, muốn gả cô cháu, thì lại e Hồng Ngọc bảo bố làm bộ, không thiệt tình. Mà ngoài Liêu sinh ra thì muốn tìm một anh thật là muốn lần không tìm được. Tôi nghĩ Nga Hoàng Nữ Anh hai chị em cùng thờ vua Thuấn, thánh nhân xưa đã có bàn như thế rồi, ta lại thấy hai chị em này thương mến nhau, không khác gì một đôi bạn tốt, ta không nỡ lòng để mỗi đứa mỗi nơi, cho nên ngay tại chỗ ta đã tuyên bố gả cả hai cho cậu ta. Việc đó ta đã làm một cách hết sức thỏa thuê sung sướng (Hồi thứ 19).

Mà cả hai cô gái đều mến Hữu Bạch, nghe nói thì lòng riêng nghe ra chưa thật đầy đủ. Không lâu họ Liêu đến nhà họ Bạch, tự nói mình thật ra là Tô Hữu Bạch mà vừa rồi cũng là đổi họ tên mà đi chơi Sơn Âm. Bạch Huyền cũng mách họ tên thật của mình, ai nấy đều kính và mừng vui khôn tả, rồi làm lễ thành hôn. Còn Lư Mộng Lê thực ra là gái, trước kia cải trang để ở với Hữu Bạch đó thôi.

Bình Sơn Lân Yến hai mươi bốn hồi đề là Dịch Ngạn Sơn Nhân Biên thứ. Nhưng Thịnh Bách Nhị đời Thanh làm sách *Du Đường tục bút đàm* cho là của Trương Bác Sơn đời Gia Hưng làm lúc mới 14, 15 tuổi và bố là Cháp Mỗ làm tục thêm cho xong. Đức Sơn tên là Thiệu, người thời Khang Hi nhà Thanh, lúc nhỏ đã có con mắt thần đồng, 9 tuổi làm bài phú hoa mai, thầy học lấy làm kinh. Nguyễn Nguyên làm sách *Lưỡng chiết du hiên*

lục, bảy lần dẫn lời của Lý Nhượng Thẩm rằng: Vì Thiệu thông minh sớm, cho nên người ta đem gộp sách này phụ vào với sách kia, song ý văn cũ kỹ, tuyệt không giống với của trẻ con làm. Sách nói rằng ghi chép việc triều vua trước thịnh trị ra sao, song lại không biết làm vào thời nào, cho nên cũng không biết triều vua trước là vua nào. Bây giờ quan Khâm Thiên giám chính đường tâu rằng sao Khuê rọi sáng, tan khắp thiên hạ, thiên tử lấy làm vui sướng xuống chiếu cầu tìm chân tài; vua lại nhận thấy chim yến trắng bay quanh quất không bỏ đi, nên bảo một trăm quan làm thơ yến trắng, ai cũng từ tạ rằng không làm được, quan Đại Học Sĩ là Sơn Hiến Nhân phải đem dâng bài của con gái mình là Sơn Đại làm, bài thơ đó như sau:

Chiều hôm dạo cảnh vốn không ưa,

Trốn đến vườn Lê bởi lối đưa,

Theo quạ trôi xuôi e lộn sắc,

Gày thân có tuyết đắp lại vừa,

Đêm nay về tối còn hình bóng,

Xuân ngâm muôn hồng vẫn áo xưa,

Phú quý của son quen hờn hinh,

Riêng mình thân sạch trở về chưa.

Xem thơ xong, Hoàng đế tức khắc triệu Sơn Đại vào bệ kiến, bảo rằng làm một bài châm để dâng lên. Xem bài châm vua cũng lấy làm vừa lòng, ban cho một cái thước ngọc bảo là để đo tài thiên hạ, một cái như ý bằng vàng bảo là “Về văn thì dùng để chỉ huy bút mực, về võ thì dùng để phòng ngự cường bạo, sau lớn lên kén chồng, có đứa nào cần đỡ muốn ép duyên thì cầm mà đánh vào đầu nó, đánh chết không xét xử gì”, lại ban cho một tấm biển chính tay Hoàng đế viết đề là Hoàng Văn tài nữ. Bảy giờ Đại mới 10 tuổi, ông bố cất một ngôi lầu để cái thước ngọc đặt tên là Ngọc Xích Lâu, và cũng là để làm nơi Đại xem sách. Thế là cái tiếng tài nữ nổi lên lan tràn, những ai cần thơ văn đều tập hợp về đó như mây. Sau Đại làm thơ trên một anh chàng con nhà quyền quý, anh ta oán, nhờ người nói vu là thơ văn

không phải của chính mình làm ra, Hoàng đế lại sai các văn thần đến lầu Ngọc Xích so tài chữ, văn thần không có ai theo kịp, kẻ vu cáo bị tội và tiếng Sơn Đại nhân thế càng lên. Đương thời lại có một thôn nữ tên là Giáng Tuyết, cũng đang bé và đã hay thơ, có làm trái ý một chức sơn nhân tên là Lý Tín. Tín bày kế hãm hại, đến nỗi cô bé bị quan bắt đem bán cho nhà họ Sơn làm gái hầu. Giáng Tuyết đi đường làm thơ, gặp một người tài hoa quê ở Lạc Dương tên là Bình Như Hành, song chỉ mới gặp nhau trong chốc lát đã mất hút. Giáng Tuyết về nhà họ Sơn rồi thì tự trở tài và được mọi người kính mến, lại cũng nhờ bài thơ mà được Thiên tử biết đến. Bình Như Hành đi đến Văn gian hỏi thăm các tài sĩ, gặp Yến Bạch Hàm, con nhà sang giàu mà có tài lớn hay thơ. Quan địa phương muốn tiến cử hai người vào triều, nhưng cả hai không muốn xuất thân bằng con đường tiến cử, nên đưa nhau vào kinh dự thi. Lại đổi họ tên mong tìm gặp Sơn Đại. Sơn Đại đã sớm thấy thơ chê bai phúng thích của hai người rồi, nhân thể cùng với Giáng Tuyết ăn mặc giả làm con đòi, làm thơ thử hai chàng, đôi bên xướng họa hai ba lần, hai chàng phải chịu kém, từ tạ đi. Lại có người tên là Trương Dần, cũng có ý cầu hôn nên đến nhà họ Sơn, rồi chịu để cho thử ở dưới lầu Ngọc Xích, Trương không biết đến văn chương, bị một phen trêu đùa là ngu dốt, lại vì đường đột leo lên lầu, suýt bị đánh với cây như ý, đến nước phải lạy cầu mới khỏi được. Trương bèn nhờ quan coi việc lễ nghi tâu lên vua, nói Đại cùng với bọn thiếu niên xướng họa trêu chọc người ta có hại đến phong hóa. Thiên tử liền bắt tra. Trương còn cáo phát hai chàng thực ra là Bình Sơn Hành và Yến Bạch Hàm mà lấy tên giả, song vừa lúc thi xong ra bảng, thì Bình Nguyên Hành đỗ Hội nguyên, Yến Bạch Hàm đỗ Hội khôi. Thiên tử hết sức mừng, dụ Bảo Sơn Hiền Nhân chọn cả hai làm rể. Hiền Nhân liền đem Sơn Đại gả cho Yến Bạch Hàm, Lãnh Giang Tuyết gả cho Bình Như Hành. Ngày thành hôn, mọi việc không có gì không mỹ mãn.

... Hai cô lên kiệu, phù dâu hầu hạ đi theo có trên trăm, suốt dọc đường, tiếng pháo nổ, tiếng nhạc, tiếng trống inh tai, cờ hoa đèn lồng lóa mắt, quả thật là đám cưới của Thiên tử ban cho, của Tể Tướng gả con, của Trạng Nguyên, Thám hoa lấy vợ, phú quý một thời, chiếm hết mọi sự đẹp để giàu sang ở đời...

Nếu không chân chính có tài thì làm sao được thế? Đến nay ở kinh thành ai nấy đều kể chuyện *Bình Sơn Lãnh Yến* và cho họ là 4 tài tử, ngồi nhà xem sử, khôn xiết ngưỡng mộ hân hoan, đem chép lại chuyện của họ ra như vậy (Hồi thứ 24).

Cả hai cuốn sách *Ngọc Kiều Lê* và *Bình Sơn Lãnh Yến* đại ý đều đề cao phụ nữ, ca ngợi tài năng của họ, lại có ý coi thường nghệ thuật sắp xếp, chuộng lời lẽ văn hoa, trọng người tài hoa anh tuấn, mà khinh cười hạng tục sĩ, song gọi là tài thì chỉ là tài văn thơ, gọi là đoạn hay, lại nhiều câu thơ bị bội bạc, như của hạng học trò đi thi ở các xóm làng hẻo lánh làm ra. Lại nữa, kén vợ, kén chồng thì phải thông qua thi cử, thành hôn thì chờ chiếu chỉ của nhà vua, thế là thời đó người ta bị cái tư tưởng khoa cử ràng buộc lao lung, nếu tác giả không có cái tài phóng khoáng bất kị, thì hẳn không có thể xung phong quyết tâm mà cất cánh bay cao được.

Hảo Cầu truyện mười tám hồi, có tên là Hiệp Nghĩa Phong Nguyệt truyện nữa, đề là Danh giáo trung nhân biên thứ, đại ý cũng như hai sách trên, chỉ văn từ có hay hơn, tính cách nhân vật cũng có hơi khác, đúng như chuyện tả đã đẹp lại tài, đẹp mà lại nghĩa hiệp nữa. Sách kể có vị tú tài tên là *Thiết Trung Ngọc* người phủ Đại danh thuộc Bắc Trục lệ. Sinh ra phong lưu tuấn tú, có vẻ giống một cô gái đẹp vì thế trong làng đặt cho một cái tên đùa, gọi là Thiết mỹ nhân. Nếu nhân phẩm y mà tốt thì tính tình y đáng lẽ phải ôn tồn. Không dè y sinh ra tuy xinh xắn thế, mà tính tình lại giống sắt nguội chẳng khác gì, mười phần cố chấp, gần dờ chẳng nghe lời ai, lại có đôi phần gân sức, đúng hay không cũng nổi nóng lên. Bình thường không dễ thấy người nói... Song cũng có một chỗ tốt ai có việc gì cần nhờ đến... thường khẳng khái giúp đỡ ngay, còn nếu là a dua nịnh hót, để mong được ơn huệ thì y không thềm để tai nghe. Sở dĩ như vậy ai cũng cảm kích y mà ai cũng không dám vô cớ mà gần gũi y (Hồi thứ nhất).

Bố là Thiết Anh làm Ngự sử, Trung Ngọc lo cho cha vì cứng cỏi thẳng thắn mà mắc họa nên vào kinh để can, gặp lúc Đại quán hầu Sa Lợi cướp vợ của Hàn Nguyên, Trung Ngọc liền bày mưu cướp lại để trả về cho Nguyên, rất được tiếng khen là nghĩa hiệp. Song Trung Ngọc cũng sợ mắc họa, không dám ở lại kinh đô, mà đi Sơn Đông để học. Thủy Cư Nhất, người Lịch

Thành, làm thị lang bộ binh, xin thôi về có một người con gái tên là Băng Tâm rất đẹp mà tài năng tri thức lại hơn cả con trai. Cùng huyện có Quá Kỳ Tổ, con quan Đại học sĩ, muốn ép hỏi làm vợ, Kỳ Tổ rất giận, lập mưu hãm hại Cư Nhất, lại dùng trăm phương nghìn kế để lấy cho được Băng Tâm, song Băng Tâm đều dùng trí thoát được cả. Quá Kỳ Tổ lại nhờ quan huyện giả chỉ vua bắt ép Băng Tâm, vừa lúc Trung Ngọc ở Lịch Thành, vạch sự giả ngụy và mưu kế của chúng lại hỏng. Băng Tâm nhân thế rất phục Trung Ngọc, Trung Ngọc thỉnh linh ồm nặng, nàng đón về chăm sóc, qua năm ngày mới đi. Sau đó Kỳ Tổ hai ba lần bày kế hỏi Băng Tâm nhưng lần nào cũng không được. Nhưng Trung Ngọc trót đã thành hôn với Băng Tâm mà không làm lễ hợp cẩn, thế là quan học sĩ họ Quá nhờ quan Ngự sử Văn Ngọc tâu lên việc hai họ làm thông gia, trước tiên nói: “Một đứa con trai xa cha mẹ, một đứa con gái chưa chồng, mà ở chung một nhà không khỏi có tình ý ám muội, nay cha mẹ lại còn tùy chúng, rêu rao ra đường ngõ, tán thành việc chúng nó làm, cho là thành hôn, thật là hại đến danh giá”. Có chỉ vua xuống bảo phúc tra. Sau hoàng đế biết rằng hai người tuy có làm lễ thành hôn rồi mà chưa ăn ở chung với nhau, bèn triệu Băng Tâm vào để Hoàng hậu xét nghiệm, thì ra Băng Tâm quả thật là con gái trinh, thế là bọn vu miệt đều bị cật vấn, khiển trách và hai họ Thủy và Thiết được khen là “xuất một loại bạt tụy trong sự hảo cầu” sai đốt đuốc hoa lần nữa để làm rạng danh giá và dặn thêm rằng: Khanh về nên gắng tu tâm đức tốt hơn nữa để phong hóa được rạng rỡ thêm.

Lại có sách *Thiết Hoa Tiên Sử* hai mươi sáu hồi, đề là Văn phong sơn nhân biên thứ, kể chuyện Thái Kỳ Chí người Tiền Đường với người bạn thân là Vương Duyệt đi chơi vườn Chôn Gươm của tổ tiên để lại, thưởng hoa phù dung cho đến khi hoa rụng mới chia tay nhau. Sau vào kinh lại gặp nhau lại, mà cả hai đều đã có con bế ẵm được cả rồi, hai bên hứa làm sui gia với nhau rồi đi lại càng thân hơn. Còn Vương Duyệt tên là Nho Trân, bảy tuổi đã biết làm thơ, mười ba tuổi đã cùng bạn học cùng tuổi là Trần Thu Lân vào học trường Quốc học, cả hai đã nhiều lần vào trong vườn Chôn Gươm, đón bạn bè vào đó thưởng hoa và làm thơ ngâm vịnh. Thu Lân đang đêm gặp một người con gái, nói tên là Phù Kiếm Hoa, sau thì tới nhiều lần, đến một hôm

mưa to gió lớn làm trốc mấy cây ngọc phù dung thì thôi, không thấy nữa. Về sau họ Vương sa sút đi, Nho Trân thì không đỗ, họ Thái ngại nghèo khó muốn đem con gái gả cho Hạ Nguyên Hư. Bấy giờ Thu Lân đã đỗ giải nguyên, vội bày mưu tính kế với bạn thân là Tô Tử Thần, rồi nhờ mối lái hỏi được cô gái kia về, định để rồi đưa cho Nho Trân làm vợ, nhưng con gái của Thái Kỳ Chi là Nhược Lan lại bỏ nhà đi và được người chú của Tử Thần là Thanh Trai đem về nuôi. Còn Hạ Nguyên Hư vốn là con nhà gia thế nhưng vô hạnh, giận em gái là Dao Chi hay chê bai nói xấu mình, đưa cô ra dự tuyển vào cung, Dao Chi trúng và bị đưa vào kinh, giữa đường thuyền hỏng, lại được Thành Trai cứu, Thành Trai mời Nho Trân về làm gia sư, Thái Kỳ Chi về già, một mình hiu quạnh, cũng thường đến đón Vương Nho Trân về nhà chơi, nuôi Nho Trân làm con, Nho Trân cũng đỗ giải nguyên và hỏi con gái Thành Trai là Hình Nhi làm vợ. Trần Thu Lân thì hỏi Hạ Dao Chi, Thành Trai chưa gả nhưng một hôm Dao Chi tự mình đến với Thu Lân rồi cùng nhau trốn. Lúc ấy Tử Thần đã dẹp xong cướp biển, thành thần tiên rồi, bỗng có thư cho cả Vương cả Trần nói cô Dao Chi thật vẫn còn ở nhà họ Tô Minh, còn Dao Chi đi trốn với Thu Lân chỉ là yêu hoa hóa ra mà thôi, bảo hai người dùng phép ngũ lôi mà trị, yêu liền bỏ đi mất, và cuối cùng Thành Trai cũng gả Dao Chi cho Thu Lân. Một hôm Nho Trân đến nhà họ Tô, thỉnh linh thấy người hầu gái cũ là Nhược Lan, rất lấy làm kinh lạ, Thành Trai mới biết chắc chắn rằng người con gái của Thái Kỳ Chi mà mình gắp đem về nuôi trước đây là vợ, hỏi rồi mà chưa cưới của Vương Nho Trân nên đưa về cho Nho Trân. Về sau, vợ chồng cả hai bên đều sống đến ngoài tám mươi, do uống cái kim đan của Tử Thần tặng, mà một hôm không ốm đau gì hết mà mất, người đời cho là thi giải⁵.

Chuyện *Thiết Hoa Tiên Sử* ra đời sau hơn các chuyện kia, hình như muốn thoát ra khỏi cái lễ lối cũ lâu nay cho nên đặt cốt chuyện hết sức cầu kỳ. Tác giả lại có ý tự phụ, trong lời tựa có nói: Chuyện truyền kỳ cốt mô tả nỗi buồn vui tan hợp của tài tử giai nhân, là để cung cấp cho người ta thích mất vui lòng, thế mà sách làm xong, đặt tên lại lắm khi không để ý lắm,

⁵ Thi là thi thể, giải là giải thoát.

như chuyện *Bình Sơn Lãnh Yến* thì đem họ của các giai nhân tài tử mà đặt tên sách, đến như chuyện *Ngọc Kiều Lê* thì lại trích lấy một chữ trong tên của họ mà đặt, cầu thả đến thế, thật ra không phải vì thực lòng đường đột với tài tử giai nhân mà vì lo sao cho tiện xoay trở để làm xong sách, không xem gì khó cả. Còn sách này thì có khác hơn... khiến người ta đọc thì đọc là sướng, là hoa, là tiên mà chuyện của tài tử giai nhân thì khi che đi, khi sáng ra trong đó... Tựa nói vậy, chữ văn viết thì dốt vụng, thiếu trơn tru linh hoạt, tình tiết câu chuyện rườm rà lời thôì, lại đưa lẫn lộn vào việc chiến tranh, việc thần tiên yêu quái, như vậy là trượt ra ngoài phạm vi tiểu thuyết nhân tình mất rồi.

Chương 21

TIỂU TUYẾT ĐỜI MINH MÔ PHỎNG TIỂU THUYẾT THỊ DÂN ĐỜI TỐNG VÀ CÁC TUYỂN TẬP DO NGƯỜI ĐỜI SAU LÀM

Thuyết thoại của người đời Tống mà ảnh hưởng đến các đời sau, nhiều nhất không thể loại nào bằng thể loại *giảng sử*. Các trước tác giảng sử trùng điệp ra đời như đã nói trong hai chương 14, 15 trước. Nguồn gốc thuyết thoại đời Minh phần lớn cũng do *giảng sử* mà nổi tiếng, trong bọn họ cũng có người giảng kinh, đưa về kinh, còn giảng tiểu thuyết thì rất hiếm. Nhưng đến khoảng cuối Minh thì thể loại tiểu thuyết của người kẻ chợ của đời Tống lại trỗi dậy lại, thịnh hành được lưu hành rộng rãi, nhưng tên cũ đã lu mờ, không còn gọi là tiểu thuyết người kẻ chợ nữa.

Loại sách đó mà có nhiều nhất, trước tiên là sách *Toàn tướng cổ kim tiểu thuyết*, bốn mươi quyển, cửa hàng sách Thiên hựu trại có giấy cáo bạch nói rằng: “Cửa hàng chúng tôi mua được sách điển nghĩa của các danh nhân cổ làm ra đến một trăm hai mươi loại, đầu tiên mới nhắc in được một phần ba”. Còn của chủ nhân quán Lộc Thiên thì nói: Nhà Mậu Uyển đã sử cất giữ các tiểu thuyết thông tục đời xưa đời nay rất nhiều, nhân có người buôn xin, nên đem lựa ra những chuyện có thể khen hay, vừa tai của nhiều hạng người, cũng có đến bốn mươi loại, đem khắc in một loạt. Đó là khắc in loạt đầu, còn có tiếp tục loạt khác nữa hay không thì không nghe nói đến. Thế rồi ít lâu sau thì có Tam Ngôn, Tam Ngôn là thế nào? Một là Dụ thế

minh ngôn, hai là Cảnh thế minh ngôn, đến nay đều chưa thấy, chỉ biết các mục lục thế thôi. Minh Ngôn hai mươi bốn quyển và hai mươi mốt chương của nó là lấy trong cổ kim tiểu thuyết ra còn ba chương nữa cũng thấy cả trong thông ngôn và cả trong Tinh thế hằng ngôn nữa, vậy thì như lấy cái tên bản của sách Cổ Kim tiểu thuyết mà làm thành cuốn sách này. Thông ngôn thì bốn mươi quyển có lời tựa của Dự chương Vô ngại cư sĩ đề niên hiệu là Thiên Khải Giáp Tý (1624), sách lấy bảy chương trong sách Kinh bản thông tục tiểu thuyết (thấy trong sách Quan Vu Minh tích tiểu thuyết Tam Ngôn) và trong sách Tổng Minh thông tục tiểu thuyết lưu truyền biểu của Điền Cốc On), nhân thế mà biết rằng loại sách sắp xếp lại rồi khắc in ra đó có thể cũng là chọn từ các sách cũ ra rồi đem gộp lại làm thành sách mới chứ không phải toàn là sách nghị tác, mô phỏng mà làm ra cả. Còn ngôn thứ ba trong tam ngôn Tinh thế Hằng Ngôn cũng bốn mươi quyển, có tựa của Lũng Tây kha nhất cư sĩ, đề niên hiệu Thiên Khải Đinh Mão (1627), tựa đó nói... Ngoài Lục Kinh và Quốc Sử ra thì trước tác gì cũng là tiểu thuyết cả, nhưng trước tác chuộng lý thì mắc cái bệnh thâm kín, viết văn thì mắc cái bệnh văn hoa tô vẽ, không đủ để xúc động đến tai người ta, động viên cổ vũ lòng hùng của người ta, vì lẽ đó mà Cảnh thế hằng ngôn tiếp bước Minh ngôn và thông ngôn mà làm như vậy. Thế là biết Hằng ngôn ra đời sau nhất trong tam ngôn lại trong Hằng ngôn này có chuyện Thập ngũ quán hí ngôn thành xảo họa, chuyện đó tức là chuyện Thác Trảm Thôi Ninh trong quyển 15 của sách Kinh bản thông tục tiểu thuyết, vậy là Hằng Ngôn cũng là có lấy trong sách cũ mà làm ra, không khác gì với thông ngôn lắm.

Tùng thiên lão nhân đề tựa cho sách kim cổ kỳ quan có nói: Mặc Hàm Trái bổ sung thêm cho sách Bình yêu đã ra công đến cùng, biến đổi cục độ, mà không làm mất cái bản sắc của sách đi... đến như việc làm sách Tam ngôn Du thế, Cảnh thế và tinh thế thì mô tả hết mọi đường nẻo của thế thái nhân tình, nói hết những cái cảnh trí buồn vui tan hợp. Bình yêu truyện có tựa của Trương Vô Cửu nói rằng đó là sách mà bạn tôi là Long Tử Do đã có sửa chữa bổ sung thêm, trang đầu có đề tên, thì nói là Phùng Do Long tiên sinh tăng định, nhờ thế mà biết rằng Tam ngôn cũng là Phùng Do Long làm, còn như nói Long Tử Do thì đó là sắp ngược hai chữ Do Long

mà đặt thành tên khác mà thôi. Do Long tên là Mộng Long, người Trường Châu (sách Khúc Phẩm nói là người Ngõ huyện, sách Ngoan Đào thi thoại nói là người Thường Thục) vì thế mà chủ nhân là Lục Tiên quá gọi là Mậu Uyển dã sử, trong niên hiệu Sùng Trinh, đỗ cống sinh được tuyên bố làm tri huyện Thọ Ninh. Về thơ, có Thất lục trai cao nhưng theo sách Minh thi tổng bảy mươi một của Chu Di Tôn thì khéo làm lời mở đầu cho hay, vui rồi giữa lại xen vào những lời quê mùa thô鄙, cho nên không được kể là nhà thơ. Song Mộng Long chuyên giỏi từ khúc, có làm sách Song Hùng ký truyện kỳ, lại đem in sách Mặc hám trai truyện kỳ định bản mười loại, những sách này đều được đương thời xem, các tập vạn sự túc, Phong lưu mộng, Tân quán viên đều là của ông làm, Mộng Long cũng thích tiểu thuyết, ông đã sửa chữa bổ sung, Bình yêu truyện lại làm Tam Ngôn, và nhiều lần khuyên Thẩm Đức Phu đem bản sao Kim Bình Mai cho thuê phương khắc in, nhưng việc đó chưa làm được (theo Dã hoạch biên 25).

Kinh bản thông tục tiểu thuyết lục chép bảy chương trong đó có năm là chuyện đời Cao Tông, xa nhất là đời Thần Tông, những chuyện tai nghe mắt thấy đó cả, cho nên trình bày mô tả dễ dàng với sự thật. Tình thế hằng ngôn thì lại làm khác đi, đem xen lộn vào chuyện đời Hán 2, chuyện đời Tùy Đường II, thường lấy tài liệu trong tiểu thuyết Tấn Đường như Tục tề hải ký, Bác dị chí, dậu Dương tạp trở, Tùy di lục... Phong tục nay xưa, thay đổi đã nhiều, đem lời văn trống không mà diễn dịch ra thành ra mất hết sinh khí. Nhưng chuyện đời Tống 2 chương thì khá sinh động, nghĩ rằng ngoài chuyện Thác trẩm Thôi Ninh thì hoặc giả có những chuyện lấy từ thoại bản của người Tống ra nhưng điều đó chưa rõ. Chuyện đời Minh mười lăm chương thì đều là chuyện mới có, nhân tình thế thái, không đợi hư cấu nữa, cho nên so với sách đàm luận cao xa về Hán Đường thì hay, tốt hơn. Một chương tốt hơn của quyển thứ chín đề là Trần Đa Thọ sinh tử phu thê kể chuyện hai người họ Châu và họ Trần nhân việc đánh cờ với nhau mà thành thông gia, con nhà họ Trần sau mắc bệnh hủi, họ Châu hối hận định từ hôn, nhưng người con gái ấy không chịu, cuối cùng nàng về nhà họ Trần nuôi nấng, chăm sóc người mắc bệnh, ròng rã ba năm, sau cả hai vợ chồng đều uống thuốc độc mà chết. Chuyện thuật hai người đính hôn, việc mẹ vợ

oán hờn này khác, đều không dụng ý trang điểm mà tình tiết như là một bức tranh.

... Vương Tam Lão và Chu Thế Viên thấy cậu bé tiểu học kia đi đứng thư thả khoan thai, giọng trong trẻo lại vãi chào có lớp lang rất đúng thứ bậc, thì trong bụng khen lao không ngớt. Rồi Vương Tam Lão hỏi: “Cậu mấy tuổi?” Trần Thanh trả lời: “Cháu lên chín”. Vương Tam lão nói: Nhớ lại năm kia, trong bữa ăn ba ngày cúng mự thì y như mới hôm qua, mà chốc lát đã là chín năm, thật là ngày tháng chim bay, làm sao bọn ta không già được”. Lại hỏi Chu Thế Viên và nói “Già này nhớ được là cô bé nhà ta cũng sinh một năm ấy đóáy. Chu Thế Viên bảo: “Đúng là con cháu có phúc, nay cũng là chín tuổi rồi”. Vương Tam Lão nói: “Đừng bảo già này lắm mồm nhé, hai người các ông đã là bạn cõ với nhau một đời, sao không làm thông gia đi luôn? Ngày xưa có cái thôn Châu Trần, trong cả thôn chỉ có hai họ, đời đời làm thông gia với nhau, bây giờ hai người các ông lại khéo trùng họ thế kia, phải coi là duyên trời mới được. Huống hồ lại trai ngoan, gái ngoan, anh thấy tôi biết, có gì là không đẹp đẽ nào”. Chu Thế Viên đã nhìn rõ cậu học sinh rồi, không đòi Trần Thanh mở mồm đã lên tiếng nói: “Việc đó thì tốt quá, chỉ sợ anh Trần không muốn thôi, chứ nếu anh ta hạ cố đến, thì tôi đâu dám nói gì”. Trần Thanh nói: “Được anh Chu không cho là hàn vi mà không bỏ thì cháu là bên trai, cháu có từ chối gì? Và thế thì xin mời Tam Lão là người mối cho”.

Vương Tam Lão bảo: “Ngày mai là ngày trùng dương, Dương cữu không lợi. Ngày kia là ngày hết sức tốt, già sẽ đến, hôm nay một lời đã quyết thì bản tâm hai vị già này chỉ lo uống vài chén, coi là chúc mừng không cần phải tạ ơn người mối”.

Trần Thanh nói: “Tôi xin kể một chuyện cũ để các người nghe, Ngọc Hoàng đại đế muốn làm thông gia với Nhân Hoàng, thương lượng rằng: Hai bên thông gia đều là hoàng đế cả, vậy phải có hoàng đế làm mối mới được. Thế là mời hoàng đế Táo quân xuống trần làm ông mối đi nói, Nhân hoàng thấy táo quân thì cả kinh nói: Người làm mối sao lại đen thế? Táo quân nói: xưa nay người mối có ai trắng mà đi làm đâu?”.

Vương Tam Lão và Chu Thế Viên bật cười cả đôi. Hai người Châu Trần lại đánh cờ đến chiều mới tan.

(đây có ý chơi chữ mà không nói ra:

mai, mối, người làm mối, làm mai

Mai, mối, than đá, mồ hóng, suy muội).

Chỉ nhân một ván hơn thua đó,

Mà định ba sinh duyên gái trai..

Chu Thế Viên có vợ là Liễu Thị, nghe biết con rể mắc bệnh như vậy thì khóc lóc kêu la rầm rầm. Chị đau lòng oán chồng mà nói: “Nào phải con nó xấu xa ế ẩm gì cho đang, mà mới chín tuổi đầu đã vội vàng đem cho người ta đi. Bây giờ thì làm ao đây? Đàng nào cho ra một đấng di, các con ểnh ương hủi đó mà chết đi được thì con gái mình thoát nợ, đàng này chết không chết, nếu không ra sống, con bé cứ mỗi ngày một tuổi cao người lớn, muốn gả cho ai thì cũng không được, muốn nhờ vả ai thì cũng không xong, làm thế nào bây giờ, không lẽ cứ ở vậy hầu cái thằng hủi, chồng sống sờ sờ đó mà làm con gái góa sao? Đến nông nổi thế, toàn là tại cái thằng cha mọc sùng Vương Tam Lão kia thu vén xếp đặt cả, làm hại cả một đời con gái tao”.

Chu Thế Viên nguyên có bệnh sợ vợ, nên đã mặc chị ta vặc người này rồi vặc người kia, mắng chửi rồi lại nín thinh, không hề thò mồm vào ngồi buồn thiu. Một hôm Liễu Thị thu dọn cái chạn ở bếp, tình cờ thấy bàn cờ tướng và con cờ, nổi giận dưng dưng. Chồng rằng: “Hai thằng nhà anh chỉ vì mấy con cờ này đi được rồi nói ra cũng được nước, tìm được thông gia rồi bán con bà đi, còn để cái đồ sinh ra tai họa này làm gì”. Miệng nói, chân chạy ra cửa, đem cả bàn cờ, con cờ vút tung tóe ra trên đường, cái bàn cờ vút vỡ thành mấy miếng, Chu Thế Viên là người biết thủ phận thấy vợ như điên, chặn lại thì không chặn được, giả bộ nhơn nhơn tránh đi mất còn gái Đa Phúc thì vừa then, vừa sợ, không tiện lại khuyên can, mặc cho nói dai, mãi chán thì thôi.

Thời đó lại có phách án Kinh kỳ, ba mươi sáu quyển, mỗi quyển là một chương, chuyện đời Đường sáu quyển, đời Tống 6, Nguyên 4, Minh 20, đều là lấy chuyện xưa, việc xưa vào cả, giống như sách Tam Ngôn trên quyển đầu có tựa của Túc không quán chủ nhân nói: “Ông Long Tử Do làm các sách dụ thế, nội dung còn giữ lại cái nhĩa đạo, thường chép lấy những quy tắc tốt lành, phá bỏ cái tập quán què lậu hiện nay; như các loại cũ đời Tống Nguyên thì cũng được tìm tòi góp nhặt vào gần hết... Nhân thể chọn lấy được những sự việc tạp nhạp nhỏ nhặt, làm mới lại những điều thấy nghe, rồi mượn lối hài hước mà diễn tả ra thông suốt, được từng ấy quyển, sau đó khắc in hai lần ba quyển, chuyện đời Xuân Thu một quyển, đời Tống mười bốn quyển, Nguyên 6, không rõ niên đại 5, phụ lục Tống công Minh nào nguyên tiên tạp kịch một quyển nữa, năm Nhâm Thân Sùng Trinh (1632) tự đề tựa lấy, đại lược nói: Mùa thu năm Đinh mao... tình cờ đùa chọn lấy những chuyện xưa mà mình nghe được, đem một, hai chuyện ra, đáng ghi chép, diễn ra thành,... được 40 loại... ngay cả gỗ thừa bá Lương, tre Vô Xương còn lại, cũng không phải ít, nghĩ không đáng để quên, cho nên cũng đem chép thuật bốn mươi tắc... năm Đinh mao tức là năm thiên Khải bảy, sách tinh thể hằng ngôn khắc in vào khoảng ấy, vậy là sách nói đây cũng vừa in ra và đua tài với nhau, song tự thuật phẳng bằng, dẫn chứng nghèo nàn khổ sở, không kịp sách kia được. Túc không quán chủ nhân là biệt hiệu của lãng Mông Sơ, Mông sơ tự là Sơ Thành, người Ô Trình sách làm ra có thi dục, Thi nghịch, Quốc môn tập và tạp kịch Cù tu ông.... (theo sách Tam Ngôn, tiểu thuyết đời Minh).

Sách Tây Hồ nhị thập ba mươi bốn quyển, có sách Tây Hồ thu sắc một trăm vần đóng phụ thêm đề là Vô Lâm Tế xuyên Tử, thanh nguyên phủ toàn. Mỗi quyển một chương, cũng là diễn chuyện cổ kim lẫn lộn, và chắc là có liên quan đến Tây Hồ. Xem tên sách, thì phải có tập đầu nữa nhưng chưa thấy. Đằng trước có tựa của Hồ Hải Sĩ, gọi Thanh nguyên là Chu tử, đã có làm sách Tây Hồ thuyết, các sự việc khác thì chưa rõ, đời Khang Hi nhà Thanh có người thái học sinh tên là Chu Thanh Nguyên, tên tự là Hoãn Sơ, nhưng lại là người võ tẩn (sách Quốc Tử Giám chi 82 và sách Hạc Chính lục 1), đời Càn Long thì có Chu Dục, tên tự cũng Thanh Nguyên, người Tiên

Đường (sách Lương Chiết do hiền lục 23) nhưng thời đại xa, phải là hai người khác nhau. Sách làm cũng là lấy việc trong sách khác mà vẫn làm vẫn mình, gọi là dẫn tử; dẫn tử có khi nhiều đến ba, bốn số bởi sách kia ít nhiều không giống; văn viết cũng xuôi chảy, lanh lợi, song ưa ca tụng công đức Thượng đế, đưa ra giọng giáo huấn của kẻ bề trên, đó hẳn là như trong lời tựa thuật lại câu nói của Thanh Nguyên, do cái tư tưởng cho rằng: Số mệnh làm khổ quá đáng, cáo chuột kinh nhờn ta một cách không lý do mà ra, chẳng hạn như đoạn mượn tên thi nhân đời Đường gọi là Nhung Dục mà phát huy mối hận bất đắc chí của nhà văn sau đây:

... Nay nói chuyện một ông quan cấp dưới của Hàn Công, họ là Nhung tên là Dục làm thứ sử Chiết Giang; Nhung Dục có cái dáng đẹp của Phan An, cái tài hoa của Tử Kiến, hạ bút xuống là làm cho người ta kinh, viết nghìn lời xong ngay lập tức, tự thị có tài, tính tình cực kỳ ngạo nghễ, coi người bằng nửa con mắt, khổ thay gặp bước loạn ly, đời trọng văn mà không trọng võ, nếu như ai có vài trăm sức lực... Không phải nói mười tám ban võ nghệ gì cũng tinh thông, chỉ là biết được một đôi ngón gì đấy cũng đủ cho trên đầu có mũ sa đội ngất nghểu... Trước ngựa có người đẹp đường, tiền hô hậu ủng. Không oai phong lắm liệt, diễu võ giương oai như vậy thì làm sao mà hiểu được bốn chữ Thiên Địa Huyền Hoàng. Nhung Dục ta tự phụ là tài ba, đến cái thời coi trọng võ này, thì không nói đến chuyện ngồi giữa chợ bán mũ bình thiên, cái nghề buôn bán đó ai là kẻ đến mua nữa, mắt đã thấy rõ người ta không thích gì mình nữa rồi. Anh tự phụ là tài hoa, anh bắt nạt được ai. Cho có làm được hàng trăm hàng nghìn bài thơ mà ra trận không được, không giết được thằng giặc nào, làm cho nó lui đi không xong, trấn áp nó cũng không được, thế thì được tích sự gì? Nhung Dục mang lấy cái túi thơ đó, không có chỗ nào bán tổng đi được thì bị một ả giang hồ bắt được. ả giang hồ đó là ai? Họ Kim tên Phụng, tuổi vừa mười chín, mặt mũi đáng vô song, hát múa giỏi, tính người trầm lặng thanh nhàn, không ưa những việc ồn ả lung tung, chỉ thích một điều là hai chữ thơ phú. ả thấy cái túi thơ Nhung Dục thì rất thích, Nhung Dục đang lúc không có chỗ mà để bán tổng, thấy Kim Phụng thích thú với cái túi đó của mình thì lập tức thấy phần khởi mở ra, như mở một cái quày tạp hóa, bày ra cái này,

cái nọ. Cả đôi hết sức tương đắc, chị tham anh yêu, không rời nhau ra. Từ đó Kim Phụng không tiếp khách làng chơi nữa. Thật là buồn chẳng gì bằng sống ly biệt – vui chẳng gì bằng mới tương tư. Từ đó Nhung Dục mỗi khi việc quan rảnh rỗi là đi chơi vui trên Tây Hồ, cùng Kim Phụng bàng hoàng không rút... (quyển 9 : Hán tấn công tìm tặng cả người lẫn của).

Chuyện Túy Tĩnh Thạch mười lăm hồi, đề là Đông cổ cường sinh biên tập, chuyện chép chỉ có Duy Lý Vi hóa cọp là chuyện thời Đường, ngoài ra đều là chuyện đời Minh cả, mãi đến triều Sùng Trinh mới ra sách, văn minh bạch khá sắc rõ, song vì quá ư giản dị điều luyện, thành ra cái lối đưa ra những lời răn dạy, với giọng kể cả người trên, cái khiêu thích nghị luận phê bình thì lại quá đáng, hơn cả Tây Hồ nhị thập. Tiểu thuyết kể chuyện đời Tống, tuy cũng xen vào những lời huấn dụ, song chủ yếu là thuật lại chuyện thành thị, chuyện nông thôn, cốt để mua vui. Đến hạng tác giả mặt lưu đời Minh mô phỏng viết lại thì răn bảo lu bù, ồn ào làm mất cả chú ý, lại thường hay ca ngợi trâm trở nhưng sự gặp gỡ vinh hoa may mắn, bênh vực bao che cho hạng sĩ nhân, cho nên hình thức tiểu thuyết kể chuyện thì gần như còn mà tinh thần so với đời Tống thì đã khác xa lắm. Như hồi thứ 14 chép chuyện Mạc ông đem con gái gả cho người họ Tô, lâu rồi người con gái sợ nghèo, tự xin đi lấy chồng khác, làm vợ nhà hàng rượu. Rồi họ Tô thi đỗ liền tiếp thành một ông tiến sĩ, vinh qui đi qua trước hàng rượu, thấy người con gái còn trông lò, Tô xuống kiệu vái chào, người con gái mặt cứ tự nhiên mà lòng thì rất khổ, lại không chịu nổi người ta cười mắng, nên thất cổ tự tử, thế là cái cách làm cho kẻ học trò nghèo được vui lòng đó.

... Thấy bên cái chạn một người đàn bà ra bộ đứng đắn ẻo lả ngồi, thì ra đúng là cô Mạc. Ông nghề Tô thấy thì nghĩ bụng: Ta hãy xuống gặp cô ta một tí, xem cô đối đãi với mình thế nào. Rồi bảo dừng kiệu lại, xuống ra, mặc áo tiến sĩ mới được ban vào, đi vào trong hàng. Người chủ hàng đang ngồi bên chái đếm tiền, mặc cái áo quàng vai, thấy ông quan võ thì trốn. Còn cô Mạc ta thấy xuống kiệu, nhận thấy là vị tiến sĩ họ Tô rồi mà vẫn không thấy xấu hổ, không sàu nào, cứ giờ mặt ra. Ông nghề Tô đến trước mặt cũng cung kính vái chào một cái. Cô ta bảo: “Anh cứ việc làm quan của anh, tôi bán rượu của tôi. Thân hình không động dấy”. Ông nghề

Tô cười một tiếng mà ra đi..

Nước đổ rồi khó bốc, vợ đi xong không về. Gặp nhau cười một tiếng – Chỉ dùng bước trù trừ.

Ta nghĩ lòng cô Mạc lẽ nào không động được, có điều làm ra mình đây tuyệt nhân tuyệt nghĩa như thế, để cho mặt mũi ra vẻ cứ tươi, gặp nhau vẫn vui vẻ, không nghĩ gì đến việc trở lại với nhau nữa. Sau đó lại ngậm buồn nuốt tủi, kéo ai chặn nước mắt nghĩ là vì mình mà ra, liệu không thể nào được người ta thương mà đưa về lại nữa, chỉ bằng cứ làm ra vẻ cứng cỏi, chẳng nào cho ra một đấng, thế là yên chuyện. Tâm lý ấy cũng của cô ta, không phải không hối tiếc là lúc bỏ đi mình đã quá gấp vội thiếu suy nghĩ, song rốt cuộc cũng đều là không biết làm thế nào.

Cuối truyện lại còn có lời bình luận cho là: Sống bị chê cười, chết để tiếng xấu lại, đây là một người vợ nữa sau vợ Chu Mại Thần xưa. Lời bình luận cũng có ý dung tha hình như buộc tội là tại người đàn ông không chịu yên phận nghèo hèn mà sinh ra thế. Song kết luận vẫn nghiêm khắc không tha.

Nhược bằng luận về người đàn bà thì đọc sách vở ít hiểu đạo lý không được bao nhiêu, làm sao mà có được cái kiến giải lớn, cái chí lo xa của cuộc đời mình. Huống hồ rồi có thể đến đôi rét khổ vào thân, thấy người ta thế mà mình thì thế, xóm giềng chê cười không chịu nổi, bà con họ mạc nóng lạnh không chừng, chồng thì cáo bảng mãi vẫn không thấy tên mình, giặt giũ mà vẫn không hết được màu chàm của cái manh áo che thân, làm gì, nói gì cũng không kích động lên được cái ông chồng đã quen thói thì không đổ, cứ nằm dài ở nhà, chịu hết khổ nhục, khóc hết nước mắt, thế thì làm sao bảo người ta không oán giận khóc than được chứ. Tuy nhiên : Chết đói là việc nhỏ, thất tiết với chồng là việc lớn. Mắt trương trơ ra thấy anh tú khổ còn sờ sờ ra đó mà lại đi ôm ấp một anh khác, không lẽ lại không có một chút ân tình sớm chiều gì hết, thật sao. Thật là khinh miệt, vứt bỏ cả luân thường đạo lý. Sở dĩ thế mà cô vợ Chu Mại Thần để lại sự cười chê cho muôn đời.

Loại sách như dụ thế trong Tam Ngôn khoảng đầu đời Thanh còn lưu

hành. Vương sĩ Trinh làm sách Hương Tổ bút ký 10 có nói sách Cảnh thế thông ngôn có chuyện ảo tưởng công, thuật chuyện Vương An Thạch bị bãi chức tể tướng ở Kim lăng, người ta xem thấy làm khoái hết sức, cho nên nhân có việc Lư Đa Tổn bị trích đi Lĩnh Nam mà đưa phụ thêm vào... Cho nên biết được rằng đó không phải là sách khác. Về sau dần dần ăn năn là đã làm như vậy, cái phần nhỏ của sách thì lại do có bản tuyển mà lưu hành đến nay. Bản này nói là Kim cổ kỳ quan có bốn mươi quyển bốn mươi hồi, tựa bảo là Tam Ngôn, cùng với phách án kinh kỳ hợp lại, cộng tất cả lại có hai trăm chuyện, xem đọc khó hết được, cho nên Bảo Ứng lão nhân tuyển lại và khắc in ra làm bản này. Căn cứ theo Minh thông tục tiểu thuyết lưu truyền biểu thì bản tuyển bố lấy trong sách Cổ kim tiểu thuyết, 18 thiên, Tinh thể hằng ngôn 11 chương (các hồi 1, 2, 7, 8, 15 đến 17, 25 đến 28) lấy trong Phách án kinh kỳ 7 chương (các hồi 9, 10, 18, 29, 37, 39, 40), hai lần khắc ba chương, Tam Ngôn nhị phách, bản in này hồi khó tìm thấy. Tìm được thì có thể nhờ nó mà thấy các đại lược của công việc. Đến như cái thời gian chính xác làm xong sách, thì phải vào khoảng niên hiệu Sùng Trinh, thế là có quan hệ với thời đại của Tam Ngôn nhị phách, Diêm Cốc Ôn đã từng vì việc đó mà lập ra cái biểu (theo sách Minh Địch tiểu thuyết Tam Ngôn) như sau:

Thiên khái 1 Tân dậu	Cổ kim tiểu thuyết Dự thể minh ngôn Cảnh thế thông ngôn		
4 Giáp tý 5 6 7 Đinh Mão	Tinh thể hằng ngôn	Phách án kinh kỳ (đầu)	
Sùng trinh 1 2 3 4 5 Nhâm thân		Phách án kinh kỳ (2)	
17			Kim cổ kỳ quan

Sách Kim cổ kỳ quan hai mươi hai quyển, mỗi quyển một chuyện đề là Đông Bích sơn phòng chủ nhân biên thứ. Việc lục chép khá phức tạp: có văn của Tỉnh thế hằng ngôn bốn chương (theo các sách Thập ngũ quan hý ngôn thành đại họa, Trần Đa Thọ sinh tử phụ thể, Trương Thục nhi xảo trí thoát dương sinh, Lưu tiểu quan thư thùng huỳnh đệ, một thiên khác nữa là chuyện Mai dữ hận tích trong Tây hồ giai thoại, ngoài ra nữa thì chưa tường lấy từ đâu ra. Trong văn có chữ Phát nghịch (vụ nổi loạn về đầu tóc), cho nên phải là sách thời Hàm phong Đông Trị mới được.

Tục kim cổ kỳ quan ba mươi quyển, cũng mỗi quyển một truyện, không có tên tác giả: Sách toàn lấy chuyện Kim cổ kỳ quan tuyển bỏ ra, như hai mươi chín chuyện cũ Phách án kinh kỳ, rồi lấy một chuyện của Kim cổ kỳ văn (chuyện khinh tài trọng nghĩa đắc hoa danh của Khương Hữu Nhân viết) để cho đủ số quyển, như vậy thì thật không đáng gọi là bản tuyển, năm Đồng Trị 7 (1868) tuần Vũ Giang Tô là Đinh Nhật Xương từng nghiên cứu các tiểu thuyết dân từ, Phách án kinh kỳ cũng nằm trong danh sách cấm, cho nên có lẽ sách này là do kẻ buôn sách làm ra sau hồi cấm kia.

Chương 22

TIỂU THUYẾT MÔ PHỎNG ĐỜI TẤN ĐƯỜNG CỦA ĐỜI THANH CÙNG VỚI CÁC DÒNG PHÁI CỦA NÓ

Tiểu thuyết của người đời Đường chỉ có một bản thôi, đến đời Minh, mười đã mất hết chín, nhà Tống làm sách Thái Bình quảng ký, làm xong lại cất không ban bố ra: những tiểu thuyết ít ỏi được lựa truyền, đời sau tình cờ thấy, thì bắt chước làm, người đời lấy làm kinh ngạc, cho là kỳ tuyệt. Đầu đời Minh có người Tiền Đường là Cù Hựu, tên tự là Tông Cát, có tiếng về thơ, làm một cuốn tiểu thuyết tên là Tiễn đăng tân thoại, đặt tên chuyện, cấu trúc sách đều bắt chước theo đời Đường, song văn viết yếu ớt rườm rà không đúng với ý định, chỉ do tô vẽ tình gái trai cho hay, đặt câu dùng chữ cho đẹp mà đương thời rất lấy làm thích thú, người học đời làm hết sức đông, đến khi bị cấm thì cái phong khí tiểu thuyết đó mới suy đi. Đến khoảng Triều Gia Tĩnh, tiểu thuyết người đời Đường lại ra lại, hạng người buồn sách, thường thường trích lấy văn trong Thái bình quảng ký, đem lộn với sách khác, khắc in làm từng tập, thật giả rối mù nhưng lưu hành rất mạnh. Các văn nhân vốn không có dính gì đến tiểu thuyết cũng đem những dị nhân, hiệp khách, đồn nô cho đến cả hổ, chó sâu kiến ra làm thành chuyện đặt vào giữa tập luôn. Có thể nói cái không khí truyền kỳ vào cuối đời Minh là đây rấy cả thiên hạ, cho đến khi sang triều đại khác rồi mà vẫn chưa thay đổi gì.

Cái chuyện tập có tiếng nhất là Liêu trai chí dị của Bồ Tùng Linh. Tùng Linh tên tự là Lưu Tiên, hiệu Liễu Tuyền, người Tri Xuyên Sơn đông, lúc nhỏ đã có tài hơn người, già rồi vẫn không đỗ đạt làm quan được, chỉ là một thư sinh dạy học ở nhà, đến năm tân Mão Khang Hi mới được tuyển làm tuế công (theo tựa và跋 của Liêu trai chí dị) được hơn bốn năm thì mất, tuổi 86 (1630 – 1715) trước tác có văn tập bốn quyển, Thi tập sáu quyển, Liêu trai chí dị tám quyển. (Văn tập có phụ lục các trước tác: bia mộ của Trương Nguyễn làm, cùng với Tình thân lục, Hoài hình lục, Lịch tự văn, Nhật dụng tục tự, Nông tang kinh (theo sách Kỳ hiến loại trưng của Lý Hoàn, 431). Liêu trai chí dị cũng có chia làm mười sáu quyển bốn trăm ba mươi một chương, Tùng Linh đến tuổi 50 mới viết xong và cho là dứt khoát, tự viết lấy lời đề nói: Tài không được như Can Bửu, thường thích việc sưu thần, tình giống với Hoàng Châu, ưa nghe nói chuyện quỷ. Rồi thì cầm bút, nhân chép thành chương; lâu rồi tất thấy người bốn phương lại dùng ống bưu trạm mà gửi đến cho, nhân thế mà sự vật tụ tập được tốt, tích lũy được nhiều thêm. Thế là nói việc góp nhặt dành dụm đã lâu rồi, song trong sách cũng có nhiều sự tích lấy từ truyền kỳ đời Đường rồi chuyển hóa ra (chẳng hạn chuyện Phương dương sĩ nhân, chuyện Tục hoàng lương), điều này không tự nói ra, đó là bất chuốc ngoài xưa mà giấu đi vậy. Đến như nói tác giả tìm kiếm chuyện lạ mà dọn sẵn chèn thuốc trước cửa, đón những ông lão nhà quê, những người dân cày, mời họ kể chuyện rồi vẽ phác thành tranh thì chẳng qua là chuyện ngoài đường ngõ mà thôi, không đáng nghe lắm.

Liêu trai chí dị tuy cũng có sách cùng loại đương thời, không ngoài những chuyện đời xưa nói về thần tiên, ma cáo, yêu tinh song mô tả cũng khác, thứ lớp rõ ràng, dùng phương pháp truyền kỳ mà viết theo lối chí quái, tình tiết biến ảo, như bày ra trước mắt thật. Lại có khi đổi điệu thay dây, thuật hành vi lạ, tả người đặc kỳ hiếm thấy, ra cõi mộng ảo, vào thế gian tình cờ có thuật chuyện vật thì cũng giản dị trong sáng, cho nên tai mắt độc giả cũng thấy mới và hay. Lại tương truyền rằng người ẩn sĩ ở Sơn dương (Vương Sĩ Trinh) khen ngợi sách muốn mua mà không được, cho nên tiếng tăm lại càng lên, người ta đua nhau kể và sao chép. Tuy vậy hết đời tác giả rồi mà sách vẫn chưa in ra, đến cuối triều Càn Long mới bắt đầu khắc ở

Nghiêm châu, sau Đản Minh Luân, Lã Thâm Âu đều có chú giải cả..

Các sách chí quái cuối đời Minh, đại để đều sơ lược, lại lắm điều hoang đường quái đản. Không ra tình người, chỉ một mình Liêu Trai chí dị là tường tận mà lại bình thường, khiến cho yêu hoa tinh cáo đều giống người ta, hiền hòa, giản dị dễ thân, quen mình là giống khác, mà nếu tình cờ thấy hồ đồ, ngớ ngẩn, thì cũng biết là không phải người: Như chuyện Hồ hài nói Vạn Phúc ở Bắc hưng cưới người con gái trinh ở Tế Nam làm vợ, mà người con gái đó lại nhả nhặn, khôì hài hay áp đảo tất cả, trong một buổi ngồi tán chuyện, sau thỉnh linh ra đi, đều như người thường hết. Chuyện Hoàng Anh chép chuyện Mã Tử Tài lấy Đào Thị Hoàng Anh làm vợ, nhưng thật ra là tinh của hoa cúc, tích trữ bon chen, không khác gì người thật, song có người em say rượu ngã hóa ra hoa cúc ngay, thế nghĩa là khí có biến, không thường thì liền hiện ra thật.

...Một hôm có tiệc rượu sang, ông Vạn ngồi ghế chủ nhân, Tôn cùng hai người khách chia nhau ngồi hai bên tả hữu, đằng dưới đặt một cái chông có ý để Hồ thị chịu lép. Hồ từ chối nói không biết uống nhưng cũng xin ngồi nói chuyện như mọi người. Cả tiệc đồng ý cho. Rượu được vài tuần, thì gieo súc sắc làm cái tửu lệnh cưỡng đưa. Khách gieo được màu dưa thì phải uống, dưa cầm chén dưa ra giữa tiệc mà nói: bà Hồ còn tỉnh lắm, xin tạm mượn một chén... Khách đều nói: “Kẻ mắng người là bị phạt”. Hồ cười nói rằng: “Còn tôi mắng thì sao?”. Cả tiệc nói: “Được”. Rồi nghiêng tai cùng nghe, Hồ nói: “Ngày xưa một vị đại thần, đi sứ nước Hồng Mai đội chiếc mũ nách cáo mà yết kiến quốc vương của họ. Quốc vương nhìn cái mũ, lấy làm lạ và hỏi lông con gì vậy, dày và ấm lắm phải không. Vị đại thần thưa là cáo, hồ”. Vương nói: “Con vật đó cả đời tôi chưa được nói đến. Chữ hồ mấy nét?”. Sứ thần viết giữa không mà tâu: “Bên hữu là một quả dưa lớn, bên tả là một con chó nhỏ” (Bên hữu là chữ qua, bên tả là bờ khuyển). Chủ khách lại cười vang... ở vài tháng, cùng Vạn đi về... Hơn một năm sau, vạn lại có việc đi Tế Nam, Hồ lại đi theo. Bỗng có một vài người đến, Hồ cùng họ nói chuyện, kể hết mọi sự hàn huyên; xong thì nói với Vạn rằng: “Tôi vốn là người Thiểm trung, cùng anh có duyên nợ sẵn, nên mới lấy anh. Nay có anh tới đến, tôi sẽ đi theo để về, không thể ở với anh đến cuối”. Vạn lưu lại

không được, Hồ ra đi (quyển 5).

...Đào uống rượu vốn giỏi, chưa khi nào thấy say; có người bạn là Tăng sinh tử lương cũng không ai địch nổi; vừa qua nhà Mã, đã bảo uống thi với Đào. Hai người bắt đầu uống từ giờ thìn, uống luôn bốn tiếng đồng hồ, mỗi người hết 100 bình, Tăng say khướt như con nỏ, ngủ muôi, ra cửa đập phải bờ cúc, non bộ nghiêng đổ, áo vút xuống một bên, Đào hóa ra hóa cúc tại đó, cây cao bằng người, hoa có đến hơn mười đoá to bằng nắm tay, Mã kinh hãi hết sức, mách với Hoàng Anh, Anh vội ra bảo Mã cùng đi và dặn là đừng có nhìn. Đến sáng rồi mới trở lại thì thấy Đào nằm bên bờ cúc, Mã biết ra Đào là yêu cúc và thêm yêu kính vợ. Còn Đào lộ ra rồi thì uống rượu lại phóng túng hơn... Vừa buổi mai hoa nở, Tăng đến thăm hỏi, hai người đầy tớ khênh một ché rượu đậm thuốc, định cùng nhau uống hết... Tăng say đến cả người, đầy tớ cũng đi. Đào nằm dựa đất lại hóa ra cúc lại; Mã thấy đã quen không kinh hãi nữa, dùng phép nhỏ lên như lần trước, đứng một bên giữ lấy để xem biến hóa thế nào. Chập sau thì lá tiêu tụy thêm, Mã sợ quá, nói với Hoàng Anh, Anh nghe thì sợ liền nói: “Thế là giết chết em tôi rồi”, chạy lại xem thì cành rễ đã khô. Anh đau lòng quá, ngắt một cành, đem vùi vào trong cái chậu và bung vào trong buồng nằm. Qua vài ngày nghe tin tăng say rượu chết rồi, cành cúc trong chậu cứ dần dần nảy mầm, đến tháng 9 thì đã ra hoa, cuống ngắn, đoá hoa có phấn, ngửi nghe có mùi rượu, đặt tên là túy đào, (Đào say). Lấy rượu tưới thì tươi... Hoàng Anh sống đến già rồi mất, không có gì lạ khác người. (quyển 4).

Lại nữa tự thuật việc dân gian thì cũng chẳng qua là hình dung bề ngoài, có khi mất cả cái bình thường, như thiên Mã giới phủ trích sau, kể chuyện Dương thị có người vợ hung hãn ngược đãi chồng, coi nhờn khách khứa, còn anh em thì sợ, đến nỗi đứng trước mặt khách thì lúng túng cuống quýt.

... Chừng nửa năm sau, Mã bỗng dắt cả đồng bọn đến nhà Dương, gặp khi Dương còn ở ngoài cửa ướn nắng bắt rận, tưởng là đây tở sai vật trong nhà, nên nói tên họ ra, bảo vào nói với chủ; Dương mặc cái áo rách bươm vào và đi, có người mách với Mã: “Đấy là ông Dương rồi đây”. Mã đang còn sừng sốt thì có anh em của Dương ra đón, vào nhà vái một vái rồi liền xin để

chào ông cha. Ông Vạn Thạch từ tạ, nói mình ốm, bắt ngồi nói chuyện, cười không ngớt, trời chiều. Ông nhiều lần nói đến cơm nhưng cơm mãi không thấy ra, anh em Dương cứ thay đổi nhau vào lại ra, ra lại vào. Sau mới thấy đĩa ở gầy nhom cầm một bình rượu ra, rót xuống một chốc thì hết, rồi ngồi rình mãi đã khá lâu, ông Vạn Thạch cứ đứng lên ngồi xuống gọi giục, mồ hôi nhễ nhại cả trán cả má. Bỗng đĩa ồm gầy bụng mâm cơm ra, cơm gạo, thức ăn hâm đi hâm lại, thật chẳng ngon bù một tí nào. Ăn xong ông Vạn Thạch lèm thêm luộm thuộm dậy đi; Vạn Chung ôm chiếc chăn rách lại để nằm ngủ với khách (quyển 10).

Sách lại cứ mỗi quyển lại chép những đoạn văn nhỏ, kể chuyện cực ngắn, cực đơn giản, không thích hợp với văn truyền kỳ, vài hàng là hết, gần như chuyện chỉ quái đời Lục triều. Lại có sách Liêu Trai chỉ dị thập di, một quyển hai mươi bảy chương nữa... sách này do người sau lượm nhặt chép lại, chuyện tuyệt đối không có gì hay, nghi là do tác giả nhặt bỏ đi, hoặc người khác bắt chước mà làm.

Cuối đời Càn Long, có người Tiền Đường là Viên Mai là sách tân Tề hải hai mươi bốn quyển, Tục mười quyển nữa, ban đầu đặt tên là Tử bát ngữ, sau thấy trong thuyết bộ của người Nguyên đã có chuyện đặt tên như vậy rồi nên thôi và đặt tên như hiện nay. Tựa nói:

“Nói bậy, nghe bậy, rồi nhớ mà ghi lại để đó cho sau tránh sự trau tria trang sức, ngược lại gần như cứ tự nhiên, song quá khô nát cầu thả, lại lắm chỗ hoang rậm uế tạp tự dè là viết đùa chơi mà quả là đúng như tẻ. Còn như thực sự bắt chước Liêu trai thì bây giờ kể có Trầm Khởi Phương người Ngô môn làm sách Hải đặc mười quyển (tựa đề năm Càn Long 56) song ý quá ra tuồng trò, văn quá lồi thoi trúc trắc; Hoa Bang Ngạch người Mãn châu làm sách Dạ đàm tùy lục mười hai quyển (tựa cũng đề năm 56), có mượn tài liệu của sách khác (chẳng hạn sách Đồng ý Giác, sách Dạ tinh tử, sách Dương y, các sách này đều gốc từ Tản tề hai mà ra cả; sách Dạ đàm tùy lục lời văn cũng lắm khi thô bạo song miêu tả cảnh vật phương Bắc và tình hình thành thị nông thôn thì đặc biệt khả quan. Ngoài ra còn có sách Huỳnh song di thảo, ba tập 12 quyển, của Hạo Ca Tử người Trường bạch (hình như làm khoảng giữa niên hiệu Càn Long, song lại có bốn tập bốn

quyển của Quán Thế Hạo người Hải Xương (tựa đề năm Gia Khánh 6). Sách Tích liêu trích đàm tám quyển của Phùng Khởi Phụng người Bình hồ. Gắn đây hơn thì sách Nhiều Sầu tập tám quyển của Trần Thao người Kim quỹ (tựa đề Năm quang tự 3) cũng là sách chí dị và đều không ra khỏi khuôn sáo liêu trai. Chỉ có sách Lục hợp nội ngoại toàn ngôn hai mươi quyển của Duệ Tôn người Thử dư (hình như làm khoảng đầu Gia Khánh), còn đặt tên là Bảo Cát tạp ký nữa) sách có viết cho tân kỳ độc đáo, thể thức trước đó chưa hề có tác giả nào làm thử, song ý tứ thì nông cạn khinh bạc không ra sao. Cứ như Kim Vô Tường nói trong Giang âm nghệ văn chí thì sách của Đồ Thần, tên tự là Hiền Thư người Giang âm làm. Thêm còn có làm sách Ngạc đình thi thoại một quyển, văn tự khá giản dị, cũng không phải ghi chép chuyện hiểm lạ tất cả, song xét về phong cách thì cũng thuộc loại này.

Sách Liêu trai chí dị lưu hành như gió đã hơn 100 năm, người mô phỏng, kẻ tán tụng đều đông, nhưng đến Kỷ Quân mới có những lời kín đáo. Thịnh Thời Ngạn (lời bạt viết cho sách Cô vông thánh chí) thuật lại lời của Quán rằng: Liêu trai chí dị thịnh hành một thời, song song ngòi bút của người làm sách từ đầu đời Ngu trở xuống, từ đời Thiên Bửu trở lên, sách cổ, đã mất mát đi nhiều rồi, còn thấy được cả pho trọn vẹn, chỉ có dị ngôn của Lưu Kính Thúc, Tục sưu thần ký của Đào Tiềm, đó là loại tiểu thuyết, còn loại truyện kỳ thì chỉ có Phi yến ngoại truyện, Hội tiểu thuyết đã thuật kiến văn, tức thuộc thể tự sự, không phải như trên sân khấu, cốt cho người ta xem mà tùy ý trang điểm... Đàng này những lời thân mật âu yếm, những cử chỉ quen nhìn xuống sẵn ở trong buồng thể nào mà đem kể ra cặn kẽ, mô tả rất sâu, bảo là lời mình nói thì giống như phi lý, bảo là tác giả nói thay cho nhân vật thì hỏi là nghe thấy ở đâu, đó là những điều chưa giải được. “Nói thế tức là chê rằng Liêu trai chí dị đều có cái tường tận của truyền kỳ đời Đường, lại xen lộn vào cái đơn giản sơ lược của chí quái hồi Lục triều, đã không phải là văn tự thuật, tự mà lại miêu tả rạch ròi, hết mọi góc ngách như thế? Kỷ Quân tên tự là Hiếu Phong, người Hiến huyện Trục Lệ, cha là Dung Thư, làm tri phủ Diên An, Quân từ bé đã dinh ngộ, 24 tuổi đỗ giải nguyên trường Thuận Thiên song đến 31 tuổi mới đỗ tiến sĩ, làm quan từ biên tu lên đến thị độc học sĩ, mắc tội tiết lộ cơ sự, đày đi làm lính thú ở Ô

lỗ mọt tề, hơn ba năm thì được triệu về làm biên tu lại, lại ba năm nữa được thăng thị độc, giữ chức tổng toàn tứ khố toàn thư, liên quan đến thư cục đã mười ba năm, tinh lực một đời đều đổ vào trong bảng mục lục cùng bảng đề yếu của tứ khố toàn thư, cho nên trước tác được rất ít. Sau lần lượt được thăng thượng thư bộ lễ, song vào kinh làm giảng quan, từ đó lại làm tổng hiến trông coi cả bộ lễ cả tòa Kinh diên hết năm năm, làm trưởng bộ lễ hết ba năm nữa (theo sách Quốc triều tiêu chính sự lược 20 của Lý Nguyên Độ. Năm Càn Long 54, do công việc biên chép xếp sắp hộ tịch bí mật mà phải đi Nhiệt hà).

... "Thời gian đó làm việc sửa sang, việc quản lý lâu mới xong, chỉ là xem xét đôn đốc các quan lại ghi chép, niêm phong kho tàng mà thôi, ngày dài không có việc gì", ông mới truy lục lại kiến văn của mình, viết thành bài thuyết như tên gọi đời xưa, được sáu quyển, đặt tên là Loan dương tiêu hạ lục. Qua hai năm, lại viết thêm sách Như thị ngã văn, năm sau lại viết sách Hòe tây tạp chí, năm sau nữa sách Cô vong thích chi, sách nào cũng bốn quyển cả; năm Gia Khánh 3, lại đi Nhiệt hà lại viết xong sách Loan dương tục lục 6 quyển, bấy giờ tuổi đã 75. Hai năm sau, người nhà là Thịnh Thi ngan gộp cả lại đem khắc in, đề tên là Duyệt vi thảo tường bút ký, năm loại (theo sách này) Tháng giêng năm Gia Khánh 10 lại điều về bộ lễ, phong Hiệp biên đại học sĩ, gia phong thái tử Thiếu Bảo, trông coi công việc Quốc tử giám, ngày 14 tháng 2 mất tại chức, tuổi 82 (1740 – 1805) được đặt tên Thụy là Văn Đạt (sách Sự lược).

Sách Duyệt vi thảo tường bút ký tuy nói là sách để tiêu khiển qua ngày, song lập ý và kết cấu rất nghiêm túc,

Chỉ nói điều quan trọng nhất thời thì sách cốt ở chất mà không cốt ở văn hoa, theo dấu chân Tấn, Tống mà tiến. Lời tựa của chính tác giả viết nói: "Nghĩ xưa các tác giả như Vương Trọng Luận, Ứng Trọng Viễn dẫn sách kinh, căn cứ vào sách cổ, biện luận rộng, thông hiểu nhiều; Đào Uyên Minh, Lưu Kính Thúc, Lưu Nghĩa Khánh chỉ một vài lời đơn giản đàm bạc mà tự nhiên thần diệu xa xôi, thật không dám sánh càn phong hóa". Tác giả nói thế tức là nói ra điều quan trọng đã nhận xét trên. Ấng sách mục thước như vậy nên so với Liêu trai theo cách thức của truyền kỳ thì đường lối mỗi bên

một khác. Tuy nhiên đem so sánh với sách các đời Tấn Tống thì sách Duyệt vi lại quá thiên về nghị luận. Đó là vì không bằng lòng chỉ làm tiểu thuyết mà còn muốn ích cho nhân tâm, thế là tự nhiên xa trái với cái tinh thần chí quá của Tấn Tống. Đã thế mà hề đem việc hèn hạ gắn thêm vào nữa thì dễ sa vào cái lối nói suông về chuyện nhân quả báo ứng, một điều lý Kỳ Quán vốn có tài văn chương, đã đọc được nhiều sách hiếm, lại tính tình phóng khoáng, bình thần cho nên thăm dò được cái tình trạng của quý thân, tìm ra được cái u uất của người đời, rồi thì muốn tiếng ma cáo để nói ra ý kiến của mình, ý tốt lời hay thường đủ để bán buồn mua vui; ở giữa có xen vào những lời khảo xét biện luận, ý kiến cũng rõ ràng tươi tắn. Cách tự thuật thì ung dung khiêm nhã, lý thú tự nhiên, vì thế mà mãi sau không ai giành được ngôi thứ của ông và, không phải do chức vị cao, danh vọng lớn mà sách ông được lưu truyền. Dưới đây nêu lên ba tắc tương đối đơn giản hơn cả:

Quan đình úy Lưu Ất Trai lúc làm Ngự sử, có thuê một ngôi nhà ven Tây Hà, thường đêm có đặt vài người đánh mõ canh, tiếng lốc cốc nghe tận sáng... Nhìn thì không thấy gì, nhưng cứ nghe inh tai lên không ngủ được chút nào cả. Ất Trai vốn là tay cứng cổ, ông tự soạn lấy một bài văn, vạch trần tội trạng của chúng, viết thành chữ to dán lên vách để xua đuổi, tối hôm đó thế là yên. Ất Trai tự khoe là mình không kém gì Hàn Xương Lê xưa xưa được cá sấu đi. Tôi bảo: “Ông thì văn chương đạo đức hình như chưa địch được Xương Lê song tính cương trực, khí cường thịnh cả đời còn chưa làm điều gì ám muội, cho nên dám mạnh dạn không sợ quỷ; lại dời nhà đến các cứ lấy chỗ này, bây giờ sức kiệt không thể dời nhà lần nữa, không còn cách gì để lại đi đâu, chỉ có liều chết giằng co với quỷ mà thôi, như vậy là ở ông chỉ là con thú khốn rồi còn đâu, còn ở quỷ chỉ là giặc cùn rồi thì không đuổi theo nó nữa mà thôi...”. Ất Trai cười, thụi vào lưng tôi nói: “Nguy Thu khinh bạc quá, nhưng là kẻ biết tứ đấy”. (Loan dương tiêu hạ tập 6).

Điền Bạch Nham nói: Hay cùng bạn hữu cần tiên, tiên lên tự xưng là Chân Sơn Dân, một kẻ quân tử ở ẩn đời cuối Tống”. Sướng họa vừa ăn ý nhau thì ở ngoài báo có khách là ông họ ông kia đến, bất thành linh dừng

lại, bất động. Hôm sau lại lên, hỏi vì sao hôm nọ lại bỏ đi một cách vội vã như thế. Tiên pháp rằng: Hai ông kia, một ông thì hiểu biết chuyện đời quá sâu, tạc thù đi lại quá thạo, gặp nhau nhất định nói a dua, nịnh hót đến vài trăm câu, con người nhàn tản nước mây, ứng đối vụng về, chỉ bằng tránh đi là hơn; còn một ông thì tâm tư kỹ quá, lễ độ quá rành, chuyện trò với ai thì thôi xao từng tiếng, trách cứ mãi không thôi, hạc nội mây ngàn chịu phiền hà thế sao nổi, cho nên chạy trốn thế vẫn sợ chưa mau. Sau An Công ở Tiêu điều nghe kể lại thì nói: Ông Tiên đó rốt cuộc cũng chỉ là một kẻ sĩ quyền giới mà thôi, khí lượng còn hẹp hòi (Hòa tây tạp chí 1).

Câu thơ của Lý Nghĩa Sơn: “Tý dạ cuồng nghe quỷ hát buồn” là dùng điển quỷ hát khúc Tý dạ đời Tấn. Câu của Lý Xương Cốc: Mồ thu quỷ hát thơ ông Bảo thì lấy việc Bảo Tham Quân có bào Hao lý hành, hát đưa ma để cho lời thơ nghe huyền ảo xa xầu mà thôi. Nhưng thế gian thường vốn có việc đó”. Điền Hương Thắm nói: “Thường đọc sách trong cái nhà riêng ở xa quê, một hôm gió lạnh trăng trong nghe có tiếng ai hát nhiều bài luôn, giọng cao trong uể uải, nghe mà lòng tê tái, người rụng rời, nghĩ lại thật kỹ thì ra là bài trong truyện Mâu đơn đình và chuyện Khiếu họa. Quán không nghĩ đến ai hát nữa, cứ lắng tai nghe đến xong, thỉnh linh nhìn ra ngoài tường, thì thấy toàn là bến bờ hoang, chân người ít đến. Bài hát từ đâu lại? Mở cửa nhìn ra, chỉ có lau lách đìu hiu quanh quệ mà thôi (Cô vông thính chi 13).

Kỷ Quân lại là người cô độc và thẳng, không thích đưa chuyện tâm tính ra nói suông để có tiếng và đứng đầu là một môn phái (lời tựa của Trịnh Thị Ngạn) xử sự thì cốt khí khoan an hồng, luận về người thì muốn dung thứ, cho nên, về sự nét nghiêm khắc của Tống Nho, ông đặc biệt phản đối, xem sách gặp chỗ xúc động thì nói ra ngay, cũng ngang như gặp trong Tứ khối toàn thư đề yếu.

Lại đối với những đàm luận không thấu tình, người quen rồi nên không xem xét lại ông đều đặt thành nghi vấn, vạch rõ chỗ câu chấp, quanh co, đó là những điều mà các tác gia trước và sau ông chưa ai có thể mà người đời không hiểu, lại nhao nhao khen là ông luôn có sách khuyên răn hay.

Ngô Huệ Thức nói: “Thầy thuốc là ông nợ vốn cần thận đôn hậu. Một đêm, có một bà lão cầm một đôi xuyên vàng vào nhà mua thuốc làm sẩy thai, ông thầy rất kinh hãi nghiêm khắc cự tuyệt bà ta. Đêm sau, bà lại cầm một đôi hoa tai bằng hạt châu nữa. Thầy càng kinh hãi thêm, ra sức hua tay bảo bà ta đi đi. Qua hơn nửa năm, bỗng nằm mơ thấy bị âm ty lên bắt, bảo là có kẻ tố giác giết người. Xuống thì thấy có một người con gái tóc xòa, cổ mang cái khăn hồng, khóc trình việc xin thuốc không cho. Ông thầy bảo: “Thuốc là để cứu sống người, há lại dám giết người kiếm lợi sao. Chị bị hỏng vì gian thôi chứ tôi nào có lỗi gì vào đó. Chị con gái nói: Lúc tôi xin thuốc, có mang chưa thành hình, nếu được sẩy đi, thì tôi có thể khỏi chết, đó chỉ là phá một cục máu vô tri thôi, mà bảo toàn một mạng người chờ chết. Không xin được thuốc thì không thể không đẻ, đến nỗi con bị bóp chết, chịu mọi đau khổ, tôi không chịu nổi cũng thất cổ chết luôn, thế là thầy muốn bảo toàn một mạng thành giết hai mạng luôn, không quy tội cho thầy thì quy cho ai? Quan âm ty búi ngùi nói: Như thầy nói là chăm chú sự thế; còn cô kia bắt vạ là theo lý. Từ đời Tống đến nay, cứ cố chấp một cái lý mà không lường sự thế lợi hại ra sao, như vậy chỉ có mình thầy đau. Thôi, thầy về thôi đi, quan vô ghé một cái thành tiếng, thầy thuốc sợ mà tỉnh dậy (sách Như thị ngã văn 3).

Ở Đông Quang có sông Vương Mãng, tức là sông Hồ Tô, trời hạn thì khô, có nước là lụt, người ta lấy làm khổ vì việc qua sông. Ông câu Chu Lục ở Mã Công nói: Cuối triều Ung Chính có người đàn bà ăn mày, một tay ôm đứa con, một tay đưa mẹ chồng lội qua sông đó, ra giữa dòng, bà mẹ khuyu chân ngã sấp xuống, người đàn bà buông con ra giữa nước, ráng sức công mẹ lên. Bà mẹ mắng chị rất dữ, nói: “Ta là bà già 70 tuổi, chết có hại gì? Còn họ Trương hai, ba đời nay chờ thằng bé đó để kéo dài hương khói, chị sao lại bỏ con để vớt ta. Cắt việc thờ cúng tổ tông đi là chị đó”. Người đàn bà khóc, không dám nói gì chỉ quỳ thế thôi. Qua hai ngày bà vì khóc cháu không ăn mà chết. Người đàn bà nức nở không thành tiếng, ngồi ngây người ra, hai, ba ngày rồi cũng héo hơn đi.

... Có người luận rằng: Cháu so với bà thì bà trọng, bà so với tổ tông thì tổ tông trọng. Giả sử chị đàn bà hoặc còn chồng hoặc còn có anh em thì

bỏ con đi là được; đằng này cả hai đời cùng cực góa bụa, khi có đứa con mồ côi như một sợi dây, thì bà trách mắng thế lại là đúng; người đàn bà tuy chết, nhưng lòng ăn năn cũng vẫn còn. Diêu An công nói, ông thầy giảng sách trách người thì cứ trách mãi không thôi. Ôi! Nước sông chảy xiết, tung tóe cả lên bờ, buông lơi ra một chút là trôi ngay đi, lúc đó là lúc có thể nghĩ kỹ, lo xa không? Thế không bảo toàn được cả hai, thì bỏ con cứu mẹ chồng là việc làm đúng với lẽ trời và yên được lòng người vậy. Giả sử mẹ chồng chết mà con còn... thì không có tiếng trách mắng là yêu con bỏ mẹ sao... Và chẳng con còn bé ẵm, nuôi được hay không cũng chưa biết thế nào giả sử mẹ chồng chết rồi con lại không nuôi được nữa thì ăn năn hối tiếc đến mức nào kia? Người đàn bà ấy làm như vậy, đã là vượt qua khỏi thường tình nhiều quá rồi, chẳng may mà mẹ chồng lại chết và chị cũng chết theo thật đáng thương thay. Thế mà còn nhóp nhép cái mồm... tự chị là cái học tinh nghĩa, không lẽ để xương trắng mang oan, tuổi vàng ngậm giận sao? Tôn Phục làm sách Xuân Thu tôn vương phát vi, suốt hai trăm bốn mươi năm chỉ có chê mà không có tiếng khen. Hồ Trí Đường làm sách độc sử quân kiến, từ Tam đại xuống không có một con người hoàn toàn, nói ra lẽ thật đúng, song đây không phải là cái lẽ mà ta muốn nghe (sách Hòe tây tạp chí 2) .

Sách Loan Dương tiêu hạ tập, nháp vừa xong thì cửa hàng sách khắc in cho lưu hành và ngay sau đó cùng với Liêu trai chí dị cùng đứng sừng sững. Rồi Như thị ngã văn nói tiếp ra, lưu hành càng thêm rộng rãi. Ảnh hưởng của chúng là làm cho các nhà văn bắt chước làm theo, tuy cũng còn có cái phong cách của Liêu trai, nhưng sức miêu tả của ngòi bút bỗng giảm sút xuống, và cuối cùng là giống những sách nói chuyện quái lạ của người đời Tống đời Minh. Như sách đồng thời thì có Nhĩ thực lục mười hai quyển (Tựa đề năm Càn Long 57). Nhị lục tám quyển (Tựa đề năm 59) của Nhạc Quân người Lâm Xuyên; sách ra sau thì có Như văn kiến dị biện, hai quyển Hứa Thu Trạch người Hải Xương (Tựa đề năm Đạo quang 26), Dục quynh bài biên tám quyển của Thanh dụng Trung ở Vô Tiến (Tựa đề năm 28)... đều thuộc loại đó cả. Đến lúc Vương Thao ở Trường Châu làm sách Động quật lan ngôn (xong năm đầu năm Đồng trị), sách Tùng ẩn mạn lục (Xong thời

đầu Quang Tự), sách Tùng tân tản thoại (tựa đề năm Quang Tự 13), sách nào cũng mười hai quyển cả; Tuyên Đình ở Thiên Đường làm sách Dạ vũ thu đăng lục mười sáu quyển (Tựa đề năm Quang Tự 21); tất cả các sách kể trên, từ lời văn đến cách sắp xếp đều hoàn toàn thuộc dòng Liêu trai cà và trong một thời truyền bá khá xa rộng, song ghi chép thì chuyện quý cáo ít dần đi, mà chuyện hoa khôi phấn son đã nhiều thêm lên.

Thể thức làm mà gần với năm cuốn sách của họ Kỷ thì có sách Tam di bút đàm bốn quyển của Hứa Nguyên Trọng, người Văn Gian (Tựa đề năm Quang Tự 7), sách Ấn tuyết hiên tùy bút bốn quyển của Du Hồng Tiêm người Đức Thanh (Tựa đề năm Đạo Quang 25). Sau đó người ta vẫn đề cao sách Duyệt vi và nói: Hơi ngại là sách bài xích Tống nho quá nhiều lời (quyển 2), như vậy thì chí thú đã khác đi rồi... Khoảng giữa đời Quang Tự, Du Việt người Đức Thanh làm sách Hữu Thai tiên quán bút ký mười sáu quyển, chỉ thuật chuyện mà không nói đến nhân quả; lại có Dương Chu Ông (cũng là Du Việt) làm sách Nhĩ Bưu bốn quyển, tự ghi là viết đùa chơi, tựa thì nói: Dùng ý đặt lời giống như có nói, thật ra đến việc thiện ác báo ứng nhưng chỉ để tiêu khiển cho qua ngày, không phải dám có ý khuyên răn gì hết. Vả lại sách giống như sách Tân tề hải làm mậu tự thuật, ghi chép lại giản dị, trang nhã giống sách Duyệt vi nhưng nội dung rất khác, chuyện ma quỷ mười phần không quá một phần mà thôi. Các trước tác khác như Khách song ngẫu bút bốn quyển (Tựa đề năm đầu Gia Khánh) của Kim Hồng Dương người Giang Am, Tri thượng thảo đường bút ký hai mươi bốn quyển (Tựa đề năm Đạo Quang 28) của Lương Cung Thần, người Phú Châu, Lý Thăng mười quyển (Hình như cũng làm khoảng giữa đời Đạo Quang) của Hứa Phụng Ân người Đồng Thành, các sách này ghi chép những chuyện lạ, như dòng phái chí quái, song lại nói nhiều đến phúc họa, chuyên chủ về việc khuyên răn, không còn gọi là tiểu thuyết được nữa.

Chương 23

TIỂU THUYẾT CHÂM BIẾM ĐỜI THANH

Trong các sách bài sử chép, những việc nhỏ bé vặt vãnh mà có ý chê bai đàn hặc thì từ đời Tấn đời Đường đã có, nhưng đến đời Minh mới nhiều, nhất là trong tiểu thuyết nhân tình, loại tiểu thuyết đó đại để là đặt ra một người tầm thường, cực tả cái quê lậu kém cỏi của nhân vật, coi như nền lót, hay ký thác cho kẻ tuấn sĩ làm nổi bật tài hoa của nhân vật này lên, vì vậy mà thường thường mô tả quá đáng, không hợp tình thường giống như bông đùa để mua cười, như kể chuyện tiểu lâm. Những sách tương đối khác thì mô tả cũng có chỗ sâu sắc, châm chọc thiết thực mà đau, có khi hơn cả mũi nhọn thực sự; ngoài sách Tây Du bồ ra, thì các sách khác tập trung vào một người hay một nhà, làm cho người ta nghi là có oán thù riêng, rồi đua đòi nói ra những lời nói độc ác, không phải có bất bình gì về thế sự mà chỉ là bôi lông tìm vết để đả kích đẩy thôi; còn sách mà gần như chửi rửa toàn cả bày thì có Chung Quỳ tróc quẻ truyện mười hồi nghi còn là của người Minh làm, đem ra mọi hạng người, ví như một bày quẻ, rồi xóc lóc từng người một đưa ra những điều riêng kín, song lời ý nông cạn, trần trướng ngang với mắng chửi gọi là uyển khúc, thì không phải là điệu đã biết đến. Cho đến khi Ngô Kính Tử làm sách Nho Lâm ngoại sử thì mới biết giữ lòng công bằng, chỉ trích tệ nạn của thời đại mũi nhọn xĩa vào khắp, nhất là vào đám học trò Nho; còn văn thì giọng lo buồn mà cũng có khi hài hước, lời uyển chuyển mà chứa nhiều ý chê răn; chỉ đến khi đó, trong loại tiểu thuyết mới bắt đầu, có quyền đủ gọi là sách phúng thích Ngô Kính Tử tên tự là Mẫn Hiên, người

Toàn tiêu An tuy tuổi nhỏ đã thông minh khác người, nhớ giỏi, vừa lớn lên thì được làm đệ tử viên trưởng quan học, rất giỏi sách văn tuyển, làm thơ, làm phú cầm bút lên là xong. Song không biết lo việc nhà, tính lại hào phóng, không được vài năm đã phung phí hết tài sản, có khi đến đứt cả bữa, năm Ất Mão Ung Chính quan tuần Vũ An Huy Triệu Quốc Lân cử đi thi khoa bác học hồng từ, không đi, dời nhà đi Kim Lăng, làm mình chủ một văn đàn, lại tập hợp những kẻ đồng chí dựng nhà thờ các tiên hiền ở sườn núi Vũ Hoa, thờ từ Thái Bá xuống hai trăm ba mươi người, tiền của không đủ bán nhà ở đi để làm xong. Thế là lại nghèo thêm. Về già tự hiệu là Văn Mộc lão nhân làm khách trọ ở Dương Châu, sống phóng túng bữa bãi, uống rượu cũng nhiều, năm Càn Long 19 mất ở ngay đất khách. Tuổi 54 (1701-1754). Sách làm có Thị Thuyết quyển, Văn Mộc Sơn phòng tập năm quyển, thơ bảy quyển, tất cả đều ít ai biết đến (Xem rõ hơn trong Tân tiêu điểm bản Nho lâm ngoại sử quyển đầu).

Trước tác của Ngô Kinh Sử đều số lẻ cả, Nho Lâm ngoại sử cũng theo lệ đó có 55 hồi làm xong có lẽ vào khoảng cuối đời Ung Chính, lúc tác giả vừa mới trú ngụ ở Kim Lăng. Thời gian cách nhà Minh mất chưa đến một trăm năm, tầng lớp nho sĩ có thể còn có phong thái đời cuối Minh, ngoài việc lo học lời văn bác cổ kinh nghĩa để đi thi ra thì không để ý đến một điều gì khác, nói rằng cố trở nên thánh, cố trở nên hiền cũng chỉ là kiểu cách giả dối mà thôi. Kinh Tử miêu tả chính là hạng người đó, đã căn cứ vào những điều mình nghe thấy, lại ngồi bút cũng đủ sức để viết ra, cho nên soi rõ được đến chỗ u tối, tìm ra được những nét kín đáo, con người cũng như sự thật không thể giấu được mình, từ ông quan, người thầy, nhà nho, người học trò có tiếng, kẻ ẩn dật, đến những dân thường ở thành thị hay ở nông thôn cũng có xen vào, tất cả đều hiện thân trên mặt giấy, tiếng nó, cử chỉ thái độ, tóm lại là cái tướng đáng ở đời như thấy rõ trước mắt, chỉ có một điều chuyện không có nhân vật chính mà cho hoạt động tất cả, như xếp hàng mà đến, kể đến là có chuyện, mà đi thì chuyện cũng hết luôn, tuy là tiểu thuyết trường thiên mà cốt cuộc cũng như đoản thiên, truyện ngắn mà thôi. Tuy vậy cũng như góp những mảnh gốm vụn lại, đem ghép thành một bức tranh, tuy không phải to lớn gì nhưng có lúc quý lạ, làm cho người

ta ngắm nhìn bằng con mắt khác biệt với thường ngày. Kính Tử lại yêu thích kẻ sĩ có tài, bảo là “hấp dẫn ghê gớm, chỉ ghét bọn nhà văn hợp thời như là kẻ thù, càng giỏi bao nhiêu càng ghét bấy nhiêu” (Lời trong truyện của Trình Tấn Phương làm). Cho nên trong sách Kính Tử công kích kẻ tôn thờ kinh nghĩa bác cổ cũng như công kích những kẻ nhờ bác cổ (văn 8 vẻ) mà thi đỗ làm quan một cách kịch liệt. Chẳng hạn cùng đoạn văn thuật chuyện, Mã Nhị tiên sinh Lệnh tuyển, Giu Hả nói Kính nghĩa bác cổ vì sao mà đáng quý như sau:

... Hai chữ cử nghiệp, là từ xưa đến nay ai ai cũng phải làm (cử nghiệp là cái nghề thi cử). Đến như đức Khổng Tử, sống trong thời Xuân Thu, thời đó dùng “Lời nói được nêu lên, việc làm được cử ra” để làm quan, cho nên đức Khổng Tử hiểu rõ cái điều: Nói ra ít làm lỗi, làm xong rồi ít phải ăn năn, bồng lộc là ở trong đó. Đó là cử nghiệp của đức Khổng Tử. Đến triều Hán mở khoa thi hiền lương phương chính, sở dĩ thế mà Công Tôn Hoảng, Đồng Trọng Thư đỗ hiền lương phương chính. Đó là cử nghiệp của người đời Hán. Đến nhà Đường thì dùng thơ phú mà chọn kẻ sĩ, bọn này nếu đọc sách Khổng Mạnh thì không có quan mà làm, vì vậy người đời Đường phải biết làm ít câu thơ, đó là cử nghiệp của người đời Đường. Đến triều nhà Tống, lại tốt rồi, được dùng làm quan toàn là người có ít nhiều lý học cả. Đó là cử nghiệp mà thầy Trình, Thâu Chu đều phải học lý cả. Đó là cử nghiệp của người đời Tống. Đến triều vua ta hiện nay, dùng văn chương mà chọn kẻ sĩ, đó là cái phép cực tốt. Nếu đức phu tử mà sống đến ngày nay, thì cũng phải học văn chương, làm cử nghiệp chứ dứt khoát là không học cái lối nói ít lỗi, làm ít ăn năn kia. Sao vậy? Vì cứ ngày ngày giảng cứu cái “nói ít lỗi, làm ít ăn năn kia” lấy gì cho anh có quan mà làm? Rồi cái đạo của đức Khổng cũng sẽ không hành được nữa kia (Hối Tướng).

Các nhân vật mà Nho lâm ngoại sử nói đến, nói chung đều có người thật cả, nhưng trong sách dùng các lối tượng hình, hài thanh khảo những văn tập của người người thời Ung Chính, Càn Long thì thường thương mười nhân vật được đến tám, chín người có thật. (Thấy rõ hơn trong lời bạt của Kim hòa người Thượng nguyên đề cho sách). Cái ông Mã Nhị tiên sinh, tên tự là Thiện Thượng, người Xứ châu Ấy, là ông Phùng Tụy Trung, người Toàn

tiền, bạn thiết cốt của tác giả, ăn nói chân thật, thô suốt, lại chuộng điều trước tiên phải biết rõ thời Xuân Thu, thời Hán Đường; trong sách đả mỗ văn sĩ thời thượng. Tuy Trung thực ra còn thuộc hạng những kẻ sĩ thành thực, biết đốc lòng, uyên bác và thông đạt, có điều là nghị luận của ông ta thì không những đã phơi bày cách nhìn của đương thời mà còn để lộ rõ mồn một gan óc của đám nhà nho ra nữa. Đến như tính hạnh của ông ta, thì vẫn là quân tử. Chẳng hạn trong cuộc đi chơi Tây Hồ, tuy không phải hoàn toàn có ý thức nhưng cũng hơi tục, không được thanh nhã, rồi cứ thế mơ mơ màng màng, nhắm nháp thưởng thức tất cả mà về, cái bản sắc của nhà Nho khoáng đạt, thiếu thực tế không am hiểu thể thái nhân tình vốn là thể thật.

Mã Nhị tiên sinh thừng thừng một mình mang theo một ít tiền, bước ra khỏi cửa Tiền đường, vào cái quán trà uống mấy chén rồi đến trước lầu Thượng bái ven hồ ngồi xuống; thấy từng chiếc thuyền, từng chiếc thuyền đàn bà con gái các làng đến thấp hương.... Đứng sau, họ cứ đi theo ông đàn ông là mình ... lên bờ, đi tản vào các miếu. Mã tiên sinh nhìn qua một lượt, không để ý lắm. Rồi dậy, đi một chặng khá dài, trông thấy ven hồ liên tiếp có mấy cửa hàng rượu... tiên sinh không có tiền mua.... chỉ lại một cái quày, bỏ ra mười sáu đồng uống một bát nước, nghe trong bụng chưa đã, lại đến một quán trà một gian thung vách, uống một bát trà, mua hai đồng xử phiến (?) nhai, nhai lâu nghe ra cũng có chút mùi vị. Ăn uống xong lại đi qua 6 cái cầu, quanh một cái eo, thấy như một chỗ thôn trang nào ấy. Lại có cái quan tài nhà ai, quàn trên một cái nền, coi như ở gian giữa cái nhà, đi thì đi không được, trông thật là ghê. Tiên sinh định về thôi, gặp một con đường đi, hỏi: “Đằng trước còn có chỗ nào đứng xem nữa không?”. Người kia nói: “Đi quanh lại là Tỉnh từ rồi Lô phong đấy. Sao lại không đứng xem?”. Thế là Mã tiên sinh lại đi... Qua Lô phong xong, trông xa xa thấy cứ cao cao thấp thấp, nhấp nhô có nhiều căn nhà lợp ngói lưu ly... Mã nhị tiên sinh đi đến phía mặt trước thấy một cổng chùa cực cao, một bức hoành đề mấy chữ bằng vàng, có nghĩa là: Vua ban cho chùa Phật tinh từ. Bên cổng chùa đó có một cửa nhỏ, Mã tiên sinh đi đến... Đám đàn bà con gái phú quý khi này cứ từng đoàn từng đoạn, ở trong, ở ngoài, đi đi lại lại không dứt... Mã nhị tiên sinh thân hình lại cao, đội một cái khăn cao mà vuông, mặt đen như quạ,

bụng phê ra, đi đôi giày cao cổ rách, cứ cúi ngang người xuống mà chạy bừa đi, chỉ e dẫm phải vào trong cái ổ người. Bọn con gái không nhìn ông, ông cũng không nhìn bọn con gái. Bước lên trước, lùi lại sau một vòng rồi lại ra ngồi trong cái đình trà... Uống xong một bát trà. Trên cái chạn có khá nhiều khay; bánh quýt, kẹo mè, bánh gai, bánh nướng, xử phiền, táo đen, hột dẻ luộc; Mã nhị tiên sinh mua mỗi thứ ít đồng tiền, không cần tốt xấu, ngon dở, ăn đến no, ăn xong nghe mệt, thẳng chân đi ra đến cửa Thanh ba; đến chỗ thấp nhất, đóng cửa lại nằm ngủ. Vì đi đã nhiều rồi, nên ở lại nơi thấp đó ngủ một ngày, ngày thứ ba dậy, định đi đến núi Thùng Hoàng... (hồi 14).

Đến đoạn thuật chuyện ông Phạm Tiến, nhà vốn hàn vi, sau khi đỗ khoa hương rồi giàu sang lên mau, vừa có tang mẹ, cung cung kính kính làm đủ mọi lễ nghi, không thấy có một lời chê trách nào, nhưng cái tình giả dối cứ lộ ra, thật là lời văn tế nhị, kín đáo, chọn chữ đặt câu tuyệt diệu, mà cũng cò thể cho là một tay rình mò đánh lên tuyệt vời.

... Hai người (Trương Tinh Trai với Phạm Tiến tiến lại, trước tiên là Tinh Trai chào và giới thiệu qua, rồi Phạm Tiến bước đến trình bày về lễ thầy trò. Quan Tri huyện họ Thang hai, ba lần khiêm tốn từ tạ rằng không dám mời ngồi uống nước, cùng với cả Tinh Trai nữa nói vài ba câu về chuyện lâu ngày không gặp nhau; rồi đem văn chương của Phạm Tiến ra khen tán tụng một hồi và hỏi: “Vì sao không đi thi Hội?” Phạm Tiến nói là mẹ mất, tuân giữ phép tắc nhà nước ở nhà chịu tang, nói xong thì quang huyện Thang cả kinh vội bảo thay bận áo thường vào, quần vai đưa vào nhà sau, dọn rượu ra... Quan huyện mời ngồi và mình cũng ngồi vào tiệc, chén dũa đều nạm bạc cả. Phạm Tiến cứ thụt thụt thè thè không bụng chén cầm đưa lên, quan huyện hiểu vì sao, Tinh Trai cười nói: “Thầy cử thế giao của tôi tuân giữ phép để tang, nghĩ không nê dùng chén dũa này”. Quan huyện vội gọi người đổi đi, đưa ra một cái chén kiếu, một đôi dũa ngà, Phạm Tiến vẫn không chịu bụng, chịu cầm lên. Tinh Trai nói: “Dũa này không dùng được”, lại lập tức đổi, đưa ra một đôi dũa tre màu trắng, khi đó mới xong. Quan huyện nghi nghi hoặc hoặc nghĩ bụng: Anh ta để tang hết lễ như thế nếu lại không ăn đồ mặn, không uống rượu nữa thì biết đâu mà sấm sẩn ra. Mãi sau thấy anh ta nhìn vào bát yến sào, chọn gắp một viên

tôm to dút vào mồm mới yên tâm. (hồ thứ 4).

Ngoài những chuyện trên thì trong sách, những chỗ khắc nổi kể gian nguy ning hót còn nhiều, những đoạn dả kích tậ tục xấu cũng lắm. Như đoạn thuật việc con gái Vương Ngọc Huy đã chết theo chồng, Ngọc Huy rất lấy làm mừng, nhưng đến khi đưa vào nhà thờ để thờ và xây cất để kỷ niệm cô ta và nêu gương trong phường thì bảo là thấy đau lòng, không chịu được, sau đó còn nói là ở nhà thấy vợ đau buồn không nỡ (hồi 48). Chỉ mấy câu mà miêu tả sự xung đột giữa lương tâm và lễ giáo một cách rõ ràng và sâu sắc ra thế nào (Xem tựa sách do Tiền Huyền Đồng đề). Tác giả sách in trong khoảng đầu triều Thanh, lại bó mình trong lễ giáo thế mà trong lòng còn có sự nhập ngàng, không dứt khoát, mượn tiểu thuyết để giữ cảm thái của mình thì hẳn là đối với vấn đề có suy xét t sâu mới được... Còn hạn người quân tử thì trong sách ông cũng có đấy: Đỗ Thiếu Khanh là vài ví dụ cho bản thân, rồi còn có Đỗ Thận Khanh mà anh là Thanh Nhiên, có Ngô Dục Đức (Ngô Mộng Tuyền) có trong Thượng Chí (Trình Miên Trang), những người này đều là hạng kẻ sĩ trung trinh cả; nhưng việc làm mà quân tử đến cực độ là việc tế tiên hiền; đến khi hạn danh sĩ ở Nam kinh đã tiêu ma dần thì nhà thời tiên hiền cũng để hoang phế, thế mà hạng người kỳ cũng chưa mất hẳn, ở thành thị cũng như ở nông thôn, một người là “người viết được chữ”; một người là “người bán ống giấy lửa”, một người “mở hàng nước chè”, một người là “làm thợ may”. Người cuối cùng này, người mặt nhất lại càng điềm đậm, ở phố Tam Sơn, tên gọi là Kinh Nguyên, đánh đàn, làm thơ được, may vá xong rồi rãi, thường lấy hai việc đó để tiêu khiển; có khi cũng đi thăm kẻ cùng cảnh với mình.

Một hôm Kinh Nguyên ăn qua quýt xong, ngẫm nghĩ không có việc gì, theo lối tắt, thủng thỉnh đến núi Thanh Lương... Ông có một người bạn cũ họ Vu, ở đằng sau lưng núi. Ông Vu đó không đọc sách, cũng không buôn bán gì... đốc suất năm đứa con tuổi vườn... Hôm đó, Kinh Nguyên đến, ông ra đón nói: “Đã lâu lâu, không thấy ông anh đến, làm ăn bận lắm à?”. Kinh Nguyên đáp: “Có thể, hôm nay hơi được rảnh rỗi, lại thăm ông bác một chút”. Ông Vu nói: “Khéo vừa đun xong một bình trà đây, để mời ông anh một chén”. Nói rồi rót đưa lại. Kinh Nguyên bụng lầy, ngồi xuống uống, nói:

“Chè này, màu sắc, hương vị đều tốt cả. Chứ ông bác lấy nước đậu mà tốt thế này”. Ông già Vu trả lời: “Chỗ phía Tây Thành chúng tôi đây không phải như chỗ phía Nam của các ông, ở đây, giếng suối nào cũng uống được cả”. Kinh Nguyên bảo: “Người xưa động nói từ cứ Đào nguyên với tránh đời... hỏi thì tôi nghĩ, đâu là Đào nguyên. Chỉ như ông bác thanh nhàn tự tại thế, ở một chỗ nửa thành thị, nửa lâm tuyền như thế, là thần tiên sống, hiện tại đó rồi”. Ông lão Vu nói: “Vi tôi đốt nát vụng về, việc gì cũng không làm được, chứ như ông anh biết chơi đàn chẳng hạn đánh một bài là tiêu khiển được một ít. Mấy lâu nay, tôi nghĩ chơi đàn là tốt, không biết rồi đây tôi nhờ ông dạy cho một ít có được không?”.

Kinh Nguyên nói: “Việc ấy dễ thôi, nếu ông bác không ngại là rác tai thì ngày mai tôi mang đàn đến xin dạy.

Ông Vu đỡ lấy đàn cho Kinh Nguyên, đem để lên chiếc ghế đá, Kinh Nguyên lấy chiếu trải ra giữa nền nhà ngồi. Ông lão Vu cũng ngồi xuống một bên, Kinh Nguyên từ từ so lại dây, gảy lên, tiếng nghe như tiếng kim tiếng thạch vang vọng cả núi rừng...

Đàn một chập, bỗng đổi sang tiếng biển chũy nghe gấp, trong nhà uyển chuyển. Ông Vu nghe đến chỗ sâu kín, bất giác ngậm ngùi rơi lệ. Từ ấy, hai người thường qua lại nhà nhau, còn hôm đó thế là Kinh Nguyên về (hồi thứ 55).

Song họ không thích lui tới với hạng sĩ nhân, và họ cũng biết là bọn sĩ nhân không thêm kết bạn với họ. Họ vốn không phải người trong Nho Lâm. Còn như sau đó có hiền nhân quân tử nào được đưa vào Nho Lâm ngoại sử nữa không thì tác giả chỉ đánh một dấu hỏi để lại mà thôi. Sách Nho Lâm ngoại sử lúc đầu chỉ lưu hành những bản sao chép, sau có bản Khắc khác nữa. Đã có người sắp các nhân vật trong bộ sách làm thành một cái bảng gọi là bảng dưới âm ty bảo là vua Thần Tông nghĩ thiên tai hạn lụt riêng trong nước, làm cho dân xiêu bạt đầy đường nên ngài mong nêu những nhân tài bị đè nén chìm đắm lên như vậy để cầu phúc lợi, ngài còn ban cho họ học vị tiến sĩ cấp đệ, lại sai quan Bộ Lễ đến nhà Quốc Tử giám tế họ nữa. Lại còn trích cắt những câu có đối nhau trong sách của tác giả ra

đem chữa lại như người ta chữa lại áo xống để dùng làm loại văn chiêu biểu (Lời bạt của Kim Hòa).

Những câu trích cắt đó đem gộp lại làm một hồi chép vào sau cuối, vì thế có một bản năm mươi sáu hồi. Lại có người tự làm ra bốn hồi, chuyện đã không bằng, vẫn lại bị ỏi què lệu, thế mà cũng đem vào trong bản năm mươi sáu hồi đó, in ra và cho lưu hành, vì thế mà có bản lại đến sáu mươi hồi.

Sau Nho lâm ngoại sử, ít có sách lấy công tâm mà châm biếm răn dạy đời như thế nữa.

Chương 24

Tiểu thuyết Nhân tình thế thái Đời Thanh

Giữa đời Càn Long (khoảng 1765) có cuốn tiểu thuyết gọi là *Thạch đầu ký*, thấy thịnh hành ở Bắc Kinh, sau năm, sáu năm thì lưu hành nhiều, song đều là viết tay cả, bán ở các nơi miếu, đền hoặc ở chợ, vài chục vàng một cuốn. Bản nói đó chỉ có tám mươi hồi, thiên đầu nói cuốn sách do đâu mà có, kể chuyện Nữ Oa vá trời, để lại một hòn đá chưa dùng, hòn đá cứ thương thân trách phận, bỗng thấy một thầy sư, một đạo sĩ nói: “Hình dung thể xác thì là một bửu vật đấy, chỉ vì không có cái gì tốt thật sự, cần được khắc lại trên mặt mấy chữ, để cho người ta thấy thì biết ngay là một vật kỳ, như vậy mới là diệu. Rồi sau sẽ mang mày đến một nước lớn giàu sang thịnh, một hộ thi lễ trăm anh, một nơi hoa liễu phồn vinh, một làng ấm êm phú quý, để cho mày an thân lạc nghiệp”.

Nói vậy rồi nhặt hòn đá bỏ vào trong tay áo mà đi. Không biết sau qua bao kiếp nữa, có Không Không đạo nhân nhận thấy hòn đá lớn đó, trên mặt lại có khắc chữ và theo lời đã nhớ, sao chép lấy để hỏi thế gian. Đạo nhân cũng nhân không mà thấy sắc, nhân sắc mà sinh ra tình, truyền tình vào sắc, từ sắc mà giác ngộ được không, vì vậy mà đổi tên là tình tăng hay thầy sư có tình, cũng đổi cái tên *Thạch Đầu ký* làm tên *Tình tăng lục*. Không Hải Khê ở Đông Lỗ thì đề tên sách là *Phong nguyệt bảo giám*, sau nhân Tào Tuyết Cần mở đọc suốt mười năm ở hiên Điện Hồng, thêm vào, bớt bỏ đến năm bận, xếp thành mục lục, chia ra chương hồi và đề tên là *Kim Lăng*

thập nhị thoa, với một bài tứ tuyệt “Đầy giấy lời hoang đường, cay chua bao giọt lệ. Đừng bảo tác giả si... Ai hay đây ý vị?”.

Theo sách kể thì chuyện xảy ra ở thành Thạch Đầu (không phải là Kim Lăng) trong phủ họ Giả, nhân vật là con cháu Ninh quốc công trước kia. Cháu trưởng Ninh quốc công tên là Phu chết sớm, cháu thứ là Kinh tập tước mà tính thích đạo giáo, nhường tước mình cho con là Trân, bỏ nhà đi học tiên. Trân nhân thế mà buông tuồng, có con là Dung, lấy vợ là Tần Khả Khanh. Còn cháu trưởng của Vinh quốc công là Xá, có con là Liễn lấy vợ là Vương Hi Phượng, Xá còn con trai nữa là Chính, và con gái tên là Mẫn, gả cho Lâm Như hải nhưng nửa chừng thì mất, chỉ để lại một gái là Đại Ngọc. Giả Chính lấy vợ họ Vương, sinh con là Châu, chết sớm, lại sinh con gái tên là Nguyên Xuân, sau được tuyển làm Vương Phi, rồi lại sinh con trai đẻ ra thì miệng ngậm ngọc, viên ngọc có khắc chữ, vì thế mà đặt tên là Bảo Ngọc, ai cũng cho là lai lịch không nhỏ và mẹ Giả Chính là Sử Thái Quân càng yêu cháu thêm. Bảo Ngọc đã bảy, tám tuổi, thông minh tuyệt vời, song tính ưa con gái, thường nói: “Con gái xương thịt làm bằng nước, con trai xương thịt làm bằng bùn”, vì thế người ta lại cho sau sẽ là một con quý ham sắc; Giả Chính cũng không yêu quý cậu ta lắm, kìm giữ hết sức nghiêm, đó cũng do không biết lai lịch của cậu ta... Nếu không phải là kẻ có học thức, đọc sách nhiều, có gia công về trí tri cách vật, có cái sức giác ngộ đạo và tham khảo lẽ huyền bí thì không thể biết được (lời Giả Vũ Thôn nói trong hồi thứ hai, bản Thích bản). Vả họ Giả thực ra cũng là một họ mà trong khuê các đời nào cũng có người, ngoài người chủ và những kẻ tùy tùng ra, thì bà con thông gia dây mơ rễ má cũng đông, chẳng hạn Đại Ngọc, Bảo Thoa đều ở ăn, nhờ vả trong nhà, Sử Tuồng Văn cũng thường đến, Diệu Ngọc là ni cô thì sống chay tịnh ở vườn sau. Trang trước là đại lược gia phả, bà con, vợ chồng có dấu hoa thị là tên của 12 kim thoa, dấu nhân là quan hệ vợ chồng, tất cả đều ở trong bộ sách gọi là Kim Lăng thập nhị thoa của Tào Tuyết Cần.

Chuyện bắt đầu từ việc Lâm phu nhân (Gia Mẫn) chết, Đại Ngọc mồ côi mẹ, lại luôn luôn đau ốm, thành ra phải đến nương nhờ họ ngoại, bấy giờ cùng tuổi với Bảo Ngọc cả hai đều mười một. Thế rồi con gái của em gái của Vương phu nhân cũng đến, tức Tiết Bảo Thoa lớn hơn một tuổi, lại cục

kỳ đoan trang diễm lệ. Bảo Ngọc chất phác hiền hậu, yêu cả hai cô ngang nhau, không coi cô nào hơn kém cô nào. Bảo Thoa hồn nhiên không biết nhưng Đại Ngọc thì tỏ ra hơi tức. Một hôm Bảo Ngọc mệt nằm trong phòng Tần Khả Khanh mộng thấy mình vào trong cõi thái hư gặp nàng tiên Cảnh Áo đang duyệt Kim Lăng thập nhị thoa, cả bản chính liền bản phụ, có đồ họa có thơ, nhưng không hiểu Cảnh Áo sai người tấu khúc Hồng Lâu mộng mười hai chi mới soạn ra bài sau cùng: Phi điệu các đầu lâm (Chim bay con nào cũng vào rừng cả), lời như sau:

Làm quan a, cơ nghiệp điêu tàn, giàu sang a? Bạc vàng tan hết, có ơn a, chết là trốn đi, vô tình a, báo ứng đúng cả. Thiếu mệnh a mệnh về rồi. Thiếu lệ a, lệ đã cạn,... Hiểu rồi a, trốn vào cửa khôn, si mê a, chết uống mất tính mạng. Nào có khác ăn xong chim vào rừng. Tàn rụng đất mênh mang yên tĩnh (bản nhà chùa hồi thứ năm).

Nhưng Bảo Ngọc lại không hiểu, sau đến cơn mộng khác mới tỉnh ra. Mãi đến lúc Nguyên Xuân được tuyển làm Vương Phi, phủ Vinh công càng thêm sang thịnh, đến khi về thăm bố mẹ, thì lập vườn hoa Đại quan viên để mở yến tiệc và vui chơi, nhưng nơi thân tình đều đến hết, thật là vui sướng hết mức trong đời. Bảo Ngọc cũng đã lớn dần lên, ra ngoài thì chơi thân với Tần Chung, Tường Ngọc Hàm, về nhà thì cứ quanh quẩn với chị em nội ngoại cho đến cả với bọn con gái hầu như Tập Nhân, Tình văn, Bình Nhi, Tử Quyên gần gũi nhưng lễ độ, cứ sợ phật ý người ta, yêu khắp cả nhưng một bụng, và lo lắng cũng cứ ngày một hơn lên.

Hôm ấy Bảo Ngọc thấy Tường văn đã dần dần lành được nên sang thăm Đại Ngọc. Vừa lúc Đại Ngọc đang ngủ trưa, Bảo Ngọc không dám làm cho nàng thức giấc. Nhân thấy Tử Quyên trong hành lang, tay còn mang đàn, chàng đi tới hỏi: "Hôm qua cả họ có đỡ ra chút nào không?". Tử Quyên nói: "Có đỡ rồi đấy". Và Bảo Ngọc tiếp: "Cậu cũng khấn Phật, thật mới". Bảo Ngọc cũng cười và nói: "Bệnh nặng thì vái thập phương như tục ngữ nói chứ sao?". Miệng nói nhưng thấy Tử Quyên mặc cái áo bông mỏng bọc the có hoa đen hình viên đạn, ngoài chỉ khoác thêm một chiếc áo đoan xanh thì đưa tay ra vuốt trên mình cô ta một cái nói: "Mặc phong phanh thế lại ngồi ở chỗ gió lùa, gió xuân đã có, tiết trời rất không tốt rồi ốm lại đấy, làm thêm

khó khăn". Khi đó Tử Quyên mới nói: "Từ nay bọn tôi mới nói được, đừng có động tay động chân đấy, một tuổi một lớn, không còn nhỏ dại gì nữa, mà làm người ta dòm vào, người ta không coi ra sao, lại rồi bọn đi ăn xin ngoài kia cũng lại nói câu thế này thế nọ. Cậu không để ý để tứ gì cả, làm như hồi còn bé không bằng, như thế coi sao được. Cô thường bảo bọn tôi là không được cùng cậu nói cười. Cậu đến thăm cô, đi ngang gần người ta, tránh xa cậu ra, e tránh cũng không kịp kia".

Nói xong là đứng dậy, mang cả kim chỉ, đi vào một phòng khác. Bảo Ngọc thấy tình huống ra thế, trong lòng bỗng nghe như dội một chậu nước lạnh, chỉ đứng nhìn bụi trúc chờ người ta một hồi. Nhân có bà Chúc đi lại đào lỗ ở gốc cây măng để nắn cho nó được thẳng, mới vội vàng bỏ đi, mất hồn vía. Đi một lúc, không biết gì cả thấy có một hòn đá thì ngồi xuống đó, định thần lại rồi bất giác chảy nước mắt ra. Lại ngồi chờ người ta đến khoảng năm, sáu bữa ăn, suy nghĩ lung tung mà vẫn không biết thế nào là phải. Tình cờ gặp Tuyết Nhạn theo Vương phu nhân đi vào trong phòng lấy nhân sâm ra, ngay qua chỗ đó... bèn đi lại, ngồi xồm xuống cười hỏi:

- Mẹ vào trong đó làm gì thế?

Rồi bỗng thấy Tuyết Nhạn, hỏi:

- Chị lại làm gì mà đến vậy gọi tôi? Thế chị không phải là con gái ả? Chị mau mau về nhà đi.

Tuyết Nhạn nghe vậy, chỉ cho là Bảo Ngọc lại bị Đại Ngọc nũng nịu bắt bẻ thế nào đó, nên đi vào phòng, Đại Ngọc chưa dậy, đưa nhân sâm giao cho Tử Quyên... Tuyết Nhạn nói: "Cô chưa dậy, thế thì ai làm cho Bảo Ngọc hồn dỗi, ngồi đàng ấy mà khóc?".

Tử Quyên nghe được, vội bỏ kim chỉ xuống... đi tìm Bảo Ngọc ngay. Đến nơi, đứng trước mặt Bửu Ngọc mỉm cười mà nói:

- Chẳng qua tôi nói vài điều, cũng là hay cho tất cả thôi, thế mà cậu lại giận, đến chỗ lắm gió này mà khóc, lỡ sinh ốm thì đến oan cho tôi.

Bảo Ngọc cười mà nói: - Ai giận? Tôi nghe chị nói có lý, tôi nghĩ rằng bạn

của chị đã nói thế thì tự nhiên người khác cũng nói thế nữa, và rồi đây dần dần không ai còn chơi với tôi nữa. Tôi vì thế mà nghĩ là rồi mình phải buồn lắm... (bản nhà chùa hồi thứ 57) (câu đặt trong dấu ngoặc là theo bản của họ Trịnh sửa thêm. Riêng bản dịch có nhiều chỗ bỏ đi vì quá rậm, đoạn này cũng thế).

Bên phủ Vinh công tuy nói là thịnh vượng hơn, nhưng “miệng ăn ngày một đông hơn, công việc ngày một nhiều ra, chủ nhà đầy tớ, kẻ trên người dưới, những kẻ sinh giàu sang quen thân là nhiều, mà người toan tính vận trù thì không có một ai, việc ăn tiêu bày biện trong nhà lại không sao bớt giảm, tiết kiệm được, cho nên bề ngoài tuy chưa thấy đổ vỡ gì lắm mà bên trong thì cái túi đã rỗng đến nơi rồi” (hồi thứ 2).

Cái vận suy đang đến, biến cố cứ nhiều dần; Bảo Ngọc trong sự phồn hoa giàu có cũng đã nhiều phen sát mặt với những điều “vô thường”, trước tiên có Khả Khanh chết; tần Chung chết non đi; lại khi người vợ hầu của ông chú trù yểm người ta mà tưởng chết; kế đến Kim Xuyến gieo mình xuống giếng, cô Hai Vưu nuốt vàng tự tử; rồi con bé hầu mình yêu là Tình Văn bị đuổi đi và chết, đám mây mù đau thương buồn bã trùm khắp cả cánh rừng vinh hoa, song thở hít mà linh hội được chỉ có một mình Bảo Ngọc.

... Cậu ta đem theo hai đứa người hầu nhỏ đi đến đằng sau một hòn đá, vẫn không thấy có gì, chỉ hỏi hai đứa: “Sau khi ta đi rồi, cô Tập Nhân chúng mày có sai người đi xem xem cô Tình Văn đi chưa phải không?”. Một đứa nói: “Sai má Tổng đi xem”, Bảo Ngọc nói: “Má ấy về nói gì?”. Đứa hầu nhỏ thưa: “Về nói là Cô Tình Văn cứ vượn cổ ra mà kêu cả đêm, sáng ra dậy thì mắt nhắm lại, miệng ngậm khí, không biết gì nữa cả, cũng không nói được một tiếng gì, rồi tắt hơi luôn”, bảo Ngọc hoảng hốt hỏi: “Kêu cả đêm là gọi ai?”. Đứa nhỏ nói: “Gọi là gọi cô đấy”, Bảo Ngọc lau nước mắt nói: “Rồi gọi ai nữa?”. – đứa hầu thưa: “Không thấy nghe gọi ai nữa”. Bảo Ngọc bảo: “Mày nói hồ đồ, chắc là không nghe rõ tất cả”. (...Nhân đó lại nghĩ☺ Tuy vậy lúc chết không gặp, bây giờ ta đến chỗ thờ lạy một lạy, gọi là cái tình với nhau năm, sáu năm nay... Thế rồi đi tắt ra khỏi vườn, đến cái chỗ trước, coi như có quan quan tài ở đó. Không ngờ chị dâu cậu ta thấy, cậu ta chép miệng một cái là liền về định kiếm vài lượng đem cúng viếng. Vương phu

nhân nghe biết chuyện, đưa cho ngay mười lạng bạc lại bảo phải tức khắc đưa ra phía ngoài mà hỏa táng đi. Con bé chết bệnh lao đầy dút khoát không được để. Cô chị dâu nghe thế, một mặt thuê người đem liệm khiêng ra cái xưởng đốt xác người ở ngoại thành... Bảo Ngọc đi đến nơi tung hứng... đứng một hồi không có cách gì, chỉ quay mình đi vào vườn lại để về phòng mình, trong bụng nghe chẳng ra sao nên lại luôn đường đến tìm Đại Ngọc, thì cô ấy lại không có trong phòng... lại vào trong viện Hành vụ, cũng như trước, lại cũng Đại Ngọc còn chưa về. Đang lúc không biết vì sao ra thế bỗng thấy người hầu của Vương phu nhân đến tìm mình nói: “Ông về rồi, tìm cậu đấy, lại có bài hay đem về đấy. Đi mau đi mau”. Bảo Ngọc nghe vậy, chỉ biết đi theo ra về.

Trước kia, Giả Chính cùng với những người cùng làm đêm, luận về cái thú tìm thu, có lần ông ba lại nói: “Lúc sắp tan cuộc bỗng nhiên lại nói đến một chuyện hay từ ngàn xưa chưa có, trong đó có chữ Phong lưu tuấn dật trung, nghĩa khảng khái đủ cả. Một cái đầu đề hay đến thế, ai nấy đều phải làm một bài văn tế”. Mọi người nghe nói, vội xin cho biết rõ hơn. Giả Chính mới kể: “Mới đây có một vị vương như một vị vương thường khác ra trấn đất Thanh Châu. Vị vương đó rất thích nữ sắc, lại khi việc công rảnh rỗi thì ưa võ nghệ, nên lựa khá nhiều gái đẹp, ngày ngày cho tập việc võ. Trong các cô gái đó có một cô tên Lâm hàng Tứ, nhan sắc đã đứng đầu, mà nghề võ lại sành hơn cả, ai cũng gọi là Lâm Tứ Nương, Vương đặc ý hết sức đề bạt cô ta cho cai quản tất cả các cô, lại gọi cô là Qui hoạch tướng quân” (Tướng quân đẹp và diễm tính).

Đám khách nhà có tài nghệ, chuộng sự thanh cao đều khen là hay và thần kỳ tuyệt diệu, rồi thêm vào chữ Qui hoạch hai chữ tướng quân nữa, và như vậy lại thấy ra cô ta phong lưu dễ mến hơn. Thật là văn chương kỳ diệu, ở đời có một không hai ngẫm xem vị vương thường đó quả là con người phong lưu hạng nhất... (bản nhà chùa hồi thứ 78: câu trong dấu ngoặc là bản của họ Trình thêm vào – Bản dịch bỏ bớt).

Thạch đầu ký kết thúc thế nào tuy đã thấy thấp thoáng trong giấc mơ của Bảo Ngọc kể trên mà 80 hồi của quyển chuyện cũng chỉ để lộ ra cái âm thanh bi đát thế thôi, rất khó mà đón chắc được cái kết cục.

Cho đến năm Càn Long 57 (1792) thì lại có bản in một trăm hai mươi bốn hồi xuất bản, đổi tên là Hồng Lâu Mộng, câu chữ cũng có khi không giống. Trình Vĩ Nguyên có tựa đề ở trước nói: ...Nhưng nguyên bản mục lục có một trăm hai mươi hồi..., bèn hết sức tìm kiếm từ các nhà có cất sách thậm chí các đồng giấy loại, không chỗ nào là không để ý. Vài năm nay cũng chỉ nhặt tìm cất giữ được hơn hai mươi quyển.

Một hôm tình cờ thấy trên cái giá trống được hơn mười quyển, liền trả giá gấp đôi mua lấy. Song nhàu nát không sao sắp xếp được, mới cùng với người bạn cất bỏ chỉnh lý lại tỷ mỹ, bớt chỗ dài bù chỗ ngắn sao chép lại thành một bộ đầy đủ rồi đưa khắc in ra để ai thích đều được xem.

Thạch đầu ký lúc đó mới hoàn toàn cả bộ. Người bạn nói đó là chỉ Cao Ngạc, Cao Ngạc cũng có tựa, cuối bài đề năm Tân hợi Càn Long, sau đồng chí một ngày, trước tựa của họ Trình một năm.

Bốn mươi hồi sau tuy số lượng chỉ bằng nửa bản đầu, song trong đó các biến cố lớn cứ luôn xảy ra, hồng nát chết chóc liên tiếp, thật đúng như câu trong chuyện: ăn hết chim bay chỉ còn đất trắng, chỉ đoạn kết lại có hơi phẩn chấn hơn. Bảo Ngọc trước thì mất viên ngọc thông linh đi, người như mất hồn. Vừa lúc Giả Chính sắp đi làm quan ở ngoài, muốn cho Bảo Ngọc cưới vợ rồi sẽ lo việc học hành sau, thấy Đại Ngọc gầy yếu nên mới phải cưới Bảo Thoa. Việc cưới hồi này do Vương Hy Phượng liệu toan vạch kế hoạch, tiến hành rất kín đáo, song cuối cùng Đại Ngọc cũng biết ra, ho ra máu, bệnh mỗi ngày một nặng, đến hôm Bảo Ngọc thành hôn thì mất. Bảo Ngọc biết là sắp đưa vợ về thì cứ chắc là Đại Ngọc hân hoan dự lễ, đến khi thấy vợ mới là Bảo Thoa thì buồn thương than thở rồi ốm lại. Bảy giờ Nguyên Phi đã băng hà trước rồi, Giả xá thì do “quan hệ với quan ngoài ở địa phương, ý thế lân hiếp kẻ yếu” bị cách chức để tra xét, liên lụy đến cả phủ Vinh, Sử Thái Quân lại mất vào lúc đó nữa, Diệu Ngọc thì lại bị cướp bắt mất, sau không biết thế nào, Vương Hy Phượng thất thế bực tức đau buồn rồi chết, Bảo Ngọc cũng ốm nặng thêm, có một hôm tưởng tắt hơi, bỗng có một thầy sư cầm ngọc đến thì tỉnh lại, nhưng thấy sư thì lại tắt hơi lại, vừa trải qua một giấc mơ kinh khủng nửa mà tỉnh ra, từ đó thay đổi tính nết một cách thành linh.

Cầm giận muốn làm tể nào để chấn chỉnh lại nghiệp nhà, năm sau đi thi Hương đề trúng thứ 7. Bảo Thoa cũng có chữa, nhưng Bảo Ngọc bỗng đi đâu mất. Giả Chính sau khi chôn cất mẹ ở Kim Lăng xong thì trở về kinh đô, đêm có tuyết xuống, đỗ thuyền ở trạm Tí Lăng, thấy một người đầu trọc đi chân không, mình choàng một chiếc chăn bông dưới uớt đỏ người đó đến diu lấy cùng đi, lại không biết người nào làm ra bài ca gọi là Qui đại hoang – Về cõi đại hoang, đuổi theo không có người chỉ thấy trắng phếch mênh mang đồng không mông quạnh mà thôi. Người sau thấy bản truyện kỳ này cũng đề thêm bốn câu, làm cho lời của tác giả nói về nguồn gốc câu chuyện lại tiến cao thêm một bước nữa: Chuyện cay chua nói đến. Hoang đường mà đáng bi, Nguyên lại mà mộng hết, chê cười kẻ khác bi (Hồi thứ 124).

Cứ cuốn truyện mô tả, tuy không ngoài cái tình buồn vui cái vết tan hợp, song nhân vật, sự cố đều trút lối sáo cũ, cùng với tiểu thuyết nhân tình trước rất không giống nhau, chẳng hạn chương đầu:

Ông thầy pháp Không Không ngoảnh về phía hòn đá mà nói: “Ông anh đá này, cái câu chuyện đời xưa của ông đó, theo ý tôi thì: thứ nhất là không có triều đại, niên kỷ gì tra khảo lại được cả, thứ hai là tuyệt không ai là kẻ đại hiền, đại trung, có những chính sách tốt để sắp xếp triều đình, sửa sang phong tục, mà trong chuyện chẳng qua là mấy cô gái khác đời hoặc vì tình, hoặc si mê, hoặc có cái tài mọn, cái điều giỏi vật gì đấy, chứ cũng không có cái tài cái đức cái của ả Thái nàng Ban; nếu tôi sao chép mà đưa ra, sợ người đời cũng chẳng ưa xem gì”.

Hòn đá cười mà bảo:

“Sao thầy lại ngốc đến thế? Bảo là không có triều đại không tra khảo lại được gì thì thầy cứ mượn năm tháng của Hán Đường chẳng hạn mà thêm vào, việc đó có gì là khó? Và tôi nghĩ đã sử tôi không theo cái khuôn sáo đó, mà lại thành ra mới mẻ độc đáo, chẳng qua chỉ chọn cái tình, cái lý của sự việc mà thôi... giả sử xưa nay hoặc là chê bai, nói xấu vua tướng, hoặc bêu riếu vợ con người ta, gian dâm hung ác, không thiếu một cái gì... đến như các sách nói về tài từ giai nhân thì nghìn bộ như một, đều theo một lối

sáo cũ. Vả lại trong đó cũng không thể không đi đến chỗ quá đáng, lạm dụng; đến nỗi mặt giấy tràn đầy những Phan An Tử Kiến, những Tây Tử Văn quân... Rồi nữa, bọn con hầu mở miệng là đã già chi hồ, không phải làm văn thì là nói lý, cho nên xem một lượt thì thấy đều mâu thuẫn với nhau hết, quá ư chẳng hợp tình hợp lý một chút nào. Cuối cùng chẳng bằng tôi nửa đời tận mắt thấy, tận tai nghe, bấy nhiêu cô gái đó tuy không dám nói là họ giống người trong sách vở đời trước lắm, song đầu đuôi sự tích của họ cũng có thể làm cho ta bán buồn mua vui... Đến như việc tan hợp, buồn vui, thịnh suy gặp gỡ, cũng là theo chân giẫm gót mà biết, không dám xuyên tạc thêm một chút nào, để làm lòe mắt người ta mà trái với sự thật truyền lại (hồi thứ nhất bản của nhà chùa).

Như vậy điều tự thuật đều giữ lấy điều có thật thấy nghe, đều do mắt tai mình có trải qua, chính nhờ tả thực mà thành ra mới mẻ. Người đời vội quên điều đó cứ nhân tìm tòi thêm cái nghĩa sâu của câu chuyện thành ra những thuyết suy đoán cứ ngày một nhiều thêm. Vậy thôi bỏ những thuyết suy đoán cứ ngày một nhiều thêm. Vậy thôi bỏ những thuyết hoang đường xa xôi coi như không đáng bàn cãi như bảo rằng đó là sách Đàm doanh thất bút ký của Lạt hòa Thân, là sách Ký oa tàn nhuế của Tăng sấm Vĩ, là sách Kim ngọc lục, bình ngữ của Minh Dịch Tượng... Mà chỉ chép lại những điều suy đoán được truyền đi rộng rãi như sau.

1. thuyết gia sự của Nạp Lan, Thành Đức; Lâu nay người tin thuyết này rất đông. Hương tỏa lục chép, thuyết của Trần Khang Kỳ trong sách Yến hạ hương tỏa lục năm chép việc Khương Thành Anh ra trông coi khoa thi hương tại Thuận Tiên năm Ất Mão (hiệu là Liễu Tuyền) có nói: Cuốn tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng là sách ghi chép việc nhà của quan tể tướng đã quá cố là Minh Châu, mười hai kim thoa đều là người của quan Thị Ngự nạp Lan nuôi trong nhà làm thượng khách cả, Bảo Thoa là chỉ Cao Dạm Nhân, Diệu Ngọc là chỉ tây Ninh tiên sinh, Diệu là do hai chữ thiếu và nữ ghép lại. Khương cũng là tiếng gọi có ý làm đẹp lòng đàn bà. Như ngọc, như anh cùng nghĩa ... Quan Thị Ngự nói rằng: con của Minh Châu là Thành Đức, sau đổi tên ra Tính Đức lấy tên tự là Dung Nhược, tương Duy Bình trong sách Thi nhân Hưng lược nói: Giả Bảo Ngọc là

Dung Nhược đấy. Chuyện mà sách Hồng Lâu Mộng nói là chuyện thời sự của Bảo Ngọc thời lúc còn bé. Du Viết trong sách Tiểu phù mai nhân thoại cũng bảo: Nói đồ cử nhân chỉ mới 15 tuổi là phù hợp với sách nói. Thế nhưng có sự tích khác lại không khớp, Hồ Thích làm sách Hồng Lâu Mộng khảo chứng (theo sách Văn tòn 3) đã đính chính lại nhiều chỗ sai. Chỗ không ăn khớp hơn cả một là Khương Thần Anh có bài văn tế Nạp Lan thành Đức, xem thì mới biết mối tình thân giữa hai bên, không phải mối tình của Diệu Ngọc đối với Bửu Ngọc có thể ví được. Hai là Thịnh Đức lúc chết là ba mươi một tuổi, chính là lúc Minh Châu còn đang phú quý.

2. Thuyết cổ sự giữa vua Thanh Thế Tổ với bà Đồng Ngọc Phi, thuyết này thấy trong sách Hồng Lâu Mộng sách ẩn do Vương Mộng Nguyên và Trần Bình Am là chung.

Đại ý nêu lên là: Thường nghe thấy các cổ lão chung ở kinh đô nói rằng sách đó toàn vì Thanh Thế Tổ và Đồng Ngọc Phi mà làm ra, rồi nói ra đến các vị Vương có tiếng tăm và các người phụ nữ kỳ lạ, khác với người thường. Đó là đại ý, nhưng lại còn chỉ ra rằng Đồng Ngọc Phi tức là Đồng Tiểu Uyển, nguyên là một gái điếm trên sông Tần Hoài sau gả làm vợ lẽ cho mạc Tương quân. Nhà Thanh xuống Giang Nam cướp đưa về bắc, được Thanh Thế Tổ yêu, phong làm quý phi, được ít lâu thì chết non đi, Thế Tổ thương tiếc đau đớn, bỏ vào Ngũ thai sơn nấu làm thầy tu. Nhưng Mạnh Sum làm sách Đồng Tiểu Uyển khảo (theo tâm sử trùng san tập 3) đã lần lượt đưa ra những điều lầm lẫn của thuyết này, lầm lẫn nặng hơn cả là Tiểu Uyển sinh năm Giáp Tý Thiên khải đầu Minh nếu vào cung năm Thuận Trị thì đã 28 tuổi rồi bấy giờ Thanh Thế Tổ mới 14.

3. Thuyết tình hình chính trị thời Khang Hi – thuyết này bắt nguồn ở Từ Thời Đồng, đến sách Thạch đầu ký, sách ẩn của Thái Nguyên Bồi thì rõ ràng đây đủ tất cả. Mở đầu sách này nói ngay: Thạch đầu ký là cuốn tiểu thuyết nói về chính trị thời Khang Hi nhà Thanh. Tác giả kiên trì chủ nghĩa dân tộc rất gắt gao, việc căn bản trong sách là buồn viếng nhà Minh, vạch sai trái của nhà Thanh và đối với những danh sĩ người Hán thì ngụ ý tiếc thương đau xót...

Do nêu lên như vậy nên cứ so sánh, dẫn chứng thêm cốt cho ăn khớp, như dùng chữ Hồng (đỏ) để chỉ chữ Chu; dùng chữ Thạch Đầu để chỉ Kim Lăng; dùng chữ giả để bài xích triều ngụy, gọi là Kim Lăng thập nhị soa để ví các danh sĩ Giang Nam trong buổi đầu nhà Thanh: như Lâm Đại Ngọc là chỉ Chu Di Tôn, Vương Hi Phượng là chỉ Dư Quốc Trụ, Sở Tương Vân là chỉ Trần Duy Tung, còn Bảo Thao Diêu Ngọc thì theo thuyết của họ Từ, chứng cứ nhiều dẫn ví dụ rộng, dùng sức óc cần cù. Tuy nhiên Hồ Thích đã khảo xét được bình sinh của tác giả và thuyết của họ Thái thành ra không đúng vừng được. Chứng cứ có sức hơn cả là Tào Tuyết Cần là quân nhân người Hán và Thạch đầu Ký quả là một câu chuyện tự thuật, nói về bản thân mình.

Song Hồng Lâu Mộng là chuyện tác giả tự thuật, cùng với chương đầu của nguyên bản phù hợp... thì thuyết đó sai sự thực trước đã rồi mãi sau mới được xác định là đúng. Thời đầu Gia Khánh, Viên Mai trong sách Tùy viên thi thoại 2 đã nói: Thời giữa Khang Hy, Tào Luyện Đình giữ chức Tào Giang ninh... con là Tào Tuyết Cần làm một cuốn sách gọi là Hồng Lâu Mộng, ghi chép đầy đủ cuộc sống gió trăng phồn hoa như thế nào trong truyện có nói đến cái Đại quan viên, cái vườn Đại quan viên đó tức là cái vườn Tùy viên của tôi. Hai câu cuối tác giả lại nói không đúng sự thực, bản thân tôi cũng có những điều lắm nhỏ, như chữ luyện (cây xoan) thì làm ra chữ luyện (rèn luyện), chữ tôn tử, nhưng chừng ấy cũng đã cho thấy rằng sách của Tuyết Cần ghi chép là những điều nghe thấy. Thế mà người tin cũng chỉ có ít thôi. Vương Quốc Duy trong sách Tĩnh Am văn tập cò hỏi vặn rằng, nói là mình mắt thấy tai nghe, cũng có thể là từ mồm một kẻ bàng quang mà nói ra thôi, chưa hẳn là nhân ật sống trong câu chuyện thật sự, mãi đến khi Hồ Thích có khảo chứng rồi mới thật là rõ ràng, biết rằng Tào Tuyết Cần quả thực sinh con nhà vinh hoa về sau mới sa sút khổ cực, nửa đầu sinh sống nào khác “hòn đá”, viết sách ở ngoại ô cửa Tây chưa xong đã chết, bộ sách ra muộn là do có Cao Ngạc làm tiếp và hoàn thành cho.

Tuyết Cần tên Triêm tự là Cần Khê, một tự nữa Cần Phố, là thân nhân người Hán trong hiệu Bạch Kỳ của Mãn Thanh. Ông nội là Dân, tự là Tử Thanh, hiệu là Luyện Đình, khoảng giữa Khang Hy làm Chức Tào Giang

ninh, Thanh Thế tổ đi Nam tuần, năm lần dùng dinh chức tạo hành cung, bốn lần sau đó đều có Dân, đang làm quan cả. Song Dân vốn ưa phong nhã, đã từng khắc sách xưa hơn mười loại. Được đương thời khen, cũng hay văn, có làm sách Luyện đình thi sao năm quyển. Sách từ sao một quyển (Theo từng khổ thư mục), sách Truyền kỳ hai mươi một loại (theo sách tại viện Tạp chí) con của Dân là Phủ, tức là cha của Tuyết Cần, cũng làm chức Tạo Giang ninh cho nên Tuyết Cần sinh tại Nam Kinh. Bấy giờ là khoảng cuối triều Khang Hy. Năm Ung chính 6, Phủ thôi chức, Tuyết Cần cũng về Bắc Kinh, lúc đó mới chừng lên 10 tuổi.

Song không biết vì sao, sau đó thì họ Tào hình như gặp biến cố lớn, của nhà sa sút, Tuyết Cần đến khoảng ngoài 40 thì nghèo khổ, ở ngoại ô cửa Tây, ăn cháo nhịn bữa, nhưng vẫn ngạo nghễ quật cường không a dua theo thói tục, nhiều khi lại uống rượu làm thơ, viết Thạch Đầu ký có thể cũng vào khoảng đó. Năm Càn Long hai mươi bảy đứa con chết yếu đi, Tuyết Cần thương cảm thành bệnh, đến hôm trừ tịch thì mất, tuổi hơn 40 (1719-1763).

Thạch Đầu ký viết chưa xong hiệp này để lại chỉ có tám mươi hồi (xem kỹ hơn trong sách Hồ Thích vẫn tồn).

Vì vấn đề bốn mươi hồi sau là của Cao Ngạc viết tiếp thêm Du viết trong sách Tiểu Phù Mai nhân thoại nói: Trong sách Thuyền sơn thi thảo có một bài đề: “Tặng bạn đồng niên tên là Ngạc ở biệt thự Cao Lan” với câu: Người tình tự kể chuyện Hồng Lâu và chú rằng: Chuyện Hồng Lâu Mộng từ hồi thứ tám mươi đến cuối do Lan Thự thêm vào.

Thế thì sách đó không phải là do một người làm ra, xét ra thi hương, thi hội mà có thêm vào thơ năm chữ tám vần là bắt đầu từ thời triều Càn Long, mà trong sách nói chuyện thi cử đã có thơ, thì việc cho rằng ông Cao viết thêm là có chứng cứ thật. Song Cao Ngạc viết lời tựa chỉ nói rằng bạn là Trình Tử Tiểu Tuyền đưa tôi, đưa cả cuốn sách mua được cho tôi xem, và bảo: “Đây là nổi lòng cay chua mà tôi gom góp, tích lũy trong hai, ba năm, bắt đầu từ cái nhỏ nhất, định đem khắc in ra, để ai muốn xem thì xem. Cậu ranh rồi lại buồn và uể oải, sao không chia nhau gánh với tớ”. Tôi cầm lấy

sách... xem nó cũng còn chưa trái với danh giáo... Thế là giúp vào công việc. Cao Ngạc không muốn nói rõ là mình làm, nhưng bạn hữu không muốn có nhiều người biết. Ngạc tức là người có tên tự là Lan Thự, quân nhân người Hán thuộc hiệu Trương Hoàng Kỳ của Mãn Thanh, đỗ cử nhân khoa Mậu Thân Cần Long, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mão vào Hàn lâm viện hàm quan Thị độc, lại làm đồng khảo quan trường thi hương Thuận Thiên, Khoa Tân Dậu Gia Khánh. Việc ông chữa Hồng Lâu Mộng chắc là vào khoảng năm Tân Hợi Cần Long, lúc chưa đỗ tiến sĩ, nhân rồi uể oải, nên đối với Tuyết Cần nghèo cực tiêu điều, hoặc giả có thông cảm. Song tâm chí chưa nguội lạnh thì cùng với thái độ nói là già đến nơi rồi, lại nghèo và đau yếu, nên cứ dần dần để lộ cái quang cảnh đời đi xuống ấy, lại tuyệt đối khác nhau (bản nhà chùa hồi thứ nhất). Vì vậy mà mấy chục hồi của cuốn chuyện viết tục thêm, tuy cũng buồn bã thê lương, song họ Giả cuối cùng vẫn được “Lan quế thơm đều”, nghiệp nhà lại được khôi phục lại, rõ ràng không giống cái cảnh tượng đất trắng mênh mang, sạch ráo không còn lại một tí gì như trong bản trước.

Bản tục Hồng Lâu Mộng 80 hồi còn một điều nữa là không phải chỉ có một mình Cao Ngạc. Du Bình Bá đã thấy trong lời bình cũ, nhận xét bản 80 hồi do Thích Lục Sinh đề tựa có nói trước đã có một bản tục 30 hồi, hình như thuật tình trạng con cháu họ Giả phân tán lưu lạc, Bảo Ngọc nghèo khổ đến bất kham, y như “Trên sườn núi cao, tay không bấu nắm mà thả ra” cuối cùng đi làm thầy tu, song sự thực thế nào thì không thể tra cứu lại được (sách Hồng Lâu Mộng biên, đăng sau có bài chuyên luận). Có người nói ông Đái Thành Phu có thấy một bản của đời cũ, không phải sách giả, đăng sa 80 hồi thì cũng với bản bây giờ không giống nhau, sau khi hai phủ Vinh, Ninh bị tịch thu thì cảnh nhà hết sức tiêu điều, Bảo Thoa cũng chết sớm, Bảo Ngọc không sao xây dựng cơ nghiệp lại được, đến nỗi rơi xuống làm hạn người giữ cổng, đánh mớ rau làng như Mạnh Tử nói. Sử Tương Văn phải đi ẩn xin về sau lại cùng Bảo Ngọc làm vợ chồng như trước. Người đời lại nói nghe rằng nhà quan Tùng Thừa Ngô Nhuận Sinh còn cất một bản đó (sách tiểu thuyết khảo chứng của Tường Thụy Táo, bảy lần dẫn sách Tục duyệt vi thảo đường bút ký). Bản nói đây cũng là bản viết tục thêm nữa. Những điều mà cả bản bổ sung vào, có lẽ điều chưa hợp với cái ý đầu tiên của tác giả

song đêm trường không sáng thì những điều đó cũng không đến nổi trái ngược với cái tuyến ngầm với những nhân vật tinh tiết chưa nói rõ trong sách trước.

Ngoài bản tục nói trên, thì các bản tục khác còn rất nhiều, như Hậu Hồng Lâu Mộng, Hồng Lâu Hậu Mộng, tục Hồng Lâu Mộng, Hồng Lâu Phục Mộng, Hồng Lâu Mộng Bổ, Hồng Lâu Bổ Mộng, Hồng Lâu Trung Mộng, Hồng Lâu Tái Mộng, Hồng Lâu Áo Mộng, Hồng Lâu Viên Mộng, Tăng Bổ Hồng Lâu, Quỷ Hồng Lâu, Hồng Lâu Mộng Ảnh... Nhìn chung thì tất cả đều theo bản tục của Cao Ngạc mà thay đổi, bổ sung những điều thiếu sót, những cảnh tù hãm rồi kết thúc câu chuyện bằng một cảnh sum họp đoàn viên, thậm chí có kẻ còn nói tác giả vốn cho trong chuyện không có một người nào là tốt rồi vì thế mà xoi mói, bôi lông tìm vết, đánh đập không tiếc lời. Song cứ theo sách của tác giả nói thì chỉ là theo sự thực mà kể lại, kể ra mà thôi, tuyệt không có lời chê bai, bàn bạc gì, chỉ đối với bản thân thì rất lấy làm ăn năn hối lỗi. Đấy chính là điều mà thường tình khen cho nên chuyện Hồng Lâu Mộng đến nay vẫn được người đời yêu trọng, mà cũng điều đó lại làm cho thường tình quái lạ, vì thế mà có người không vừa ý, đứng ra sửa chữa, làm cho câu chuyện trở nên tròn trặn hơn. Sự trái ngược này cho thấy độ lượng của con người cách nhau xa và âu cũng vì thế mà Tào Tuyết Cần không thể làm vừa lòng cho tất cả. Để chấm hết bài này, xin chép lại lời của người nọ như sau:

Tác giả tự nói rằng: Nhân sau khi trải qua một phen ảo mộng, cho nên đem việc thiết giấu đi, tồi mụy cái thuyết thông linh, mà soạn ra cuốn chuyện Thạch Đầu ký này... lại tự nói ra rằng: Nay làm một kẻ phong trần phàm tục việc gì cũng chẳng nên, bỗng nhớ để đứa con gái của mình trước đây, xem xét so sánh kỹ từng nét, từng điều một thì thấy cử chỉ kiến thức của nó đều hơn mình nhiều. Sao mình đường đường mài râu mà thật ra lại không bằng đức con gái quần tho thế kia. Thật là thẹn hổ thì có thừa, mà ăn năn lại vô ích, đúng là một ngày rất đổi không biết làm thế nào... Thế rồi nghĩ muốn đem cái thời dĩ vãng mình được nhờ ơn trời đức tổ, cái thời bận áo gấm quần sa, cái ngày chán ngon ngày béo, phụ cái công cha anh nuôi dạy, quên cái ơn thầy khuyên răn, đến nỗi bay giờ một nghề không biết,

mắc cái tội lặn dận nửa đời, muốn đem tất cả những cái đó ra, thuật thành một tập, để nói cho thiên hạ biết. Tội mình thì vốn không khỏi được rồi, song trong khuê các vốn đời nào cũng có người, tuyệt không được vì mình bất hiếu, không ra gì, tự mình che giấu cái xấu kém của mình để họ đến phải mai một cả. Tuy hiện giờ nhà gianh vách đất, lợp ngói giường dây, gió sớm mù chiều, liễu thân hoa ngõ, cũng không hại gì đến hoài bão của mình, mà phải gác bút vứt nghiên. Tuy mình chưa học, viết chẳng thành câu, cũng không hại gì mà dùng lời quê tiếng kệch, phô diễn lại chuyện xưa, cũng có thể để cho đám khuê các soi mình, truyền miệng lại, lại cũng thề để cho đời vui mắt, phá tan sầu muộn trong lòng, như vậy không tốt sao? (Bản nhà chùa hồi thứ nhất).

Chương 25

VIỆC ĐỜI THANH DÙNG TIỂU THUYẾT ĐỂ BIẾT TÀI NĂNG VÀ HỌC VẤN

Việc dùng tiểu thuyết làm cái công cụ để đo học vấn, văn chương của con người, cùng với việc dùng nó để ngụ ý khôn răn là cùng một ý nhưng công dụng thì khác nhau, việc đó không có cuốn tiểu thuyết nào trước cuốn “Dã tấu bộc ngôn” (ông già nhà quê phớt nháng lời nói). Cuốn sách đó đến đầu Quang Tự mới ra, lời tựa nói là của họ Hạ ở Giang Am, đời Khang Hi làm, họ Hạ đó lấy chân một chú sinh được tuyển làm cống sĩ vào học trường Thành Quân, sau không được vừa ý, nhận lời đại nhân tiên sinh mời, được làm chức tế tửu ở dưới trường, rồi đi khắp Yên, Tấn, Tần, Lũng... sau lại mượn đường Khâm Thực, từ sông Tương lên sông Hán, ngược sông Giang mà về, qua lắm nơi từng trải nhiều, rồi mới phát ra thành văn chương nên có thêm khí lạ... nhưng đầu tóc đã đốm bạc rồi. Từ đó bỏ hết ý tiến thủ, chuyên tâm làm sách, làm được cuốn Dã tấu bộc ngôn, hai mươi quyển nhưng chỉ đưa cho bạn xem, không muốn chào đời, đến khi đưa in để lưu hành, thì đã có khuyết thiếu mất mát: chỉ có một bản toàn vẹn, nghi là người khác bổ túc vào; hai bản không có tên người soạn, Kim Vỗ Tường trong sách Giang Âm Nghệ Văn Chí, phần Phạm lệ thì nói là Hạ Nhị Minh làm, Nhị Minh là tên hiệu của Hạ Kính Cừ; sách Giang Âm truyện chí đời Quang Tự (17, sách Văn uyển truyện) nói: Kính có tên tự là Mậu Tu, chân chú sinh, thông minh lanh lợi, học rộng, thông kinh sử, đều cả sách bách gia chú từ, sách lễ nhạc, binh hình, thiên văn toán số, không sách nào

không hiểu thấu... Ngày thường đi khắp bốn bề, giao du toàn những kẻ hiền hào. Sách làm ra có các cuốn: Lương mục cử chính, Kinh sử dư luận, Toàn sử ước biên, Học cổ biên, cùng thi văn tập đến mấy quyển. Điều này khá phù hợp với lời tựa, song tên ông xếp sau tên Triệu Hi Minh, thế thì khoảng giữa Càn Long ông phải đang còn.

Sách Dã Tấu Bộc Ngôn quả là một bộ sách lớn, số hồi có đến một trăm năm mươi bốn, phải dùng đến hai mươi chữ là phần vô quý văn thiên hạ vô song chính sử dụng kinh chú sử dân gian đệ nhất kỳ thư để đánh số quyển, mà những chữ đó cũng là ý tác giả dùng để tóm tắt chung lại cả ý bộ sách. Còn nội dung của sách thì như Phạm Lệ nói là tự sự, thuyết lý, đàm kinh, luận sử, dạy đạo hiền, khuyên lòng trung, vận trù, quyết sách; đưa các nghề như việc binh, làm thơ, làm thuốc, tính toán, tình cảm như mừng giận, đau thương, sợ sệt, rồi giảng đạo học, bài xích tà thuyết..., không gì không có ở trong, mà tất cả để Văn Bạch làm chủ. Bạch tên tự là Tố Thần, còn con người thì, như trong sách nói, một chàng trai sắt, gõ tiếng coong coong, lối lạc có kỳ tài, miệng ngâm khắp núi sông, bụng như lưỡi búa bắt được cả sao Ngưu, sao Đẩu. Bảo rằng chàng không cần thi đỗ làm quan, mà ra lý của chàng đĩnh như Tống Ngọc. Chàng hoa bút làm phú thì bay lượn trên dưới Tương Như; chàng vỗ tay bàn việc binh thì em hoặc anh Gia Cát. Sức gior nổi vạc mà như áo mang còn nặng, hiền khô, mạnh giết được rồng mà như sợ rớt xuống hang, nơm nớp, hiểu thông lịch số, một liếc mấy hàng, biết phép kỳ hoàng, gánh theo Trọng Cảnh. Coi bạn bè như tính mạng, trọng danh giáo như thần linh. Thật là một nhà nho có huyết tính, một kẻ sĩ không kể đến thói viêm lương. Tố Thần bình sinh có một bản lĩnh lớn là chỉ tôn nền học chính, không tin các dị đoan, một lối làm việc tài, là giải được điều người ta không thể giải, nói được điều người ta không thể nói (hồi thứ nhất). Thế nhưng có vua thánh ngồi trên, người hiền không cực, đề bạt làm to, thường đều vừa ý. Sách ra quĩ hết, tay huất yêu tan, trăm man di khiếp cái oai thần, bốn vật thiêng chung trong vườn cũ. Hai công văn võ, ở cả một người, thiên tử kính yêu, gọi là Tố. Lại còn có phép lạ nữa: đã biết biến hình đổi dạng, lại giỏi làm vừa ý đàn bà: vợ hầu la liệt, đẻ hai mươi bốn con trai, trai lại làm to, sinh ra một trăm cháu, và có đến chít rồi.

Mẹ là họ Thuỷ tuổi đã 100, được thấy lục đại đồng đường, đến mừng thọ có đến 70 nước; hoàng đế ban câu đối, gọi bà là Trần quốc vệ thánh nhân hiếu từ thọ tuyên thành văn mẫu thuỷ thái quân (hồi thứ 144). Tất cả những vinh hoa của kẻ làm tôi mà ý tưởng của người học trò có thể với đến, sách này đều chép đủ, chỉ có một điều là còn chưa dám mong làm đế vương. Đến như bài xích dị đoan thì Tố Thân ra công còn mạnh hơn nữa, người thờ đạo giá, kẻ tin đạo Phật Thích ca phần đông bị tru di, đàn trường hoang lạnh, chùa tháp nát hư, chỉ có nhà bố Tổ là phúc lành đầy đủ được trăm đạo nghìn dòng tôn sùng tin ngưỡng mà thôi.

Sách Dã tấu Bộc Ngôn nói tác giả hoài bão không tầm thường, chưa được áo xiêm rạng rỡ, già rồi mà chủ trương của mình không thi thố ra được, vì vậy mà cầm bút khắc ghi “Ông già nhà quê ngồi không, tấm nắng bàn suông” (Lời trong bản Phạm Lệ). Cho hay khoe khoang học vấn để gửi gắm tâm tình, kỳ thực là nói về mình cả, còn coi là thánh mà tôn bậc lên thì tâm tình cảm khái kia lại thành ra hoài bão, so với tiểu thuyết thần ma, tiểu thuyết giai nhân tài tử đời Minh thì mặt mũi giống như khác mà căn bản vẫn giống nhau, có điều là đem dị đoan mà thay thế cho tà ma, đem thánh nhân mà thay thế cho tài tử mà thôi. Ý đã khoe khoe khoang kỳ quái, vẫn lại vô vị, thật không đáng gọi là văn nghệ, song muốn biết cái tâm lý của những kẻ bây giờ gọi là nhà lý học thì cũng có thể khảo xét để tìm thấy ở trong đó dăm bảy điều. Cuối đời Ứng Chính, có người ở Giang Âm là Dương Danh Thì làm tuần vũ Văn Nạm. Danh Thì lại có người làng, một bậc cố gắng sinh tên là Hạ Tông Lan thường thường đi theo mình mà hỏi về Kinh Dịch, cho Danh Thì là môn nhân của Lý Quang Địa nên lại đem gộp chữ Tông vào với hai chữ Quang Địa mà thuyết càng quái lạ thêm. Buổi đầu Càn Long, Danh Thì về Kinh, làm Thương thư bộ lễ, Tông Lan cũng do chân kinh học mà được giao cho làm trợ giáo trường Quốc tử giám, lại thường giảng thay cho Danh Thì và suốt đời vẫn coi Danh Thì là thầy (theo Tứ khố thư mục 6 và 10, Giang Âm chí 16 và 17). Ít lâu sau lại có một chư sinh Hạ Tổ Hùng cũng là tay “học rộng khắp cả mọi kinh, mà dốc sức nhất về cái học tính mệnh, lo thuyết của hai họ lòng thông, nên lại khảo xét biện luận lại để đưa về chỗ đúng đắn” (Giang Âm chí 17). Như vậy là ở Giang Âm từ

khi có Dương Danh Thì (mất rồi được tặng là Thái tử thái phó, thụy là Văn Định) là ảnh hưởng đến sĩ phong ở làng ông; từ khi có Hạ Tông Loan thờ Dương Danh Thì làm thầy thì ảnh hưởng lại đến cái học của nhà họ Hạ, đại để là cùng với cái người làm to, có quyền thời đó cùng một tư tưởng, tôn Chu Trình mà bài xích Lục Vương, lấy việc “Dả kích tăng lữ, chửi mắng đạo gài” làm cái nghề quan trọng duy nhất, vì vậy cho nên từ ngôn ngữ hành vi cho đến sự gặp gỡ này khác của những người như Văn Bạch, vốn không phải là lý tưởng độc nhất của tác giả đặt để nói mình, nó tách chữ Hạ () ra mà đặt; lại có Thi thái sư, tức là Danh Thì, việc tôn sùng ngưỡng mộ là theo cái nói của Hạ Tông Lan mà ra, song chính vì thế mà thành ra lầm, làm cho sách Dã tấu bực ngôn là của Tông Lan làm.

Còn trong tiểu thuyết mà muốn thấy được cái tài viết văn hay thì sách Đàm sử của Đồ Thân hai mươi quyển. Thân tên tự là Hiền Thư, hiệu là Hốt Nham, cũng người Giang Âm, nhà mấy đời làm nghề nông. Thân tuổi nhỏ đã mồ côi, tư chất thông minh nhạy bén, mười ba tuổi vào trường huyện, hai mươi đỗ Tiến sĩ và được bổ ngay Tri huyện huyện Sư Tông Vân Nam, đi chấm thi hương năm khoa, được khen là lấy học trò đỗ đúng, con làm Đồng Tri Quảng Châu, năm Gia Khánh sáu do sung chân hậu bổ mà ở Bắc Kinh, ốm thành linh mất ở nhà trọ, tuổi 48 (1744 – 1801). Thân tính hào phóng, ghét thế tục, bình sinh mến Thang Hiến Tổ về cách ăn ở, nhưng làm quan thì hơi dữ; lại có tính thích đàn bà, vợ hầu đông (thấy trong Ngạc Đình thi thoại, phần phụ lục) viết văn thì chuộng lối xưa xấu, khúc mắt, đẹp và lạ, thành ra tối nghĩa, sách Chí Quái thì có Lạc hợp nội ngoại trong chương 21), mà văn đều như thế cả. Đàm sử là một cuốn trường thiên, đề là Lôi Khả Sơn Phòng nguyên bản, Kim Vô Tướng nói là của thân làm (Sĩ túc hương tùy bút 2). Trong sách có chữ tang Trục Sinh là tên tác giả đặt để nói mình, Trục Sinh có nói: “Tôi sinh năm Giáp Tí cùng một năm với Thân”. Chương mở đầu thì nói: “Trước kia Ngô Nông làm quan ở Việt Lĩnh, tuổi năm mươi có lẽ, đi góc bể nếu có được gì, sẽ đem lời lạ của những điều nghe thấy hay nghe lỏm người ta kể không sắp xếp theo loại làm ra một cuốn”. Lại muốn việc Phó Nại đánh người Miêu (Năm Càn Long 60) là cốt chuyện, thế thì khi bắt đầu làm phải vào khoảng đầu Gia Khánh không

đây vài năm là xong, có tựa do Tiểu đình đạo nhân đề tháng 4 năm thứ 5: Năm sau thì Thân chết.

Sách Đàm sử ngay ở đầu nói người đất Mân là Tang Trục Sinh đi biển, thuyền hỏng bị đắm, trôi đến cái vũng ngoài hòn đá Giáp Tí, được người chài cứu, dẫn đến ra mắt Cam Đình, Đình là quan chỉ huy vừa vắng lời theo hịch bảo xây thành để phòng giặc, đang tìm người chuyên về địa hình, thấy Trục Sinh thì rất mừng, đồng ý theo kế hoạch của chàng, tựa vào đá Giáp Tí làm tường mà sau thành ra một cái thành thần kỳ, địch không dòm ngó được, lại được một cái hầm đất ba tráp sách, tráp thứ nhất đến hai mươi quyển, đề tên là Triệt Thổ tác giả chỉ văn qui khu dã phủ thị hoạ (văn đao hết rễ để cấy trồng, họ chim le le đồng nội về gò, vè). Tráp thứ hai là đồ bản trời, người đề là Nhân Tăng Tu Di tăng đạo làm (Mắt giấu sự Tu di đạo làm). Còn sách nữa là sách các thuật phép đề là Lục Tử Huê trì cực lão nhân khẩu thụ (Ông lão hết sức già sáu con đất cầm truyền miệng cho). Trục Sinh bảo quan chỉ huy: sách này rõ ràng là cho chủ khách chúng ta. Sách nói gì? Nhỏ rồi, theo điển trong sách cũ là nói cây dâu, tác giả cũng theo điển là ngọt... Làm một khóm thờ ở trong nhà mà cất, đi đâu thì mang theo như sách đầu giường khi cần mở ra xem thì lấy rồi cả hai cùng mở, cả hai rất lấy làm vui lòng (Hồi thứ nhất) thế rồi có người tên là Quảng Vương Long làm loạn, tự xưng là Quảng Chân Vương, có đồng đảng là Lâu Vạn Xích có thuật phép lạ giúp Cam Đình đi đánh, có con gái Long đến giúp, bắt được thiên lor g, Vạn Xích thoát mất – Đình có công được phong làm Trấn vũ, theo Thạch giác hợp lực đánh bọn giặc biển như trước, sau lại đánh bại được người Giao, Vạn Xích ở Giao Chỉ, thì vẫn không bắt được. Không lâu lại được thăng làm Binh mã thống soái, đi các đất Sở Thục khám Quảng Phòng, trải qua nhiều sự kỳ lạ nguy hiểm song đều thắng cả, một trong những sự kỳ lạ đó là như sau:

Giây lát rồi quân Miêu lớn tiếng gọi bảo: Tướng Hán không dám nhìn thấy đánh nhau sao? Quý Tôn dẫn 500 người chia cánh ra mà tiến. Hai lá cờ hồng rơi xuống, từ trong đất bay ra sáu con gà độc chộc tiết, bay tới quân Hán mà kêu. Lại có sáu con chó màu lửa đứng sủa như chó sói. Quân lính mặt như tro sợ đến chết, đứng như gỗ chỉ dùng khí giới để chống như

chống gậy.

Cự Nhị phóng cái chùy bay đâm vào óc sáu con chó, vỡ đầu cả sáu con. Mộc Lan giấu con rắn thuốc trong tay, cho ra mổ một con gà, con gà há mỏ chết, năm con khác liền đậu lại mà không kêu nữa. Chỉ thấy ngói tám có vẽ hình gà chó ngổn ngang giữa đất, thực chứ không phải có hai vật... Lại đến doanh quan Đô đốc Kim Đại, thì thấy trâu hủi ngựa ốm, mỗi thứ đến sáu con, con nào cũng có da mà không lông, quân lính ai bị sừng húc, cẳng giẫm phải đều chết cả. Một con trâu nhai chân của Đô đốc Kim Đại, răng mắc vào xương. Cự Nhị hoa hai chiếc thích lên làm rụng đầu trâu, mà răng vẫn mắc lấy không ra, Mộc Lan vội sai thần đầu Hồ khoét bỏ cái răng đi, nhưng xương chân Đô đốc cũng gãy luôn, sai bên tả bên hữu khiêng mình về đại doanh. Trâu ngựa chạy lồng lên không gì ngăn lại được. Mộc Lan cầm cái khăn choàng vẩy cá chép tán chúng nó đi, một con chép thò ra một cây gương, chém chết một chục trâu ngựa.

Cái gì cũng phun lửa ra dài bốn, năm thước, gương của cá cũng bị đốt ném đi, lửa cứ cháy lan ra, trâu ngựa đều kêu rống ồn lên, về đặc ý. Thấy một con đười ươi ném mình vào đờ tay làm ra cái tiếng sét, mưa thành linh trút xuống làm tắt lửa, đất bằng nhơn nước đến hơn một trượng, trâu ngựa đều chết chìm, Mộc lan mừng nói: “Minh vốn biết là con của lạc vương truyền được phép của vị chân nhân diệt lửa: Nước rút thấy trâu ngựa gì cũng không, thì ra là chữ trâu chữ ngựa của bốn cuốn sách đó để trong mảnh sành vỡ nát vách. Đó là cái phép cùng thân tận hoá của yêu cá... (quyển 9).

Lâu vạn Xích cũng có mặt trong đám dân Miêu, biết Giao chỉ sắp có chuyện, lúc về, Cam Đình đến Quảng Châu cùng với viên vũ quân là Khu Tinh tiến đánh Giao chỉ. Họ Khu dùng mưu của Quảng Nhi, đánh Nghi kinh chém tướng giữ cửa mà vào bắt vua, dân Giao hàng hết. Cam Đình theo đường thủy mà tiến, lập doanh trại ở phía bắc cầu.

...Lâu Vạn Xích cùng với thầy của họ là Lý Trường Cước hai bên thi phép đánh nhau ở phía nam Cầu... Lý Trường Cước biến làm cái giếng vàng lừa Vạn Xích, Xích liền rơi xuống. Bỗng có một cây bằng sắt mọc ra, kuông

giếng muốn vỡ. Quảng Nhi dẫn Khánh Hi đến, giở chiếc khăn the trắng ném ngọn cây, nghe toác một tiếng như lóc thịt ra khỏi xương, cây sắt không thấy đâu nữa. Lý Trường Cước biến lại nguyên hình, trừ Vạn Xích, Xích nằm giữa đá cát bên cầu. Nó rút trong tay áo ra một cái bình trắng giơ lên trên xương sọ của Xích, nguyên rằng... Nguyên xong hoa tay thành một tiếng sấm, Vạn Xích tỉnh khí như đã nung chảy ra nhảy xuống sông định theo sóng ra biển. Mộc Lan gọi một trăm quân loài cá loài rùa bơi đuổi theo, Xích ở đâu cũng bị la ó nên hoá ra con tãi kiết, thấy một con cua biển bụng rỗng, chui vào làm chỗ giấu mình kiên cố. Người Giao Chỉ giỏi mò cua, nay được một con to như cái thúng thì rất mừng, đem mổ mà ra tưởng để lấy gạch, thì một con sâu theo tay người mổ mù ra, thoát rơi xuống đất hoá ra hình người, và trong giây lát to cao lên, thì nghiêm nhiên thành một ông sư mù, hỏi không chịu nói, có anh hàng thịt cầm dao lại xem, than thở bảo: “Bụng cua tự nhiên có người tiên cũng gọi là hoà thượng nữa, thật là chuyện đùa cợt. Nếu không có cái bụng nào khác để cho con vật yêu quái này vào, lại không giết chết đi, thì đất Nam Giao ta chưa hết tai hoạ”. Thế rồi hoa tay lên chém đầu ông sư. Bấy giờ ngài Cam đã vào trong thành rồi, đang cùng với ngài phủ quân họ Khu bàn việc rút quân về.

Anh hàng thịt lại dẫn quân lính của hai vị, xách cái đầu ông sư mù đưa lên báo cáo với hai vị nguyên nhưng ông trưởng sự hạ tang tiến lên thưa: Đây hẳn là đầu của Vạn Xích rồi, tôi nhớ trong bức đồ Trời Người thứ hai, nó là con cua lớn bơi trên mặt biển, bức đồ có hàng chữ triện nói: Hoàn hành mà chết. Lúc đầu tôi nghĩ là Vạn Xích sẽ chết trước, nay mới thấy đúng. Vừa Lý Trường Cước vào chào để đi, xem thấy cái đầu thì cười mà nói: Cái thằng giặc này dùng thuỷ hoả âm dương làm hại Trung Quốc, không chết dưới lưỡi búa thép vàng của thiên tử mà chết dưới lưỡi dao anh hàng thịt, đủ biết nó chỉ thuộc dòng chó lợn mà thôi, có cái cốt tiên sao được... (quyển 20).

Từ đó Giao Chỉ yên, Tng Trọc sinh về đất Mân, Cam Đình cũng bỏ qun đi, nói là sắp đi qua Đẩu lĩnh, sách kể thế.

Sách Đàm sử, cứ theo cái hơi văn, thì phải phát thấy rất kỳ lạ, song xét đến căn bản thì thực ra chưa thoát khỏi lối tiểu thuyết thần ma, còn việc

đưa vào những lời những câu nói thường, thô bỉ thì đó là do cái bẩm tính của tác giả, mặt khác cũng là do còn thừa kế cái lễ thói của tiểu thuyết thế tình đời Minh. Đặc biệt do gượng tạo ra những từ nghe lẩn cẩn, cứng cỏi có bất chước sách xưa, làm thành một lối văn trặc trặc khó nghe thì như thế mới che khuất được cái nội dung thiển cận phàm tục, Hồng Lạn Cát trong sách Bắc Giang thi thoại, phê bình thơ trong Đàm sử nói rằng: Như hoa hồng được trồng trong chậu, như cá cảnh nuôi trong ao. Ông Tuyền đề tựa Ngạc Đình thi thoại thì nói: đáng uyên bác u uẩn, ảo mà thực thì bình dị... ngòi bút khúc chiết nhiều vẻ đáng ưa. Lời hai nhà nói thế tức là nổi văn hoa diễm lệ nhưng mất cái thú tự nhiên, chỉ là cầu kỳ, khó hiểu mà không có ý tứ gì sâu sắc. Đàm sử cũng vậy, chỉ có cái thể văn chưa ai thử viết đến, nên đáng gọi là độc đáo mà thôi.

Dùng văn đối ngẫu để viết thử tiểu thuyết thì có Yên sơn ngoại sử tám quyển của Trần Cầu. Cầu tự là Uẩn trai, chân chưa sinh ở Tứ Thuỷ, nhà nghèo, bán tranh để sống, giỏi văn biền ngẫu, thích truyện kỳ, do đó mà có sách này (sách Gia Hưng phủ chí đời Quang tự 52). Tự nói ra rằng: Thể sách sử xưa nay không dùng văn tứ lục, nay tôi làm như cổ, rất biết là quá lạm và cần quấy... song viết đã sử, tiểu thuyết thì cũng mong rằng lỗi đó được bớt nhẹ đi. Như vậy là Trần Cầu chưa thấy sách Du tiên quật của Trương Trác (xem chương 8) nên tự cho mình là người độc nhất và sáng tạo ra. Bản sách này làm xong khoảng giữa đời Gia Khánh (chừng năm 1810). Chuyện trọng về lời văn hoa, cũng có chỗ gửi gắm cảm khái, như vậy là lấy cuốn Đậu sinh truyện của Phùng Mộng Trinh đời Minh làm cốt cán, rồi phô diễn thêm vào, có đến ba vạn ngàn chữ. Truyện đại khái nói đời Vĩnh Lạc có Đậu Thắng Tổ, vốn là người Yên, đến Gia Hưng học, ưa một người con gái nghèo tên là Lý Ai Cô, đón về ăn ở chung; sau lâu, bố buộc cưới một con nhà quan ở Tri Xuyên, mới thôi đi. Ai Cô bị một tay buôn muối ở Kim Lăng lừa, rồi lả lác thế nào rơi vào nhà thổ, sau được hiệp sĩ mã lân giúp, lại trở về với họ Đậu, song vợ cả quá ghen, ngược không sống nổi. Đậu sinh cùng với Ai Cô bỏ trốn, gặp lúc Đường Trại Nhi làm loạn, lại lạc mất nhau. Đến khi Đậu sinh tri73 về thì gia sản đã sạch không, người vợ cả cũng đòi đi, trợ trụ còn lại một mình, mà Ai Cô bỗng đến kể rằng ngày ấy ẩn trong cái am của bà vải,

nay trở về. Năm ấy Đậu thi đỗ, làm quan lần lượt đến tuần vũ Sơn Đông; quan tuần đó Ai Cô vào trong dinh và coi như mệnh phụ. Không lâu thì anh con trai tìm vú, có người xin ở thì ra là người vợ cả trước kia, người này sau khi lấy chồng khác thì chồng chết, con sinh ra cũng chết yểu luôn, thế là phải chịu khổ đốn, làm những việc hèn hạ, song Đậu sinh vẫn dùng và đối xử tử tế. Song chị ta lại bày mưu làm hại Mã Lân, Đậu cũng bị liên lụy, nhưng cuối cùng được minh oan và phục chức, rồi cùng Ai Cô cùng lên tiên. Câu chuyện nghe ra quá ư tầm thường quê kệch không khác gì cái sáo thường của tất cả mọi chuyện tiểu thuyết tài tử giai nhân, thế mà tác giả phần khởi cho là sáng thuật lại, thì hẳn chỉ vì nó ngoặt ngoẹo lắm khúc nôi, đủ để trở tài viết văn của mình thôi. Song vẫn phải viết theo tứ lục, tuy chỗ mà phải câu nệ kéo dài ra cho nên tả vật, trữ tình, đều mất hết sinh khí, hẳn không bàn đến văn biên ngẫu của Lục triều, chỉ so sánh với tác phẩm của Trương Trác thôi, tuy không có lối hà hước tuồng trò mà cũng còn kém cái sinh động của nó nữa. Nay chép ra sau đây đoạn kể chuyện Đậu sinh bị bố dục về, lời Ai Cô ngâm ngùi mình thất sở, để làm thí dụ:

Bố cậu trong lòng có tình yêu nghề, mặt ngoài làm thế đánh trâu, ném chuột sá gì sợ đụng đồ, đánh vậy không khỏi làm uyên sọ, lên ra khỏi nhốt, bắt được nhốt vào, chó lạc mất nhà, quất về nhà lại, đuổi nhanh mà thân yếu như dê, bắt bò phải dùng cái kế, nghênh cấm mà người phòng giống hổ, thoát cũi chẳng có lúc nào. Chỉ lo rằng tính khó thuần, dùng vào cột sắt, lại sợ vương lòng dễ động, nhất với roi nắn. Bởi cô ấy, cạnh giậu tường vi, mây xanh sắp nhú, bên tường tiết lệ, hoa hồng muốn khô, trên cành đình hương gửi ý, mà ý ai hay; ở ngọn đậu khấu gấm tình, tình mình mình biết đến nỗi tim sen riêng đắng, nước trúc sắp khô. Rồi hiềm bông liễu tình nào, lung tung giống tuyết, lây giận hải đường không sức, kín đáo buông tơ, vừa đón xuân sang, đã hè quá nửa. Hái rau phong cát, hẹn ước thành sông, gieo quả mận đào, đều ấm ức đáy lòng, cỏ sinh trai đeo uống. Chứa hay không giận, sao được quên lo. Đàn sắt gửi dứt tơ đồng, hay nào chấp mối; gương ấu đập nát trên lầu, bao thuở được về. Há biết kẻ đi xa mãi, trông chỉ mất công, xưa tuy tin tức lâu thưa, còn chung một chỗ, sau đến hồn mơ cách biệt, lại trở núi sông, xa gần người xa, thêm khổ ba thu mới

cảm; sao dời vật đổi, chỉ thêm thương nhớ đôi nơi... (quyển 2).

Đến khoảng đầu Quang Tự (1879) có Phó Thanh Cốc người Vĩnh gia chú thích, nhưng cũng bỏ bớt, không phải hoàn toàn nguyên bản.

Từ đời ung càn về sau, nhân sĩ Giang Nam sợ mắc cái nạn văn tự, mà tránh không nói đến sử sự, chỉ phân tích khảo chứng các sách kinh, cho đến cả cách làm cho bậc tiểu học, trọng công việc đó, nhưng điều tính vì về nghệ thuật, họ cũng không bỏ; họ nói là có chứng thực, kiêng kỵ việc nói suông, cái phong khí uyên bác do đó mà lên mạnh. Những khi phong khí đó đã thật mạnh rồi thì mặt mày đám học giả cũng có ý tự đắc, theo họ thì tiểu thuyết là sách của những kẻ vào lỗ tai ra lỗ miệng làm ra, “sử là sách không có gì đáng xem”, cho nên họ cũng không thêm mớ đến. Tuy vậy cũng còn có một người là Lý Nhữ Trân làm sách Kinh hoa lục. Nhữ Trân tự là Tùng Thạch, người Đại Hưng Trực Lệ, nhỏ tuổi đã thông minh khác đời, không thích làm lối văn thời thượng. Năm Cà Long 47 nhân theo anh đi làm quan ở Hải Châu chỗ lăng Đình Kham làm thầy, mỗi khi bàn về văn xong, rảnh rồi thì bàn đến cả âm vận, tự cho là “học bổ ích hết sức nhiều” bấy giờ tuổi mới 20. Trong bạn bè giao du, có khá đông người nghiên cứu về thanh vận; Nhữ Trân cũng đặc biệt sở trường về môn đó, mà lại chăm đến cả các nghệ thuật lật vật khác như độn toán, xem sao, bói, cho đến cả phép viết chữ, cách đánh cờ, phần nhiều đều sành cả. Song rồi bất đắc chí, cứ vẫn là chân một chú sinh già ở Hải Châu, cuối đời buồn khổ, bèn viết tiểu thuyết để tiêu khiển, viết hơn mười năm mới xong, đến năm Đạo quang 10 mới có bản khắc in. Chưa được vài năm thì Nhữ Trân cũng mất luôn, tuổi hơn sáu mươi (khoảng 1763 – 1830). Về âm vận, có làm sách âm giám, cốt để thực hành, coi trong âm hiện đại mà lại cả gan biến đổi âm cổ đi nữa (từ đây trở lên theo trong Dẫn luận của Hồ Thích, đầu sách Kinh hoa lục, bản tiêu điểm mới. Thế là Nhữ Trân tinh thông môn thanh vận mà lại dám biến đổi thanh vận cổ, lại nữa đứng trong hàng ngũ học giả, kiến thức uyên bác, giỏi nhiều đứng trong hàng ngũ học giả, kiến thức uyên bác, giỏi nhiều nghề mà lại làm tiểu thuyết lại cứ luận về việc học, nói về các nghề rồi giảng diễn, bàn về kinh, cứ tập này chương nọ không thôi, thành ra học rộng lắm tài mà trở lại có hại.

Kinh hoa lục có một trăm hồi, đại lược kể chuyện Võ hậu trời rét mà muốn chơi hoa, xuống chiếu bảo một trăm hoa đua nở, thần hoa không dám chống lại mệnh vua, phải theo nhưng lại bị trời khiển trách, đẩy xuống dân gian làm hoa, nhưng bị viên quan giữ chức vụ đàn hặc, bảo là có tình cũ với kẻ phản bội là Từ Kinh Nghiệp, nên bị truất mất thắm hoa; Đường Ngao nhân thế cảm khái, cố ý rời bỏ trần tục theo thuyền buôn biển của người em vợ là Lâm Chí đi ngao du trên biển, phiêu bạt đến những nơi xa lạ, có khi gặp lại những người gọi là kỳ nhân, lại thấy nhiều tục kỳ vật lạ, may được ăn cổ tiên, thành ra “vào thánh vượt lên trên phàm” rồi vào núi không trở lại nữa. Con gái là Tiêu Sơn lại theo thuyền đi tìm cha, đi khắp nơi cha đã có đến, trải qua lắm gian nan nguy hiểm nhưng cuối cùng vẫn không gặp; chỉ do một ông tiều trong núi mà được cuốn sách của cha, đề là Khuê thần, hẹn bảo “trung bình hơn các tài nữ” thì sau có thể gặp nhau. Cô đi nữa, thì thấy một nắm mồ hoang, gọi là mồ Hoa gương, đi nữa thì thấy vào trong thôn Thủy Nguyệt, đi nữa thì thấy cái đình Khấp Hồng, ở trong có bia, khắc tên họ một trăm người, đứng đầu là sử quan, đã xét trong u tối, tất cả đều là toàn trinh mà Đường Khuê Thần đứng thứ mười một. Sau danh sách có lời tổng luận có đoạn viết:

Chủ nhân đình Khốc Hồng nói rằng: nói quan sử xét trong u tối lấy làm thương xót cho những kẻ đứng đầu mọi hoa, là nói chủ nhân đã đọc xem hết dã sử, đã từng có thấy, tiếc mai một không có tiếng tiếc thương các hoa đều không được truyền lại, nên ghi chép lấy... Kết luận cho rằng hoa mà thơm lại, hẳn là toàn trinh. Nghĩa là mọi hoa lưu lạc trăm luân, hầu như tiêu diệt không ai nghe nói đến, nay nhờ đây mà thành bất hu, thì không phải như hoa lại thơm lại hay sao? Một trăm người trong số này, không ai không phải cây quỳnh rừng ngọc, bích trợn chân đôi, cho nên nói là toàn trinh (hồi thứ 48).

Khue Thần bắt đắc dĩ phải trở về, gặp Võ Hầu mở khoa thi tài nữ, được dự thi, và cũng trúng tuyển, thứ bậc như trong văn bia. Thế là một trăm người cùng họp ở phủ Tổng Bá, lại yến tiệc mấy ngày liền, đánh đàn, làm thơ, chơi cờ, trao đổi về phép bắn, đá cầu, chơi cò, chơi tửu, luận bàn văn chương, bình sách văn, giảng thơ họ Mao, tận hưởng thú vui thơ rượu.

Giữa cuộc có hai cô gái đến, bảo là mình được xếp tài nữ thứ tư, thực ra là đi gió chi trắng hoá thân, nhưng hiềm vì văn chương chữ nghĩa mà sinh chuyện với nhau, thổi gió lên làm kinh cả buổi họp; sao khôi tinh hiện hình xuống giúp các cô cũng hoá làm đạo cô, đến hòa giải, rồi đọc thơ hay tại chỗ, thơ đều bao hàm thân thế của mọi người, tứ quá khứ đến hiện tại, đến cả tương lai, thỉnh thoảng có xen vào những tiếng bi ai người nghe đều có vẻ ảm đạm, song không để ý tìm hiểu lâu, lại vui cười như lúc đầu. Đến cuối thì văn đàn dấy binh, mưu toan việc khôi phục lại ngôi vua, tài nữ cũng có người ở trong quân, có người chết, và uân họ Võ cuối cùng thua. Thế là vua Trung Tôn lên ngôi lại, vẫn tôn người đàn bà họ Võ làm thái hậu như cũ, và gọi là Võ Tắc Thiên Đại Thánh hoàng Đế. Không bao lâu, Tắc Thiên xuống chiếu, nói năm sau lại mở khoa thi sử như cũ, đồng thời bảo các tài nữ khoa trước lần nữa đến dự tiệc Hoàng Vãn, và thế là cảnh hoa lục chấm hết. Song trở lên chỉ là một nửa của tồn cục, tác giả muốn nói là muốn biết “Toàn cảnh trong gương, hẩn đợi duyên sau” như thế thì chắc là sách tục thêm nữa nhưng cũng vẫn chưa làm.

Lý do tác giả làm sách đã thấy trong đoạn ký về “Đình Khố Hồng” trên, đó là đối với các cô gái, thương số phận bị tiêu mòn chìm đắm, nên mượn lối các bài quan xưa, chép truyện để truyền tiếng thơm về công lao của họ. Trong sách lời bàn luận có quan hệ đến phụ nữ cũng nhiều, cho nên Hồ Trích cho là một bộ tiểu thuyết thảo luận vấn đề phụ nữ, lời giải đáp của vấn đề ấy là nam, nữ nên được đãi ngộ bình đẳng, giáo dục bình đẳng, tuyển cử bình đẳng (nói rõ trong dẫn luận về cuốn sách 44) còn về chế độ xã hội cũng có chỗ bất bình, cho nên nhiều chỗ đặt thành câu hỏi để nói lên tư tưởng của mình, tiếc vì thời thế hạn định nên vẫn còn những điều câu chấp, viển vông, chẳng hạn mối tình giữa kẻ có quyền vị và dân trong nước, rất được tác giả ưa thích khen ngợi, nhưng nhân nhượng mà tranh giành, làm bộ giả dối đã quá lắm, sống trong cảnh đó, thì cũng mệt, chi bằng dùng giọng khôi hài, thì còn được cười và có dịp mở mặt ra được... Vừa chuyện trò vừa đi đã đến chợ, ồn ào bát nháo, chỉ thấy một anh lính lệ mua đồ ở trong đám, tay cầm lấy hàng mà nói: ông anh bán hàng tốt thế này mà lại nói giá rẻ thế, bảo thằng em mua đi, thì coi sao được, mong ông anh nói thêm lên

đi thì thắng em mới tuân lệnh, nếu lại cứ nói quá rẻ thì là ông anh không chịu bán mua, cho hay họ tử tế đấy. Chỉ nghe người bạn đáp: Đã được chiếu cố thì đâu dám không nể nhau.

Nhưng vừa rồi đã càn quấy, đòi giá cao, đã nghe mặt dày mày dạn rồi, không dè ông anh lại bảo hàng cao giá thấp, thế không làm cho em lại thẹn thùng xấu hổ nữa ă? Huống hồ hàng em không phải khi nào cũng bảo là không nói hai giá, nói thế đã có chỗ dối trong đó rồi. Người ta nói: Trời cứ nói giá thách đòi giá cao, tùy đất trả lấy, nay ông anh đã không bớt lại còn bảo thêm lên, ông anh cũng bằng như thế, em chỉ còn cách là mời ông anh lại nhà khác mà mua thôi, em thực khó lòng tuân lệnh ông anh được. Đường Ngao nói với người chung quanh: Tôi cứ nói thách là câu từ trước đến nay người mua thường nói, đến câu không nói hai giá như vậy, là câu nói của người mua, không ngờ nay đều tự người bán nói ra cả, thế mà nghe cũng lý thú. Rồi chỉ nghe anh lính lệ lại nói: Ông anh bán hàng tốt mà đòi giá rẻ, lại nói rằng em công bằng, thế không sợ sai cái đạo trung thứ ă? Đại phạm việc gì cũng cần bên này bên kia không dối nhau, thì mới được người ta chấp nhận. Thử hỏi cái bụng nào không có một cái bàn tính trong đó; em làm sao chịu được cái ngu của người khác? Lỡ qua tiếng lại hồi lâu, người bán hàng cứ giữ ý kiến mình không chịu tăng. Anh lính lệ phát cáu, cứ đếm hàng mà trả tiền, lấy hết một nửa định đi. Người bán lẽ nào chịu cho, cứ bảo giá tiền nhiều, hàng có ít, nín lại không buông. Bên đường đi qua hai ông già, họ làm tình làm tội lấy lẽ công bằng mà cân nhắc rồi quyết định bảo anh lính lệ với số tiền trả, chỉ lấy tám phần mười số hàng anh cầm, thế là mua bán xong rồi hai ông đi... Đường Ngao nói: Xem thế thì cảnh mua bán này giờ, không phải là một bức tranh mua vui họa cảnh nhường nhịn không tranh giành đó sao? Bọn ta còn nghe ngóng gì nữa? Thôi, hấn đi lên phía trước dạo chơi cho thư thái ra và học thêm ít sảng khôn nữa là tốt (Hồi thứ 2: xem phong hóa nhà nhận, đi chơi sông trong nước quân tử).

Lại cái lối trong sách bày la liệt những điển cố xưa, những tài nghệ này khác cũng rậm rì có nhiều khác thường, kể cuộc đi của cha con họ Đường, cuộc tụ họp vui cười của một trăm nữ tài tử đã choán gần bảy phần mười cuốn sách, không đoạn nào không dùng rộng rãi chữ sách cũ (lược

trích sách Tiểu thuyết tòng khảo, chương của Tiểu Trình Phương); nói đến các nghệ chỉ là chuyện một lúc mà cũng có khi suốt vài hồi luôn. Thế mà tác giả rất lấy làm thích mượn cái lối bông đùa của Lâm Chi Dương, mà tự nói về sách mình làm rằng: Cái cuốn sách quên này là ra đời trong đời thái bình của triều vua thánh; nó là của người đọc sách của thiên triều ta làm ra đấy. Người đó là dòng giống của Lão Tử. Sách Lão Tử là sách Đạo đức kinh nói toàn lẽ nguyên hư ảo diệu, có ngầm ngụ ý khuyến thiên, không ngoài cái ý của phong nhân đi nhật hải thơ ngày xưa. Nội dung chép sách Chư Tử Bách Gia, chép người vật hóa chim, thư họa cầm kỳ, thuốc bói tướng số, âm vận toán pháp không gì không đầy đủ. Lại còn chép về các kiểu đèn, các loại câu đố, các cách chơi tử lệnh, cho đến cách đánh song lúc đánh bia đá cầu, chơi cờ chơi đầu hồ cùng cái loại chơi trăm thứ, gì gì cũng làm cho hết buồn ngủ được, cũng khiến cho người ta cười phun cơm ra (hồi thứ 23), nghĩa là sách ấy là cái nơi mấy ngả sông đổ lại, cái hàng sách văn nghệ, song đồng thời nó cũng cùng với sách Vạn Bửu Toàn Thư làm xóm giềng kề nhau, có điều là qua bàn tay khéo léo của tác giả, cắt xén vận dụng, nên tuy có bị xiển cố bó buộc mà vẫn còn cái phong cách dẻo mềm, nay lược dẫn một đoạn sau đây:

... Đa Công Cửu nói: “Anh Lâm hình như đói bụng, may lại gặp ở đây có cái để ăn no”. Nói rồi đi lại cái bụi cỏ biếc, ngắt mấy nhánh cỏ non... Lâm Chi Dương cầm lấy, thấy nó mềm mại như lá hẹ, đằng trong có cái cọng mềm, như ra mấy nụ hoa xanh, tức thì dút vào mồm bất giác gật đầu bảo: Cỏ này có một mùi thơm nhẹ nhàng, hẳn là ăn tốt, xin lỗi Cửu Công nó gọi là gì nhỉ?... Dương ngạc nhiên nói: “Tiểu đệ nghe nói ở núi Thuộc sơn ngoài biển có thứ cỏ xanh, hoa như hoa hẹ gọi là Chúc Dư, ăn khỏi đói, có thể là cây này đây”. Đa Công Cửu gật đầu liên tục. Thế rồi lại nhắm trước mà đi.

Thấy Đường Ngao bồng bẻ bên đường một nhánh cỏ xanh, lá như lá thông, xanh nõn khác thường, trên lá sinh một cái hạt, to bằng hạt cải, gờ lấy cái hạt tay cầm nhánh cỏ nói: “Anh (con cậu) vừa ăn lá Chúc Dư xong, tiểu đệ chỉ có thể đưa thêm cái này thôi”. Nói rồi nuốt quách vào bụng. Song lại nhả cái hạt cải ra trên lòng bàn tay, thổi một thổi, tức từ trong hạt thổi ra một nhánh cỏ xanh như khi nãy, mà cũng giống lá thông dài chừng

một thước, lại thổi một thổi nữa, lại dài ra một thước nữa; thổi luôn ba thổi cộng lại dài cỡ ba thước, đem dặt vào một bên mồm, rồi ăn mất. Lâm Chi Dương mà nói:

- Dưỡng (chồng em gái) ăn cách đó, thì e cỏ xanh ở đây bị dưỡng ăn hết mất. Mà cái hạt cải biến thành cỏ xanh, là thế nào nhỉ?

Đa Cửu Công nói: - Đó là cỏ nhiếp không – đi giữa không – lại có tên là Chuồng trung giới – cải trong lòng bàn tay – nữa. Lấy hạt nó dặt trong lòng bàn tay thổi một thổi thì dài ra một thước, thổi lần nữa lại dài ra thước nữa, đến ba thước thì thôi. Người ta ăn vào thì đứng được giữa không, cho nên gọi là Nhiếp Phong thảo.

Lâm Chi Dương nói: - Nó có tốt như thế, tôi cũng ăn lấy mấy nhánh, sau hai ngày về nhà, giả sử trên buồng có giặc, tôi sẽ lên giữa không mà đuổi nó, như vậy không gọn việc à?

Nói thế rồi đi tìm khắp mọi chỗ một hồi lâu, mà đâu cũng chả có dấu tích. Đa Cửu Công nói:

- Anh Lâm bắt tất phải tìm. Cỏ đó không thổi thì không sinh ra. Ở bên núi này không có ai thổi hơi trông nó? Khi nãy anh Đường không ăn, đại khái là hạt đó do chim chóc mổ ăn, nó có cái hơi hô hấp vào môi rồi xuống đất mà sinh ra, không phải là vật thường thấy đâu, vậy anh biết đâu mà tìm. Anh già này ở các nước ngoài đã nhiều năm, mà nay cũng là lần đầu thấy nó. Nếu không có anh Đường thổi, thì già này vẫn không biết nó là cỏ nhiếp không đâu (Hồi thứ nhất).

Chương 26

TIỂU THUYẾT HIỆP TÀ ĐỜI THANH

Người đời Đường, đi thi đỗ rồi thường có làm buổi dạ du, cuộc đi chơi có cả gái điểm, tập tục lâu ngày thành quen, cho là giải thoại, cho nên những chuyện trong nhà thổ, các văn nhân cũng có khi đem viết thành chuyện. Đến nay mà đang còn thì có *Giáo phường ký* của Thôi Lệnh Khâm và *Bắc lý chí* của Tôn Khải. Từ Minh đến Thanh, tác giả càng đông. Mai Đình Tộ đời Minh làm *Thanh nê liên hoa ký*, Du Hoài đời Thanh làm *Bản kiều tạp ký* là có tiếng hơn cả. Sau đó thì những chuyện phong lưu ở Dương Châu, Ngô Môn, Châu Giang, Thượng Hải đều có người ghi chép lại. Lại tiểu sử các gái điểm cũng dần dần xâm nhập các loại sách chí dị. Song nhìn chung thì chỉ là những chuyện vặt vãnh, không có mạch lạc thứ lớp gì với nhau, chẳng qua là tình cờ múa bút làm chơi, để tiêu khiển tấm tình văn vẻ mà thôi còn như đưa nhân vật trong đám tà hiệp vào làm vai trò chủ chốt của cả cuốn sách, lại sắp xếp thành một chuyện dài hàng chục hồi thì mới có cuốn đầu tiên là cuốn *Phẩm hoa bảo giám*, song lại ghi chép chuyện người làm tuồng trò.

Đời Minh tuy có giáo phường nhưng cấm hạng sĩ đại phu bước chân đến, lại không cho mang theo gái, chỉ chưa nói đến cấm gọi kẻ làm tuồng trò tới mà thôi. Hạng quan to kẻ sĩ có tiếng, để tránh lệnh cấm, thường gọi con hát đến hầu rượu, vào ca múa, nói chuyện vui chơi; kẻ có tiếng về văn chương thì tặng bốc nhau, khen lảo, lắm khi say sưa phát cuồng, cái thói đó nhân thế cứ mỗi ngày một thêm mạnh. Buổi đầu đời Thanh, ngọn lửa

tuồng trò có hơi tàn, rồi sau lại cháy lên rồi dần dần càng thêm bỉ ổi, gọi là “Tuồng cô”, địa vị xã hội và phẩm cách con người ví như gái điếm. Sách *Phẩm hoa bửu giám* khắc in năm Hàm Long 2 (1852), lấy sự tự thuật về đám người tuồng trò ở Bắc Kinh từ đời Càn Long trở đi làm việc chuyên môn; ghi chép thường đưa vào những lời thô bỉ, cho rằng hạng tuồng trò cũng có kẻ tà kẻ chính, làng chơi cũng có người nhà người tục, cho nên phê bày cả cái tốt cái xấu vốn cũng là cái ý khuyên dạy, răn đe, thuyết của họ cùng với các tác giả sách thế tình đời Minh đại khái giống nhau. Còn nói đến phong cách tự sự hành văn thì hình như họ muốn tỏ ra sở trường về lối viết triền miên dai dẳng cốt cho phong nhã; mà sách miêu tả nhi nữ thì xưa nay đã có nhiều rồi, nên họ không có thể thoát ra khỏi khuôn sáo cũ; tuy gọi là thượng phẩm mà nhân vật lý tưởng của tác giả như hạng Mai Tử Ngọc, Đỗ Cầm Ngôn cũng không ngoài kẻ mà tuồng trò gọi là giai nhân, khách làng chơi là tài tử, tình ma chuyện mãnh, chép mãi không ngừng, chỉ có giai nhân không phải gái là sách chưa tả được mà thôi. Đoạn tả tình trạng vai “đào có tiếng” là Đỗ Cầm Ngôn đến nhà Mai Tử Ngọc thăm chàng ốm như sau:

... Nay nói chuyện Cầm Ngôn khi đến nhà họ Mai, lòng nàng mười phần sợ hãi, cứ nghĩ thế nào cũng bị sỉ nhục một phen. Đến khi đã gặp qua bà phu nhân họ Nhan, thấy bà chẳng những không trách mắng gì, ngược lại còn có lòng thương xót nữa, lại bảo nàng vào an ủi Tử Ngọc, đó là điều nàng chưa hề nghĩ đến, nên trong lòng vừa mừng vừa buồn. Có điều không rõ bệnh tình Tử Ngọc nặng nhẹ ra sao, thì an ủi thế nào đây. Chỉ còn cách cứ tuân lệnh phu nhân chịu mặt dạn mày dày đi vào buồng Tử Ngọc, thấy màn che không cuốn, bàn ghế bụi lem, một chiếc giường con gỗ lát mắc chiếc màn sa. Vần nhí vất màn lên, rồi gọi bảo: “Cậu ạ, Cầm Ngôn đến thăm cậu đây”. Tử Ngọc đang còn nằm mơ, trả lời ồm ồm vài tiếng. Cầm Ngôn lại ngồi lên mép giường, thấy Tử Ngọc mặt gầy gò vàng vọt, người tiều tụy đến bất kham; Cầm Ngôn cúi tặn bên gối, gọi một tiếng nho nhỏ, nước mắt trào ra không dứt, nhỏ vào mặt Tử Ngọc. Chỉ thấy Tử Ngọc cười kha kha một tiếng và nói:

Mồng 7 tháng 7 điện Trường sinh

Nửa đêm không người riêng trò chuyện.

Tử Ngọc ngâm xong, lại cười luôn hai tiếng nữa. Cầm Ngôn thấy chàng mê man như thế, mười phần khó nhin, giơ tay lên trên mình chàng hai lần, vì tưởng có phu nhân ngoài đó, không dám gọi to, đổi ra gọi “cậu”⁶. Tử Ngọc đang suy nghĩ trong giấc mơ, đợi đến mùng 7 tháng 7 đến chỗ Tố Lan, vừa nghe Cầm nói, mà có cả ba người, để nói ra hết nỗi lòng, thì đó là điều Tử Ngọc mỗi phút mỗi khắc không quên, cho nên đọc ra hai câu thơ trong thơ Đường trên. Hồn mộng đã say, một lúc khó tỉnh, lại thấy chàng cười to lên một lúc và ngâm:

Ta bảo tuổi vàng răng biếc khó tìm nhau...

Ngâm xong trở mình lại, nằm quay mặt vào phía trong mà ngủ. Cầm Ngôn thấy chàng hôn mê đi đến mức ấy, thì nước mắt lại trào ra nhiều hơn, chỉ ngây người sợ sệt nhìn thôi, không gọi nữa.

(Hồi thứ 29)

Nhân vật trong *Phẩm hoa bầu giám*, đại để có thực, cứ theo họ tên tính nét suy ra thì biết được: Chỉ có hai người Mai và Đỗ là giả thiết ra, chữ Ngọc và chữ Ngôn là ý nói ngụ ngôn, vì lẽ tác giả cho là cao tuyệt rồi, đời không còn ai đủ để ám chỉ nữa. Trong chuyện có Cao Phẩm, thì là để ví với mình, thực ra là chỉ Trần Sam Thư người Thường Châu (Bản nháp tay *Mai hoa truyền ký* của tác giả, tự ký tên là Tỳ Lăng Trần Sum, chữ Thư có lẽ viết lầm thừa ra) hiệu là Thiệu Dật, khoảng giữa Đạo Quang, trọ ở Bắc Kinh vào ra trong cung Cúc bộ cũ, nhân đem những điều thấy nghe được ở đó làm cuốn sách ba mươi hồi song nửa chừng lại bỏ, rồi kinh đô di chơi nhiều nơi, năm Kỷ Dậu (1849), ở Quảng Tây lại về Kinh lại, và bắt đầu làm xong nửa sau, cộng cả là sáu mươi hồi, những kẻ thích bày chuyện đua nhau sao chép truyền bá ra, hơn ba năm sau thì có bản khác (Sách *Mộng hoa tỏa bộ* của Dương Mậu Kiến).

Đến như kết cục lý tưởng của tác giả thì đủ nói ra đầy đủ trong hồi

⁶ Nguyên văn: Thiếu da.

cuối, đó là người danh sĩ với tay đào hát có tiếng gặp nhau trong vườn Cửu Hương, vẽ hình người tuồng trò làm thần hoa, các danh sĩ viết lời tán; các người làm tuồng trò lại chép việc các danh sĩ được trường sinh, hưởng bổng lộc và có chức vị, rồi ai nấy lại có lời tán và tất cả đều đem khắc vào đá, đặt dưới lầu Cửu Hương để cúng bái. Bấy giờ các người làm tuồng trò đã thoát ly khỏi Lê Viên, thế là đáng ghi tên tuổi họ lên trước các danh sĩ, nung chảy trăm cái hoa đất, đốt cháy áo quần của họ đi, khi các đồ này đã ra tro thì “Bỗng luồng gió thơm thổi tất cả lên giữa tầng không, bay bay chấm chấm, ngời ra như một áng mặt trời hồng, giống vô số hoa và bướm mùa liệp, vàng mê giấy say, mùi thơm sực nức càng xoáy càng cao, đến nửa lưng trời, thành muôn điểm sáng như vàng, rồi nháy mắt không thấy nữa”.

Sau *Phẩm Hoa Bửu Giám* lại có *Hoa Nguyệt hân*, mười sáu quyển năm mươi hai hồi, đề là Miên hạc chủ nhân biên thứ, năm Mậu Ngọ Hàm Phong (1858) đề tựa, mà đến giữa đời Quang Tự mới lưu hành. Sách này tuy không tà hiệp tất cả, song với gái điểm cũng có liên quan, ẩn ẩn hiện hiện trong tất cả bộ sách, phối hợp với các danh sĩ, cũng vẫn như kiểu định sẵn của các tiểu thuyết tài tử giai nhân khác. Chuyện đại lược kể Vi Si Châu và Hàn Hà Sinh đều là hạng tài cao học rộng, cùng làm chúc gi với một vị quan to ở Tịnh Châu, hai bên thân nhau hết sức, lại cũng cùng nhau chơi như trong một điệu, ai cũng có gái điểm yêu nấy, của Vi là Thu Hân (vết thu), của Hàn là Thái Thu. Vi phong lưu văn vẻ, hơn cả một thời, nhưng không gặp thời, khốn cùng ở nơi đất khách, Thu Hân tuy lòng mong mỗi nhưng cuối cùng vẫn không lấy được Vi. Thế rồi vợ Vi mất trước, Vi cũng chết luôn, Thu Hân chết theo. Hàn thì làm thượng khách dưới trướng vị quan lớn sớm hơn, tham gia vào những việc cơ mật quan trọng, lại có công dẹp giặc, từ châu cũ được thăng chức cấp sự trung bình khoa, lại lập được chiến công nữa nên thăng luôn và được phong hầu. Thái Thu lấy Hàn đã lâu cũng được phong nhất phẩm phu nhân. Sau khi rút quân về và được phong xong, là “Mở tiệc tung bừng tám ngày, từ đại tướng xuống đến tên lính chạy hiệu, không ai không vui nhộn như chim sẻ”. (Hồi thứ 50). Còn Vi thì chỉ một thân lênh đênh, đỡ áo quan vợ xuống Nam mà thôi. Chuyện sắp đặt cổ cho thăng trầm làm mỗi cảnh trái ngược nhau, hành văn cũng lấy lối dai

đẳng thiên miên làm chủ, chỉ thỉnh thoảng lại đưa những lời thê lương ai oán xen lẫn vào trong, ý muốn trong lúc vui cười, cũng thấy luôn cả cái màu sắc ảm đạm, lại nữa thơ từ, thư tín đầy rẫy trong sách, văn chương tô vẽ đã phiến, tình tiết cảnh trí lại do đó mà thành ra mịt mờ tăm tối. Phù Triệu Luân phê bình nói: Tuy thơ phú có tiếng, nhưng không phải tiểu thuyết nên dàn dựng, giọng lâm ly quá mức, cũng lại từ trong thơ phú mà ra nghe bị ai cảm động mà cũng đẹp dễ bông đùa.... Lời bình tuy có nịnh nhưng cũng trúng chỗ lỗi lầm. Đến đoạn kết thúc kể chiến công của Hạ Sinh bỗng xen chuyện yêu quái vào, thì ra chuyện tình chưa xong đã nghe lời quỷ, làm cho suốt chuyện cứ mãi rậm rì.

... Thái Thu nói: Diêu Ngọc gọi là người ngoài song cửa sổ, Bảo Ngọc gọi là người trong song; chỗ ở của Diêu Ngọc là am Lũng thúy, chỗ ở của Bảo Ngọc là viện Di Hồng.... Trong sách trước tiên nói Diêu Ngọc trong sạch thế nào, Bảo Ngọc thường thương mình cặn đục thế nào. Không thấy rằng tương lai người trong thành đục, đục lại cực thanh. Si Châu thở dài một cái, cao giọng ngâm: “Một sai đủ để muôn đời giận...”.

Rồi nói tiếp: “... Cứ lấy lời Giả Vũ Thôn nói trong sách làm ví dụ: Tiết tức là Thiết, đặt ra giả thiết, Đại tức là đại - thay thế. Đặt ra người ấy thay Bảo Ngọc để tả chàng, cho nên hai chữ Bảo Ngọc. Chữ Bảo ở trên là ghép với chữ thoa, tức là Bảo Thoa. Chữ Ngọc dưới ghép với chữ Đại, tức là Đại Ngọc, Thoa Đại chỉ là Tử Hư, là Ô hữu (Người không có thực, Người đâu có); Không kể làm gì; lại như Diêu Ngọc, thì là tám gương chiếu lại con người Bảo Ngọc, cho nên đặt tên là Diêu. Một thầy sư, mộ cô vãi, ngầm thấy là một người, chị thấy đúng hay không đúng? Thái Thu trả lời... Si Châu lại nói: “Sắc tức là không, không tức là Sắc”. Rồi gõ bàn ngâm to:

“Tiếng bạc đàn ra tiếng tâm hương.

Anh hùng việc đó vẫn xem thường.

Tới nay đều muốn xem không cá.

Chỉ ước hoa trời làm đạo tràng.

Trong khúc hải sen đoán hạt sen.

Đàn anh đứng giữa quế đôi bên.

Bỏ hoa lên ngựa cần gì thế.

Trót đã mười năm bên lửa duyên.

Hạ Châu Sinh không đợi Si Châu ngâm xong, cười khanh khách mà nói: “Thôi được, ta uống rượu thôi.” Nói cười một chập thì trời sáng. Si Châu ăn sáng qua loa, lên xe của Thái Thu ngồi, đi trước. Khoảng trưa, được thư của Hạ Sinh, thư nói:

“Vừa rồi thấy Thu Hấn, nói chuyện thì nước mắt trào ra, đáng thương đến cực điểm. Đệ khuyên giải mãi, bảo cứ lo tính dần đi. Lúc bước ra, có dặn Đệ chuyển lời đến các hạ, mong các hạ nên tỉnh dương. Tấm lòng canh cánh như thế, hẳn là có ý đền đáp tình xưa. Biết rằng tin đó có quan hệ đến ý nghĩ của các hạ nên mạo muội đưa ngay”. Lại đưa trình luôn bốn bài thơ nhỏ, xin họa lại:

Thơ là 4 bài thất tứ tuyệt... Si Châu xem xong, liền y vần họa rằng:

Chuyện hoa bông chốc hóa gay go

Nhụy rửa tim tàn nhánh gãy khô

Tớ muốn vì hoa tìm côi tình

Lại e gió ác chẳng giùm cho.

Lỡ làng ngày tận cảnh chiều tà

Hồ biển hai mươi năm chìm nổi

Ngựa lạc, cánh dương đâu hết cả...

Lúc đem ra viết, lại quay cái đầu trọc lại nói: “Nhà họ Lý ở phố chợ rau sai người lại mời, bảo là cô Lưu Ớm có thể nặng”. Si Châu kinh lạ, lên xe đến viện Thu Tâm ngay. Thu Hấn đầu trùm chiếc khăn sô, ngồi xếp bằng trên giường, bên mình có để vài cuốn sách, mắt đăm đăm như có chuyện gì phải lo nghĩ, thỉnh thoảng thấy Si Châu thì như nín cười, hạ giọng nói: “Tôi nghĩ phải mười mười hôm ông mới đến, song vội gì cho khổ vậy?”. Si Châu

giảng giải mãi: “Họ nói cô ốm rồi, bảo tôi không đến sao chịu được.” Thu Hân than thở: “Hiện tại mới một tiếng là đến, chứ sau rồi rầy ra khó xử đấy!” Sĩ Châu cười mà bảo: “Sau thì lại bàn sau.” Từ đó, Sĩ Châu lại y cũ qua lại luôn. Hôm ấy Sĩ Châu tiếp tục họa cho xong mấy bài thơ, bài cuối có câu:

Thấy được mày ngài cam một chết

Biết ra tri kỷ thuộc nghiêng thành.

Đến nay còn truyền tụng... (Hồi thứ 25)

Tạ Chương Đình người Trường Lạc làm sách *Đổ Kỳ Sơn trang thi tập* có ba bài ngũ tuyệt đề sau sách của Ngụy Tử An làm, một là Thạch Kinh khảo, một là Cai Nam Sơn quán thi thoại và một là Hoa Nguyệt hân (Sách tiểu thuyết khảo chứng của Tường Thụy Tạo 8 dẫn sách Lôi diên bút ký), nhân thế mà biết rằng sách này do Ngụy Tử An làm. Tử An tên là Tư Nhân người Hưu quan, Phúc Kiến, lúc nhỏ đã tự phụ có tiếng hay văn song đến 28 tuổi mới vào quốc học, liền đỗ khoa hương Bính Ngọ (1846) nhưng thi tiến sĩ mấy khoa không đỗ, bèn đi chợ chơi các tỉnh Sơn Tây, Thiểm Tây và Tứ Xuyên, cuối cùng làm viện trưởng thư viện Phù dung Thành đô, nhân có loạn trốn về rồi mất, tuổi 56 (1819 - 1874), sách làm ra đầy nhà, nhưng chỉ có *Hoa Nguyệt hân* lưu hành ở đời. (Sách *Đổ Kỳ Sơn trang văn tập* 5). Tư Nhân lúc trọ ở Sơn Tây, dạy con tri phủ Thái Nguyên là Bảo Miêu Cầm, được tiền khá nhiều, lại nhiều thì giờ rỗi, nhưng khổ vì buồn bã, nên viết tiểu thuyết, lấy Sĩ Châu để nói về mình, họ Bảo tình cờ thấy cả mừng, ra sức giúp cho làm xong, nhờ thế mà thành một pho sách lớn. (Sách *Khóa du tục lục* của Tạ Chương Đình). Song được nhờ vả không phải chỉ có thế, đầu cuốn có Lưu Vũ Phụng truyện, chuyện một ca kỹ ở Thái Nguyên, trong chuyện người ca kỹ có nói: “Đã dốc lòng cho khách giang hồ, thì muốn gửi thân luôn, nhưng vì đòi hỏi cao quá nên nửa đường thì thôi, rồi tức bực, gây mòn mà chết”. Vậy Thu Hân là hình ảnh người ấy mà khách nói là họ Ngụy. Sĩ và Hân lại là hình ảnh của người khách đó, đặt ra hai đường cùng đạt, đều là nói cái cảnh bản thân có thể gặp sau này cùng thì như họ Sĩ, đạt thì phải như họ Hân, cho nên tuy là tự ví với một mình mà cũng tự tách ra làm hai người thật.

Còn như cả sách lấy một người gái điếm làm chủ thì có cuốn *Thanh Lâu mộng* 64 hồi, đề là của người ở núi Mộ Châu đỉnh Triều Phong làm, lời tựa thì nói là của Du Ngâm Hương. Ngâm Hương tự là Đạt, người Trường Châu Giang Tô, thời trung niên cũng có làm dạ du, sau muốn bỏ, song việc đời lôi kéo ràng buộc, lại không vội bỏ được, năm Quang Tự 10 (1884) mắc bệnh phong mà chết. Sách làm ra có những cuốn Túy Hồng hiên bút thoại, Hoa Gian báng, Ngô Trung khảo cổ lục và Nhân âu tập (Sách Tam tá lô bút đàm 4 của Trâu Thao). Cuốn *Thanh Lâu mộng* làm xong năm Quang Tự 4, chuyện đưa một gái điếm đất Ngô Trung làm nhân vật chủ chốt, rồi phát huy cái lý tưởng lớn của nàng là đi chơi trong nước hoa quốc, giúp người đẹp, hái rau cần thơm, thi đỗ cao, ra gánh vác việc nước, đền đáp ân tình, ở trọn nghĩa bạn bè, gần bó tình chồng vợ, nuôi dạy con, hòa thuận với xóm giềng, bỏ thói phồn hoa, tin đạo (Hồi thứ nhất). Những sự vật mô tả không phải thật, xem là đủ biết. Chuyện đại lược nói Kim Ấp Hương, tên tự là Xí Châu, người huyện Trường Châu, phủ Tô Châu, nhỏ đã giỏi làm văn, lớn lên càng thông minh và đẹp, nhưng không lấy vợ, bảo là muốn tìm được người hữu tình. Song, đời đang cuộn cuộn, người ấy là ai, rốt cuộc để một kẻ nhà nho nghèo, ôm tài chẳng gặp, công khanh đại phu không một ai biết đến mình, hóa ra không bằng một gái lầu xanh, còn có những con mắt tình đời, nhận ra kẻ anh hùng khi họ chưa gặp thời (Đề cương của cuốn sách). Vì vậy mà Ấp Hương ngao du trong đám hiệp tà, lại được gái điếm yêu trọng, mặc y chỉ huy như ông vua quay mặt hướng Nam. Ví dụ:

... Ấp Hương cùng với hai người bạn và mười hai người gái điếm đến giữa hiên, ba người ngẩng đi ngẩng lại, thấy trong hiên trang sức, khéo léo khác người. Ngoài hiên thì bông hoa tươi đẹp, cây cỏ có tinh thần. Giữa hiên đã trải chiếu tiệc, Nguyệt Tố đã định sẵn ngôi thứ, ba người ngồi giữa, đám người đẹp cũng theo thứ tự ngồi vào.

Vị thứ nhất là Chữ Ái Phương, chủ nhân quán Uyên Ương, vị thứ hai là Vương Tương Vân người núi Yên Liễu, vị thứ ba là Viên Xảo Vân, tiên sáo sắt, vị thứ tư là Chu Tố Khanh, ái sò nữ sử, vị thứ năm là Lục Lệ Xuân, sứ giả tiếc hoa xuân ngủ dậy sớm, vị thứ sáu là Thám Mai nữ sĩ Trịnh Tố Khanh, vị thứ bảy là Tiên sử tắm hoa Lục Văn Khanh, vị thứ... mười một là

Khanh Mai Tuyết giành nhau có mặt trước Hà Nguyệt Quyên. Vị cuối là chủ nhân lầu Hộ Phương tự mình ngồi vào, hai bên bốn cặp con hầu châm rượu. Đám người đẹp chuyền chén nâng cốc, hết tình gần bó triu mến nhau. Ấp Hương quay lại Tuệ Quỳnh nói: Hôm nay đông và vui nhộn thế này, nên bày ra chơi tửu lệnh, cho khỏi phụ cái buổi tốt lành. Nguyệt Tế nói: Chị nói rất phải, xin ra lệnh ngay đi thôi. Ấp Hương nói: Xin cô chủ ra trước. Nguyệt Tố nói: Lê nào lại thế, thì xin mời chị đấy. Ấp Hương bị không từ chối được, phải lên tiếng nói: Thôi được, tôi có sẵn rồi. Đám người đẹp nói: quan cầm lệnh là phải uống trước rồi ra lệnh mới đúng. Thế là cả hai mươi cô, mỗi người một chén, đưa dâng Ấp Hương uống một hơi hết tốt, rồi mở mồm bảo: Tửu lệnh là hơn cả quân lệnh, ai làm trái phạt uống ba cốc sừng to. Các cô dạ dạ tuân lệnh... (Hồi thứ 5).

Ấp Hương cũng rất có tình, đỡ dần mọi việc, săn sóc người ốm không khi nào tỏ ra chán. Ví dụ:

... Một hôm, Ấp Hương đến gác Lưu Hương, Ái Khanh đang đau bụng, ăn uống không được, Ấp Hương rất lấy làm thương, bỗng nhớ ra ông Thanh Điều có làm cuốn Y môn bản bốn quyển còn có trên giá sách trong phòng khách, trong sách các bài thuốc đau bụng khá nhiều, thế là đi lấy đến, tra đến bài *huang úc tán* thấy hợp nhất, sai người hầu góp các vị, xong thì tự mình trông sắc lấy; lại không đến phòng khách mấy hôm liền, cứ sáng chiều ở lại nơi gác với Ái Khanh và phục vụ nàng. Ái Khanh càng thêm cảm kích, tức khẫu một bài tuyệt cú để cảm ơn Ấp Hương... (Hồi thứ 21).

Sau là được “thi đỗ cao”, rồi lấy năm cô gái điểm, một làm vợ bốn làm cô hầu. Lại để phụng dưỡng bố mẹ thì quyền tiền, ra làm quan ở Dư Hàng, rồi được thăng quan tri phủ, thế là thực hiện điều *Ra gánh vác việc nước*. Sau cả bố mẹ đều cõi hạc lên tiên tại ngay phủ nha, Ấp Hương cũng giác ngộ về đạo, sắp vào núi.

... Trong bụng suy tính: Mình muốn khám phá bụi hồng, không thể nói rõ ra cho bọn họ biết được, mà chỉ có cách để riêng trong bụng, đánh lừa họ, cứ dùng dằng khi đi khi về, để rồi đi luôn là xong. Hôm sau viết ba phong thư gửi cho Bái Lâm, Mộng Tiên và Trọng Anh, thư nào cũng nói

việc chia tay với họ, lại dặn Bái Lâm sớm sớm thay Ngân Mai hoàn thành việc hôn nhân của y đi. Rồi sau mấy hôm nữa, Ấp Hương lại mang theo mấy chục lạng bạc, tự tay đi mua sắm lấy áo đạo dài, áo quần đạo, mũ cỏ, giày mát⁷ đem gửi nhà người ta rồi lại về nhà, lại đến quán Mai Hoa vừa khéo cả năm cô đều có đó, thấy họ không hay biết gì cả, cứ như cũ cười hi hi trong nhà, thì trong bụng nghe ra thế nào với họ ấy. Nhưng suy nghĩ một hồi rồi than thở nói: “Đã giải thoát khỏi lưới nhà, còn bịn rịn luyến tiếc gì nữa!” (Hồi thứ 60).

Thế là đi, thành tiên tại núi Thiên Thai, lại trở về nhà, độ cho vợ, hầu cũng đều thành tiên cả; bấy giờ nhà họ Kim hai đời giữa ban ngày lên trời... (Hồi thứ 61).

... Đứa con thì được tuyển sớm và trước hết, bạn cũ thì do Ấp Hương hấp dẫn lôi cuốn mà đều thành tiên cả; và ba mươi sáu cô gái quen biết trước kia, cô nào cô nấy đều trở về, bởi bọn họ hầu hết là gái tiên trước kia chủ vườn tán hoa, sau mắc tội ty hoa, lại vì có tư tưởng nhớ phạm trần, cho nên bị đẩy xuống cõi bụi, nay duyên trần đã đầy đủ, nên được trở về, rằng đã khác với tiền nhân, mà ảnh hưởng của Hồng Lâu Mộng đối với tiểu thuyết tà hiệp cũng từ đó hết dứt.

Sách Hải Thượng Hoa liệt truyện nay có sáu mươi bốn hồi đề là của người mà “Hoa trên mây cũng thương xót” lắm. Có kẻ bảo người đó là Hàn Tử Vân, người Tùng Giang, cao số, nghiện a phiến, ngụ ở Thượng Hải, đã rất lâu, đã từng làm biên tập viên báo chí, tiền thù lao nhuận bút bao nhiêu đều vung vãi vào những nơi hoa liễu, lịch duyệt sâu nên thông suốt hết mảnh lối các nơi đó (sách Tiểu thuyết khảo chứng 8 dẫn sách Đàm doanh bút ký); song biết thế mà tên thì chưa biết, tự đề là Vân Gian (trong mây) thì là người Hoa Đình. Sách thấy bắt đầu lưu hành năm Quang Tự 18 (1892), cứ bảy ngày in hai hồi, bán khắp các chợ, lưu hành khá rộng. Đại lược lấy Triệu Phác Trai làm nhân vật chính trong cả cuốn truyện, nói Triệu năm 17 tuổi, do đi thăm người cậu là Hồng Thiệu Khanh mà đến Thượng Hải, rồi nhân thể đi chơi lầu xanh, còn nhỏ chưa từng trải, đắm đuối đến

⁷ Lương hài: giày mát, tức xăng-đan - ND.

nổi hết sức khốn đốn bị ông Hồng bắt về nhà, nhưng lại lên trở lại, lại càng khốn khổ thêm, đến nỗi phải làm nghề kéo xe. Đến đó là hồi thứ 28, rồi bỗng không in nữa. Tác giả tuy mặt trước sau không rời Triệu, nhưng sự tích thì cũng chỉ có thế, chỉ một điều là Triệu lại dính đến bọn con buôn ở Tô Giới và bọn thanh niên lông bông nên lại xen vào trong chuyện những việc chạy theo nhau, cùng chung nhau cảnh chìm đắm, cho đến cả chuyện “đầu điểm” từ “nhà chứa” đến “tiệm hút” có đủ hết, đại khái cũng như sách *Nho Lâm Ngoại Sử*, dứt rồi lại nối, chấp lại thành truyện dài. Đến việc chê gái điểm không có tình sâu nghĩa nặng gì thì tuy chê trách không phải chỗ, song ghi chép như thật, tuyệt không cho nên bị đẩy xuống cội bụi, nay duyên trần đã đầy đủ, nên được trở về ban tiên. (Hồi thứ 64).

Chuyện *Hồng lâu mộng* vừa in ra thì những người viết tục thêm cùng những người viết có thay đổi khác đi dấy lên rất đông, ai nấy đều đưa hết trí xảo ra, làm cho câu chuyện về sau có cảnh đoàn viên sum họp, lâu rồi thì dần dà hết hứng, đến cuối đời Đạo Quang thì hạng sách đó mới không ai viết nữa. Song dư ba của nó vẫn còn xa rộng, chỉ một điều là nhà bình thường, số người ít, sự cố này nọ không nhiều, đâu có viết lan tràn ra, thì cũng không thích hợp với ngôi bút viết *Hồng Lâu Mộng*, vì thế lối viết có sự biến đổi, tức là lấy việc thuật chuyện tà hiệp của gái trai tạp nhạp để phát tiết ý nghĩ tình cảm của mình. Như ba cuốn nói trên, tuy ý tứ có cao thấp, lời văn có hay dở khác nhau, song đều là mô tả về tô những tình cảm mềm yếu, phô bày những sự tích phong lưu, về mặt tinh thần thì thực không có gì khác trước. Chỉ có nói chuyện Soa Đại Lâu thì phát chán, nên đổi hướng đi tìm giai nhân trong đám tuồng trò ca xướng, biết vườn Đại quan nhiều thì rồi mở cái trường tình ở Bắc Lý đó thôi. Tuy nhiên, từ khi có Hải Thượng Hoa liệt truyện ra đời thì mới bắt đầu tả nhà thổ, gái điểm thật sự, phơi bày cái gian tà quỷ quyệt của nó ra, bảo đó là hiện thân thuyết pháp cho người đọc “xét tìm cái tông tích rồi trong lòng thông suốt cái ý của sách, thấy trước mắt được. Tây Tử yêu vì thì có thể biết sau lưng bị Dạ Xoa hắt nước bắn, thấy hôm nay tình vợ chồng mật thiết thì có thể đoán chắc năm nào đấy sẽ bị rắn, bò cạp cắn và phun độc cho”. (Hồi thứ nhất).

Như vậy là cái tông chỉ vạch ra lúc đầu, cái nghĩa định rõ tuyệt không

mấy khi thêm thắt vào, cho nên vẫn giữ được cái nguyên tắc đề ra là “về truyền thần, đặt lời tùy việc, tô đậm hay nhạt tùy lúc sao cho như sống thật” (Lời trong hồi thứ 1), chẳng hạn đoạn sau đây thuật lại lúc Phác Trai mới đến Thượng Hải, cùng với Trương Tiểu Thôn đến tiệm hút a phiến... Vương A Nhị thấy Tiểu Thôn thì xoắn xuýt lần la bảo: “Cậu giỏi nha, lừa tở, đúng không? Bảo là đi đâu vài ba tháng, thế mà mãi đến nay, có lẽ hết chỗ rồi mới chịu đến. Thế là vài ba tháng đa? Hai ba năm thì có...”. Tiểu Thôn cứ bối rối cười nịnh mà nói: “Cô đừng giận, để tôi nói mà nghe” rồi ghé miệng vào tai Vương A Nhị, nói gì thăm thẳm. Nói chưa được 4 câu thì A Nhị bỗng nhảy dựng lên, sa mặt xuống bảo: “Cậu sai chết mất thôi. Cậu tưởng đưa cái áo vải ướt cho người khác mặc à, cậu không ở trần được đâu. Đúng không?”. Tiểu Thôn cuống lên nói: “Đừng có thế, để tở nói xong câu chuyện đã rồi hẵng hay”. Vương A Nhị lại bò lại tận bụng Tiểu Thôn mà lắng nghe, rồi cũng lâu bầu thẳm thì nói gì đấy, chỉ thấy Tiểu Thôn nói lại, lại căng miệng ra, Vương A Nhị nheo một mắt lại, một mắt liếc nhìn Phác Trai, tiếp đó Tiểu Thôn lại nói mấy câu nữa. Vương A Nhị hỏi: “Cậu không bằng lòng giá ấy à?”. Tiểu Thôn bảo: “Tở thì cứ giá cũ thôi”. Vương A Nhị khi ấy mới thôi đứng dậy, khêu sáng cây đèn lên, hỏi tên họ Phác Trai là gì, mà lại gọi tăng bóc là quý danh tôn kính? Lại nhìn chàng chi li từ đầu đến chân. Phác Trai quay mặt đi nhìn phía khác, giả vờ xem cái đơn hàng. Lúc ấy một chị đã hơi già, một tay cầm cái siêu nước, một tay nắm hai hộp thuốc phiện... thất thểu bước lên lầu... để hộp thuốc vào cái khay hút, thắp ngọn đèn hút lên, pha ấm chè, xong lại xách siêu xuống lầu đi. Vương A Nhị tựa vào người Tiểu Thôn hơi nường thuốc phiện, thấy Phác Trai cứ một mình ngồi, thì bảo: “Giường chống tử tế, nằm xuống”. Phác Trai không nói được một tiếng, chỉ chống tay nằm xuống trên chiếc giường hút. Khi A Nhị nường xong một mồi, tiêm vào lọ thuốc, trao cho Tiểu Thôn, Tiểu Thôn hút ro ro đến hết... Đến mồi thứ ba, Tiểu Thôn bảo: Không hút nữa. Vương A Nhị quay điếu đi, đưa cho Phác Trai. Phác Trai hút không quen, mới được nửa điếu thì lỗ điếu tịt mất... Vương A Nhị lấy que tiêm soi ra, cầm điếu gơ lên đèn cho Phác Trai. Phác Trai tiện thể bóp tay nằng một bóp, A Nhị giật tay lại, nhằm dùi vế của Phác Trai, ráng hết sức phát cho một phát, mạnh đến nỗi Phác Trai vừa tê, vừa đau lại vừa nghe sung sướng. Phác Trai hút xong, mới đưa mắt

nhìn trộm Tiểu Thôn, thấy Tiểu Thôn mắt nhắm lại, xem bộ mơ mơ màng màng, tựa ngủ mà không ra ngủ, Phác Trai hạ giọng gọi: “Anh Tiểu Thôn”. Gọi hai tiếng liền mà Tiểu Thôn chỉ xua tay không lên tiếng. Vương A Nhị bảo: “Say thuốc đấy, cứ để thế”, Phác Trai thôi không gọi nữa... (Hồi thứ 2).

Đến năm Quang Tự 12 thì hồi thứ 1 đến hồi thứ 16 đều đã ra cả rồi, đến đoạn tự thuật việc Hồng Thiện Thanh tỉnh cờ thấy được Triệu kéo xe, lập tức gửi thư nói cho chị biết. Họ Hồng không biết làm thế nào, chỉ có người con gái tên là Nhị Bửu còn nghĩ ra, cùng với mẹ đi Thượng Hải thăm, tìm được, nhưng rồi cả ba mẹ con lại cứ nán ở lại không vội về. Hồng Thiện Thanh hết sức khuyên bảo về đi cũng không nghe nên thôi và bỏ mặc. Mấy mẹ con lưng vốn hết dần, muốn về cũng không được nữa. Nhị Bửu phải làm gái điếm, tiếng tăm ồn lên. Sau gặp chàng công tử Sử Tam, nói là nhà giàu to, hết sức yêu Nhị Bửu, đón về biệt thự nghỉ mát mùa hè bảo là sẽ cưới làm vợ, hiện tại về Nam Kinh thu xếp qua cho ổn rồi trở lại đón, dặn vậy rồi đi. Nhị Bửu nghe thế thì từ tuyệt không tiếp ai khác nữa, lại vay tiền may sắm áo quần cùng đồ trang sức nhiều, để làm đồ cưới, nhưng công tử Sử Tam thì chờ mãi không thấy đến. Bảo Phác Trai đi Nam Kinh hỏi tin tức thì nghe nói công tử mới cưới vợ, đang đi Dương Châu để đón dâu về. Nhị Bửu nghe tin thì ngất xỉu đi, cứu mới tỉnh lại, nhưng nợ đã đến ba bốn nghìn đồng, không làm nghề cũ lại thì không lấy đâu mà trả, thế là lại phải đón tiếp khách làng chơi, đến khi gặp Ngạc Mộng thì sách dừng lại. Trong lời bạt có nói là sẽ viết tục thêm song rồi không có. Nửa sau sách nói là tả những tập tục phong nhã của hạng thượng lưu Thượng Hải thì mô tả đặc biệt tinh tường nhưng hơi thất thiệt; đến như mô tả cái tình trạng các hạng người khác đua đòi nhau tiêu xài, lừa dối lẫn nhau thì lại không kém gì 30 hồi đầu. Như đoạn sau đây, thuật chuyện công tử Lại thường cô gái ca hát thì rất đúng với cái thời đời thời bấy giờ:

... Văn Quân cải trang ra sân khấu, một tay môn khách xấn đến, hô: Hảo! Không ngờ rồi cứ liên tiếp, người này hô: Hảo!, người kia hô Hảo, ồn đến long trời lở đất, biển động sông nhào.... Chỉ có công tử Lại là ôm bụng cười vang, hết sức đắc ý. Hát được nửa bài, thì bảo tay đương say phát tiền thưởng. Tay này đưa ra một xếp giấy bạc các nước Âu Châu, đặt vào một cái

đĩa, đưa cho công tử Lại xem qua, rồi nhăm trên sân khấu vung một vung, nghe rất một tiếng, rồi cả sân khấu lộn tùng phèo, lung tung như bao nhiêu con đom đóm phấp phới bay; phía dưới sân, cả đám khách châu rìa giúp vui đồng thanh hô lên một tiếng. Văn Quân đoán chắc công tử Lại đã đến lúc muốn mê sùng sục, liền nhanh nhẩu suy nghĩ, và liền nảy ra một kế: cô ở trên sân, cứ để ý chăm chú hát, hát xong lại vào. Cô mỉm cười, vào tiệc.... Bất đồ công tử Lại một tay kéo Văn Quân vào lòng; Văn Quân hoảng sợ đẩy ra và đứng lên giả vờ làm mặt giận, nhưng rồi lại bỏ lại sau vai chàng, vẻ buồn buồn, ghé miệng vào tai nói mấy câu, công tử Lại gật đầu lia lịa bảo: Biết rồi mà... (Hồi thứ 44).

Nhân vật trong sách, cũng nhiều người có thực mà giấu tên tuổi địa chỉ không chứa tên của Triệu Phác Trai. Tương truyền Triệu vốn là bạn thiết cốt của tác giả, thường giúp tác giả tiền, nhưng lâu rồi chán, không chơi với nhau nữa và Hàn làm sách này để nói xấu Phác Trai, in bán đến hồi thứ 28 Phác Trai vội đưa cho một món tiền to, Hàn mới thôi không viết nữa, nhưng sách lưu hành rộng rãi. Thế rồi Phác Trai chết, Hàn lại viết tiếp, làm nghề đổi chác kiếm tiền, đến nỗi phóng bút tả em gái của Phác Trai làm điểm. Ấy tương truyền thế. Nhưng việc Nhị Bửu luân lạc, thực ra là bố cục tác giả đã dự định sẵn rồi, cho nên trong chương đầu, lúc Triệu Phác Trai mới gặp Hồng Thiện Khanh, đã kể việc Thiện Khanh hỏi: Cháu có đứa em gái... đã nhận chè của ai chưa? Còn Phác Trai trả lời thì đã nói: Chưa! Năm nay cũng 15 tuổi rồi đấy. Đoạn văn đó là cái tuyến phụ cho các phần sau. Từ cuối đời Quang Tự đến khoảng đầu đời Tuyên thống, ở Thượng Hải loại tiểu thuyết này ra cũng nhiều, mà cuốn nào cuốn nấy cứ được vài ba hồi lại thôi nửa chừng, đó là do kiếm được tiền đứt lót rồi. Song những tác giả không để ý tìm cách lấy tiền, chỉ muốn phơi bày tội ác của hạng gái điểm mà thôi cũng dấy lên đông, nhưng phần lớn là khéo tìm tòi thêm dẹt, nên viết ra những điều quá đáng, mong làm chấn động kinh khủng tai mắt người ta, rốt cuộc chưa có cuốn nào như cuốn *Hải Thượng hoa Liệt truyện*, bình thường vừa phải mà gần tự nhiên hơn.

Chương 27

TIỂU THUYẾT HIỆP NGHĨA VÀ NHỮNG VỤ ÁN NGHĨA HIỆP⁸ ĐỜI THANH

Từ cuối đời Minh trở đi, người ta gọi *Tam Quốc*, *Thủy Hử*, *Tây Du* và *Kim Bình Mai* là tứ đại kỳ thư, đứng đầu các tiểu thuyết. Đến đời Càn Long nhà Thanh, Hồng Lâu Mộng thịnh hành, cướp mất ngôi thứ của Tam Quốc, mà lại được các văn nhân khen hơn. Còn hạng dân thường thì vẫn thích thú Tam Quốc và Thủy Hử như trước. Thời thế lắm phen thay đổi, lòng người ngày một khác với xưa, lâu rồi cũng hơi chán và dần dần sinh ra những trường phái khác, tuy cũng là bắt nguồn từ vài cuốn sách trước mà ra, nhưng tinh thần thì hoặc là trái ngược hẳn lại, tăng bốc sự dũng hiệp, tán thưởng bọn thổ hào, song lại nhất định không trái với lòng trung nghĩa. Sở dĩ thế, một là vì hạng văn nhân có chỗ ân hận về Hồng Lâu Mộng, đại biểu là chuyện *Nhi Nữ Anh Hùng*, một là do lòng dân không thông lắm về chuyện Thủy Hử, đại biểu là chuyện *Tân Hiệp Ngũ Nghĩa*.

Sách *Nhi Nữ Anh Hùng truyện bình thoại*, bản năm mươi ba hồi nay hỏng nát, còn bốn mươi hồi, đề là Yên Bắc nhân nhân trước (Người nhân ở Yên Bắc làm). Mã Tông Thiên đề tựa có nói: Sách từ tay Văn Khang mà ra, bản thảo viết xong và cho là dứt khoát vào khoảng giữa đời Đạo Quang. Văn Khang, họ Phi Mặc, tên tự là Thiết Tiên người Tương Hồng Kỳ Mãn Châu, cháu thứ của quan đại học sĩ Lặc Cồn. Quyên tiền làm chức lang trung viện

⁸ Nguyên văn là Công á, chúng tôi dịch nghĩa - ND.

lý phiên, rồi ra làm chức quận thú, đề bạt lần thứ hai lên chức quan sát, có tang bố mẹ về làng, hết tang được đặc cách điều làm trú Tạng đại thần - song ốm không đi được và mất ở nhà. Nhà vốn giàu sang đông đúc nhưng con cái không ra gì, nên nửa chừng sa sút rồi đi đến chỗ cùng quần tiêu điều. Văn Khang về già sống hiu quạnh một mình, bút mực thì đang còn nên làm sách này để tiêu khiển. Lên xuống thịnh suy, đều đã trải qua cả, “cho nên về vận đời đổi thay hình người tráo trở, để ý suy nghĩ nhiều” (Văn lời tựa). Vinh hoa đã hết, lòng nặng thương đau, cầm bút ghi lời, tình huống cùng với Tào Tuyết Cần khá giống. Chỉ khác ở chỗ người kia tả thực, coi là chuyện mình, người này là tưởng tượng ra kể chuyện người ta, thêm vào đó, từng trải khác nhau, nên thành tựu cũng khác nhau xa mà thôi. Đầu sách có tựa của quan Giám Nghi Trai, đề năm Giáp Dần Ung Chính, cho là sách cách trí, làm trái lại những sách như Tây Du, nói chuyện “Quái lực loạn thần”, và uốn nắn cho chúng trở nên thẳng ngay đúng đắn; tiếp sau có lời ghi của Đông Hải Ngô Liễu Ông, nói là sách mua được ở chợ Xuân Minh, không biết tác giả là ai, đọc kỹ vài bốn lần, cuối cùng lại phải tìm ở chỗ không có chữ, mới biết là nói đều có vật, nhân đó sửa chữa, bổ sung những điều sai sót, ghi lên trên một vài lời v.v.... Bao nhiêu lời đều là bấy nhiêu điều tác giả đặt để ra, mở đầu chương thì nói: Bộ bình thoại này... lúc đầu đặt tên là *Kim Ngọc lục*, vì chuyện chép lại là một bản án xử ở kinh đô gương mẫu cho sự lương thiện, lại có tên nữa là *Nhật hạ tân thư*. Trong thiên từ ý nghĩ đến lời nói ra, đầu lời văn không hay cũng tẩy rửa bớt chữ tục lời dâm, không trái với cái đúng đắn, vì thế lại có tên nữa là Chính pháp tang ngũ thập tam tham mà không phải là của nhà chùa đặt. Về sau Đông Hải Ngô Liễu Ông sửa chữa lại, đặt là *Nhi Nữ Anh Hùng truyện bình thoại*... (Hồi đầu). Đặt nhiều tên lạ, bay bổng vật vờ thành thói quen, âu cũng vẫn thuộc môn phái Hồng Lâu Mộng.

Bảo là một vụ án ở kinh đô, vì có một hiệp nữ tên là Hà Ngọc Phương, vốn con nhà danh vọng, mà khôn ngoan dũng mãnh tuyệt vời, cha trước đó bị người ta giết hại, nên đưa mẹ tránh vào núi rừng, muốn dò la để trả thù. Kẻ thù là Kỷ Hiến Đường, có công lớn với nước, thế rất mạnh. Ngọc Phương không thể báo thù một cách vội vã, đổi tên họ là Thập Tam Muội,

qua lại các nơi thành thị cũng như nông thôn, để ra vẻ phóng túng khinh đời. Tình cờ ở một nơi gặp một người con hiếu thảo tên là An Kỳ khốn cùng, nguy hiểm, cứu người đó, rồi nhân thế mà biết nhau, sau thân dân. Thế rồi Kỳ Hiến Đường bị triều đình giết, Hà tuy chưa tự tay đâm được kẻ thù song thù cha đã được trả, muốn xuất gia đi tu, song nghe lời người khuyên can, lấy An Kỳ làm chồng. Kỳ thì đã có vợ là Trương Kim Phượng, cũng đã có lần được Ngọc Phương cứu sống, cả hai sống hòa thuận như hai chị em và đều có thai cả. Vì thế mà đặt tên sách là Kim Ngọc Duyên.

Nhân vật trong sách cũng thường lấy người đồng thời làm mẫu, cũng có khi lấy người đời trước, như Kỳ Hiến Đường, Tưởng Thúy Tảo (sách Tiểu thuyết khảo chứng 8) nói: Ý tôi, đặt chữ Kỳ là lấy nghĩa Năm (Niên), chữ Hiến thì sách Khúc lễ nói: “Chó gọi là Canh Hiến”, còn chữ Đường là niên hiệu của Đế Nghiêu, ba chữ hợp lại là Niên Canh Nghiêu.... Sự tích của Kỳ Hiến Đường với những điều chép trong sách chuyện đều khớp với nhau cả. Còn An Kỳ thì là để nói mình, hoặc giả, do cảm khái về con cái mà tả ngược lại. Thập Tam Muội thì chưa rõ thế nào, hoặc hoàn toàn do tác giả đặt ra, vì muốn cho cái khái niệm anh hùng nhi nữ được trọn vẹn, đầy đủ trong một con người và do đó mà đi đến chỗ tính cách con người đó thất thường, lời nói và cử chỉ kỳ lạ, cái nói uồn nấn không thật, lúc nào cũng thế. Chẳng hạn đoạn kể việc An Kỳ lần đầu gặp Hà ở quán trọ, sợ cô ta vào nhà, gọi người vác đá bịt cửa lại, người đông không ai làm được mà Hà vẫn đi được để vào, là một ví dụ:

... Người con gái ấy nói: “Dời cái tảng đá đó cần gì mà xăng xít ồn ào lên đến thế?” Trương Tam tay cầm một cái xà beng, nhìn qua một cái, rồi nói: “Sao lại xăng xít ồn ào. Xem cái đám này, không làm thế hời có thể làm xê xích được nó không. Phải biết cho người ta chứ.” Người con gái đi lại bên tảng đá, nhìn nó một lát... ước chừng không dưới hai trăm bốn mươi, hai trăm năm mươi cân. Nguyên đó là một cái bàn nghiền lương thực, một bên trên mặt lại có một lỗ xoi thông tròn như một con mắt.... Cô ta xắn tay áo lên một xắn... nắm tảng đá vật ngã ra trên mặt đất bằng, rồi đưa tay phải ra quay nó lại một quay, cái iổ như con mắt ấy, thò hai đầu ngón tay vào móc chặt lấy nó, rồi ngẩng lên một cái, là cái bàn nghiền hơn 200 cân đã xách

lên bằng chỉ một bàn tay xòe ra. Xong cô nhìn bọn Trương Tam, Lý Tứ mà bảo: “Hai người bạn anh đừng có đứng không thể, hãy đem đặt trên tảng cao đi cho sạch”. Hai chàng văng cút vãi đá ra, văng dạ một tiếng, rồi liền vội vã lấy tay cào phủi một lần, xong rồi nói: “Được rồi!”. Cô gái ta ngoảnh đầu lại, mặt tròn xuân tươi, nhìn công tử An mà nói: “Này cậu, tảng đá này cậu định đặt ở đâu?” Công tử An xấu hổ, mắt nhìn xuống mũi, mũi nhìn xuống trái tim, mở miệng trả lời nói: “Làm cô khó nhọc, thôi thì đặt vào trong nhà vậy”. Cô gái nghe xong, liền một tay xách tảng đá lên, lon xon đôi chân nhỏ, leo từng bậc thềm, lên đến nơi, tay kia vén bức rèm bằng vải, bước qua cửa vào, nhẹ nhẹ đem tảng đá đặt xuống chân tường phía nam trong nhà. Xong, quay đầu lại, miệng không thở dốc, mặt không đỏ lên, trống ngực không đánh. Đám người rướn cổ ra, gãi đầu gãi tóc dòm vào nhà, không ai không lấy làm kinh lạ. (Hồi thứ 4).

Chuyện kết thúc nói An Kỳ thi đỗ Thám hoa, sau lại do chức tể tửu Quốc tử giám, được đặc cách bổ đi làm tham tán đại thần miền Ô lý nhà tô đài, chưa đi thì lại đổi làm chức học chính, bái tạ vua xong thì liền đi nhận chức, đến nhiệm sở, giải quyết xong mấy vụ án to còn nghi ngờ, tiếng nổi khắp là một vị quan giỏi, cao sang tốt bụng trên đời, không sao kể hết. Vì vậy lại có người làm tục thêm 32 hồi nữa, nhưng vẫn cũng như ý đều đốt vụng, lại cũng chưa xong, bảo là có hai bản tục, tựa đề là bất kể niên nguyệt vô danh thị (Người vô danh, không kể đến năm tháng). Chắc là sách của bọn buôn sách làm ra, vào một khoảng thời gian gần năm Quang Tự 20.

Sách *Tam Hiệp Ngũ Nghĩa* ra năm Quang Tự 5 (1879), nguyên tên là *Trung Liệt Nghĩa Hiệp truyện*, một trăm hai mươi hồi, đầu sách đề là Thách Ngọc Côn thuật, tựa thì nói nguyên là của Vân Trúc chủ nhân cất giữ, do Nhập mê đạo nhân hiệu đính biên soạn, song không biết cả hai là người thế nào. Đại khái loại sách này, tuy cốt kể việc các tay dũng hiệp, ngao du khắp thành thị nông thôn, giúp cho dân lành được yên, trừ bỏ bọn bạo ngược, vì nước mà lập công nhưng thế nào cũng lấy một vị quan to có tiếng làm như cái bản lề, thống lĩnh hết mọi bậc hào hoa anh tuấn. Trong *Tam Hiệp Ngũ Nghĩa* thì vị quan đó là Bao Chủng. Chủng tên tự là Hy Nhân - mong ước làm người có đức nhân, xuất thân là tiến sĩ, làm quan đến

thị lang bộ Lễ, đã qua các chức đãi chế ở các Thiên chương, học sĩ ở các Long Đồ, quyền tri phủ Khai Phong, ở trong triều thì cương nghị, móc nối không đến nơi, người đời ví với vua Diêm La, trong *Tống sử* có chép truyện (316). Còn theo dân gian hay kể thì Bao Chửng làm việc gì cũng đều kỳ quái, lạ lùng, trong tạp kịch người đời Nguyên đã có các chuyện lạ Bao Công, quyết đoán lập Thái hậu, Bao Công xét xử quỷ Ô Bền, người đời Minh thì làm sách ngăn, mười quyển, gọi là vụ án Long Đồ, còn gọi *Bao Công án*, chép chuyện Bao Chửng nhờ tài riêng, hỏi diêm mộng, lời quỷ... mà xét ra những vụ án kỳ lạ, cả thấy 63 chuyện, song lời văn cũng như nội dung quá đốt, chắc là do những kẻ chỉ mới biết mặt chữ thôi làm ra. Sau lại có diễn thành cuốn lớn, vẫn gọi là *Long Đồ Công Án*, thì cấu trúc chuyện có chặt chẽ hơn, đầu đuôi ăn khớp nhau, đó là cái mẫu cho truyện *Tam Hiệp Ngũ Nghĩa*.

Tam Hiệp Ngũ Nghĩa mở đầu là kể việc Tống Chân Tông cuối đời có con, mà cả hai bà phi đều có thai, vua hứa sẽ lập thái tử, người có con được cử làm chính cung. Bà phi họ Lưu bàn cùng với người giám là Quách Hồn bày mưu kín, đợi khi bà họ Lý đẻ, thì đem một con mèo giống cáo lột da rồi mà thay vào, bảo là sinh ra quái vật, còn đứa con thì giao cho cung nhân tên là Khấu Châu thất cổ chết rồi đem vứt xuống nước, Khấu Châu không nỡ lòng, lên đưa cho Trần Lâm đem giấu vào chỗ vua ở, nói là đứa con thứ ba, thế là đứa con này được nuôi lớn. Lưu lại gièm pha cho Lý bị bỏ, nhiều người giám trung thành bị chết. Châu Tông không con, chết rồi thì người con thứ ba của Bát Vương được lập vào nối nghiệp, tức là Nhân Tông. Sách do đó đem kể chuyện Bao Chửng giáng sinh chỉ dùng vụ án làm cái tuyến phục cho phần sau mà thôi. Tiếp đến kể sự tích Bao Chửng cho các quan giám lấy vợ và xử án này khác, thường là chuyện kể về người khác đem chép thêm vào. Cho đến lúc ra làm tri phủ Khai Phong, thì gặp bà phi họ Lý trong dân gian và biết ra cái án cũ “Đưa mèo đổi con”. Bấy giờ Nhân Tông mới biết bà Lý là người mẹ đẻ thật sự của mình, và đón về. Chửng lại lấy những hành vi trung thành, mà cảm hóa hạng hào khách như ba người hiệp sĩ, tức Nam hiệp Triển Chiêu, Bắc hiệp Âu Dương Xuân, song hiệp Đinh Triệu Lan, Đinh Triệu Huệ, cảm hóa đến cả năm con chuột tức chuột Xoi

trời Lư Phương, chuột Thấu đất Hàn Chương, chuột Đục núi Từ Khánh, chuột Lật sông Tương Bình, chuột lòng gấm Bạch Ngọc Đường, tất cả là bọn trộm cướp hiệp khách ngang dọc giữa khoảng sông hồ, cũng có khi đột nhập kinh đô, đùa lấy trộm vật của vua chúa, con người cũng không chế ngự được nổi, nhưng sau cả năm trước sau đều về với triều đình, trung thành qui hàng và nhận chức làm quan hợp lực trừ diệt bọn cường bạo, nhân dân được yên ổn. Sau Tương Dương Vương Triệu Giác mưu đồ làm phản, giấu bản minh thư của phe đảng ở lâu trong triều, năm chuột t. theo quan quân đi tuần phòng, nhìn mặt tra hỏi, tản đi dò la, nhưng Bạch Ngọc Đường lại một mình vội đến lấy trộm, bị rơi vào trận lưới đồng mà chết. Sách đến đó cũng là xong. Những nhân vật trong chuyện mà sử nói đến thì chỉ có vài người là Bao Chửng, Bát Vương mà thôi, cho nên sự việc thì phần lớn cũng không phải là có thực: năm con chuột thì trong Long Đồ Công Ấn và trong Tây Dương Ký của người đời Minh đều có chép cả thực nhưng cũng đều gọi là vật quái, so với năm con làm nghĩa sĩ này không giống gì nhau, việc các tông phiến làm phản thì thực ra đời Nhân Tông chưa hề có, ở đây chỉ là theo việc Thần Hào trước mà thêm thất bóng chiếu, tiếng vang vào mà thôi. Đến như đặt bày câu chuyện cũng mang cái bệnh ấu trĩ yếu ớt, chỉ có mô tả kẻ hào kiệt, người anh hùng ở chỗ đồng quê là đẹp, có thần, ở giữa lại thỉnh thoảng xen vào những đoạn những câu nói về thể thái nhân tình, sự mô tả do đó được nổi hơn, hoặc xen vào giọng khôi hài, như vậy cũng làm cho người dân quê an phận xem, nghe mà nở mày nở mặt. Vừa lúc người ta đã chán chuyện yêu quái, chuyện phẩn son, thì đưa ra chuyện những tay hào hiệp tuy có thô鄙 nhưng phóng khoáng, không hay câu nệ là thấy hay là sách được nổi lên trong các loại tiểu thuyết.

... Mã Hán nói: “Uống rượu là việc nhỏ, chỉ không biết chuột lòng gấm là con người thế nào thôi...” . Triển Da liền đưa chuyện các người ở đảo Hãm Không ra nói, lại đem cả chuyện Chúc Hiện Nhi nói cho mọi người nghe. Thầy Công Tôn ở cạnh đó, nghe rõ ràng cả, nghiêm nghị ra vẻ tỉnh ngộ, nói: “Người ấy đến tìm ông anh, thế là muốn cùng ông anh cũng làm lành lại đấy!” Triển Da nói: “Anh ta với tôi vốn không có thù hằn hiềm khích gì ông anh bảo làm lành gì kia?” Công Tôn Sách nói: “Ông anh, ông

cứ nghĩ xem, bọn họ năm người lấy hiệu là năm con chuột, thế mà ông anh lại tự xưng là Mèo vua, lý nào lại có cái lý mèo mà không bắt chuột? Thế là rõ họ giận ông vì ông xưng hiệu Mèo vua (Hay mèo chống chuột, giữ chuột?) Vì vậy mà biết người kia đều là để làm lành.” Triển Da bảo: “Hiện đệ nói nghe ra giống như có lý, song cái hiệu Mèo vua của tôi là do Thánh thượng ban cho, chứ không phải người anh kém cỏi này có ý xưng mình là mèo, để hòng dối lừa, dọa dẫm bè bạn. Người kia nếu quả vì việc làm lành mà đến, thì người anh kém cỏi này sẽ nghe theo ngay, và từ đây trở đi sẽ không xưng là Mèo Ngự nữa, như vậy chắc là được rồi.” Mọi người còn chưa lên tiếng nói gì, chỉ có Triệu Hổ đang hào hứng đánh chén.... Có kẻ không vừa lòng, bụng cả chén rượu đứng lên nói: “Ông anh, ông từ xưa vốn là đảm lược hơn người, hôm nay sao lại tự hạ mình xuống như thế? Hai chữ Mèo Ngự đó là của Thánh thượng ban cho, sao mà đổi đi được? Nói giả phồng, nếu là chuột đường trắng đường đen gì đấy không đến thì thôi, chứ đến thì tôi đem một bình nước nóng nóng, thả nó vào mà cho uống, cũng khổ được cái hôi hám không lưu thông trong người tôi đi.” Triển Da liền vội vã khoát tay mà nói: “Chú Tư nói nhỏ nhỏ, không nghe nói vách có tai hay sao?” Mới nói đến đó thì nghe “Cách” một tiếng, từ ngoài bay vào một vật gì, không sai không trệch, trúng ngay vào miệng chén rượu Triệu Hổ đang nâng trên tay, nghe xoảng một cái, chén rượu nát vụn ra. Ông Triệu kêu lên và nhảy một nhảy, cả đám người không ai không kinh hãi, chỉ có Triển Da thì đã sớm rời khỏi tiệc che hồ cửa sổ lại, lại quay lại thổi tắt đèn đi, xong thì cởi áo ngoài ra, mọi sự đã đâu vô đấy cả rồi. Ông len lén lấy thanh bảo kiếm cầm trong tay, rồi lại bên cửa sổ mở ra, nghe soạt một tiếng, lại một vật gì đánh vào cánh cửa. Khi ấy Triển Da mới mở thật cửa ra ráng sức nấp mình xuống để lên ra. Nghe một hột gió lạnh tạt vào mặt, lại vù một tiếng thì ra một lưỡi dao, Triển Da giơ kiếm lên chặn, rồi xấn lên đánh, vừa đánh vừa đỡ, vừa rần mắt nhìn kỹ dưới ánh sao, thì thấy ra một con người mặc một cái áo đi đêm màu xanh, chân bước lanh lợi phảng phất giống cái người thấy tụ tập ở nhà người Miêu trước kia, cả hai không nói năng gì, chỉ nghe tiếng dao tiếng kiếm canh cách loạn xạ. Triển Da không ngừng đánh đỡ, không kịp nghỉ tay, thấy dao kẻ kia đánh rất, đường dao lại sành và kỹ, còn Nam hiệp thì cứ len lén găm rau. Ông nghĩ: Cái anh bạn người kia này chắc không

biết đường tiến thoái. Thôi ta tha cho anh ta, không muốn làm anh bị thương. Mà cần gì đuổi hết giết hết? Không lẽ ta mà lại sợ anh ta. Rồi tự nói trong bụng: Song cũng nên làm cho anh ta biết. Nghĩ thế rồi liền cầm kiếm đưa ngang một cái, dọi dao anh ta đến gần, dùng miếng võ Hạc kêu lưng trời, ra sức phát một nhát, nghe một tiếng như tiếng chuông thì dao người kia đã ra hai đoạn, nó không dám tiến lên nữa, chỉ thấy vắng mình một cái, đã lên trên tường nhà, Triệu Da nhảy một nhảy, nó cứ thế bò leo lên... (Hồi thứ 39).

Đang lúc Du Việt trú ngụ ở Ngô Hạ thì Phan Tổ Âm từ Bắc Kinh về, đưa bản ấy cho xem, ban đầu cho là một cuốn sách tục tầm thường thôi, đến khi xem hết rồi thì mới khen là: Sự tích mới lạ, văn viết say sưa phóng túng mô tả tinh vi tế nhị, tô điểm lại đúng lúc đúng nơi, đúng như Liễu Ma Tử nói về chuyện Võ Tòng vào quán ban đầu thì không có người, bỗng gầm lên một tiếng thì nổi không, chỗ không đều coong coong lên tiếng cả, ngồi không vẽ vờ ra mà thần tình hết sức (Lời trong tựa của Du Việt), chỉ ngại chương đầu kể chuyện đưa mèo mà đổi con vua là một chuyện nghe quá đáng, không bình thường, nên soạn ra một hồi khác, căn cứ vào sử chuyện mà đính chính lại chuyện dân gian kể. Lại nói trong sách có Bắc Hiệp, Nam Hiệp với Song Hiệp, như vậy là bốn rồi, không phải là Tam nữa, thêm vào tiểu hiệp Ngải Hồ nữa thì thành năm, và lại yêu đồn Hồ Trí Hóa là thầy của Tiểu Hiệp, còn như Gia Cát nhỏ Trầm Trọng Nguyên thì trong hồi thứ 100 đã khen lấy khen để là từ trong chơi bởi đùa cợt mà sinh ra nghĩa hiệp, thế thì hai người này không phải là hiệp thì là gì? Vì vậy, lại đổi tên là Thất Hiệp Ngũ Nghĩa và năm Kỷ Sửu Quang Tự (1889) đề tựa và in ra bán, thế là bản này cùng với bản ban đầu đều lưu hành cả, ở vùng Giang Chiết thì đặc biệt mạnh.

Cũng năm ấy, tháng 5, ở Bắc Kinh lại có ra cuốn *Tiểu Ngũ Nghĩa*, tháng 10 lại ra thêm cuốn *Tục Tiểu Ngũ Nghĩa*, cả hai đều 120 hồi. Lời tựa bản hai cuốn này cùng với cuốn *Tam Hiệp Ngũ Nghĩa* đều là của Thạch Ngọc Côn, và nay thấy được ở học trò ông ta. Vốn có đến 3000 chương, chia làm ba bộ thượng, trung, hạ, tên gọi chung là *Trung Liệt Hiệp Nghĩa truyện*, đầu tiên không có phân biệt Đại, Tiểu gì cả, chỉ vì trong bộ *Thượng*, *Tam*

Hiệp Ngũ Nghĩa là người làm trước tiên, cho nên gọi là Đại Ngũ Nghĩa, còn trong hai bộ Trung và Hạ thì Ngũ Nghĩa là người sau mà khác hơn đời cho nên gọi là Tiểu Ngũ Nghĩa mà thôi. Tiểu Ngũ Nghĩa tuy là tục bộ Thượng mà lại chỉ bắt đầu khi Bạch Ngọc Đường lấy trộm cái bản minh thư, nên lược bớt một trăm lẻ một hồi của bộ Thượng đi, toàn bộ cuốn sách lấy việc Tương Dương Vương mưu phản các nghĩa hiệp sĩ đua nhau dò la thám thính mưu đồ làm cốt chuyện. Bấy giờ Bạch Ngọc Đường đã bị giết hại trước rồi, tôi cũng đã suy lão, mà lớp sau nối tiếp dấy lên, đều có phong cách của cha anh cả. Con Lư Phương là Trần, con Hàn Chương là Thiên Cầm, con Từ Khánh là Lương, cháu Bạch Ngọc Đường là Vân Sinh, tất cả đều không ngờ mà tập lại nơi quán khách, lại thêm Tiểu Hiệp Ngải Hồ nữa họ kết nhau làm anh em. Mọi người đi đây đi đó, lắm khi cũng trùng trị bọn hào cường, cuối cùng tập hợp lại ở Vô Xương, bàn cùng nhau phá thế trận lưới đồng, chưa phá được thì sách chấm hết. Sách *Tục Tiểu Ngũ Nghĩa* là tiếp tục thuật vụ án trước, lưới đồng bị phá trước, vị vương làm phản phải chạy trốn, các hiệp sĩ vẫn ở lại giữa chốn giang hồ, diệt trừ bọn trộm cướp. Sau Tương Dương Vương bị bắt, Thiên Tử xét công, các nghĩa hiệp sĩ đều được phong thưởng cả, cả bộ chuyện đến đó là xong. Lời tựa tuy có nói là cả hai cuốn đều là bản cũ có sẵn của Thạch Ngọc Côn, song đem so lại với bộ Thượng thì bộ Trung thấy hoang đường thô sơ quá đáng, đến bộ Hạ mới thấy có ý tinh vi tế nhị dần, vì thế mà nghĩ rằng khởi đầu viết ra có thể là một người, còn sau nhuận sắc lại thì do nhiều tay kém giỏi khác nhau, do đó mà bản chính bản tục có khác nhau như nói trên.

Nay nói chuyện Từ Khánh, con người rất tự nhiên, bụng dạ trống rỗng, không hay suy trước nghĩ sau gì, trái ý một tí là mặt khác đi, lời cả cái bản mà giật, nghe xoảng một tiếng là bát chén đều vụn tan. Chung Hùng thì là con người bần mà lại còn chút tính tình đất, anh ta tóm bọn này lại, trở mặt nhìn hiền lành, bày rượu ra mời uống, bảo bọn bay như thế, chả trách ông ta nổi giận. Rồi trở ông Ba nói: “Còn ông thì thế nào?” Ông Ba nói: “Tốt thôi.” Chủ trại nói: “Không tốt thì làm thế nào?” Ông Ba nói: “Thì đánh anh”, chưa nói xong đã dấm một dấm. Thế là Chung Hùng đưa một ngón tay vào dưới sườn ông ta bấm một bấm. “Ái chà! Đau quá!” Ông Ba

liền nằm ra giữa đất. Nào có biết chủ trại họ Chung đã dùng phép thập nhị chi giảng quan, phép đó cũng gọi là phép Bế huyết (đóng máu lại) và tiếng thường thì nói là điểm huyết. Ông Ba trong người thì tỉnh táo, chỉ không cựa quậy được thôi. Chung Hùng giơ chân đá một đá và bảo trời lại. Ông Ba toàn thân nhúc nhích cựa quậy được rồi, lại bảo đem cái dây thừng lớn năm hoa buộc thêm nữa. Triệu Nam Hiệp tự mình bắt tay hai cánh tay ra sau lưng bảo: Các anh cột lại cho tôi. Đám người có kẻ không chịu cột, nhưng không cột cũng không được. Chung Hùng ra lệnh đẩy đến cầu Đan Phượng bêu đầu. Có tiếng người la lên: Đừng chém chết... (Hồi thứ 17 Tiểu Ngũ Nghia).

Nay nói chuyện con yêu dòn Hồ Trí Hóa và cậu Gia Cát nhỏ Trầm Trọng Nguyên bí mật bàn bạc với nhau đưa ra ý kiến riêng của mình, định đi đến phủ Vương lấy trộm bản minh thư (Sách thề)... (Trí Hóa) bò nấp trên chiếc khám treo. Bỗng có ngọn lửa nghìn dặm soi sáng: mặt trời là cái trán vuông... bên trên lại có một cái tráp chữ nhật bằng gỗ cứng, hai bên có thứ vòng vàng thấy vừa ý, thò tay ra lấy hai cái đem đeo vào bụng, thì bỗng nghe một tiếng xoẹt, một lưới liềm kiểu bán nguyệt hạ xuống. Trí Hóa nhắm mắt lại, không dám bò lên đằng trước để trốn, cũng không dám lui về đằng sau để co mình lại, đang thế thì nghe trong xương sống rắc rắc một cái. Trí Hóa nghĩ là lưng đứt đôi ra rồi, từ từ mở mắt ra nhìn xem, song lại không nghe đau đớn gì cả, chỉ có không cựa quậy được thôi. Thưa các ngài, như vậy là do cái duyên cơ làm sao? Ấy là do cái liềm đó bên trong có một, cũng không đến nổi to quá, lại cái lưng ông Trí thì nhỏ, lại phải cắt cái túi bách bửu ra, lại nữa sau lưng ông có đeo một cái đao, mà cái bao bọc đao lại bốn tắc, tất cả những cái đó che chở cho cái xương sống của ông.... Tóm lại là số ông Trí Hóa chưa chết. Có thể quát cho Trầm Trọng Nguyên phách lạc hồn bay đi... (Tục Tiểu Ngũ Nghia, Hồi thứ nhất).

Sách đại, Tiểu Ngũ Nghia ra cả xong, mới thấy sách *Chính Tục Tiểu Ngũ Nghia* in ra lưu hành, có cả thấy 15 quyển, 60 hồi, đằng trước có tựa của Tú Cốc cư sĩ đề năm Nhâm Thìn Quang Tự (1892), sách lấy cuốn Tiểu Ngũ Nghia và bản tục của nó hợp thành một bộ, bỏ các chỗ trùng lặp cùng những chỗ phô bày tràn lan đi, dọn lại thành 13 quyển 52 hồi. Hai quyển 8

hồi cuối thì nói Tương Dương Vương xuýt nữa bị bắt mà lại thoát được, đến núi Hồng La, cất quân đánh lại, sau đó mới thật thua và tan rã, điều này hai sách kia không có, thật là vẽ rắn thêm chân vào. Sách tự sự cũng như hành văn tuy có giản dị, rõ ràng hơn song những lời bóng bẩy, cái ý vị trong các bản trước bỏ bớt quá nhiều nên thần thái có kém đi.

Ngoài Bao Chửng và Nhan Tra Tán ra, việc đem người khác làm chủ chốt cho cả cuốn sách, trước đây đã từng có. Năm Đạo Quang 18 (1838), có sách *Thi công án*, 8 quyển 97 hồi, sách này còn một tên nữa là Bách Đoàn Kỳ Quan. Sách kể chuyện Thi Sĩ Luân thời Khang Hi (Thi Thế Luân thì phải hơn) làm tri châu Thái Chân, sau lên đến chức tào viên tổng đốc, cả văn lẫn ý đều dốt, đại khái như Bao Công Án của người đời Minh viết, song khúc chiết hơn, một vụ án có khi kể đến mấy hồi, lại ngoài việc xử án, lại có gặp sự nguy hiểm, như vậy thì đã là tiên phong của tiểu thuyết hiệp nghĩa rồi. Đến năm Quang Tự 17 (1892) thì có *Bành Công án*, 24 quyển 100 hồi, là sách của Tham Lam đạo nhân làm, thuật chuyện Bành Bằng (Viết Bằng là chim bằng thì đúng hơn⁹), khoảng giữa thời Khang Hi làm tri huyện huyện Tam Hà sau được đề bạt lên tuần vũ Hà Nam, về kinh tra xét vụ án quan trọng là vụ đại đồng, những chuyện kể đó cũng không ngoài chuyện các quan to giả làm người thường, chuyện các tay hào kiệt lấy trộm châu báu hay đồ quý giá gì khác, song đặt câu dùng chữ dốt, kém cỏi, cơ hồ bất thành văn.

Ngoài ra nữa thì loại sách như sách *Tam Hiệp Ngũ Nghĩa* còn rất nhiều, mà lưu hành khắp thì có sách Vĩnh Khánh thắng bình chín mươi bảy hồi, do Trương Quang Thụy người Lê Hà chép lại, diễn thuyết của Cáp Phụ Nguyên, kể việc vua Khang Hi cải trang đi thăm hỏi riêng, đến các vụ án bài trừ tà giáo, dẹp yên nghịch phi, liền sau đó có bản tục một trăm hồi, cũng do Tham Lam đạo nhân làm. Lại có sách *Thánh Triều Đình thịnh vận niên thanh* tám tập, cộng cả thấy là bảy mươi sáu hồi, không có tên người làm. Sách này chép truyện vua Khang Hi đem công việc của vua giao cho Lưu Dung và Trần Hoàn Lê tự mình đi chơi Giang Nam, đến đâu cũng gặp

⁹ Nguyên chú của bộ biên tập.

những việc bọn gian làm khác luật pháp của triều đình, những kẻ anh hiệp hết lòng trung với Hoàng đế. Lại còn các sách Anh hùng đại bát nghĩa, Anh hùng tiểu bát nghĩa, Thất kiếm thập tam hiệp, Thất kiếm thập bát nghĩa, loại ấy còn rất nhiều, nhìn chung đều ra đời khoảng năm 20 đời Quang Tự. Sau đó lại có sách Lưu Công Ấn (Lưu Dung), Lý Công Ấn (Lý Bính Dân) - nhưng Bình Hành thì đúng hơn), và Thi Công Ấn cũng có tục thêm đến mười tập. Bành Công Ấn đến mười bảy tập, Thất Hiệp Ngũ Nghĩa thì đến những hai mươi bốn tập nữa, nghìn chương một kiểu, lời văn nhiều chỗ không thông, thậm chí tính cách một người mà trước sau không giống, chắc là trải qua nhiều tay, làm thành sách xấu, tràn lan không soát lại nên nhiều mâu thuẫn như thế.

Sách *Tam Hiệp Ngũ Nghĩa* với bản tục của nó, dùng tiếng tả vật, có cái khí vị quen thuộc của tiểu thuyết bình thoại trước, sách *Nhi Nữ Anh Hùng* truyện cũng thế, Quách Quảng Thụy viết tựa cho sách *Vĩnh Khánh thắng bình* có nói: “Tôi hồi trước đi ngao du bốn biển, thường thường nghe nhận xét và diễn kể về cuốn sách *Vĩnh Khánh thắng bình*... từ buổi mới đầu quốc triều đến nay, vẫn có việc làm đó lưu truyền lại. Khoảng niên hiệu Hàm Phong có Khương Chấn Danh tiên sinh, thì phê bình đàm luận về người kim cổ và thường diễn thuyết về sách ấy, mà chưa có ai sau khắc lại, để lưu truyền ở đời. Lớn lên tôi lại nghe Cáp Phụ Nguyên tiên sinh diễn thuyết. Tôi thuộc lòng và nhớ, nay nhân nhân rồi đem chép thành bốn quyển”.... Tựa của sách *Tiểu ngũ nghĩa* cũng bảo rằng sách này cùng với *Tam hiệp ngũ nghĩa* đều là nguyên bản của Thạch Ngọc Côn, hẳn cũng là người thuyết thoại thời Hàm Phong, cùng với Khương Chấn Danh mỗi người chuyên kể một loại chuyện. Văn Khung quen nghe kể chuyện, bất chước lối nói đó, vì vậy mà *Nhi Nữ Anh Hùng* truyện đặc biệt mang cái phong cách diễn thuyết. Thế là loại tiểu thuyết hiệp nghĩa đời Thanh chính là tiếp lấy cái mạch chính của thoại bản đời Tống và nền văn học bình dân sau hơn bảy trăm năm, bấy giờ lại trỗi dậy, chỉ một điều là về sau chỉ có những tác phẩm mô phỏng và những bản tục vào sau sách cũ mà thôi, những tác phẩm ấy lại hay quá đáng, không tốt đẹp, con đường học do đó lại suy tàn lại như cũ.

Đến đời Thanh, bọn lưu khấu đã dẹp xong, dân di tản chưa quên vua cũ, họ dần dần nhớ lại những kẻ anh hùng nơi chằm cỏ đã vì nhà Minh mà ra sức, cho nên Trần Thắm làm *Hậu Thủy Hử truyện* thì để Lý Tuấn bỏ nước mà sang làm vua nước Tiêm La (thấy trong chương 15). Trải qua đời Khang Hi đến đời Càn Long, hơn một trăm ba mươi năm, uy lực đã rộng khắp, nhân dân khiếp sợ phục tùng thì hạng sĩ nhân cũng không hai lòng nữa, cho nên thời Đạo Quang, Du Vạn Xuân kết thúc *Thủy Hử truyện* thì để 108 người không có lấy một người may mắn được khỏi chết (cũng thấy trong chương 15). Song kết thúc như vậy là theo kiến giải của bọn quan lại tay sai mà thôi. Còn chuyện Tam Hiệp Ngũ Nghĩa cốt tả tâm trạng của người dân ở thành thị và nông thôn thì hình như đang còn hơi hướng Thủy Hử, dầu chỉ là bề ngoài mà không phải từ trong tinh thần. Thời gian cách nhà Minh mất đã xa, đất kể chuyện sách lại là Bắc Kinh, cho nên đầu tiên thường kể chuyện dẹp nổi loạn, dân xiêu bạt lại có dịp tòng quân, được công danh địa vị, trở về lại với xóm làng, như vậy cũng rất làm cho người dân quê hâm mộ, khen ngợi, cho nên anh hùng trong tiểu thuyết nghĩa hiệp, ở trong làng xóm thì luôn hết sức hào cường thô bỉ, đầy rẫy các thói lực lâm, rồi thế nào cũng làm như một tên lính lệ cho một tay quan liêu to, lấy việc chạy vạy hầu hạ làm sang, đó chắc cũng không phải phục tùng thật sự và vui lòng mà là đang lúc được làm tội tở, thấy vui rồi không phân biệt được đó thôi. Nhưng thời ấy đối với hạng sách ấy, thì cho là: người lành ắt được phúc, người ác rút cục đều gặp họa, kẻ tà nhất định gặp tai ương, kẻ chính cuối cùng đều được che chở và gặp lành, lẽ báo ứng là phân minh, rõ ràng mà không hề sai sẩy, vì vậy người đọc có cái vui được đập bàn khen thưởng mà không có cái lúc bỏ sách than dài... (Lời trong tựa sách Tam hiệp ngũ nghĩa và sách Vĩnh Khánh thắng bình).

Thời ấy, lực lượng người Âu đã xâm nhập Trung Quốc rồi.

Chương 28

TIỂU THUYẾT KHIỂN TRÁCH CUỐI ĐỜI THANH

Sau năm Canh Tý Quang Tự (1900), thì tiểu thuyết khiển trách ra đời đặc biệt nhiều. Ấy là vì từ đời Gia Khánh trở đi tuy nhiều phen dẹp yên được nội loạn (Bạch Liên giáo, Thái Bình Thiên Quốc, Nãi, Hồi) nhưng cũng nhiều phen bị giặc ngoài làm nhục (Anh, Pháp, Nhật). Dân đen mờ ám không hiểu biết gì, còn ngồi nhấm trà nghe kể võ công dẹp loạn, kẻ có hiểu biết thì đã mạnh mẽ vùng lên nghĩ việc cải cách, dựa vào lòng căm thù giặc, hô hào duy tân và yêu nước mà đối với vấn đề giàu mạnh lại càng lưu ý hơn. Chánh biến Mậu Tuất không thành, hai năm sau, tức năm Canh Tý, thì có vụ Nghĩa Hòa đoàn, mọi người biết ra rằng chính phủ không đủ sức để cùng lo việc nước rồi liền có ý đả kích. Trong tiểu thuyết thì hoặc vạch rõ, hoặc nói úp mở kín đáo để làm cho người ta thấy rõ mọi tội ác của chính phủ, vấn đề chính trị trước mắt, còn phê bình đả kích nghiêm khắc hơn, có khi mở rộng đả kích đến cả phong tục. Tuy chủ ý là cứu nước, cứu đời, giống như cùng một mục đích với tiểu thuyết phúng thích, song lời văn, hơi văn xộp nổi lộ liễu, nói rất thẳng thừng, thậm chí nhiều khi còn nói quá đi để cho hợp với sự thèm muốn của người bấy giờ, cho nên độ lượng và kỹ thuật hai bên cách nhau quá xa và đây gọi riêng là tiểu thuyết khiển trách, tác giả loại tiểu thuyết này thì có đình trưởng Nam đình và Sơn Nhân Ngũ phạt sơn là có tiếng hơn cả.

Đình trưởng Nam đình là *Lý Bảo Gia*, tự là *Bá Nguyên*, người ở Vũ Tiểu Giang Tô, hồi còn trẻ đã giỏi văn kinh nghĩa và thơ phú, thi vào trường học là số một, nhưng sau thi mãi không đỗ, bèn đến Thượng Hải làm báo *Chỉ Nam*, rồi thôi và làm riêng tờ báo *Du Hí*, viết lối văn bông đùa chửi mắng. Sau lại đổi ra tên là báo *Phê* và bán đi cho nhà buôn và làm riêng tờ *Thượng Hải phồn hoa báo*, nói về cách ăn ở, sinh sống của hạng làm nghề tuồng trò ca hát và hạng gái điếm, báo cũng đăng thơ từ và tiểu thuyết và đặc biệt phát đạt. Và Sách làm ra thì có *Canh Tý quốc biến* đàn từ đến mấy quyển, *Hải Thiên Hồng Tuyết ký* 6 bản, *Lý Liên Anh* 1 bản, *Phồn hoa mộng* và *Hoạt địa ngục*, cả hai đều đến mấy bản, lại có *Văn minh tiểu sử* chuyện bài xích những tệ nạn đương thời, sách này có trích in vào trong sách *Tứ tượng tiểu thuyết* và rất có tiếng. Bấy giờ là chính năm Canh Tý, chính lệnh lung tung, cả nước thất vọng, ai cũng muốn lần tìm cho ra cái nguyên do của tai họa và trách mắng kẻ có tội cho sướng. Bửu Gia cũng đáp ứng điều các nhà buôn giao nhờ, soạn ra cuốn *Quan Trường hiện hình ký*, định làm mười tập, mỗi tập mười hai hồi, từ năm Quang Tự 27 đến 29 viết thành ba tập, hai năm sau đó thì viết thành hai tập, nhưng tháng 3 năm 32 thì *mất do bệnh lao phổi, tuổi 40* (1867 - 1906), sách không làm xong, *không có con*, Tôn Cúc Tiên đứng ra lo liệu việc tang ma, đền ơn báo *Phồn hoa* trước đã khen thưởng mình. Bửu Gia còn được người ta tiến cử đi dự thi khoa thi đặc biệt về kinh tế, mà không đi, thời đó người ta cho là cao thượng, lại có tài khắc chữ triện làm con dấu, có làm sách *Vu hương ấn phả* lưu hành ở đời (thấy trong sách *Tân am bút ký* 3 của Chu Quế Sanh, sách *Độc thư tạp ký* của Cố Hiệt Cương và trong thư của Lý Tổ Kiệt gửi Hồ Thích).

Sách *Quan Trường hiện hình ký* đã làm xong có sáu mươi hồi là nửa bộ trước, tập 3 lúc mới in (1903) có lời tựa của bản thân tác giả, đại lược nói: Cũng thường được thấy qua ngoài việc đưa rước ra, thì không có thành tích việc công gì cả, ngoài tài cung phụng phô trương ra thì không có tài năng gì, nhịn đói, nhịn khát, xông pha mưa nắng, đi cúng tế, lễ lạy gì thì cũng tảng sáng đã đến, đi bắt báo tìm gặp ai thì xế bóng mới về, rút cục không biết vì việc gì mà đến, cũng chẳng biết vì sao mà ra về. Gặp năm mất mùa,

có phát chẩn, thì được viện cái lệ cứu trợ, đợi việc trên khen thưởng khuyến khích rồi người đời gọi là quan, cứ mặt trời lên là ra đi, chưa biết ngày nào là thôi. Hễ khi triều đình có nói đến việc sa thải thì dưới trên che chở, đều như tình cũ với nhau, hơn nữa muốn tay những kẻ luồn lọt bươm đưa, nói ý mình định riêng ra với kẻ tay chân, nhận quà cáp mà cảm thông vui vẻ cả, rồi nhân hối lộ mà được buông tha, trên không nói đến nữa: đó là muốn trừ bỏ cái tệ đi mà ngược lại là sinh ra cái tệ làm cho thêm tệ vậy.... Ấy vì thế mà các quan vợ vét, dân đen khốn cùng, dân không nói, quan lại thêm hăng. Đình trưởng Nam đình tôi có cái hài hước của Đông Phương, cái hoạt kê của Thuần Vu, lại biết rõ cái thói thường nhỏ nhen hèn mạt, cái tên chỉ dui diếc hồ đồ của quan nhờ sự ấp ủ hàm súc mà giữ lấy được lòng trung hậu, đem niềm say sưa suốt suốt mà nói ra hết những điều ẩn vị... cùng năm tận tháng, dùng hết tâm tư, đưa hết lòng chân thành, viết xong một cuốn sách, đặt tên là *Quan Trường hiện hình ký*.... Phàm những điều vua Thần Vũ không đúc vào vạc được, những cái mà Ôn Kiến không xoi được với chiếc sừng tê, sách tôi đều ghi chép đầy đủ hết. Tự thuật toàn là việc đoán ý để a dua theo, việc xu nịnh để được thăng quan tiến chức, việc ám muội hỗn độn, việc thù ghét bới móc, việc lấn áp lật đổ nhau, cho đến việc lớp sĩ nhân vì sao mà sốt ruột muốn ra làm quan, các ẩn tình của quan lại trong chỗ buông thả. Mạnh mỗi đã rồi ren, kếp đào lại đóng đảo, sự việc thì bắt đầu kể của một người, và cũng hết với con người đó chuyện như dứt như nối, cũng na ná như trong Nho lâm ngoại sử. Song ức thuyết nhiều hơn, khó cho là thực lục, không có cái hàm súc ấp ủ như tác giả tự cho trong lời tựa, thật không đủ để mong có được cái hương thừa của một Văn Mộc lão nhân. Huống chi những điều sưu tầm được lại cũng chỉ là những chuyện người ta kể lại, rồi đem chấp nhặt làm thành như một bản loại thư, cái tài giỏi, cái mảnh khỏe của quan trường, vốn là đại đồng tiểu dị, đem sắp lại thành một cuốn to, thì nghìn chương như một. Chỉ do thời thế đòi hỏi, nên thấy có thì lấy làm khoái, cho nên *Quan Trường hiện hình ký* chóng được nổi tiếng, mà những sách bắt chước dùng cái tiếng hiện hình mô tả việc khác như thương giới hiện hình, học giới hiện hình, nữ giới hiện hình, cũng đều nổi gót ra đời. Nay trích chép ra đây hơn tám trăm lời trong tác phẩm của Nam đình trưởng để làm ví dụ và cũng là để cung cấp một khái niệm về các tác

gia khác:... Nay nói chuyện cậu ấm Giả Đại... Nháy mắt đã đến kỳ đi bệ kiến. Ngày đầu đến bệ để diễn tập lễ nghi, mọi chi tiết đều theo đúng như sách số đã ghi chú, không cần kể lại tỉ mỉ nữa. Hôm đó, cậu Giả thức dậy lúc nửa đêm, ngồi xe vào thành... Đợi suốt đến tám giờ mới có một ông quan coi việc dẫn người đi ra mắt đến dẫn mình đi, đến không biết một ngôi điện gì, ông quan huất tay áo một huất, một ban mấy con người ở dưới thềm rạp quỳ xuống. Cách bên trên ước chừng hai mươi trượng, hiểu ra rằng ngôi trên đó là Đức Kim Thượng rồi... Ban đó gọi là đạo ban, đồng thời là những nhân viên bảo vệ thấy được... Hôm trước đã có chỉ xuống, bảo chuẩn bị, để hôm sau có buổi triệu vào ra mắt... Cậu Giả tuy là con nhà thế gia, song phen này là lần đầu tiên được thấy Hoàng Thượng, tuy đã có hỏi một số người, nhờ họ chỉ vẽ mà rút cuộc cũng cứ không yên tâm. Nay đến ngày dẫn kiến thực sự, thì trước hết là đến yết kiến ông Hoa Trung Đường. Hoa Trung Đường là người đã nhận một số đồ cổ của Giả Đại, đáng giá một vạn bạc, thấy mặt Giả thì hỏi chuyện nọ chuyện kia, nghe ra rất thân thiết. Sau Giả Đại mới thỉnh giáo, nói: Ngày mai triều kiến, bố cháu hiện là chức Án sát, cháu thấy Hoàng Thượng thì phải lạy rạp đầu sát đất hay không phải rạp đầu sát đất? Hoa Trung Đường không thấy mấy câu trước, chỉ nghe hai tiếng rạp đầu thôi, và trả lời lia lịa: Rạp đầu nhiều, nói chuyện ít, đó là cái bí quyết làm quan. Giả Đại lòng bối rối thưa: Cháu hỏi là hỏi nếu Hoàng Thượng hỏi đến bố cháu thì rạp đầu đã đành, còn không hỏi thì có nên rạp đầu không? Hoa Trung Đường trả lời: Nếu Kim Thượng không hỏi thì vạn lần không nên quên mà không rạp đầu. Không nên chỉ lạy thôi, mà nên lại rạp đầu nhiều vào, và không nên phân biệt ra hai cách làm gì. Nói đi nói lại một buổi, Giả Đại càng mơ hồ thêm, muốn hỏi lại nữa nhưng Trung Đường đã đứng dậy tổng tiễn khách ra. Giả Đại chỉ còn cách ra về, bụng nghĩ Hoa Trung Đường lắm việc, không tiện cảm phiền ông ta nhiều hơn, chỉ bằng đi tìm gặp quan đại quan cơ họ Hoàng... may ra ông ta chịu chỉ bảo cho một hai điều. Ai ngờ gặp mặt, cậu vừa nói xong, quan Hoàng đã hỏi đón trước: "Cậu đã gặp quan ngài Trung Đường chưa. Ngài bảo thế nào?" Giả Đại kể lại đầu đuôi hết, quan Hoàng nói: "Ngài Hoa từng trải nhiều, ngài bảo lạy nhiều nói ít, ý kiến của một bậc lão thành là không sai một tý nào..." Giả Đại không nói gì được nữa, chỉ còn cách đi tìm quan quân cơ họ Từ. Quan lớn

Từ này, tuổi đã cao, hai tai nghễnh ngãng, có khi nghe được vài câu cho nên ngài giả vờ không biết luôn. Ngài thường ngày để tâm nghiên cứu khoa dưỡng tâm, có thu hoạch được hai phép: một phép là chẳng động lòng, một phép là chẳng để lòng... sau rồi cái bí quyết đó cũng bị bạn đồng nghiệp là Quan Trung Đô dò ra, và người ta đặt cho ông một cái biệt hiệu, gọi ông là trúng thủy tinh... Hôm đó Giả Đại đến xin ngài chỉ giáo, sau mấy câu hàn huyên, cậu đưa vấn đề ra. Quan lớn Từ nói: “Xưa nay lạy rập đầu nhiều vốn là tốt nhất. Song không rập đầu cũng được. Cậu cứ xem khi nào nên rập đầu thì cậu rập đầu, khi nào không nên rập đầu thì cậu đừng rập đầu, thế là hay tuyệt.” Cậu Giả lại đem những chuyện hai ngài Hoa, Hoàng nói mà kể lại, thì ngài Từ bảo: “Những điều hai ngài nói đều không sai, cậu cứ theo thế, nhìn công việc mà làm là thỏa đáng hơn cả.” Nói chuyện mất một buổi mà vẫn như cũ, không tìm ra được mảy may đạo lý nào chỉ rồi thêm một nắc nứa thì có. Mãi sau, cậu đến tìm gặp một vị quân cơ nhỏ, lại là bạn của nhà cậu, mới biết rõ nghi lễ phải thế nào. Hôm sau là ngày triệu kiến, đến nơi thì quả nhiên nghi lễ không sai sót chút nào... (Hồi thứ 26).

Còn Sơn nhân ở Ngã Phật sơn thì chính là Ngô Ốc Nghiêu tên tự là Xuy Nhân, sau đổi ra *Nghiếu nhân*, người Nam Hải, Quảng Đông, ở trấn Phật sơn nên xưng là Ngã Phật sơn nhân, ngoài hai mươi tuổi thì đến Thượng Hải, thường viết bài cho các tờ nhật báo, bài đều ngắn, tiểu phẩm cả. Năm Quang Tự 28, mới được Lương Khải Siêu in cho bản Tân tiểu thuyết ở Hoàn Tồn Nhật Bản, mỗi tháng ra một quyển, năm sau (1903) Ốc Nghiêu mới bắt đầu học viết chương dài, viết xong là gửi đi, trước sau có vài ba loại, gọi là Biện thuật kỳ đàn, là Cửu mạng kỳ san (Mỗi kỳ chín mạng), là *Nhị thập niên mục đồ chi quái hiện trạng* (Hiện trạng quái gỡ mắt thấy hai chục năm nay); từ đó tiếng ngày một nổi, mà cuối chuyện càng được người ta khen. Sau lên Sơn Đông đi Nhật Bản, ở đâu cũng không được đặc ý, rút cuộc lại trở về ở Thượng Hải. Trong 32 năm, làm chủ bút tờ Nguyệt nguyệt tiểu thuyết, soạn sách *Kiếp dư hội* (Tro tàn một kiếp), sách Pháp tài bí quyết, sách Thượng Hải du tham lục, lại có làm *Tân Thạch đầu ký* cho báo Chỉ Nam. Có một năm, lại chủ trì trường tiểu học Quảng Chí, tận lực cho việc trường, nên viết không được nhiều. Năm đầu Tuyên Thống mới viết

xong cuốn *Cận thập niên chi hiện trạng* (Hiện trạng mười năm nay) hai mươi hồi, tháng 9 năm Tuyên Thống 2 thì mất thình lình, thọ 45 tuổi (1866 - 1910); ngoài ra còn có hai tập truyện Hận Hải (Biển giận), Hồ Bảo Ngọc, trước đều in riêng, lại có nghe theo các nhà buôn nhỏ, lấy ba trăm lượng bạc làm cuốn *Hoàn ngã linh hồn ký* (Trả lại linh hồn cho ta), và rao hàng thuốc cho họ, nên có thời gian bị người ta bàn tán chê cười mà sách cũng không lưu hành được (Thấy trong Tận An bút ký 3, trong lời tự sự của sách Hiện trạng mười năm, và trong bản lời tựa của Ưông Duy Phủ đề cuốn Ngã Phật sơn nhân bút ký). Văn tiểu phẩm không phải là sở trường của Ốc Nghiêu, sau do có tiếng lớn mà cũng có người góp nhặt lại làm thành các sách Nghiêu triều bút ký. Nhiều nhân thập tam chương, Ngã Phật sơn nhân hoạt kê đàm, Ngã Phật sơn nhân thập ký tiểu thuyết.

Bản *Nhị thập niên mục đồ chi quái hiện trạng* (Hiện trạng quái dị mất thấy trong hai mươi năm) in chung trong Tân tiểu thuyết, sau cũng cùng với Tân tiểu thuyết đình chỉ. Năm Quang Tự 33 có bản in riêng một mình, từ Giáp đến Đinh bốn quyển, năm đầu Tuyên Thống lại ra bốn quyển nữa từ Mậu đến Tân cộng cả có một trăm lẻ tám hồi. Cả bộ sách lấy tên hiệu tự đặt Chín chết một sống lại, sợi dây xuyên suốt bộ, ghi chép lại những sự vật, sự việc trong khoảng đất trời, ai nghe thấy cũng phải kinh hãi mà bản thân gặp, thấy, nghe rồi chấp nhặt thành một cuốn sách, bắt đầu từ lúc tuổi nhỏ, đến cuối thì vẫn chưa kết thúc, tập hợp lộn xộn những mẩu chuyện giống chuyện trong sách Quan Trường hiện hình ký, có điều tác giả từng trải có nhiều hơn, cho nên những điều tự thuật cũng có phong phú hơn, từ quan, đến học trò, người buôn, đều có mặt trong sách hết. Ngoài cách tìm kiếm trong truyền thuyết đương thời, còn xuất tiền mua đặt các sách truyện cũ như loại sách Chung cừu tróc quỷ truyện để viết thành chuyện mới, tự nói rằng sống ở đời trong hai mươi năm, quay đầu nghĩ lại thì những cái bản thân gặp, tự mất thấy chỉ có bốn loại: loại thứ nhất là rắn, sâu, chuột, kiến; loại thứ hai là lang sói, hổ báo; loại thứ ba là những con quỷ li, vị, vông, lượng (Hồi thứ nhất). Vậy là cả bộ sách tự thuật, có thể biết là không ngoài lời nói việc làm của loại nhân vật như thế. Tương truyền Ngô Ốc Nghiêu người cương nghị, không muốn thua kém ai, vì vậy mà cay cú

một đời, không có duyên tri ngộ, nói ra toàn giọng cảm khái bi thương. Tiếc rằng ông miêu tả quá phô trương, có chỗ lại tràn đầy ác ý, nói trái sự thật, thì sức cảm liền nhỏ đi, mà rút cuộc cả pho sách toàn là những mẩu chuyện chỉ đủ để cung cấp tư liệu cho những kẻ nhân tàn để đàm đạo vui cười mà thôi, nhưng đoạn tự thuật một kẻ ở cùng nhà tại Bắc Kinh tên là Phù Di Hiền ngược đãi ông của nó sau đây:

... Đêm đã khuya, mọi người đã yên nghỉ hết. Tôi nằm mơ mơ, nghe có tiếng ồn ào từ phòng bên phía đông vắng lại... ồn một chập, lại im đi một chập, im đi một chập, lại ồn lên một chập; tuy nghe không ra là chuyện gì, mà nói theo tiếng nhà Phật, cái căn tại của mình không được thanh tĩnh, ngủ không yên giấc... cứ mãi đến khi đồng hồ báo thức báo 3 giờ rồi, mới thiêm thiếp ngủ đi. Ngủ thảng một giấc tỉnh dậy thì chuông đã đánh 9 giờ xong rồi. Tôi vội vàng dậy, bận áo quần xong, chạy ra phòng khách, thì thấy Ngô Lạng Thần, Lý Tại Tư và hai người học trò, một người đầu bếp, hai người sai vặt vây thành một vòng đang bàn nói riêng gì xem ra tha thiết lắm. Tôi vội hỏi là chuyện gì... Lạng Thần vừa mở mồm định nói thì Tại Tư bảo: “Để cho Vương Tam nói thôi, khỏi làm chúng ta nói uống lời.” Anh đưa ở sai vặt Vương Tam liền kể: “Là việc nhà ông Phù ở bên phòng phía đông đấy. Hôm qua lúc đã khuya đến nửa đêm, tôi dậy đi ngoài, nghe trong phòng đó có người to tiếng cáu gắt gì... Tôi mò mẫm đi lại đằng sau phòng, nhìn trộm vào trong: đầu đuôi là ông Phù và bà Phù ngồi đối diện nhau ở trên còn cái ông già hay đến chỗ bọn tôi xin cơm thì ngồi bên dưới, chính là hai cái mồm đang mắng ông già ấy đấy. Ông già ấy cúi đầu xuống mà khóc, nhưng chỉ khóc thề, không khóc to lên. Bà Thái mắng nhiếc nghe ra kỳ hơn, bà ta bảo: Con người ta sống đến năm sáu mươi tuổi, thì nên chết đi cho rồi, xưa nay chưa thấy có người đã ngoài tám mươi rồi mà vẫn còn sống nữa. Ông Phù bảo: Sống nữa thì cũng thôi, không nói làm gì, nhưng không kể là cháo hay cơm, có được mà ăn thì ăn đi, chịu yên phận thủ thường, thì thôi cũng được, đằng này nay chê cháo này, mai chê cơm này, ông nên biết rằng muốn ăn ngon, uống ngon, mặc áo quần đẹp thì phải tự mình đổ sức ra mà làm mà kiếm lấy chứ. Cái ông già nói: Tội nghiệp cho tôi, tôi đâu có mộng ăn ngon, uống ngon, chỉ cần một chút dưa muối mặn mặn thôi mà.

Ông Phù nghe vậy, liền nhảy đứng lên mà bảo: Hôm nay muốn đưa mần mẩn, ngày mai muốn thịt mần mẩn, rồi sau nữa thì muốn gà, ngỗng, cá, vịt, ít lâu nữa lại yến sào, vậy cá đều muốn tuốt. Tôi là một anh quan quèn thiếu thốn cùng túng, tôi cung ứng không nổi. Nói đến đó thì đập bàn, vỗ ghế, mắng chửi rầm lên.... Mắng chửi chán một lúc thì u già bưng cơm rượu và đồ nhắm lên dọn ra trên chiếc bàn một chân (độc cước) đặt ở giữa phòng. Hai vợ chồng ông Phù ngồi đối tửu nhau uống rượu, mà lại có nói chuyện và cười nữa, còn ông già thì ngồi ở dưới đó, chỉ co ro ghen ngào khóc. Ông Phù uống hai chén, mắng hai câu, bà Phù thì chỉ để ý nhặt xương quăng cho chó mà thôi. Cái ông già khóc méo xệch cả mặt, rồi không biết nói một câu gì mà ông Phù nổi lời đình, hất cả cái bàn độc cước lên, nghe ken két rồi rầm một tiếng, các thứ trên bàn lộn nhào xuống đầy cả mặt đất, rồi to tiếng bảo: Thì ông ăn đi! Ông già cũng không lấy làm bẽ mặt, bò giữa đất nhặt ăn cẩn thận. Ông Phù bỗng đứng phắt dậy, cầm cái ghế đầu đang ngồi, nhằm ông già mà ném. May sao u già còn đứng đó vụt ra cản một cản, tuy cản không được, mà cũng có đỡ đi không ít. Chiếc ghế đầu tuy vẫn ném vào đầu ông lão, nhưng chỉ ném toạc một mảnh da thôi. Nếu mà không cản thì e vỡ sọ ra rồi. Tôi nghe xong chuyện, bất giác cả người toát mồ hôi ra, im lặng tự mình nghĩ một cách làm. Đến giờ ăn cơm, tôi liền bảo với anh Lý Tại Tư là phải đi tìm ngay một gian phòng, bọn tôi phải dọn nhà đi ngay thôi." (Hồi thứ 74).

Sách Ngô Ốc Nghiêu làm, chỉ có ba loại, gồm các cuốn Hậu Hải, Kiếp Dự Khôi và Điện Thuật Kỳ Đàm là diễn thuật lại bản dịch, tự cho là tiểu thuyết tả tình, còn các sách thì đều là loại khiển trách này cả, nhưng mức độ khiển trách không thật ngang nhau. Đến như chủ ý của bản thân thì do mượn bút mực làm kế sinh nhai, mà như Chu Quế Sinh đã có nói (S. Tân Am bút ký 3) tùy người, tùy nơi, tùy lúc mà đều có thay đổi, nhưng xét về đại thể thì đều là chủ trương khôi phục lại đạo đức cũ (Thấy trong lời bình ngữ S. Tân Am dịch tiết) cả mà thôi.

Lại có sách *Lão tàn du ký* 20 chương đều là của Hồng Đô Bách Luyện Sinh làm, thực ra là của Lưu Ngạc, có lời tựa của chính họ Lưu viết, mùa đầu năm Bính Ngọ Quang Tự tại Thương Hải; có người nói sách nguyên

chưa xong, hai ba hồi cuối là do người con làm tục vào. Lưu Ngạc tên tự là Thiết Vân, người Đan Đồ, Giang Tô, lúc trẻ giỏi toán, biết đọc sách, song người phóng khoáng không theo quy củ, sau bổng hối hận, đóng cửa về nhà hơn năm, rồi đi làm thuốc ở Thượng Hải, rồi lại bỏ mà tập nghề buôn, mất cả gia nghiệp. Năm Quang Tự 14, sông Hà vỡ ở Trịnh Châu, Ngạc với tư cách là đồng tri đứng ra xin với Ngô Đại Trùng cho mình thử sức trị thủy, quả có công, tiếng tăm rất lớn dần dà lên chức tri phủ. Ở Bắc Kinh hai năm, dâng thư xin đặt đường sắt, lại chủ trương khai mỏ Sơn Tây, làm xong thì người đời xúm nhau chỉ trích, cho là Hán gian. Thời loạn Canh Ti, Ngạc mua thóc của kho thóc kinh đô do người Âu bán giá rẻ, có người nói là để phát chẩn cho dân đói, cứu sống được rất đông. Sau đó vài năm, chính phủ bắt tội là mua riêng thóc kho, đầy đi Tân Cương rồi chết ở đó (Khoảng 1850 - 1910). (Theo sách Ngũ thập nhật mộng côn lục của La Chấn Ngọc). Sách *Lão tàn du ký* là mượn việc du hành của một người tên là Thiết Anh, hiệu Lão Tàn, lần lượt ghi chép ngôn luận, kiến văn của người đó, đồng thời tả cảnh tả vật, lắm chỗ cũng khá hay, tín ngưỡng của tác giả cũng thấy được trong đó, còn công kích quan lại thì rất nhiều. Chuyện Cương Bật nhận định làm ông họ Ngụy cùng với con gái mưu giết chết một nhà mười ba mạng, việc người ở của họ Ngụy đưa hối lộ để cầu xin cho chủ khỏi tội, mà Cương Bật vịn vào cớ này để chứng thực là đúng, không lầm. Chuyện đó nói lên một điều: Quan liêm khiết là đáng giận, có khi đáng giận hơn cả quan tham ô; điều này người ta chưa từng nói đến, nay nói ra, tác giả cũng rất lấy làm đắc ý, nghĩ rằng quan tham ô là đáng giận, ai ai cũng biết thế, còn quan thanh liêm càng đáng giận hơn thì phần đông chưa biết đến. Lý do là quan tham ô tự mình biết mình có tật, nên giật mình không dám làm càn, còn quan thanh liêm thì ỉ mình không ham tiền thì làm gì lại không được? Cứng cổ tự thị không thèm nghe ai, thành ra sai nhỏ là giết người, sai to là làm việc cả hươc, điều đó chúng ta ai cũng có mắt thấy cả, không biết là bao nhiêu tấm gương rồi, thử xem Từ Đồng, Lý Bình Hành là gương rất rõ.... Xưa nay đều vạch cái ác của bọn quan tham ô, còn vạch cái ác quan thanh khiết thì mới bắt đầu từ sách *Lão tàn du ký* này thôi...

... Bọn nha dịch kia đã giải sẵn hai cha con ông Ngụy đến, cả hai đều

đã như chết đi một nửa rồi. Họ quỳ trước mặt quan, Cương Bật mò trong bụng rút ra tám ngàn phiếu một ngàn lượng bạc kia với giấy tờ hện đưa năm ngàn năm trăm lượng kia nữa... bảo lính đưa cho hai cha con ông Ngụy xem. Cả người cha, cả cô con gái đều nói: “Không biết thế là duyên cớ thế nào...” Cương Bật cười to khà khà bảo: “Chúng mày không biết, để ta nói cho nghe, thì rồi biết thôi: Hôm qua, có cái ông cử Hồ đến chào ta, đưa ra một nghìn lượng bạc và nói: cái án của cha con mày đó, nhờ ta tìm cách gỡ cho, lại nói: như gỡ cho khỏi tội được, thì đòi nhiều hơn nữa cha con mày cũng đồng ý chịu... ta lại nói thêm cho rõ ràng nữa để chúng mày nghe: nếu vụ án mạng kia không phải do cha con mày thì cớ gì mày lại chịu bỏ ra mấy nghìn lượng bạc mà chạy chọt? Đó là bằng cớ thứ nhất.... Nếu không phải là mày giết, thì khi ta bảo cử Hồ là tính một mạng là năm trăm lượng, sáu ngàn năm trăm lượng, thì cử Hồ lại nói: án mạng không phải do nhà đó làm, nếu nhờ ngài xử cho nhà đó được khỏi oan thì bảy nghìn, tám nghìn gì người ta cũng bằng lòng cả, còn sáu ngàn năm trăm thì người ta không muốn. Sao cử Hồ không nghi ngại gì mà cũng nhận năm trăm lượng một mạng? Đó là chúng cớ thứ hai. Ta khuyên cha con mày sớm muện rồi cũng phải khai ra và nhận thôi, miễn làm sao để khỏi bị tra tấn cho khổ.” Hai cha con nhà kia khẩu đầu lia lia nói: “Lạy quan lớn đền trời, quả thực là oan uổng.” Cương Bật đập bàn một cái, giận dữ bảo: “Ta đã giảng giải như thế, mà chúng mày vẫn không chịu khai? Lại kẹp chúng nó lại cho ta!” Bọn lính dạ một loạt như sấm vang... Bọn lính đang sắp kẹp thì Cương Bật lại bảo: “Hãy khoan! Bọn lính chúng mày lại đây tao bảo đã... mảnh khỏe của bọn chúng mày tao biết cả rồi. Chúng mày thấy án không nặng, chúng mày kiếm được tiền, thì tra nhẹ nhẹ để cho phạm nhân không đau. Hễ thấy án nặng, không khỏi được, thì kiếm được tiền rồi, lại tra dữ vào để cho phạm nhân chết ngay đi, thầy xác được trọn vẹn, nhưng quan tao đây lại có cách xử phạt bọn lính tra tấn đến chết người. Bây giờ chúng mày kẹp cha con Giả Ngụy cho tao, không được kẹp chúng đến hôn mê đi, nhìn thần sắc không tốt thì buông ra, đợi tỉnh lại hãy kẹp lại. Cho đi mười ngày, vô luận chúng mày cứng đầu thế nào, cũng không sợ chúng mày không khai.” (Chương thứ 16).

Sách *Nghịet hải hoa* thấy đăng vào báo Tiểu thuyết, làm năm Quang Tự 33, xưng là tiểu thuyết lịch sử, đề là “Ái tự do giả phát khởi - Đông Á bệnh phu, biên thuật” (Kể yêu tự do kể, người có bệnh ở Đông Á biên thuật). Tương truyền là của một cử nhân người Thường Thục, tên là Tăng Phác, tên tự là Mạnh Phác làm. Hồi thứ nhất còn như một bản mục lục để chỉ dẫn, mục lục kể cả thấy là sáu mươi hồi, bắt đầu từ Kim Quân Luân Nguyên, tức nhân vật dùng làm sợi dây xuyên suốt cả, tự thuật các dật sự di văn trong ba mươi năm cuối đời Thanh, sau thì hình như muốn lấy một cuộc cách mạng nghĩ sẵn ra mà kết thúc nhưng bỗng thôi nửa chừng. Kim Quân là chỉ Hồng Quân người Ngô huyện, từng làm chủ khảo các khoa thi ở Giang Tây, về nhà chịu tang, ngang qua Thượng Hải, lấy một gái điếm có tiếng, tên là *Phó Thái Vân* làm vợ hầu, sau đi sứ nước Anh, đem theo xưng là phu nhân, cũng có lắm chuyện. Lúc Hồng mất ở Bắc Kinh, Phó lại đến Thượng Hải làm điếm lại, xưng tên là Tào Mộng Lan, rồi lại đến Thiên Tân, xưng tên là *Trại Kim Hoa*, trong thời Canh Tí, được viên Thống Soái liên quân gần gũi, rất oai. Nói về Hồng và Phó, sách đặc biệt có nhiều lời hài hước và ác độc, lại mô tả các quan to và kẻ sĩ có tiếng lúc bấy giờ cũng rất lâm ly, có lúc lại theo lối khoa trương, vốn là thông bệnh của loại tiểu thuyết khiển trách. Được một điều là cũng kết cấu khéo, lời văn bóng bẩy đẹp dễ, đó là sở trường của cuốn sách. Còn nhân vật trong chuyện thì hầu như không có nhân vật nào không ám chỉ người thực. Nếu đúng như người ta nói thì nhân vật Lý Thuần Khách chính là thầy học của tác giả Lý Từ Minh với tên tự là Thuần Khách (Thấy trong lời tựa của sách *Biên thể văn tập* của Việt Man Đường), do gần gũi học hỏi đã lâu, miêu tả thầy chắc là gần đúng như thật, thế mà lắm khi vẫn quá đáng, không được tự nhiên, đó là do chuộng tô vẽ thêm và coi thường việc mô tả đúng như thực. Tác phong thời bấy giờ vốn là thế, xem ví dụ sau:

... Nay nói chuyện Tiểu Yến ăn mặc như ngày thường ngồi xe nhẹ, bảo người phu xe kéo tắt đến phố chùa Bảo An, ở phía Nam thành. Bấy giờ trời thu cao, khí thu trong sáng, đất mềm chân nhẹ, chỉ một chốc đã đến cổng nhà. Cho xe đỗ dưới bóng hai gốc đa to. Người nhà đang định báo cho chủ biết là có khách thì Tiểu Yến xua tay bảo không cần rồi tự mình nhẹ

nhàng nhảy xuống xe. Khi bước qua cửa, thoáng thấy một câu đối ở cửa bằng giấy màu châu sa hồng nhạt mới dán lên, chữ viết tươi đẹp mà xương xẩu cứng cáp, hai hàng thanh thoát đều đặn khác thường, nói: Đường phố chùa Bảo An, cất sách mười vạn quyển - Quan viên ngoại bộ Hộ bổ khuyết một nghìn năm. Tiểu Yến cười một cười. Kề cửa có một bức tường đắp nên nhiều hình, quanh bức tường về phía đông có ba gian phòng khách bóng lộn. Theo hành lang ngoài phòng khách đi thẳng có một cửa động kiểu lá thu, phía trong cửa là một cái viện nhỏ vuông vuông, ngoài sân có một giàn tử đằng la tím xum xuê, trong viện trồng đầy Mộc phù dung hoa màu hồng đẹp, nõn nà say sưa, vì chính mùa hoa nở. Ba gian nhà lặng, buông cả rèm trướng, buồng không có tiếng người. May vừa có một luồng gió nhẹ nhẹ. Tiểu Yến nghe một mùi thuốc sắc từ trong khe rèm ra, thơm nhẹ phả vào mũi. Bất mãn lên đi vào thì thấy một cậu bé tóc dùng que vấn lên, đang cầm một chiếc quạt lác rách, sắc thuốc bên vách phía đông giữa nhà. Thấy Tiểu Yến đi lại cậu bé đứng dậy. Nghe trong phòng có tiếng ngấm to:

Mục nhạt khen thơ đèn canh chữ

Gió hiu nhạc lác dánh trong mơ

Tiểu Yến bước qua bếp đi tới, cười và nói: Người trong mộng là ai đấy? Vừa hỏi và nhìn, thì thấy Thuần Khách mình mặc chiếc áo cánh vá quàng vai bằng the mềm đã nửa đời, chân đi dép cỏ, người cũng thường thường như mọi khi, một tay giơ lên vuốt chòm râu ngắn, ngồi trên một chiếc chõng tre cũ xem sách. Nhìn thấy Tiểu Yến đi lại thì vội chùng người lại, cúi sắp xuống, úp mặt lên trên cuốn sách mà ho. Lên tiếng run run hỏi: “Này! Ông trẻ đến mà già này ồm, không dậy đón được, tha lỗi chứ, tha lỗi cho chứ?” Tiểu Yến nói: “Thuần Lão ồm xoàng thôi, bao lâu rồi đấy? Thế nào mà anh em không thấy bóng dáng đâu cả?” Thuần Khách bảo: “Từ cái hôm các ông làm lễ mừng thọ cho mình ấy. Mới hay già này phúc mỏng, không đáng nhận được tấm thịnh tình của các ông. Cái tập Văn ngoại viên (vườn mây nằm), chỉ e hôm nay rồi không làm cho xong được nữa đấy.” Tiểu Yến nói: “Trời gió rét, ồm xoàng, uống thuốc rồi là đỡ thôi, tôi còn muốn mời thầy đi ngay cho để khỏi phụ lòng các ông mong mỏi.” Tiểu Yến vừa nói chuyện vừa đưa mắt nhìn trộm thì thấy trên chõng lộ ra một tờ hoa

tiên dài, viết đầy cả, mà toàn là chữ có dài lên hết. Mà các chữ viết dài lại rất kỳ quặc, không phải là Cụ lớn, là Quý ngài, hay là anh, là chị gì đâu, mà hết dòng này đến dòng khác, toàn là hai chữ người gần. Tiểu Yến rất lấy làm lạ, định để ý đọc hết một vài dòng xem thì bỗng nghe ngoài cửa lá thu có hai người vừa trò chuyện tay đung tay, chân bước lên giấu chân nhau đi lại, lúc đó, Thuần Khách vừa mở mồm để nói thì nghe trên màn trúc rất một tiếng. Thật là: Mười trượng hồng trần chôn cốt hiệp. Một rèm thu sắc dường hồn thơ. Chưa biết hai người đến đó là ai, hãy nghe hồi sau nói rõ. (Hồi thứ 19).

Sách *Nghiệt hải hoa* cũng có người viết tục thêm (Sách Bích huyết mạc, sách Tục nguyệt hải hoa) nhưng đều không xứng với nguyên bản.

Ngoài các sách nói trên thì những kẻ tự cho là chỉ trích các tội ác của xã hội, rồi lại viết lại tiểu thuyết như vậy còn đâu, nhưng mười người đến chín là học đối vài cuốn sách trước mà thua rất xa, chỉ viết ra thứ văn trách móc chê bai, không có sức cảm người đọc, vừa sinh ra lại vừa diệt mất cũng có nhiều khi viết không xong. Thấp xuống một bậc nữa là đến thứ văn chê cười kẻ thù riêng, ngang hàng với loại sách phỉ báng. Lại có kẻ có cái chí khinh nhờn chửi mắng, nhưng lại không có tài viết văn nên thành ra trụy lạc, viết loại tiểu thuyết gọi là Màu đen.

LỜI GHI SAU

Trở lên là hai mươi tám chương sơ lược về lịch sử của nền tiểu thuyết Trung Quốc, từ chương thứ nhất đến chương thứ 15 thì tháng 10 năm ngoái đã in xong. Sau đó, đọc sách Minh Thi Tổng, quyển 8 của Chu Di Tôn mới biết rằng Sơn Tiều Nhạn đáng là Trần Thắm, tên tự là Hà Tâm và Hồ Thích làm tựa cho sách Hậu Thủy Hử truyện, khảo xét được sự tích rất nhiều, đọc tập thứ nhất nói về hai văn hào lớn trong văn học bình dân của Tà Di Lượng mới biết rằng sách Cựu thuyết Đường bản cũ đó đề là Lư Lăng La bốn soạn, sách Phấn trang lâu tương truyền cũng là của La Quán Trung làm, tiếc rằng mới được thấy sau, không kịp thêm vào và sửa chữa lại. Còn từ chương 16 trở đi thì bản thảo cứ để mãi trên bàn, thỉnh thoảng có sửa chữa, song kiến thức eo hẹp, xem đọc không nắm được, chẳng những về tiểu thuyết đời Minh, đời Thanh thiếu sót còn nhiều, mà đến các tác giả mới đây thôi, có tiếng tăm như các ông Ngụy Tử An, Hàn Tử Vận cũng do công việc khác lôi kéo mà chưa có dịp hỏi thăm cho kỹ hơn. Lại nữa các tiểu thuyết buổi đầu khắc in phần nhiều có lời tựa lời bạt, có thể nhờ đó mà biết được niên đại làm xong cùng với tên người làm, xong bản cũ ít gặp, chỉ thấy bản mới, người buôn sách cầu thả, ngoài chữ của làng sách ra thì đại để bỏ mất hết, lúc dùng để tra cứu lục chép thì cũng căn cứ vào những điều ít ỏi sơ lược mà thôi. Cứ lúc sơ sai lầm thì cũng chỉ sửa đổi lại năm tháng, may ra thỏa đáng hơn đôi chút. Nay do phải gấp vội, cần đem in ra, chưa đầy đủ mà cứ phải để thế, thành ra điều lúc trước mong muốn, là giúp cho người nghe giảng nghe được đầy đủ, tỉ mỉ, cho người viết chép đỡ phiền hà khó nhọc, điều mong muốn đó phải dứt khi đưa in lần này.

Ngày 3/3/1924, hiệu đính xong ghi

QUÁ TRÌNH DIỄN BIẾN CỦA LỊCH SỬ TIỂU THUYẾT TRUNG QUỐC

Những bài tôi sắp giảng đây là giảng về sự biến đổi trong lịch sử của tiểu thuyết Trung Quốc. Nhiều nhà sử học đã nói: lịch sử loài người là một *quá trình tiến hóa*, thế thì đương nhiên Trung Quốc ta cũng không phải là ngoại lệ. Chỉ có điều xem tình hình tiến hóa của Trung Quốc thì lại thấy có *hai loại hiện tượng đặc biệt, một loại là: sau khi cái mới đã đến khá lâu rồi mà cái cũ lại còn trở lại nữa, tức là hiện tượng trở lại, một loại là: cái mới đã đến khá lâu rồi mà cái cũ cũng không bị bỏ đi, tức là hiện tượng đan xen lẫn nhau*. Như thế thì không tiến hóa gì cả sao? Không phải thế, mà chỉ là tiến hóa chậm, lâu so với kẻ khác, làm cho chúng ta là những kẻ nóng tính, có cái cảm giác một ngày ba thu đó thôi. Văn nghệ và một bộ phận của văn nghệ là tiểu thuyết tất nhiên cũng thế. Ví dụ như cho đến ngày nay mà trong các tác phẩm, những cặn bã trong các sách đời Đường, đời Tống, thậm chí trong tư tưởng hay cách làm của nhân dân nguyên thủy đều vẫn đang còn. Hôm nay giảng, định không tìm hiểu những cái cặn bã đó còn được xã hội hoan nghênh lắm - mà chỉ cốt từ trong những tác phẩm làm bậy bạ, những tác phẩm phức tạp lộn xộn đó tìm ra một con đường, một đường lối tiến hành. Tôi sẽ giảng trong sáu bài.

Bài giảng thứ nhất

TỪ THẦN THOẠI ĐẾN CHUYỆN THẦN TIÊN

Khảo xét ra thì danh từ TIỂU THUYẾT xưa nhất được thấy trong sách Trang Tử: “*Trau đổi tiểu thuyết (lời nói nhỏ) để, can dự, vào huyền lệnh*”¹⁰. Huyền có nghĩa là cao (treo), lệnh có nghĩa là đẹp là khen. Song đó chỉ là nhằm những lời nói nhỏ, vụn vặt, không quan hệ gì đến đạo thuật, hoàn toàn không giống với TIỂU THUYẾT về sau dùng. Vì lẽ học thuyết của các nhà Khổng Tử, Dương Tử, Mặc Tử theo cách nhìn của Trang Tử, đều có thể gọi là tiểu thuyết cả, mà ngược lại, các nhà Trang Tử, cũng có thể gọi Trước tác của ông là tiểu thuyết. Đến như *Nghệ Văn Chí* trong *Hán thư* thì nói: tiểu thuyết là lời nói, là thuyết của chuyện kể ngoài đường, lời nói trong ngõ¹¹. Nói vậy là đã gần giống với những chuyện mà hiện nay gọi là tiểu thuyết, chỉ khác là những mẩu chuyện nhỏ mà toàn đám dân đen kể ngày xưa nói, và các chức bài quan góp nhặt lại, dùng để khảo sát dân tình, phong tục trong nước, đều hoàn toàn không có cái giá trị của những chuyện mà hiện nay gọi là tiểu thuyết.

Tiểu thuyết bắt đầu như thế nào? Căn cứ theo *Nghệ Văn Chí* của *Hán thư* thì dòng phái các nhà tiểu thuyết là từ các bài quan mà ra. Việc quan góp nhặt tiểu thuyết có hay không, là một vấn đề khác. Cho dù là có thật thì đó chỉ là khởi nguyên của sách tiểu thuyết, mà không phải là khởi nguyên

¹⁰ Nguyên văn: Súc tiểu thuyết dĩ can huyền lệnh.

¹¹ Tiểu thuyết giả, giai đàm hạng ngữ chi thuyết dã.

của tiểu thuyết, còn hiện nay thì phần nhiều những người trong các tổ chức nghiên cứu văn học sử đều cho tiểu thuyết bắt nguồn từ thần thoại. Vì lẽ dân tộc nguyên thủy ở hang, sinh sống ngoài đồng nội, thấy trời đất muôn vật biến hóa bất thường như gió mưa, động đất v.v... không phải sức người có thể nắm bắt được, chống đỡ lại được, thì hết sức kinh sợ, lạ lùng, nên cho là nhất định có một vị chúa tể, làm chủ cả mọi sự, mọi vật rồi đặt cho vị đó cái tên là Thần, lại tưởng tượng ra sinh hoạt, động tác của thần, như Trung Quốc có Bàn cổ Thị khai thiên lập địa, đặt ra thuyết đó là đã thành thần thoại rồi. Từ thần thoại mà diễn tiến lên, cho nên sự việc dần dần gần với tính người, xuất hiện đại để là nửa thần, như nói xưa nay những kẻ anh hùng lập nên công lớn, tài năng ở trên người thường, là do Trời trao mới có. Chẳng hạn là Giản Định nuốt cái trứng yến mà sinh ra nhà Thương, thời vua Nghiêu, mười cái mặt trời mọc lên một loạt, vua Nghiêu sai người Nghê bắn đi, những chuyện đó cùng với chuyện người thường, không giống. Các chuyện như vậy, bây giờ gọi là truyền thuyết. Do các chuyện đó mà diễn tiến lên lần nữa thì chuyện chính quy lại là sử, còn đặt sử thì biến làm tiểu thuyết đó thôi.

Tôi nghĩ, trong cái thứ tự phát sinh của các tác phẩm văn nghệ, có lẽ *thơ ca có trước, tiểu thuyết có sau*. Thơ ca bắt nguồn từ lao động và tôn giáo. Lẽ thứ nhất là trong khi lao động, một mặt thì làm lưng, một mặt thì ca hát, như vậy có thể quên mệt nhọc khổ sở đi, cho nên từ tiếng kêu la đơn thuần mà phát triển ra, đi đến chỗ phát huy cái tâm lý, cái tình cảm của mình lên, đều có vài vần điệu tự nhiên cả. Lẽ thứ hai là, dân tộc nguyên thủy đối với thần minh, đi dần từ sợ sệt đến kính mến rồi ca tụng cái oai linh của nó, ca ngợi cái công lao của nó, như vậy là tạo thành cái khởi nguyên của thơ ca. *Còn tiểu thuyết thì tôi nghĩ ngược lại, lại khởi nguyên từ sự nghỉ ngơi*. Con người khi lao động, đã dùng ca ngâm để cho vui, nhờ đó mà quên đi nỗi mệt nhọc cực khổ, thì đến lúc nghỉ cũng nhất định tìm một cách gì đó tiêu khiển khi nhàn rỗi. Cách đó là người này người kia, trao đổi với nhau, chuyện đã qua, việc bàn kể trao đổi chuyện cũ đó, chính là khởi nguyên của tiểu thuyết. Vì thế *mà thơ ca là văn vần, từ lao động mà phát sinh, còn tiểu thuyết là văn xuôi, nhân lúc nghỉ ngơi mà phát sinh*.

Hai bên phân biệt như thế, nhưng đời xưa, bất luận thơ ca hay tiểu thuyết, cái yếu tố của chúng đều không tách khỏi được thần thoại. Ở Ấn Độ, ở Ai Cập, ở Hy Lạp đều thế cả. Ở Trung Quốc cũng thế. Chỉ khác ở *Trung Quốc hoàn toàn không có trước tác lớn có hàm ý thần thoại mà thôi*. Còn như những thần thoại linh tinh thì hiện tại cũng chưa có một cuốn sách nào tập hợp lại thành chuyên thư cả. Chúng ta sưu tầm thì chỉ có tìm trong sách cổ hoặc giả có điểm nào chẳng, mà cuốn sách cổ trọng yếu nhất loại ấy thì phải nói là cuốn *Sơn Hải Kinh*. Song sách này lại không có hệ thống gì, chuyện trọng yếu nhất trong đó mà có quan hệ cho đời sau là những mẩu chuyện nói về Tây Vương Mẫu, sau đây là cử ra một số:

Núi Ngọc Sơn là nơi ở Tây Vương Mẫu. Tây Vương Mẫu hình dáng như con người, đuôi báo răng hổ mà tài khéo, tóc bờm xồm cổ đội mũ như mào chim đại bàng, đó là kẻ giữ lịch trời với sao ngũ tinh.

Những mẩu chuyện như thế không phải ít, các điển cổ đó mãi đến đời Đường mới bị Ly Sơn lão mẫu cướp mất địa vị. Ngoài ra lại có một loại “Mục thiên tử truyện” kể chuyện Chu Mục Vương ngồi xe tám ngựa đi về hướng Tây. Đó là một chương của cuốn sách trong ngôi mộ cổ ở Hấp quận. Tóm lại tài liệu về thần thoại đời cổ ở Trung Quốc rất ít, có chăng chỉ là những đoạn ngắn, không có thành chuyện trường thiên, lại tựa hồ không phải do người đời sau làm mất mát đi mà vốn là ít có thực sự. Chúng ta nên tìm xem nguyên nhân thế nào, riêng tôi thì cho là do hai nguyên nhân trọng yếu như sau:

Nguyên nhân thứ nhất là do *lao khổ quá*. Dân tộc Trung Hoa đầu tiên ở trong lưu vực sông Hoàng Hà, tình hình giới tự nhiên hoàn toàn không tốt, do việc sinh sống, ăn làm đã phải siêng năng chịu thương chịu khó một cách phi thường rồi, vì vậy mà sinh ra trọng thực tế, coi khinh việc suy nghĩ viễn vông, thần thoại do đó mà không phát đạt được để truyền lại đời sau. Lao động tuy nói là phát sinh ra văn nghệ nhưng cũng phải có điều kiện, điều kiện đó là không quá mức nhọc nhằn, thư thả, đều, vừa phải, hoặc giả ít thấy lao khổ, thì mới phát minh được thơ ca này khác, có rồi rồi đôi chút thì mới kể chuyện được. Giả sử lao động quá nhiều, thì giờ nghỉ ngơi ít, không khôi phục lại được sức lực sau mỗi buổi mệt mỏi nhọc nhằn thì đến

cả ăn ngủ cũng còn không làm được, nói gì đến văn nghệ.

Nguyên nhân thứ hai là *đã bị bỏ quên*. Thời xưa ở Trung Quốc, nào thần trời, nào thần đất, nào người, nào ma, đâu đâu cũng có mà chung lộn cả, như vậy thì cái tín ngưỡng nguyên thủy nói trong truyền thuyết, ngày nào cũng có sinh ra và sinh ra không cùng, thế rồi cái cũ chết cứng đi, người sau không dựa vào đâu mà biết được. Chẳng hạn Thần Đò, Úc Lũy là những thần lớn đời cổ, theo truyền thuyết thì tay cầm một loạt dây thừng bằng cây lách, dùng để trói hổ và dùng để phòng ngừa ma quỷ hung ác, vì vậy đời cổ coi hai vị thần đó là thần cửa. Nhưng về sau người ta lại đổi thần cửa ra là Tần Quỳnh và Uất Trì Kính Đức, lại dẫn nhiều sự thực để làm chứng, từ đó người đời sau chỉ biết có Tần Quỳnh và Uất Trì Kính Đức là thần cửa mà không biết đến Thần Đò và Úc Lũy nữa, mà lại còn sáng tác thêm chuyện kể về hai vị thần mới này. Những ví dụ như vậy không phải là ít.

Thần thoại Trung Quốc đã không có bản trường thiên nào, nay chúng ta hẳn xem lại các tiểu thuyết có ghi chép trong Văn nghệ chí của Hán thư. Những bản mục lục về tiểu thuyết khá nhiều ghi trong *Văn nghệ chí* của *Hán thư* hiện nay không có một bản nào có lục chép thần thoại, chỉ có một ít đoạn di văn, là còn có thể thấy được. Thí dụ chuyện Thanh sử tử mã, Đại đại lễ, Thiên Bảo Phó có dẫn.

Người đời xưa 8 tuổi thì ra ở nhà ngoài, học các nghề nhỏ, tập những điều tiểu tiết, đến tuổi bó tóc thì vào Thái học, học các nghề lớn, tập những điều đại tiết. Thường ngày tập lễ văn, đi thì tìm cách cho ngọc đeo ở mình kêu lên, lên xe thì lắng nghe tiếng so hai cương ngựa, nhờ thế mà cái tâm sai trái lệch lạc không nhập vào mình được...

Loại chuyện Thanh sử tử mã nói đó, chính là tiểu thuyết đời cổ. Chỉ có điều cứ theo chúng ta xem thì nó cùng với chuyện sách *Lễ ký* nói cùng giống nhau, không biết vì lẽ gì mà cho là tiểu thuyết? Hoặc giả là vì lẽ trong đó có những tư tưởng cùng với tư tưởng Nho gia không giống nhau? Đến như những tiểu thuyết hiện tại có, mà gọi là tiểu thuyết đời Hán thì có hai loại, nói là của Đông Phương Sóc làm: một là sách *Thần Di ký*, hai là sách

Thập Châu ký; Ban Cố làm cũng có hai: một là *Hán Võ cổ sự*, hai là *Hán Võ Đế nội truyện*. Ngoài ra còn có sách *Động Minh ký* của Quách Hiếu làm, sách *Tây Kinh tạp ký* của Lưu Hải làm. Văn chương của Thần Dị kinh là bắt chước văn chương của Sơn Hải kinh. Những điều nói trong sách phần nhiều là những sự việc quái đản. Hiện tại kể một điều làm ví dụ:

Trong núi hoang phía Tây Nam có loại thú nói dối: hình dáng giống con thỏ, mặt người, biết nói, thường lừa dối người ta: nói đông mà là tây, nói thiện mà là ác. Thịt ăn ngon, ăn vào thì nói không thật nữa. (*Tây Nam hoang kinh*).

Sách *Thập Châu ký* thì chép việc Hán Võ đế nghe Tây Vương Mẫu nói về mười châu. Sách đó cũng là bắt chước Sơn Hải kinh, chẳng qua so với Thần Dị kinh thì có hơi trang trọng hơn mà thôi. Sách *Hán Võ cổ sự* và sách *Hán Võ đế nội truyện* đều là chép chuyện Võ đế từ lúc sơ sinh cho đến lúc chết chôn. Sách *Động Minh ký* thì nói về phép thuật phép thần tiên cùng với sự việc quái dị ở phương xa, sách *Tây Kinh tạp ký* chép những chuyện vật của người đời. Vậy mà Thần Dị kinh, Thập Châu ký, Nghệ Văn Chí của Hán thư không ghi chép, thế là biết không phải của Đông Phương Sóc làm, do người sau giả tạo ra, còn sách *Hán Võ cổ sự*, *Hán Võ đế nội truyện* thì so với văn chương trong các sách khác của Ban Cố, hơi văn không giống nhau, lại nữa có xen vào những câu những lời của nhà Phật.... Thời ấy đạo Phật còn chưa thịnh, vả lại xưa nay người Hán không thích cách nói có giọng Phật, vậy cũng thấy được là sách giả. Nói đến *Động Minh ký* và *Tây Kinh tạp ký* thì đã có người khảo xét là của người đời Lục triều làm. Thế là cuốn tiểu thuyết nói trên đây đều là sách giả cả, nhưng ngoài ra thì có sách *Liệt tiên truyện* của Lưu Hưởng là sách thật. Cát Hồng đời Tống cũng đã có làm sách *Thần tiên truyện*, đời Đường đời Tống thì lại còn có nhiều hơn, mà những sách này rất có ảnh hưởng đến tư tưởng và tiểu thuyết đời sau. Lưu Hưởng làm sách *Liệt tiên truyện*, đương thời hoàn toàn không phải có ý làm tiểu thuyết, mà là định viết truyện chân thực, chẳng qua chúng ta lấy cái nhãn quan hiện tại mà xem nên cho là tiểu thuyết đó thôi. Các chuyện thần thoại chép từng mảnh và ngắn gọn trong hai cuốn *Liệt tiên truyện* và *Thần tiên truyện*, đến ngày nay còn hay lấy làm chuyện đọc cho trẻ. Hiện tại có

một vấn đề nảy ra là thần thoại như vậy có nên đem vào chuyện cho trẻ con đọc? Nhân tiện chúng ta cũng nên nói qua vài lời: Những người phản đối nói đem chuyện thần thoại dạy cho trẻ thì làm cho chúng thành ra mê tín như thế là rất có hại; còn những người tán thành thì nói: đem thần thoại dạy cho trẻ chính là hợp với tính tự nhiên của chúng, gây cho chúng nhiều hứng thú, không có hại gì hết. Riêng tôi thì nghĩ rằng cần xem cái tình hình giáo dục trong xã hội ra thế nào đã, rồi mới nên có ý kiến. Nếu chắc chắn trẻ sẽ tiếp tục học được để tiếp thu một nền giáo dục đầy đủ đẹp tốt thì trong tương lai, khi được học khoa học, tự nhiên trẻ sẽ hiểu ra thôi, không thành mê tín, cho nên cho đọc thần thoại là không có hại gì. Còn như trẻ không thể tiếp tục học, không tiếp thu được một sự giáo dục cao sâu hơn, học thức không tiến bộ lên được nữa thì những thần thoại đem dạy cho trẻ lúc còn bé, trẻ sẽ cứ tin mãi là chuyện có thật, như vậy thì rõ là có hại.

Bài giảng thứ hai

SÁCH CHỈ QUÁI CHÍ NHÂN

THỜI LỤC TRIỀU VÀ TÁC GIẢ CỦA NÓ

Bài trước đã giảng qua mấy điểm sau: 1/ Thần thoại, là mầm mống của văn nghệ. 2/ Thần thoại ở Trung Quốc rất ít. 3/ Những thần thoại ta có, đều không dài, không thành chuyện trường thiên. 4/ Những tiểu thuyết có ghi chép trong Nghệ Văn Chí của sách *Hán thư* nay đều không còn nữa. 5/ Những tiểu thuyết của người đời Hán làm, phần lớn là sách giả.

Bài này chúng ta sẽ xét xem tiểu thuyết thời Lục triều là thế nào. Trung Quốc xưa nay vốn tin quỷ thần, mà quỷ thần với người là cách biệt, vì vậy muốn người và quỷ thần giao thông được với nhau, thế là có người làm nghề đồng cốt ra đời. Bọn đồng cốt sau lại chia làm hai phái: một phái là phương sĩ (thầy phù thủy), một phái thì vẫn làm nghề đồng cốt như cũ. Đồng cốt hay nói chuyện ma quỷ, phương sĩ hay đàm luận việc luyện kim và việc cầu tiên. Từ đời Tần đời Hán đến nay, cái phong khí đó cứ ngày một mạnh, đến đời Lục triều cũng không ngừng, vì thế mà sách chỉ quái đặc biệt nhiều; như chuyện trong sách *Bác vật chí* đã ghi như sau:

Thái tử Đan nước Yên sang làm con tin ở nước Tần... muốn về, xin với Tần vương. Vương không cho, nói dối rằng: “Quạ trắng đầu bay ra, ngựa mọc sừng lên thì được”. Đan ngả mặt lên trời than, quạ liền trắng đầu ra, cúi đầu xuống mà rên, ngựa liền mọc sừng. Tần vương bắt đắc dĩ cho đi. (*Sử bộ quyển 8*).

Chuyện như trên toàn là chuyện quái đản, đó là chịu ảnh hưởng của tư tưởng phương sĩ. Lại như trong sách *Dị Uyển* của Lưu Kính Thục chép:

Khoảng giữa niên hiệu Nghĩa Hi, đứa hầu gái nhà họ Từ ở Đông Hải bỗng mắc bệnh lỵ hoàng (gầy vàng) mà gãi cào khác thường. Cả nhà nhìn xem, thấy cái chổi từ góc vách rào đến, họ lấy mà đốt đi, cô gái liền khỏi bệnh. (Quyển 8).

Xem thế thì biết rằng người đời Lục triều cho bất cứ đồ vật gì cũng đều thành yêu quái được cả mà đó chính là tư tưởng đồng cốt, tức cái gọi là vạn hữu thần giáo (tạo hóa muôn vật đều có thần). Tư tưởng đó, đến ngày nay vẫn còn như cũ, đại loại như: thường thấy trên cây treo cái bảng đề là, “Có cầu là nhất định có ứng”, thế đủ chứng minh rằng trong xã hội người ta còn cho cái cây là thần, đúng như người thời Lục triều mê tín, không khác gì. Thực ra thì tư tưởng đó, vô luận nước nào, thời cổ đều có cả, sau mới dần dần không có nữa mà thôi, còn ở Trung Quốc thì vẫn rất mạnh.

Tiểu thuyết chí quái thời Lục triều trừ cuốn *Bác vật chí* và cuốn *Dị Uyển* nói trên ra, còn có cuốn *Sưu Thần Ký* của Can Bửu, cuốn *Sưu Thần Hậu Ký* của Đào Tiềm. Nhưng *Sưu Thần Ký* phần lớn đã mất mát đi, phần còn hiện nay là của người đời Minh tập hợp những chuyện các sách, dẫn dụng lại, thêm vào các sách chí quái khác nữa mà làm thành, vậy đó là bộ sách nửa thật nửa giả. Còn *Sưu Thần Hậu Ký* cũng ghi chép những chuyện biến hóa linh thiêng chỉ có điều là *Đào Tiềm vốn người khoáng đạt, chưa chắc là người làm ra sách đó*, có thể một người nào khác mà mượn tên ông đó thôi.

Ngoài ra còn có một loại chuyện giúp cho tư tưởng chí quái của người Lục triều phát đạt, đó là tư tưởng Ấn Độ đem vào. Vì lẽ thời gian bốn triều Tấn, Tống, Tề, Lương, Phật giáo phát triển mạnh, kinh Phật dịch ra thời đó rất nhiều, đồng thời chuyện quỷ thần kỳ lạ xuất hiện, lẫn lộn với nhau, vì thế mà quỷ quái hai nước lúc đó hợp lại cùng nhau vào trong tiểu thuyết, làm cho nó phát đạt thêm như chuyện *Cái lông ngỗng của Dương Tiễn*:

Dương Tiễn Hứa Ngạn đi trong núi Tuy An, gặp một thư sinh... nằm bên đường, nói là đau chân, xin vào ở nhờ trong lồng ngỗng. Ngạn cho là

nói đùa, nhưng chàng thư sinh vào lồng ngỗng thật, nghiêm nhiên ngồi với hai con ngỗng, ngỗng cũng không sợ. Ngạn gài lồng mà đi, không thấy nặng. Đến khi xin nghỉ lại dưới gốc cây, thì người thư sinh ở trong lồng ra, nói với Ngạn rằng: “Tôi muốn mời ông ăn một chút gọi là.” Ngạn bảo: “Tốt thôi! Thế là chàng nôn trong mồm ra một cái hộp đồng, trong đầy đủ các thức ăn...”. Rượu vài tuần xong, chàng bảo Ngạn: “Trước đó đem một người đàn bà đi theo, bây giờ muốn đón cô ta...”. Lại từ trong mồm nôn ra một cô gái... cùng ngồi ăn. Một chốc thì thư sinh say nằm, cô gái đó bảo Ngạn: “Trước cũng ăn cắp một chàng trai cùng đi”... tạm gọi cậu ta đến.... Cô gái cũng từ trong mồm nôn ra một người đàn ông...

Loại tư tưởng đó, không phải người Trung Quốc có sẵn mà hoàn toàn là chịu ảnh hưởng tư tưởng Ấn Độ. Và qua đó cũng biết đại khái rằng tiểu thuyết chí quái đời Lục triều cùng với Ấn Độ có quan hệ đến thế nào... chỉ nên biết là chí quái Lục triều đại để *chỉ như dòng ghi tin tức trên báo ngày nay* mà thôi, chứ đương thời hoàn toàn không có ý làm tiểu thuyết.

Tiểu thuyết chí quái thời Lục triều trên đã nói, bây giờ chúng ta nói tiểu thuyết chí nhân.

Tiểu thuyết chí nhân thời Lục triều cũng đơn giản một cách phi thường, cùng với chí quái khác nhau không mấy, sách *Thế thuyết tân ngữ* của Lưu Nghĩa Khánh đời Tống làm, có thể đại biểu cho loại tiểu thuyết chí nhân đó, xin đợi tôi đưa ra một vài ví dụ xem:

Nguyễn Quang Lộc ở đất Viễn, thường có xe tốt, không ai mượn mà không cho, có người đưa đám mẹ, ý muốn mượn mà không dám nói. Sau Nguyễn nghe nói, than rằng: “Minh có xe mà để cho người ta không dám mượn, thì có xe làm gì?”. Thế là đốt xe đi. (Quyển Thượng, chương Đức hạnh).

Lưu Linh thường uống rượu quá sức và rất phóng túng khoáng đạt; có khi cỡi áo, ở trường trong nhà. Người thấy thì cười chê, Linh nói: Tôi lấy đất trời làm nhà, lấy gian phòng làm áo choàng, các ngài vào trong áo choàng tôi làm gì? (Quyển Hạ, chương Nhâm đản).

Ấy cái mà người ta gọi là phong độ người đời Tấn là như thế. Lấy con mắt chúng ta ngày nay mà xem, thì việc Nguyễn Quang Lộc đốt xe, việc Lưu Linh phóng khoáng nghe kỳ quái thế nào, song là người đời Tấn thì lại không cho là kỳ quái gì hết, vì lẽ thời đó người ta lấy làm quý những hành động kỳ quặc, những lời bàn suông (thanh đàm) về lẽ huyền diệu này khác.

Việc bàn suông hay thanh đàm này vốn từ việc thanh nghị đời Hán mà có. Cuối đời Hán, chính trị đen tối, những kẻ sĩ có tiếng đều bàn chính trị cả, lúc đầu rất có thể lực trong xã hội, về sau bị bọn cầm quyền ghét bỏ, dần dần bị hại như bọn Khổng Dung, Nễ Hành đều bị Tào Tháo bày kế giết hại, sở dĩ thế mà đến các kẻ sĩ có tiếng đời Tấn, thì không dám bàn đến việc chính trị nữa mà quay ra chuyện đàm luận về lẽ huyền; thanh nghị mà không nói chính trị, thế là thành ra cái gọi là thanh đàm. Có điều hạng danh sĩ thanh đàm này, đương thời vẫn còn rất có thể lực trong xã hội như hạng thanh nghị trước kia, còn không biết thanh đàm thì tựa như không đủ tư cách làm danh sĩ, và bộ sách *Thế Thuyết*, nói không đến nỗi quá, có thể xem như sách giáo khoa cho các bậc danh sĩ bấy giờ.

Trước *Thế Thuyết*, còn có sách *Ngũ luận*, sách *Quách Tử*, có điều là hai sách đó đến nay không còn nữa. Mà *Thế Thuyết* lại là tập hợp các văn cù từ Hậu Hán đến Đông Tấn lại mà làm ra. Sau đó Lưu Hỷ Tiên chú giải cho sách *Thế Thuyết*, trong lời chú giải đó dẫn sách cổ có đến hơn bốn trăm điều, mà nay phần lớn là không còn, vì vậy mà người đời sau đối với sách *Thế Thuyết* này càng thêm quý trọng, đến bây giờ đây mà vẫn lưu hành nhiều.

Ngoài ra lại có một loại sách *Tiểu lâm* của Hàm Đan Thuần đời Ngụy làm, cũng sớm hơn *Thế Thuyết*. Văn chương *Tiểu lâm* có chất phác hơn đôi chút so với *Thế Thuyết*, nhưng ngày nay cũng không còn nữa, chẳng qua trong những sách loại thư đời Đường, đời Tống có dẫn di văn của nó, cho nên chúng ta còn biết được đôi chút, sau đây đưa ra một chuyện làm thí dụ.

Giáp bố mẹ còn cả, đi học xa ba năm về, người cậu hỏi học sở đắc được gì và nói chuyện mấy năm xa bố. Giáp trả lời: “Lòng nhớ đất Vị Dương, hơn vua Khang Công nước Tấn.” (Vua Khang Công cha mẹ chết cả rồi). Bố

nghe trả lời thế thì mắng rằng: “Mày học có ích gì đâu nào?”. Giáp thưa: “Đang nhỏ mà mất sự dạy dỗ khi rảo bước qua sân; thành ra học không có ích gì”. (Sách *Quảng ký* 262).

Xem đó thì biết chuyện kể trong sách Tiểu lâm, đại khái không ngoài chuyện khôi hài.

Hai cuốn Tiểu lâm và Thế Thuyết nói trên, về sau đều không phát đạt thêm điều gì, vì lẽ chỉ là bắt chước thôi, không phát huy thêm. Như sách *Tiểu lâm quảng ký* lưu hành nhất trong xã hội, đương nhiên là chi phái của Tiểu lâm, chỉ khác là chuyện Tiểu lâm kể phần nhiều là chuyện hoạt kê gây cười về tri thức, nhưng đến Tiểu lâm quảng ký rơi vào lối hoạt kê gây cười về thân thể, chuyện môn dùng lời thô bỉ nhằm vào thân thể làm trò cười, thành ra khinh bạc, do đó mà cái thú vị hoạt kê hạ thấp đi nhiều. Đến như sách Thế Thuyết, thì về sau mô phỏng càng nhiều, từ Tục Thế Thuyết của Lưu Hiến Tiêu - thấy trong Đường chí - cho đến Kim Thế Thuyết của Vương Trác đời Thanh lâm và Tân Thế Thuyết của Dịch Tông Quỳnh hiện nay làm đều là sách bắt chước sách Thế Thuyết trước kia cả. Mà triều Tấn với xã hội ngày nay, tình trạng hoàn toàn không giống nhau, thế mà ngày nay lại bắt chước theo tiểu thuyết đời Tấn đó, thì thật là rất đáng cười. *Chúng ta biết rằng từ cuối Hán đến Lục triều là cái thời đại thoát đoạt, bốn biển rối loạn lên, người ta phần lớn ôm cái chủ nghĩa yếm thế, thêm vào đó, hai tôn giáo Phật và Đạo thịnh lên một thời, đều giảng lẽ siêu thoát khỏi cuộc đời hiện thực*, người nước Tấn chịu ảnh hưởng đó trước hết, cho nên có một số người thành một phái đi tu tiên, nghĩ đến chuyện phi thăng (bay lên), rồi do đó mà thích dùng thuốc, còn một phái thì muốn mãi chơi trong làng say, không hỏi đến việc đời, vì thế mà thích uống rượu. Những kẻ dùng thuốc mà người đời Tấn uống, chúng ta biết có Ngọc Thạch Tân, thuốc đó là dùng năm thứ đá mà chế ra, tính nó khô táo và mạnh - thân thể thường bị viêm lên, phải mặc áo cũ mới chịu được, vì áo mới dễ làm xây xát da, lại thường không tắm rửa, rận sinh ra hết sức nhiều, nên có câu: “Mồ rận mà luận đàm”. Người uống rượu thì như láng láng ở ngoài hình hài xác thịt, sống say chết mộng. Tất cả những điều nói trên là cái tình trạng xã hội đời Tấn. Thế mà con người sống ở thời đại hiện nay, tình hình sinh sống hoạt động hoàn

toàn không giống, lại đi mó phỏng loại tiểu thuyết do bối cảnh của xã hội thời kia, há phải là chuyện tức cười sao?

Tôi đã có nói trên kia rằng người đời Lục triều tịnh không có ý làm tiểu thuyết, vì lẽ họ coi việc ma và việc người đều là một dạng cả, cả hai đều là việc thật; sở dĩ thế mà Văn nghệ chí của sách Đường thư không đưa ra, loại sách chí quái kia chép chung vào loại sách tiểu thuyết mà đưa chép chung với loại truyện ký của sách sử, mãi đến Âu Dương Tu đời Tống mới đưa chép chung với loại sách tiểu thuyết. Trong loại sách chí quái thì sách nói về chí nhân thời Lục triều lại còn cho là trọng yếu hơn loại sách chí quái, vì lẽ việc đó cùng với việc thành danh, có tiếng tăm, làm nên danh phận là rất có quan hệ với nhau, như đương thời, một học giả ở thôn quê mà muốn thành danh, thì phải đi tìm một danh sĩ, học giả có tiếng, trong thời đại triều Tấn, là phải đi tìm người như hạng Vương Đạo, Tạ An, đó chính là điều mà đã có câu nói: Lên được cửa rồng thì giá mình lên gấp mười. Song muốn được cùng với hạng người đó đàm luận, thì nhất định phải làm thế nào cho hợp với tì vị của họ, mà muốn hợp với tì vị của họ thì không đọc loại sách như Thế Thuyết, Tiểu Lâm là không xong. Ví dụ như thời đó, Nguyễn Tuyên Tử ra mắt thái úy Vương Di Phủ. Di Phủ hỏi: “Lão Tử, Trang Tử giống nhau, khác nhau thế nào?” Tuyên Tử trả lời: “Sắp không giống.” Thế là Di Phủ kính phục Tuyên Tử một cách phi thường, cho Tuyên Tử làm quan, tức là cái chức quan mà người đời gọi là ông Đề lại ba chữ ấy. Nhưng ba chữ Sắp không giống, rút cuộc phải giảng thế nào? Có người giảng là: Há không giống! Tóm lại đó là một chuyện hai phải, nói đằng nào cũng được, một câu nói trong khi hốt hoảng, nói không phân minh, để kéo dài lê thê mãi. Muốn học nói lê thê ấy, không đọc Thế Thuyết cũng không xong.

Bài giảng thứ ba CHUYỆN TRUYỀN KỲ ĐỜI ĐƯỜNG

Tiểu thuyết đến đời Đường thì có một bước đổi khá lớn. Bài trước tôi có nói: “Văn chương của sách chí quái và chí nhân đều rất đơn giản, ngắn, và coi như chép sự thực, *đến đời Đường thì vì có ý thức làm tiểu thuyết thật mà viết*, điều đó trong lịch sử của tiểu thuyết đáng coi là một tiến bộ lớn. Lại nữa, chuyện viết rất dài, miêu tả được khúc chiết, so với cái văn thể giản đơn, xưa cổ trước rất không giống nhau, điều đó nói về văn thể cũng đáng coi là một bước tiến lớn nữa. Có điều những người làm văn cổ, xem thì rất lấy làm không vừa ý, gọi là lối văn truyền kỳ. Hai chữ truyền kỳ thời bấy giờ thực ra là ngụ ý chê cười, chứ hoàn toàn không phải như ý chúng ta hiểu danh từ truyền kỳ hiện nay. Có điều loại tiểu thuyết truyền kỳ như thế bây giờ thường không thấy, chỉ có sách *Thái Bình Quảng Ký* làm thời đầu nhà Tống - sách này có thể coi là bộ tự điển lớn để tra cứu tìm các sách tiểu thuyết, nó sưu tầm các sách tiểu thuyết từ đời Lục Triều cho đến đời Tống mà ra - chúng ta xem trong đó có thể biết được đại khái tiểu thuyết truyền kỳ đời Đường là thế nào. Khoảng năm đầu nhà Đường, có Vương Độ làm chuyện *Cổ kính ký*, đó là cuốn chuyện thuật việc mình được một tấm gương thần, chuyện rất dài, song chỉ có chấp nhặt nhiều chuyện lại với nhau, vẫn chưa thoát khỏi cái phong khí chí quái thời Lục triều. Ngoài cuốn ấy, lại có cuốn *Bạch viên truyện* của Vô danh thị làm, kể chuyện tướng nhà Lương là Âu Dương Hột đến Trường Lạc, vào sâu trong khe động, vợ bị con vượn trắng cướp bắt đi, sau được cứu đưa về, sinh một đứa con “hình dáng giống”

Hột, về sau bị Võ đế nhà Trần giết, con là Âu Dương Thân, thời đầu Đường rất có danh vọng, nhưng dung mạo giống loài khỉ, kẻ ghen ghét nhân đó làm ra chuyện này. Về sau, cái thói mượn tiểu thuyết để công kích người có thể thấy là bắt đầu từ thời đó.

Đến thời Võ Tắc Thiên có *Du Tiên Quật* do Trương Trác làm, sách kể chuyện mình đi từ Trường An đến Hà Hoàng, trời đã chiều, vào nghỉ một nhà, nhà đó có hai cô gái gọi là cô Mười, cô Năm, cùng khách uống rượu vui chơi. Chuyện không có gì rắc rối phiền phức nhưng kể bằng văn biên ngẫu. Tiểu thuyết viết bằng văn biên ngẫu, trước chưa hề có, cho nên cũng có thể coi là một loại tác phẩm đặc biệt. Sau lâu, Trần Cầu là người đời Thanh làm sách *Yên sơn ngoại sử* cũng dùng thể biên ngẫu, mà lại cho dùng văn biên ngẫu viết tiểu thuyết là do mình mở đường đầu tiên, tuyệt không biết là Trương Trác đã làm từ lâu rồi. Sách *Du Tiên Quật*, ở Trung Quốc đã mất từ lâu rồi, chỉ ở Nhật Bản hiện còn thấy có, lý do là Trương Trác thời đó có tiếng về văn, người nước ngoài cứ mỗi lần đến Trung Quốc đều bỏ ra một số tiền lớn mua sách của ông, sách *Du Tiên Quật* hoặc giả là sách người Nhật mua mang về thời đó. Thực ra thì văn chương của Trương là tài, có duyên, chứ không ỉ hời hay, chẳng qua viết có cái điệu lanh lợi hoạt bát đôi chút đó thôi.

Đời Đường từ Khai Nguyên, Thiên Hựu về sau, tác giả nổi lên đông lắm, so với trước thì rất không giống nhau. Những người trước coi tiểu thuyết không ra gì lắm, thì nay cũng làm tiểu thuyết, đó là do hoàn cảnh đương thời có quan hệ với việc này. Đời Đường, lúc thì rất coi trọng cái gọi là hành quyền. Hành quyền là khi người học trò thi, đến kinh đô thì trước tiên đem thơ từ mình làm, những bài đặc ý nhất chép thành một quyển, mang đi bái yết những người có tiếng đương thời, nếu được họ khen thì “thanh giá gấp mười”, có hy vọng thi đỗ, vì vậy mà hành quyền được coi là rất quan trọng. Nhưng từ Khai Nguyên Thiên Bửu trở đi thì đối với thơ dần dần có ý chán, vì vậy có người đem bỏ tiểu thuyết vào hành quyền mà rồi cũng được tiếng. Vì vậy mà trong những kẻ trước không ưa tiểu thuyết, bây giờ cũng nhiều người làm tiểu thuyết và tiểu thuyết truyền kỳ, vì thế, cực thịnh một thời. Khoảng giữa Đại lịch, hầu hết có Trầm Ký Tế làm sách

Chẩm Trung Ký - cuốn này rất phổ biến trong xã hội - nói không quá lời, không có ai là không biết đến - nội dung đại lược là: Có chàng Lư sinh, đang đi giữa đường phố Hàm Đan, than không được vừa ý, nhưng lại gặp Lã Ông, đem cho một chiếc gối. Chàng gối đầu ngủ, liền mộng thấy mình lấy con gái họ Thôi ở Thanh Hà - Họ Thôi ở Thanh Hà là một họ lớn, vì vậy mà lấy được con gái họ Thôi là cực kỳ vinh quang - lại đỗ tiến sĩ nên được thăng một mạch đến chức thượng thư kiêm chức ngự sử đại phu. Sau vì viên Tế tướng đương triều ganh ghét làm hại, bị giáng và đày đến Đao Châu, sau vài năm lại được về làm Trung thư lệnh, truy phong là Yên quốc công. Về sau suy lão có bệnh, nằm rên rỉ trên giường cho đến khi đứt hơi rồi chết. Đang mộng thấy mình chết, thì vừa tỉnh dậy và thấy ra chưa nấu chín một nồi cơm - Ấy là chuyện khuyên người ta không nên lên nhanh quá, về công danh phú quý, nên xem thường một chút. Sau này người đời Minh làm sách *Hàm Đan Ký*, Bồ Tùng Linh người Thanh là sách *Liêu trai* trong đó có chuyện *Tục Hoàng lương*, đều gốc từ *Chẩm Trung Ký* mà ra cả.

Ngoài ra lại có một người có tiếng nữa là Trần Hồng, vốn là bạn cũ của Bạch Cư Dị. Hai người sống qua cuộc loạn An Sử. Sau khi Dương Quý Phi chết, người đẹp đã chôn dưới đất, tang điệu chuyện cũ, khôn xiết thương tình, Bạch Cư Dị làm *Trường hận ca*, còn Hồng thì làm *Trường hận ca truyện*. Cuốn chuyện này ảnh hưởng đến đời sau, người đời Thanh là Hồng Thăng làm chuyện truyền kỳ *Trường sinh điện* là căn cứ theo *Trường hận ca truyện* đó. Cũng thời đó, còn có một người nổi tiếng nữa, em của Bạch Cư Dị là Bạch Hành Giản. Hành Giản làm *Lý Giai truyện*, truyện kể rằng: Uyển Dương là con cháu một họ lớn, đến Trường An, đấm đuổi theo thanh sắc, đến nỗi cùng khốn và ốm đau, phải lưu lạc làm người đưa ma thuê - dắt dỡ quan tài và hát đưa ma - sau được Lý Giai cứu, khuyên bảo học, nên thi đỗ, làm quan đến chức tham quân. Hành Giản vốn văn chương giỏi, những tình tiết về Lý Giai, kể rất triền miên xem được. Chuyện Lý Giai của ông đối với tiểu thuyết sau này cũng rất có ảnh hưởng, tiểu thuyết Phúc Giang Tử của người đời Nguyên, tiểu thuyết Tứ Nhị ký của Tiết Câu Duyên người đời Minh đều lấy chuyện Lý Giai làm gốc cả.

Lại nữa, tiểu thuyết đời Đường, không nói nhiều đến quỷ quái, thỉnh

thoảng có chẳng thì chẳng qua là điểm xuyết thêm mà thôi. Nói vậy song cũng có một bộ phận gồm những tập truyện ngắn, vẫn nói nhiều đến việc quý quái, đó cũng lại là do chịu ảnh hưởng của người Lục triều. Chẳng hạn các sách *Huyền quái lục* của Ngưu Tăng Nho, *Dậu Dương tạp trở* của Đoàn Thành Thúc, *Tục Huyền Quái Lục* của Lý Phục Ngôn, Tuyền Thất chí của Trương Độc, *Đổ Dương tạp biên* của Tô Ngạc, *Truyền kỳ* của Bùi Hình đều là thế cả, Tuy nhiên, phải là của người đời Đường làm thì so với của người đời Lục Triều mới khúc chiết và hay hơn.

Các tác giả tiểu thuyết truyền kỳ đời Đường, trừ những người đã nói trên ra, thì những người có ảnh hưởng rất lớn đến đời sau và đáng lưu ý hơn cả còn có hai người nữa: một người trước tác không nhiều mà ảnh hưởng thì rất lớn, lại rất nổi tiếng, đó là Nguyên Vi Chi; một người thì trước tác nhiều, ảnh hưởng cũng rất lớn, nhưng về sau lại không có tiếng tăm, đó là Lý Công Tá. Bây giờ tôi xin nói riêng qua mỗi người.

1/ Về trước tác của Nguyên Vi Chi - Nguyên Vi Chi tên là Chấn, là nhà thơ, tiếng ngang với Bạch Cư Dị. Tiểu thuyết ông làm chỉ có một *Oanh Oanh truyện*. Kể truyện Trương Sinh với Oanh Oanh, đại khái ai cũng biết cả rồi, tôi không phải nói kỹ nữa. Thơ văn của Vi Chi, vốn có tiếng phi thường. Song truyện truyền kỳ này của ông thì lại không phải kiệt xuất lắm. Một điều nữa là cuốn chuyện kể việc Trương Sinh đoạn tuyệt với Oanh Oanh lại nói những gì gì.... Đức không thắng được yêu nghiệt, vì vậy mà nhấn tâm bỏ được, văn hoa tô vẽ để che đậy lỗi lầm sai trái, có thể nói *chuyện Oanh Oanh chỉ là một chương văn chương biện bạch phân trần mà thôi*. Thế nhưng về sau, có nhiều bài bản phổ nhạc hoặc đem diễn lại, từ nó mà ra. Như các bản *Huyền sách Tây sương* của Đồng Giải Nguyên - người Kim - *Chuyện Tây Sương* hiện tại thì diễn kịch, tuồng, còn *Huyền Sách Tây Sương ký* của Quan Hán Khanh, cả hai là người đời Nguyên, *Nam Tây sương ký* của Lý Nhật Hoa và *Nam Tây sương ký* nữa của Lục Thái, hai người đều là người đời Minh v.v... nhiều phi thường, tất cả đều bắt nguồn từ một chuyện Oanh Oanh đó cả. Có điều là so lại với Oanh Oanh truyện nguyên bản của họ Nguyên thì về tình tiết câu chuyện có đổi khác đi, đó là chỗ Trương Sinh và Oanh Oanh về sau lại đoàn viên sum họp với nhau. Sở dĩ thế

là do tâm lý của người Trung Quốc ta rất thích thú chuyện đoàn viên sum họp, vì thế mà câu chuyện nhất định phải đến như thế, chuyện đổ vỡ trong hiện thực của nhân sinh, đại khái người Trung Quốc cũng biết lắm, nhưng không muốn tự ý nói ra, vì lẽ một khi đã nói ra thì lại phát sinh ra vấn đề làm thế nào để bổ cứu, như vậy hoặc không tránh khỏi phiền muộn, mà lại cứ phải cải thiện luôn, sự tình rắc rối ra nhiều, mà người Trung Quốc lại không thích chuyện rối ren và buồn chán, hiện tại đây, nếu thấy trong tiểu thuyết kể chuyện đổ vỡ suy sụp, thì độc giả liền cảm thấy không khoái. Sở dĩ thế mà đại phạm về lịch sử không đoàn viên, thì về tiểu thuyết cứ làm cho thành đoàn viên, không có báo ứng thì cứ làm cho có báo ứng, đó thực ra là một vấn đề có quan hệ với quốc dân tính vậy.

2/ Trước tác của Lý Công Tá - Lý Công Tá xưa nay rất ít ai biết đến, ông viết tiểu thuyết rất nhiều, hiện nay chỉ còn có bốn cuốn, một là *Nam Kha thái thú truyện*, chuyện này có tiếng nhất, nó kể rằng: Góc phía Nam vườn của Thuần Vu Phần, người Đông Bình, có một gốc hồ lớn, một hôm Thuần say, nằm trong hành lang nhà, mộng thấy hai người bận áo màu tía, tới mời mình đến nước Đại Hồ An, được nạp làm phò mã, rồi ra làm thái thú quận Nam Kha, nhân có thành tích chính trị, lần lượt được thăng lên chức to. Sau cầm quân đánh với nước Đan La bị thua trận, công chúa lại mất nữa nên triều đình cho về. Đến khi tỉnh dậy thì giấc mộng ngắn ngủi, mà như cả một đời. Ra xem cây hồ thì có một lỗ kiến, kiến bò ra bò vào lung tung. Nói là nước Đại Hồ An, là quận Nam Kha tức là ở đó. Chuyện này lập ý cùng với chuyện Chẩm trung ký không khác bao nhiêu, chỉ có cái “Lỗ kiến kết thúc, cái huyết mã kiến phát” là để lại một dư âm dài đặc buồn bã, không phải Chẩm trung ký có thể so sánh kịp. Về sau, người đời Minh là Dương Biểu Tổ làm cuốn Nam Kha ký, là từ chuyện này mà diễn ra. Hai là *Tạ Tiểu Nga truyện*, chuyện này kể việc bố của Tạ Tiểu Nga, cùng với chồng của nàng, cả hai đều luôn qua lại giữa vùng sông hồ làm nghề buôn bán, bị cướp giết chết. Tiểu Nga chiêm bao thấy bố mách rằng kẻ thù là Xa Trung Hầu Đông Môn Thảo (Khỉ trong xe, cỏ của đông), lại chiêm bao thấy chồng nàng mách rằng kẻ thù là Hòa Trung Tẩu Nhất Nhật Phu (Người phu đi một ngày giữa lúa ruộng). Người ta phần đông không hiểu ra được, sau Lý

Công Tá mới giảng cho rằng: Xa Trung Hầu Đông Môn Thảo là hai chữ Thân Lan; Hòa Trung Tẩu Nhất Nhật Phu là hai chữ Thân Xuân. Sau quả nhờ đó mà bắt được bọn cướp. Đây chẳng qua là chuyện đoán chữ đố mà bắt được giặc, không có nghĩa lý gì lắm, nhưng tư tưởng của cuốn chuyện thì lại ảnh hưởng rất nhiều đến tiểu thuyết sau này, như Lý Phục Ngân diễn ra mà đưa vào cuốn *Tục Huyền quái lục* mà đề là Diêu Tịch Ni, người đời Minh thì đưa vào chuyện Nam Kha mà làm bình thoại. Các sách khác như *Bao Công án* chẳng hạn cũng có kể nhiều chuyện giống. Ba là cuốn *Lý Thang truyện*. Chuyện kể thứ sử Sở Châu là Lý Thang, nghe người dân chài nói dưới chân núi Quy Sơn, thấy trong nước có chiếc khóa rất lớn đưa người với trâu đến kéo lên, thì sóng gió nổi lên rất dữ. Lại có cả một con thú quái lạ, giống như khỉ, răng như tuyết, vuốt bằng vàng, trời dưới nước lên bờ vào bờ, người đứng xem chạy hết, nó lại kéo cái chìa khóa xuống nước và không lên nữa. Lý Công Tá giảng cho người chài rằng: con thú kỳ quái đó là thủy thần ở cái khu vực nước xoáy của sông Hoài tên là Vô Chi Kỳ, sức hơn 9 voi, tay bắt đánh, chân vọt nhảy, chạy tài, nhẹ nhàng lạnh lẽo vùn vụt. Vua Đại Vũ sai Canh Thìn chế ngự nó, cổ buộc thùng to có khóa, đưa đến dưới núi Quy Sơn đất Hoài Âm, để cho sông Hoài chảy được yên ổn. *Chuyện này có ảnh hưởng rất lớn, riêng tôi thì cho rằng Tôn Ngộ Không trong Tây Du Ký chính là giống với Vô Chi Kỳ. Song vị giáo thụ trường Bắc đại là Hồ Thích Tiên Sinh thì lại cho là chuyện từ Ấn Độ truyền sang.* Người Nga là giáo thụ Cương Hòa Thái cũng từng bảo Ấn Độ cũng có chuyện kể như thế, nhưng tôi thấy thì: một là người làm chuyện Tây Du Ký chưa hề xem qua kinh Phật, hai là các kinh luận của Ấn Độ mà Trung Quốc dịch ra chưa có cuốn nào có chuyện giống với chuyện đó; ba là tác giả Ngô Thừa Ân - là người thuộc nhiều tiểu thuyết đời Đường, Tây Du Ký chịu ảnh hưởng của tiểu thuyết Đường không ít. Sở dĩ thế mà tôi cho rằng Tôn Ngộ Không là rập khuôn nhân vật Vô Chi Kỳ trong chuyện Lý Thang. Còn ngài Hồ Thích cũng phảng phất có ý cho Lý Công Tá có chịu ảnh hưởng của Ấn Độ, điều đó hiện nay tôi chưa có thể nói phải hay không phải thế nào. Bốn là cuốn *Lô Giang Phùng Ao*, cuốn này chuyện quá đơn giản, văn chương cũng không ra sao, chúng ta không nói đến cũng được.

Chuyện tiểu thuyết Đường, về sau đều đưa vào các bài hát hay bài nhạc, chẳng hạn như các bài Hồng Tuyền, Hồng Phát Cù Nhâm v.v... đều từ tiểu thuyết truyền kỳ của đời Đường mà ra, do đó mà truyền khắp trong xã hội, người bây giờ đều biết hết. Còn bản thân truyền kỳ thì đến khi nhà Đường mất, cũng mất theo luôn.

Bài giảng thứ tư THUYẾT THOẠI ĐỜI TỐNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ

Bài trước đã nói, tiểu thuyết truyền kỳ, đến lúc nhà Đường mất thì cũng mất theo luôn. Đến đời Tống, tuy cũng có người viết truyền kỳ, song không có gì giống với truyền kỳ trước. Đó là vì người Đường đại để là mô tả thời sự, mà người Tống thì lại thường nói chuyện xưa. Tiểu thuyết của người Đường ít khi có lời dạy bảo mà của người Tống thì dạy bảo nhiều. Lại đại để thời Đường nói được tự do hơn đôi chút, tuy nói thời sự mà không đến nỗi mắc họa, còn đời Tống thì sự kiêng kỵ cứ dần dần nhiều thêm, các nhà văn tìm cách tránh né, chỉ kể chuyện xưa. Thêm vào đó đời Tống có một thời Lý học thịnh đến cực độ, nên làm cho tiểu thuyết cũng lý học hóa luôn, cho rằng làm tiểu thuyết mà không dạy bảo người ta thì không đáng nói đến. Có điều văn nghệ sở dĩ là văn nghệ, không phải quý ở chỗ dạy bảo, nhược bằng biên tiểu thuyết thành sách giáo khoa dạy tu thân, thì còn gì là văn nghệ nữa. Người Tống tuy còn có làm tiểu thuyết truyền kỳ, mà tôi lại nói truyền kỳ mất hẳn rồi, là nói cái ý đó. Song tầng lớp sĩ đại phu đời Tống có công lao với tiểu thuyết là ở chỗ làm bộ sách *Thái Bình Quảng Ký*, bộ sách này sưu tập các tiểu thuyết chép những câu chuyện nhỏ, những lời nói vụn vặt từ đời Hán đến đầu đời Tống, cộng cả thấy là năm trăm quyển, có thể gọi là bộ tiểu thuyết tập đại thành như gọi *Khổng Tử* là ông thánh tập đại thành vậy, chẳng qua đó không phải là do họ tự động làm, mà là chính phủ triệu tập họ đến và giao làm. Thời đầu triều Tống, thiên hạ thống nhất, trong nước Thái

Bình, nhà nước nhân đó vời các danh sĩ trong cả nước đến, cung cấp hậu hĩnh cho họ, giao họ làm sách, họ làm xong bộ *Văn Uyển Anh Hoa*, bộ *Thái Bình Ngự Lâm* và bộ *Thái Bình Quảng Ký*. Mục đích của chính phủ chẳng qua là lợi dụng sự nghiệp đó mà thu hút nuôi dưỡng các danh nhân, để mưu đồ giảm bớt sự phản động về mặt chính trị mà thôi, chứ vốn chưa hề để ý đến vấn đề văn nghệ, chỉ là vô tình mà để lại cho chúng ta ngày nay cả một rừng tiểu thuyết xưa cổ. Còn về phương diện sáng tác thì thực ra sĩ phu đời Tống hoàn toàn không có cống hiến được gì. May mà thời đó, trong xã hội lại có loại tiểu thuyết của lớp bình dân thay thế nổi lên. Loại tác phẩm đó, chẳng những thể tài không giống mà về mặt văn chương cũng cải tiến nhiều, ngôn ngữ nó dùng là bạch thoại, cho nên thực tế là một cuộc biến đổi lớn trong lịch sử của tiểu thuyết Trung Quốc. Đương thời tầng lớp sĩ đại phu ai cũng nghiên cứu lý học, nhưng nhân dân vẫn muốn chơi vui, tiểu thuyết bình dân dấy lên thật không phải là việc đáng quái lạ. Nhà Tống lập kinh đô ở đất Biện, dân khỏe của cả phong phú, việc chơi vui do đó rất nhiều. Ở thành thị, ở nông thôn đều có loại tạp kịch, trong loại tạp kịch đó có cả loại gọi là thuyết thoại. Thuyết thoại chia thành bốn khoa: một là giảng sử, hai là thuyết kinh hội kinh, ba là tiểu thuyết, bốn là hợp sinh. Giảng sử là giảng các sự việc lịch sử, và kể về các danh nhân, đó là ngọn nguồn của tiểu thuyết lịch sử sau này. Thuyết kinh, hội kinh là dùng lời tiếng thông tục mà diễn giảng kinh Phật, tiểu thuyết là kể những mẩu chuyện ngắn đơn giản, còn hợp sinh thì trước hết đọc lên hai câu thơ lộn xộn, không rõ ý, tiếp theo là đọc mấy câu nữa, thế nào cho người ta hiểu được ý muốn nói gì, đại khái là châm chọc người đương thời. Cả bốn khoa mà sau có quan hệ đến tiểu thuyết thì chỉ có khoa giảng sử và khoa tiểu thuyết. Bấy giờ người làm loại công việc này gọi là thuyết thoại nhân và họ có tổ chức thành đoàn thể, gọi là Hùng biện xã. Họ có một loại sách ghi chép sẵn, để khi thuyết thoại thì dựa vào đó và phát huy thêm, sách đó gọi là thoại bản. Năm đầu Nam Tống, còn loại thoại bản đó lưu hành, đến khi Tống diệt, người Nguyên vào Trung Quốc rồi thì tạp kịch tiêu ma, mà thoại bản cũng không lưu hành nữa. Đến đời Minh, tuy cũng còn có người thuyết thoại - như Liễu Kính Đình là một người thuyết thoại rất có tiếng lúc bấy giờ - song không còn là mặt mũi của người Tống nữa, và họ cũng thôi

không thuộc tạp kịch nữa, nên không còn có tổ chức gì. Đến bây giờ thì chúng ta đã hầu như không thể nào biết được thoại bản đời Tống rút cuộc là thế nào. May mà nay đã khắc in lại mấy loại sách, có thể xem mà biết được lẽ lối giảng sử. Thể lệ giảng sử đại khái là bắt đầu nói về khi khai thiên lập địa, rồi nói đến cái triều đại định giảng. Ngũ đại sử bình thoại cũng làm như vậy. Còn về văn chương thì đều bắt đầu bằng thơ cả, rồi mới vào chính văn bằng văn xuôi, kết thúc cũng lại bằng thơ, tóm lại mỗi đoạn đều có thơ để làm chứng. Cái bệnh của nó là việc hư cấu thì nhiều còn sự thực thì ít phát huy thêm được. Còn thơ thì tôi cho là đại khái do ảnh hưởng của người Đường. Đời Đường rất coi trọng thơ, ai biết làm thơ là người thanh phẩm, mà người thuyết thoại thì ngưỡng mộ những người đó, nên nói cho ngang với họ, sở dĩ thế mà trong thoại bản thường nhiều thơ từ, vả lại đến ngay bây giờ cũng nhiều người làm tiểu thuyết mà còn không thay đổi. Lại như các tiểu thuyết, cứ cuối mỗi hồi đều có câu “Chưa biết chuyện sau ra sao, hãy nghe hồi sau phân giải”, tôi cho là cũng đại khái từ thuyết thoại mà ra, vì lẽ người thuyết thoại thì hẳn là mong lần sau người ta lại đến nghe giảng nữa, do đó dùng một câu nhắc rằng chuyện chưa xong, đang còn nữa để làm kinh tâm động hồn người ta mà kéo họ trở lại. Đến như các tiểu thuyết chương hồi hiện nay mà lại còn bắt chước họ, thì chỉ là một cái dấu vết rơi rớt lại, chính như cái ruột thừa (manh trường) trong bụng chúng ta, chẳng mấy may ích lợi gì hết. Một loại nữa là Kinh bản thông tục tiểu thuyết, nay không toàn vẹn nữa, nhưng cũng còn được mười chương. Cái mà trong thuyết thoại gọi là tiểu thuyết, hoàn toàn không phải như tiểu thuyết nghĩa rộng mà chúng ta nói bây giờ mà là chuyện kể rất ngắn, xen nhiều thời sự vào. Bắt đầu nói một vài lời mào đầu, hoặc bằng thơ hay từ, hoặc là cũng bằng câu chuyện cũ, lời mào đầu đó gọi là Đắc thắng đầu hồi. Đầu hồi, nghĩa hồi trước nhất, đầu tiên, đắc thắng là lời chúc tốt lành, thắng lợi. Sau hồi đó mới vào chuyện thực sự, song cũng hoàn toàn không rắc rối dài dòng. Ngắn hay dài so với hồi đầu không nhiều lắm, chỉ một buổi ngắn là xong. Như vậy ta thấy được rằng cái gọi là tiểu thuyết trong thuyết thoại đời Tống, tức là có cái ý như đoạn thiên tiểu thuyết tuy không toàn vẹn, song cũng đủ để biết đại khái loại tiểu thuyết kia là thế nào.

Trừ hai loại nói trên ra, thì còn có một loại nữa là *Dại Tổng Tuyên Hòa di sự*. Đầu sách, đuôi sách đều có thơ cả, ở giữa có xen một số câu “lý”, gần như giảng sử nhưng không phải lối nói miệng, khá giống tiểu thuyết nhưng không phải đơn giản, thuần nhất là tiểu thuyết, trong sách có nói đến sự việc Lương Sơn Bạc, thì ra là tiếng báo hiệu cho chuyện Thủy Hử sau này, đó là điều rất đáng chú ý. Lại có một bộ sách mới phát hiện hiện nay, gọi là *Dại Đường Tam Tạng pháp sư thủ kinh thi thoại* - bộ sách này ở Trung Quốc đã không có từ lâu rồi, mới được mang từ Nhật Bản về. Nó lại được gọi là thi thoại, nhưng không phải là thi thoại theo nghĩa chúng ta gọi bây giờ, mà là có thi, thơ và có thoại, chuyện, vậy chỉ là một cách gọi khác của loại tiểu thuyết chú trọng việc có thơ làm chứng đó thôi. Bộ sách đó tuy là tiếng báo hiệu trước cho Tây Du Ký, nhưng có những chỗ không giống nhau, chẳng hạn tích ăn trộm quả nhân sâm, trong Tây Du thì nói Tôn Ngộ Không muốn ăn trộm, nhưng Đường Tăng không cho, nhưng trong Thủ Kinh thi thoại này thì lại gọi là tiên đào và nói Tôn Ngộ Không lấy trộm mà Đường Tăng bảo đi lấy. Khác như thế mà bảo là do thời đại thì chi bằng bảo là do tư tưởng tác giả không giống nhau lại hơn. Vì lẽ tác giả Tây Du Ký là sĩ đại phu, còn tác giả Thủ Kinh thi thoại là dân thành thị. Các sĩ đại phu xét con người cực kỳ nghiêm khắc, cho rằng Đường Tăng lẽ nào lại đi ăn trộm nhân sâm, nên nhất định phải đem việc này đổ lên thân con khỉ, còn người dân kẻ chợ bình luận con người có khoan thứ hơn, cho rằng Đường Tăng có ăn trộm mấy quả đào quèn thì cũng chẳng có gì là quan trọng lắm, thế là không bận lòng để ý ẩn giấu đi cho ông mà cứ phóng bút viết thẳng.

Tóm lại, thuyết thoại của người Tống có ảnh hưởng phi thường lớn, các tiểu thuyết sau, mười phần đến chín phần là gốc từ thoại bản ra. Chẳng hạn:

1/ Tiểu thuyết sau là *Kim cổ kỳ quan*, xem được một số đoạn thì tự thuật là bắt chước lối tự thuật của thuyết thoại đời Tống.

2/ Tiểu thuyết sau là tiểu thuyết chương hồi *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*, lối tự thuật trường thiên của nó đều gốc từ giảng sử mà ra. Mà ảnh hưởng của giảng sử này ở trong chuyện lại càng lớn, lại nữa, từ Minh Thanh cho đến hiện tại, bộ *Nhị Thập Tứ Sử* cũng đều đã diễn xong cả rồi. Trong

các tác giả lại nói lên một nhân vật trữ danh nữa đó là La Quán Trung.

La Quán Trung tên là Bản, người Tiền Đường, sống ước chừng vào khoảng cuối Nguyên đầu Minh. Ông làm tiểu thuyết rất nhiều, đáng tiếc là hiện nay chỉ còn lại có bốn loại, mà bốn loại đó phần nhiều đã trải qua nhiều người sửa đổi lung tung, không còn nguyên như buổi đầu nữa - vì lẽ người Trung Quốc xưa nay vốn cho tiểu thuyết bất túc khinh trọng, không phải như tứ thư ngũ kinh, cho nên lắm kẻ thích tùy ý sửa chữa - đến cả sự tích bình sinh của La Quán Trung, hiện nay chúng ta cũng không có cách gì biết được. Có kẻ nói ông vì làm sách Thủy Hử mà con cháu ba đời mang tội, đó chỉ là một điều bày đặt. Bốn loại tiểu thuyết của La Quán Trung là:

1- *Tam Quốc Diễn Nghĩa*.

2- *Thủy Hử truyện*.

3- *Tùy Đường chí truyện*.

4- *Bắc Tống Tam Toại bình yêu truyện*. Truyện này kể việc Vương Tắc ở Bối Châu dùng yêu thuật mà làm loạn, dẹp loạn có 3 người mà tên họ người nào cũng có một chữ Toại cho nên đặt tên là Tam Toại Bình yêu.

Tùy Đường chí truyện thì kể chuyện từ khi nhà Tùy truyền ngôi cho đến đời Minh Hoàng nhà Đường. Cả hai cuốn này kết cấu chuyện cũng như văn chương đều không tốt lắm, trong xã hội cũng không thấy lưu hành nhiều. Lưu hành mạnh nhất, mà cũng có thể lực nhất là Tam Quốc Diễn Nghĩa và Thủy Hử truyện.

Tam Quốc Diễn Nghĩa là nói chuyện đời Tam Quốc, song cũng không phải hoàn toàn bắt đầu từ La Quán Trung. Đời Tống, những người kể chuyện đời xưa ở các nơi ngõ hẹp hang cùng đã có kể tích *Thuyết Tam Phân*. Tích đó là kể chuyện Tam Quốc. Tô Đông Pha cũng có nói, Vương Bình đã từng nói: trẻ em trang ngõ... ngồi nghe kể chuyện đời xưa, đến khi kể chuyện Tam Quốc, nghe nói Lưu Huyền Đức thua, thì cứ cau mày lại, có đứa còn chảy nước mắt nữa; nghe Tào Tháo thua thì liền mừng và kêu khoái. Như vậy là biết, điều mà quân tử hay tiểu nhân để tâm về sau, trăm đời không mất. Và xem thế thì biết được rằng trước La Quán Trung, đã có

một loại sách Tam Quốc Diễn Nghĩa rồi. Do sự việc đời Tam Quốc, không phải rối bời như đời Ngũ Đại, lại cũng không phải rối ren, thích hợp cho công việc làm tiểu thuyết, lại nữa, anh hùng thời Tam Quốc mưu trí dũng cảm, phi thường cảm động người ta, cho nên người ta đều vui thích lấy làm tài liệu cho tiểu thuyết. Lại có Bùi Tùng chú giải sách Tam Quốc Chí, rất là tinh tường đó cũng là làm cho người ta chú ý đến sự việc của Tam Quốc nữa. Đến như vấn đề Tam Quốc Diễn Nghĩa của La Quán Trung, có phải hay không phải là một công trình sáng tác, hay chỉ là một công trình kế thừa thôi, thì hiện nay chưa dám cầu thả nói dứt khoát được. Có điều là thời Gia Tĩnh triều Minh, có một bản mà lời đề có dòng chữ: Tấn, Bình Dương hầu sử truyện Minh La Bản biên thứ, như vậy thì đúng là trực tiếp lấy Tam Quốc Chí của Trần Thọ làm bản mẫu rồi. Song Tam Quốc Chí hiện nay thì đã có nhiều người sửa đổi đi rồi, không còn nguyên vẹn như cũ nữa. Nếu đứng về mặt ưu khuyết điểm mà nói thì những người bình luận cho rằng khuyết điểm có ba: Một là sách dễ làm cho người ta hiểu lầm, vì lẽ những sự việc nó nói có *bảy phần là thực, ba phần là hư, thực nhiều hư ít nên người ta có thể không tránh khỏi tin hư là thực luôn*. Chẳng hạn Vương Ngự Dương là một nhà thơ có tiếng, lại là một học giả, mà có một bài thơ đầu đề là Lạc Phượng Pha điệu Bàng Sĩ Nguyên. Bài thơ Lạc Phượng Pha do chỉ có trong Tam Quốc Diễn Nghĩa mà thôi, không có căn cứ nào khác nữa, Vương Ngự Dương mà thấy thì chắc là phải choáng váng cả người. Khuyết điểm thứ hai là miêu tả quá sự thực. Tả người tốt thì toàn không có một điểm gì là xấu, tả xấu thì lại toàn không có một điểm nào là tốt mà thực ra trong thực tế không phải như thế, một cá nhân nào đó không thể gì cũng tốt cả, cũng không thể gì gì cũng xấu cả. Ví như Tào Tháo, về chính trị cũng có chỗ tốt của ông ta, và các ông Lưu Bị, Quan Vũ, cũng không thể nói là không có mấy may gì đáng dị nghị cả. Thế nhưng tác giả không nghĩ đến điều đó, chỉ theo chủ quan mà miêu tả, cho nên mới thành ra những con người kì ông hợp lý hợp tình. Khuyết điểm thứ ba là văn chương và chủ đề tư tưởng không phù hợp với nhau, nói cách khác là cái mà tác giả biểu hiện và cái mà tác giả tưởng tượng, hai cái không nhất trí với nhau. Chẳng hạn tả cái gian hùng của Tào Tháo mà kết quả thì Tào Tháo lại giống như người hào hoa, sáng khoái và nhiều mưu trí, tả cái trí của Khổng Minh mà kết quả Khổng

Minh lại ra con người ranh ma đối trá. Nhưng nói cho cùng thì Tam Quốc Chí có chỗ rất hay. Như đoạn tả Quan Vân Trường chém Hoa Hùng, thì thật là có thanh có sắc. Đoạn tả Tào Tháo trên đường Hoa Dung thì cái khí nghĩa dũng lộ ra, như thấy con người thật. Về sau, người viết tiểu thuyết lịch sử rất đông, nào Khái Tịnh Diễn Nghĩa, nào Đông Tây Hán Diễn Nghĩa, Đông Tây Tấn Diễn Nghĩa, nào Tiền Hậu Đường Diễn Nghĩa, Nam Bắc Tống Diễn Nghĩa, Thanh Sử Diễn Nghĩa... nhưng không một cuốn nào theo kịp được Tam Quốc Diễn Nghĩa. Vì vậy mà ai cũng thích xem Tam Quốc và tương lai Tam Quốc vẫn giữ được giá trị của nó như thường.

Thủy Hử truyện là tiểu thuyết kể chuyện Tống Giang và những người cùng theo ông, chuyện này cũng không phải tự La Quán Trung làm ra đầu tiên, vì Tống Giang là một nhân vật có thực, làm kẻ cướp cũng là việc có thật, những sự việc, những câu chuyện về các con người đó, từ Nam Tống về sau đã thành ra truyền thuyết, thường nghe trong xã hội rồi. Khoảng giữa đời Tống và đời Nguyên, có Cao Nhựt, Lý Tung đem những chuyện cũ ở các bến bờ sông nước mà người ta hay kể ra làm thành tiểu thuyết. Di dân nhà Tống Cung Thánh Dữ lại làm tập *Tống Giang tam thập lục nhân tán* (Lời tán bốn Tống Giang ba mươi sáu người), lại trong sách *Tuyên Hòa di sự* có những câu như Tống Giang bắt bốn giặc cướp địa phương, có công, được phong làm tiết độ sứ. Như vậy, đủ biết những câu chuyện cũ như thế truyền miệng đã lâu rồi, hoặc giả đã có những bản sách sơ lược chép lại cũng chưa biết chừng. Mãi sau La Quán Trung mới góp nhặt mọi câu chuyện kể hoặc mọi tập sách chuyện Thủy Hử nhỏ ấy lựa lọc lại mà làm thành bộ Thủy Hử truyện lớn ngày nay. Nguyên bản Thủy Hử truyện hiện nay đã không có nữa rồi. *Thủy Hử truyện lưu hành bây giờ có hai bản: một bản bảy mươi hồi, một bản nhiều hơn.* Bản hơn bảy mươi hồi thì trước tiên kể việc thái úy họ Hồng làm đuổi yêu ma, kể đó tám trăm người, tụ tập dân lại ở hồ núi Lương Sơn, đánh cướp nhà người ta, sau nhận chiêu an, triều đình dùng đi đánh giặc Liêu, dẹp yên được Điền Hồ, Vương Khánh, bắt được Phương Lạp, lập nên chiến công to. Nhưng cuối cùng bị triều đình nghi kỵ, Tống Giang uống thuốc độc tự tử, sau thành thần. Việc chiêu an nói trong chuyện là tư tưởng từ thời đại cuối Tống đến đầu Nguyên, vì lẽ đương thời xã hội rối loạn, quan

binh áp chế binh dân, dân mà hòa bình thì đành cam chịu, không hòa bình thì ly khai với triều đình đi làm kẻ cướp, kẻ cướp một mặt chống trả quan binh, quan binh không thắng nổi, một mặt đi cướp bóc nhân dân, nhân dân tự nhiên cũng có lúc bị quấy phá, nhưng một khi có giặc ngoài đến, quan binh lại không chống cự nổi, thì nhân dân sinh ra cứu thị người nước ngoài, họ nghĩ đến việc dùng bọn cướp đã đánh thắng quan binh kia ra chống cự lại giặc ngoài, sở dĩ thế mà bọn giặc cướp hay đạo tặc, đạo kiếp kia lại được đương thời khen ngợi, gọi là hạng người có đạo đức. Đến như chuyện Tống Giang uống thuốc độc tự tử, thì là của đầu đời Minh thêm vào. Thái Tổ nhà Minh thống nhất được thiên hạ rồi, thì đâm ra nghi ngờ ganh ghét các công thần, giết người bừa bãi, kẻ được trọn đời chết yên ổn không nhiều lắm, nhân dân đối với những người công thần bị sát hại, biểu thị đồng tình, thế là chuyện được thêm vào, việc Tống Giang tự tử rồi thành thần. Đó vẫn là cái lệ cũ, hễ thực tế mà có đổ vỡ thì tiểu thuyết lại làm cho nó trở lại tròn trặn đoàn viên, như lần trước đã có nói.

Thủy Hử truyện có nhiều người cho là của Thi Nại Am làm. Đó là vì trong bản hơn bảy mươi hồi có cả hai loại viết nhiều và ít, mà trong đó có bản loại nhiều lại được tác giả là Thi Nại Am, nhưng Thi Nại Am đây e là tên mượn của người sau diễn chuyện thành bản nhiều, kỳ thực Thi Nại Am sinh sau La Quán Trung. Người sau thấy bản nhiều đề là của Thi Nại Am làm thì cho bản ít ngược lại là bản dọn bớt đi cho gọn rồi cho luôn Thi Nại Am là người xưa hơn, đem ông đặt lên hàng trước La Quán Trung. Đến thời đầu Thanh, *Kim Thánh Thán* lại nói *Thủy Hử truyện* đến chỗ *Chiêu An* mà *dừng lại là tốt, ra sau nữa là rất dở*. Thánh Thán lại nói ra rằng mình có được bản cổ, cho hết ở đoạn *chiêu an* là do Thi Nại Am, còn sau đó là của La Quán Trung tục thêm và thống mạ việc làm này. Thế rồi ông đem phần sau *Chiêu An* bỏ hết, chỉ để lại bảy mươi hồi trước - đó là bản lưu hành hiện nay. Nhưng Thánh Thán chẳng có bản cổ nào hết, mà chỉ là dựa vào ý riêng mình mà tước bỏ đi như vậy thôi, nói có bản cổ này khác, chẳng qua là thủ đoạn bày ra một lối thác cổ khác nữa đó thôi. Có điều là văn chương mà trước sau có xê xích nhau thì lại đúng như Thánh Thán nói, nhưng trước đây tôi đã có nói, *Thủy Hử truyện* là gom góp nhiều điều truyền miệng,

nhiều bản Thủy Hử nhỏ lại mà làm thành, cho nên đương nhiên là không có thể nhất luật được. Hướng chỉ văn chương mà miêu tả sự việc khi nó đã xong, so với miêu tả lúc đang làm kẻ cướp thì có khó hơn. Một bộ sách lớn, kết thúc không được phần khởi, là điều thường thấy, cũng không thể dựa vào đó mà nói đứt khoát là của La Quán Trung làm tục thêm. Đến như chuyện Thánh Thán vì sao lại bỏ phần sau đoạn Chiêu An đi, thì đó là do chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh thời bấy giờ. Ngài Hồ Thích nói: Thánh Thán sống trong thời đại mà bọn lưu tặc rộng khắp thiên hạ mắt thấy Trương Hiến Trung, Lý Tự Thành, một loạt kẻ cướp làm hại cho cả nước, cho nên thấy kẻ cướp là chuyện không nên quảng cáo thêm mà nên “mờm mắng, bút đánh” để dẹp chúng đi thôi. Nói vậy là đúng, song như vậy là Thánh Thán cho việc dùng bọn cướp để diệt giặc ngoài là việc không thể trông cậy được, vì thế mà ông không thích nghe chuyện nói Tống Giang lập công.

Có điều là khi nhà Minh mất rồi thì thế lực nước ngoài rất mạnh, những kẻ di dân ôm nỗi đau mất nước, liền quên đi cái nỗi khổ do lưu khẩu làm, mà trở lại tỏ đồng tình với kẻ cướp, như người di dân của triều nhà Minh là Trần Thâm, mượn cái tên Nhạn Đãng Sơn Tiều mà làm một bộ *Hậu Thủy Hử truyện*. Ông ta nói: Tống Giang chết rồi thì các đồng chí còn lại của ông vẫn theo Tống để đánh lại Kim, sau không kết quả gì, Lý Tuấn chỉ huy tất cả vượt biển, đến Tiêm La, làm vua nước ấy. Đó là cái lý do nước nhà bị người ngoài chiếm thì quay lại tỏ đồng tình với kẻ cướp đã nói ở trên. Thế nhưng sau lại, sự việc qua rồi, lòng người cũng thay đổi, ngay cả cái tình chủng tộc cũng quên khuấy đi luôn: Khoảng triều Đạo Quang đã có Du Vạn Xuân làm ra kết Thủy Hử truyện, nói bọn sơn khấu Tống Giang, từng tên, từng tên một đều bị quan binh giết chết hết. Văn chương họ Du thì trong sáng đấy, miêu tả cũng không phải dở, chỉ có tư tưởng là thực ra chưa thoát khỏi cái cảnh giết chóc đáng buồn.

Bài giảng thứ năm **HAI TRÀO LƯU LỚN VÀ CHỦ YẾU** **CỦA TIỂU THUYẾT ĐỜI MINH**

Lần trước đã nói về đại thể của tiểu thuyết đời Tống. Đời Nguyên, từ khúc rất phát triển, nhưng tiểu thuyết thì không có gì đáng nói. Hôm nay chúng ta nói đến tiểu thuyết đời Minh. Thời gian giữa đời Minh, tức khoảng trước và sau Gia Tĩnh, tiểu thuyết xuất hiện rất nhiều, trong đó có hai trào lưu chủ yếu lớn. Một là trào lưu tranh cãi về thần ma, hai là trào lưu nói về nhân tình thế thái, bây giờ chúng ta nói riêng về mỗi trào lưu một.

1- Trào lưu tranh cãi về thần ma nổi lên do chịu ảnh hưởng của tôn giáo và của các phương sĩ. Đời Tuyên Hòa nhà Tống, tôn sùng Đạo giáo một cách tuyệt đối, đời Nguyên thì tôn sùng cả Phật giáo lẫn Đạo giáo, thế lực của phương sĩ cũng không nhỏ. Thời Minh, vốn có suy kém đi, song đến đời Thành Hóa thì lại ngóc đầu lại, thời đó có phương sĩ Lý Tư nhà sư Kế Hiểu đời Chính Đức thì có người sắc mục¹² là Vu Vĩnh, mấy người đó đều do phù phép này nọ mà được bổ làm quan, thuyết yêu ma càn quấy cũng do đó mà ngày một thịnh, và ảnh hưởng đến cả văn chương. Hướng nữa từ trước ba đạo cạnh tranh nhau, đã không giải quyết được mà đại để chỉ là điều hòa lẫn nhau, dung tha và chịu đựng nhau. Và cuối cùng cho nhau là đồng nguyên rồi thôi. Hễ có một phái mới tiến lên, thì tuy bên này bên kia cũng xem nhau là ngoại đạo, rồi phân tranh một chút, song một khi đã nhận nhau là

¹² Mắt có màu sắc, chỉ người ngoài Trung Quốc - ND.

đồng nguyên, thì thôi không kỳ thị nhau nữa, đợi khi nào lại có một phái khác trở lại, cả ba sẽ lại tự cho mình là chính đạo và công kích cái đạo chưa phải đồng nguyên kia là dị đoan. Tư tưởng bấy giờ là hết sức mơ hồ, trong tiểu thuyết mà tả là chính hay tà, thì điều không phải là Nho và Phật, hoặc là Đạo Phật, hoặc cả ba Nho, Đạo và Phật - và cả đến Bạch Liên giáo mà chẳng qua chỉ là mảy tao chi tổ cãi cọ tranh giành nhau thế thôi. Chúng ta hẳn đặt cho tất cả văn chương đó cái tên chung là tiểu thuyết thần ma. *Loại trào lưu chủ yếu lớn này có ba bộ tiểu thuyết làm đại biểu được là: 1/ Tây Du Ký, 2/ Phong Thần truyện, 3/ Tam Bảo Thái Giám Tây Dương truyện.*

1/ Tây Du Ký - Sách Tây Du Ký, người ta thường cho là của một đạo sĩ đời Nguyên tên là Khưu Trường Xuân làm, nhưng không phải. Khưu Trường Xuân bản thân có Tây Du Ký ba quyển thực, nhưng đó là nhật ký ghi hành trình của riêng mình, nay đang còn trong sách Đạo tàng, chỉ vì sách mang cùng tên nên người ta lầm là Tây Du Ký kia, lại nữa, người đưa khắc tiểu thuyết Tây Du Ký đầu đời Thanh, lại đem lời tựa của Ngưu Tập viết cho Tây Du Ký của Khưu Trường Xuân. Thực ra thì người làm Tây Du Ký là người Sơn Dương Giang Tô tên là Ngô Thừa Ân. Điểm này là thấy trong sách Hoài Nam Phủ Chí làm thời Minh. Đến đời Thanh, tu sửa các sách chí, người ta lại đem điều ghi chép đó bỏ đi. Tây Du Ký hiện giờ còn thấy là một trăm hồi, đầu tiên kể việc Tôn Ngộ Không tu thành đạo, tiếp đến kể lý do Đường Tăng đi lấy kinh, trải qua tám mươi một nạn, cuối cùng trở về được đất phương Đông. Bộ tiểu thuyết này cũng không phải Ngô Thừa Ân sáng tác ra cả, vì lẽ trong sách Đại Đường Tam Tạng pháp sư thủ kinh thi thoại mà trên đây có đề cập qua, đã có nói đến Hầu Hành Giả, Thâm Hà Thần và mọi cảnh lạ khác. Đời Nguyên trong tạp kịch cũng đã có lấy chuyện Đường Tam Tạng đi đến “trời Tây lấy kinh” làm tài liệu kịch. Ngoài ra, thời Minh cũng có một cuốn Tây Du Ký khác đơn giản và ngắn gọn thôi. Do những điều nói trên, chúng ta biết được rằng chuyện Huyền Trang đi lấy kinh ở “Trời Tây”, từ cuối Đường đến Tống, Nguyên được nhân dân diễn thành chuyện thần dị, người ta thường kể, lại cũng đã thường viết thành những tiểu thuyết giản đơn, rồi đến đời Minh thì Ngô Thừa Ân đã gộp những chuyện, những tiểu thuyết đó lại, làm thành bộ Tây Du Ký lớn hiện nay. Thừa Ân vốn giỏi hoạt kê. Ông nói đến sự giận, mừng, thương, vui của yêu quái mà gần giống

như nói tình người thật, vì thế mà ai cũng thích xem, đó là bản lĩnh của ông. Lại nữa, chuyện khiến cho người ta xem xong là thôi, không để bụng nữa, không như chuyện Tam Quốc, thấy Lưu thắng thì mừng, thấy Tháo thắng thì tức, vì lẽ chuyện Tây Du là chuyện yêu quái, chúng ta xem xong chỉ thấy là thích, quên hết mọi sự hơn thua được mất, mà chỉ nhớ là xem thấy hay. Bản lĩnh của Thừa Ân chính là ở chỗ đó. Còn nói đến tôn chỉ, đến chủ đề tư tưởng của Tây Du, thì có người nói, cho rằng chuyện là để khuyên chăm học, có người cho là chuyện thuyết giáo đạo Phật, có người cho là tuyên truyền Đạo Giáo, bản cái lung tung, rồi bởi lên, song *theo tôi thì thực ra chẳng qua tác giả làm để mua vui, mà vì ông chịu ảnh hưởng của thuyết Tam giáo đồng nguyên, Thích ca, Lão quân, Quan âm, vấn đề chân tính, vấn đề nguyên thần, không có gì là không nói đến trong chuyện, nên bất kỳ giáo đồ của đạo nào cũng tùy nghi mà phù hợp thêm được cả đó thôi*. Mà nếu nhất thiết phải nói cho ra tôn chỉ, chủ đề, thì tôi thấy người đời Minh là Tà Triệu Chế (?) có nói như sau: Tây Du Ký... lấy con vượn là cái thần của Tâm, lấy con lợn làm cái Ý cứ xông xáo chỗ này chỗ nọ; lúc đầu chúng buông tuồng phóng túng, thì trên trời dưới đất không ai ngăn cấm được, đến khi dùng một câu chú trói chặt lại, thì khiến được con vượn Tâm thuần phục, đến chết vẫn một lòng. *Vậy đại khái chuyện Tây Du là một ví dụ về vấn đề “câu phóng tâm”*. Tìm cái Tâm, cái tâm trí đã buông lơi ra, đã thành buông tuồng phóng túng, làm cho nó có nề nếp, có quy củ trở lại. Chỉ mấy câu đó của họ Tà là đã rất đủ để nói hết rồi. Về sau còn có các sách như *Hậu Tây Du Ký, Tục Tây Du Ký* nữa, nhưng tất cả đều không ra khỏi cái khuôn khổ của sách trước. Đến sách *Tây Du bổ* của Đồng Thuyết thì đã thành ra tiểu thuyết phóng thích, châm biếm rồi, cùng với các sách kia không có quan hệ gì lắm nữa.

2/ *Phong Thần truyện* - Phong Thần truyện rất thịnh hành trong xã hội, nhưng đến việc ai làm ra thì chúng ta không tìm đâu ra mà biết được, có người nói tác giả là một người nghèo, làm cho xong đi để bán, lấy tiền để lo cho con gái cưới và sắm sửa về nhà chồng, song đó chẳng qua là một truyền thuyết, không có bằng cứ nào. Tư tưởng vẫn là ảnh hưởng của tư tưởng mơ hồ Tam giáo đồng nguyên. Cốt chuyện là kể việc Thụ Tàn dâng

hương ở cung Nữ Oa, đề thơ nói nhảm về thần. Thần bèn sai ba con yêu làm mê hoặc vua Trụ để giúp nhà Chu. Trong chuyện nói nhiều đến chiến tranh, thần, phật xuất hiện lẫn lộn, kẻ giúp nhà Chu là thuộc đạo Chiên giáo, kẻ giúp nhà Ân là thuộc Tiết giáo. Tôi nghĩ Chiên có ý nghĩa là sáng sủa, sáng suốt và Chiên giáo tức là chính giáo, đạo chính, còn Tiết thì nghĩa là dứt khoát, Tiết giáo hoặc giả là những kẻ trong đạo Phật cho là ngoại đạo, đoạn tuyệt đi không nhìn đến nữa. Tóm lại là chịu ảnh hưởng của tư tưởng Tam giáo đồng nguyên, cho tam giáo là Thần, còn đạo khác là ma, thế thôi.

3/ *Tam Bảo Thái Giám Tây Dương Kỵ* - Đây là sách của thời Vạn Lịch nhà Minh, hiện nay ít thấy. Sách này kể việc viên thái giám triều Vĩnh Lạc là Trịnh Hòa thu phục được ba mươi chín nước man di, khiến họ triều cống cho Trung Quốc. Sách nói Trịnh Hòa đi đến Tây Dương, có Bích Phong trưởng lão giúp, dùng thuật pháp mà hàng phục được người Di, thành công hoàn toàn. Chuyện tuy nói việc một nước đánh nhau với một nước, song Trung Quốc thì gần như thần, mà cho ngoại di thì chỉ ở địa vị của ma, cho nên rõ ràng thuộc dòng phái tiểu thuyết thần ma đã nói đến trước kia. Chẳng qua sách làm thì có quan hệ đến hoàn cảnh đương thời và Trịnh Hòa là người đời Minh tiếng tăm lừng lẫy cho nên người ta thích nhắc đến. Lại nữa đời Minh đến khoảng sau Gia Tĩnh thì mặt Đông Nam, giặc lùn càn quấy hoành hành, nhân dân đau lòng về nỗi yếu hèn trước mắt, rồi lại nhân thế mà nhớ tiếc sự mạnh giàu trước kia và làm ra bộ sách này. Trong tâm trạng đó, họ *không nhớ đến tướng soái này nọ, mà nhớ đến viên thái giám, không ỷ vào lực lượng quân sự mà lại ỷ vào pháp thuật*, đó một mặt là vì họ như bị đóng khung lại trong cái tư tưởng truyền thống, mặt khác do viên thái giám đó thường làm giám quân thực sự, quyền lực hết sức lớn lao. Cái tư tưởng dùng pháp thuật mà đánh với nước ngoài, cứ lưu truyền mãi cho đến đời nhà Thanh, người ta tin là thực đến nỗi có Nghĩa Hòa đoàn thí nghiệm một phen.

2- Trào lưu chủ yếu lớn thứ hai là tiểu thuyết nói về thể thái nhân tình. Ngay lúc tiểu thuyết thần ma đang thịnh phong trào tiểu thuyết nói về thể thái nhân tình cũng đã nổi dậy rồi. Nguyên nhân đương nhiên cũng không ngoài tình hình của xã hội bấy giờ, nhưng cũng lại có một nguyên

nhân khác nữa là cũng như tiểu thuyết thần ma, có quan hệ rất lớn với tầng lớp phương sĩ. Loại tiểu thuyết này đại khái thuật những chuyện phong lưu phóng túng, và xen vào giữa cảnh buồn vui tan hợp, tả thói đời nóng lạnh thông thường. Nổi tiếng nhất trong loại tiểu thuyết đó, là chuyện *Kim Bình Mai*. Theo trong sách kể thì chuyện lấy nhân vật Tây Môn Khánh trong Thủy Hử làm chủ, rồi mô tả sự tích cả nhà nhân vật chính này. Tây Môn Khánh nguyên có một vợ chính và ba vợ hầu lại yêu Phan Kim Liên, bỏ thuốc độc giết chết chồng cô là Võ Đại, đem cô về làm vợ hầu, lại yêu con hầu của Kim Liên là Xuân Mai, lại thông dâm với Lý Bình Nhi rồi cũng đem về làm vợ hầu. Sau, Lý Bình Nhi, Tây Môn Khánh đều chết trước. Phan Kim Liên lại bị Võ Tòng giết, Xuân Mai cũng do dâm dục quá mà chết thành linh. Đến lúc Quân Kim đến Thành Hà, vợ cả của Khánh dất Hiếu Kha, đưa con chồng chết rồi mới đẻ, muốn đi đến Tế Nam, dọc đường gặp hòa thượng Phổ Tĩnh, hòa thượng đi đến đến chùa Vinh Phúc, lấy phép Phật cảm hóa Hiếu Kha, cuối cùng làm cho Hiếu Kha xuất gia đi tu, đổi tên là Minh Ngộ. Phan Kim Liên, Lý Bình Nhi và Xuân Mai đều là nhân vật quan trọng cả, cho nên tên sách đặt là Kim Bình Mai. Tiểu thuyết đời Minh mà nói chuyện bần thủ xấu xa, nhân vật đều có ám chỉ người thật cả, đó là cái lối mượn văn chương mà trả thù riêng, như trong tiểu thuyết Kim Bình Mai này, Tây Môn Khánh là một thân sĩ, đại loại cũng không ngoài kẻ thù của tác giả nhưng nó ám chỉ người nào, thì hiện không khảo xét ra được, còn chính tác giả thì lại là ai, hiện nay chúng ta cũng chưa biết ra. Có người nói đó là Vương Thế Trinh báo thù cho bố mà làm ra. Cha của Trinh là Vương Dư bị Nghiêm Tung làm hại, mà con của Nghiêm Tung là Thế Phồn lại có thế lực lớn một thời, hễ có điều gì không lợi cho những sở tấu của Nghiêm Tung đưa lên làm vua là Phồn dẹp bỏ đi, không để tấu lên. Vương Thế Trinh do biết Phồn thích xem tiểu thuyết, liền làm ra sách này để làm cho Phồn say sưa xem chuyện, không có thì giờ rồi để ý đến việc khác, không tham gia ý kiến được vào các tấu sớ của Nghiêm Tung và các sự việc sẽ được tâu thẳng lên Vua. Vì lẽ đó mà bản khắc in lại đầu đời Thanh, trên đầu có ba chữ Khổ hiểu thuyết - đứa con hiểu khổ nói - song đó chỉ là lời suy đoán căn cứ để tin. Văn chương *Kim Bình Mai* khá tốt, Vương Thế Trinh thì có tiếng văn hay nhất bấy giờ, vì vậy mà người ta đem tên của tác giả gán cho

Thế Trinh. Người sau chủ trì thuyết đó lại đem ba chữ Khổ hiểu thuyết đề lên trên đầu sách nữa, song thế cũng chỉ là cái thủ đoạn muốn giảm nhẹ sự công kích của xã hội mà thôi, và cũng không có bằng cứ gì để nói là Vương Thế Trinh làm ra truyện đó.

Tiểu thuyết nói những chuyện phong lưu phóng túng, mà còn hơn cả Kim Bình Mai, thì có chuyện *Ngọc Kiều Lý*, song sách này đến đời Thanh đã mất, có bản tình cờ thấy thì lại không phải là nguyên bản lúc đầu nữa. Lại có chuyện nói của người Chư Thành, Sơn Đông là Đinh Diệu Cang làm, tên là *Tục Kim Bình Mai*, nhưng so với sách trước thì không giống. Đó là sách kể chuyện báo ứng đổi lại sách Kim Bình Mai, tức là Võ Đại thì đời sau bị biến thành dâm phu, Phan Kim Liên biến thành người đàn bà Hà Gian, cả hai cuối cùng đều bị cực hình cả, Tây Môn Khánh thì biến thành một anh đàn ông si ngốc, chỉ biết ngồi nhìn vợ ngoại tình.... Tất cả là để cho thấy rằng thuyết luân hồi là không sai. Từ đây về sau thì tiểu thuyết thế tình hết sức rõ ràng là một lần biến thì thành ra tiểu thuyết báo ứng, biến thành sách khuyến thiện. Theo cách đó thì tiểu thuyết nói chuyện đời sau, nếu cứ suy diễn ra đến ba đời bốn đời cũng có thể làm mãi mà không song, rõ là một cách làm kỳ quái mà thú vị. Có điều là đời cổ, ở Ấn Độ đã từng có làm như “Uyên quật mara kinh” là một ví dụ.

Như trên đã nói, tiểu thuyết thế tình một mặt đã có một phen biến đổi lớn, thành ra tiểu thuyết nói về nhân quả, mặt khác lại dấy lên một lối phản động khác, đó là tiểu thuyết nói về cái gọi là ôn nhu đôn hậu, có thể kể các cuốn *Bình Sơn Lân Yển*, *Hảo Cầu truyện*, *Ngọc Kiều Lê*... làm đại biểu. Chẳng qua các chuyện kể đó thường là theo cách cũ của Kim Bình Mai lấy tên họ các nhân vật trong chuyện ghép lại mà đặt tên sách, chỉ nội dung không phải là trai dâm gái đàng mà lại là tài tử với giai nhân. Và gọi là tài tử, đại loại là biết làm một ít thơ, rồi tài tử giai nhân gặp gỡ nhau, đôi nào đôi nấy đều nhờ thơ từ làm mối lái, điều đó tựa hồ rất trái với lối hôn nhân theo mệnh lệnh bố mẹ và lời ông mai bà mối, đối lập với tập quán cũ thì có chút ý tứ phản đối, song đến khi đoàn viên sum họp, lại thường là vâng theo chỉ của vua mà làm lễ thành hôn, như vậy là chúng ta biết rằng tác giả cốt tìm cho được một cái mũ che lớn nhất. *Loại sách đó, văn chương không có*

bộ nào tốt, mà ở nước ngoài thì lại rất có tiếng. Sở dĩ thế một là vì Ngọc Kiều Lê và Bình Sơn Lân Yến đều có bản dịch ra Pháp văn, Hảo Cầu truyện có bản dịch ra tiếng Đức, tiếng Pháp, vì thế những người nghiên cứu văn học Trung Quốc đều biết mấy cuốn đó, làm văn học sử cho Trung Quốc thì đại khái là có nói đến chúng cả, hai là nếu ở trong chế độ một chồng một vợ mà một giai nhân trở lên yêu chung một tài tử thì sẽ sinh ra chuyện lôi thôi to lắm, còn trong mấy chuyện tiểu thuyết đó thì lại không mấy may có chuyện gì, chỉ một chốc lát là kết hôn với nhau thôi, theo con mắt người họ nhìn thì có hơi mới lạ mà cũng thú vị.

Bài giảng thứ sáu

BỐN DÒNG PHÁI TIỂU THUYẾT

ĐỜI THANH VÀ SỰ TÀN TẠ CỦA NÓ

Tiểu thuyết đời Thanh, về chủng loại cùng với tình trạng đổi thay của chúng, so với đời Minh thì có nhiều hơn chỉ vì thời gian có quan hệ, nên bây giờ tôi chỉ chia làm bốn môn phái để nói qua đại khái thôi. Bốn môn phái là: 1/ Phái nghị cổ, 2/ Phái phóng thích, 3/ Phái nhân tình, 4/ Phái hiệp nghĩa.

1/ Phái nghị cổ - Gọi là nghị cổ, hay là bắt chước theo khuôn mẫu tiểu thuyết cổ, là chỉ bắt chước chí quái đời Lục triều, hoặc bắt chước truyền kỳ đời Đường. Tiểu thuyết từng bản một đời Đường, đến đời Minh đã mười phần mất hết chín. Tình cờ có thấy và bắt chước làm thì người đời xem cho là mới lạ. Cuối Nguyên đầu Minh, trước tiên có Cù Hựu người Tiền Đường, bắt chước truyền kỳ đời Đường, làm sách *Tiến Đẳng Tân Thọa*. Văn chương tuy không có sức, song dùng lời đẹp mà miêu tả tình yêu, nên được đương thời ưa thích đặc biệt, người bắt chước làm theo rất đông, đến nỗi bị triều đình cấm chỉ và phong trào suy dần. Đến khoảng Gia Tĩnh, tiểu thuyết truyền kỳ đời Đường lại nổi lên lại, từ đó người bắt chước đâu đâu cũng thế, các văn nhân đại để đều thích viết một ít bài theo thể truyền kỳ. Còn chuyên làm tiểu thuyết hợp thành một tập, thì có *Liêu Trai Chí Dị* là của người Tri Xuyên, Sơn Đông, Bồ Tùng Linh làm. Có người nói Bồ Tùng Linh trước khi bắt tay vào làm sách, cứ ngày ngày dọn sẵn chè thuốc ở trước cửa, mời người qua đường vào chơi, kể chuyện đời xưa, để lấy tài liệu mà viết, song phần đông những người đó lại là bạn hữu của ông, họ đem những

chuyện đã nghe ở đâu, nhiều người còn đem chuyện mình đọc trong các sách xưa, hơn nữa chuyện truyền kỳ đời Đường, biến hóa đi mà kể - như chuyện Phụng Dương sĩ nhân, chuyện Tục Hoàng Lương v.v... vì thế mà xếp chuyện của ông vào loại nghị cổ. Chuyện trong sách kể, phần lớn là chuyện thần tiên, chuyện ma cáo, chuyện yêu tinh v.v... so với các sách cùng loại lưu hành bấy giờ không khác lắm, song sách của ông có mấy ưu điểm: 1/ Miêu tả rõ ràng mà thâu đáo, văn viết có biến hóa, nhuần nhị mà đạt ý, 2/ Nói chuyện yêu quái mà thường thấy đầy đủ tình người, thông suốt việc đời, làm cho người ta thấy gần gũi được không phải đáng sợ lắm, chỉ dùng điển cũ quá nhiều, làm cho một hạng người nào đó không dễ mà hiểu được.

Liêu Trai Chí Dị ra đời thì lưu hành khắp được chừng một trăm năm, trong khoảng thời gian đó, sách được tán tụng và mô phỏng làm ra rất nhiều. Nhưng đến năm cuối đời Càn Long có người Hiến huyện, Trục Lệ là Kỷ Quân đứng ra phản đối. Kỷ Quân bảo *Liêu Trai Chí Dị* có hai khuyết điểm: Một là thể tài phức tạp. Nghĩa là bảo trong một tác phẩm của một cá nhân, không nên có thể lệ của văn chương hai đời. Nói thể là vì trong *Liêu Trai Chí Dị* có văn chương dài là bắt chước văn truyền kỳ đời Đường lại có văn chương ngắn giống với văn chí quái thời Lục Triều. Hai là miêu tả quá rõ. Thế nghĩa là tác phẩm là thuật lại sự tích của người khác, mà sự tích gì cũng tả một cách tinh tế thâu đáo, không phải tự mình làm hay thấy thì không sao biết được. Vả lại có những điều người đó chưa chắc đã chịu nói ra, thế mà sao tác giả lại biết? Để tránh hai khuyết điểm nêu lên đó, trong sách *Duyệt Vĩ Thảo Đường bút ký* của mình, Kỷ Quân chỉ mô phỏng hoàn toàn thời đại Lục triều, chuộng chất phác, bỏ văn hoa, tự thuật giản đơn và xưa cổ, ra sức tránh cách làm của người đời Đường. Về tài liệu thì đại để là tự tạo lấy, mượn nhiều những chuyện về ma cáo, cốt để công kích xã hội; Theo tôi nhìn thì bản thân Kỷ Quân không tin ma cáo, dùng những chuyện đó chẳng qua vì nghĩ rằng đối với hàng dân ngu thì không dùng thần đạo để giáo dục là không được. Có điều Kỷ Quân có chỗ rất đáng khâm phục, ông sống trong thời đại mà pháp luật kỷ cương nghiêm khắc quá sức như thời đại Càn Long, thế mà dám mượn văn chương để công kích cái lễ giáo bất

thông, cái tập tục hoang đường lắm lẫn, thì lấy con mắt đương thời mà nhìn, quả là một con người rất có khí phách, nghị lực. Rủi sao khi các lưu phái tiểu thuyết đã đến thời kỳ cuối và suy kiệt, thì không ai hiểu được cái tinh thần công kích xã hội ở ông nữa, mà chỉ học đòi cái mặt thần đạo thiết giáo ở ông, vì thế mà cái môn phái tiểu thuyết đó, nói không quá, lại đã biến thành sách khuyến thiện mất rồi.

Tác phẩm của phái nghị cổ, sau khi hai sách nói trên ra đời đều học đòi bọn này, mãi cho đến bây giờ, chẳng hạn ở Thượng Hải còn có một bầy đang bắt chước viết, mặc dầu viết chẳng được tích sự gì, cái học đòi được đại để là cái cặn bã mà thôi, vì thế mà phái tiểu thuyết nghị cổ bị giẫm chết ngay dưới bàn chân tin đồ của nó rồi.

2/ *Phái phúng thích* - Tiểu thuyết mà có ngụ ý chê cười, phúng thích từ đời Tấn đời Đường đã có rồi, đến tiểu thuyết nhân tình đời Minh thì ngụ ý phúng thích càng nhiều. Đời Thanh thì tiểu thuyết phúng thích lại ít. Cuốn có tiếng hầu như duy nhất là cuốn *Nho lâm ngoại sử*. Nho lâm ngoại sử do người Toàn Tiêu, An Huy là Ngô Kính Tử làm Kính Tử mất thấy nhiều, lại có tài biểu hiện, cho nên tự thuật cái gì thì trên mặt giấy như thấy được cả hơi tiếng đáng dấp của cái đó, mà tả hình đáng thái độ của nhà nho thì lại càng đặc biệt nhiều và đặc biệt rõ. Bấy giờ cách đời Minh mất chưa đến một trăm năm, các phong khí đời Minh còn lại trong đám nho sĩ hầy còn, ngoài văn chương bát cổ ra thì họ hoàn toàn không biết một cái gì, cũng hoàn toàn không lấy làm một việc gì. Kính Tử bản thân cũng là một kẻ sĩ, biết rõ hết tình hình trong bọn họ, nên bộc lộ được cái phong thái làm bộ, trò tuồng của họ một cách đặc biệt tỉ mỉ rõ ràng. Sách tuy tự thuật cứ từng đoạn, từng mảnh, không thành một chuyện dài có cấu kết, song biến hóa nhiều, thú vị nồng, *trong tiểu thuyết phúng thích của Trung Quốc từ trước tới nay, không có cuốn nào hay hơn nó được*. Mãi đến cuối triều Thanh ngoại giao thất bại, trong xã hội ai cũng thấy thế nước không lên nổi, hết sức suy nghĩ để biết vì sao mà ra thế, nhà làm tiểu thuyết cũng không muốn tìm xem nguyên nhân ở đâu. Bấy giờ có Lý Bảo Gia quy tội cho quan trường, lấy tên giả là Nam đình đình trưởng, làm bộ sách *Quan trường hiện hình ký*. Bộ sách này rất thịnh hành cuối đời Thanh, song văn chương so

với Nho lâm ngoại sử thua xa, lại nữa, tác giả đối với tình hình quan trường không thấu triệt lắm, cho nên có những điều nói thất thiệt. Tiếp theo Lý Bảo Gia, lại có người Nam Hải, Quảng Đông là Ngô Ốc Nghiêu, ông này thì quy tội có sự bỏ mất nền đạo đức cũ và cũng dùng cái tên giả Ngã Phật sơn nhân, làm bộ sách *Nhị thập niên mục đồ chí quái hiện trạng*. Bộ sách này cũng rất thịnh hành, song miêu tả mặt đen tối của xã hội, lời lẽ thường thường phóng đại, lại không đi được vào những chỗ tinh tế, chỉ như chiếu lệ dùng cái giọng khảng khái hiên ngang mong kích thích người ta, cũng một khuyết điểm như người đình trưởng Nam Đình. Cả hai cuốn này đều dùng những câu chuyện riêng lẻ, đứt đoạn gộp lại mà làm thành sách, không có cốt chuyện và nhân vật chính nào, không khác gì Nho lâm ngoại sử lắm, song thủ đoạn nghệ thuật lại thua nó xa, cho nên hết sức dễ dàng thấy ra rằng Nho lâm ngoại sử mới là tiểu thuyết phóng thích, còn hai cuốn kia thì gần như mảng chui thôi.

Tiểu thuyết phóng thích quý ở chỗ ý tứ thì tinh vi mà lời lẽ thì tế nhị uyển chuyển, còn giả phóng nói quá đi thì mất ngay cái giá trị văn nghệ, song hạng tác gia mặt lưu thì không đoái hoài gì đến điều đó, vì vậy mà tiểu thuyết phóng thích từ Nho lâm ngoại sử về sau, có thể nói là hết tiếng vang.

3/ *Phái nhân tình* - Phái tiểu thuyết nhân tình này, có thể lấy cuốn *Hồng lâu mộng* làm đại biểu. *Hồng lâu mộng* lúc đầu tên là *Thạch đầu ký*, có cả thầy tám mươi hồi, xuất hiện thịnh hành ở Bắc Kinh, vào đời Càn Long. Lúc đầu toàn là bản chép tay, đến năm Càn Long 57, thì có bản khắc in của Trình Vi Nguyên, có thêm bốn mươi hồi nữa, cộng cả là một trăm hai mươi hồi, và đổi tên là *Hồng lâu mộng*. Theo lời Vi Nguyên nói thì do gia đình cũ Cổ Đản Thượng thu thập và tập hợp lại mới thành cuốn sách. Đến như bản đầu tiên thì hiện tại đã ít thấy, chỉ có một bản thạch ấn, song cũng không biết có phải là nguyên bản hay không. Chuyện *Hồng lâu mộng* là chuyện kể sự tình trong phủ đệ họ Giả, trong thành Thạch Đầu - chắc chắn là Nam kinh ngày nay. Nhân vật chủ yếu là con của Giả Chính ở phủ Vinh quốc công, tên là Bảo Ngọc, thông minh hơn người, mà chỉ thích nữ tính. Trong phủ thực ra là lắm con gái, ngoài chủ nhà với người hầu hạ ra, thì thân thích cũng đông như Đại Ngọc, Bảo Thoa v.v... đều là đến ăn ở nhờ

trong phủ. Sử Tương Văn cũng thường đến, mà Bảo Ngọc với Đại Ngọc là mến nhau hơn cả. Sau Giả Chính cưới vợ cho Bảo Ngọc, lại cưới Bảo Thoa, Đại Ngọc biết được rồi thì thổ huyết mà chết. Bảo Ngọc cũng tức bực, không vui, bị thương mà thành bệnh. Về sau, Giả Xá bên phủ Ninh quốc công bị cách chức, tịch thu gia sản, liên lụy đến cả phủ Vinh, gia đình từ đó suy sút, Bảo Ngọc cuối cùng lại sinh diên, sau bỗng lành và thay đổi hẳn, đi thi đỗ cử nhân. Song không bao lâu thì thành linh bỏ nhà, không biết đi đâu. Sau Giả Chính nhân táng mẹ, đi qua một nơi cồn mả, thấy một người đầu trọc chân đất, quay mặt về mình mà lạy, nhìn kỹ thì ra là Bảo Ngọc, đang định hỏi chuyện thì bỗng thấy một nhà sư, một thầy pháp kéo đi mất, đuổi theo tìm không có, chỉ thấy mệnh mông trắng bạch một cánh đồng không mà thôi.

Tác giả *Hồng lâu mộng* thì ai cũng biết là Tào Tuyết Cần, đó là vì sách có đề tên. Nhưng đến vấn đề Tào Tuyết Cần là con người thế nào thì lại ít có người nói đến. Hiện nay nhờ có khảo chứng của Hồ Thích tiên sinh, chúng ta mới biết được đại khái. Tuyết Cần tên là Triêm, có một tên tự nữa là Cần Phổ, là người Hán Kỳ quân, nghĩa là đã đầu hàng và nằm trong tổ chức bát kỳ của Mãn Thanh. Ông nội tên là Dần, triều Khang Hi làm chức Chức tào Giang ninh. Thời gian Thanh Thế Tổ Nam tuần, lấy chế tạo cục làm hành cung. Bố tên là Phủ, cũng làm chức tào Giang ninh. Chúng ta nhờ đó mà biết rằng tác giả lúc nhỏ quả là một công tử con nhà sang giàu, lớn. Ông sinh ở Nam kinh, lúc lên mười theo cha đến Bắc Kinh. Sau đó thì không biết do biến cố thế nào, gia đình bỗng sa sút đi. Khoảng trong ngoài bốn mươi tuổi, Tuyết Cần lâm vào cảnh cùng cực, ở tại ngoại ô phía Tây Bắc Kinh, có bữa ăn không đủ no, mặc dầu vậy, vẫn tha hồ uống rượu làm thơ, và sáng tác *Hồng lâu mộng* cũng là vào khoảng thời gian đó. Đáng tiếc là sau vì có đứa con chết non đi, ông đau thương quá rồi cũng mất luôn, tuổi mới hơn bốn mươi, *Hồng lâu mộng* thế là chưa làm xong, chỉ mới có tám mươi hồi. Bản chuyện mà sau Trình Vĩ Nguyên mới khắc in, có đến một trăm hai mươi hồi, tuy nói là từ nhiều chỗ sưu tập, song kỳ thực là do bạn ông là Cao Ngạc tiếp tục làm thêm cho xong, lại cũng không phải hoàn toàn là nguyên như ông viết.

Về ý nghĩa của cuốn sách thì các thuyết suy đoán rất nhiều. Nay nói những thuyết trọng yếu hơn cả:

1. Cho là sách ghi chép chuyện nhà của Nạp Lan Tính Đức. Kim Soa thập nhị (mười hai thoa vàng), là chỉ những kẻ mà Tính Đức tiếp đón như thượng khách. Sở dĩ thế là vì Tính Đức là một từ nhân (người giỏi thể thơ gọi là từ), là một người thi đỗ sớm, về sau nhà bị tịch thu, phảng phất giống như tình trạng của Bảo Ngọc, do đó mà đoán ra. Song chuyện bị tịch thu thì Bảo Ngọc bị khi còn sống, mà Tính Đức bị khi chết rồi, và những chỗ bất đồng như thế rất nhiều, cho nên sự thực là hoàn toàn không giống nhau lắm.

2. Cho là sách chép chuyện người ta hay kể về vua Thuận Trị với Đồng Ngạc Phi, mà lại cho Đồng Ngạc Phi là Đồng Tiểu Uyển, một gái diễm cũ của Tần Hoài. Lúc đó, quân Thanh xuống Nam, bắt Tiểu Uyển đưa về Bắc Kinh, do đó mà có dịp được vua Thế Tổ nhà Thanh yêu, phong làm quý phi. Sau Tiểu Uyển chết non. Thanh Thế Tổ đau xót khôn cùng, xuất gia đi tu, lên núi Ngũ Đài làm hòa thượng. Trong Hồng lâu mộng Bảo Ngọc cũng làm hòa thượng, thế rõ ràng là ám chỉ một đoạn chuyện cũ đó. Nhưng Đồng Ngạc Phi là người Mãn Châu, không phải là Đồng Tiểu Uyển được, lúc quân Thanh xuống Giang Nam, Tiểu Uyển đã 28 tuổi, còn vua Thuận Trị thì mới 14 tuổi, quyết không có cái lý đem Tiểu Uyển làm phi. Vì vậy, thuyết này cũng không thông.

3. Thuyết thứ ba cho rằng Hồng lâu mộng nói về tình hình chính trị dưới triều Khang Hi, tức là cho Thạch đầu ký là tiểu thuyết chính trị. Chuyện kể trong sách, cốt ở chỗ triều nhà Minh mất, nêu cái sai của nhà Thanh. Như lấy chữ Hồng để chỉ chữ Chu, lấy Thạch đầu để chỉ Kim Lăng, lấy chữ Giả để bài xích ngụy triều, tức là bài xích nhà Thanh, lấy Kim Lăng thập nhị thoa để chê cười bọn danh sĩ đầu hàng nhà Thanh. Song thuyết này không khỏi gần như xuyên tạc, huống gì hiện nay đã biết Tuyết Cần là người Hán Kỳ quân, quốc tịch Mãn, tức là người Hán đã hàng và theo nhà Thanh rồi thì tựa hồ không đến nỗi lại làm cái việc thay người Hán mà ôm tấm lòng đau mất nước nữa.

4. Cho rằng Hồng lâu mộng là chuyện tự sự, kể việc của bản thân mình. Thuyết này có rất sớm, người tin thì lại rất ít, song hiện nay thì lại nhiều ra. Vì lẽ chúng ta đã biết, cảnh ngộ của bản thân Tào Tuyết Cần, nó rất khớp với chuyện kể trong sách. Cả ông, cả bố Tào Tuyết Cần đều có làm chức tạo Giang Ninh cả, cảnh gia đình hào hoa, gần giống trong phủ họ Giả. Tuyết Cần lúc bé là một cậu ấm xinh xắn giống như Bảo Ngọc. Về sau bỗng trở nên nghèo khổ, cho là do bị tịch thu hay bị một sự cố gì gần như thế mà đến nông nổi thì cũng là hợp tình hợp lý thôi. Cho nên thuyết cho Hồng lâu mộng là chuyện tự sự là thuyết đáng tin hơn hết.

Đến như *giá trị của Hồng lâu mộng*, thì tuy vậy mà trong tiểu thuyết Trung Quốc thực ra không mấy bộ đạt đến. Cái điểm trọng yếu của nó là dám cứ thực mà miêu tả, hoàn toàn không kiêng kỵ tô vẽ gì, so với những tiểu thuyết trước, nói đến người tốt thì cứ hoàn toàn tốt, đến người xấu thì cứ hoàn toàn xấu, thật là không giống nhau, cho nên những nhân vật trong chuyện đều là những nhân vật thực cả. Tóm lại từ khi có Hồng lâu mộng về sau, tư tưởng cũng như lối viết truyền thống đều bị đập tan. Còn cái văn chương tha thuật triền miên của Hồng lâu mộng lại là chuyện không quan trọng bằng. Tuy vậy, người phản đối cũng rất nhiều, cho là có ảnh hưởng không tốt đến thanh niên. Nghĩ như vậy là vì người Trung Quốc xem tiểu thuyết, không biết dùng thái độ thưởng thức mà xem thôi, lại là tự thân xuyên sâu vào trong chuyện, nằm vào lý lịch, thân thế từng người. Thanh niên xem Hồng lâu mộng thì tự cho mình là Bảo Ngọc, Đại Ngọc, còn người có tuổi xem thì lại thấy đúng vào vị trí của Giả Chính quân thúc Bảo Ngọc kia, hạng nào cũng chỉ lo tính toán lợi hại mà thôi, ngoài ra gì cũng không nghĩ đến nữa. Hồng lâu mộng ra đời rồi thì người tiếp tục làm thêm hết sức đông, có Hồng lâu mộng hậu, Tục Hồng lâu mộng, Hậu Hồng lâu mộng, Hồng lâu phục mộng, Hồng lâu bổ mộng, Hồng lâu trùng mộng, Hồng lâu ảo mộng, Hồng lâu viễn mộng... đại khái đều là sửa chữa lại cảnh đồ vớ, kết thúc lại bằng cảnh sum họp đoàn viên. Cho đến khoảng giữa Đạo Quang, Hồng lâu mộng kể đã nghe chán. Có điều nói đến nhà người thường thì gia nhân ít khi có, sự việc cũng không nhiều. Thế là người ta đem dùng cái điệu bút Hồng lâu mộng mà miêu tả sự việc của gái điếm,

của kẻ làm nghề tuồng trò và cục diện tiểu thuyết lại biến thiên, đổi khác đi một lần nữa. Đến đây có cuốn *Phẩm hoa bảo giám* và cuốn *Thanh lâu mộng* có thể làm đại biểu. Phẩm hoa bửu giám mô tả những kẻ làm nghề tuồng trò tại Bắc Kinh từ đời Càn Long về sau. Nhân vật trong chuyện tuy so với Hồng lâu mộng không giống nhau, nhưng vẫn lấy triền miên làm cốt. Người cô đầu và khách làng chơi tả trong đó cùng với nàng giai nhân và chàng tài tử không khác gì nhau bao nhiêu. Còn Thanh lâu mộng thì toàn nói chuyện gái điểm chỉ không phải tả thực hoàn toàn mà theo lý tưởng của tác giả. Tác giả cho rằng chỉ có gái điểm là tri kỷ của tài tử, hai bên trải qua một số trắc trở nào đó rồi lại được đoàn viên sum họp với nhau, như vậy là họ cũng chưa thoát khỏi cái khuôn sáo cũ của tài tử giai nhân đời Minh mạt. Đến giữa niên hiệu Quang Tự, lại có sách *Hải thượng hoa liệt truyện* xuất hiện, tuy cũng tả gái điểm, song không giống cái lý tưởng của Thanh lâu mộng kia. Đến năm cuối Quang Tự thì loại chuyện Cửu vĩ qui (Rùa chín đuôi) ra đời, gái điểm tả đây, toàn là bọn xấu, làng chơi thì giống đồ vô lại, so với Hải thượng hoa liệt truyện lại không giống nhau nữa rồi. Như vậy là cách thức tả gái điểm biến đổi đến ba lần, lần đầu là tốt tràn, giữa là gần thật, đến cuối lại xấu tràn, lại cố ý cường điệu lên và đâm ra chửi mắng, có mấy cuốn lại thành ra cái công cụ để vu oan, nói dối. Tiểu thuyết nhân tình vào thời cuối mạt đến như thế, thực là điều đáng lạ lùng.

4/ *Phái hiệp nghĩa* - Tiểu thuyết của phái hiệp nghĩa có thể lấy cuốn *Tam hiệp ngũ nghĩa* làm đại biểu. Nguồn gốc của sách này, sách để đọc mà kể chuyện lại trong các tiệm trà, sau có người hay văn đem viết lại, rồi sách được lưu truyền trong xã hội. Thời bấy giờ có các tiểu thuyết như Hồng lâu mộng nói chuyện tình mềm yếu, Tây du ký cùng môn phái của nó chuyên nói chuyện yêu ma, nói chung người ta nghe đã chán lắm rồi, chuyện *Tam hiệp ngũ nghĩa* xuất hiện là mở ra một cục diện hết sức mới lạ cho nên lưu hành đặc biệt mau, đặc biệt nhiều. Khi Phan Tổ Ấm từ Bắc Kinh về Ngô, đưa sách cho Du Khúc Viên xem, Khúc Viên rất khen, chỉ ngại quá trái với lịch sử, nên sửa lại cho hồi thứ nhất. Lại vì trong sách có Bắc hiệp, Nam hiệp, Song hiệp thì thực ra đã bốn người, đặt tên là Tam hiệp thì không đúng, nên lại thêm vào Ngải Hồ và Trầm Trọng Nguyên và đành đổi là Thất

hiệp ngũ nghĩa. Bản sửa đổi lại này, hiện nay lưu hành mạnh ở miền Giang Chiết. Song ngay cả Tam hiệp ngũ nghĩa cũng không phải là sách sáng tác ra một lần. Chẳng hạn chuyện Bao Chửng trong triều đình nhà Tống, cứ rần ngay thẳng thế nào, trong Tống thư đã viết thành truyện, mà tiểu thuyết của dân gian thì đã tả ông ta xử sự quái dị đến thế nào; đến triều Nguyên thì chuyện *Bao Chửng* đã thành ra chuyện đời xưa người ta thường kể, và đời Minh thì đã dần dần diễn ra thành tiểu thuyết, tức là *Long đồ công án*. Về sau nữa, Long đồ công án lại kết cấu chặt chẽ thêm và thành ra pho sách Long đồ công án lớn, là bản mẫu của Tam hiệp ngũ nghĩa sau này. Rồi vì sách được xã hội hoan nghênh nhiều, nên lại có nào là Tiểu ngũ nghĩa, Tục tiểu ngũ nghĩa, nào Anh hùng đại bát nghĩa, Anh hùng tiểu bát nghĩa, nào Thất kiếm thập tam nghĩa, Thất kiếm thập bát nghĩa v.v.... bao nhiêu cuốn tiếp bước ra đời. Loại tiểu thuyết này, đại khái kể chuyện các tay hiệp nghĩa, diệt giặc cướp, dẹp yên những vụ phản loạn, trong đó chuyện nào cũng lấy một vị quan to, một kẻ bầy tôi có tiếng, cho thống lĩnh chỉ huy tất cả. Đầu tiên nên kể *Thi công án*, đồng thời với nó lại có *Bành công án* nữa, loại tiểu thuyết đó cũng thịnh hành một thời. Hiệp khách mà tất cả các tiểu thuyết này mô tả quá nửa là những tay thổ hào, rất giống các nhân vật trong Thủy Hử truyện cho nên tuy sự việc có thật thì từ Long Đồ Công Án mà ra những nguồn gốc thì vẫn từ Thủy Hử mà có, chỉ khác ở chỗ các loại tiểu thuyết này thì lại giúp chính phủ, đó là chỗ không giống nhau trong tư tưởng của các tác giả mà đại khái cũng là do bối cảnh xã hội không giống nhau đó thôi. Các cuốn sách này đại để ra đời vào năm đầu Quang Tự, đầu tiên cuốn nào cũng có mấy hồi nói về chiến tranh trong nước, như chiến tranh dẹp yên Trường Mao, dẹp yên phỉ Niệp, phỉ tôn giáo v.v.... khá đông những người ở nông thôn cũng như thành thị, những đồ thô bỉ vô lại, nhân tòng quân mà lập được công, nên rất được kính trọng, nhân dân thì thường thương mến họ, thèm muốn được như họ, rồi thích nghe kể như kể chuyện đời xưa những chuyện “vì vua mà đi tiên phong”, vì thế mà loại tiểu thuyết phát sinh trong các tiệm trà cũng tự nhiên chịu ảnh hưởng của tình hình xã hội đó. Hiện giờ đây chuyện Thất Hiệp ngũ nghĩa đã ra hai mươi bốn tập, chuyện Thi công án ra đến mười tập và Bành công án mười bảy tập, mà đại để nghìn bài một kiểu, lời lẽ lảm chễ không thông, chúng ta đối với chỗ

này, không phê bình làm gì lắm mà chỉ thấy được rất rõ là tác giả cũng như khán giả đang nào cũng có tài không sợ phiền đến thế, và như thế cũng là một cái kỳ tích đó thôi.

Bốn phái tiểu thuyết mà tôi giảng trên kia, đến nay vẫn đang rất thịnh hành. Ngoài ra lại còn những phái nhỏ vụn vặt với tác phẩm của họ nữa, như chỉ nên lược bỏ đi thôi. Đến như tiểu thuyết của phái mới phát sinh từ khi thành lập Dân quốc đến nay, thì tuổi còn rất trẻ - và chính vì đang lúc phát triển sáng tạo, chưa có trước tác nào là lớn lắm, cho nên cũng chưa đề cập đến.

*

* *

Những bài Tình hình biến đổi trong lịch sử của tiểu thuyết Trung Quốc, tôi giảng đến hôm nay, giờ này là xong. Trong hai tuần giảng vội vã, chỉ nói được cái đại khái, được điều này thì mất điều nọ, tất nhiên là không tránh khỏi, thêm vào đó, hiểu biết của tôi lại ít thế, nói pho lại vụng thế, rồi trời lại oi bức thế, mà các vị lại thủy chung đến nghe tôi giảng xong đông thế, điều đó làm cho tôi vô cùng ái ngại và cảm tạ.

Phần thứ hai HÁN VĂN HỌC SỬ CƯƠNG YẾU

I. TỪ VĂN TỰ ĐẾN VĂN CHƯƠNG

Thuở xưa cư dân nguyên thủy sống từng bầy, chắc là chỉ dùng điệu bộ, thanh âm mà ngỏ tình ý cùng nhau. Thanh âm biến hóa nhiều ra, dần dà thành tiếng nói; tiếng nói nghe hài hòa, hay đẹp thời bắt đầu thành ca ngâm. Bấy giờ đang lúc sơ khai, con người thật thà chất phác, tâm trí dồn dập bên trong thì tự nhiên ca hát lên; thấy đất trời biến đổi ở ngoài thì kính sợ rồi ngợi ca chúc tụng, nhẩy nhót ngâm than. Những lời lẽ xuất chúng hơn cả liền được mọi người tán thưởng, ghi nhớ không quên rồi kể tai hé miệng truyền đi cho đến mai sau. Lại có thầy bói, cô đồng, chuyên việc làm trung gian giữa thần và người, nâng lên thành ca múa để mong cầu ơn thiêng và tán tụng thêm ra với mọi người, do đó tác dụng càng thêm rộng lớn. Thử xem những dân man rợ ngày nay, tuy còn rất là thú vật, chưa có áo quần, nhà cửa, chữ nghĩa gì hết, nhưng những bài ca tụng thần thánh, bộc lộ tình cảm, cũng như những người kêu hồn gọi quỷ đều có cả. Lã Bất Vi nói: “Xưa kia, nhạc của họ Cát Thiên là ba người nắm đuôi trâu, dẫm chân mà hát theo nhịp” (*Lã Thị Xuân Thu, Trọng hạ kỉ, Cổ nhạc*). Còn Trịnh Huyền thì nói: “Thơ bắt đầu có, chắc không phải trong đời Thượng hoàng” (*Tựa - Thi phả*). Tuy thời cổ xưa không có chữ nghĩa gì ghi lại, khó có chứng cứ để chúng ta tin, nhưng cứ nhìn vào người man rợ ngày nay, lại quan sát tâm lý con người, thì nên cho lời của họ Lã là gần với sự thật.

Song lời nói cũng chẳng khác gì sóng gió, khi cơn bão, cơn mưa đã

qua, thì dấu vết còn lại chỉ lờ mờ; nếu chỉ nhờ vào cửa miệng lỗ tai thì sao đủ để truyền xa hoặc truyền về sau được. Nhà thơ cảm xúc trước sự vật, phát ra thành thơ ca, ngâm nga xong là sự vật hết. Nếu muốn ghi lại lời nói việc làm, giữ lại công trạng mà chỉ nhờ vào lời nói thì chỉ sợ quên mất, cho nên người xưa thường “thắt dây” để nhớ, rồi thánh nhân đời sau đổi thành *thư kế*. Phép thắt dây thế nào nay khó mà biết rõ, còn *thư kế* thì tương truyền: “Bào Hy xưa làm vua thiên hạ, ngửa mặt quan sát các hiện tượng trên trời, cúi đầu xem các phép tắc dưới đất, nhìn hình dáng chim muông cùng sự thích nghi với mặt đất của chúng, gần thì lấy từ mình, xa thì lấy từ vật, rồi bắt đầu làm ra tám quẻ” (*Kinh Dịch*, Hạ hệ từ); “Vua Thần Nông lại gấp đôi lên mấy lần làm ra 64 hào” (Tư Mã Trinh, *Bổ sử ký*), việc ấy rất giống việc bắt đầu làm ra văn tự. *Quẻ* và *hào* nay còn đầy đủ trong *Kinh Dịch*, cứ xếp nhiều vạch lại với nhau thì thành ra hình (tượng), các vạch ngắn và các vạch dài tổng hợp lại theo nhiều cách biến hóa có hạn, cùng với văn tự sau này không có quan hệ gì.

Hứa Thuận cho rằng: “Thương Hiệt, viên quan của vua Hoàng Đế, thấy dấu chân của chim muông, biết phân biệt tách bạch ra thì thấy có những chỗ khác nhau, mới bắt đầu làm ra “*thư kế*” (*Tựa Thuyết văn giải tự*). Tóm lại, văn tự có được là phải qua nhiều năm tháng lâu dài, lại do nhiều người cùng làm, cả bảy người đều hiểu được thì văn tự mới có thể lưu hành; ai là tác giả? Khó mà nói cho đúng, qui công cho một ông thánh, cũng chỉ là một cách nói hoang đường mà thôi.

Hứa Thuận nói: “Thương Hiệt bắt đầu đặt ra chữ chắc là theo đúng loài mà vẽ (tượng) ra hình cho nên mới gọi là văn (vẽ). Về sau hình vẽ và thanh âm thêm vào nhau, mới gọi là chữ (tự). Tự có nghĩa là sinh để nuôi nấng cho sinh sôi thêm. Viết lên tre lụa thì gọi là sách (thư). Cái gọi thư là như vậy...”. Sách Chu Lễ nói: 8 tuổi vào tiểu học, quan Bảo Thị dạy con các quan, trước tiên là dạy sáu thư. Thư thứ nhất là chỉ sự; chỉ sự thì xem mà biết được, xét mà thấy được, như chữ thượng (trên) và hạ (dưới); thứ hai là tượng hình, tượng hình là vẽ ra cái vật, tùy hình thể mà quanh cảm ơn như chữ nhật (mặt trời), nguyệt (mặt trăng); thứ ba là hình thanh, hình thanh là lấy sự vật làm cái tên đem ví dụ vật này với vật nọ mà làm thành chữ như

giang, hà (sông); thứ tư là hội ý, hội ý là ghép những loại khác nhau lại bên nhau, phối hợp nhau lại mà ngầm nghĩ để thấy được cái chữ ấy chỉ ra cái gì, như chữ vô (bước chân) chữ tín (tin); thứ năm chuyển chú là đặt ra một bộ thủ, đồng ý chấp nhận, như chữ khảo và chữ lão; thứ sáu là giả tá, giả tá là vốn không có chữ ấy, theo thanh âm mà gán gởi sự vật, như chữ lệnh, chữ tưởng. (Tựa: *Thuyết văn giải tự*). Chỉ sự, tượng hình, hội ý là việc của hình thể; hình thanh, giả tá là việc của thanh âm; còn chuyển chú là việc làm huấn hử (tức việc dạy chữ gồm mặt chữ, cùng âm thanh và nghĩa - ND). Thư kể đời Ngu, Hạ nay không thấy được, *Câu lâu* của vua Vũ là sách giả không đáng bàn. Từ đời Thương Chu trở đi thì chữ khắc vào xương thú, mai rùa, kim loại và đá rất nhiều, xuống đến Tần Hán văn tự càng phong phú, đem thu cả vào “lục thư” chỉ là gượng ép. Tóm lại có thể nói văn tự, tức là chữ lúc mới đầu đặt ra hẳn là vẽ theo hình, mắt thấy mà hiểu, không đợi phải dạy và học, sau tiến dần lên thì loại chữ hội ý, chỉ sự mới đặt ra. Văn tự ngày nay, loại hình thanh nhiều, song xét cách cấu tạo thì chín phần mười là lấy loại hình tượng làm gốc, học một chữ phải biết được hình, âm và nghĩa, cả ba: miệng đọc tai nghe cái âm, mắt nhận cái hình, bụng thông cái nghĩa; ba điều ấy đủ cả thì việc học một chữ mới gọi được hoàn tất. Còn nói đến văn chương thì tả núi cao vút hóc hiểm, tả nước nói sâu rộng dạt dào, nói chon von xanh rậm thì như nhìn thấy cỏ cây, viết các chữ mè, trắm, chép, rõ thì như nhìn thấy cá thật. Ấy cái hàm ý cái nghĩa của chữ phải đủ ba cái đẹp cái hay: cái âm hay để cảm lỗ tai, cái hình đẹp để cảm con mắt, cái ý hay để cảm tấm lòng. Chắp nối văn tự lại với nhau cũng gọi là văn hay (hay làm văn). Việc ấy thịnh đạt có lẽ do các thầy bói (vụ) và quan giữ sách (sử), thầy bói làm để ghi lại việc của thần, các quan giữ sách thì ghi lại việc của người; song cũng để báo cáo lại việc với trời. Giở *Kinh Dịch*, *Kinh Thư* ra thỉnh thoảng còn phảng phất thấy được cái ý ấy. Còn như cái thực trạng của đời thượng cổ thì mặt mù không tra cứu vào đâu được: tên các vua chúa đứng đầu, cũng khó biết chắc. Người đời cho Tam hoàng là Thiên hoàng, Địa hoàng, Nhân hoàng là xếp theo thứ tự mà các bộ “tam tài” ấy bắt đầu có; kể đến nói có Hữu Sào, Toại Nhân, Phục Hy, Thần Nông là nói rõ cái lịch trình tiến hóa của loài người; những điều đó chỉ là do người đời sau đặt ra mà gọi, không phải là tên, hiệu có thật. Xuống đến đời Hiên Viên, mới có

nhiều truyền thuyết, đến đời Ngu, Hạ mới có thứ văn chép trên thẻ tre trong lụa giấy truyền đến ngày nay.

Thầy bói, quan giữ sách không phải là nhà thơ, chức trách của họ chỉ là truyền lại các sự việc, song lúc đầu cũng chỉ bằng vào lỗ miệng, lỗ tai, sợ sẽ sai lầm đi nên cũng luyện câu, ghép vần để dễ ghi nhớ, dễ đọc. Văn tự có rồi, không còn mối lo sai lầm nữa, nhưng sách, thẻ nhiều và nặng; viết lách, xóa, gọt cũng mệt nhọc cho nên cũng phải bớt lời văn để tiết kiệm vật lực; cũng có lúc nhân thói quen cũ mà làm văn vần. Đến nay truyền lại có Đạo ngôn của Hoàng đế (xem *Lã Thị Xuân Thu*) Kim nhân minh (theo *Thuyết Uyển*) *Đan thư* của Chuyên Húc (theo sách *Đại đài lễ kỷ*) Chính ngữ (theo sách *Giả Nghị tân thư* nói là của Đế Cốc). Những sách đó tuy đều do người Tần Hán đưa ra nhưng không đáng tin cậy, đại để lời văn cũng ghép vần (hiệp âm) từ cũng đối ngẫu, làm cho đọc giả thuận miệng khi đọc, cũng là cách nói trên kia vậy.

Do những điều trên mà suy ra thì văn chương lúc đầu vốn đã có phần khác ngôn ngữ, nó có vần điệu để truyền tụng, “nói thẳng ra là ngôn, bàn luận là ngữ”, đó là điều phân biệt giữa ngôn và ngữ. Có điều theo *Nghệ văn chí* trong *Hán thư* thì đời Hán, phàm những cái viết lên tre lụa thì đều gọi là văn chương cả. Về sau lại mở rộng phạm vi ra, tất cả những gì viết ra, mô tả ra, mắt thấy được đều gọi là văn chương. Lưu Hiệp đời Lương đi đến chỗ cho rằng: “Văn bắt nguồn từ Đạo” (Nguyên đạo, *Văn tâm điều long*) cái mà “tam tài” biểu hiện ra là do cái dự huyền của “đạo”, “hình dung thì chương thành; thanh phát thì văn sinh”, cho nên đường văn trên da hổ vẻ đẹp của rắng sa, tiếng rùng vi vu, tiếng suối róc rách đều là văn chương cả. Thuyết ấy nghe ra mênh mông, mờ mịt, khó mà thẩm tra cho chính xác. Xét theo nghĩa hẹp thì như *Kinh Dịch* nói: “Vật đan dệt vào nhau thì gọi là văn”. Sách *Thuyết văn giải tự* thì nói: “Văn là nét vẽ chằng chịt với nhau”. Như vậy thì có thể biết rằng, cái gọi là văn tất phải có sự sắp xếp chằng chịt; chằng chịt mà không rối loạn thì đã thành một hình tượng xinh đẹp. Đến như Lưu Hy thì lại nói: “Văn là tập hợp nhiều vẻ lại mà làm thành gấm thêu, tập hợp nhiều chữ mà thành là có nghĩa, như là vóc gấm vậy” (*Thích danh*). Nói thế thì rõ ràng văn chương phải là lời lẽ, có nghĩa lý, lại có văn

vẻ màu sắc như vóc gấm thêu đùa vậy. Sách *Thuyết văn* lại có chữ văn nói: “Văn, ấy là hoặc; hoặc ấy là văn chương vậy”. Văn chương là như vậy. Song sau khi cần chữ ấy nữa mà chỉ viết hai chữ văn chương; hiện nay thì thường dùng văn học.

Lưu Hiệp trong thiên *Nguyên đạo* cho rằng con người “là cái đặc biệt khác lạ của ngũ hành, là tâm của trời đất, tâm sinh thì ngôn lập, lời nói thành thì văn sáng tỏ, đó là cái đạo tự nhiên vậy. Nói rộng ra đến muôn vật thì động (vật) thực (vật) đều là văn cả. Song từ Tấn, Tống trở đi, sự phân biệt giữa văn và bút lại rất nghiêm ngặt. Thiên *Tổng thuật* của họ Lưu lại nói: “Nay thường nói có văn có bút, cho rằng không văn là bút, có văn mới là văn”. Tiêu Thích lý giải lại càng rõ hơn: “Môn đồ ngày nay, dạy học lẫn nhau, kẻ thông hiểu kinh của thánh nhân thì gọi là nho, còn bọn Khuất Nguyên, Tống Ngọc, Mai Thặng, Trường Khanh chỉ làm từ phú mà thôi thì gọi là văn... Đến như không tiện làm thơ như Diêm Toãn, giới chương tấu như Bá Tùng, những kẻ loại đó đều gọi chung là bút. Những kẻ ngâm vịnh phong dao, triền miên thương nhớ thì gọi là văn”. Lại nói: “Bút lui thì chẳng qua chỉ cốt thành bài, tiến thì cũng không thể nói thành thân, thủ nghĩa, cái thần cái khéo chỉ ở đầu ngọn bút. Đến như văn thì phải gấm thêu hoa nở, tiếng cung cung tiếng chũng nhuần nhuyễn, lưỡi miệng ăn nhịp, tinh thần rung động. Mà văn bút xưa cùng văn bút nay, nguồn gốc lại khác nhau”. Thiên *Lập ngôn* sách *Kim lâu tử* cho rằng: Thời ấy ranh giới văn chương rất có thể cũng dích dắc; buông ra thì bao gồm hết hình và thanh của muôn bài, thắt lại thì vứt bỏ những lối tự, ký giản đơn, nhất định phải có lời đẹp câu hay cảm động lòng người thì mới gọi được là văn không được thế thì gọi chung là bút.

Người ta còn nói từ bút là thi bút, hai cái đối nhau; đời Đường vẫn dùng, đến Tống Nguyên thì nghĩa lấy lu mờ đi, từ đó những bài loại tản văn cũng gọi là văn, và đứng về công dụng thì văn ấy là để chỗ đạo; nó đề cao khoa học kinh huấn, gạt bỏ đi những lời đẹp câu hay, giảng giải, khuyên răn đề cao thành văn uyển. Nguyễn Nguyên đời Thanh làm *Văn ngôn thuyết*, còn là Phúc lại làm *Văn bút đối*, muốn làm sáng lại nghĩa xưa, nhưng thuyết của họ không thực hiện được.

II. KINH THƯ VÀ KINH THI

Sách *Chu Lễ* nói: Quan ngoại sử giữ sách của Tam Hoàng Ngũ Đế, nay chẳng biết sách ấy là sách ấy. Giả sử sách của Ngũ Đế là “Ngũ điển” thì ngày nay chỉ còn có *Nghiêu điển* trong sách *Thượng thư*. “Thượng là thượng vì vậy trên làm ra dưới viết lại” (Thiên *Tu tụng* trong sách *Luận hành* của Vương Sung). Hoặc là nói: “Đó là sách từ thượng đại - đời trước, để lại đến nay”. (Sách *Thượng thư chính nghĩa* của Khổng Đình Đạt). Các sách vĩ thư (sách mượn kinh nghĩa để bói toán - ND) thì nói: “Khổng tử tìm sách, được cuốn sách của người chít (huyền tôn - ND) của Hoàng đế là Đế khô, chép đến Tần mục công, có đến 3240 thiên. Cắt dài lấy ngắn, để làm khuôn phép cho đời được 120 thiên; hợp 102 thiên thành *Thượng thư*, 18 thiên thành *Trung hầu*, bỏ đi 3120 thiên”. (Sách *Thượng thư truyền kì kiểm* là người đời Hán nói ngoa thêm, không thể tin được. Sách *Thượng thư* vốn có 100 thiên: *Ngu Hạ thư* 20 thiên, *Thượng thư*, *Chu thư* mỗi cuốn 40 thiên. Nay vốn có lời tựa, tương truyền là của Khổng Tử làm, nói cái ý làm ra sách như thế nào (*Hán thư*, *Nghệ văn chí*) nhưng cũng khó tin, vì văn viết không giống của họ Khổng. Nhà Tần đốt sách vở, Phục Sinh người Tế Nam ôm sách giấu trong núi nhưng rồi sách lại mất đi. Nhà Hán lên, Cảnh đế sai Triệu Thác đến học miệng (khẩu truyền), song chưa được bao lâu thì Phục Sinh già chết, chỉ truyền lại được Thiên *Nghiêu điển* đến thiên *Tần thệ* cả thấy 28 phiên, vì thế người đời Hán thường đem sánh với nhị thập bát tú (sao - ND).

Thế lệ *Kinh thư* có 6 là điển (phép) mô (muru) huấn (dạy) cáo (mách) thệ (thề) rất giống lối ký, còn ngoài ra thì đại khái ở dưới ở dưới lối huấn trên lối cáo, giống lời tấu nghị và lời chiếu mệnh đời sau. Văn *Kinh thư* chất phác, lại trực trặc khó đọc, đến như đem lời đẹp, có vần vào để trang sức thêm cho dễ học, tiện lợi lúc đi xa thì lối ấy cũng đã được làm từ lâu rồi. Vệ Hoàng đời Tấn có nói: “Phục Sinh già, không nói đúng được, nói ra không ai hiểu, cho nên sai con gái dạy cho Thác. Tiếng Tề nói khác tiếng Đinh Xuyên, Thác không hiểu, mười tiếng có đến 2, 3, chẳng qua lấy ý chép nhặt lại mà đọc thôi”, cho nên những chỗ nan giải quá nhiều nay ghi lại một đoạn nói chuyện trong Thiên *Nghiêu điển* để thấy được đại khái:

“... Để nói: Than ôi, ai là người hiện giờ nên đưa lên để làm việc? Phóng Tề thưa: Nên đưa người con nối ngôi là Đan Chu lên, Đan Chu cởi mở, thông minh. Để bảo: Hừ! Nó bất trung bất tín lại thích tranh cãi kiện tụng, người như vậy mà cũng đưa lên được sao? Để lại nói: Than ôi! Ai là người cùng ta làm việc được? Hoan Đậu thưa: Tốt lắm, có Cung Công, y vừa tập hợp người lại mà đã thấy công việc có kết quả rồi. Để bảo: Hừ! Cung Công khéo nói nhưng làm thì sai trái, tội ác của y khắp trời. Để nói: Than ôi! Chư hầu bốn phương này, nước lụt chảy tràn tai hại, bọc quanh hết núi, ngập lụt hết gò đồi, mệnh mông, dọn đến tận trời, dân chúng thở than khôn xiết, ai có tài năng thì khiến ra trị (thủy). Mọi người thưa Ông Cồn tài năng làm sao! Để bảo mình không thấy thế: Cồn hay trái mệnh, làm hỏng mọi công việc. Chư hầu thưa: Lạ quá nhưng cứ thử xem có làm được không rồi hãy thôi. Để bảo: Được, đi làm đi. Kính vậy thay? Chín năm công việc chẳng thành. Để bảo: Than ôi! Chư hầu bốn phương này, ta ở ngôi vua 70 năm rồi, anh dùng mệnh được, ta nhường ngôi ta cho. Chư hầu thưa: Tôi đức kém, không xứng đáng với ngôi vua. Bảo: Anh nên cử những kẻ có đức sáng, những kẻ ở trong chỗ hẻo lánh quê mùa, đừng câu nệ sang hèn. Mọi người cùng để nói: Có người không vợ ở dưới tên là Ngu Thuấn. Để bảo: Ừ, ta có nghe. Thế nào? chư hầu thưa: Thuấn là con của kẻ có mắt mà như mù lòa, cha thì ngu đốt càn dỡ, mẹ thì ăn nói không thật thà ngay thẳng, em là Tượng thì ngạo mạn. Thuấn lấy sự hiếu thảo của mình mà làm cho cả nhà ăn ở hài hòa, thịnh đạt và có thứ lớp, không có ai đến chỗ làm điều gian phi. Để bảo: Thế thì ta nên thử xem. Các anh từ nay nên để ý xem Thuấn làm gương mẫu cho hai người con gái của ta thế nào. Và để đưa hai nàng gả xuống làm vợ người họ Ngu”.

Dương Hùng nói: “Ngày xưa, những người giảng *Kinh Thư* rồi viết lời tựa có đến hàng trăm... Sách đời Ngu đời Hạ chất phác, hồn nhiên, sách đời Thương phóng khoáng, không câu nệ; sách đời Chu đúng đắn, nghiêm trang. Thiên *Vấn thần* sách *Pháp ngôn* viết: vua đời Ngu đời Hạ, truyền ngôi cho người hiền; sách của họ chỉ nói nhiều về thành tích trị nước; phát triển, tuyên dương những công lao tốt đẹp, cho nên lời văn sâu và lớn; đời Chu nhiều cuộc chinh phạt, trên dưới tranh nhau, công việc nguy hiểm, lời

nói thiết tha thì vẫn nghiêm túc mà không a dua vay mượn. Chỉ các sách đời Thương là thỉnh thoảng có những âm thanh bị ai kích động, như leo sườn núi cao mà mất tay vịn; vẫn như vậy mà cho là yên vui khoáng đạt, thì thiết là điều chưa rõ được, chẳng hạn đoạn *Tây bá diệt Lê* sau đây: “Tây bá đã diệt tộc Lê rồi, ông Tổ Y sợ, chạy mách với vương rằng: Thiên tử ơi! Trời đã coi mệnh của nhà Ân ta hết rồi; người có đạo, con rùa lớn, không dám viết đó là việc lành. Không phải các tiên vương không giúp bọn người sau là chúng ta đâu; chỉ do vương đam mê chơi bời, mình tự tuyệt lấy mình đó thôi. Vì thế cho nên trời bỏ ta, chẳng được yên vui, chẳng có gì ăn để sống, chẳng sáng tính trời, chẳng đi đến chỗ tuân giữ Pháp điển. Nay dân ta không ai muốn mất đi; họ nói: Trời sao chẳng giáng oai, mệnh lớn chẳng giữ? Nay vương định thế nào? Vương nói: Hỡi ôi! Ta sinh ra không có mệnh ở trời hay sao? Tổ Y lại nói: Than ôi! Tội ngài nhiều cái xen vào ở trên thế mà ngài còn có mệnh được sao? Nhà Ân mà nhất định mất là do việc làm của ngài; có thể không có sự giết chóc trong nước ngài được sao?”.

Thời vua Võ Đế, Lỗ cung vương hủy cái nhà cũ của Khổng Tử, được cuốn sách do cháu xa của Khổng Tử là Huệ cát dấu, chữ viết đều là chữ xưa, Khổng An Quốc dùng kim văn (văn nay - ND) hiệu đính lại, được 25 thiên, trong đó có 5 thiên giống của Phục Sinh, đọc lại, nhân gộp lại với những bản cổ văn, đặt thành các thiên và sắp xếp thứ tự, dùng chữ lệ viết ra, hợp lại thành 58 thiên, nhân vụ án thuốc độc, không tàu lên được chỉ truyền riêng cho học trò, gọi là dòng học Thượng thư cổ văn. (*Tùy thư. Kinh tịch chú*). Còn bản do Phục Sinh truyền miệng lại trước kia, do viết bằng chữ lệ đời Hán nên gọi là kim văn.

Sách họ Khổng truyền lại, do vụ thuốc độc à không lưu hành được, rồi có bọn Trương Bá giả mạo ra 24 thiên thư *Thuấn điển, Mịch tác*... cũng gọi là Kinh thư cổ văn, song lời lẽ thô thiển quê mùa không đủ cho người đời tin tưởng. Còn bản *Thượng thư cổ văn* của họ Khổng truyền lại ngày nay do Mai Trách người Dự Chương đời Tấn tâu lên vua thì chỉ mất có một thiên *Thuấn điển*. Đến đời Tùy mới quyền mua được thiên ấy, đời Đường Khổng Dĩnh Đạt chú giải thêm, thiên ấy mới lưu hành rộng rãi. Ngô Vực đời Tống bắt đầu ngờ vực, Chu Hy lại so sánh lời văn, cho rằng “kim văn thì

lắm chỗ khó mà cổ văn thì lại quá bình dị”, “giống với văn khoảng Tấn Tống thì phải hơn”, hơn thế cả lời tựa cũng chưa chắc đã là của An Quốc. Mai Trác đời Minh làm sách *Thượng thư khảo dị* cũng cố tìm ra những chỗ trùng lặp, bảo rằng: “sách *Thượng thư* chỉ có phần kim văn do Phục Sinh truyền miệng lại là cổ vật thật. Còn phần giấu trong vách nhà Khổng Tử thì hoàn toàn do hậu nho làm giả, đại để là dựa theo lời lẽ trong các kinh như *Luận ngữ*, *Mạnh tử* rồi đánh cắp cả chữ, câu mà tô điểm thêm”.

Thơ ca đầy lên, chắc là sớm hơn văn chép việc (ký sự), song Tám khúc của họ Cát Thiên, nhạc từ của Hoàng đế, nay chỉ còn lại cái tên. Sách *Gia ngữ* nói vua Thuấn gảy đàn 5 dây, làm ra thơ *Nam phong* rằng: “Gió nam thổi ấm chữ, làm nguôi lòng giận của dân ta chữ; Gió nam thổi đúng lúc chữ, làm dồi dào thêm của cải của dân ta chữ”. Sách *Thượng thư đại truyền* lại chép bài ca *Khánh vân* (mây báo điềm lành - ND) của vua Thuấn rằng: “Mây lành sáng chữ, tan rồi lại hợp chữ, mặt trăng, mặt trời rực rỡ chữ, sớm lại sớm chữ”. Lời chỉ đủ ý, lại có điệu xưa, nhưng đến Hán Ngụy mới truyền đi, nghi rằng cũng do người đời sau làm ra cả. Phần có chứng cứ có thể tin được lại ở trong *Cao Dao mô* sách *Thượng thư*, thiên *Ích Tắc* trong sách *Thượng thư* nói thác là Khổng Tử truyền lại, viết:

“... Ông Quý nói: Ôi! Ta gõ đá, vỡ đá, trăm thú đều múa, các quan hòa theo. Để bèn làm bài ca rằng: Đón mệnh của trời, đúng thời đúng cơ. Rồi ca rằng: Bề tôi mừng thay, vua phấn khởi thay, trăm việc sáng sửa thay. Ông Cao Dao rập đầu xuống đất, nói to lên rằng: Hãy nhớ lấy thay! Ai làm việc nấy, lo giữ phép mình, kính thay! Hằng xét xem việc mình xong chưa! Kính thay! rồi ca tiếp: Vua sáng suốt thay, bề tôi giỏi thay, mọi việc ổn thay! lại ca rằng: Vua nhỏ nhặt thay, bề tôi lười thay, muôn việc hỏng thay! Để bảo: Du, đi làm đi, kính thay!”.

Đứng về thể thức mà nói thì rất là đơn giản, bỏ các trợ từ đi thì thực ra chỉ có 3 câu, đem so sánh với “Lời minh ngôn khắc ở chầu tẩm của vua Thang” (Thang chi bồn minh - ND) rằng: “Nếu ngày mới, ngày ngày mới, lại ngày mới” (cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân - ND) thì cũng một thể. Lại cũng đặt chữ sóng đôi, gieo vần, nhưng mộc mạc không văn vẻ, tuyệt đối không có gì hơn văn chép việc ký sự. Đó chỉ là lời vua tôi khuyên

nhau gắng sức, mong ai nấy giữ gìn cẩn thận phép tắc của mình, kính cẩn chăm lo chức vụ của mình mà thôi, song giọng ngậm nga, lời cảm khái nên gọi là hát, là ca, chữ vốn không phải là sáng tác của nhà thơ.

Từ nhà Thương đến nhà Chu thơ mới hoàn bị đầy đủ, còn lại đến nay là 305 bài, gọi là *Kinh thi*. Trước tuy bị nhà Tần đốt, song người ta ngâm đọc thuộc lòng, không phải chỉ chép trên tre, lụa mà thôi nên rất trọn vẹn. Tư Mã Thiên trước cho là thơ xưa có đến hơn 3000 bài, đến Khổng Tử, bỏ những bài trùng lặp, chọn những bài thi thố vào lễ nghĩa được, trên lấy từ ông Khiết ông Hậu Tắc, giữa thi thuật lại tình trạng hưng thịnh của nhà Ân nhà Chu, đến những thiếu sót đời U vương, Lệ vương. Song ngay từ đời Đường, Khổng Dĩnh Đạt đã lấy làm ngờ lời nói trên. Đến đời Tống thì Trịnh Tiều bảo rằng, thơ đều do người đời Thương Chu làm ra cả, Khổng Tử thấy được ở Thái Sư nước Lỗ, xếp thứ tự và chép lại. Chu Hy đối với thơ ý thường trùng hợp với Trịnh Tiều, cũng nói: “Người ta nói Khổng Tử san thi, nhưng xem ra thì chỉ là nhặt lượm được một số, ông không hề bỏ bớt, chỉ là san định mà thôi”. *Kinh thư có sáu thể, còn Kinh thi* thì có sáu nghĩa: Một là phong, hai là phú, ba là tử, bốn là hứng, năm là nhã, sáu là tụng. Phong, nhã và tụng là nói về tính chất: phong là thơ tình ở đường làng, ngõ xưa, nhã là nhạc ca ở triều đình, tụng là nhạc ca ở tôn miếu, ba loại đó là ba kinh của thi; còn phú tử hứng là lời nói về thể chế: phú là trực tiếp bày tỏ tình cảm, tử là mượn vật mà nói chí, hứng là dựa vào vật mà mở lời, ba loại này là ba vĩ của thi. Phong lấy bài *Quan thư* làm đầu; Nhã có đại nhã, tiểu nhã, tiểu nhã lấy bài *Lộc minh* (hươu kêu) làm đầu, đại nhã lấy bài *Văn vương* làm đầu; tụng lấy bài *Thanh miếu* làm đầu; bốn cái đó gọi là “tứ thủy” (bốn đầu mối). Thời Hán, người giảng thi rất đông, nước Lỗ có Thân Bồi, nước Tề có Viên Cố, nước Yên có Hàn Anh, tất cả đều là học quan, song sách của họ nay đều mất hết, chỉ có *Thi* của Mao Trường người nước Triệu là được truyền lại, theo ông ta nói thì học vấn của ông ta là do Tử Hạ truyền cho Hà gian Hiến vương rất lấy làm ưa, thơ bài nào cũng có tựa; Trịnh Huyền cho rằng tựa lớn của bài đầu do chính Tử Hạ làm, còn tựa nhỏ của những bài sau thì do Tử Hạ cùng họ Mao làm chung. Song Hàn Dũ lại nói: “Tử Hạ không viết tựa thơ”, Chu Hy giải thích thì cũng chỉ tin thơ mà không tin vào lời tựa. Theo

thuyết của Phạm Hạp thì những tựa trên thực ra chỉ là của Vệ Hoàng đời Hậu Hán làm cả.

Tựa *Thi* của họ Mao đã không tin được, *Kinh thi* của cả ba nhà đều thất truyền, ý nghĩa việc làm thơ khó mà biết được. Thêm vào đó, thứ tự các bài mục của *Thi* lại không theo thời đại mà sắp xếp sau trước, cho nên về sau thuyết này thuyết nọ càng nhiều. Hà Khải đời Minh làm sách *Mao thi thế bản cổ nghĩa*, chép thi theo lối biên niên, bảo trên bắt đầu thời Thiếu Khang nhà Hạ như bài *Công lưu bài Thất nguyệt...* dưới đến đời Kinh vương nhà Chu; bài *Hạ tuyên* tuy so với thuyết tư nhân luận thế của Mạnh Tử có hợp ý nhưng cũng không chắc đã là ý nghĩa vốn có của nó. Tóm lại, năm bài trong *Thương tụng* sự tích rạch rồi, lời văn cũng khúc chiết, giống với *Thượng thư*, đem nó mà tiếp nối với bài ca *Cao Dao* của vua Thuấn, hoặc giả không phải đối trả sao? Nay chép lại bài *Huyền diệu* trong lời tựa *Mao thi* nói đó là bài thơ tế Cao Tông vậy.

“Trời khiến huyền diệu, xuống sinh nhà thương, ở đất Ân mệnh mang. Xưa, đế khiến Vũ Thang, Chính côi kia bốn phương. Trái mệnh cùng vua, rộng lây chín châu. Vua trước nhà Thương, chịu mệnh chẳng lười nhác, ở con cháu Võ Đinh. Con cháu Võ Đinh, Võ Vương nhất định thắng. Cờ rồng mười ngọn, cơm rượu nhận nhiều Đất nước nghìn dặm, là chỗ dân ở. Mở cõi ra bốn bể, bốn bể đến nghỉ ngơi. Đến nghỉ rất đông, giáo hóa tựa sông. Ân chịu mệnh là nên, trăm lộc là gì?”.

Đến như “Nhị nhã” thì hoặc khen hoặc chê, đủ thấy rõ được tình ý tác giả; không phải như *Tụng*, đại loại là ngợi khen cả. Như bài *Thái vi* trong *Tiểu Nhã*. Người lính đi thú phương xa, gian lao mà không dám nghỉ ngơi.

“Hái rau vi, hái rau vi. Rau vi mọc đó còn gì nữa kia. Nói sắp về, nói sắp về; Năm đã hầu hết còn về lúc nào. Cửa nhà tan nát đâu đâu, vì giặc Hiểm Doãn nó vào đó thôi. Không yên đứng, chẳng yên ngồi, vì giặc Hiểm Doãn đó thôi chứ gì... Kia hoa nở rộ hoa gì? Ấy hoa đường lệ mình thì biết tên. Kia xe cao lớn để bên, Hỡi ra tướng soái bề trên riêng dùng. Xe đà thắng ngựa ung dung, Bốn con ngựa đực oai hùng xiết bao. Dám đâu ở mãi nơi nào, Một tháng ba trận, tháng nào tháng hơn... Nhớ xưa lúc bước ra đi,

Hàng cây dương liễu xanh rì gió bay. Đường về cất bước hôm nay, Mưa sa tuyết phủ một trời đông sang. Bước chân lững thững trên đường, Bụng đói dạ khát chân chường cái thân. Lòng riêng đau đớn muôn phần, nào ai là kẻ thấu tình cho ta!”.

Thơ *Thái vi* là loại thơ mà người ta cho là oán mà không loạn lời lẽ ôn nhu đôn hậu vậy. Song cũng có loại thơ kích động thiết tha như bài *Chiêm ngưỡng* trong *Đại nhâ*:

“Chiêm ngưỡng trời cao, Không thương ta nhỉ? Lâu rồi chẳng yên, nay lại dịch tể! Đất nước không ổn, Dân cứ ốm đau, sâu bệnh làm hại, mất cả lúa màu. Hình pháp chẳng bỏ, yên lành ở đâu? Kẻ có đất ruộng, mây cướp mất đi; kẻ có trăm dân, mây cướp bắt đi. Kẻ kia vô tội, mây lại bắt đi, kẻ này có tội, mây lại yêu vì; Nam khôn nên thành, Nữ khôn nghiêng thành... Suối chảy nước phun, vì nó sâu vậy. Lòng lo ngay ngáy, phải đâu hôm nay. Phải ta trước đâu, ta sau chẳng phải. Lòng lộng trời cao, gì không thấy được. Chớ bêu tiên tổ, cứu lấy vua mây”.

Lời thơ *Quốc phong* thì bình dị hơn bày tỏ tình tình cũng rành mạch hơn. Ví dụ:

“Đồng có nai chết, Tranh bọc trắng tinh, Cô gái đang xuân, Cậu trai tỏ tình. Rừng có cây hộc, Rừng có hươu gục, Tranh trắng chẳng bọc, Cô gái như ngọc. Khoan thai diễm đạm, Đừng đụng khăn em, Đừng làm con xù sữa văng lên”.

Đồng có nai chết - Thiệu Nam

“Sông Trăng sông Vĩ, Nước chảy mênh mông. Con trai con gái dập dìu như nêm. Gái rằng: “Đi dạo cùng em”, Trai rằng: “Mình đã đi xem được rồi”. “Thì đi lượt nữa mà chơi!” Bên ngoài sông Vĩ, rộng rãi đông vui. Trai gái tay đôi, cùng nhau đùa cợt, tặng nhau bông thược dược”.

Trăng Vĩ - Trịnh Phong

“Núi có cây xu, Đất có cây du, Người có áo xiêm, không ăn không mặc. Người có xe ngựa, không cười không đi, Y như chết vậy, người khác lại

khoái. Núi có cây thảo, Đất có cây nọ, Người có đình nội, không tuổi không quết; Người có chuông trống, không đánh không đánh, Y như chết vậy, người khác giữ lấy. Núi có cây tắc, Đất có cây lật. Người có cơm rượu, sao không ngày ngày gầy dần sắt, để mà mừng vui. Để ngày dài dằng dặc, Y như chết vậy, Người khác vào nhà mắt!”

Sơn hữu xu - Đường Phong

Thứ tự *Kinh thi* thì Quốc phong đầu tiên rồi đến Nhã đến Tụng, thứ tự Quốc phong thì đầu tiên là Chu Nam, Thiệu Nam rồi đến Bội, Dung, Vệ, Vương, Trịnh, Tề, Ngụy, Đường, Tần, Trần, Cối, Tào và cuối cùng là Mân. Thứ tự sau trước đó, người đời Tống cho là ý chỉ của Khổng Tử, song thơ có lưu truyền lại lâu ngày, thứ tự bài này bài nọ chưa hẳn đúng như thuở trước, nay không cần cứ vào đâu mà nói dứt khoát được. Duy có điều là *Kinh thi* để thơ Phong bình dị lên trước, rồi dần dà các nhà thơ Nhã, thơ Tụng, là loại thơ điển nhã, trang trọng; riêng Quốc Phong thì để nhà Chu được tôn trọng lên trước, rồi sao rộng ra đến các nước khác chỉ thứ tự đó đại để còn suy ra được mà thôi.

Ba trăm bài *Kinh thi* đều từ Phương bắc mà ra, mà Hoàng Hà là trung tâm, trong 15 nước thì Chu Nam, Thiệu Nam, Vương, Cối, Trần; Trịnh là ở Hà Nam, Bội, Dung, Vệ, Tào, Tề, Ngụy, Đường là ở Hà Bắc; Mông, Tần thì ở vào khoảng sông Kinh sông Vị, đại khái bờ cõi tất cả không ra ngoài bốn tỉnh Hà Nam, Sơn Tây, Thiểm Tây và Sơn Đông ngày nay. Nhân dân tính tình đôn hậu, cho nên tuy nói thẳng lòng dạ nhưng vẫn còn dừng lại ở mức lễ nghĩa, phần uất mà không sai trái, oán thán mà không giận dữ, thương xót mà không đau buồn, vui vẻ mà không dâm loạn, nói là thơ ca mà cũng là giáo huấn. Nhưng đó là lời hậu nho nói, chứ thực ra thì lời kích động, giọng phóng dăng, ngay trong Phong, Nhã cũng thường có. Khổng Tử còn nói: “Ba trăm bài *Kinh thi*, dùng một lời để khái quát, đó là suy nghĩ không bập bẹ”. Hậu nho lại nhân lời Khổng Tử nói với Nhan Uyên về việc trị nước: “Bỏ tiếng nước Trịnh”, “ghét nước Trịnh dâm, loạn nhã nhạc” mà ngờ đến cả thơ Trịnh phong, cho nó là dâm dật, sai lạc mất cả ý chỉ của *Kinh thi*. Lòng không sạch thì thường hòa theo ngoại vật, Kê Khan nói: “Còn như tiếng Trịnh thì thật là một thứ âm thanh hay tuyệt, âm thanh hay thì cảm

động lòng người, khác nào sắc đẹp lay động cả ý chí, ham mê ăn uống, đưa đến mất sự nghiệp, không phải là kẻ chí nhân thì ai cũng không cưỡng lại được” (bàn về vấn đề âm thanh không có vui buồn - *Thanh vô ai lạc luận*). Sở dĩ đời muốn bỏ tiếng yếu điệu đi là vì lẽ đó, mà lẽ đó đem nói về văn chương cũng không phải là không thông.

❖ *Sách tham khảo*

- *Thượng thư chính nghĩa*, Khổng Đình Đạt, Đường;
- *Mao thi chính nghĩa*, Khổng Đình Đạt, Đường;
- *Kinh nghĩa khảo*, Chu Di Tôn, Thanh (quyển 72 đến quyển 76, quyển 98 đến quyển 100);
- *Chi na văn học sử cương*, Nhật Bản: Nhi đảo hiến sát lang (chương 2 đến chương 4 quyển 2);
- *Thi Kinh nghiên cứu*, Tạ Vô Lượng.

III. LÃO TỬ VÀ TRANG TỬ

Nhà Chu dần dần suy vong, việc các “phong nhân” đi hái lượm thơ ca đình chỉ. Cho nên nó: “dấu vết của Vương giả tiêu tan thì thơ hết”. Kẻ chí sĩ muốn cứu văn tình thế thì đem hết tinh thần, trí lực ra nhắc lại những cái mình nghe biết. Song các nước chư hầu đang tranh giành thôn tính nhau, hậu đãi rước mời những kẻ sĩ đi du học. Trong những người này có kẻ tính toán làm sao cho các chúa chư hầu hợp ý với mình, để có thể thực hiện thuyết của họ, họ bèn ra sức bài xích người khác, cho điều mình chủ trì là cái đạo trọng yếu, đưa tranh biện luận thuyết mình, công cuộc trước tác bắt đầu phồn thịnh từ đó. Tuy vậy, đương thời đáng để gọi là hiền học thật ra chỉ có ba nhà là Đạo, Nho và Mặc.

Sách Đạo gia, theo *Hán thư*, *Nghệ văn chí* chép có *Y Doãn*, *Thái Công*, *Tân Giáp*... nay đều không còn; *Chúc tử*, *Quản tử* là của người đời sau làm,

cho nên hiện tại những sách còn lại không sách nào xưa hơn *Lão tử*. Lão tử tên Đàm, họ Lý, quê nước Sở, có lẽ sinh vào buổi đầu Chu Linh vương (chừng 570 trước CN) từng làm chức quan coi sách nhà Thủ tàng, ông thấy nhà Chu suy nên bỏ đi, đến quan ải, vì viên lệnh Doãn đất quan ải là Hỷ mà làm tập sách hai thiên thượng và hạ, nói cái ý của đạo đức, hơn 5 nghìn lời, làm xong thì đi, không ai biết về sau ông ra thế nào. Nay sách lại chia ra 81 chương, đó cũng là do người đời sau chia càn mà thôi, chứ nguyên bản thực ra chỉ là thuật lại tư tưởng của mình, các ý nghĩ không có mạch lạc gắn bó với nhau, có chỗ cũng đối chữ, hiệp vần để đọc cho dễ nhớ, sách ấy cũng cùng một thể thức như *Kim nhân minh* của Hoàng đế. *Đan thư* của Chuyên Húc của người đời Tần Hán truyền lại:

“Cái nhìn mà không thấy tên là Di, cái lắng tai mà không nghe tên là Hy, cái bắt mà không nắm được tên là Vi. Ba cái ấy không thể hỏi đến chỗ tách bạch rõ ràng được, cho nên để làm một. Cái một đó, phần trên của nó không sáng, phần dưới của nó không mờ, nó như cái dây không đứt mà không thể đặt tên gọi là gì được, trở lại phải quy vào cái vô vật. Vậy bảo đó là cái trắng không có trắng, cái tượng không có vật, vậy là hoảng hốt. Đón trước không thấy đầu của nó, đi theo không thấy phía sau của nó, giữ cái đạo ngày xưa để chống giữ cái có ngày nay. Biết được cái bắt đầu từ ngày xưa, ấy gọi là đạo kỳ”.

“Nắm cái tượng lớn, thiên hạ tiến tới. Tiến mà không hại, thì yên bình mãi. Vui lại có ăn, khách xa dừng chân; Đạo ra khỏi miệng thì nhạt, không có mùi vị, nhìn không đủ thấy, lắng không đủ nghe, dùng không bao giờ hết”.

Lão tử từng làm thủ thư của nhà Chu, đọc nhiều sách vở, lại từng trải việc đời, hiểu biết rất nhiều. Ban Cố cho rằng: “Giòng phái Đạo gia có lẽ từ sử quan mà ra, họ trải qua và ghi nhớ cái đạo thành bại, mất còn, họa phúc, xưa nay, do đó biết nắm lấy cái chủ yếu, cái cơ bản, lấy sự thanh hư để giữ mình, lấy sự hèn yếu để giữ thân”, lý do là như vậy. Song lời Lão tử không thuần nhất: rắn người ta chớ nói nhiều mà có khi lại có lời phẫn nộ, chuộng vô vi mà vẫn muốn trị thiên hạ. Cái “không làm gì” (vô vi) của ông là do muốn “không gì không làm” (vô bất vi).

“Đạo lớn bỏ, có nhân nghĩa. Trí tuệ xuất, có đối trá; gia tộc (lục thân) bất hòa thì có đức hiếu thảo, nhân từ, nhà nước hỗn loạn thì có bầy tôi trung”.

“Dân đối, vì bề trên của họ ăn thuế nhiều, vì thế mà họ đối. Dân khó trị vì bề trên của họ có làm (hữu vi), vì thế mà họ trở thành khó trị. Dân coi nhẹ cái chết, vì bề trên của họ coi nặng việc cầu sống, vì thế mà họ coi nhẹ cái chết. Ôi! Chỉ không lấy sống làm điều là hay hơn quý cái sống”.

... “Thánh nhân chăm lo cái sự không làm (vô vi) làm cái việc dạy dỗ mà không nói; muôn vật phồn vinh mà mình không từ chối, sống mà chẳng có, làm mà không ỷ, công thành rồi mà không tự cho là có công. Ôi! Chỉ do không kể công cho nên không bỏ mà đi”.

“Làm cái việc học mà ngày một thêm, làm cái việc đạo thì ngày một bớt. Bớt rồi bớt nữa, tiến tới chỗ không làm, không làm nhưng không gì là không làm. Lấy thiên hạ thưởng do vô sự; khi đã hữu sự thì không đủ để lấy thiên hạ nữa”.

Hai phái Nho, Mặc nổi lên sau Lão tử, cả hai đều muốn đem hết sức lực để cứu lấy đời loạn. Khổng tử sinh vào năm thứ 21 đời Chu Linh vương (551 trước CN) tại ấp Trâu, làng Xương Bình nước Lỗ. Lúc hơn 30 tuổi đã từng gặp lão Đan hỏi về lễ, nhưng rồi thuật lại Nghiêu Thuấn xưa, lấy đó để chữa cái tệ đương thời, đạo mình không thi hành được thì định lại sách Thi, Thư, hiệu đính sách *Lễ*, *Nhạc*, viết tựa cho sách *Dịch*, làm sách *Xuân Thu*. Sau khi ông mất (năm thứ 41 đời Kinh vương 479 trước CN) học trò ông lại cùng nhau tập hợp những lời nói việc làm của ông, luận bàn và chép lại thành sách đặt tên là *Luận ngữ*. Mặc tử cũng người nước Lỗ, tên là Dịch, sau Khổng tử đến một trăm ba bốn chục năm (sinh vào khoảng từ năm đầu đến năm thứ mười đời Uy Liệt Vương). Nhưng ông ưa đạo nhà Hạ, thương yêu hết thầy mọi người và chuộng sự đồng đều, bài bác lễ, nhạc thời xưa và bài bác cả đạo Nho, có làm sách 71 thiên, phần còn lại ngày nay chia làm 15 quyển. Tuy nhiên, nhà Nho tôn trọng sự thực, họ Mặc chuộng chất phác, cho nên cả *Luận ngữ* cả *Mặc tử* văn từ nhìn chung đều không trau chuốt, chỉ cốt đạt ý mà thôi. Đương thời còn có Dương Chu, chủ trương vì mình (vị

ngã) có lẽ chưa từng viết thành sách nhưng thuyết của ông cũng thịnh hành trong thời chiến quốc. Còn Mạnh tử tên là Kha, sinh năm 372, mất năm 289 trước công nguyên, người xứ Trâu, học với Tử tư, cũng tôn sùng Đường Ngu, tuyên truyền nhân nghĩa, đối với Dương, Mặc thì từ chối, bãi bỏ đi, có làm sách 7 thiên gọi là *Mạnh tử*. Mạnh Kha sinh vào thời cuối Chu là thời mà văn chương đã dần dần có ý rườm rà, lối văn tự thuật của ông có khi đặc biệt tinh tế, diệu kỳ như đoạn “Xin ăn ở cùn mả” sau, Họ Ngô đời Tống trong cuốn *Lâm hạ ngẫu đàm* đã hết lời tán thưởng.

“Người nước Tề có gã có một vợ một hầu cùng ở chung. Anh chồng đi ra ngoài thì nhất định no say cơm rượu rồi mới về, chị vợ hỏi ăn uống với những ai thì anh bảo toàn là với kẻ giàu sang cả. Chị ta nói với người vợ hầu: chồng chúng ta đi ra thì nhất định no say cơm rượu rồi mới về, hỏi ăn uống với những ai thì nói toàn là người giàu sang cả, nhưng chưa hề thấy ai sang trọng đến nhà ta, tôi định rình xem chồng ta đi đâu. Sớm dậy lên theo chồng, khắp cả nước không ai cùng đứng nói chuyện, cuối cùng gã đi đến đám tế ở gò mả Thành Đông, xin đồ ăn thừa, chưa đủ, lại ngóng nhìn mà đi đám khác. Đó là cái đạo no say của gã vậy. Chị vợ về, nói với người vợ hầu rằng: chồng là kẻ ta nương tựa cả một đời, thế mà nay như thế. Rồi chị ta cùng với chị vợ hầu chê trách chồng và khóc với nhau ở giữa sân. Thế mà anh chồng vẫn chưa biết gì, về thỏa thuê, từ ngoài về, lên mặt với vợ và hầu”.

Song văn chương mà hoa mỹ phong phú thực ra chỉ có Đạo gia. *Liệt tử*, *Hạt quan tử* là sách ra sau này, đều là của người đời sau làm giả, nay còn lại chỉ có *Trang tử*. Trang tử tên Chu, người đất Mông nước Tống, sau Mạnh tử một chút, từng làm chức lại ở đất Viên đất Mông. Ông làm sách hơn 10 vạn lời đại để là ngụ ngôn, tên người tên đất đều là bày đặt, không có thực, nhưng lời văn thì bát ngát sóng trào, khi khép khi mở, rộng rãi muôn phương, các tác giả cuối Chu, không ai hơn được. Sách *Trang tử* nay còn 33 thiên, trong đó *Nội thiên* 7, *Ngoại thiên* 15 và *Tạp thiên* 11; *Ngoại thiên*, *Tạp thiên* nghi là đời sau thêm vào, nay lược ghi một đoạn *Nội thiên* để thấy cái đại khái:

“Khiết Khuyết hỏi Vương Nghê rằng, anh có biết vật là đồng nhất cả

không? Vương Nghê nói: “Tôi làm sao mà biết được. Anh có biết là anh không biết không? Trả lời “Tôi làm sao mà biết được. Thế thì vật không biết sao? trả lời: “Tôi làm sao mà biết được. Tuy vậy hãy thử nói xem: Có biết rằng ta gọi là biết không phải là không biết sao? Có biết rằng ta gọi là không biết phải là biết sao? Vả ta lại thử hỏi anh: Dân nằm nơi ẩm ướt thì mắc bệnh rồi chết, con cá thiu cũng thối sao? Ở trên cây thì nơm nớp lo sợ, khỉ vượn cũng thế sao? Cả ba loài nói đó, biết ở thế nào là đúng. Tự tôi xem thì cái đầu mối của nhân nghĩa, con đường của phải trái, hỗn loạn như mớ bông bong, ta sao mà biết phân biệt ra được. Khiết Khuyết nói, anh không biết lợi hại sao? Bạc chí nhân là thần, cái chằm lớn cháy mà không làm cho nó nóng lên được, sông Hà sông Hán đóng băng mà không làm cho rét được, rét đánh vỡ núi gió làm biển động mà không làm cho kinh hãi được, người như vậy đi trên hơi mây, cưỡi mặt trời mặt trăng mà dạo chơi ngoài bốn biển, chết sống không biến đổi được mình, huống hồ là đầu mối của lợi hại?” (*Tề vật luận đệ nhị*).

“Suối khô, cá cùng nhau ở cạn, chuyền hơi để thấm ướt cho nhau, lấy nước bọt đầm cho nhau, chẳng bằng quên nhau đi trong sông hồ. Khen vua Nghiêu mà bài bác vua Kiệt, chẳng bằng quên đi cả hai mà hóa cái đạo của họ. Ôi cái khối lớn chở ta bằng cái hình, làm nhọc ta bằng việc sinh ra, để ta thông thả bằng cái già, làm cho yên nghỉ bằng cái chết; cho nên làm tốt cái sống của ta tức cũng là để làm tốt cái chết của ta vậy”. (*Đại tông sư đệ lục*).

“Vua Nam Hải là Du, vua Bắc Hải là Hốt, vua Trung ương là Hồn Độn. Du và Hốt có lúc gặp nhau ở đất nước của Hồn Độn, Hồn Độn đãi Du, Hốt rất thân. Du và Hốt tìm cách đên ơn Hồn Độn, nói: “Người ta ai cũng có bảy lỗ để xem, nghe, ăn, thở, Hồn Độn thì không có. Rồi chúng thử xoi, cứ ngày xoi một lỗ, 7 ngày là Hồn Độn chết” (*Ứng đế vương, đệ thất*).

Phần cuối có thiên *Thiên hạ* (Hồ Thích bảo không phải của Trang Chu) nghiêm khắc phê bình “Những kẻ đam mê phương thuật” và suy tôn hết mức Quan Doãn, Lão tử, cho họ là “kẻ chân nhân rộng lớn của thời xưa” rồi tự thuật lời lẽ và nội dung như sau:

“Mệnh mang vô hình, biến hóa vô thường, chết với sống ư, trời đất là

một ư, thần minh qua đi ư, mơ màng đi đâu, thoát đến nơi nào? Muôn vật bày khắp, chẳng đủ để về, đạo thuật ngày xưa có ở trong đó. Trang Chu nghe tiếng của người chân nhân ấy, lấy làm vui lòng. Song do những thuyết can quấy, những câu nói hoang đường, những lời lẽ không căn cứ, có khi phóng túng mà không phải không ngờ cho nên vui lòng mà không lấy làm kỳ lạ. Cho thiên hạ là tầm tối cận đục không thể cùng Trang bàn luận, cho những câu nói tùy lúc mà biến đổi là dây nhợ rườm rà, cho những câu nói lặp đi lặp lại là thật, cho ngụ ngôn là rộng. Một mình cùng trời đất, tinh thần qua lại mà không ngao nghệ với muôn vật, không bắt tội phải trái, để cùng với thế tục. Sách của Trang tuy quanh cảm ơn nhưng uyển chuyển không hại gì. Lời văn tuy rườm rà, khi thế này, khi thế nọ, nhưng cũng kỳ lạ, xem được. Nó thật đầy đủ, không thể thêm được. Trên cùng đáng tạo vật ngao du, dưới làm bạn với kẻ ở ngoài sự sống chết, không cuối không đầu. Đối với cái gốc thì rộng lớn mà cõi mở, sâu thẳm mà buông tuồng, đối với cái cành thì có thể gọi là thuận hòa mà tiến lên vậy”.

Cho nên từ Thái sử Tư Mã thiên đến nay, ai cũng bảo cái gốc trọng yếu của nhà Chu là qui vào lời của Lão tử. Song Lão tử còn muốn nói có và không, phân biệt dài và ngắn, biết trắng và đen và để ý đến thiên hạ; còn Trang Chu thì muốn gộp cả có không, dài ngắn, trắng đen lại làm một để rồi qui cả vào cái hỗn độn. Nói không khiển trách phải trái, rằng ngoài chết sống, rằng không cuối đầu, đều là ý ấy. Thuyết xuất thế của Trung Quốc đến đó mới thật là hoàn bị đầy đủ.

Xét các trào lưu tư tưởng thời cuối Chu, đại để có bốn phái. Một là phái Trâu Lỗ, phái này đều đọc sách và theo khuôn phép tiên vương, nêu cao nhân nghĩa, cốt đáp ứng cái gấp rút trước mặt của xã hội. Nho thì có Khổng Mạnh, Mặc thì có Mặc Dịch. Hai là phái Trần Tống, Lão tử sinh ở Khổ huyện là đất nước Trần, nói cách cai trị bằng thanh tịnh; đến khi Trang Chu sinh ra ở nước Tống thì cho “thiên hạ là cận đục không thể cùng Trang chuyện trò” từ vô vi mà nhập vào hư vô. Ba là phái Trịnh Vệ; Trịnh thì có Đặng Tích, Thân bắt Hại, Vệ có Công Tôn Ương, Triệu có Thân Đáo, Công Tôn Long, Hàn có Hàn Phi, tất cả đều nói về danh pháp. Bốn là phái Yên Tề. Phái này thì hay bàn những chuyện viễn vông, vu khoát, Trâu Diễn,

Trâu Thích, Điền Biên, Tiếp Tử nước Tề đều là những người nổi bật, họ là gốc nguồn của phương sĩ Tân Hán sau này:

❖ **Sách tham khảo**

- *Lão tử* - Vương Bật đời Tần chú
- *Trang tử* - Quách Tượng đời Tần chú
- *Sử ký, Khổng tử thế gia, Mạnh tử, Lão Trang liệt truyện...*
- Hán thư, Nghệ văn chí
- *Tử lược* Cao tự Tôn đời Tống
- *Chi Na văn học sử cương*. Nhi-Đảo-Hiến-Cát-Lang, Nhật Bản quyển 2 chương 6
- *Trung Quốc đại văn học sử* Tạ Vô Lương. Quyển 2 chương 7
- *Trung Quốc triết học sử đại cương*. Hồ Thích. Quyển thượng.

IV. KHUẤT NGUYÊN VÀ TỔNG NGỌC

Thời Chiến quốc, nói về đạo thuật, đã có Trang Chu. Khinh miệt Thi, Thư, quý hư vô, dùng văn chương mà lẩn át chư tử. Về văn vần thì có Khuất Nguyên nổi lên ở Sở, bị dèm pha ruồng bỏ, bèn làm ra *Ly tao*, điệu thoát lời hay, trác tuyệt một đời. Các thế hệ sau, kinh ngạc vì cái văn vẻ của ông, đua nhau mô phỏng, vì sản sinh ra từ nước Sở nên gọi Sở tử. So với *Kinh thi* thì lời lẽ dài hơn, tứ thơ huyền ảo, văn rất đẹp, ý rất sáng, cứ theo lòng mà nói, không giữ qui cũ nào. Cho nên bọn hậu nho đã thấm nhuần cái giáo dục của *Kinh thi* thì có kẻ chê bai mà truất bỏ đi, nhưng ảnh hưởng của nó đối với văn chương đời sau thì lại lớn hơn 300 bài thơ nhiều.

Khuất Nguyên tên là Bình, cùng họ với vua Sở. Ông thờ Sở Hoài vương, làm chức Tả đồ, nghe rộng nhớ lâu, rõ lẽ trị loạn, giỏi từ lệnh. Vua sai ông thảo Hiến lệnh, quan Đại phu cấp trên muốn cướp bản thảo của ông

nhưng không được, bèn đem pha với vua; vua giận xa lánh ông. Khuất Nguyên chần chừ ở miền núi nhằm dạo xem đền miếu các Tiên vương, nhà thờ các Công khanh, thấy các đồ họa vẽ từ thần linh, trời đất, sông núi, đẹp đẽ và kỳ lạ khôn nhường, cho đến thánh hiền, quái vật xưa kia sinh sống hoạt động. Nhân thế, ông viết lên vách, giận dữ mà hỏi, cho hả lòng buồn giận, đặt tên là *Thiên vấn*. Câu văn thường làm bốn chữ, vì các bức vẽ đều nói chuyện đời xưa nay phần lớn thất truyền nên lắm chỗ rất khó hiểu;

... “Rắn Hùng chín đầu, thoát đi đâu rồi, sao không chết đi, người cao giữ gì? Hắc Thủy, Huyền chỉ, Tam Ngụy ở đâu? Sống mãi không chết, thọ hưởng bao lâu? Ở đâu cá Lãng? Ở đâu chim Kỳ mặt trời sao Nghệ bắn? Chim quạ sao trụi lông...”

“... Cùng chẵn dất dân trên đất Trung Quốc, sao các vua lại giận dữ tranh giành nhau? Kiến ong là loài vật bé nhỏ, sao có sức chống cự bền lâu? Sợ lời người phụ nữ, không dám hái rau. Vì sao được hươu giúp? Lợn tới non Thú bên khúc sông phía Bắc, vui thích gì mà trú ngụ ở đó? Vua anh có chó dữ, sao vua em muốn xin. Nguyên đổi trăm cỗ xe cũng không được; rút cuộc bị tước hết bổng lộc...”

Sau hình như lại được vua triệu về, từng có ý muốn liên hiệp với Tề để chống Tần. Không được vua nghe theo, Hoài Vương cùng Tần kết giao, Tử Lan khuyên vua sang Tần, ông ngăn lại, vua không nghe sau vua sang bị Tần giữ lại. Con trưởng là Khoảnh Tương vương lên ngôi, Tử Lan làm Lệnh Doãn, cũng đem pha Khuất Nguyên. Vua giận mà đầy ông đi. Ông ở vùng giữa sông Tương và sông Nguyên chín năm thơ thẩn ngâm nga trên bờ hồ; thân hình tiêu tụy, viết thiên *Ly tao* cuối cùng ôm đá gieo mình xuống sông Mịch La mà chết, lúc đó vào khoảng Khoảng Tương vương năm thứ 14, 15 (285, 286 trước CN).

Về hai chữ *Ly Tao*, Tư Mã Thiên cho là “Ly ưu” (lo buồn về sự chia ly), Ban Cố cho là “Tao ưu” (gấp nỗi lo buồn) Vương Dật giải thích là sầu ly biệt, Dương Hùng lại giải thích là “Lao Tao” (uất ức, bất bình) cho nên làm bài *Phản Ly tao*, và bài *Bạn Lao tao* (Bạn là bên cạnh - ND). *Ly tao* thuật lại buổi đầu mình mới sinh, lúc khôn lớn cho đến cuối đời sắp chết, trong lòng

ư cái tốt đẹp, trọng việc chau chuốt tài năng, thẳng theo đường chính mà mắc phải dèm pha, vì thế nói chẳng tiếc lời, mơ tưởng xa xôi, ca tụng các vua xưa, nhớ tiếc Thần sơn, gọi con long, con cù, thương nhớ người con gái cao khiết, làm cho lòng được thư thái, rõ được mình vô tội. Và nhân đó để can ngăn. Bài đến hai nghìn lời, ở giữa có đoạn:

“... Quỳ trên nệm trái để bày lời chửi, rõ ta đã được điều trung chính đó. Đóng bốn con cù để lên xe chửi, tung gió bụi tắng lên. Sáng xuất phát ở Thương Ngô chửi, chiều ta đến Huyền Phố. Muốn dừng lại một chút nơi cửa cung ấy chửi, ngày vội vã đã sắp tàn. Ta sai Hy Hòa nghỉ ngơi chửi, nhấm Yên Tử mà chửi vợ. Đường vắng đặc xa vắng chửi, ta toan lên xuống mà tìm hỏi. Cho ngựa ta uống ở Hàm trì chửi, buộc dây cương vào cây Phù tang. Bẻ cành đục mộc để đánh xe mặt trời chửi, hãy nhón nhơ để cùng phần khởi, cùng nhau xem khắp bốn cực chửi, đi khắp trời rồi lại xuống, trông Giao Đài ngạo nghễ chửi, thấy gái đẹp nước Hữu Nhung. Ta sai chim trĩ làm mối chửi, trĩ mách ta rằng không tốt. Chim Cưu trống bay qua chửi, ta còn ghét nó khinh bạc ranh mãnh... Lý đuôi mà kẻ làm mối vụng chửi, sợ lời chỉ dẫn nói ra không đúng. Thời vốn đục mà ghét hiền tài chửi, thích chê đẹp mà khen xấu. Phòng khuê chốn sâu xa chửi, vua hiền lại không tỉnh ngộ, ôm tình mà không nói ra chửi, ta sao đành ở vậy được...”

Tiếp đến nói việc bói quẻ Linh phân, hỏi han Vu Hàm, chẳng nào cũng khuyên nên đi xa, đừng nhớ thương đất cũ, lúc đó ông thấy nhẹ nhõm tấm lòng, toan bay toan liệng song rồi lại bịn rịn nước tổ, cuối cùng nghĩ thà chết chứ không nỡ đi.

... “Nén chí mà nghỉ ngơi chửi, Hồn ruỗi rong xa tít. Hát cửu ca và múa thiều chửi, Hằng muốn ngày để vui gượng. Lên cao nơi sáng sửa chửi, thoát cúi nhìn về làng cũ. Tền hầu thương ngựa ta buồn nhớ chửi, giẫm chân nhìn mà không chịu đi. Văn rằng, Than ôi! Thôi, nước không người, không ai biết ta chửi, Còn quyến luyến gì cố đô, đã không đủ cùng làm việc chính trị tốt lành chửi, ta toan theo Bành Hàm mà cùng đi”.

Trong *Sổ từ* lưu hành ngày nay có 9 bài *Cửu chương* cũng là của Khuất Nguyên làm. Lại có bài *Bốc cù*, *Ngư phủ* thuật lời Khuất Nguyên. Khi

bị truất bỏ hỏi người thầy bói cùng người làng chài và lời đáp của họ. Những bài ấy cũng nói là do Khuất Nguyên viết, nhưng hoặc giả do người đời sau phóng tác. Việc đặt thành câu hỏi, văn thì cố gieo vần và đối ngẫu là tác giả bắt chước ông. Có những bài khác, gần thì như bài *Phong phú* của Tống Ngọc, xa thì như bài *Thượng Lâm*, *Tử hư* của Tương Như, *Lưỡng đô* của Ban Cố đều như thế cả.

Ly Tao ra đời tuổi thắm rừng văn hết sức xa rộng, do đó bình phẩm cũng rối bời, người khen thì bảo nó có thể tranh sáng với mặt trăng mặt trời, kẻ chê thì cho là dẫu so sánh với hạng cường di cũng không xứng, đó là vì một bên thì có con mắt khoáng đạt và văn chương, một bên thì bo bo theo thi giáo, cho nên nhận xét đánh giá khác nhau đến thế. Sự thực thì *Ly tao* khác với *Kinh thi* chỉ là ở hình thức văn chương mà thôi. Thời khác, thói tục khác nên thanh điệu khác, xứ sở khác nên núi sông, thần linh, động thực vật cũng khác. Chỉ có việc muốn lấy Giản Địch làm vợ và việc cầm hai gái họ Diêu ở lại có thể là việc mà nhân dân miền Bắc không dám nói ra, còn như những lời oán giận chê trách thì trong 300 bài có không ít còn mạnh mẽ hơn thế. Sở tuy là man di, song là một nước lớn và lâu đời, từ thời Xuân Thu đã biết thơ phú, cách giáo dục của Phong, Nhã tuy chưa quen, song may mà nền văn hóa vốn có của mình còn chưa mất hẳn nên thâm nhập vào nhau, văn chương tự nhiên mang vẻ hùng tráng. Lưu Hiệp lấy ngôn từ trong văn Sở đem so với Kinh điển bảo là có chỗ dị chỗ đồng cũng cố thêm bọn uyên bác về Nhã Tụng, làm đầy đặn thêm Phong Nhã của thời Chiến quốc, “tuy nung nấu nghĩa của kinh sách mà cũng tự hun đúc được lời hay... cho nên hơi văn lướt qua mà xéo dầy văn cổ, lời đến mà sát với việc kim, văn vẻ tuyệt đẹp, khó ai sánh được” (*Văn tâm điêu long*, *Biện Tạo*) lời trên có thể nói là biết thẩm văn vậy.

Hình thức văn chương sở dĩ khác là do 2 nguyên nhân: thời gian và địa điểm. Người xưa giao tiếp với nước láng giềng, trong lúc vái nhường nhau, thường có đọc *Thi*. Cho nên Khổng tử nói: “không học *Kinh thi*, không biết lấy gì mà nói”; Nhà Chu suy rồi, việc thăm hỏi ngâm nga, không còn xảy ra giữa các nước nữa; phong cách du thuyết ngày một thịnh, bọn kẻ sĩ chủ trương tung hoành, muốn lấy mồm mép mà tấn công, đua nhau trau

chuốt cách ăn nói để làm động lòng các vua chúa. Ví như có người cùng thời với Khuất Nguyên là Tô Tần nói với quan Tư khấu nước Triệu là Lý Đoài rằng: “Tôi, Tô Tần người làng Thừa Hiên đất Lạc Dương, nhà nghèo, cha mẹ nghèo, không có lấy cái xe hồng, con ngựa tồi, bánh xe bằng gỗ dâu, hòm đựng đồ bằng cỏ bông, tay xách nách mang, không quần bụi bặm, xông pha sương mù, vượt sông Chương hà, chân nặng, ngày trăm dặm mới vào quán nghỉ, đến cửa khuyết ngoài, muốn được gặp mặt, trực tiếp nói việc thiên hạ” (*Triệu Sách*, quyển một).

Nói việc mình đến thôi mà vẫn về đến thế, đến khi biện thuyết ăn nói thế nào cũng đủ suy ra. Ảnh hưởng lan tràn, dẫn đến thơ văn, lời nhiều câu đẹp, tất nhiên không phải cái lẽ lối chất phác của Thi có thể chứa chỗ được nữa. Huống chi đất sản sinh *Ly Tao* cùng với Thi không giống nhau. Kia có sông Hà sông Vị thì đây có sông Tương sông Nguyên. Đó có cây phác cây tước, đây lại có cỏ sái cỏ lan. Ở đây lại trọng đồng cốt, hát vang múa khéo đủ làm vui thần thánh, ca từ làm ra nhiều, dùng vào tế lễ. Trong *Sở từ* có *Cửu ca*, nói ấp Sinh miền nam nước Sở giữa khoảng sông Nguyên sông Tương, phong tục tin ma quỷ, thích tế tự. Khuất Nguyên bị đuổi đi, buồn giận uất ức, đi ra thấy lễ tế tự, nhạc múa ca của địa phương, lời lẽ quê mùa, nhân đó mà làm ra khúc *Cửu ca*, lời ý đẹp dễ sâu xa, so với bài cũ của địa phương thì khác nhiều. Tuy nói là sáng tác nhưng cũng phải có gốc; các điệu ca lý kia không phải không thể tưới thấm đến nhà thơ, câu kéo thì không câu nệ phải 4 chữ, thánh nhân thì không phải chỉ có Nghiêu Thuấn. Cái thói quen của đất Kinh Sở như vậy đã có từ lâu rồi. Sau đây lược ghi lại bài *Tương phu nhân*:

“Con vua xuống chừ nơi bến Bắc, Trông không thấy chừ làm ta buồn.
Vĩ vu chừ gió thu, Động Đình nổi sóng chừ lá tây rụng. Lên bèo trắng chừ
đứng ngóng, hẹn người đẹp chừ chiều bay. Chim hợp gì chừ giữa bèo, lưới
uốn gì trên cây. Sông Nguyên có cỏ chỉ chừ, sông Lễ có lan, Nhớ chàng trai
chừ chưa dám hỏi... Hoảng hốt chừ trông xa, xem nước chảy chừ từ từ. Nai
ăn gì chừ giữa sân, thường luồng làm gì chừ ven nước. Sớm ruối ngựa chừ
bờ sông, Chiều qua bãi tây nọ. Nghe người đẹp chừ mời ta, Toan lên xe chừ
đi với. Dựng nhà chừ giữa nước, Lợp nó lại với lá sen. Cỏ tôn làm vách chừ

màu tía, Vải tiêu thơm chừ đây nhà. Cột quế chừ rừng lan, khung gỗ tân di chừ làm phòng thuốc. Cỏ chỉ lợp chừ sen trùm, lầy cỏ đồ hành buộc lại, Hợp trăm cỏ chừ, đây sân, gậy thơm nức chừ nhà cầu. Núi Cửu nghi tùm lùm chừ đến đón, thần đi tối chừ như mây. Bỏ ống tay ta chừ giữa sông Giang, Để áo đơn ta chừ bến Lẽ. Lầy ở còn chừ cỏ đồ nhược, toan đưa tặng chừ người đi xa. Thôi không thể chừ vội được. Hăng tiêu dao chừ nhờ nha”.

Cùng lúc có nhà nho người Triệu là Tuân Huống (ước chừng 315 đến 230 trước CN) 50 tuổi mới qua Tề du học, 3 lần làm tế tửu sau khi bị dèm pha qua Sở. Xuân thân quân dùng làm chức lệnh lan lảng. Tuân Huống cũng làm phú, sách *Hán thư* nói là 10 bài, nay có 5 bài ở trong sách *Tuân tử* là Lẽ, Trí, Văn, Tầm và Châm. Bề tôi dùng ẩn ngữ để hỏi, đức vua dùng ẩn ngữ giải đáp. Văn cũng chất phác, đại khái một câu bốn chữ, không giống với điệu Sở. Lại có “quĩ thi” nói là thơ, kỳ thực cũng là phú, nói việc thiên hạ không có yên ổn, ý muốn khiển trách Xuân phân quân, lời lẽ rất thiết tha kích động, hầu như không kém gì Khuất Nguyên, lẽ nào đến đất Sở, ở ăn làm thay đổi con người, cho nên cuối cùng sinh ra cái tâm tư sầu muộn?

“... Thiên hạ không yên, xin trình quĩ thi: Trời đất chuyển ngôi bốn mùa thay đổi. Các sao va rụng, mai chiều tối tăm. Người hiền bị trói buộc, kẻ ác hung hăng. Thiên hạ tối tăm, sợ mất anh tài. Ly long thành con mối, cú mèo ra phượng hoàng. Tỉ Can bị mổ bụng. Khổng tử bị khốn ở đất Khuông. Rõ ràng sao, trí sáng suốt của các người, tối tăm sao, việc các người gặp thời chẳng phải diễm lành. Thánh nhân bó tay, thời cơ trời mất. Kẻ ngu này ngờ, xin theo lời cãi. Ca rằng: nhớ kẻ phương xa, sao bế tắc thế. Người hiền bị buộc trói, kẻ ác cứ tràn lan. Tôi trung nguy khốn, kẻ dèm trở lại. Ngọc quỳnh hạt châu, thì không biết đeo, vải tạp với gấm, không phân biệt được... Cho mù là sáng, cho điếc là thông, cho nguy là an, cho cát là hung. Hỡi ôi trời cao, sao thế mà cùng...”

Sau ít lâu, nước Sở lại có bọn Tống Ngọc, Đường Lặc, Cảnh Sai, tất cả đều thích văn chương và đều do phú mà nổi tiếng. Song bọn họ tuy học văn từ của Khuất Nguyên, rốt cục vẫn không dám can gián thẳng, vì là họ chỉ nhận được cái buồn thương, tìm tòi lấy cái văn vẻ, còn cái khí khái “Chín chết chẳng chừa” thì mất rồi! Tống Ngọc thì Vương Dật cho là học trò

Khuất Nguyên, thờ con Hoài Vương là Khoảnh Tương Vương, làm đại phu song bất đắc chí. Văn ông viết vốn có 16 bài, nay còn 11, có lẽ phần nhiều do người đời sau bắt chước làm thay, bài có thể tin được là *Cửu biện*. *Cửu biện*, vốn là bài nhạc xưa, chọn lấy cái tên, sáng tác bài mới, tuy buông thả tưởng tượng rong ruổi với thần linh không bằng *Ly tao* nhưng tâm tình oán hận thâm thĩ thực là có một.

“... Hoàng thiên chia đều bốn mùa chừ, trộm thương một thu lạnh. Sương trắng phủ cây cỏ chừ, cả cây đồng cây thụ. Bỏ ngày sáng sửa chừ, Gàn ốm héo mà buồn rầu. Thu đã rần trước bằng mù sa, Đông lại phán xử bằng sương lạnh... Năm thoăn thoắt mà qua hết chừ, e tuổi thọ ta chẳng dài. Thương ta sinh không phải lúc chừ, gặp đời vãi kinh hoàng. Đạm bạc ung dung một mình chừ, Tiếng đế kêu ở mái Tây. Lòng sợ sệt mà kinh động chừ, sao lo buồn đến nhiều phương? Trông trắng sáng mà thở than chừ, sao đang đi mà sáng rực”.

Lại có bài *Chiêu hồn*, ngoài thì trình bày cái xấu của bốn phương trong thì đề cao cái đẹp của nước Sở, muốn gọi hồn phách trở về cứu tu. Tư Mã Thiên cho là Khuất Nguyên làm, nhưng giọng văn rất khác, lời lẽ hoa mỹ, sở trường về trần thuật. Nói về sự hiểm trở gian nan thì trong trời đất chỗ nào cũng không có được thật; sự vui chơi, hưởng lạc thì từ việc ăn uống đến tiếng hay sắc đẹp miêu tả hết sức tinh tế, người đời sau làm phú đều bắt chước lối khoa trương như thế. Cuối câu đều dùng chữ ta cũng là một sáng tạo. Thẩm Tồn Trung đời Tống bảo: “Nay người Liêu hai bên Trường giang cùng các miền Quý, Giáp, Hồ, Tương, cuối cùng những lời trừ ếm đều có tiếng “ta” thì đó là tục cũ của đất Sở vậy”.

... “Hồn ơi đi về, Phương Nam không thể ở “ta”. Trán xăm, răng đen, lấy thịt người mà cúng, lấy xương mà làm mắm ta. Rắn to nhưng nhúc, cao lớn khắp nghìn dặm ta. Mãng xà chín đầu, qua lại thoăn thoắt, nuốt người cho ruột thêm đầy ta. Hồn ơi về đi, không thể vui lâu ta!... Hồn ơi đi về, vua không lên trời ta, Hồ báo đầy chín cửa, cắn hại người trần ta. Một thẳng 9 đầu, nhỏ cây 9 nghìn ta. Sài lang trở mắt, giành nhau lên trước ta. Treo người để chơi, vút xuống vực sâu ta. Dâng mạng cho Đế, chết mới nhắm mắt ta. Hồn ơi đi về, vào cửa tu ta... Người nhà quý trọng, ăn nhiều món ta:

xôi nếp bánh mỳ, kê vùng nữa ta. Chua mặn đắng, lại ngọt cay ta. Gân bò béo ngậy, đùi thơm nữa ta. Hòa chua cùng đắng, bày canh Ngô ta. Dừng chuông thổi trống, làm bài ca mới ta. Qua sông hái quả lằng, nhổ cây sen lên ta. Người đẹp đã say, mặt đỏ lên ta. Mắt biết lúng liếng, sóng mắt dâng ta. Áo hoa quần mịn, đẹp mà chẳng kỳ ta, tóc dài lỏa xỏa, đẹp như ngọc ta”.

Còn những bài gọi là phú thì có 9 bài, (*Văn tuyển* có 4 bài, *Cổ văn uyển* 6 bài, nhưng trong đó *Vũ phú* thực ra là Phó Nghị làm) đại để nói Tống Ngọc cùng Đường Lạc, Cảnh Sai cùng châu vua Sở, nhân cảm hứng rồi tức cảnh làm ra, nhưng lời văn rườm rà, chùng chắt, có khi cũng dính dáng đến thần tiên, cùng với các bài *Cửu biện*, *Chiêu hồn* của Tống Ngọc và tình cảnh đương thời trái ngược nhau, khác lạ nhiều, cho nên người ta ngỡ rằng cũng giống như các bài *Bốc cư*, *Ngư phủ* của Khuất Nguyên, đều là do người đời sau dựa dẫm mà làm ra. Lại có bài trả lời Sở vương hỏi (xem *Văn tuyển* và *Thuyết uyển*) tự biện bạch vì sao mà không được mọi người khen, trước hết dẫn chứng các ca khúc, rồi đến dẫn chứng cá kinh chim phượng để nói rõ rằng kẻ tục sĩ là không thể biết được thánh nhân. Lời lẽ rất rườm, gần như bọn thuyết khách nói năng biện bác, hoặc là cũng cố dựa dẫm vào họ mà làm nhưng cùng với phú, những bài nói trên đều phải ra đời từ đầu Hán. Lưu Hiệp bảo phú nảy mầm từ Tao, đến Tuân Khanh, Tống Ngọc mới đặt cho cái tên ấy, cùng với Thi phân chia bờ cõi, phồn thịnh như một nước lớn, lại bảo: “Tống Ngọc có tài mà tự nghĩ chưa thi thố ra được mới sáng tác ra lối đối văn”, rồi từ đó Mai Thặng với *Thất phát*. Dương Hùng với *Liên châu*, loại văn bộc lộ sự oán giận ngày một nhiều. Như vậy thì thể Tao vốn cũng hấp thụ cái hay cái đẹp của 300 thiên, lại đặc biệt do cái phong cách du thuyết đương thời mà phát huy rộng lớn ra rồi do phong tục của đất Kinh Sở mà trở nên vĩ đại diệu kỳ. Phú cùng đối văn hỏi đáp lại là con sông dài tràn lan ra cho đến cả các đời sau nữa.

Văn của Đường Lạc, Cảnh Sai truyền lại đến nay rất ít. Trong *Sở từ* có bài *Đại Chiêu*, muốn bắt chước *Chiêu hồn* nhưng kém xa, Vương Dật nói: “Đó là của Khuất Nguyên làm, hoặc có kẻ nói là của Cảnh Sai”. Xét về lời văn thì nói là của Cảnh Sai đúng hơn.

❖ **Sách tham khảo**

- *Sở từ tập chú*, Chu Hy, Tống;
- *Tuân tử*, cuốn 18;
- *Sử ký, Khuất Nguyên Giả Sinh liệt truyện*;
- *Vấn tâm điều long giảng sơ*, Phạm Văn Lan, Quyển 1: *Biện tao* quyển 2 *Thuyền phú*, quyển 3 *Tạp văn*;
- *Chi Na văn học chi nghiên cứu*, Linh-mộc-hổ-hùng-Nhật bản. Quyển 1: *Tao, phú chi sinh thành*;
- *Sở từ tân luận*, Tạ Vô Lượng;
- *Sở từ khái luận*, Du Quốc Ân.

V. LÝ TƯ

Lúc đầu Tần Thủy Hoàng mới lên ngôi, tướng quốc là Lã Bất Vi nghĩ rằng Liệt quốc thường hạ mình đã kẻ sĩ, mừng đón tân khách, lại có nhiều biện sĩ, thí dụ như bọn Tuân Huống, viết sách đem lưu hành trong thiên hạ, bèn tự mình cũng hậu đãi nuôi dưỡng kẻ sĩ, khiến ai nấy đều trước thuật lại những điều mình biết, tập hợp lại thành sách đến hơn hai chục vạn lời, gọi là *Lã Thị Xuân Thu*, đem bày ở cửa thành Hàm Dương, mời du sĩ khách khứa, chừa hầu, bảo ai thêm bớt được một chữ thì biếu ngàn vàng. Thủy hoàng đã lớn, truất bỏ Bất Vi, lại thôn tính dần Liệt quốc, tuy cũng có mời đón người làm văn học, đặt chức bác sĩ, song rốt cục thì đốt Thi, Thư, giết học trò rất nhiều, trọng dụng thừa tướng Lý Tư, dùng pháp luật làm phương thức cai trị.

Lý Tư người Thượng Thái, nước Sở, lúc trẻ cùng với Hàn Phi theo học Tuân Huống, học cái phép tắc của Đế vương, học xong vào Tần, làm người nhà của Lã Bất Vi, thuyết phục Thủy Hoàng, Thủy Hoàng cho làm trưởng sử, dần dần lên đến chức Tả thừa tướng. Năm thứ hai đời Nhị thế (208 trước CN), hoạn quan Triệu Cao vu cho Tư mưu phản, vua Tần giết Tư bằng cả

ngũ hình, tru di ba họ. Tư tuy là học trò của Tuân Khanh nhưng không tôn thờ đạo Nho, trị nước thì chuộng sự nghiêm khắc, gấp gáp, song đối với văn tự thì có công lao đặc biệt: thời Lục quốc, chữ viết khác nhau, Tư bèn nảy ra ý bãi bỏ những chỗ không hợp với chữ của Tần, đặt ra một lối viết, viết sách *Thương Hiệt* 7 chương, chữ viết so với chữ xưa nhiều chỗ không giống, thứ chữ đó sau gọi là Tần triện (chữ triện nhà Tần). Lại cũng bắt đầu tạo ra thứ chữ Lệ (Lệ thư). Thứ chữ ấy là do chốn ngục tù nhà nước làm việc mà đặt ra, dụng ý tiến tới sự giản dị để dạy cho hạng đồ lệ (nha dịch cấp thấp). Phái Pháp gia nói chung ít văn vẻ, chỉ có bài Tấu nghị của Lý Tư có lời hoa mỹ, như bài *Can việc đuổi khách* (gián trực khách).

“... Nhất định là của nước Tần sản sinh ra mới được; nếu thế thì ngọc bích dạ quang không dùng để trang sức chốn triều đình, đồ đạc bằng sừng tê ngà voi, không dùng để ngắm nghía, con gái nước Trịnh nước Vệ không đưa vào hậu cung, giống ngựa quý “quyết đồ” không nuôi trong tàu ngựa, vàng thiếc đất Giang Nam không đem dùng, chất màu xanh đỏ đất Tây Thục không dùng để trang điểm... Ôi! Gõ cái cồng, đánh cái phũ, gảy chiếc đàn tranh, vỗ đùi mà hát hò ngân nga, nghe khoái tai thích mắt, đó thật là thanh âm của nước Tần. Còn các khúc *Võ Tượng*, *Chiêu Ngụ*, *Tang gian* của nước Trịnh nước Vệ là nhạc của nước ngoài. Nay bỏ lối đánh cồng, gõ phũ mà theo Trịnh, Vệ, bỏ đàn tranh mà lấy Chiêu Ngụ, như vậy là thế nào; Cái khoái lạc đặt lên trước, cốt thích xem mà thôi vậy. Nay việc lấy người lại không thể: không hỏi xem được hay không, không bàn xem cong hay thẳng, hễ không phải Tần là cho đi, ai là khách thì đuổi. Thì ra cái mình coi trọng là nơi sắc, nhạc, châu ngọc, mà cái mình coi nhẹ là ở nơi người dân. Đó không phải là cái thuật để ngồi lên trên thiên hạ kiểm chế các nước chư hầu...”

Năm thứ 28, Tần Thủy Hoàng bắt đầu đi tuần sát phía Đông, đến các quận huyện, bọn bề tôi bèn đua nhau ca tụng công đức của y khắc vào kim thạch để lưu lại đời sau. Văn cũng do Lý Tư viết, nay hãy còn lưu truyền, nó chất phác mà hùng tráng. Văn bia, các bài minh đời Hán, Tấn sau này thực ra đều từ đó mà ra. Ví dụ bài *Thái Sơn khắc thạch văn* (bài văn khắc trên đá ở núi Thái): “Hoàng đế lên ngôi, đặt ra phép sáng, bề tôi trau dồi. Hai mươi

sáu năm mới gồm thiên hạ, thấy đều qui phục. Nay thân hành đi tuần sát dân đen thiên hạ, lên núi Thái này, nhìn khắp cõi Đông. Bề tôi đi theo, nhớ lại sự nghiệp, ca ngợi công đức. Đạo trị đem dùng, muôn vật thích nghi, đều có khuôn phép. Nghĩa lớn sáng tươi, đời sau được hưởng, thuận theo chỗ thay. Hoàng đế mình thánh, đã bình thiên hạ, việc nước chẳng lười... Ngoài trong cùng sáng, đâu chẳng sạch trong, lan đến cháu con. Hóa đến vô cùng, tuân theo lời chiếu, nhớ mãi lời văn...”

Năm thứ 36 dân Đông quận khắc vào tảng đá lớn, lời nguyên rửa lời nguyên rửa Thủy Hoàng, tra hỏi không ai nhận, bèn giết tất cả những ai ở quanh tảng đá. Thủy Hoàng rất cực không vui, sai bác sĩ làm bài *Tiên chân nhân thi*, đến lúc du ngoạn thiên hạ, truyền lệnh cho nhạc sĩ đánh đàn và hát bài ấy, có lẽ đó là nguồn gốc của thơ du tiên đời sau, nhưng chính nó không được truyền lại. Thiên *Nghệ văn chí* sách *Hán thư* chép tạp phú đời Tần có 9 bài. Sách *Lễ nhạc chí* thì nói có bài *Phòng trung nhạc*, đến đời Tần thì lại gọi là *Thọ nhân*, nhưng sau này đều mất cả. Cho nên căn cứ vào những bài hiện còn mà nói thì văn chương đời Tần chỉ có một mình Lý Tư mà thôi.

❖ *Sách tham khảo*

- *Sử ký* quyển 6: *Tần Thủy Hoàng đế bản kỷ*, quyển 85: *Lã Bất Vi* quyển 87: *Lý Tư liệt truyện*;

- *Toàn Tần văn*: Nghiêm khả quân (Thanh) sưu tập;

- *Trung Quốc đại văn học sử*: Tạ Vô Lượng, Chương 8 quyển 2.

VI. TIẾNG SỞ TRONG HÁN

Tần đốt Thi, Thư, chôn sống học trò ở Hàm Dương xong, bọn nhà nho lần hồi ẩn náu trong dân gian, hoặc đem thân khuất phục kẻ thù để bày tỏ nỗi oán giận. Cho nên Trần Thiệp là một thất phu nổi dậy mà chỉ trong một tháng đã làm vua nước Sở mà các nhà nho nước Lỗ mang những đồ

thờ Khổng tử ra hàng. Khổng Giáp thì làm quan bác sĩ cho Thiệp, đến sau cùng Thiệp thua mà chết. Nhà Hán lên, Cao tổ không ưa Nho thuật, kẻ phụ tá lại phần nhiều là bọn thơ lại cạo giấy, chỉ có Ly Thục Kỳ, Lục Giả, Thúc Tôn Thông là kẻ văn nhâ có phong thái bác học. Tuy nhiên, được tựa cột châu rìa trong cung đình nhà Hán không phải toàn nhờ văn thuật cả. Lục Giả tuy ca ngợi Thi, Thư nhưng thường được khen nhờ tài biện luận; Ly sinh vốn tự cho là nhà nho, nhưng Cao tổ thì thực tình coi anh ta là một thuyết khách, đến như Thúc Tôn Thông thì chính là dùng cái học vắn quanh cảm ơn để a dua theo đời, lấy lòng người ta, chứ không phải được trọng vọng vì biết đặt ra nghi lễ trong triều, biết điển lễ. Cao tổ sau khi lên ngôi, đi qua đất nước Lỗ, tuy có dùng lễ “trung lao” để tế Khổng tử, song đó có lẽ chỉ là thủ đoạn anh hùng để lừa đời, mượn cơ để thu nắm nhân tâm, khiến người ta chỉ biết có một việc nên làm là chống Tần mà thôi vậy. Cao tổ chết, nhà nho vẫn không được dùng. *Nho lâm truyện* trong *Hán thư* kể: “Thời Cao hậu vua Hiếu Huệ, công Khanh đều là công thần quan võ, Hiếu văn vốn thích thuyết hình danh đến Hiếu Cảnh thì không dùng nhà nho, Đậu thái hậu thì ưa thuật Hoàng Lão, cho nên các quan bác sĩ, chỉ gọi là có vị, chờ hỏi, nhưng chưa có người nào được tiến cử”.

Vì những lý do trên mà trong văn chương khoảng thời gian giữa Sở và Hán, thi giáo đã tàn, trong dân gian nhiều người thích điệu Sở. Lưu Bang xuất thân là một đình trưởng mà lên làm Hoàng đế, tác phong hẳn cũng chịu ảnh hưởng của cung đình. Lý do là Tần diệt 6 nước, bốn phương oán giận mà Sở càng sâu sắc nhất, thề rằng tuy chỉ còn ba hộ cùng nhất định sẽ diệt Tần, do đó những kẻ sĩ giang hồ khí khái bèn ưa chuộng điệu Sở. Hạng Tịch khi lâm nguy ở Cai Hạ ca rằng: “Sức nhỏ núi chừ, khí trùm đời; không gặp thời chừ, ngựa chùng không đi; chùng không đi chừ, biết thế nào? Nàng Ngu hời, Nàng Ngu, làm sao đây?” Đó là điệu Sở. Cao tổ bình định thiên hạ rồi, nhân đi đánh Kinh Bó mà qua đất Bái, mở tiệc rượu ở Bái cung, mời phụ lão con em cùng những người quen biết cũ đến uống rượu làm vui, tự mình đánh trúc mà hát rằng: “Gió lớn nổi dậy chừ, mây bay cao; Oai danh lừng lẫy chừ, về làng quê; Sao được dùng sĩ chừ, giữ bốn phương!”. Đó cũng là điệu Sở. Bang còn đem đi 120 thiếu nhi đất Bái, dạy chúng hát, bọn

chúng đều tập hòa theo. Về sau Cao tổ muốn lập con của Thích phu nhân là Triệu Như Ý và phế truất thái tử. Việc không thành, Thích phu nhân khóc lóc, cũng sai diễn điệu múa Sở và tự mình làm bài *Sở ca*:

“Hồng học cao bay, một đi nghìn dặm, cánh lông đã đủ, liệng khắp bốn bề. Liệng khắp bốn bề, lại biết làm sao. Tuy có tên đây còn bắn làm sao?”.

Phòng trung nhạc bắt đầu có từ nhà Chu, để làm vui tổ tiên. Đầu đời Hán, người Phi của Cao đế là phu nhân họ Đường Sơn sáng tác lời, theo ý thích của đế, cũng là điệu Sở. Đến năm thứ 2 Hiếu Huệ (193 trước CN) sai quan nhạc phủ là Hạ Hầu Khoan thêm vào ống tiêu và ống quản, đổi tên là *An Thế nhạc*, 16 chương, nay chép 2 chương:

“Hoa cỏ tươi, nữ la dùng. Đẹp dường bao, nào ai về? Lớn chẳng lớn, mà thành thạo, dài chẳng dài, mà trùm khắp”.

“Cây đồ lệ thơm, ngạt ngào như hoa quế, hiệu tấu lễ trời trăng trời sáng tỏ. Cưỡi bốn rồng huyền, quay lên bắc đi. Cờ mao pháp phối, rợp trời mệnh mệnh. Đạo hiếu tùy đời, ta ghi văn chương”.

Cao tổ lại lấy Bái cung làm nguyên miếu, bắt các ca nhi tập thổi bài ca *Đại phong* của mình, dùng 120 người làm thường trực. Hai vua Văn, Cảnh nối ngôi, các lễ quan vẫn tập bài ấy. Điệu Sở trong cung Hán được coi trọng như thế cho nên về sau các đế vương có khi gấp vội làm thơ nói chí mình, cũng thường dùng nó mà riêng những bài từ của Võ đế lại hoa mỹ có một không hai. Trong lúc viếng đất Hà Đông, tế thần đất, đoái trông kinh đô của mình, hân hoan giữa dòng, cùng quần thần yến tiệc, Võ đế tự làm bài *Thu phong từ*, triền miên hoa lệ, dầu là người làm từ chính cống cũng không thể nào hơn:

“Gió thu nổi chừ, mây trắng bay. Cây cỏ da vàng chừ, nhận về xuôi. Lan có hoa chừ, cúc thơm tươi. Nhớ người đẹp chừ, không thể nào nguôi. Thả thuyền rồng chừ, qua sông Phần, ngang qua sông chừ, sông trong ngần. Sáo đàn nổi chừ, hò chèo ngân. Vui tốt cùng chừ, buồn lại đến. Tré trung mấy lúc chừ, già đến gần!”.

Xuống đến Thiệu đế, khi sắp bị Đồng Trắc đầu độc, chia tay với vợ là Đường cơ đã hát: “Đạo trời đổi thay chữ, ta gian nan. Bỏ ngôi để chữ, làm phiên thân. Nghịch thần bức bách chữ, mạng sao còn. Phải xa nàng chữ, vào cõi u huyền!”. Đường cơ hát tiếp: “Trời sụp đổ chữ, đất lở mòn, thân hoàng đế chữ, mệnh chết non. Âm dương cách biệt chữ, từ đây đôi ngã. Thiếp cô quạnh chữ, đến héo hon”. Trong lúc lâm nguy bày tỏ nỗi lòng, lời lẽ quá lộ song thể thức thì đều là điệu Sở cả.

❖ **Sách tham khảo**

- *Hán thư: Đế kỷ, Lễ nhạc chí*;
- *Toàn Hán thi* (Đinh Phúc Bảo sưu tập);
- *Trung Quốc đại văn sử học*. Tạ Vô Lượng. Chương 1 quyển 3.

VII. GIẢ NGHỊ VÀ TRIỆU THÁC

Buổi đầu nhà Hán, người giỏi bàn việc trị nước và cũng là người giỏi hơn cả về văn chương trước hết là Lục giả, phò tá Hán cao tổ, thường ca ngợi Thi, Thư. Cao đế hạ lệnh làm sách nói do đâu mà Tần mất thiên hạ và vì sao mà xưa nay thất bại hay thành công, mỗi bài dâng lên, cao tổ chưa bao giờ không khen hay, đặt tên sách là *Tân ngữ*, sách nay hãy còn. Thời Văn đế thì có Giả Sơn người Đình Xuyên thường lấy Tần làm ví dụ, bàn đạo trị loạn, sách làm ra đặt tên là *Chí ngôn*, về sau mỗi lần dâng thư, lời lẽ thường tha thiết cảm kích khéo chỉ rõ nội dung sự việc nhưng không được dùng. Những điều ông nói đến nay đã mất mát đi nhiều, chỉ có *Chí ngôn* là còn trong *Hán thư* ở phần truyện Giả Nghị.

Giả Nghị người Lạc Dương, đã từng theo bác sĩ nhà Tần là Trương Thương học *Xuân thu tả thị truyện*. Lúc 18 tuổi do thuộc Thi, Thư và viết văn được mà nổi tiếng trong quận, quan đình úy Ngô công tiến cử lên Văn đế, được vời làm bác sĩ, lúc ấy mới hơn 20 tuổi mà giỏi ứng đáp chiếu lệnh, bọn học trò không ai bì kịp. Văn đế lấy làm vừa lòng, một năm mà thăng

cấp vượt bậc lên đến chức Đại trung đại phu, lại còn dự định cất nhắc lên làm công khanh. Bọn Giáng Quan, Phùng Kính chê là “người Lạc Dương tuổi trẻ, hiểu biết mới ở bậc sơ học mà luôn muốn chuyên quyền, làm rối loạn mọi sự”, do đó vẫn để cũng xa ra, không nghe lời bàn luận của y, sau bỏ làm thái phó của Trường Sa vương. Bị biếm trích như vậy, Nghị có ý buồn chán khi qua sông Tương, làm bài phú viếng Khuất Nguyên, cũng là để ví mình vậy:

“Kính nhờ ơn huệ chừ, đợi tôi ở Trường Sa. Nghe tin Khuất Nguyên chừ, chết ở Mịch La. Xin cậy giòng Tương chừ, viếng tiên sinh. Gặp đời không cùng chừ, bèn tự bỏ mình. Hỡi ôi, thương thay chừ, gặp thời chẳng lành, loan phượng trốn vào hang chừ, cú mèo lượn lơ. Đứa hèn mọn làm to chừ, kẻ siểm nịnh đắc chí. Thánh hiền bị lôi kéo chừ, thẳng ngay đảo ngược... Thang ôi, đành cảm lạnh, cuộc đời thật vô có. Vứt bỏ vạc đỉnh nhà Chu chừ, quý lọ sành. Trâu bệnh kéo xe chừ, buộc thêm lừa què. Ngựa ký cụt tai chừ, kéo xe muối. Mũ chương phủ chừ, giày cỏ, không thể được lâu. Than ôi, tiên sinh, chỉ riêng mình không phạm lỗi ấy, thăm hỏi rằng: Thôi vậy, nước không ai biết mình chừ, uất ức cùng ai bày tỏ. Chim phượng lưng lơ cao bay chừ, ôi tự ý mình mà đi xa. Đánh long thần nơi cửa uyên chừ, không lặn sâu mà tự cho là quý. Chống lại thường luồng, rái cá mà ẩn cư chừ, há phải theo tếp tôm, giun, đế. Quý cái đức thần của thánh nhân chừ, lánh xa đời dơ đục mà giữ mình. Nếu ngựa ký cũng buộc giắt được chừ, thì có gì khác chó dê. Né tránh cái rối bời, xa lìa cái bậy bạ chừ. Cũng là việc của phu tử. Đi khắp chín châu mà giúp vua mình chừ, cần gì phải bịn rịn nơi kinh đô. Phượng hoàng liệng trên trên ngàn đợt chừ, nhìn đức sáng mà đổ xuống. Thấy dấu hiệu nguy hiểm của đức mọn chừ, xa đập cánh mà bỏ đi. Cái ngòi rãnh đọng bẩn kia chừ, há chứa nổi con cá lớn nuốt thuyền. Con kình con chiến nằm ngang sông hồ chừ, vốn là do lũ ong kiến cai quản.

Được ba năm, có con chim cú bay vào nhà Giả Nghị, đậu ở góc giường ngồi. Đất Trường Sa ảm thấp, Nghị sợ không thọ, nhân thế làm bài *Phục phú* để cho thanh thần khỏi lo. Phục là tiếng Sở gọi con chim cú. Đại ý bài phú nói cái họa và cái phúc ràng rịt lấy nhau, dù lành cùng tồn tại, sống không đủ để mừng, chết không đủ để lo, buông mình mặc số mệnh,

bền hòa mình cùng đạo, thấy cú do vậy là việc nhỏ nhặt, không đáng lo. Tư tưởng bỏ ngoài sự sống chết, thuận theo ý tạo hóa vốn là tư tưởng học được của Trang sinh. Hơn một năm, Văn đế vời Nghị về hỏi về thuật quỷ thần. Nghị than mình không hiểu nổi. Không lâu, Nghị được phong làm thái phó của Lương Hoài vương con út của Văn đế. Bây giờ lại phong bốn người con của Hoài nam Lệ vương làm liệt hầu, Nghị dẫu sợ can, lại do các vua chư hầu có ý chiếm đoạt, coi mình ngang vua, dẫu dai có khi vài ba quận liền nhau, không đúng qui chế xưa; Nghị nhiều lần dâng thư trần tình chính sự, sinh tức bỏ bớt đi. Chính sách trị an của ông dài đến 6 nghìn lời cho rằng trong thiên hạ “thế sự điều đáng khóc gào có một, đáng chảy nước mắt có hai, đáng thở ngắn thang dài có ba, còn các điều trái lẽ, có hại cho đạo đức thì chỉ kể sơ sơ cũng khó hết”, rồi ông nhân đó chỉ ra những lỗi lầm, nói khá tha thiết nhưng không được vua nghe theo. Được vài năm, Hoài vương ngã ngựa chết, không con nối dõi, Nghị tự lấy làm đau xót, cho mình làm thầy mà không được tích sự gì, buồn bã khóc lóc hơn năm rồi chết, mới 33 tuổi đầu (200 đến 168 trước CN).

Triều Thác người Dĩnh Xuyên lúc nhỏ học thuyết Hình danh của họ Thân, họ Thương ở Trương Khôi đất Chỉ. Thời Văn đế nhờ có văn học mà được làm chức Thái thường chưởng cố được phái đi học sách *Thượng thư* với Phục Sinh người Tế Nam, trở về, nhân dâng chính sách “tiện việc công thỏa đáng việc tư” cùng với sách giải thích mà được vua hạ chiếu cho làm môn đại phu trong nhà thái tử, rồi lên chức bác sĩ, phong “thái tử gia lệnh”. Lại nhờ giỏi lý luận, được thái tử yêu vì trong nhà đặt cho cái hiệu “trí nang” (cái túi khôn). Ông tiến cử những người hiền sĩ giỏi văn chương, thi đối sách đều đỗ cao, lại nhiều lần dâng thư lên văn đế, tâu về việc cầu tước bỏ quyền hạn chư hầu và về việc pháp lệnh có thể sửa đổi. Vua không theo nhưng cho là bậc kỳ tài, thân làm trung đại phu. Cảnh đế lên ngôi, lấy làm nội sử hễ tâu việc gì vua đều nghe theo, được quý trọng hơn cả cửu khanh, pháp lệnh sửa đổi đều do Thác, bọn Viên Áng, Thân Đồ gia đều không ưa, nhưng Thác càng cao sang, thăng đến chức ngự sử đại phu. Thác lại xin tước bớt đất chư hầu, thu lại các quận mới thêm. Thư về việc tước bớt đất Ngô nói:

“Xưa Cao đế mới bình định thiên hạ, anh em ít, con còn thơ dại, phong người cùng họ rất đông, cho nên con giòng thứ là Điều Huệ Vương làm vua đất Tề đến 72 thành, em thứ là Nguyên Vương làm vua đất Sở đến 40 thành, con anh làm vua đất Ngô đến hơn 50 thành. Ba vị giòng thứ đó làm vua đến nửa thiên hạ. Hiện nay Ngô vương có hiềm khích từ xưa với thái tử, giả ốm không vào hầu, theo luật pháp xưa là nên giết. Văn đế không nỡ nên cho ghế ngồi, gậy chống, như vậy là ơn hết sức hậu. Thế mà không sửa lỗi đổi mới, lại còn kêu ngạo buông tuồng, công khai lên núi đúc tiền, nấu nước biển làm muối, dụ dỗ những kẻ trốn tránh trong thiên hạ, toan nổi loạn chống đối. Nay tước bỏ việc làm phản sớm, không tước bỏ thì làm phản muộn mà tai họa lớn”.

Lời tâu xin tước bỏ đất đai, các quý tộc không ai dám phản nản duy chỉ có Đậu Anh, do đó có hiềm khích với Thác. Các nước chư hầu thì vốn đã ghét việc Thác sửa đổi pháp lệnh 30 chương, cho nên bọn Ngô Sở 7 nước làm phản lấy cớ để giết Thác. Đậu Anh, Viên Áng lại đến thuyết phục Văn đế (nên là Cảnh đế - biên tập chú) Triều Thác mặc áo triều bị chém ở chợ phía Đông (154 trước CN).

Triều Thác và Giả Nghị ban đầu tính hạnh cũng giống nhau. Một người thì theo Phục sinh truyền cho sách *Thượng thư*, một người thì theo Trương Thương truyền cho sách *Tả thi*. Thác xin tước bớt đất của chư hầu lại sửa đổi pháp lệnh, Nghị thì muốn thay đổi màu y phục, cả hai đều bị bọn công thần cùng những kẻ được vua yêu vì dèm pha. Về văn thì cả hai đều thẳng thắn, không cần tế nhị, lời cảm động thiết tha, nói hết những điều mình muốn nói. Tư Mã Thiên nói: “Dã Sinh, Triều Thác hiểu rõ được thân, thương”. Chỉ một điều là Nghị có văn vẻ hơn, mà về mặt trầm lắng, thiết thực thì hơi đuối, dầu sao các bài *Trị an sách*, *Quá Tần luận* của ông cùng với các bài *Hiền lương đối sách*, *Ngôn bình sự sở*, *Thủ biên khuyến nông sở* của Triều Thác đều là những áng văn lớn đời Tây Hán.

Những bài đó tươi thắm cho đời sau, thật sâu xa. Tuy nhiên đem hai bài luận về Hung nô mà so sánh thì thấy được bài của Giả là quá thô sơ, trống rỗng không thể đứng ngang hàng với bài của Triều Thác về sự sâu sắc am hiểu.

Sở dĩ về sau hai người khác nhau xa có lẽ là vì Văn đế, là người ưa tĩnh, những điều Giả làm đều không được dùng, ông làm thái phó dạy Lương vương, uất ức mà chết. Triều Thác thì gặp được Cảnh đế, cải cách được chút ít, cho nên rất được ưa chuộng, được thực hiện chủ trương của mình, kết quả là tự chuốt lấy tai họa, bị chém ở chợ Đông. Đã thế lại sớm nhờ thuyết hình danh mà nổi tiếng nên bị chê là quá thẳng và khắc bạc. Giả sử người này ở vào địa vị người kia, lại gặp được những đức vua khác thì kết cục mỗi người cũng chưa biết thế nào mà nói. Điều biết được là Giả Nghị giỏi văn chương sinh thời lại bất đắc chí, Tư Mã Thiên thương ông vì nỗi không may, chép cùng truyện với Khuất Nguyên, cho nên đời sau biết tên tuổi của ông hơn.

❖ **Sách tham khảo**

- *Sử ký* (quyển 84, 101);
- *Hán thư* (quyển 48, 49);
- *Toàn Hán thư* (Nghiêm Khả Quân, đời Thanh biên tập);
- *Trung Quốc đại văn học sử* (quyển 3 chương 2);
- *Chi na văn học sử cương* (quyển 3 chương 4).

VIII. VĂN HỌC⁽¹⁾ CÁC NƯỚC PHIÊN THUỘC

Hán cao tổ không ưa Nho, hai vua Văn đế, Cảnh đế thì thích thuyết Hình danh và đạo Hoàng lão, nhưng thời ấy trong các vua chư hầu cũng có nhiều người dốc lòng nuôi dưỡng kẻ sĩ để ý đến văn chương như các vua Sở, Ngô, Lương, Hoài Nam và 5 vua Hà Gian là những kẻ có tiếng hơn cả.

Sở Nguyên vương tên Giao là em cùng cha của Cao tổ, ham sách, lắm tài nghệ, lúc nhỏ cùng với Mục sinh nước Lỗ và Bạch sinh Thân công học

⁽¹⁾ Nguyên văn là Văn thuật. ND.

Thi với học trò của Tôn Khanh là Phù Khuu Bá, cho nên ham *Thi*, sau khi được phong làm vương nước Sở, con cái cùng đều học *Thi*, Thân công làm *Thi* truyền trước tiên, đặt tên là *Lỗ thi*, nguyên vương cũng làm *thi* truyền đặt tên là *Nguyên vương thi*. Buổi ban đầu nhà Hán, các vị đại sư nghiên cứu *Thi* đều ở Sở. Ngoài Thân công, Bạch công còn có Vi Mạnh, ông làm thầy dạy của Nguyên vương, dạy cả con là Di vương, cả cháu là Vương Mậu. Mậu hoang dâm, không tuân giữ đạo, Mạnh làm *thi* để can gián, rồi bỏ chức vị dời nhà đến nước Trâu, lại làm một bài *thi* nữa, cách tự xếp lời, thành một thể riêng và đều mang cái phong cách cũ của Phong, Nhã. Từ Ngụy Tấn về sau, đời nào cũng học tập mô phỏng theo, làm những bài thơ kể công người trước, ơn đức tổ tiên, vì vậy Nhâm Phưởng trong *Văn chương nguyên khởi* cho là “thể thơ 4 chữ bắt đầu từ trước Hán, với bài Can gián Sở Di Vương Mậu” của sư phó vua Sở là Vi mạnh.

Ngô vương Tị là con của Cao tổ là tên Trọng. Thời Văn đế, thái tử Ngô vào châu, cùng hoàng thái tử đánh cờ, hoàng thái cầm bàn cờ ném chết. Ngô vương từ đó để bụng oán thù bèn trốn tránh rồi phao tin đã chết, như vậy đến 30 năm, nên cũng sai bảo được quần chúng của mình. Song phần đông người ông dùng là hạng kẻ sĩ du thuyết về Tung Hoành, lại có người chuyên cả văn từ như bọn Nghiêm Kỵ, Trâu Dương, Mai Thặng. Những người này sau khi Ngô thua đều qua Lương. Hiếu vương nước Lương tên Vô là con út của Đậu hoàng hậu, vợ Văn đế. Trong cuộc phản loạn của 7 nước, Lương chống Ngô Sở có công nhất, lại là nước lớn nhất. Lộ Bạ dùng y như của thiên tử; Lương trước đó hào kiệt bốn phương, từ Sơn Đông du sĩ không ai không đến. Truyền bá *Kinh dịch* có Đinh Khoan, dạy cho Điền Vương Tôn, rồi Điền dạy lại cho Thi Cừu, Mạnh Hỷ, Lương Khuu Hạ, do đó *Kinh dịch* có học phái của ba nhà Thi, Mạnh, Lương Khuu. Lại có Dương Thắng, Công Tôn Quý, Hàn An Quốc, cả mấy người đều do cái trí biện luận mà nổi tiếng. Ngô thua, khách của Ngô lại điều sang Lương, Tư Mã Tương Như cũng từng đi chơi Lương, đều là danh thủ từ phú. Văn học thiên hạ phát triều mạnh, thời ấy có thể nói không đâu được như Lương.

Nghiêm Kỵ vốn họ Trang, sau tránh húy Minh để đổi thành Nghiêm, là người Ngô ở Cối Kê thích từ phú, thương Khuất Nguyên trung trinh mà

không gặp thời bèn làm bài từ *Ai thời mệnh*, gặp phải Cảnh đế không ưa từ phú, không có dịp nào đặc chí bèn qua Ngô, Ngô thua, đi bộ vào Lương chịu ơn Hiếu vương biết đến, cùng với Trâu Dương Mai Thặng đều được tôn trọng cả, riêng Kỵ lại được đặc biệt hơn, người ta gọi là Trang phu tử. Sách *Hán chí* có chép Trang phu tử phú 24 bài, nay chỉ còn một bài *Ai thời mệnh* trong *Sở từ*.

Trâu Dương người Tề, lúc đầu cùng với bọn Nghiêm Kỵ Mai Thặng đều làm quan Ngô, do văn chương biện luận mà nổi tiếng, Ngô vương toan làm phản, Dương viết thư can, không được nghe theo, bèn bỏ sang Lương, cùng đi chơi với Hiếu vương. Dương làm người có trí lược, khẳng khái không a dua, bị Dương Thặng, Công Tôn Quý dèm pha, Hiếu vương giận bắt bỏ ngục toan giết. Trong ngục Dương dâng thư nói rõ lòng mình:

“... Ngạn ngữ nói có bạc đầu như mới, nghiêng lòng như cũ? Sao vậy? Vì biết cùng không biết vậy. Cho nên Phàn Ư Kỳ trốn Tần qua Yên, cho Kinh Kha mượn đầu mình để phục vụ công việc của Thái tử Đan, Vương Xa bỏ Tề sang Ngụy đến dưới thành tự cắt cổ mà chết để từ bỏ Tề mà làm cho Ngụy còn. Ôi Vương Xa, Phàn Ư Kỳ, không phải là mới ở Tề, Tần mà cũ ở Yên, Ngụy vậy. Sở dĩ bỏ 2 nước mà đi làm chết 2 vua là làm điều hợp với chí mình và mến nghĩa vô cùng vậy... Nay kẻ làm vua nếu thật sự biết bỏ cái lòng kiêu ngạo đi, cứu mang cái ý báo đền, phơi bày lòng dạ ra cho người ta thấy được cái bản tâm của mình, hủy bỏ cái thói gan lì, làm điều ơn đức một cách đôn hậu, thành đạt đều có nhau cho đến cùng, thương yêu kẻ sĩ, thì chó của vua Kiệt có thể khiến cấn vua Nghiêu, khách của Đạo Chích có khi sai đi lấy đầu Hứa Do được. Huống chi lại nhân có cái quyền của ngôi thiên tử, mượn cái tư cách danh vọng của một thánh vương. Thế thì Kinh Kha bị nhận chết chìm 7 họ. Yêu Lý thiếu sống vợ con, há đủ làm cái đạo của đại vương hay sao?...”

Thư dâng lên, Hiếu vương tức thì thả Dương ra, rồi cục Dương làm được thượng khách, và sau rồi Dương Thặng, Công Tôn Quý bị tội phải chết, Dương một mình vì Lương vương mà người mới giận sâu xa của thiên tử. Sở dĩ như vậy là do Ngô chứa mưu thâm, riêng ưa bọn sách sĩ, cho nên những kẻ giỏi văn chương biện luận cũng thường có cái phong cách còn lại của các

nhà Tung Hoành trước kia. Từ lệnh, văn chương đều sở trường, khép mở, cũng như kiểu nói phô của du sĩ thời Chiến quốc vậy. Sách *Hán chí* về Tung Hoành gia có chép của Trâu Dương 7 bài mà không chép từ phú, hình như Dương ở Hán, vốn chỉ nhờ thủ đoạn quyền mưu mà được khen. Sách *Tây kinh tạp ký* nói: Lương Hiền Vương chơi ở quán Vọng Ưu, tập hợp các du sĩ, bảo ai nấy làm phú. Mai Thặng có *Liễu phú*, Lê Kiều Như có *Hạc phú*, Công Tôn Quý có *Vấn Lộc phú*, Trâu Dương có *Tiểu phú*, Công Tôn Thừa có *Nguyệt phú*, Dương Thảng có *Bình phong phú*, Hàn An Quốc làm bài *Kỷ phú* không xong, Trâu Dương làm thay cho. Trâu Dương, An Quốc phải uống rượu phạt ba thặng, Mai Thặng, Lộ Kiều Như được ban lụa, mỗi người 5 tấm. *Tây kinh tạp ký* do Cát Hồng đời Tần làm, nói thác ra là của Lưu Hâm, có lẽ các bài phú cũng là của Hồng làm ra đó thôi. Mai Thặng, tên tự là Phúc, người Hoài âm, làm chức lang trung của Ngô Vương Tĩ. Ngô Vương làm phản, Thặng dâng Thư để can. Ngô Vương không nghe, Thặng bèn bỏ sang nước Lương. Hán dẹp loạn 7 nước xong, Thặng do dịp này nổi lên, Cảnh đế triệu Thặng về bổ chức Hoành nông đô úy. Thặng làm thượng khách nước lớn đã lâu, không thích chức quận lại, khai ốm bỏ quan, trở về lại đi chơi nước Lương. Khách ở Lương đều giỏi từ, Thặng càng giỏi hơn. Lương Hiếu vương mất, Thặng về Hoài âm. Võ Đế lúc còn làm thái tử đã nghe tiếng Thặng, đến khi lên ngôi thì Thặng đã già, Võ Đế sai đưa xe êm bánh bằng cỡi đi mời, Thặng chết dọc đường (140 trước CN).

Hán chí có chép Phú của Mai Thặng 9 bài, nhưng nay chỉ còn bài *Lương vương thế viên phú*. Bài *Lâm Bá tri viễn quyết phú* chỉ còn lại cái tên, còn bài *Liễu phú* chắc là làm giả. Song cái công lớn của Thặng đối với văn thể là ở chỗ dựa theo cách thức *Sở từ*, *Thất gián*, lại lấy ý của *Chiêu hồn*, *Đại chiêu* mà tự sáng tác ra thất phát. Mượn Ngô, Sở làm khách, chủ, trước tiên nói ra cái hao tổn về xe kiệu, cái khổ sở về cung điện, cái độc hại về ăn uống, ham mê sắc đẹp, rồi nói nên nghe lời nói hay, đạo lý trọng yếu để cho tinh thần được trong suốt, thân thể được dẻo dai rồi từ đó nói đến cái vui thú thanh tao về âm thanh, màu sắc... tất cả đến 6 việc mà sau cùng là việc ngắm sông lớn ở Quảng lăng:

“Lúc mới đầu thì mệnh mệnh chảy xiết như cò trắng liệng xuống

thấp, ít lúc sau thì đồ sộ mà như sương mù, như xe trắng ngựa bạch có màn long trưng lên. Sóng dâng mà mây nổi, như ba quân lồng lộn ra đi. Khi chạy dồn sang bên thì lằng lằng như đoàn quân khinh xa. Thường luồng 6 xe, theo sao Thái bạch, rong ruổi trên cầu vòng, trước sau nối tiếp, ngất ngấu ùn ùn, âm vang đáng sợ, thành lũy bền dày phức tạp tựa hàng quân, gào thét rối tung, không gì cưỡng lại. Nhìn ra hai bên, bọt phun dữ dội, mặt mù nháy vọt lớp trên lớp dưới, xem như tên lính dũng mãnh, xông lên chẳng sợ gì, đập vào vách, trườn lên bến, đi hết chỗ cong, luồn theo eo hẹp, vượt bờ đuổi theo, ai gặp là chết, cái gì cản trở đều bị phá nát...”

Lời ông ta không lọt vào tai, bèn rằng:

“Toan vì thái tử mà tiến dẫn những kẻ sĩ thạo phương thuật, kẻ có tài lược như Trang Chu, Ngụy Mậu, Dương Chu, Mặc Dịch, Biền Quyên, Thiên Hà. Hạng người ấy, khiến họ luận bàn cái tinh vi trong thiên hạ, phân biệt cái phải trái của muôn vật. Khổng tử, Lão tử thì xét xem, Mạnh tử thì cầm bàn tính mà tính toán, muôn điều không sai một. Đó cũng là lời nói trọng yếu, cái đạo lý hay trong thiên hạ vậy. Thái tử há muốn nghe chẳng? Thái tử bèn nhân đó đứng dậy mà rằng: Rõ ràng thay, như được nghe lời kẻ biện sĩ thần thánh nói. Mồ hôi toát ra, bệnh tiêu tan hết”.

Do vậy mà có thể “thất”, văn sĩ các đời sau làm theo rất đông. Đời Hán, Phó Nghị có *Thất kích*, Lưu Quảng có *Thất hưng*, Thôi Yên có *Thất y...* đến hơn mười tác giả. Lần lượt đến đời Ngụy Tấn vẫn nhiều người phỏng theo mà làm. Tạ Linh Vận có *Thất tập* mười quyển, Biện Canh có *Thất Lâm* mười hai quyển, Lương Hựu có *Thất lâm* 30 quyển tất cả đều là tập hợp cái thể ấy của nhiều nhà lại mà làm, nhưng nay đều lẫn lộn không phân biệt được. Chỉ có *Thất phát* của Thặng cùng với *Thất Khái* của Tào Thực và *Thất mệnh* của Trương Hiệp là có trong văn tuyển.

Văn tuyển lại có *cổ thi mười chín bài* đều là ngũ ngôn, không có tên tác giả. Lý Thiệu đời Đường nói: gọi gộp là *cổ thi*, bởi vì không biết ai là tác giả. Có kẻ nói của Mai Thặng, nhưng đáng ngờ, không thể xác minh được. Song Từ Lăng đời Trần cố sưu tập làm cuốn *Ngọc đài tân vịnh*, trong đó có 9 bài ghi rõ là của Mai Thặng. Xét như vậy thì Thặng không phải chỉ có sáng

tác ra thể “thất” mà cũng sáng tạo cả thể ngũ ngôn cổ thi nữa. Nay ghi lại 3 bài.

“Tây Bắc có lâu cao, Ngang tầng mây trời nổi, Cửa kết hoa đan chéo, Thềm ba bậc lên cửa. Tiếng đàn ca vọng về, sao mà buồn thương thế. Ai làm bài ấy được, chắc vợ Kỷ Lương xưa. Cung thương theo gió nổi, trung khúc thật bồi hồi. Đàn rồi lại than thở, khảng khái mà bi thương. Không thương người hát khổ, mà thương hiếm tri âm. Nguyễn làm đôi hồng hộc, vỗ cánh vút muôn trùng”.

“Xa nhau đã lâu ngày, Đai áo thêm rộng dài; Mây che lấp mặt trời, Người đi đi mãi thôi; nhớ chàng cái già đến, Tháng ngày bỗng đã muộn; thôi đi đừng nhắc nữa, ăn uống cần gắng gượng”.

“Xa xôi chuyện sao ngâu, Ả Chức bờ sông Hán; Tay ngọc vuốt thoăn thoắt, chí chách tiếng thoi đưa. Tối ngày chẳng tắc gang, Lệ tràn như mưa tuôn, Sông Hán trong và cao, bao giờ được gặp chàng. Sông mệnh mộng ngăn trở. Thật khó nói nên lời”.

Lời thơ như nói mà thành văn, có văn thành thú vị, không cần gọt dũa mà ý tứ sâu sắc, thần thái có thể nói gần với *Tao* của Sở mà thể thức thì thật độc đáo, thật như người ta nói: “chứa cái thần kỳ trong đơn hậu, giữ cái thương cảm trong êm đềm, ý càng cạn lại càng sâu, lời càng gần lại càng xa”. Vậy chẳng bao lâu sau, Lý Lăng cùng Tô Vũ tặng đáp nhau cũng làm ngũ ngôn, vì từ đời Văn cảnh về sau, thể ấy dần dần nhiều lên, song về mặt chất phác tự nhiên thì phải nói Mai Thặng rốt cục là người độc nhất đạt đến tuyệt đỉnh.

Hoài Nam vương tên là An, do Văn đế phong, ham sách, chơi đàn cầm, đón mời khách kẻ sĩ phương thuật có đến vài ngàn người, làm ra sách *Nội thư* 21 thiên, *Ngoại thư* thì rất nhiều, lại còn *Trung thư* 8 quyển, nói về thuật thần tiên hoàng bạch, cũng đến ngoài 20 vạn lời. Bấy giờ Võ Đế ham thích Nghệ văn, coi Âu là bậc cha chú, biện luận rộng, giỏi văn từ nên rất lấy làm tôn trọng. Võ Đế từng bảo ông làm *Ly tao truyện*, sáng vừa nhận chiếu chỉ, thì đến bữa ăn trưa đã dâng lên. *Ly tao truyện* nay không còn chỉ có sách *Hoài Nam vương* 21 thiên cũng gọi là *Hồng Liệt*. Sách này gồm

những điều giảng giải bàn bạc cùng các du sĩ, nay nhất nhạnh lại mà chép thành, những du sĩ có tham dự là Tô Phi, Lý Thượng, Tả Ngô, Điền Do, Lợi Bị, Mạc Bị, Ngũ Bị, Tấn Xương, cả thảy 8 người gọi là Bát công; lại phân chia nhau làm từ phú, sắp xếp theo loại, loại thì gọi là Đại Sơn, loại thì gọi là Tiểu Sơn, ý nghĩa cũng như *Thi* có Đại nhã, Tiểu nhã vậy. Bọn Tiểu sơn, các bài phú Chiêu ẩn sĩ, tuy bắt nguồn từ các bài *Ly tao*, *Chiêu hồn* nhưng không câu nệ theo, thành ra cái âm thanh mới của Sở từ đời Hán:

“Quế mọc um tùm chừ trong núi sâu; Vất vèo quanh cảm ơn chừ, cành đan nhau; Hơi núi trùm che chừ đá chon von; Hang hốc lổm chổm chừ nước sóng còn. Khỉ vượn kêu hú chừ hổ báo gào, Vín đu cành quế chừ nương nấu lâu. Công tử vương Tôn đi chừ không về, Cỏ Xuân mọc chừ xanh rì. Năm hết chừ lòng ta se, ve sầu kêu chừ tiếng rí rê. Bụi nổi chừ, sườn núi trôi, lòng chần chừ, sợ lo nhiều nỗi. Chấn chường chừ trong dạ, buồn thảm chừ run sợ. Hổ báo ở, cỏ rậm rừng sâu chừ người leo giữa. Bờ cong cầu đá cao chừ ngã nghiêng đổ sập. Thân cây to liền nhau chừ gỗ rừng lá dày. Cỏ sa lẫn với cây chừ, lá phiến nằm rạp. Hươu trắng nai hoẵng chừ con chạy con nấp, dáng dấp to lớn chìm lêu đêu, lạnh lẽo chừ run lập cập. Đuôi ươi chừ gấu mèo, thương đồng loại chừ buồn rầu. Vín đu cành quế chừ muốn nghỉ chân, hổ báo đánh nhau chừ gấu gầm ran, chim muông sợ hãi chừ lạc đàn. Công tử vương tôn chừ về thôi, Trong núi chừ không thể nương thân”.

Hiếu Vương Đức ở Hà gian là con Cảnh đế cũng ham sách, những sách ông học mà sở đắc đều là sách cũ cổ văn thời Tiên Tần ông lại có lập ra chức bác sĩ chuyên về *Mao Thị thi* và *Tả thị xuân thu*. Các nhà nho Sơn Đông phần nhiều theo học ở đó, cái họ thích đại để giống với Sở Nguyên vương Giao, có điều khách ba nước Ngô, Lương, Hoài Nam giàu văn từ hơn, khách Lương mà giỏi hơn cả thì phần lớn từ Ngô sang, còn mang cái phong cách Tung Hoàn nhiều, có những kẻ tụ tập ở Hoài Nam thì nói chung là những kẻ biện luận phù phiếm về các phương thuật mà thôi.

❖ **Sách tham khảo**

- *Sử ký* (quyển 106, 118);

- *Hán thư* (quyển 36, 47, 51, 53);
- *Toàn Hán thư* (Nghị viện Khảo cổ học đời Thanh soạn);
- *Trung Quốc đại văn học sử* (tập 3, chương 3).

IX. TÌNH HÌNH VĂN HỌC PHỒN THỊNH THỜI VÕ ĐẾ

Võ đế là người tài hoa, hùng tráng và có mưu lược, lại cũng rất chuộng Đạo Nho. Sau khi lên ngôi, Thừa tướng là Vệ Quán liền tâu xin bãi bỏ các hiền tài do các quân quốc cử trước kia mà dùng thuyết của Thân, Thương, Hàn Phi, Tô Tần, Trương Nghi, lại dùng xe êm chạy bánh bọc cói rước những người như Thân công, Mai Thặng, bàn việc dựng Minh đường, đặt chức bác sĩ ngũ kinh. Khoảng niên hiệu Nguyên Quang, Võ đế đích thân ra bài sách cầu hiền tài, rồi Đồng Trọng Thư Công Tôn Hoảng xuất hiện vào dịp ấy. Từ nhỏ ông lại ưa từ phú, thích *Sở từ*, từng sai Hoài Nam Vương là An làm truyện về *Ly Tao*. Những bài từ ông làm như *Thư Phong từ* (xem chương 7). *Điếu Lý phu nhân phú* (*Hán thư*, Ngoại thích truyện) thì quả đã đạt đến chỗ tuyệt diệu của văn chương. Lại đặt nhạc phú, tập hợp các bài hát Tần, Sở đời Triệu, dùng Lý Diên Niên làm Hiệp luật đô úy, cử Tư Mã Tương Như cùng vài chục người sáng tác những bài thi tụng dùng trong miếu thờ trời đất, đó là các bài ca *Thập cửu chương* Diên Niên bèn vàng ý phổ nhạc các bài thơ đó gọi là Tân thanh khúc, nhưng thực ra là điệu Sở còn truyền lại, nay mở rộng và biến cải đi. Mười chín chương *Giao tự ca* nay còn lại trong *Lễ nhạc chí* của sách *Hán thư* chương 3 đến chương 6 đều đề là *Trâu tử nhạc*:

“Ngày hè tốt dài, phô cùng muôn vật, ngô đồng tươi tốt chẳng gì che khuất. Nở hoa kết quả, đã tốt lại nhiều, mọc thành rừng chằm, trăm quí đến theo. Miếu dựng rộng lớn, kính thờ mãi sâu. Thần nếu giúp cho, muôn đời truyền lâu (*Chu Minh 3, Trâu tử nhạc*).

“Mặt trời mọc lặn kia, thời thế cùng người khác xa. Xuân phải Xuân ta đâu, hè cũng là thế, thu đâu phải thu ta, đông cũng thế. Kia như bốn bề rào rào, xem khắp được nào, bản sao? Ta biết cái ta vui, chỉ thích 6 rồng. Sáu

rồng điệu ấy, làm ta vui lòng. Tỉ, Hoàng cố sao không xuống!”. (*Nhập xuất nhập*. 9).

Thời ấy Hiếu vương ở Hà gian cho rằng đạo trị nước không có lẽ nhạc thì không thành, nếu đem dâng lên những bài nhã nhạc sưu tập được, các đại nhạc quan cũng tập những bài ấy để cho đủ số, song không dùng đến, những bài có dùng đều là tân thanh. Còn trong những khi vui chơi yến tiệc thì lại có những bài tân thanh biến khúc mà các biến khúc cũng phỏng theo Lý Diên Niên. Diên Niên người Trung Sơn, bản thân cũng như bố mẹ anh em trước đều theo nghề hát xướng, có tội bị án thuyên, làm chức quan trông coi chó săn, thích âm nhạc, giỏi ca múa, được Võ đế yêu vì. Mỗi lần tấu tân thanh biến khúc, người nghe không ai không cảm động. Diên niên thường hầu Võ đế, múa và hát rằng: “Phượng Bắc có người xinh, trên đời chỉ thấy một. Một liếc nghiêng thành, hai nghiêng nước. Há chẳng biết nghiêng thành cùng nghiêng nước, người xinh thật khó được”. Thế rồi đem tiến em gái mình, người em ấy được vua yêu, gọi là Lý phu nhân, chết sớm. Võ đế thương nhớ khôn nguôi, có tay phù thủy người Tề tên là Thiệu Ung mới có thể gọi hồn về được, thế là đem treo màn đốt đuốc, bảo vua ở một màn khác mà trông qua, thấy một người con gái đẹp, dung nhan như Lý phu nhân, nhưng không được đến gần. Võ đế càng nhớ tiếc hơn, làm bài thơ rằng: “Thục chẳng hư chăng? Đứng lặng nhìn sang, Đi đi lại lại dềnh dàng”. Làm rồi sai các tay đàn ca trong nhạc phủ đánh đàn mà hát lên. Bài thơ tức sự cảm tác, nhịp gấp ý dài, gọi là tân thanh, chỉ là biến khúc cổ thể vậy.

Kẻ sĩ văn học chung quanh Võ đế rất đông. Trước hết là Nghiêm Trợ ở Cối Kê, con của Nghiêm Kỳ, hoặc là con người trong họ. Trợ nhờ đối sách hiền lương đồ cao, được đặc cách bổ làm trung đại phu. Trợ tiến cử người xứ Ngô là Chu Mai Thần, được triệu vào ra mắt, Mai Thần nói về sách *Xuân thu*, về *Sổ từ* cũng được bổ làm trung đại phu và cũng chức thị trung với trợ. Lại có Ngô Khuê Thọ Vương, Tư Mã Tương Như, Chú phụ Yếu, Từ Nhạc, nghiễm An, Đông Phương Sóc, Mao Cao Giao Thương, Chung Quân, Nghiêm Thông Kỳ... nhưng trong tất cả thì Đông Phương Sóc, Mai Cao, Ngô Khuê Thọ Vương, Tư Mã Tương Như đã được yêu mến gần gũi nhất. Tương Như văn rất giỏi, song thường cáo ốm tránh việc; Sóc, Cao thì nghị luận

không cần cứ, chỉ được coi như phường làm trò mua vui, chỉ có Nghiêm Trợ cùng Thọ vương là được tin dùng. Trợ tiến nhanh nhất, thường cùng quan to bàn bạc việc nước. Có việc mới lạ thì cũng được giao viết văn, ông viết phú tụng đến vài chục bài. Thọ Vương tên chữ là Tử Cống, người Triệu, do tư cách lương thiện 5 lần được triệu làm chức đãi chiếu, thăng chức Thị trung trung lang, có làm phú 15 bài, xem *Hán thư*. Đông Phương Sóc tự là Man Thiên, người Yểm Thứ, Bình Nguyên. Vô Đế lúc đầu mới lên ngôi, xuống chiếu hiệu những kẻ sĩ được thiên hạ cử lên coi là có đủ tư cách hiền lương phương chính và tài lực văn chương, đãi họ không theo cấp bậc thường lệ, kẻ sĩ bốn phương dâng thư nói về lẽ thành công thất bại, tự khoe khoang để mong được dùng kẻ có hàng nghìn. Sóc vừa đến, dâng thư viết: “Thần là Sóc, từ nhỏ đã mồ côi bố mẹ, nhờ anh với chị dâu nuôi, 12 tuổi thì học sách, học 3 năm, văn sử đủ dùng 15 tuổi thì học đánh kiếm, 16 tuổi học Thi, Thư, đọc thuộc 22 vạn lời, 19 tuổi học binh pháp của Tôn Ngô, tài năng về chiến trận, cách thức dùng chiêng trống, nhưng sách ấy cũng đọc đến 22 vạn lời, như vậy là Sóc đã đọc đến 44 vạn lời. Sóc lại thường ngày theo lời nói của Tử Lộ. Nay thần 22 tuổi, mình đã chín thước ba tấc, mắt đẹp như hạt châu, răng ngời như vỏ ốc quý, dũng mãnh y như Bào Thúc, biết giữ lời như Vĩ Sinh, như vậy là có thể làm quan to của thiên tử, nay mạo muội cam chịu tội chết hai vạn dâng thư”. Thư viết lời lẽ thiếu khiêm tốn, tự cao khoe khoang. Vô Đế cho là kỳ, lấy làm chức đãi chiếu công xa, dần dần do những mưu chước lạ, những lời lẽ bong đùa mà được thân cận, khôi hài về đủ mọi chuyện, không ra một việc gì, song tùy lúc, quan sát nét mặt mà can gián, thẳng thắng thiết tha, Vô Đế cũng thường nghe theo; từng lên đến chức Thái trung đại phu, cùng với Mai Cao, Quách Xá Nhân đều ở bên cạnh vua, nhưng chỉ đùa cợt mua vui thể thôi, không được làm lớn, vì thế Sóc đem chủ trương của các nhà hình danh ra xin dùng thử, bài viết đến vài vạn lời, ý tứ phóng dăng, lại vẫn khôi hài, rốt cục cũng không được dùng, bèn làm bài *Đáp khách nan* (*Hán thư*, Bản truyện) để tự an ủi, lại có bài *Thất gián* nữa (Xem *Sở từ*) bài ấy nói quân tử không được như ý, xưa nay vẫn thế. Lúc sắp chết, răn con rằng: “Ở đời sáng suốt, là chớ loay hoay; cứ nhón nhợ, theo đạo mà làm. Thú Dương là vụng, Liễu Hạ là hay. Cứ ăn no bước vững, làm quan thay cày. Ăn mình ngấm đời, đời đối trả chẳng dùng... Đạo của

thánh nhân, một rắn một rồng, hình hiện thần ẩn, cùng vật biến hóa, tùy thời mà làm, chớ bám một nhà”. Đó lại là nội dung của Hoàng Lão vậy. Sóc là kẻ hiểu biết nhiều, song trước tiên là khoe khoang để tiến thân, sau thì dùng khôi hài để nổi tiếng, những kẻ hiểu sự đời sau đem những lời lẽ kỳ quặc gán cho Sóc, bọn phương sĩ lại phụ họa vào cho là thần tiên, viết những loại *Thần dị kinh*, *Thập chân ký* rồi bảo là của Sóc làm, sự thực thì không phải.

Còn Mai Cao thì tự là Thiệu Nhự, con út của Mai Thặng. Võ đế triệu Thặng, Thặng đi và chết dọc đường. Võ đế xuống chiếu hỏi con cái Thặng, không có người giỏi viết văn. Cao dâng thư tâu bày về mình, được vào yết kiến, chiếu bảo làm Bình lạc quan phú, lấy làm khen, cho làm chức lang, đi xứ Hung nô. Song Cao thích đùa cười, làm phú tụng nhiều chỗ đùa cợt, vì thế không được tôn trọng và cho làm to, chỉ xin như kẻ xướng hát, tài sánh với Đông Phương Sóc, Quách Xá Nhân. Cao làm văn nhanh cho nên sáng tác rất nhiều, tự bảo là không bằng Tư Mã Tương Như nhưng lại chê cười Đông Phương Sóc và cũng chê cười cả bản thân mình. Ban có nói: “Văn Mai Cao quanh co uốn theo sự việc mà đều rõ được ý hay đùa cợt, không thật đẹp dễ ung dung, những bài đọc được có khoảng trăm hai chục, còn quá dễ dãi, cợt nhả không đọc được cũng đến hàng chục”.

Đến như kẻ sĩ đạo nho mà cũng chuyên về Văn từ thì có người ở xứ Tiết, Tri Xuyên là Công Tôn Hoằng, tự là Thư Khanh, vốn đỗ đầu trong “Hiên lương đối sách” khoảng niên hiệu Nguyên Quang, bổ chức bác sĩ, cuối cùng làm thừa tướng, phong tước hầu Bình Tân, bấy giờ học sĩ trong thiên hạ ai cũng lấy làm ngưỡng mộ, hướng theo. Đồng Trọng Thư người Quảng Xuyên là bạn học với Công Tôn Hoằng, nhưng về ngũ kinh lại giỏi hơn, thời Cảnh đế đã làm bác sĩ, Võ đế lên ngôi, thi đỗ Hiên lương đối sách, bổ làm Giang đô tướng, thăng làm Giao tây tướng, rồi mất. Đồng có làm bài phú *sĩ bát ngộ* chép trong *Cổ Văn uyển*, có đoạn viết:

“Xem đời Thượng cổ trong sáng chữ, kẻ sĩ liêm khiết cũng bơ vơ không nơi về. Ân Thang có Biện Tuy với Vụ Quang chữ; Chu Võ có Bá Vĩ với Thúc Tề. Biện Tuy, Vụ Quang dẫn mình trong núi sâu chữ, Bá Di Thúc Tề lên núi hái rau vi. Vị thánh hiền kia chịu làm việc tử tế chữ, thì cũng cùng

thiên hạ cùng mê. Còn Ngũ Viên cùng Khuất Nguyên chừ, vốn không đoái hoài gì hết. Cũng không thể cùng vài người kia chừ, toan đi xa mà trốn lợm”.

Cuối cùng bài phú nói không gì bằng trở về nghiệp cũ, chăm theo cái thiện, tuy theo điệu Sở, nhưng kết luận lại theo đạo Trung dung, rõ ràng là nhà nho thuần túy song cái ý lo buồn gấp vội, hẹp hòi thì lộ ra hết cả vậy.

Phái tiểu thuyết gia thời ấy cũng thịnh. Người Lạc Dương là Ngu sở, do phương sĩ mà làm chức thị lang, hiệu là Hoàng xa sứ giả, làm sách *Chu thuyết* 943 thiên, người Tề là Nhiêu, không biết họ gì, chức đài chiếu, làm sách *Tâm thuật* 25 thiên. Lại có sách *Phong thiện phương thuyết* 18 thiên, không rõ ai làm, nhưng nay đều mất hết.

Thơ tân chế cũng phục hưng. Ngoài các lối theo Tao Nhã cũ, có lối tạp ngôn mới, tức là nhạc phủ. *Hán thư* có ghi: Đông Phương Sóc làm thơ bát ngôn và thất ngôn, thế nào cũng có thiên thượng với thiên hạ, nay tuy không thấy, nhưng năm Nguyên phong thứ 3 xây Bá Lương đài, có chiếu bảo các quan lương bổng 200 thạch, ai biết làm thơ thất ngôn mới được lên ngôi. Các bài đó nay hãy còn, cả bài đều thất ngôn nhưng cũng là cái bước bắt đầu của thể liên cú (mỗi người một câu chấp lại thành bài - ND):

Hòa 4 mùa có trời, trăng, sao (Hoàng đế) xe 3, 4 ngựa đến từ Lương (Lương Vương) Ngựa, lính các nước tài vũ Lâm (Quan Đại tư mã) thống trị thiên hạ khó gì bằng (quan thừa tướng) Võ hòa 4 nợ chẳng dễ làm (đại tướng quân). Bọn lại đao bút thần nắm giữ (quan ngự sử đại phu) (lược bỏ)... Man di vào châu theo lễ thường quan điển thuộc quốc, cột kéo xà rui với nhau chẳng (quan thợ cạo) tì bà, quít, dễ, đào, mạn, mơ (quan thái lệnh) cho sẵn đuổi thỏ lưới giương lên (thượng lâm bệnh) cắn môi phi nữ ngọt như đường (quách xá nhân) quần bách quanh cảm ơn đến cùng thay (Đông Phương Sóc).

Chữ Thiệu Tôn bổ sung *Sử ký* nói: “Đông Phương Sóc đi trên điện, quan lang báo rằng: Ai cũng cho tiên sinh là cuồng. Sóc trả lời: như bọn Sóc gọi là những người lánh đời giữa triều đình đây. Còn người xưa thì lánh đời là ở trong núi sâu kia. Bấy giờ trong tiệc say cả, ngồi xổm giữa đất mà hát rằng: chìm đắm theo tục, Cửa kim mã tránh đời. Trong cung điện, tránh đời

được hết thôi. Cần gì phải giữa núi sâu, dưới lầu cỏ rêu”.

Bài hát ấy cũng thuộc thể mới, song cũng có thể do người đời sau phụ họa mà làm ra.

Thể ngũ ngôn có Mai Thặng mở đầu, nhưng những bài ly biệt giữa Tô Vũ, Lí Lăng cũng được xem là thơ hay. Tô Vũ tự là Tử Khang, người Đỗ Lăng vùng Kinh Triệu. Năm đầu niên hiệu Tiễn Hán giữ chức Trung lang tướng, đi sứ Hung nô, nhưng rồi giữ lại không đi. Lí Lăng tự là Thiệu khanh người Thành Kỉ, Lũng Tây, năm thứ hai Thiên Hán đánh Hung nô, thua trận hàng giặc, Thiên Vu đem con gái mình gả cho và lập làm Hữu hiệu Vương. Triều Hán Xử Lăng chu di ba họ. Đến năm Nguyên kỉ thứ 6, Tô Vũ được về cùng Lăng làm thơ tặng báo đáp như sau: “Cầm tay lên Hà Lương, người đi tới đến đâu. Ngập ngừng bên đường bước, buồn giận khó chào nhau. Biết đâu như nhật nguyệt, lúc đầy lại lúc khuyết. Hết lòng tôn đức sáng, đầu bạc hẹn về sau”. (Một trong 3 bài Lí Lăng tặng Tô Vũ).

“Đôi le bay lên Bắc, một le về Nam thôi. Anh ở lại quán khách, tôi về quê cũ đây. Một xa như Tần Hồ, gặp lại chóng hay chầy? Buồn thương nát cả ruột, bất giác lệ với đây. Mong anh luôn gắng sức, cười nói chớ quên đây” (Tô Vũ tiễn Lí Lăng?).

Tô Vũ về được ban chức Điển thuộc quốc. Tuyên đế lên ngôi phong tước Quan nội hầu. Năm Thần Tước thứ hai thì mất (60 trước công nguyên, thọ hơn 80 tuổi). Lăng thì ở Hung nô hơn 20 năm. Chết rồi có người thu thập văn chương được hai quyển. Ngoài thơ ra, đời sau còn truyền cả thư từ thăm hỏi, chép trong *Văn tuyển* và trong *Nghệ văn hội tụ*.

❖ *Sách tham khảo*

- *Sử kí* (quyển 126);
- *Hán thư* (quyển 6, 22, 51, 54, 65, 93);
- *Nhạc phú thi tập* (Quách Mậu Thiều - Đới Tấn - biên soạn);
- *Toàn Hán văn* (Nghiem Khả Quân - Đới Thanh biên soạn);

- *Toàn Hán thi* (Đinh Phúc Bảo biên tập);
- *Trung Quốc đại văn học sử* (tập 3 chương 4).

X. TƯ MÃ TƯƠNG NHƯ VÀ TƯ MÃ THIÊN

Văn nhân thời Hán Vũ Đế, kể về phú thì không ai bằng Tư Mã Tương Như, về văn thì không ai bằng Tư Mã Thiên. Thế mà một người thì cô đơn vắng vẻ một người bị cung hình, có lẽ người hùng văn chương thường cứng cỏi, không chiều ý chúa hùng, cho nên cảnh ngộ không bằng các văn nhân thông thường.

Tư Mã Tương Như, tên chữ là Trường Khanh, người Thành Đô, Thục quận. Lúc nhỏ ham xem sách, học đánh gươm, nên bố mẹ đặt cho cái tên là Khuyển tử. Lúc đã đi học, hăm mộ Lạn Tương Như, đổi tên là Tương Như, quyền tiền làm chức lang, thờ Cảnh Đế. Cảnh đế không thích từ phú. Vừa lúc Lương Hiến vương về châu, những kẻ sĩ du thuyết như Châu Dương, Mai Thặng, nghiêm Kì... đều đi theo. Tương Như gặp họ thì lấy làm vừa lòng, nhân ốm xin miễn chức, đi chơi Lương, cùng các các du sĩ chư hầu chung sống, được vài năm thì làm bài *Phú Tử Hư*. Võ đế lên ngôi đọc cho là hay, nói: “Trẫm lại không được cùng thời với người ấy sao?” người Thục tên là Dương Bắc Ý làm chức cửu giám đang hầu, nhân nói đó là người đồng hương của mình tên là Tư Mã Tương Như làm ra, vua bèn sai Triệu Tương Như vào hỏi. Tương Như thưa: “Đúng vậy, song đó mới là việc các nước chư hầu, chưa đáng xem và xin làm bài phú Thiên tử đi sẵn”. Võ đế sai quan thượng thư cấp giấy bút Tương Như cho rằng Tử Hư là hư ngôn, làm để khen Sở, Ô Hưu tiên sinh là chuyện bịa ra, để cãi lại Tề, Vô thị công là không có người ấy, ý muốn làm sáng rõ nghĩa Thiên tử. Cho nên, mượn lời 3 người ấy mà nói để tăng bốc vườn tược của Thiên tử và chư hầu. Chương cuối bài phú qui kết về việc tiết kiệm và nhân đó mà chê, can. Bài phú còn chép trong *Sử ký* thì cho nửa sau là *Thượng lâm phú* hoặc cho đó là Triệu Văn Hậu làm thêm.

Tương Như dâng phú lên, Võ đế rất vừa lòng, lấy Tương Như làm

chức lang. Được vài năm thì bài hịch, *Dụ Ba Thục*, liền được cho làm Trung lang tướng, đi Thục, thông đường đến các “đi” phía Tây nam rồi thì phụ lão đất Thục hay nói việc đó vô ích, các quan đại thần cũng nghĩ thế nên làm bài *Nam thục phụ lão văn* (Trách hội các phụ lão đất thục). Sau đó có kẻ dâng thư nói Tương Như lúc đi sứ có nhận vàng của người ta nên bị mất chức. Nhưng được hơn một năm Như lại được triệu làm Lang. Song Tương Như thích ngồi không, không thích quan tước, nhiều khi thác lời can khuyên, đối với việc săn bắn, việc nghe lời xúc xiểm, đều có kín đáo nói đến. Lần này, được cho làm quan lệnh vườn Hiếu Văn. Nhân Võ đế đã khen *Tử Hư phú* hay, Tương Như biết vua thích thần tiên, bèn nói: “sự việc *Thượng lâm* chưa hay gì, còn có việc hay hơn. Thần đã làm bài *Phú đại nhân* mà chưa xong, xin hoàn thành để dâng”. Ý bài phú này là các vị tiên nho, ở trong rừng Chằm, thân thể rất gầy còm, không phải tiên theo quan niệm của các Đế vương. Chỉ có người Đại nhân ở dưới Trung châu thương đời chật hẹp gò bó, do đó mà nhẹ nhàng bay bổng, cười trên hư vô, vượt cái vô hữu (hữu là bạn - ND), quên cả trời đất, mà tồn tại một mình, trong đó có đoạn:

“Dồn cả kiêu lại để lại muôn người lên ngồi chừ, hợp lọng mây lại và cắm cờ hoa. Bảo thần Câu Mang rằng phải đi ngay chừ, bên nàng hầu phương Nam ta muốn qua. Đám người đông trung hậu ngồi lơ nhô chừ, lẫn lộn ồn ào mà sánh vai rong ruổi xa. Tóc nhấp nhô như cỏ Thung non chừ, mệnh mông lảo đảo, đẹp dễ mà chan hòa. Rải rác mà nay cụm lại thành khóm tươi tốt chừ, lê thê trôi như ngọc lụa lê sáng lòa. Đi tấc vào vực sấm cao vút, ra hang quỷ nhỏ hẹp gồ ghề. Trời mù mịt sắp hỗn độn chừ, mời thần Sấm giết thần Gió, phạt Mưa sa. Trong phía Tây núi Côn lôn hùng tráng kinh khủng chừ, tắt thẳng ruổi đến Tam ngưng đẫy của Trời mà vào cung đế chừ, chở ngọc nữ mà cùng đi về. Leo cửa trên mà bay xa đậu xuống chừ, chim mạnh vút lên mà đậu lại. Dừng dằng lượn trên Âm sơn mà quanh quẩn chừ, hôm nay ta mới thấy Tây vương mẫu. Uy nghi đại trắng đầu bạc mà ở hang chừ, cũng may có quạ ba chân làm sứ giả. Sống lâu đến thế mà không chết chừ, tuy giúp muôn đời mừng đầu đáng kể...”

Bài phú dâng lên, Võ đế hết sức thích thú, láng láng chỉ khí bốc tận

mây xanh, bay khắp trời đất. Nhà Hán lên, thích điệu Sở, những kẻ thân tín chung quanh ông, như bọn Chu Mãi Thần thường lấy Sở từ dân, nhưng Tương Như thì lại biến Sở đi và thêm vào những ý tứ kì vĩ, trau chuốt bằng những lời gấm hoa, câu cú ngắn dài, bất chấp cả luật lệ, cùng với đương thời thật khác nhau xa. Dương Hùng nói: “Nếu cửa Khổng dùng phú thì Giả Nghị mới thẳng đường (lên thềm nhà), còn Tương Như thì đã nhập thất (vào tới tận buồng riêng)”. Ban Cố thì bảo đất Tây Thục từ khi có Tương Như ra làm quan ở kinh đô, Vương Bao, Lý Vương quả đều là người Thục. Song Tương Như cũng làm cả phú ngắn, tuy với thể này, lời rườm rà hoa lệ có ít đi hơn, như bài *Ai nhị thế phú*, *Trường ngôn phú*, đều thế. Chỉ có bài *Mỹ nhân phú* còn khá văn hoa”. Dương Hùng nói: “Khuyên trăm mà chê một còn sinh cái âm thanh Trịnh Vệ, khúc hết mà tấu nhã thêm sau, là chỉ bài này chăng?”:

... “Đường ra Trịnh Vệ, ngõ ở Tang trung. Sáng nơi Trăng Vĩ, tối hợp Thương cung. Thương cung quán rồi, trống trống vắng tanh. Cửa ngày che kín, như chốn thần linh. Thần tôi đẩy cửa, mà bước vào nhà. Hương thơm sức nức, màn trướng lượt là. Có cô gái đẹp, trên giường thướt tha. Phong thư khác tục, trong ngọc trắng ngà. Nhìn thần lùi bước, mỉm cười mà rằng: “Thượng khách là công tử nước nào, đường tới đây e chừng khá xa”. Rồi bày rượu tốt, đưa ra chiếc đàn. Thần bèn lên dây, chơi bài U Lan và bài Bạch Tuyết. Cô bèn hát rằng: “Ở một mình chừ không có ai, nhớ người xa chừ dạ u hoài. Người đẹp chừ sao đến muộn, ngày chiều rồi sắc hoa phai. Dám gửi thân chừ trông lâu dài, thoa ngọc treo mũ thần, phủ áo thần với ống tay. Trời tối dần, gió lùa buốt lạnh, tuyết trắng tả tơi, phòng không vắng lặng, không một tiếng người... thần bèn định thần lại, quyết giữ lòng ngay, miệng thề thành khẩn giữ chí không sai. Quay mình xa chạy, cùng nàng chia tay”.

Tương Như ốm, thôi quan, về ở Mậu Lăng. Vô đế nghe tin bệnh nặng, sai Sở Chung đến nhà lấy sách đến nơi thì đã chết (117 trước CN) chỉ lấy được có một cuốn, nói về việc phong thiện. Tương Như thường theo Hồ An học kinh. Lúc trẻ nhờ văn chương mà được ra làm quan, nhưng đến lúc già thì rốt cục cũng tâu vua về lễ phong thiện. Sách Tương Như làm cho bậc

tiểu học thì có quyển *Phạm Tương thiên* nay không còn. Nhưng Tương Như sở trường về Từ phú, làm thì rất chậm, nhưng không học theo nề nếp cũ, tự phát huy cái tài kì diệu của mình, rộng xa đẹp đẽ, tuyệt vời hơn hẳn tất cả mọi người đời Hán. Vương Thế Trinh đời Minh phẩm bình, cho *Phú Thượng lâm* và *Phú Tử hư* tài liệu hết sức phong phú, lời văn hết sức diễm lệ, bút pháp hết sức cổ kính và trang nhã, tinh thần hết sức sinh động. Về ý tứ của Tương Như thì Trường Sa cũng có, nhưng về tài hoa của Tương Như thì không. Ban Trương Phiến thì có tài liệu của Tương Như, nhưng không có bút pháp như thế. Tử Vân thì có bút pháp của Tương Như, nhưng về tinh thần sinh động thì lại không có... Các nhà phê bình các đời sau cứ phanh phui, bắt bẻ như vậy, đến Vương trinh thì có thể nói là hết sức đúng.

Tư Mã Thiên tự là Tử Trường, Người Hà Nội, sinh ở Long Môn, mười tuổi thì học cổ văn, hai mươi tuổi thì đi chơi Ngô Cối ở miền Nam, vượt qua sông Vấn, sông Tứ ở miền Bắc, thăm đất Châu, đất Lỗ, qua Lương, Sở mà về, làm quan với chức Lang trung. Cha tên là Đàm, làm chức Thái sử lệnh, mất khoảng đầu Nguyên Phong. Thiên nối chức cha, khoảng giữa niên hiệu Thiên Hán, Lí Lăng đầu hàng Hung nô, Thiên chứng minh Lăng vô tội, bị giao xuống quan lại xét, bị kết tội dối trên, nhà nghèo không có khả năng chuộc tội, bạn bè không ai cứu giúp, rút cục bị cung hình. Sau khi bị hình phạt như thế thì giã chức Trung thư lệnh, và nhân thế càng phẫn uất, bèn căn cứ theo sách *Tả thị*, sách *Quốc ngữ*, chọn lọc trong sách *Thế bản*, *Chiến quốc sách* thuật lại Hán Sở xuân thu, cuối cùng làm ra bộ *Sử kí* 130 thiên, bắt đầu từ đời Hoàng đế, ở giữa thuật đời Đào Đường, đến Võ đế bắt được Lân trắng thì thôi, có ý tự cho sách mình là kế tục sách *Xuân thu* của Khổng tử. Bạn của Thiên sử Ích châu tên là Nhâm An có đem cái nghĩa hiên thần xưa ra trách ông, ông trả lời rằng:

“... Sở dĩ ẩn nhẫn cố sống, ở giữa phân đất mà không tử là do giận lòng riêng có điều không nói ra hết được, lại lấy làm hổ thẹn về việc trọn đời mà văn chương không trình bày ra được cho đời sau. Từ xưa, giàu sang mà thân danh tiêu ma hết là rất đông, chỉ có những kẻ trác việt phi thường là còn tên tuổi để lại. Ví như Tây Bá bị giam ở Dữu Lí mà diễn sách *Chu dịch*, Trọng Ni bị khốn mà làm sách *Xuân thu*, Khuất Nguyên bị ruồng bỏ mới

làm *Li Tao*, Tả Khâu Minh bị mù mới soạn *Quốc ngữ*, Tôn Tử bị chặt chân sách *Sinh pháp* mới ra đời... Thi ba trăm thiên đại để là của thánh hiền phát phần mà làm ra cả. Ấy, người ta hể trong bụng có uất ức, không thông suốt được đạo của mình, thì mới thuật lại việc đã qua, nghĩ đến kẻ sống sau. Đến như Tả Khâu Minh không mất, Tôn tử bị chặt chân, đời không dùng được nữa mới rút lui mà bàn luận sách vở để cho thư thái nổi lòng; nghĩ đến việc để mớ văn suông lại cho đời sau biết đến. Kẻ đây tớ này trộm thiếu khiếm tốn, vừa rồi nhờ vào cái chữ nghĩa bất tài, tìm kiếm những chuyện cũ bỏ quên trong thiên hạ tham khảo sự việc hiện nay, nghiên cứu cái nghĩa thành bại, thịnh suy, viết ra 130 thiên. Đó cũng do xem xét cái khoảng giữa trời và người, tìm hiểu sự biến đổi xưa và nay, thành ý kiến riêng của một người. Làm chưa xong thì vừa gặp họa này, tiếc công chưa thành cho nên chịu cực hình mà mặt không tỏ sắc giận. Nếu kẻ đây tớ này đã viết xong sách ấy, cất giấu vào trong danh sơn, truyền cho người xứng đáng, rồi họ truyền ra khắp ấp lớn, đô thị to, thì cũng coi như bù đắp được cái nhục cũ, đầu có bị giết, há dám ăn năn gì. Song đó là cái đạo của trí giả, khó ăn nói với kẻ tục nhân...”

Thiên chết rồi, sách mới xuất hiện. Đời Tuyên đế, cháu ngoại ông là Dương Huy mới chép lại, hoàn thành sách của ông mình và công bố. Ban Bưu thì rất không vừa ý, cho là: “Nhật kinh, lược chuyện, phân tán sự việc của một số nhân vật rất đối sơ lược, có khi xúc phạm đến người ta. Được một điều là sự việc tìm kiếm cũng khá rộng, sách viết cũng có quán xuyên kinh truyện, rong ruổi xưa nay, trên dưới đến vài ngàn năm, có thể nói là cần cù siêng năng. Lại nữa, sách bàn phải trái thì sai lầm nhiều so với lời thánh nhân; luận đạo lớn thì để Hoàng lão lên trước, lục kinh xuống sau; kể về du hiệp thì thoái kẻ xử sĩ mà tiến kẻ gian hùng, nói về hóa thực thì đề cao thể lợi mà cho nghèo hèn là đáng khinh bỉ, đó là những điểm thiếu sáng suốt vậy”. Nhà Hán lên, Lục Giả làm sách *Hán Sở xuân thu* nói: “Điều trái phải tuy dựa vào Nho gia làm gốc, song chúc vụ Thái sử nguyên từ Đạo gia mà ra; cha của Tư Mã Thiên là Đàm cũng sùng thượng Hoàng lão, cho nên *Sử kí* tuy có sai lầm về nho thuật, nhưng có thể cho là nổi được cái nghiệp cũ đã cách xa lâu ngày, Huống chi phát phần mà làm sách, ý nghĩa

khá kích động”. Trong thư trả lời Nhâm An có nói: “ông cha của kẻ tôi tớ này không phải có công lao được chẻ phù, phong tước, viết chữ son để lại, chỉ làm cái chức chép sử, xem sao, làm lịch, gần như hạng bói cúng là hạng của chúa thượng dùng để vui đùa, nuôi như nuôi bọn hát cũng là hạng mà thối đời vốn khinh bỉ. Giả sử kẻ tôi tớ này bị tội phải chết, thì chẳng qua như chín trâu mất một sợi lông, so với sáu kiến có khác gì? Tư Mã Thiên giận mình là một bầy tôi dễ đùa cợt, để tâm vào giấy mực, cả thân thể chịu hình phạt nhục nhơ, để lại nghìn lời truyền một kẻ cô đơn không hợp với ai, một con người không trọn vẹn, tuy có trái với cái nghĩa của *Xuân thu*, nhưng vốn không bỏ mất tấm lòng định làm một áng văn tuyệt tác của sử gia, không ai có thể làm hơn được, một Thiên *Ly tao* không vắn. Chỉ một điều là không câu nệ theo phép viết sử, không đóng khung trong câu chữ, buông thả theo con tim mà Mao Khôn nói: “Đọc chuyện du hiệp, thì lập tức muốn coi thường sự sống, đọc chuyện Khuất Nguyên, Giả Nghị thì lập tức muốn trào nước mắt, đọc truyện Trang Chu, Lỗ Trọng Liên thì lập tức muốn vất bỏ cuộc đời, đọc truyện Lí Quảng thì lập tức muốn đứng dậy chiến đấu, đọc truyện Thạch Kiến lập tức muốn cúi mình, đọc truyện Tín Lăng Quân, Bình Nguyên Quân thì lập tức muốn nuôi kẻ sĩ”.

Nhưng *Hán thư* đã nói rằng, *Sử kí* có chỗ khuyết, nên người viết tiếp nổi lên bởi bởi, như bọn Giả tiên sinh, Phùng Thương, Lưu Hâm. *Hán thư* cũng có chỗ từ Lưu Hâm mà ra, cho nên Thôi Thích cho rằng Văn sử kí so với toàn bộ có chỗ trái, so với *Hán thư* có chỗ hợp, đó những chỗ Lưu Hâm viết tiếp thêm vậy. Còn nhiều niên đại xa cách khác nhau chương cú cắt xé ra, thì chắc là do những kẻ càn quấy đời sau thêm vào và những người sao chép viết sai đi mà thôi.

Thiên mạnh về văn mà cũng ưa phú, thích đưa phú vào các liệt truyện. Trong *Giả Nghị truyện*, có đưa vào *Điều Khuất Nguyên phú* và *Phục phú*, còn *Hán thư* thì chép toàn bộ *Trị an sách* mà phú thì không có bài nào. Truyện Tư Mã Tương Như đưa phú vào càng nhiều như *Tử hư phú*, *Thượng lâm phú*, *Ai nhị thế*, *Đại nhân*,... đều được đưa vào cả. Thiên cũng có làm phú, *Hán chí* nói có 8 bài, đến nay chỉ thấy còn có bài *Sĩ bất ngộ phú*, nhưng Hồ Ứng Lân người đời Minh thì cho là của giả.

Đến đời Tuyên đế vẫn tiếp tục chép những mẫu chuyện cũ của Võ đế, giảng giải bàn luận hết các sách Lục nghệ, tìm rộng đến những điều ham muốn kì lạ, mời những người biết làm *Sở từ*. Thế là Lưu Hưởng, Trương Tử Kiều, Hoa Long, Liễu Bao đều bị triệu đến làm chức đãi chiếu kim mã môn. Lại được người Thục là Vương Bao, tự là Tử Uyên, xuống chiếu sai làm bài *Vua Thánh được tôi hiền*. Bao cùng với Trương Tử Kiều đều làm chức đãi chiếu. Bao biết làm phú, tụng, cũng làm Bài văn (hát tụng). Về sau bọn Phương sĩ nói, ở Ích châu có vật quý thuộc thần Kim mã bích kê (ngựa vàng gà ngọc) Tuyên đế xuống chiếu sai Bao đến tế, dọc đường ốm mà chết.

❖ ***Sách tham khảo***

- *Sử kí* (quyển 117, 130);
- *Hán thư* (quyển 57, 62, 64);
- *Trung Quốc đại văn học sử* (tập 3, chương 4 và 5);
- *Chi na học sử cương* (chương 6, tập 3);
- *Chi na văn học chi nghiên cứu*. Linh-Mộc-Hồ-Hùng-Nhật bản, quyển 1.

LƯƠNG DUY TÂM và
LƯƠNG DUY THỨ dịch
Theo Lỗ Tấn, Toàn tập, 1981,
NXB Văn học nhân dân Bắc Kinh

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	5
Phần thứ nhất : Trung Quốc tiểu thuyết sử lược	9
Lời đề	17
Lời tựa	19
Chương 1 : Những trước tác, sao lục cùng những bình luận, lược thuật của sử gia nói về tiểu thuyết	21
Chương 2 : Thần thoại với truyền thuyết	29
Chương 3 : Tiểu thuyết được ghi lại trong văn nghệ chí sách Hán thư	37
Chương 4 : Tiểu thuyết nay còn thấy được của người đời Hán	41
Chương 5 : Sách Quỷ thần chí quái đời Lục Triều (Thượng)	51
Chương 6 : Sách Quỷ thần chí quái đời Lục Triều (Hạ)	61
Chương 7 : Sách Thế thuyết tân ngữ và các sách mở đường kế tiếp nó	67
Chương 8 : Văn chương truyền kỳ đời Đường (Thượng)	77
Chương 9 : Văn chương truyền kỳ đời Đường (Hạ)	87
Chương 10 : Chuyện truyền kỳ đã thành tập cùng các chuyện vặt gọi là tạp trở đời Đường	97

Chương 11	: Chuyện chí quái và chuyện truyền kỳ đời Tống	105
Chương 12	: Thoại bản đời Tống	115
Chương 13	: Phỏng thoại bản đời Tống - Nguyên	125
Chương 14	: Truyện giảng sử từ đời Nguyên - Minh truyền lại (Thượng)	133
Chương 15	: Truyện giảng sử từ đời Nguyên - Minh truyền lại (Hạ)	145
Chương 16	: Tiểu thuyết thần ma đời Minh (Thượng)	159
Chương 17	: Tiểu thuyết thần ma đời Minh (Trung)	167
Chương 18	: Tiểu thuyết thần ma đời Minh (Hạ)	175
Chương 19	: Tiểu thuyết nhân tình thế thái đời Minh (Thượng)	185
Chương 20	: Tiểu thuyết nhân tình thế thái đời Minh (Hạ)	195
Chương 21	: Tiểu thuyết đời Minh mô phỏng tiểu thuyết thị dân đời Tống và các tuyển tập do người đời sau làm	205
Chương 22	: Tiểu thuyết mô phỏng đời Tấn Đường của đời Thanh cùng với các dòng phái của nó	217
Chương 23	: Tiểu thuyết châm biếm đời Thanh	229
Chương 24	: Tiểu thuyết nhân tình thế thái đời Thanh	237
Chương 25	: Việc đời Thanh dùng tiểu thuyết để biết tài năng và học vấn	253
Chương 26	: Tiểu thuyết hiệp tà đời Thanh	269
Chương 27	: Tiểu thuyết hiệp nghĩa và những vụ án nghĩa hiệp đời Thanh	283
Chương 28	: Tiểu thuyết khiển trách cuối đời Thanh	297

	Lời ghi sau	311
	Quá trình diễn biến của lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc	313
Bài giảng thứ I	: Từ thần thoại đến chuyện thần tiên	315
Bài giảng thứ II	: Sách chí quái chí nhân thời lục triều và tác giả của nó	321
Bài giảng thứ III	: Chuyện truyền kỳ đời Đường	327
Bài giảng thứ IV	: Thuyết thoại đời Tống và ảnh hưởng của nó	335
Bài giảng thứ V	: Hai trào lưu lớn và chủ yếu của tiểu thuyết đời Minh	345
Bài giảng thứ VI	: Bốn dòng phái tiểu thuyết đời Thanh và sự tàn tạ của nó	353
Phần thứ hai	: Hán văn học sử cương yếu	363
Phần I	: Từ văn tự đến văn chương	363
Phần II	: Kinh thư và Kinh thi	368
Phần III	: Lão Tử và Trang Tử	376
Phần IV	: Khuất Nguyên và Tống Ngọc	382
Phần V	: Lý Tư	390
Phần VI	: Tiếng Sở trong Hán	392
Phần VII	: Giả Nghị và Triệu Thác	395
Phần VIII	: Văn học các nước Phiên thuộc	399
Phần IX	: Tình hình văn học phồn thịnh thời Võ đế	406
Phần X	: Tư Mã Tương Như và Tư Mã Thiên	412

Lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc

Tác giả : Lỗ Tấn

Dịch giả : Lương Duy Tâm & Lương Duy Thứ

Hiệu đính : Lương Duy Thứ

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Giám đốc NGUYỄN VĂN THỎA
Tổng biên tập NGUYỄN THIÊN GIÁP

Biên tập : NGUYỄN THÚY HẰNG
Trình bày và bìa : Minhtri Design Co.
Sửa bản in : NGỌC ANH

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

144 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT : 9714896 - 9714897 - 7682844 - 9715011

Liên kết xuất bản :

CTY VĂN HÓA MINH TRÍ - NS. VĂN LANG

25 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM

ĐT : 8.242157 - 8233022 - Fax : 84.8.235079

MÃ SỐ : 02.130.ĐL.2002-326.2002

In 1000 cuốn khổ 14.5x20.5cm tại Xưởng in CN Trung Tâm Hội Chợ
Triển Lãm Việt Nam. Số xuất bản 012/326/XB-QLXB do Cục xuất bản
cấp ngày 25.03.2002. Trích ngang kế hoạch xuất bản số 212/KH/XB
ngày 26.8.2002. In xong và nộp lưu chiểu quý 4 năm 2002.



Nhà Sách
VĂN LANG

25 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM

ĐT: 8242157 - 8233022 - FAX: 8235079

9 Phan Đăng Lưu, Q.BT, TP.HCM ĐT: 8413306

E-mail: minhtri.com@hcm.vnn.vn

LƯU SỐ TIÊU THUYẾT TRONG QUỐC



Giá: 47 000 đ